

Dòng Sông Kỳ Bí

Contents

Dòng Sông Kỳ Bí	1
1. Chương 1: Kể Phở Thượng, Người Phở Hạ	2
2. Chương 2: Bốn Ngày	12
3. Chương 3: Lệ Trên Tóc	20
4. Chương 4: Hiếm Khi Ra Ngoài	27
5. Chương 5: Những Tấm Rèm Màu Da Cam	34
6. Chương 6: Con Mòng Biển Bị Gãy Cổ	42
7. Chương 7: Máu	48
8. Chương 8: Bài Hát Old Macdonald	57
9. Chương 9: Người Nhái Ở Kênh Penitentiary	64
10. Chương 10: Bằng Chứng	70
11. Chương 11: Mưa Máu	74
12. Chương 12: Màu Sắc Của Con Người	80
13. Chương 13: Ánh Đèn	88
14. Chương 14: Cảm Xúc Không Có Lần Thứ Hai	98
15. Chương 15: Một Người Hoàn Hảo	112
16. Chương 16: Tôi Cũng Vậy, Rất Vui Được Gặp Lại Cậu	119
17. Chương 17: Hãy Để Mắt Tôi Cậu Ta Một Chút	128
18. Chương 18: Những Lời Đó, Hẳn Đã Từng Nghe	137
19. Chương 19: Kế Hoạch Là Như Thế	146
20. Chương 20: Khi Cô Ấy Trở Về	158
21. Chương 21: Một Lũ Yêu Tinh	166
22. Chương 22: Cá Săn Mồi	173
23. Chương 23: Thằng Nhóc Tên Vince	181
24. Chương 24: Bộ Tộc Bị Cấm Đoán	191
25. Chương 25	201
26. Chương 26: Mất Tích Trong Không Trung	208
27. Chương 27: Yêu Ai?	218
28. Chương 28: Chúng Tôi Sẽ Giữ Cho Cậu Một Chỗ	229

Dòng Sông Kỳ Bí



Giới thiệu

"Tựa như dòng sông mệnh mang, dày đặc chảy trong thành phố, dòng đời cũng dẫn đưa con người qua"

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/dong-song-ky-bi>

1. Chương 1: Kẻ Phố Thượng, Người Phố Hạ

Khi Sean Devin và Jimmy Marcus còn nhỏ, cha họ cùng làm việc tại nhà máy kẹo Coleman và lúc nào cũng trở về nhà với mùi sô cô la nồng nặc. Nó trở thành một thứ mùi đặc trưng, vĩnh viễn bám vào quần áo họ mặc, giường họ ngủ và thậm chí cả lớp đệm trên ghế ô tô. Bếp nhà Sean có mùi giống như một cây kem sô cô la Fudgsicle trong khi buồng tắm thì sực nức mùi kẹo thổi Chew-Chew. Tới năm mười một tuổi thì Sean và Jimmy đã hình thành một mối ác cảm không biên giới đối với các loại kẹo, tới mức sau này cả đời họ chỉ uống cà phê đen và không bao giờ đụng tới các món tráng miệng.

Vào các ngày thứ Bảy, cha của Jimmy thường ghé qua nhà Devine để uống bia với cha Sean. Ông thường mang Jimmy đi cùng và rồi từ một chai bia sẽ nhả thành sáu, cộng với hai, ba quán whisky Dewar, trong khi ấy Jimmy và Sean chơi ngoài sân, đôi khi có thêm Dave Boyle, một thằng bé có đôi mắt ủy mị, tay chân leo khoẻo như con gái, suốt ngày kể những truyện cười nghe được từ các ông chú của nó. Từ bên kia cửa sổ bếp, chúng có thể nghe thấy tiếng mở nút bia xì xoẹt, tiếng cười chốc chốc lại rộ lên, tiếng nắp bật lửa Zippo kêu tanh tách mỗi khi ông Devine và ông Marcus châm thuốc Lucky Strike.

Cha Sean là người có công việc tốt hơn, vì ông là đốc công. Ông có vẻ ngoài cao lớn, nước da trắng, và một nụ cười dễ dãi, phóng khoáng mà Sean đã không ít lần chứng kiến, có thể dập tắt ngay mọi cơn giận dữ của mẹ cậu, cứ đơn giản như là tắt đi một chiếc công tắc. Còn cha của Jimmy là người bốc hàng lên xe tải. Đó là một người nhỏ thó với mái tóc màu sẫm lúc nào cũng rủ trên trán một cách lộn xộn nhưng đôi mắt của ông lại vô cùng sống động. Ông vô cùng hoạt bát, chỉ trong nháy mắt là đã thấy biến sang một góc khác ở trong phòng. Dave Boyle thì có rất nhiều chú, nhưng không có cha và lý do duy nhất khiến thằng bé xuất hiện ở đây vào những ngày thứ Bảy như thế này là nhờ biết cách dính như keo vào Jimmy: nó để ý lúc cha con Jimmy rời khỏi nhà để xuất hiện bên cạnh xe ô tô của họ và hỏn hển gọi, "Cậu đi đâu đấy, Jimmy?" với một vẻ hy vọng nào nề.

Tất cả bọn họ đều sống ở khu East Buckingham, ngay phía Tây của trung tâm thành phố, một khu dân cư với những cửa hàng chật chội nơi góc phố, những sân chơi nhỏ xíu và những cửa hàng thịt treo bán những tảng thịt còn đỏ máu. Các quán bar ở đây đều có tên gốc Ailen với những chiếc xe Dodge Dart đỗ bên ngoài. Phụ nữ thường dùng khăn mùi soa cột tóc lại sau gáy và mang những chiếc bóp giả da để đựng thuốc lá. Cho tới vài năm trước đây, hầu như mọi thanh niên trong khu phố đều bị túm đi lính, cứ như là có tàu vũ trụ tới hút họ đi và ném thẳng ra chiến trường. Họ trở về cứ như người mất hồn, mặt mũi sưng sía hàng năm trời, có khi lâu hơn và cũng có những người không bao giờ trở lại. Ban ngày, các bà mẹ lục báo tìm tem phiếu giảm giá. Ban đêm, các ông bố tìm tới các quán bar. Tất cả mọi người đều biết nhau, chả người nào nỡ bỏ chốn này mà đi, trừ những cậu thanh niên ra trận mà không trở về.

Jimmy và Dave ở khu phố Hạ, dưới con kênh Penitentiary, phía Nam đại lộ Buckingham, chỉ cách phố nhà Sean mười hai khu nhà nhưng nhà Devine lại nằm ở phía Bắc của đại lộ, thuộc về khu phố Thượng mà khu Thượng và khu Hạ vốn không thể đánh đồng.

Nói thế không phải là khu Thượng có những đường phố dát vàng lấp lánh và thìa bạc rải khắp nơi. Người ở khu Thượng cũng là giai cấp lao động, công nhân cổ xanh sống trong những ngôi nhà khung chữ A đơn giản thi thoảng lại xen kẽ một biệt thự nhỏ kiểu Victoria với những chiếc xe Chevy, Ford hay Dodge đỗ bên ngoài. Nhưng người ở khu Thượng sở hữu nhà. Còn người ở khu Hạ ở nhà thuê. Các gia đình ở khu Thượng đều đều đi lễ nhà thờ, sống co cụm lại với nhau, dựng lên những biển hiệu ở góc phố trong mùa bầu cử. Người ở khu Hạ, chẳng ai biết họ làm gì, đôi khi sống như súc vật, mười người nhét trong một căn hộ, xả rác ra đường phố. Dân Xóm Welliveville, Sean và các bạn học của cậu ở trường Saint Mike vẫn dùng từ đó để chỉ các gia đình sống nhờ vào trợ cấp xã hội, bố mẹ thì ly dị, con cái thì gửi vào các trường công lập. Thế cho nên trong khi Sean đi học ở trường cấp hai Saint Mike trong đồng phục quần trắng, sơ mi xanh, cà vạt đen thì Jimmy và Dave phải học ở trường Lewis M.Dewey trên phố Blaxston. Trẻ con ở trường này có thể ăn mặc thoải mái, nghe thì có vẻ hấp dẫn nhưng sự thực là chúng thường mặc nguyên một bộ trong suốt ba hay năm ngày liền không thay đổi. Cả người chúng trông nhờn nhờn, từ tóc tai, da dẻ, cho tới cổ và tay áo. Rất nhiều cậu trai mặt đỏ mưng đã bỏ học từ rất sớm và vài cô gái mặc váy bầu tới dự lễ tốt nghiệp.

Như vậy nếu không phải là do cha chúng thì có lẽ bọn trẻ sẽ chẳng bao giờ chơi với nhau. Trong tuần chúng cũng không qua lại với nhau trừ những ngày thứ Bảy, những ngày thứ Bảy đặc biệt, chúng cùng chơi ở sân sau hoặc đi lang thang qua những bãi sỏi dưới phố Harvest, bắt tàu điện ngầm vào trung tâm thành phố, chẳng để thăm thú gì mà chỉ để tận hưởng cảm giác được xuyên qua những đường hầm tối om giữa âm thanh rung chuyển của đường ray, của tiếng phanh nghiêng khi những toa tàu quẹo góc, dưới những ánh đèn lóe lên rồi lại chợt tắt mà đối với Sean giống như cả thế giới đang nín thở. Bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy đến khi ở cùng với Jimmy. Nếu thằng bé có nhận thức được rằng luật lệ tồn tại ở khắp nơi, dưới tàu điện ngầm, trên phố hay trong rạp chiếu phim thì nó cũng giả vờ như không biết.

Một lần bọn chúng đang chơi ở ga phía Nam, ném qua ném lại một trái banh hockey màu cam trên sân ga thì Jimmy đỡ trượt cú liệng của Sean khiến quả bóng rơi xuống đường ray. Trước khi Sean kịp nghĩ tới việc Jimmy có thể nảy ra ý định đó thì cậu ta đã nhảy khỏi sân ga xuống giữa hai đường ray với đám chuột cống, chuột nhắt và thanh ray cấp điện. Mọi người trên sân ga dường như muốn phát điên. Họ gào thét sau lưng Jimmy. Một người phụ nữ mặt trở nên xám ngoét như tàn thuốc lá khuyu gổ xuống la lớn, Quay lại ngay, quay lại đây ngay, đồ chết tiệt! Sean nghe thấy một âm thanh chuyển động rùng rùng, có thể là của chuyến tàu đang vào tới đường hầm ở phố Washington hay của những chiếc xe tải chạy ở phía trên mặt đất, những người ở trong sân ga cũng vậy. Họ khua chân múa tay, nghiêng ngó khắp nơi tìm bóng dáng cảnh sát. Một người đàn ông còn lấy tay che mắt con gái mình lại.

Jimmy vẫn cúi đầu, nhìn chăm chú vào khoảng tối dưới sân ga để tìm quả bóng. Cuối cùng nó cũng tìm được và nhả nhả dùng tay áo lau đi vết bụi bẩn bám trên đó, phớt lờ đám người đang quỳ trước vết vôi màu vàng an toàn trên sân ga, thò tay xuống phía đường ray vấy nó.

Dave huých vai Sean kêu lên, “Kinh quá nhỉ?”

Jimmy vẫn thản nhiên đi giữa các đường ray về phía cầu thang cuối sân ga nơi đường hầm há miệng tối om và rồi một âm thanh lớn vang lên, làm rung chuyển cả sân ga khiến hết thảy mọi người đều nhảy chồm lên vì sốt ruột, tay nắm thành thịch vào hai bên mạng sườn. Jimmy vẫn nhả nhả, cứ như là đang đi dạo mát, rồi quay đầu lại nhìn, bắt gặp ánh mắt của Sean liền toét miệng ra cười.

“Cậu lại còn cười được chứ. Đứng là thằng điên.”

Khi Jimmy đặt chân lên bậc thang xi măng đầu tiên, nhiều cánh tay đã thò xuống lôi nó lên. Sean thấy hai bàn chân của Jimmy đung đưa về phía bên trái, đầu thì gục xuống và ngoẹo sang phải, trông nó nhỏ xíu và nhẹ bẫng trong cánh tay của một người đàn ông lực lưỡng, giống như một con rối làm bằng rơm, nhưng Jimmy vẫn siết chặt quả bóng trước ngực ngay cả khi mọi người tóm lấy khuỷu tay cậu ta mặc cho hai cẳng chân va vào tường. Sean cảm nhận được Dave đang hốt hoảng đi bên cạnh cậu, không nói nên lời. Sean nhìn mặt những người vừa kéo Jimmy lên khỏi đường ray và không tìm thấy bất cứ nét lo âu, sợ hãi nào, không còn bất kỳ dấu vết nào của sự tuyệt vọng mà cậu vừa chứng kiến chỉ một phút trước đó. Cậu chỉ thấy những cơn thịnh nộ, những khuôn mặt hung dữ, cau có, đầy vẻ man rợ như chục cầu xé Jimmy ra từng mảnh nhỏ rồi dần cho thằng bé một trận nhừ tử.

Họ lôi Jimmy lên sân ga, giữ lấy thằng bé, những ngón tay bấu vào vai nó và nhìn quanh quẩn như chờ đợi ai đó nói cho họ biết phải làm gì tiếp theo. Đoàn tàu lao vào đường hầm, ai đó hét lên, rồi sau đó lại có

tiếng cười lạnh lạnh, cái điệu cười chói tai đó khiến Sean nghĩ tới một đám phù thủy đang vây quanh một cái chảo làm phép vì khi đoàn tàu tiến vào phía bên kia nhà ga và tiếp tục chạy theo hướng Bắc, Jimmy ngẩng lên nhìn vào mặt những người đang giữ lấy cậu như muốn nói, Chẳng sao cả, thấy chưa?

Cạnh Sean, Dave phá ra cười the thé rồi bưng hai tay lên và nôn ọe vào đó.

Sean nhìn sang chỗ khác và tự hỏi không hiểu vai trò của cậu là ở đâu trong cả câu chuyện này.

Đêm đó, cha Sean bắt cậu ngồi lại trong phòng để đồ ở tầng hầm. Đó là nơi chứa đầy những chiếc mốp kẹp ê tô màu đen, những vỏ hộp cà phê đựng đinh và ốc vít, những chồng gỗ xếp gọn gàng phía dưới chiếc tủ quầy để đồ nghề sắt seو ngăn cản phòng ra làm hai, những chiếc búa gài trên những tấm thất lưng thợ mộc trông giống súng giắt trong bao, một lưỡi cưa dài lủng lẳng trên móc. Đây là nơi mà cha Sean, thường nhận các công việc sửa chữa vặt trong khu phố dùng để đóng các chuồng chim cho mình và những chiếc kệ để bày hoa trên cửa sổ cho bà vợ. Đây cũng là nơi ông dự định làm lại cánh cổng đằng sau nhà, một ý tưởng mà ông và các bạn ông nghĩ ra vào một mùa hè nóng bỏng khi Sean năm tuổi và đây cũng là nơi ông đến mỗi khi cần được thanh thoi yên tĩnh một mình, hay khi ông đang giận dữ, điều này Sean cũng biết, hoặc là giận Sean, mẹ cậu hoặc là chính công việc của ông. Những chiếc chuồng chim - mô hình thu nhỏ của các kiểu kiến trúc thời Tudor và thuộc địa, hay kiểu Victoria và nhà gỗ trên núi của Thụy Sĩ - chất đống trong một góc phòng, nhiều tới mức để dùng hết chúng, có lẽ họ phải chuyển tới sống trong rừng Amazon thì mới tìm ra đủ chim để nhốt vào.

Sean ngồi trên chiếc ghế đầu cũ kỹ màu đỏ, loại thường hay để cạnh quầy bar và thò tay vào bên trong chiếc mốp kẹp màu đen nặng trĩu, chạm vào lớp dầu máy và bụi bám kết trong đó cho tới khi cha cậu bảo, “Sean, bố phải nói con bao nhiêu lần nữa hả?”

Nghe thế Sean mới rút tay ra và chùi lớp dầu mỡ vào lòng bàn tay.

Cha cậu nhặt mấy chiếc đinh rơi ra trên nóc quầy, bỏ chúng vào một hộp đựng cà phê màu đen. “Bố biết là con thích Jimmy Marcus nhưng nếu từ giờ trở đi hai đứa muốn chơi cùng với nhau thì sẽ phải chơi ở quanh quần gần nhà. Nhà mình chứ không phải nhà cậu ta, nghe chưa?”

Sean gật đầu. Tranh cãi với cha cậu chỉ vô ích khi ông đang nói một cách từ tốn và chậm rãi như lúc này, như thể mỗi từ thoát ra đều đeo thêm một tảng đá nặng.

“Chúng ta hiểu ý nhau chứ?” Cha cậu đặt chiếc hộp cà phê xuống phía bên phải và nhìn Sean.

Sean gật đầu. Cậu nhìn những ngón tay to lớn của cha phủ lớp bụi trên nắp hộp.

“Trong bao lâu ạ?”

Cha cậu với tay lôi một mẩu bụi bám trên một chiếc móc ở trần nhà, lấy mấy ngón tay vân vê rồi ném vào thùng rác dưới quầy. “Ồi, cũng phải một thời gian, bố nghĩ vậy. Mà Sean này?”

“Vâng, thưa bố?”

“Đừng có nghĩ tới việc nịnh nọt mẹ con về chuyện này. Bà ấy chẳng bao giờ muốn con gặp lại Jimmy nữa sau pha mạo hiểm ngày hôm nay.”

“Cậu ấy cũng không tệ tới mức đó. Cậu ấy...”

“Bố không nói nó là một đứa tệ. Nó chỉ là một đứa ngông cuồng, mà mẹ con thì rất ớn mấy thứ đó.”

Sean nhìn thấy mặt cha cậu bỗng bừng lóe sáng khi ông nhắc tới từ “ngông cuồng” và cậu hiểu rằng lúc đó cậu đang đối diện với một Billy Devine khác, một Billy Devine mà cậu hình dung ra từ những mẩu đối thoại cốp nhặt, nghe được từ cô dì chú bác. Billy của ngày xưa, họ gọi ông như thế, họ đặt cho ông một biệt hiệu là “cậu chàng thích gây sự”, chú Colm có lần vừa cười vừa nhắc lại, cái gã Billy Devine ấy đã biến mất không lâu trước khi Sean ra đời và thay vào đó là người đàn ông trầm lặng, cẩn thận với những ngón tay to lớn và nhanh nhẹn đã làm không biết bao nhiêu cái chuồng chim này.

“Hãy nhớ những gì chúng ta vừa nói,” cha cậu nói và vỗ lên vai Sean, ra hiệu câu chuyện đã kết thúc.

Sean rời khỏi phòng để đồ, vừa đi trong tầng hầm lạnh lẽo vừa tự hỏi không hiểu điều khiến cậu thích thú làm bạn với Jimmy có giống như việc cha cậu thích giao du với ông Marcus, cùng nhậu nhẹt từ thứ Bảy

sang Chủ nhật, rồi cứ đột nhiên cười phá lên một cách âm ỉ, và phải chăng đó cũng chính là điều khiến mẹ cậu lo sợ.

Vài tuần trôi qua, một hôm thứ Bảy, Jimmy và Dave Boyle tới nhà Devine mà không có cha của Jimmy đi cùng. Hai đứa gõ cửa sau đúng lúc Sean vừa kết thúc bữa sáng. Sean nghe tiếng mẹ cậu ra mở cửa và nói, “Chào buổi sáng Jimmy, chào buổi sáng Dave” bằng cái giọng lịch sự rất xã giao bà thường hay dùng với những người mà bà thường phân vân không biết có nên qua lại hay không.

Hôm nay Jimmy có vẻ trầm lặng. Nguồn năng lượng hùng hực thường ngày dường như bị phong kín. Sean gần như có thể nhận thấy thứ năng lượng ấy đang giãy giụa giữa những bức tường thành bên trong lồng ngực Jimmy và cậu ta đang cố phong tỏa chúng. Trông cậu ta nhỏ bé và rầu rĩ hẳn đi như một thằng nhóc đang bị gai chích. Sean đã từng chứng kiến cảnh này trước đây. Ở Jimmy luôn có cái gì đó rất tâm trạng khiến Sean vẫn thường tự hỏi không biết cậu ta có khả năng điều chỉnh sự u uất đó hay không, hay là nó lại giống như một cơn đau họng và những người họ hàng của mẹ, cứ đột ngột xuất hiện mà không cần biết liệu chủ nhà có muốn đón tiếp.

Những lúc Jimmy như thế thì Dave Boyle lại càng chứng tỏ khả năng thêm dầu vào lửa của mình. Có vẻ như cậu ta tự nhận mình có nhiệm vụ làm cho người khác vui vẻ nhưng hậu quả lại thường chỉ khiến đối tượng thêm bức bối.

Trong lúc chúng đứng đó trên vỉa hè chưa biết phải làm gì thì Jimmy vẫn chìm đắm trong thế giới của riêng cậu ta còn Sean thì chưa tỉnh ngủ. Cả ba đứa đều uể oải nghĩ tới viễn cảnh cả một ngày chỉ được phép chơi bởi trong phạm vi khu phố của Sean. Dave lên tiếng trước, bảo, “Này, tại sao chó lại liếm hai hòn bi của nó?”

Cả Sean và Jimmy đều chẳng buồn trả lời. Chúng đã nghe câu hỏi này có lẽ đến lần thứ một nghìn rồi cũng nên.

“Vì nó có thể!” Dave Boyle cười ré lên rồi ôm lấy bụng cứ như thể cậu ta buồn cười tới đau cả ruột.

Jimmy bước về phía các cột trụ chắn đường mà người ta đặt xung quanh khu vực vỉa hè đang được thay gạch lát. Đội thi công đã căng dải băng màu vàng cấm xâm phạm quanh bốn cột trụ chắn tạo thành một hình chữ nhật để bảo vệ những tấm gạch lát mới nhưng Jimmy vẫn thản nhiên đi qua khiến dải băng đứt phụt. Rồi cậu ta ngồi xổm xuống mép đường, đôi giày vải hiệu Ked đặt lên phần vỉa hè cũ, và dùng một cái que vẽ lên lớp xi măng còn mềm xốp những đường thanh thanh khiến Sean liên tưởng tới những ngón tay của người già.

“Bố tớ không còn làm chung với bố cậu nữa.”

“Sao thế?” Sean ngồi xổm xuống bên cạnh Jimmy. Cậu không có cái que nào dù cậu rất muốn. Cậu những mong làm giống như Jimmy mà không hiểu tại sao mình lại có ý định đó trong khi thừa biết nếu làm vậy thì cha cậu sẽ quát cho cậu quần đất.

Jimmy chỉ nhún vai nói, “Vì ông ấy thông minh hơn họ. Ông ấy làm cho họ sợ vì ông ấy biết quá nhiều thứ.”

“Những thứ rất hoành tráng!” Dave Boyle chen vào. “Phải không, Jimmy?”

Phải không, Jimmy? Phải không, Jimmy? Đôi khi Dave giống hệt một con vẹt.

Sean tự hỏi không hiểu một người có thể hiểu biết về bánh kẹo tới mức độ nào và tại sao điều đó lại được coi là quan trọng. “Là thứ gì mới được chứ?”

“Như làm sao điều hành công việc tốt hơn.” Jimmy nói, vẻ không được chắc chắn cho lắm rồi nhún vai kết luận. “Nói chung là nhiều thứ, những thứ quan trọng.”

“Ồ.”

“Làm sao điều hành công việc tốt hơn. Phải thế không, Jimmy?”

Jimmy tiếp tục vẽ lên nền xi măng. Dave Boyle đã tìm được một cái que và chúm đầu xuống xi măng để vẽ một hình tròn. Jimmy nhàu mày, vứt cái que của mình sang một bên. Dave ngừng vẽ, nhìn sang Jimmy như

muốn hỏi, Tôi phải làm gì đây?

“Biết có trò gì hay không?” Giọng nói chợt trở nên phấn khích của Jimmy khiến máu trong người Sean như sôi lên vì cái gọi là “hay” của Jimmy thường rất khác người.

“Trò gì cơ?”

“Lái xe ô tô.”

“Cũng được.” Sean từ tốn trả lời.

“Các cậu biết không,” Jimmy giơ hai tay lên chỉ ra xung quanh, lập tức quên bằng cái que và những nét vẽ nguệch ngoạc trên lớp xi măng mới và bảo, “chỉ cần đi quanh đây nhà thôi.”

“Chỉ cần đi quanh đây nhà thôi,” Sean nói.

“Hơi bị hay đấy, nhỉ?” Jimmy nói và cười toét miệng.

Sean cảm thấy mặt cậu giãn ra và bùng lên một nụ cười. “Hay đấy!”

“Phải nói là hay chưa từng thấy.” Jimmy nói rồi co một chân nhảy căng lên. Cậu ta nhướn mày về phía Sean rồi lại nhảy căng lên lần nữa.

“Đúng là sẽ rất hay.” Sean có cảm giác như chiếc vô lăng to sù đã nằm trong tay cậu.

“Chuẩn chuẩn chuẩn.” Jimmy nói và đâm vào vai Sean.

“Chuẩn chuẩn chuẩn.” Sean thụi lại vào vai Jimmy, có cái gì đó đang dâng trào trong người cậu, dồn dập gấp gáp, khiến mọi thứ đều trở nên tươi sáng, hối hả.

“Chuẩn chuẩn chuẩn.” Dave nhại lại nhưng cú đâm của cậu ta không trúng vào vai Jimmy.

Trong chốc lát, Sean quên bằng mất là Dave cũng đang ở đó. Chuyện này vẫn hay thường xảy ra với Dave. Sean cũng không biết là tại sao nữa.

“Hay đếch chịu được!” Jimmy cười to và lại nhảy căng lên.

Còn Sean thì đã lập tức hình dung ra cảnh đó. Hai đứa bọn cậu ngồi ở ghế trước (Dave ngồi phía sau giả sử như cậu ta có mặt ở đó) và chiếc xe chuyển động, hai đứa trẻ mười một tuổi lái xe đi quanh Buckingham, bóp còi inh ỏi khi nhìn thấy bạn, khiêu khích những đứa lớn hơn trên đại lộ Dunboy đua theo, mài lớp xe kin kít trên đường và thải ra những đám khói dày đặc. Cậu còn cảm thấy cả lớp không khí tràn qua cửa xe lùa vào tóc cậu.

Jimmy nhìn ra phố và hỏi, “Cậu biết ai ở phố này để chìa khóa trong xe không?”

Sean biết. Ông Griffin để chìa khóa dưới ghế, Dottie Fiore cất trong hộp đựng găng còn ông già Makowski say xỉn, ngày cũng như đêm lúc nào cũng bật Sinatra âm ỉ thì đa phần để luôn chìa trong ổ khóa.

Nhưng khi nhìn theo ánh mắt của Jimmy, lựa ra những chiếc xe mà cậu biết là có chìa khóa, cậu chợt thấy một cơn đau mù mịt dâng lên đằng sau mắt và dưới thứ ánh mặt trời gay gắt đang nhảy nhót trên những mũi và thùng xe, cậu có thể cảm nhận được gánh nặng và sự mong đợi của cả dãy phố, của những ngôi nhà, của cả khu Thượng đối với cậu. Cậu sẽ là một đứa đi trộm xe. Cậu là một đứa trẻ tương lai sẽ vào đại học, trở thành một người xuất sắc hơn, quan trọng hơn là một viên đốc công hay một phu bốc dỡ. Kế hoạch đã được sắp sẵn như thế và Sean cũng tin rằng nếu cẩn thận và có ý thức thì kế hoạch sẽ diễn ra suôn sẻ. Giống như phải ngồi xem từ đầu đến cuối một bộ phim cho dù nó có tẻ nhạt hay khó hiểu tới mức nào đi nữa. Vì đôi khi tới cuối phim các nút thắt sẽ được mở ra hay một kết thúc hợp lý sẽ khiến người ta cảm thấy bỏ công theo dõi cả một bộ phim.

Cậu ta toan bảo Jimmy điều đó nhưng cậu ta đã đi lên đầu phố và nhòm vào các cửa xe, Dave chạy bên cạnh.

“Chiếc này thì sao?” Jimmy đặt tay lên chiếc Bel Air của ông Carlton, giọng âm vang trong gió.

“Jimmy này,” Sean bước tới và bảo, “có lẽ dễ lần khác. Được không?”

Mặt Jimmy xỉ xuống và cau lại. “Ý cậu là sao? Chúng ta sẽ làm ngay bây giờ. Trò này rất hay. Hay đêch chịu được! Nhớ đã nói gì không?”

“Hay đêch chịu được,” Dave nhại lại.

“Chúng ta thậm chí không nhìn được cao hơn bằng điều khiển.”

“Kê danh bạ điện thoại dưới móng.” Jimmy cười tươi trong nắng. “Lấy chúng ở nhà cậu ấy.”

“Danh bạ điện thoại,” Dave nói, “Ừ đúng!”

Sean giơ cả hai tay lên để phản đối. “Thôi mà. Không được.”

Nụ cười tắt ngấm trên mặt Jimmy. Cậu ta nhìn hai cánh tay đang giơ lên của Sean như muốn cắt cụt chúng từ khuỷu trở xuống. “Sao cậu không thử làm chuyện gì đó hay ho nhỉ?” Cậu ta nói và xoay nắm cửa chiếc Bel Air nhưng nó đã bị khóa. Hai má Jimmy khê giật giật, môi dưới của cậu ta rung lên và cậu ta quay sang nhìn Sean với một vẻ cô đơn hoang dại khiến Sean cảm thấy thương hại.

Dave nhìn Jimmy rồi quay sang nhìn Sean. Tay cậu ta lóng ngóng vung lên đập trúng vai của Sean. “Đúng thế, sao mà cậu lại không muốn làm những trò hay ho chứ?”

Sean không tin nổi rằng Dave vừa giơ tay đánh cậu. Chính là Dave.

Cậu liền thụi một phát vào giữa ngực Dave khiến cậu ta ngã ngửa ra.

Jimmy đẩy Sean một phát. “Cậu đang làm cái quái gì thế?”

“Cậu ta đánh tớ trước,” Sean nói.

“Cậu ấy không đánh cậu,” Jimmy bảo.

Mắt Sean mở to vì kinh ngạc trong khi Jimmy nhại lại những lời cậu vừa nói.

“Cậu ta đánh tớ trước.”

“Cậu ta đánh tớ trước,” Jimmy giả giọng con gái nhại lại rồi xô Sean thêm một cái nữa và bảo, “Cậu ấy là bạn của thằng này đấy nhé!”

“Tớ cũng vậy, tớ cũng là bạn cậu đấy thôi,” Sean nói.

“Tớ cũng vậy,” Jimmy tiếp tục lải nhải. “Tớ cũng vậy, tớ cũng vậy, tớ cũng vậy.”

Dave Boyle đứng dậy, cười âm lên. “Thôi đi,” Sean nói.

“Thôi đi, thôi đi, thôi đi.” Jimmy lại đẩy Sean một lần nữa, cùi chỏ của cậu ta tì vào sườn Sean. “Cậu muốn gây sự với tớ đấy hả? Cậu muốn gây sự với tớ phải không?”

“Cậu muốn gây sự với cậu ấy hả?” Giờ tới lượt Dave xô Sean một cái.

Sean không hiểu tại sao mọi chuyện lại ra nông nổi này. Cậu không thể nhớ nổi điều gì đã khiến Jimmy trở nên giận dữ hay vì nguyên cớ nào mà Dave lại ngốc đến nỗi ra tay với cậu trước. Một giây trước ba đứa cùng đứng cạnh chiếc xe hơi. Giờ thì cả ba đã ra tới giữa phố, Jimmy liên tục xô đẩy cậu, mặt hầm hầm, cau có, hai mắt tối sầm lại, nhỏ xíu, Dave cũng đã bắt đầu vào cuộc.

“Tiếp tục đi. Gây sự xem nào.”

“Tớ không...”

Lại một cú xô nữa. “Ra tay đi nào, đồ con gái.”

“Jimmy, chúng ta có thể chỉ...”

“Không. Không được. Sean này, cậu đúng là cái đồ mít ướt! Phải không?”

Cậu ta lại đẩy Sean một cái rồi đột ngột dừng lại và cái vẻ cô đơn hoang dại (đượm cả một nỗi sợ mà Sean chợt nhận thấy) hằn rõ trên gương mặt Jimmy khi cậu ta nhìn ra phía đằng sau Sean và phát hiện ra cái gì đó đang tiến lại gần bọn họ.

Đó là một chiếc ô tô màu nâu sẫm, dài và vuông vức như kiểu các thanh tra cảnh sát hay sử dụng, một chiếc Plymouth hay đại loại như thế. Tầm chắn phía trước của chiếc ô tô dừng lại ngay trước chân chúng và hai viên cảnh sát quan sát bọn trẻ qua lớp kính chắn gió, bóng cây phản chiếu trên gương khiến mặt họ trông mờ mờ.

Sean có cảm giác như không khí của buổi sáng hôm đó bỗng nhiên thay đổi một cách đột ngột.

Người tài xế bước ra khỏi xe. Trông ông ta giống như một nhân viên cảnh sát tóc vàng húi cua, mặt đỏ gay, áo sơ mi trắng, cà vạt vải bóng sọc vàng và đen, cái bụng phệ của ông ta phòi ra ngoài thắt lưng như một chồng bánh kếp. Còn người kia trông như đang ốm. Đó là một người gầy gò, đáng vẻ mệt mỏi. Ông ta vẫn ngồi nguyên tại chỗ, một tay ôm đầu, mái tóc dầu đen nhờn và nhìn chằm chằm qua gương chiếu hậu vào ba đứa bé đang tiến lại gần cửa. Bên lái.

Người đàn ông to béo chỉ tay về phía bọn trẻ rồi ngoắc chúng lại gần cho tới khi chúng dừng lại trước mặt ông ta. “Hãy để ta hỏi mấy đứa vài câu nhé?” Ông ta cúi gập người xuống và cái đầu bự của ông ta che hết tầm nhìn của Sean. “Các cậu nghĩ là có thể thoải mái đánh nhau giữa phố hay sao?”

Sean để ý thấy phía bên phải trên thắt lưng của ông ta có cài một chiếc phù hiệu màu vàng.

“Nói xem nào?” Viên cảnh sát lấy một tay chụm lại sau tai như muốn nghe chúng trả lời thật rõ.

“Không ạ!”

“Không ạ!”

“Không ạ!”

“Chúng mày là một đám du côn, phải không?” Ông ta ngoắc ngón tay trở mập mập của mình về phía người đàn ông ngồi trong xe rồi nói tiếp, “Tao và đồng nghiệp của tao đã quá ngán những đám du côn hoành hành ở East Bucky như chúng mày, làm những người tử tế khác sợ không dám ra đường nữa. Biết chưa?”

Sean và Jimmy không nói gì.

“Chúng cháu xin lỗi,” Dave Boyle nói và trông như sắp sửa bật khóc tới nơi.

“Chúng mày là trẻ con ở phố này hả?” viên cảnh sát to béo hỏi. Mắt ông ta sầm soi từng căn nhà ở dãy phố bên trái như thể ông ta biết hết người dân ở đây và sẽ bắt cả ba đứa về đồn nếu chúng nói dối.

“Ừm,” Jimmy nói và quay ra nhìn về phía nhà của Sean.

“Vâng ạ,” Sean nói.

Chỉ Dave là không lên tiếng.

Viên cảnh sát nhìn nó và hỏi. “Hả? Chú mày nói gì?”

“Nói gì?” Dave nhìn Jimmy.

“Đừng có nhìn nó. Nhìn tao đây này.”

Viên cảnh sát béo thở hồng hộc qua đường mũi. “Chú mày có sống ở đây không?”

“Hả? Không.”

“Không à?” Viên cảnh sát cúi xuống Dave.

“Thế mày sống ở đâu hả con giai?”

“Phố Rester.” Dave trả lời, mắt vẫn nhìn Jimmy.

“Xóm ổ chuột ở khu Hạ?” Đôi môi đỏ sẫm màu sơ ri của viên cảnh sát trề ra như thể ông ta đang ngậm kẹo mút. “Thật chả hay ho chút nào phải không?”

“Gì cơ ạ?”

“Mẹ mày có ở nhà không?”

“Dạ có ạ.” Một dòng nước mắt trào xuống má Dave khiến Sean và Jimmy phải quay mặt đi.

“Thôi được rồi, chúng ta sẽ nói chuyện với bà ấy, bảo cho bà ấy biết đứa con trai lêu lổng của bà định giở trò gì.”

“Cháu không... cháu không...” Dave bắt đầu khóc sụt sùi.

“Lên xe.” Viên cảnh sát mở cánh cửa sau và Sean ngửi thấy sộc lên mùi men táo, một hương vị rất đặc trưng của tháng Mười.

Dave lại nhìn sang Jimmy.

“Lên xe,” viên cảnh sát ra lệnh. “Hay muốn tao còng tay lại?”

“Cháu...”

“Gì nữa?” Viên cảnh sát có vẻ bức mình. Ông ta đập tay lên cửa xe và bảo, “Mày có lên xe ngay không thì bảo.”

Dave rên rỉ trèo vào ghế sau.

Viên cảnh sát giơ một ngón tay ú nắn chỉ vào Jimmy và Sean. “Về khai với mẹ hai đứa định giở trò gì. Và đừng có để tao bắt gặp hai đứa du côn chúng mày đánh nhau trong khu vực của tao lần nữa.”

Jimmy và Sean lùi lại để viên cảnh sát chui vào xe và lái đi. Chúng nhìn theo cho tới khi chiếc xe đi tới góc phố và rẽ phải, gương mặt của Dave ngày càng xa dần và mờ đi, vẫn không thôi nhìn về phía chúng. Và rồi con phố lại vắng hoe, như thể tiếng sập cửa lúc trước của chiếc xe ô tô đã khiến nó trở nên câm lặng. Jimmy và Sean đứng vào chỗ chiếc xe lúc trước, nhìn xuống chân mình rồi nhìn quanh quẩn, xuôi ngược khắp phố, chỉ không nhìn vào mặt nhau.

Sean lại có cái cảm giác nôn nao lúc trước, thêm vào cái vị lạ lẫm trong miệng như thể cậu đang phải ngậm những đồng xu bẩn. Bụng thì cồn cào như có một cái thìa đang nạo hết mọi thứ ở bên trong.

Và rồi Jimmy lên tiếng. “Chính là do cậu gây chuyện trước.”

“Là cậu ta gây chuyện trước.”

“Là cậu thì có. Giờ thì cậu ấy tiêu rồi. Đầu óc mẹ cậu ấy không bình thường. Không hiểu bà ta sẽ làm gì khi thấy cậu ấy bị hai cảnh sát áp giải về nhà.”

“Tớ không phải là người khơi mào.”

Jimmy đẩy Sean nhưng lần này Sean xô lại và rồi cả hai đứa vừa lăn lộn dưới đất vừa dấm đá nhau.

“Này!”

Sean rời khỏi Jimmy, cả hai đứa lật đật đứng dậy, cứ tưởng là lại bị hai viên cảnh sát lúc này bắt quả tang nhưng chỉ thấy ông Devine đang tiến về phía chúng.

“Hai đứa đang làm cái quái quỷ gì vậy?”

“Không có gì ạ.”

“Không có gì? Cha Sean cau mày khi bước tới gần vệ đường. “Đừng đứng ở giữa phố như thế.”

Hai đứa liền leo lên vỉa hè bên cạnh ông.

“Không phải là có ba đứa chơi với nhau sao?” Ông Devine nhìn quanh. “Dave đâu rồi?”

“Gì cơ ạ?”

“Dave.” Cha Sean nhìn cậu và Jimmy. “Không phải là Dave chơi với hai đứa sao?”

“Bọn con đánh nhau.”

“Gì cơ?”

“Bọn con đang đánh nhau thì cảnh sát xuất hiện.”

“Khi nào vậy?”

“Khoảng năm phút trước ạ.”

“Thôi được rồi. Vậy là cảnh sát xuất hiện.”

“Và họ mang Dave đi.”

Cha Sean nhìn khắp phố một lần nữa rồi hỏi. “Họ làm gì cơ? Họ mang nó đi á?”

“Mang cậu ấy về nhà. Cháu nói dối. Cháu bảo là cháu sống ở đây. Dave thì bảo là cậu ấy sống ở khu Hạ nên họ...”

“Hai đứa đang nói gì vậy? Sean, hai viên cảnh sát đó trông thế nào?”

“Gì cơ ạ?”

“Họ có mặc đồng phục cảnh sát không?”

“Không. Không ạ, họ...”

“Thế sao hai đứa biết đó là cảnh sát?”

“Con không biết. Nhưng họ...”

“Họ làm sao?”

Ông ta có một cái phù hiệu,” Jimmy lên tiếng. “Cài ở thắt lưng.”

“Phù hiệu gì?”

“Hình như mạ vàng?”

“Thôi được. Nhưng trên phù hiệu ghi gì?”

“Ghi gì ấy ạ?”

“Ghi những chữ gì? Hai đứa có đọc được trên phù hiệu ghi gì không?”

“Không ạ. Con không biết.”

“Billy?”

Tất cả bọn họ đều quay đầu ra nhìn mẹ Sean lúc này đang đứng trên ngưỡng cửa vẻ nghi ngờ và lo lắng.

“Em yêu, gọi tới sở cảnh sát được không? Hỏi xem có thanh tra nào vừa bắt một đứa trẻ vì tội đánh nhau ở trên phố nhà mình không?”

“Một đứa trẻ là sao?”

“Chính là Dave Boyle”

“Ôi Chúa ơi. Mẹ của thằng bé.”

“Đừng nói gì với bà ấy vội. Được không? Chờ xem cảnh sát nói gì đã, phải không?”

Mẹ Sean quay vào trong nhà. Sean nhìn cha mình bối rối tới nỗi không biết để hai tay mình vào đâu nữa. Cậu rút tay vào túi rồi lại rút ra, chùi lên quần. “Con thật đáng chết.” Cậu nói khẽ và nhìn về cuối phố như thể Dave đang lẩn quất ở đó, một ảo ảnh đang nhảy múa, bên ngoài tầm nhìn của Sean.

“Nó màu nâu.” Jimmy nói.

“Cái gì cơ?”

“Chiếc xe ô tô đó. Màu nâu sẫm. Giống một chiếc Plymouth. Cháu nghĩ là vậy.”

“Gì nữa?”

Sean cố hình dung ra chiếc xe ô tô đó nhưng không thể. Cứ như có cái gì đó đã che khuất tầm mắt của cậu, không để chi tiết nào lọt vào. Mặc dù chiếc xe đó đứng lấp cả chiếc xe Pinto màu da cam và nửa bên dưới hàng rào nhà bà Ryan nhưng Sean không thể nhìn thấy hết chiếc xe.

“Nó có mùi táo,” cậu nói.

“Gi cơ?”

“Giống như mùi táo. Chiếc xe có mùi táo.”

“Chiếc xe có mùi táo,” bố cậu nhắc lại.

Một tiếng đồng hồ sau, trong bếp nhà Sean, hai cảnh sát đặt ra cho Sean và Jimmy một loạt câu hỏi, và rồi một người thứ ba xuất hiện để vẽ phác họa chân dung hai gã đàn ông trong chiếc ô tô màu nâu dựa trên những chi tiết mà bọn trẻ cung cấp. Trên bản vẽ, gã cảnh sát to béo tóc vàng trông nham hiểm hơn, mặt cũng bự hơn nhưng dù sao thì cũng giống với người thật. Còn gã thứ hai, kẻ theo dõi mọi việc qua gương chiếu hậu, trông chẳng giống chút nào, chỉ là một hình ảnh mờ nhạt có mỗi mái tóc đen là thật vì Sean và Jimmy không nhớ hẳn ta rõ lắm.

Cha Jimmy cũng xuất hiện và đứng trong góc bếp, vẻ giận dữ tới quẩn trí, mắt ông ầng nước, người hơi lắc lư như thể các bức tường đang chuyển động phía sau lưng. Ông không chuyện trò với cha Sean và cũng chẳng có ai nói gì với ông. Ông không còn cái vẻ hoạt bát thường lệ nên Sean thấy ông càng có vẻ nhỏ bé và không thực, cứ như thể chỉ cần cậu quay đi chỗ khác là ông sẽ tan biến vào lớp giấy dán tường.

Sau bốn, năm lần nhắc đi nhắc lại các chi tiết của sự việc, mọi người bắt đầu rời đi, đầu tiên là hai viên cảnh sát, người phác họa chân dung tội phạm, rồi tới Jimmy và bố cậu ta. Mẹ Sean bỏ vào trong phòng đóng chặt cửa lại, mấy phút sau Sean nghe thấy những tiếng khóc như nghẹt lại của bà.

Sean ngồi trên ngưỡng cửa và cha cậu nói cậu đã không làm gì sai, rằng cậu và Jimmy đã rất khôn ngoan khi không chui vào chiếc xe đó. Cha cậu vỗ vỗ lên đầu gối của cậu và bảo mọi chuyện sẽ ổn thôi. Rằng Dave sẽ trở về nhà đêm nay. Cậu cứ chờ mà xem.

Rồi ông im bặt. Ông ngồi bên cạnh Sean, nhắm nháp lon bia, nhưng Sean có thể cảm thấy ông đang rời xa khỏi cậu, có lẽ ông đang ở trong phòng ngủ với mẹ cậu, hoặc đi xuống dưới hầm làm mấy cái chuông chim.

Sean nhìn ra ngoài phố, lên những dãy xe hơi sáng lấp lánh. Cậu tự nhủ rằng toàn bộ câu chuyện này hẳn là một phần của kế hoạch tất yếu nào đó. Giờ thì cậu vẫn chưa nhìn ra kế hoạch ấy là gì. Nhưng hẳn một ngày nào đó cậu sẽ hiểu. Thứ kích thích tố adrenalin chạy giằng giật khắp người cậu từ khi Dave bị mang đi và cuộc ẩu đả trên đường phố với Jimmy cuối cùng cũng được gột khỏi cơ thể cậu như một thứ chất thải.

Sean nhìn ra chỗ mình vừa đánh lộn với Jimmy và Dave Boyle lúc trước bên cạnh chiếc Bel Air và đợi cho những lỗ hổng do đám kích thích tố adrenalin rút đi trở nên lành lặn trên người cậu. Cậu đợi cho cái kế hoạch kia thành hình và trở nên có ý nghĩa. Cậu chờ đợi và quan sát con phố, cảm nhận được những rung động của nó và tiếp tục chờ đợi cho tới khi cha cậu đứng dậy và hai cha con cùng bước vào nhà.

Jimmy đi sau cha cậu về khu phố Hạ. Ông già bước đi người hơi lắc lư, hút thuốc cho tới khi chỉ còn sót lại mẩu đầu lọc và lẩm nhẩm nói một mình. Khi về tới nhà ông ấy có thể sẽ đánh cậu một trận, cũng có thể không, cả hai khả năng này đều có thể xảy ra. Sau khi mất việc, ông dặn Jimmy không được tới nhà Devine chơi nữa nên Jimmy đoán rằng hẳn cậu sẽ bị trừng trị vì đã không nghe lời. Nhưng có vẻ không phải hôm nay. Cha cậu có cái vẻ say xỉn lơ mơ thường sẽ khiến ông ngồi lì ra trong bếp và uống cho tới khi khoan tay ngủ gục xuống bàn.

Jimmy giữ một khoảng cách với cha cậu để đề phòng, và ném trái bóng lên cao rồi chộp lấy bằng chiếc găng tay chơi bóng chày mà cậu lấy trộm ở nhà Sean trong lúc cảnh sát chào từ biệt gia đình Devine mà chẳng ai thèm nói lấy một từ với Jimmy hay cha cậu khi họ đi ra cửa. Cửa phòng ngủ Sean để mở và Jimmy nhìn thấy chiếc găng tay vứt trên sàn với quả bóng cuộn bên trong nên liền đi tới nhặt chúng lên rồi cùng cha cậu đi về bằng cửa trước. Cậu không hiểu tại sao mình lại ăn trộm chiếc găng tay đó. Không phải là vì cái nháy mắt vừa khoái trá vừa ngạc nhiên vừa cha cậu khi ông nhìn thấy hành động này. Cậu đểch thêm quan tâm tới điều đó. Cậu đểch thêm quan tâm tới việc cha cậu nghĩ gì.

Mọi chuyện hẳn có gì liên quan tới việc Sean ra tay với Dave Boyle và từ chối tham gia vụ đánh cắp xe ô tô rồi một loạt những sự việc xảy ra trong suốt thời gian hai đứa chơi với nhau khiến Jimmy có cảm giác như bất cứ vật gì mà Sean đưa cho cậu - từ những chiếc thẻ bóng chày hay một nửa thanh kẹo, mọi thứ - đều giống như một kiểu bố thí.

Lúc mới nhặt chiếc găng tay lên rồi bỏ đi, cậu cảm thấy vô cùng hoan hỉ. Một cảm giác thật là tuyệt vời. Nhưng chỉ ngay sau đó khi cha con họ đi ngang qua đại lộ Buckingham, sự hổ thẹn và bẽ bàng rất đỗi quen thuộc mỗi khi lấy trộm cái gì đó lại ùa về cùng với một cơn thịnh nộ đối với những kẻ đã xô đẩy cậu tới hành động đó. Thế nhưng chỉ cần rẽ xuống phố Crescent và về tới khu Hạ với những khu nhà ba tầng thăm hại thì một niềm tự hào lại trỗi dậy khi cậu nhìn chiếc găng tay chiến lợi phẩm của mình.

Jimmy lấy trộm chiếc găng và cảm thấy áy náy về điều đó. Sean bị mất đồ và sẽ đi tìm khắp nơi. Jimmy lấy trộm chiếc găng đồng thời cảm thấy khoái trá về điều đó. Khi biết rằng Sean bị mất đồ và sẽ đi tìm khắp nơi.

Jimmy nhìn cha cậu loạng choạng ở phía trước, ông già khốn kiếp xem chừng sắp sửa ngã gục bất cứ lúc nào và tan lẫn vào đám bùn đen dưới đất, cậu lại càng cảm thấy ghét Sean.

Cậu ghét Sean và cậu đúng là ngu khi tin rằng họ có thể trở thành bạn bè, cậu biết là cậu sẽ giấu chiếc găng này suốt đời, giữ gìn nó cẩn thận, không cho ai nhìn thấy và không bao giờ dùng thứ khốn kiếp đó, dù chỉ một lần. Thà chết còn hơn là cho phép chuyện đó xảy ra.

Jimmy nhìn khu phố Hạ trải dài trước mắt và ông già đang bước đi dưới bóng tối hun hút, dày đặc của những đường ray tàu hỏa trên cao tới gần đoạn đường nơi phố Crescent kết thúc và những chuyến tàu chở hàng chạy rầm rầm qua khu chiếu bóng xập xệ cũ phía trước kênh đào Penitentiary và biết rằng họ sẽ không bao giờ gặp lại Dave Boyle nữa. Ở phố Rester nơi Jimmy đang sống, trộm cắp xảy ra suốt ngày. Jimmy bị mất chiếc xe đạp ba bánh Big Wheel khi lên bốn và xe đạp khi lên tám. Ông già thì bị mất một chiếc ô tô. Mẹ cậu bắt đầu phải phơi quần áo ở trong nhà sau nhiều lần bị mất đồ ở sân phơi. Cái cảm giác bị đánh cắp và đánh mất hoàn toàn khác hẳn nhau. Người ta có thể cảm nhận được một cách rõ ràng rằng những thứ bị đánh cắp thì sẽ không bao giờ trở lại. Đó là cảm giác của cậu về Dave. Có lẽ vào chính lúc này, Sean cũng đang trải qua thứ cảm giác ấy khi nghĩ tới chiếc găng tay bóng chày, đứng ở chỗ chiếc găng tay lúc trước mà nghĩ, và chẳng cần suy luận gì nhiều cũng hiểu rằng nó sẽ không bao giờ quay trở lại.

Thật tệ vì Jimmy cũng rất thích Dave mặc dù đa phần cậu không cắt nghĩa nổi tại sao.

Có cái gì đó ở cậu nhóc ấy, có lẽ vì cậu ta luôn hiện diện cho dù có tới phân nửa thời gian người ta không thèm để ý tới cậu.

2. Chương 2: Bốn Ngày

Hóa ra Jimmy đã nhầm.

Dave Boyle trở về bốn ngày sau khi mất tích. Cậu ta trở về trên ghế trước cửa một chiếc xe ô tô cảnh sát. Hai viên cảnh sát đưa cậu về để cho cậu nghịch còi hụ và sờ vào báng khẩu súng trường đã khóa nòng. Họ tặng cho Dave một chiếc phù hiệu danh dự và khi họ mang cậu về nhà ở phố Rester thì cánh phóng viên báo và truyền hình đã xuất hiện để đưa tin.

Một viên cảnh sát, sĩ quan Eugene Kubiaki, nhắc Dave ra khỏi xe và công kênh cậu tới tận vỉa hè trước khi đặt cậu xuống trước mặt bà mẹ run rẩy vì xúc động, vừa khóc vừa cười của cậu.

Có cả một đám đông trên phố Rester ngày hôm đó - các bậc phụ huynh, trẻ con, một bưu tá, hai anh em bụi bặm nhà Chã, chủ một cửa hàng bán bánh sandwich ở góc phố Rester và Sydney, thậm chí cả cô Powell, giáo viên lớp năm của Dave và Jimmy ở trường Looey & Dooley. Jimmy đứng với mẹ cậu. Mẹ cậu để đầu cậu dựa vào người bà, rồi áp lòng bàn tay ẩm ướt lên trán Jimmy như thể muốn biết chắc là cậu không bị lây nhiễm cái thứ bệnh nào đó mà Dave có nguy cơ mắc phải, còn Jimmy chợt cảm thấy nhói lên một nỗi

ghen tị khi nhìn thấy sĩ quan Kubiaki nhấc bổng Dave lên vĩa hè rồi cả hai người bọn họ phá ra cười như những người bạn lâu năm trong khi cô Powell xinh đẹp thì vỗ tay vui mừng.

Cháu cũng suýt trèo lên chiếc xe ấy, Jimmy những muốn kể với ai đó. Nhất là với cô Powell. Cô ấy rất xinh và sạch sẽ, khi cô cười thường để lộ một chiếc răng hơi khểnh ở hàm trên, nhưng điều đó chỉ khiến cô càng trở nên đẹp hơn trong mắt Jimmy. Jimmy những muốn nói với cô rằng cậu đã suýt trèo lên cái xe đó để xem nét mặt cô có cùng biểu cảm giống như với Dave lúc này hay không. Cậu cũng muốn nói với cô rằng lúc nào cậu cũng nghĩ tới cô và trong tưởng tượng của mình thì cậu đã lớn hơn và có thể lái xe để đưa cô tới những nơi mà cô sẽ mỉm cười với cậu thật nhiều và rồi họ sẽ có một bữa ăn trưa theo kiểu picnic, tất cả những điều cậu nói đều khiến cô bật cười để lộ ra cái răng khểnh đáng yêu đó và cô sẽ áp tay mình lên má cậu.

Nhưng dầu vậy, cô Powell có vẻ không được thoải mái cho lắm. Jimmy có thể nhận ra điều đó. Cô nói với Dave vài câu, vuốt ve rồi hôn lên má cậu ta - cô ấy hôn lên má cậu ta những hai lần - sau đó nhường chỗ cho những người khác và đứng tránh sang bên trên vĩa hè nứt nẻ nhìn lên ngôi nhà ba tầng xiêu vẹo trước mặt với những lớp giấy dầu đã bong tróc để lộ lõi gỗ bên trong, trông cô dường như trẻ hơn và cũng khác nghiệt hơn, cô đột nhiên có cái vẻ của một nữ tu sĩ, cách cô đưa tay lên sửa tóc như các nữ tu sĩ chỉnh khăn trùm đầu theo thói quen và chiếc mũi héch chun lại như chuẩn bị đưa ra những phán xét.

Jimmy những muốn chạy tới chỗ cô nhưng mẹ vẫn giữ chặt lấy cậu, kè cho cậu tha hồ ngo ngoáy thế nào cũng không thoát ra được và rồi cô Powell bước tới góc đường giữa phố Rester và Sydney, vẫy vẫy ai đó một cách tuyệt vọng. Một gã có vẻ ngoài hippie đi một chiếc xe hippie đỗ xích tới và cô Powell trèo lên chiếc thể thao mui trần màu vàng, cửa xe vẽ những cánh hoa đỏ tía đã phai màu rồi bọn họ cùng lái đi mất. Ôi không, Jimmy thầm nghĩ.

Cuối cùng thì cậu cũng vùng ra được khỏi vòng kiềm tỏa của mẹ. Cậu đứng ở giữa phố quan sát đám đông vây quanh Dave và thầm mong giá như cậu cũng trèo lên chiếc xe hôm đó để giành được sự ngưỡng mộ của mọi người như Dave, mọi con mắt đều đổ dồn về phía cậu ta như thể cậu ta là một thứ gì đó hết sức đặc biệt.

Ngày hôm ấy trở thành một ngày hội lớn của phố Rester, mọi người chạy từ máy quay này sang máy quay khác, hy vọng sẽ xuất hiện trên truyền hình hay nhật báo buổi sáng - Có có, cháu có biết Dave, cậu ấy là bạn thân nhất của cháu, chúng cháu lớn lên cùng nhau, đó là một cậu bé tuyệt vời, ơn Chúa là cậu ấy không sao cả.

Ai đó đã mở vòi nước cứu hỏa, nước xả ra trên phố Rester nghe cứ như một tiếng thở phào nhẹ nhõm, bọn trẻ con để giày trên gờ đường, xắn quần lên và nhảy múa trong làn nước xối. Chiếc xe bán kem đi tới và Dave có thể chọn bất kỳ thứ gì mà cậu muốn, là quà của cửa hàng tặng cậu, thậm chí cả ông Pakinaw - một ông già góa vợ cẩu bần, từng dùng súng hơi bắn vào lỗ sọc (và đôi khi còn bắn vào cả bọn trẻ con nếu bố mẹ chúng không để ý) và lúc nào cũng quát lác ầm ĩ yêu cầu người khác giữ im lặng - cũng mở cửa sổ ra, đặt hai cái loa lên bậu cửa và không thể ngờ được, tiếng hát của Dean Martin bắt đầu vang lên, nào là “Memories Are Made of This” hay “Volare” và một loạt ca khúc siêu sến thường khiến Jimmy muốn ói nhưng trong hoàn cảnh ngày hôm nay lại trở nên rất phù hợp. Hôm nay âm nhạc tràn ngập khắp phố Rester như những giải giấy màu trang trí rực rỡ giăng khắp nơi, hòa với tiếng nước phun xối xả từ chiếc vòi cứu hỏa. Mấy gã hay tổ chức đánh bài phía sau cửa hàng sandwich của hai anh em nhà Chã lỏi ra một chiếc bàn gấp và một lò nướng nhỏ rồi ai đó khênh tới mấy thùng lạnh đựng đầy bia Schlitz và Narragansett, không khí lập tức béo ngậy mùi xúc xích nướng, mùi đồ nguội Ý, mùi thịt nướng chín đượm, mùi khói phảng phất, tiếng mở bia rào rào khiến Jimmy nghĩ tới sân bóng chày Fenway Park và những ngày Chủ nhật mùa hè và cái niềm vui sướng tới ngạt thở đó khi người lớn trở nên thư giãn và cư xử giống bọn trẻ con, ai cũng cười, trẻ trung hơn, nhẹ nhõm hơn và hạnh phúc hơn khi ở bên nhau.

Đó chính điều khiến Jimmy cảm thấy yêu mến khu phố nơi cậu lớn lên ngay cả trong những giây phút đen tối nhất như bị bố đánh hay bị mất trộm những thứ mà cậu quyến luyến. Đó là cách người dân nơi đây có thể đột nhiên vứt bỏ sau lưng cả một năm khốn khó, những lời than phiền, những vụ va chạm, những lo lắng về công việc và những ân oán cũ để thả lỏng hoàn toàn, như thể những điều tệ hại chưa bao giờ xảy tới trong đời họ. Vào ngày lễ Thánh Patrick, ngày hội Buckingham, hay đôi khi trong ngày quốc khánh 4/7, hay những mùa giải đội bóng chày Sox chơi xuất sắc trong tháng Chín và nhất là vào những dịp như thế này, khi một tài sản tập thể thất lạc được tìm thấy, cả khu phố có thể bùng lên một cơn hưng phấn cuồng

nhật.

Không giống như ở trên khu Thượng. Dân khu Thượng cũng có các lễ hội khu phố nhưng lúc nào cũng được lên kế hoạch từ trước với đủ các thứ giấy phép cần thiết, ai cũng để ý nhắc nhở người khác cẩn thận không va chạm vào xe cộ xung quanh hay làm hư thảm cỏ - kiểu “Coi chừng, tôi mới sơn hàng rào đó!”

Ở khu Hạ, phân nửa không có thảm cỏ trước nhà, hàng rào thì xập xệ, nên việc quái gì phải lăm chuyen. Khi nào muốn tiệc tùng thì cứ tiệc tùng vì mẹ kiếp, anh xứng đáng được vui bỏ mẹ. Hôm nay đây chả có lão chủ nào. Nhân viên điều tra xã hội hay đám cho vay nặng lãi cũng nghỉ hết. Còn đám cảnh sát, như lúc này đây cũng đang vui vẻ chè chén với mọi người đấy thôi, sĩ quan Kubiaki thì đang xơi một chiếc xúc xích cay vừa chín tới còn đồng nghiệp của ông ta thì thủ một chai bia vào túi để lát nữa uống. Phóng viên nhà báo thì đã rút lui hết cả, mặt trời cũng sắp lặn khiến khu phố chìm trong khung cảnh của bữa tối đã điểm, nhưng chả có người phụ nữ nào đi nấu cơm và chả ai muốn về nhà.

Ngoại trừ Dave. Dave đã biến mất, Jimmy chợt nhận ra điều đó khi cậu bước ra khỏi chỗ vòi nước đang phun, vắt kiệt hai ống quần, khoác lại chiếc áo thun lên người và xếp hàng để nhận một phần xúc xích. Bữa tiệc chào mừng Dave đang cao trào nhưng Dave hẳn đã trở về nhà, mẹ cậu ta cũng vậy và khi Jimmy nhìn lên cửa sổ nhà họ, mảnh cửa đã kéo xuống đầy đơn độc.

Chẳng hiểu sao những tấm màn cửa khép kín ấy làm cậu nghĩ tới cô Powell lúc cô bước lên chiếc xe ô tô kiểu hippie, khiến cậu cảm thấy buồn bã và nhớ nhúc khi nhớ lại hình ảnh cô thu chân chui vào xe rồi đóng cửa lại. Cô ấy đi đâu? Có phải lúc này cô đang lái xe trên đường cao tốc, gió luồn qua tóc như nhạc đang tuôn trên phố Rester? Và màn đêm sẽ đổ xuống trong khi chiếc xe hippie đó chở hai người bạn họ tới... tới đâu nhỉ? Jimmy vừa muốn vừa không muốn biết. Ngày mai, cậu sẽ gặp lại cô ở trường trừ phi cả họ cũng sẽ cho học sinh nghỉ một ngày để kỷ niệm việc Dave trở lại, và lúc đó cậu sẽ muốn hỏi cô, nhưng sẽ không dám.

Jimmy nhận lấy phần xúc xích của mình và ngồi xuống ăn trên vỉa hè đối diện nhà Dave. Khi cậu ăn được một nửa thì một chiếc màn cửa kéo lên và cậu nhìn thấy Dave đứng trước cửa sổ nhìn về phía cậu. Jimmy giơ chiếc xúc xích đang ăn dở lên ra hiệu nhưng Dave dường như không nhận ra cậu, ngay cả khi cậu thử vẫy lại lần nữa. Dave chỉ nhìn chằm chằm. Cậu ta nhìn chằm chằm vào Jimmy nhưng Jimmy không tài nào đón được ánh mắt của cậu ta, chỉ cảm nhận được một sự trống rỗng. Trống rỗng và trách cứ.

Mẹ Jimmy ngồi xuống bên cạnh cậu trên vỉa hè và Dave rời khỏi cửa sổ. Mẹ Jimmy là một người phụ nữ nhỏ bé, gầy gò, tóc vàng nhạt, gần như bạch kim. Gầy như thế nhưng bà di chuyển một cách khó khăn cứ như thể hai vai bị chất đầy gạch và rất hay thở dài, theo một cái cách mà ngay cả Jimmy cũng không dám chắc là bà nhận thức được hành động đó của mình. Đôi khi cậu ngắm nhìn những bức ảnh bà chụp trước khi mang bầu cậu, trông bà đầy đặn hơn và trẻ hơn rất nhiều, cứ như một cô bé mới lớn (mà sau khi cậu tính tuổi ra thì đúng là vậy). Trong ảnh, khuôn mặt bà tròn trịa hơn, quanh mắt và trên trán không có nếp nhăn, và bà có cái nụ cười tuyệt đẹp ấy, một nụ cười tươi tắn nhưng đượm chút sợ hãi hay hiểu kỳ mà Jimmy không tài nào nhận rõ được. Cha cậu đã bảo cậu hàng nghìn lần rằng cậu suýt giết bà lúc cậu chào đời, mẹ cậu đã bị chảy nhiều máu tới mức các bác sĩ cũng lo là không cầm lại được. Lần đó đã vắt kiệt sức của bà, cha cậu nói. Và thế là dĩ nhiên chẳng có em bé nào tiếp theo. Chẳng ai muốn trải qua chuyện ấy thêm một lần nữa.

Mẹ đặt tay lên đầu gối Jimmy và bảo, “Con thế nào, binh sĩ Joe?” Mẹ cậu thường gọi cậu bằng các biệt hiệu khác nhau, thường là do bà ngẫu hứng nghĩ ra mà có tới phân nửa Jimmy không hiểu là gì.

Cậu nhún vai trả lời. “Thì mẹ biết rồi đấy.”

“Con chả nói gì với Dave cả.”

“Mẹ có để cho con nhúc nhích đâu hả mẹ.”

Mẹ cậu nhấc tay khỏi đầu gối và siết chặt quanh người, trời càng tối càng lạnh. “Ý mẹ nói là sau lúc đó. Khi thằng bé vẫn còn ở bên ngoài.”

“Con sẽ gặp cậu ấy ở trường ngày mai.”

Mẹ thò tay vào túi quần jean lôi ra một điếu thuốc Kent châm lửa hút rồi nhả mạnh khói ra.

“Mẹ không nghĩ là thằng bé sẽ đi học ngay ngày mai.”

Jimmy lúc này đã ăn xong miếng xúc xích liền bảo, “Thì cũng sẽ chóng thôi, phải không ạ?”

Mẹ cậu gạt đầu, nhả thêm khói thuốc ra khỏi miệng. Một tay ôm lấy khuỷu tay đang cầm thuốc, bà nhìn lên cửa sổ nhà Dave và hỏi cậu, dù có vẻ chẳng thật lòng quan tâm tới câu trả lời. “Hôm nay con đi học thế nào?”

Jimmy nhún vai, “Cũng bình thường.”

“Mẹ có gặp cô giáo con. Cô ấy rất dễ thương.”

Jimmy không nói gì. “Thực sự là rất dễ thương,” mẹ cậu nhắc lại trong làn khói thuốc màu xám.

Jimmy vẫn không lên tiếng. Phần lớn thời gian, cậu không biết nói gì với cha mẹ mình. Mẹ cậu lúc nào cũng mệt mỏi chờ đợi. Bà thường nhìn chăm chăm vào những khoảng trống mà Jimmy không thấy gì và hút thuốc, có tới phân nửa thời gian bà chẳng nghe cậu nói gì cho tới khi cậu phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cha cậu thì thường xuyên cẩu kính, và ngay cả khi ông không giận dữ mà vui vẻ thì chỉ sau vài giây, ông lại có thể trở thành một tay nạt rượu cục súc, sẵn sàng đánh Jimmy vì đã nói cái gì đó mới nửa tiếng trước đây còn khiến ông cười. Và cậu biết cho dù có đóng kịch thế nào đi nữa thì nội tâm của cậu chính là sự hội tụ tính cách của cả hai người đó, sự im lặng triền miên của mẹ và những cơn giận bộc phát của bố.

Khi không tưởng tượng ra việc làm bạn trai của cô Powell sẽ là như thế nào, Jimmy lại tự hỏi không biết làm con trai của cô ấy thì sẽ ra sao.

Mẹ cậu lại đang nhìn cậu, điều thuốc để ngang tai, mắt bà nheo lại vẻ dò xét.

“Gì thế ạ?” Cậu nói và mỉm cười ngượng ngập với bà.

“Con có một nụ cười tuyệt vời, Cassius Clay ạ.” Bà cười lại với cậu.

“Gì cơ ạ?”

“À, ừ. Ý mẹ nói là con sẽ trở thành một tay sát gái.”

“À, thế thì được.” Jimmy trả lời và hai mẹ con phá ra cười.

“Con nên nói chuyện nhiều hơn một chút,” mẹ cậu bảo.

Mẹ cũng thế, Jimmy những muốn bảo bà.

“Nhưng thế này cũng được. Phụ nữ vốn thích kiểu đàn ông lặng lẽ.”

Qua vai mẹ, Jimmy nhìn thấy bố cậu đang loạng choạng bước ra khỏi nhà, quần áo nhàu nát, mặt thì sưng lên không biết do ngủ nhiều hay do rượu, hoặc có lẽ là do cả hai. Cha cậu nhìn cái không khí lễ hội đang diễn ra trước mắt với một vẻ sững sốt, rõ ràng không hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Mẹ Jimmy nhìn theo cậu và khi thấy cha, trông bà lại trở về dáng vẻ tiêu tụy lúc trước, nụ cười dường như biến mất khỏi khuôn mặt, khiến người ta không khỏi giật mình tự hỏi liệu người phụ nữ này đã từng biết cười là gì chưa. “Này, Jim.”

Cậu rất thích nghe bà gọi cậu là Jim. Như thể hai người bọn họ đang cùng âm mưu một chuyện gì đó.

“Gì ạ?”

“Mẹ thực sự rất mừng là con đã không chui vào chiếc xe đó, cưng ạ.” Bà hôn lên trán cậu, Jimmy có thể nhìn thấy hai mắt bà lấp lánh, rồi bà đứng dậy tới gia nhập một đám các bà mẹ khác, quay lưng về phía ông chồng.

Jimmy nhìn lên và thấy Dave lại đang đứng ở cửa sổ nhìn cậu, lúc này đầu đó trong phòng sau lưng cậu ta có ánh đèn vàng dịu. Lần này, Jimmy không thử vậy Dave nữa. Giờ đây khi cảnh sát và đám phóng viên đều đã đi hết, bữa tiệc bước vào giai đoạn tương bình nhất, tới mức có khi chẳng còn ai nhớ tới nguyên nhân khai cuộc là gì. Jimmy có thể cảm thấy Dave đang rất cô đơn trong căn hộ đó, chỉ với bà mẹ thần kinh của cậu ta, giữa bốn bức tường màu nâu và ánh đèn vàng hiu hắt trong khi ở dưới phố, lễ hội đang diễn ra rộn ràng. Và một lần nữa cậu cảm thấy vui mừng vì đã không leo lên chiếc xe đó. Hồng rồi. Đó là từ mà cha

Jimmy nói với mẹ cậu tối hôm trước. “Ngay cả khi họ tìm thấy thằng bé còn sống, thì nó cũng hỏng rồi. Chẳng bao giờ còn được như trước nữa.”

Dave giơ một tay lên và giữ nó lại rất lâu không động đậy. Khi Jimmy vẫy lại cậu cảm thấy một nỗi u uất ập tới, luồn sâu vào trong cậu và lan tỏa thành muôn ngàn con sóng nhỏ. Cậu không rõ sự u uất đó là vì cha cậu, mẹ cậu, cô Powell, khu phố này hay là cái cách Dave giữ bàn tay ấy thật lâu bên cửa sổ, nhưng cho dù là nguyên nhân nào đi nữa, hay là do tất cả những nguyên nhân ấy gộp lại, thì cậu vẫn biết chắc rằng, nỗi u uất đó một khi đã xâm nhập vào bên trong thì sẽ không bao giờ còn trở ra nữa. Jimmy ngồi trên vỉa hè lúc đó chỉ là một đứa bé mười một tuổi, nhưng lại cảm thấy đã già nua. Như cha mẹ cậu, như con phố này.

Hỏng rồi, Jimmy nghĩ rồi rút tay xuống và khép vào trong lòng. Cậu nhìn Dave gật đầu với cậu rồi kéo màn cửa xuống, trở vào bên trong căn hộ quá ư là âm lặng đó với những bức tường màu nâu, tiếng đồng hồ kêu tích tắc và Jimmy cảm thấy sự u uất đang bắt rễ và ẩn náu trong người mình như thể nó đã tìm được một ngôi nhà ấm áp khiến cậu thậm chí chẳng buồn xua nó đi vì phần nào hiểu rằng có làm thế cũng vô ích.

Cậu rời khỏi vỉa hè, trong giây lát không biết phải làm gì. Cậu chợt có một nhu cầu nhức nhối và bức bách được đập phá hay thử một cái gì đó mới mẻ và thú vị. Nhưng rồi bụng cậu réo gào và nhận ra rằng mình vẫn còn đói, cậu lại đi xếp hàng lấy một suất xúc xích nữa, hy vọng là vẫn còn vài chiếc.

Trong mấy ngày đầu tiên, Dave Boyle trở thành một cậu bé nổi tiếng, không chỉ trong khu phố mà trên khắp cả bang. Tờ Record American sáng hôm sau chạy tít chính: **CẬU BÉ MẤT TÍCH ĐÃ ĐƯỢC TÌM THẤY**. Dưới đó là bức ảnh chụp Dave ngồi trước hiên nhà, cánh tay gầy guộc của bà mẹ vòng quanh ngực cậu, một đám trẻ con khu phố đứng cạnh hai mẹ con Dave, tươi cười trước ống kính, trông ai cũng vui sướng hết mức ngoại trừ mẹ Dave, trông bà cứ như vừa lỡ chuyến xe buýt trong một ngày giá lạnh.

Chỉ trong một tuần ở trường, cũng chính những đứa trẻ xuất hiện bên cạnh cậu ở trang nhất của tờ báo bắt đầu gọi cậu là “đồ quái dị”.

Dave nhìn vào mặt chúng và nhận thấy một mối ác cảm mà có lẽ giống như cậu, chúng cũng không hề biết rõ nguyên nhân. Mẹ Dave bảo có lẽ là từ bố mẹ chúng mà ra, con đừng để ý tới chuyện đó, Davey, chúng rồi sẽ chán và quên chuyện đó đi, sang năm lại là bạn con như trước thôi.

Dave sẽ chỉ gật đầu và tự hỏi không biết cái gì ở cậu - một dấu vết nào đó trên mặt mà cậu không nhìn thấy - khiến ai cũng muốn làm cậu tổn thương. Giống như những gã trong chiếc xe ấy. Tại sao bọn chúng lại chọn cậu? Làm sao mà chúng đoán được cậu sẽ leo lên chiếc xe đó còn Jimmy và Sean thì sẽ không làm vậy? Ngẫm lại, Dave mới thấy vỡ lẽ ra. Hai kẻ đó (cậu biết tên chúng hoặc ít nhất là tên mà chúng gọi nhau nhưng cậu không tài nào gọi lên được) biết là Sean và Jimmy sẽ không trèo lên xe mà không chống cự. Sean có thể sẽ chạy về nhà, kêu gào ầm ĩ còn Jimmy, bọn chúng hẳn phải đánh cho cậu bất tỉnh thì mới lôi được vào trong xe. Lão Sói Bự thậm chí còn nói ra điều đó vài tiếng sau trong lúc lái xe. “Mày có nhìn cái thằng bé mặc áo phông trắng không? Cái cách nó nhìn tao, không mấy may sợ hãi, chẳng coi ra gì. Thằng bé ấy lớn lên có thể hại người thê thảm mà vẫn ngủ ngon.”

Đồng phạm của hắn, Lão Sói Dơ, cười bảo, “Tao lại thích nó chống cự một tí.”

Sói Bự lắc đầu. “Chỉ cần lôi nó vào xe là nó sẽ cắn đứt ngón cái của mày luôn. Cái thằng nhãi khốn kiếp đó là nó cắn rặng luôn.”

Gọi chúng bằng những cái tên ác thú Sói Bự và Sói Dơ khiến cậu cảm thấy dễ chịu hơn. Như thế cậu chỉ coi chúng là những con vật, những con sói đội lốt người còn cậu là nhân vật chính trong truyện: Cậu Bé Bị Lũ Sói Bắt Cóc. Cậu Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói, vượt qua cả cánh rừng âm u tới trước một cây xăng Esso. Cậu Bé Bình Tĩnh và Mưu Mẹo, luôn tìm ra lối thoát.

Nhưng ở trường cậu chỉ là Cậu Bé Bị Đánh Cắp, và hết thấy mọi người đều ra sức tưởng tượng chuyện gì đã xảy ra trong bốn ngày cậu mất tích đó. Một buổi sáng trong nhà vệ sinh, một học sinh lớp bảy tên là Junior McCaffery đến bên bồn tiểu cạnh Dave và bảo, “Chúng có bắt mày mút cái này không?” và tất cả lũ bạn lớp bảy của cậu ta bắt đầu cười nhạo và tạo ra những tiếng hôn gió.

Dave run rẩy kéo khóa quần lên, mặt cậu đỏ bừng rồi quay sang đối mặt với Junior McCaffery. Cậu cố phóng ra một tia nhìn ghê rợn nhưng Junior chỉ cau mày rồi dang tay tát thẳng một cái giữa mặt cậu.

Âm thanh của cái tát vang khắp phòng. Một nam sinh lớp bảy rú lên như bọn con gái.

“Mày định nói gì hả cái đồ lại cái kia? Gì hả? Mày muốn tao đánh mày lần nữa không, thằng pê dê kia?”

“Cậu ta đang khóc,” ai đó nói.

“Đang khóc thật,” Junior McCaffery cười ré lên và nước mắt Dave càng tuôn trào dữ dội. Cậu cảm thấy vết tê trên mặt cậu bắt đầu nhức nhối nhưng không phải sự đau đơn thể xác làm cậu bận tâm. Sự đau đớn về thể xác chưa bao giờ khiến cậu đau lòng như thế này, và cậu cũng chẳng bao giờ vì thế mà khóc, ngay cả khi cậu ngã xe đạp, rách toạc mắt cá chân và phải khâu tới bảy mũi. Mà là thứ cảm xúc tuôn ra từ đám con trai xung quanh khiến tim cậu đau như cắt. Thù ghét, ghê tởm, giận dữ và khinh bỉ. Tất cả đều nhằm vào cậu. Cậu không hiểu tại sao. Cậu chưa bao giờ làm phiền ai trong đời. Thế nhưng họ vẫn ghét cậu. Và sự thù ghét ấy khiến cậu có cảm giác giống như một đứa trẻ mồ côi, thân cô thế cô. Cậu cảm thấy bản thân vô cùng nhơ nhuốc, tội lỗi và nhỏ bé và cậu khóc vì cậu không cam lòng.

Nhưng tất cả bọn họ đều cười trước những dòng nước mắt của cậu. Junior nhảy nhót một hồi xung quanh, mặt giả vờ nhăn nhó bắt chước dáng điệu đang khóc của Dave. Khi Dave cuối cùng cũng nín lại được chỉ còn vài tiếng sụt sùi thì Junior lại dang tay tát mạnh vào mặt cậu lần nữa, đúng vào chỗ cũ. “Nhìn tao này,” Junior nói và Dave lại cảm thấy những dòng nước mắt nóng hổi tuôn trào từ hai hốc mắt của cậu. “Nhìn tao này.”

Dave ngược lên nhìn Junior hy vọng thấy một chút cảm thông, một chút nhân tính hay thậm chí là sự thương hại trên khuôn mặt thằng bé, nhưng cậu chỉ nhìn thấy một ánh mắt mỉa mai và giận dữ. “Đúng là vậy rồi,” Junior nói, “mày đúng là đã mút cái thứ đó.”

Rồi nó giả vờ giơ tay làm bộ muốn tát Dave một lần nữa khiến cậu sợ hãi cúi đầu xuống. Nhưng Junior bỏ đi chỗ khác với lũ bạn của mình, tất cả bọn chúng đều cười âm ỉ khi rời khỏi nhà vệ sinh.

Dave chợt nhớ tới những lời ông Peters, một người bạn của mẹ thỉnh thoảng có ngủ lại nhà, từng nói với cậu rằng, “Có hai thứ không bao giờ được nhận từ một người đàn ông khác - là bị nhổ hay tát vào mặt. Hai thứ đó còn tệ hơn cả một cú đấm mạnh, người nào làm thế với cháu thì phải cố mà giết hắn bằng được.”

Dave ngồi sụp xuống sàn nhà vệ sinh và thầm mong cậu có được thứ ý chí đó - cái ý chí giết người đó. Cậu sẽ bắt đầu với Junior McCaffery, cậu đoán vậy, rồi tới Sói Bự và Sói Dơ nếu tình cờ gặp lại bọn chúng. Nhưng sự thật là cậu không làm nổi điều đó. Cậu không biết tại sao con người cứ phải đối xử tệ với nhau. Cậu thật không hiểu nổi. Thật tình không hiểu nổi.

Sau sự việc xảy ra trong nhà vệ sinh, tin tức lập tức lan truyền khắp nơi trong trường, tất cả các học sinh từ lớp ba trở lên đều biết chuyện Junior McCaffery đã làm gì Dave và Dave đã phản ứng như thế nào. Và phán xét đã được đưa ra, ngay cả một số ít học sinh trong lớp mà Dave coi như bạn sau khi trở lại trường học bắt đầu đối xử với cậu như một kẻ mắc bệnh hủi.

Không phải ai trong số họ cũng thì thào sau lưng cậu cái từ “pê dê” khi cậu đi qua trong hành lang hay có những cử chỉ khiếm nhã như phồng mang trợn má trên cậu. Trên thực tế, phần lớn bạn học chỉ phớt lờ cậu đi. Nhưng chính như thế lại càng tệ. Cậu cảm thấy mình bị đày đoạ bởi chính sự im lặng đó.

Nếu chúng vô tình va phải nhau trên đường đi học thì Jimmy Marcus sẽ lặng lẽ rảo bước bên cạnh Dave vì nếu không làm thế thì cũng hơi nực cười, hay nói, “Xin chào” nếu gặp Dave trong hành lang hoặc nếu chúng đứng cạnh nhau khi xếp hàng vào lớp. Dave có thể nhận thấy một cảm xúc phức tạp pha trộn giữa sự hổ thẹn và lòng thương hại hiện lên trên mặt Jimmy mỗi khi mắt hai đứa gặp nhau, như thể Jimmy định nói gì đó nhưng không cất nên lời - Jimmy, lúc nào cũng vậy, chẳng bao giờ nhiều lời, trừ phi đột nhiên bị thôi thúc bởi một ý tưởng quái quỷ nào đó như nhảy xuống đường tàu hay đánh cắp ô tô. Nhưng Dave có cảm giác như thể tình bạn của chúng (mà cậu cũng không dám chắc liệu họ, trên thực tế, có từng thực sự là bạn bè của nhau, vì cậu vẫn còn hơi xấu hổ khi nhớ lại những lần cậu đã phải ép Jimmy chấp nhận tình bằng hữu với mình) đã chết khi Dave leo vào chiếc xe đó còn Jimmy đứng lại như trời trồng trên phố.

Nhưng rồi hóa ra Jimmy cũng chẳng ở lại trường với Dave được bao lâu, những lần phải miễn cưỡng đi bộ

cùng nhau tới lớp rồi cuộc cũng tránh được. Ở trường, Jimmy lúc nào cũng cặp kè với Val Savage, một thằng nhỏ tâm thần, đầu óc rõ ràng là có vấn đề, đã bị đúp liền hai năm và bất cứ lúc nào cũng có thể trở thành một kẻ bạo lực điên cuồng khiến hết thầy mọi người đều kinh sợ, từ giáo viên cho tới học sinh. Có câu chuyện đùa về Val (dĩ nhiên là không ai dám nói trước mặt cậu ta) là bố mẹ cậu ta để dành tiền không phải để nộp học phí đại học mà là để nộp tiền bảo lãnh tại ngoại cho cậu ta. Ngay từ trước khi Dave leo lên chiếc xe đó, Jimmy đã thường xuyên giao du với Val ở trường. Đôi khi cậu ta để Dave đi theo hai đứa như lúc đi trốn lột đồ ăn nhẹ ở nhà bếp, hay khi phát hiện ra một mái nhà mới để trèo lên, nhưng kể từ sau vụ bắt cóc, Dave hoàn toàn không được tham gia những phi vụ đó nữa. Khi không còn giận Jimmy vì sự hắt hủi đột ngột của cậu ta, Dave chợt nhận thấy đám mây đen đôi khi quanh quất trên đầu Jimmy lúc trước giờ đã trở thành một thứ vĩnh viễn không rời, y như một vầng hào quang đảo ngược. Jimmy gần đây dường như đã trở nên già nua hơn, buồn bã hơn.

Jimmy cuối cùng cũng đánh cắp một chiếc xe hơi. Chuyện xảy ra gần một năm sau lần mưu toan không thành của chúng ở gần nhà Sean, khiến Jimmy bị đuổi khỏi trường Looey & Dooley và phải đi xe buýt ngang qua nửa thành phố để tới trường Carver nơi cậu ta trải nghiệm cuộc sống của một đứa trẻ da trắng ở East Bucky giữa một môi trường phần lớn là trẻ con da đen. Val cũng bị chuyển trường giống cậu ta và Dave nghe nói hai đứa bọn họ nhanh chóng trở thành nỗi khiếp sợ của trường Carver như hai đứa trẻ da trắng điên rồ không biết trời đất là gì.

Chiếc ô tô mà chúng đánh cắp là một chiếc mui trần. Dave nghe nói là của bạn một giáo viên trong trường nhưng cậu không bao giờ biết được là ai. Jimmy và Val lấy cắp nó trong bãi đỗ xe của trường lúc các giáo viên cùng gia đình và bạn bè của họ tham dự một bữa tiệc cuối năm tổ chức tại phòng giáo viên sau giờ học. Jimmy cầm lái và cùng Val làm một vòng càn rỡ quanh Buckingham, bóp còi inh ỏi, vẩy tay trêu gái và rú ga ầm ĩ cho tới khi một xe cảnh sát phát hiện ra chúng. Hậu quả là hai đứa lao cả xe vào một thùng rác công cộng ở Rome Basin, ngay sau phố Zayers. Val bị trật mắt cá chân trong khi chui ra khỏi xe. Jimmy lúc đó đang vượt rào bỏ chạy sang một khu đất trống liền quay lại để giúp bạn. Dave vẫn luôn hình dung ra cảnh tượng đó như một cảnh quay trong phim chiến tranh khi một binh sĩ dùng camera quay lại cứu đồng đội bị thương, đạn bay rào rào xung quanh họ (dù Dave không tin rằng cảnh sát nổ súng, nhưng cứ nói thế cho oách). Cảnh sát tóm cổ hai đứa tại trận và chúng bị nhốt một đêm trong nhà giam dành cho trẻ vị thành niên. Chúng được phép học nốt lớp sáu vì chỉ còn vài ngày nữa là hết năm học, sau đó gia đình phải tìm trường khác cho chúng.

Dave hầu như không gặp Jimmy kể từ sau sự việc đó, có lẽ mỗi năm chỉ một đôi lần cho tới khi chúng bước sang tuổi thanh thiếu niên. Mẹ Dave không bao giờ để cậu ra khỏi nhà nữa, trừ lúc đi học. Bà tin là những gã đàn ông kia vẫn lẩn quất đâu đó, chờ đợi và lái chiếc xe đầy mùi táo ấy lao tới Dave như những chiếc tên lửa tầm nhiệt.

Dave thì biết là chúng sẽ không xuất hiện. Đó là những con sói, mà lũ sói thì luôn chờ buổi đêm để đi rình mò đánh hơi những con mồi gần nhất, yếu ớt nhất để săn đuổi. Nhưng dạo này chúng lại tới ghé thăm nhiều hơn trong đầu cậu, lũ Sói Bự và Sói Dơ cũng như những gì mà chúng đã gây ra cho cậu. Những hình ảnh đó không tấn công vào các giấc mơ của cậu mà len lỏi vào đầu óc cậu trong sự tĩnh mịch khủng khiếp của căn hộ, trong những khoảng thời gian im lặng kéo dài khi cậu cố tập trung đọc truyện tranh, xem vô tuyến hay nhìn ra phố Rester bên ngoài cửa sổ. Mỗi khi chúng xuất hiện, Dave lại nhắm tịt mắt lại để xua đuổi chúng và cố không nhớ tới tên thật của Sói Bự chính là Henry và Sói Dơ là George.

Henry và George, một giọng nói gào thét trong đầu cậu cũng với những hình ảnh bắn loạn. Henry và George, Henry và George, Henry và George, thằng nhóc bắn thủ.

Và Dave những muốn bảo cái giọng nói đang vang lên trong đầu cậu rằng cậu không phải là một thằng nhóc bắn thủ. Cậu là Chú Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói. Và đôi khi để ngăn chặn những hình ảnh đó, cậu tua đi tua lại trong đầu quá trình chạy trốn của mình, từng chi tiết một - vết nứt mà cậu để ý thấy bên cạnh bồn lê ở cửa hầm, tiếng xe ô tô lùi xa dần khi chúng ra ngoài nhậu nhẹt, chiếc đinh vít mất đầu mà cậu dùng để nạy vết nứt ngày một lớn dần cho tới khi chiếc bồn lê hoen gỉ bung ra kéo theo một mảnh gỗ hình lưỡi dao. Cậu chui ra khỏi căn hầm, thật đúng là một Cậu Bé Nhanh Trí và bò thẳng vào trong rừng theo hướng mặt trời đang lặn tới một trạm đổ xăng của hãng Esso cách đó một dặm. Cậu sững sờ nhìn tấm bảng hiệu hình tròn màu xanh và trắng đã lên đèn dù trời vẫn chưa tối hẳn. Cái ánh đèn nê ông màu trắng đó như lưỡi dao cắm phập vào tim cậu khiến cậu quỵ khuỵu xuống ngay tại chỗ khu rừng kết thúc và con

đường nhựa xám cũ kỹ bắt đầu. Đó chính là tư thế của Dave khi Ron Pierrot, chủ trạm xăng, tìm thấy cậu: quỳ trên hai đầu gối và nhìn chăm chăm vào tấm bảng hiệu. Ron Pierrot là một người đàn ông gầy gò với đôi bàn tay rắn chắc tưởng như có thể bẻ gãy cả một thanh sắt và Dave vẫn thường tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu Cậu Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói đúng là một nhân vật trong phim. Vì sao? Vì như thế giữa cậu và Ron hẳn sẽ hình thành một mối liên hệ, Ron sẽ dạy cậu tất cả những điều mà các ông bố dạy con trai mình, hai người bọn họ sẽ cùng chuẩn bị ngựa, súng ống và dấn thân vào những cuộc phiêu lưu bất tận. Họ sẽ cùng nhau có một quãng thời gian thật tuyệt, Ron và Cậu Bé. Họ sẽ trở thành những người hùng, chiến đấu nơi hoang dã, chinh phục đám sói kia.

Trong giấc mơ của Sean, con phố chuyển động. Cậu đang nhìn cánh cửa chiếc xe ô tô có mùi táo mở ra và rồi con phố nhấc chân cậu lên và kéo cậu về phía đó. Dave đang ngồi ở bên trong, rúm rỏ ở góc bên kia cạnh cửa xe, miệng cậu ta há ra trong một tiếng tru dài không thành tiếng, và con phố mang Sean tới chỗ chiếc xe. Tất cả những gì cậu nhìn thấy trong giấc mơ ấy là cánh cửa xe mở ra và băng ghế sau. Cậu không nhìn thấy gã đàn ông trông giống cảnh sát. Cậu cũng không nhìn thấy gã đi cùng với hắn đang ngồi ở ghế trên. Cậu cũng không nhìn thấy Jimmy mặc dù Jimmy đứng ngay bên cạnh cậu trong suốt thời gian ấy. Cậu chỉ có thể nhìn thấy băng ghế sau, Dave, cánh cửa và đám rác rưởi trên sàn xe. Và rồi cậu nhận ra một chi tiết, giống như một tiếng chuông báo hiệu mà trước đây cậu không nghe thấy, rằng trên sàn xe có rất nhiều rác. Giấy gói đồ ăn nhanh, những vỏ bao khoai tây chiên bị vỡ nát, vỏ lon bia và soda, những chiếc cốc giấy đựng cà phê tan và một chiếc áo thun bẩn màu xanh lục. Chỉ khi thức dậy và suy ngẫm về giấc mơ đó cậu mới nhận ra rằng nó giống hệt với thực tế, lúc này cậu mới nhớ ra rằng đúng là trên chiếc xe ô tô đó có rất nhiều rác. Ngay cả khi cảnh sát tới nhà cậu và bảo cậu nhớ lại từng chi tiết xem có quên gì không thì cậu cũng không nghĩ tới cái băng ghế sau bẩn thỉu ấy vì cậu hoàn toàn không thể nhớ ra. Nhưng nó lại trở về trong giấc mơ của cậu, và đó cũng chính là lý do khiến cậu có cảm giác chợn rợn, dù lúc đó cậu chưa nhận ra, về gã “cảnh sát” ấy, gã “đồng nghiệp” của hắn và chiếc xe ô tô của chúng. Sean chưa bao giờ nhìn thấy băng sau của một chiếc xe cảnh sát thực thụ nhưng phần nào đó hiểu rằng nó không thể chứa đầy rác như thế. Có lẽ dưới đồng rác đó có một quả táo găm dở khiến cho cả chiếc xe mang một cái mùi như thế.

Một năm sau vụ bắt cóc Dave, cha cậu vào phòng cậu để bảo với cậu hai tin mới.

Tin thứ nhất là Sean đã được nhận vào trường Latin và có thể bắt đầu lớp bảy ở đây vào tháng Chín. Cha cậu bảo ông và mẹ cậu rất tự hào vì điều đó. Trường Latin là nơi đào tạo nhân tài, là nơi dành cho những đứa trẻ có tham vọng.

Chuyện thứ hai ông chỉ nói với lại khi đã gần ra tới cửa, sau một lát ngập ngừng.

“Họ đã bắt được một trong hai gã bọn chúng.”

“Gì cơ ạ?”

“Một trong hai gã bắt cóc Dave. Họ đã bắt được hắn. Hắn ta đã chết. Tự sát ở trong tù.”

“Thế ạ?”

Cha cậu quay lại nhìn cậu. “Đúng thế. Con có thể chấm dứt những cơn ác mộng của mình rồi.”

Nhưng Sean lại hỏi tiếp. “Thế còn gã kia thì sao ạ?”

“Cái tên bị bắt khai với cảnh sát là tên kia chết rồi. Chết trong một tai nạn ô tô hồi năm ngoái. Được chưa?” Cha cậu nhìn cậu bằng một ánh mắt mà cậu hiểu rằng đây sẽ là lần nói chuyện cuối cùng của họ quanh chủ đề này. “Thôi đi rửa ráy để ăn cơm nào, anh bạn.”

Cha cậu đi rồi, Sean vẫn ngồi lại trên giường, tấm nệm lồi lên chỗ cậu giấu chiếc găng chơi bóng chày mới của mình, bên trong có một quả bóng và bên ngoài là những sợi dây thun màu đỏ siết chặt lấy lớp vỏ da.

Tên kia cũng đã chết. Trong một tai nạn ô tô. Sean chỉ mong chính cậu là người lái chiếc xe có mùi táo đó, đâm vào vách đá và lao thẳng chiếc xe xuống địa ngục cùng hắn ta.

3. Chương 3: Lệ Trên Tóc

Brendan Harris yêu Katie Marcus như điên dại, yêu như trong phim, như có cả một dàn nhạc đang chơi rộn ràng trong huyết quản và réo rắt bên tai. Cậu yêu cô từ lúc thức dậy cho tới khi chợp mắt, yêu cô suốt cả ngày và từng phút giây giữa hai khoảnh khắc đó. Brendan Harris sẽ yêu Katie Marcus ngay cả khi cô béo và xấu. Yêu cô ngay cả khi da cô nhăn nheo, miệng đầy ria mép và ngực phẳng lì. Cậu yêu cô ngay cả khi cô không có răng. Và yêu cô ngay cả khi cô không còn tóc.

Katie. Chỉ cần âm thanh của cái tên ấy vang lên trong đầu thôi cũng đủ khiến Brendan cảm thấy như cả người được bơm khí nitơ oxit, có thể đi được trên nước và nhắc bổng một chiếc siêu tải mười tám bánh vút sang bên kia đường.

Brendan Harris lúc này yêu hết thấy mọi người vì cậu yêu Katie và Katie yêu cậu. Cậu yêu cả cảnh tắc đường, đám sương mù và âm thanh của dàn búa khoan. Cậu yêu cả người cha tồi tệ chưa hề gửi cho cậu lấy một tấm thiệp mừng sinh nhật hay Giáng sinh kể từ khi ông ta bỏ cậu và mẹ cậu ra đi khi Brendan lên sáu. Cậu yêu cả những buổi sáng thứ Hai, những bộ phim sitcom không khiến nổi một thằng ngu bật cười, yêu cả cảnh xếp hàng trước cục cấp phép lái xe. Thậm chí cậu còn yêu cả công việc của mình dù biết rằng sẽ không bao giờ quay trở lại chỗ làm nữa.

Sáng mai, Brendan sẽ rời khỏi nhà, rời khỏi mẹ cậu, ra khỏi cánh cửa tồi tàn đó, bước xuống những bậc cầu thang kéo kẹt ra ngoài con phố lớn, với những chiếc xe đỗ chòng chẹo khắp nơi và những người ngồi tán dóc trước hiên nhà, để mà bước đi như trong một bài hát chết tiệt của Springsteen nhưng không phải của những Nebraska hay Ghost of Tom Joad mà là những bài như Born to Run, Two Hearts Are Better Than One hay Rosalita, Won't You Come Out Tonight, một hợp ca của Bruce. Đúng thế, hợp ca, cậu chính là một bản hợp ca vào giây phút cậu bước xuống đường giữa những mũi xe san sát phía sau, giữa những tiếng còi phản đối inh ỏi để tới được con phố đó, nằm giữa lòng Buckingham, nắm lấy tay Katie và cùng rời đi, để lại mọi thứ sau lưng, lên máy bay tới Vegas làm đám cưới, những ngón tay đan chặt vào nhau, Elvis sẽ đọc những câu từ Kinh Thánh hỏi cậu có muốn lấy người phụ nữ này và Katie nói rằng cô muốn lấy người đàn ông này và rồi, và rồi, không cần hỏi gì nữa, họ đã kết hôn và rời đi vĩnh viễn, không bao giờ trở lại, không bao giờ nữa, sẽ chỉ có cậu và Katie với một cuộc đời mới sạch sẽ, lương thiện trải ra trước mắt, một cuộc đời mới đã gột sạch quá khứ và những mối ràng buộc cũ.

Cậu nhìn quanh phòng ngủ của mình. Quần áo đã cho vào va li. Séc du lịch American Express đã cất. Giày thể thao đã xếp gọn. Ảnh của cậu và Katie cũng vậy. Máy hát xách tay, đĩa CD, đồ dùng vệ sinh, tất cả đều đã cho vào va li.

Cậu nhìn những thứ cậu sẽ để lại. Áp phích của Bird và Parrish. Bức áp phích Fisk đang thực hiện cú đánh ăn điểm trực tiếp ở phút thứ 75. Áp phích của Sharon Stone trong váy dạ hội màu trắng (đã được cuộn lại và giấu dưới giường kể từ đêm đầu tiên cậu dụ Katie lên đây, nhưng dù sao thì vẫn...) Phân nửa các đĩa hát của cậu. Mẹ kiếp, phần lớn còn chưa được nghe quá hai lần. Chúa ơi lại còn MC Hammer nữa chứ. Rồi Billy Ray Cyrus. My Gawd. Một cặp loa Sony khủng dùng để hỗ trợ dàn âm thanh Jensen, công suất hai trăm watt, mới mua mùa hè năm ngoái khi cậu nhận công việc sửa chữa mái nhà với toán thợ của Bobby O'Donnell.

Đó cũng là lần đầu tiên cậu tiếp cận Katie đủ gần để có thể bắt chuyện. Chúa ơi, mới chỉ một năm trước. Đôi khi nó cứ dài như một thập kỷ, theo hướng tích cực, đôi khi lại ngắn ngủi như mới một phút trước đây. Katie Marcus. Cậu biết cô, dĩ nhiên rồi, tất cả mọi người ở đây đều biết Katie. Cô ấy xinh thế mà lại. Nhưng rất ít người thực sự hiểu rõ cô ấy. Nhan sắc có thể làm được điều đó, nó khiến người ta sợ hãi, khiến người ta giữ khoảng cách. Không giống như trong phim khi các máy quay biến sắc đẹp thành một thứ rất mời gọi. Trên thực tế, sắc đẹp giống như một cái hàng rào chặn người ta ở ngoài, đuổi người ta đi chỗ khác.

Nhưng Katie, Chúa ơi, ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên đã là một người con gái giản dị và thuần khiết, lần đầu tiên cô ấy xuất hiện cùng với Bobby O'Donnell và bị hấn bỏ rơi ở công trường để cùng mấy tên đàn em sang đầu bên kia thành phố có việc gấp - hấn thần nhiên bỏ cô lại cứ như không hề nhớ tới sự hiện diện của cô. Cô ở lại với Brendan lúc cậu lấp các tấm rãnh máng trên mái nhà và xử sự một cách thoải mái cứ như giữa những người đàn ông với nhau. Cô biết tên cậu và cô bảo, "Sao mà một người tử tế như cậu, Brendan, lại đi làm việc cho Bobby O'Donnell?" Brendan. Tên cậu phát ra từ miệng cô một cách nhuần nhuyễn cứ như

thể ngày nào cô cũng nhắc tới nó. Brendan lúc đó đang quỳ trên rìa mái tường như mình suýt ngã. Suýt ngã. Không nói điều. Cô ấy đã làm cậu suýt ngã.

Và ngày mai, ngay khi cô ấy gọi cho cậu họ sẽ ra đi. Ra đi cùng nhau. Ra đi mãi mãi.

Brendan nằm ngửa trên giường và hình dung ra gương mặt của Katie bỗng bẽn lẽn trước mắt. Cậu biết là cậu sẽ không tài nào ngủ được. Trong lòng cậu quá phấn khích. Nhưng cậu chẳng quan tâm. Cậu nằm đó, gương mặt Katie bỗng bẽn lẽn, tươi cười, hai mắt sáng rực trong bóng đêm sau đôi mắt khép lại của cậu.

Sau giờ làm việc tối hôm đó, Jimmy Marcus đi uống bia với anh vợ của mình, Kevin Savage, ở quán Warren Tap, hai người bọn họ ngồi cạnh cửa sổ và quan sát bọn trẻ con chơi khúc côn cầu trên phố. Có sáu đứa cả thấy và chúng đấu với nhau trong bóng tối, không thấy được mặt mũi. Quán Warren Tap nằm trên một ngách nhỏ của bãi rào thả súc vật cũ, là một nơi lý tưởng để chơi khúc côn cầu vì không có nhiều xe cộ qua lại nhưng chơi vào ban đêm thì thật man rợ vì dễ tới chục năm nay rồi chả có ngọn đèn đường nào còn sáng.

Kevin là một người đồng hành dễ chịu vì anh ta nói chung không nhiều lời, Jimmy cũng vậy nên họ chỉ ngồi đó, nhắm nháp bia và lắng nghe tiếng đế giày cao su rượt đuổi nhau thành thịch, tiếng gậy gỗ va vào nhau lách cách và cả những âm thanh chói tai khi một trái bóng cao su rắn đập mạnh vào nắp kim loại chụp trực xe.

Ở tuổi ba mươi sáu, Jimmy Marcus bắt đầu biết quý trọng những buổi tối thứ Bảy yên tĩnh của mình. Hắn không thích những quán bar chật ních, ồn ã, và nghe những lời tâm sự của đám say rượu. Mười ba năm trước hắn ra khỏi tù và mở một cửa hàng tạp hóa ở góc phố, có một vợ và ba đứa con gái. Hắn tin rằng hắn đã thay đổi từ thằng bé ngông cuồng dạo trước thành một người đàn ông biết trân trọng những giây phút nhàn tản trong đời - chậm rãi nhắm nháp một ly bia, đi dạo buổi sáng và nghe tường thuật một trận bóng chày trên đài phát thanh.

Hắn nhìn ra phố. Bốn đứa trẻ con đã bỏ cuộc và đi về nhà, trên phố chỉ còn lại hai nhóc quờ quạng tranh bóng trong bóng tối dày đặc. Jimmy không nhìn rõ chúng nhưng có thể cảm nhận được thứ năng lượng hùng hực phát ra từ mỗi cú vọt bóng và tiếng chân chạy rầm rập của chúng.

Toàn bộ nguồn năng lượng hùng hực của tuổi trẻ ấy hắn đã tìm được nơi trú ẩn. Thứ năng lượng đã chi phối mọi hành động của Jimmy từ khi hắn còn bé, mẹ kiếp, cho tới tận khi hắn hai mươi ba tuổi. Và rồi, tự dưng người ta học được cách kiềm chế nó lại, để nó vào một chỗ, hắn đoán thế. Cất nó đi.

Con gái lớn của hắn, Katie, cũng đang ở trong giai đoạn gay gắt đó. Mười chín tuổi lại vô cùng xinh đẹp, tất cả mọi hoóc môn đang nổi loạn trong thời kỳ báo động đỏ. Nhưng gần đây, hắn để ý thấy con gái hắn trở nên dầm dề hơn. Hắn không biết tại sao, có những người con gái bước sang giai đoạn phụ nữ một cách duyên dáng, có những người suốt đời không lớn lên nhưng ở Katie đột nhiên toát lên một vẻ thanh thần, yên bình.

Chiều nay lúc rời khỏi cửa hàng, con bé hôn lên má Jimmy và bảo, “Lát gặp lại ba sau,” mà cho tới năm phút sau Jimmy vẫn còn cảm thấy giọng nói ấy âm vang trong lòng. Đó là giọng của mẹ nó, hắn chợt nhận ra, giọng con bé đã trầm hơn và tự tin hơn lúc trước và hắn tự hỏi không hiểu con bé đổi giọng từ lúc nào và làm sao mà hắn lại không nhận ra sớm hơn.

Giọng của mẹ nó. Mẹ con bé, người đã mất mười bốn năm trước lại đang hiện về trong con gái họ để nói rằng: Jimmy, con giờ đã trở thành một người đàn bà. Đã lớn thật rồi.

Một người đàn bà. Sao chuyện đó có thể xảy ra được cơ chứ?

Dave Boyle không định ra ngoài tối hôm ấy. Dù là tối thứ Bảy sau một tuần làm việc dài dằng dặc nhưng anh đã tới cái tuổi mà tối thứ Bảy cũng chả còn gì khác so với tối thứ Ba, uống ở bar cũng chả có gì thú hơn ở nhà. Ở nhà ít nhất xem ti vi còn được tự chuyển kênh.

Sau này, khi mọi chuyện đã kết thúc, anh tự nhủ rằng mọi chuyện hắn là do Số Phận sắp đặt. Số Phận đã nhúng tay vào cuộc đời Dave nhiều bận, mang lại nhiều rủi ro hơn là may mắn như một kẻ cáu bẳn, vì tâm trạng không vui mà muốn hành hạ ai đó nhưng lần này thì không hẳn vậy, một kế hoạch tỉ mỉ đã được vạch ra.

Số Phận đang cười trên một đám mây lang thang, ai đó chợt bảo, hôm nay đang chán không biết làm gì à? Thế là Số Phận trả lời, ờ, đúng là hơi chán. Phải đi hành hạ thằng Dave Boyle một tí mới được, cho đỡ buồn. Làm gì hần bây giờ nhỉ?

Thế nên khi chuyện đó xảy ra, Dave biết rằng chính là Số Phận đã sắp đặt hết thảy.

Có lẽ buổi tối thứ Bảy ấy, Số Phận đang đi ăn sinh nhật hay tiệc tùng gì đó nên quyết định rút cuộc cũng thả lỏng Dave một chút, cho anh xả hơi mà không phải gánh chịu hậu quả. Số Phận bảo, Davey này, đi quây tung đời một tí đi, ta hứa lần này sẽ không tính sổ với nhà ngươi. Như thể Lucy đang giữ bóng cho Charlie Brown và lần này thôi sẽ không làm hỏng cơ hội để cậu ta thực hiện thành công cú sút của mình. Bởi vì nó không được lên kế hoạch trước. Không có trong kế hoạch. Những đêm sau đó, ngồi một mình trong căn bếp vắng, hai tay chụm lại như thể đang trình bày trước bồi thẩm đoàn, Dave khẽ nói: Các ngài phải hiểu rằng điều đó không có trong kế hoạch.

Đêm ấy, vừa xuống khỏi cầu thang sau khi hôn Michael, chúc nó ngủ ngon và định ra tủ lạnh lấy một chai bia thì vợ anh, Celeste, nhắc anh rằng đêm nay là đêm chị em tụ tập.

“Lại nữa?” Dave vừa nói vừa mở tủ lạnh.

“Đã bốn tuần rồi còn gì,” Celeste trả lời bằng cái giọng vui vẻ như khi đang hát đôi khi vẫn khiến Dave lạnh suốt dọc sống lưng.

“Không nói đùa đấy chứ,” Dave đứng dựa vào chiếc máy rửa bát và mở nắp hộp bia. “Thế đêm nay xem phim gì?”

“Mẹ kè,” Celeste vỗ tay trả lời, mắt sáng lên.

Mỗi tháng một lần, Celeste và mấy người bạn làm cùng ở tiệm cắt tóc của Ozma tới căn hộ của Dave và Celeste chơi bài, uống đầy rượu và thử một công thức nấu ăn mới. Bọn họ sẽ kết thúc buổi tối bằng việc ngồi xem một trong những bộ phim phụ nữ, thường là kể về một cô nàng có tham vọng, có sự nghiệp nhưng cô đơn cuối cùng cũng tìm được tình yêu đích thực với một anh cao bồi già, chim to nhưng hai hõn đã sệ, hay có hai cô nàng vừa phát hiện ra giá trị đích thực của giới nữ và tình bạn sâu nặng của họ trước khi một người lâm bệnh hiểm nghèo ở cảnh quay thứ ba của phim rồi tất cả đều chết một cách xinh đẹp, đầu tóc chỉnh trang trên một chiếc giường rộng như diện tích của Peru.

Trong những buổi tối thế này Dave có ba lựa chọn: ngồi trong phòng Michael ngắm con trai ngủ, trốn vào phòng ngủ phía sau của anh và Celeste, liên tục chuyển kênh trên truyền hình cáp, hay nhón chân chuồn ra khỏi cửa và tìm một chỗ nào đó để khỏi phải nghe cả bốn nàng cùng khóc sụt sịt vì lão Hòn Sệ kia cuối cùng quyết định không để mình bị trói buộc nên đã lên ngựa về núi, an hưởng cuộc sống thanh nhàn.

Dave thường chọn cửa sổ ba.

Đêm nay cũng vậy. Anh uống hết lon bia, hôn Celeste, cảm thấy bụng khẽ quặn lên khi Celeste siết lấy hông anh và hôn đáp trả một cách mãnh liệt. Rồi anh ra khỏi cửa, xuống cầu thang, qua căn hộ của ông McAllister tới cửa trước, nhập vào không khí đêm thứ Bảy của khu phố Hạ. Anh nghĩ tới việc đi bộ vào trung tâm Bucky hay đi quá tới quán Tab, dùng dằng mất mấy phút trước cửa nhà rồi quyết định chui vào xe ô tô. Có lẽ lượn lên khu phố Thượng, ngắm nghía các nữ sinh viên và đám thanh niên mới, năng động, đang xâm chiếm khu vực này, đông tới mức thậm chí không ít người đã rậm rịch tràn xuống tận khu Hạ.

Người ta sửa chữa những ngôi nhà gạch ba tầng và trong nháy mắt biến chúng thành những tòa nhà mang phong cách kiến trúc thời nữ hoàng Anne của Anh. Họ dựng giàn giáo xung quanh, phá hủy bên trong, công nhân làm việc ngày đêm trong vòng ba tháng cho các chủ nhân mới, toàn dân sành điệu dùng hàng hiệu L.L.Beans dọn tới, đỗ những chiếc xe Volvo của họ trước cửa và khuôn vào nhà những thùng đựng đồ nội thất hiệu Pottery Barn. Nhạc Jazz dịu dặt lọt qua tấm màn che cửa sổ, đồ uống của họ toàn những thứ kinh tởm như rượu porto mua ở cửa hàng Eagle Liquor, rồi thói quen dẫn những con chó ketch cớm đi dạo quanh phố và những thảm cỏ bé tẹo cũng bày đặt cắt tỉa, tạo hình. Giờ mới chỉ có những ngôi nhà ba tầng trên đường Galvin và đại lộ Twoomey thay da đổi thịt nhưng chả bao lâu nữa người ta sẽ nhìn thấy một loạt xe Saab và túi đựng đồ của những cửa hàng thực phẩm chất lượng cao lần tới tận kênh Penitentiary ngay dưới chân khu Hạ.

Chỉ mới tuần trước, ông McAllister, chủ nhà của Dave, chẳng biết tình cờ hay cố ý bảo anh rằng, “Giá nhà giờ lên rất cao. Cao chót vót ấy.”

“Thì ông cứ chờ thêm tí đã,” Dave nói và nhìn lên ngôi nhà có căn hộ mà anh đã thuê từ mười năm nay, “rồi sau này ông hăng...”

“Sau này hăng tính á?” McAllister nhìn anh. “Thế thì tôi có mà phá sản vì đóng thuế sở hữu nhà. Thu nhập của tôi là cố định rồi, mẹ kiếp. Tôi mà không bán sớm, hai, hay ba năm nữa có mà bị sở thuế lấy luôn.”

“Thế ông định đi đâu?” Dave hỏi nhưng trong lòng lại nghĩ, thế tôi biết dọn đi đâu?

McAllister nhún vai. “Tôi cũng chẳng biết. Có thể là Weymouth. Tôi có mấy người bạn ở Leominster.”

Dường như ông ta đã hỏi han thông tin từ trước và đi xem một số nhà đang rao bán.

Khi chiếc Accord của Dave lăn bánh vào khu phố Thượng, anh cố nhớ xem những người thế hệ anh hoặc trẻ hơn mà anh quen biết có còn ai ở đây không. Anh chậm chậm dừng lại trước đèn đỏ và nhìn hai thanh niên sành điệu mặc áo polo cổ tròn màu đỏ và quần soóc lửng giống nhau đang ngồi trên vỉa hè cửa hàng pizza Primo lúc trước giờ đã đổi tên thành Café Society. Hai thanh niên sành điệu đó trông khỏe mạnh, khó đoán giới tính, đang ngồi hút từng thìa kem hay sữa chua đóng đá gì đó vào miệng, những đôi chân rám nắng duỗi dài, bàn chân gác lên nhau, hai chiếc xe đạp leo núi long lanh dựng dưới cửa sổ trong ánh đèn nê ông sáng lóa.

Dave tự hỏi anh sẽ phải dọn tới sống ở nơi quái quỷ nào nếu như sự bành trướng này cứ tiếp tục lấn lướt. Nếu các quán bar và pizza lần lượt biến thành các quán cà phê thì với số tiền anh và Celeste kiếm được chắc họ sẽ xin được một suất căn hộ hai phòng ngủ trong dự án khu căn hộ dành cho người có thu nhập thấp Parker Hill. Phải đăng ký và chờ đợi mười tám tháng để được chuyển tới một nơi mà các bầu cầu thang sắc mùi nước tiểu, xác chuột chết ám và các bức tường ẩm mốc, bọn nghiện và các sát thủ dao bấm nhan nhản khắp nơi chỉ chờ cho đám da trắng như anh chìm vào giấc ngủ.

Kể từ khi bị một gã ở Parker Hill suýt trấn lột xe khi đang chở Michael, Dave để một khẩu 22 ly dưới chỗ ngồi. Anh chưa từng sử dụng nó, dù là bắn thử tại trường bắn. Nhưng anh rất hay cầm nó lên và nhìn vào ống ngắm. Anh tự cho mình cái thú được tưởng tượng ra hai thanh niên kia sẽ trông thế nào nếu trở thành mục tiêu sau ống ngắm và mỉm cười khoái trá.

Nhưng đèn xanh đã bật lên mà anh vẫn chưa nhúc nhích, khiến các xe phía sau bấm còi inh ỏi và hai con người sành điệu kia ngược mắt lên nhìn chằm chập vào chiếc xe sút sọc của anh, tò mò quan sát khung cảnh huyền ảo ở khu nhà mới của mình.

Dave lái xe qua ngã tư, tức giận tới nghẹt thở trước cái nhìn sững sốt của bọn họ, sững sốt và vô lý.

Đêm đó, Katie Marcus ra ngoài với hai người bạn gái thân nhất của mình, Diane Cestra và Eve Pigeon để ăn mừng buổi tối cuối cùng của cô ở khu phố Hạ, và có lẽ cũng là buổi tối cuối cùng ở Buckingham. Ăn mừng như thể những người Di gan vừa rắc vàng lên người họ và tiên đoán rằng tất cả những giấc mơ của họ sẽ trở thành sự thực. Như họ vừa chia nhau một tờ xổ số cào trúng thưởng và đều có kết quả thử thai âm tính trong cùng một ngày.

Họ đặt những bao thuốc lá bạc hà của mình xuống một cái bàn phía trong cùng của quán bar Spires Pub, làm vài ly cocktail Kamikaze và Mich Light rồi cùng rú lên mỗi khi một anh chàng đẹp trai nào đó ném cho một người trong số họ một cái nhìn mang ẩn ý. Họ đã ăn một bữa túy lúy ở quán nướng East Coast Grill một giờ trước đó rồi lái xe về Buckingham và hút chung một điếu cần sa trong bãi đỗ xe trước khi bước vào quán bar. Tất cả đều hết sức vui nhộn, từ những câu chuyện cũ rích mà họ đã kể cho nhau hàng trăm lần, bản tường trình của Diane về những trận đòn mới nhất từ gã bạn trai khốn kiếp của cô, vệt son môi vừa bị lem của Eve hay hai gã béo đang khệnh khệ đi quanh bàn bi-a.

Cho tới khi quán bar chật cứng, người xếp thành ba hàng trước quầy bar và phải mất hai mươi phút mới gọi được đồ uống thì bọn họ chuyển sang quán Curley’s Folly ở khu phố Thượng và hút một điếu cần sa khác trong ô tô. Katie cảm giác có một nỗi sợ hãi hoang tưởng đang gặm nhấm đầu óc cô.

“Cái xe kia cứ đi theo chúng ta.”

Eve nhìn vào ngọn đèn trong gương chiếu hậu. “Không phải đâu.”

“Nó đi theo từ khi chúng ta rời quán bar.”

“Katie, chúng ta mới rời khỏi quán bar khoảng ba mươi giây thôi, nàg oi!”

“Ôi giới.”

“Ôi giới,” Diane nhại lại rồi bưng miệng cười và đưa điều cần sa cho Katie.

“Chỗ này yên ắng quá.” Eve chột lên tiếng, giọng trầm xuống.

Katie đoán ngay ra ý đồ của bạn liền bảo, “Im ngay, đừng nói lằng nhằng.”

“Yên ắng quá,” Diane tán đồng rồi phá ra cười.

“Hai con nhóc này,” Katie nói, cố tạo vẻ lo lắng nhưng cuối cùng lại phá lên cười sảng sặc. Cô cười nghiêng ngả đến nỗi ngã vật ra ghế sau, đầu cụng vào chỗ tay dựa, hai má có cảm giác tê tê như kim châm mà cô vẫn hay gặp phải trong những lần hiếm hoi hút cần sa. Tiếng cười dịu dần và cô buông mình trong cảm giác mơ màng, đắm mình trong ánh đèn mờ nhạt tỏa ra từ trần xe và trầm nghĩ ý nghĩa của cuộc sống chính là đây, được vui cười thỏa thích với những người bạn thân thiết nhất vào đêm trước ngày thành hôn với người đàn ông mà mình yêu. (Ồ Vegas. Được thôi. Say sưa đến váng vất. Được thôi.) Dù sao, đây cũng chính là mục tiêu của cuộc sống. Là thực hiện giấc mơ của đời mình.

Bốn quán bar, ba quán cần sa và một vài số điện thoại mới trên bàn, Katie và Diane trở nên hưng phấn tới mức nhảy cả lên quầy bar trong quán McGills mà nhảy nhót theo điệu “Brown Eyed Girl” dù không có nhạc. Eve hát vang, “Slipping a sliding” (trườn và trượt) trong khi Katie và Diane làm các động tác uốn éo như trong bài hát, lắc hông và hát tóc cho tới khi chúng xoắn kín mặt. Ở McGills, đàn ông trong quán coi đó như một hành động nổi loạn, thế mà chỉ hai mươi phút sau tại câu lạc bộ Brown họ thậm chí còn không được cho vào cửa.

Diane và Katie phải đợi Eve lúc đó vẫn còn đang gào lên ca khúc “I Will Survive” của Gloria Gaynor chính là nguyên nhân thứ nhất, người cứ lắc lư như điên là nguyên nhân thứ hai.

Thế là họ bị tổng cổ khỏi câu lạc bộ Brown ngay cả trước khi kịp đặt chân vào và ba cô gái Buckingham chân nam đá chân xiêu chỉ còn một chỗ duy nhất để lui tới là quán Last Drop, một nơi nhộn nhạo, ẩm thấp ở khu vực tệ nạn nhất của khu Hạ trên một con phố với những tòa nhà ba tầng trải dài, nơi diễn ra đủ các cảnh tượng kinh dị, nơi đám gái điếm nghiện hút truy hoan với khách và những chiếc xe ô tô không trang bị hệ thống báo động không thể thọ được quá phút rưỡi.

Họ đang ở đó thì Roman Fallow xuất hiện cùng với cô bạn gái mới nhất của hắn, vẫn là kiểu con gái để làm cảnh, lúc nào cũng phải nhỏ nhắn, tóc vàng, mắt to. Sự xuất hiện của Roman làm nức lòng đám phục vụ vì hắn luôn boa gấp rưỡi đối với những quán quen. Nhưng lại thật không may cho Katie vì Roman là bạn của Bobby O'Donnell.

Roman bảo, “Cô hơi say rồi phải không Katie?”

Katie chỉ cười vì Roman làm cô sợ. Roman khiến hết thấy mọi người sợ hãi. Một gã điển trai và thông minh, lúc muốn có thể trở nên cực kỳ vui nhộn nhưng đó là một kẻ vô tình đáng sợ, một người hoàn toàn không có cảm xúc với đôi mắt trống trải lạnh lẽo tới ghê người. “Tôi có hơi xin thật,” Katie thừa nhận.

Điều đó khiến Roman thấy vui. Hắn bật cười để lộ hàm răng hoàn hảo của mình rồi nhấp một ngụm Tanqueray. “Hơi xin tí ư? Được thôi, Katie. Nhưng để tôi hỏi cô câu này,” hắn ta nói, vẻ nhẹ nhàng. “Cô nghĩ là Bobby sẽ hài lòng khi nghe chuyện cô diễn trò ở quán McGills tối nay? Cô nghĩ là anh ta sẽ thích thú khi nghe chuyện đó?”

“Không.”

“Vì tôi cũng sẽ không hài lòng khi nghe chuyện đó, Katie. Cô hiểu ý tôi định nói gì rồi chứ?”

“Vâng ạ.”

Roman chụm một tay lại sau tai, hỏi lại. “Gì cơ?”

“Vâng ạ.”

Roman vẫn để yên tay mình ở đó và cúi đầu về phía Katie. “Xin lỗi, cô định nói gì cơ?”

“Tôi sẽ về nhà ngay bây giờ,” Katie nói.

Roman mỉm cười. “Chắc chứ? Tôi không muốn ép buộc cô bất cứ điều gì mà cô không thấy thoải mái.”

“Không không. Tôi cũng chán rồi.”

“Được thôi. Được thôi. Nay để tôi thanh toán cho cô được không?”

“Không, không. Cảm ơn Roman, chúng tôi đã trả tiền rồi.”

Roman choàng tay ôm lấy cô gái tóc vàng bên cạnh và bảo, “Thế để tôi gọi taxi cho cô nhé?”

Katie suýt nữa thì buột miệng nói là cô lái xe tới đây nhưng kiềm lại được và bảo, “Không, không cần. Vào giờ này thì vậy xe một cái là được, không thành vấn đề.”

“Ừ, chắc thế. Vậy thế đi nhé, Katie, hẹn sớm gặp lại.”

Eve và Diane đã đứng chờ sẵn ngoài cửa, vừa nhìn thấy Roman là họ đã lĩnh ra ngoài.

“Chúa ơi, cậu có nghĩ là hần sẽ gọi điện cho Bobby không?” Diane nói khi bọn họ đã ra tới lề đường.

Katie lắc đầu dù không chắc chắn lắm. “Không đâu. Roman không phải là kẻ tung tin xấu. Thấy chương mất là hần xử luôn.” Katie nói và đưa tay vuốt mặt một lúc trong bóng tối, cảm thấy rượu đã ngấm vào trong máu như một thứ độc được và một nỗi cô đơn đè nặng trong lòng. Cô vẫn luôn cảm thấy cô độc, kể từ khi mẹ cô mất, từ rất lâu rồi.

Trong bãi đỗ xe, Eve bắt đầu nôn ọe, bắn cả lên lớp trước chiếc Toyota màu xanh của Katie. Chờ bạn nôn xong, Katie lục trong túi ra một lọ nước súc miệng đưa cho Eve. Eve bảo cô, “Cậu có lái xe được không đấy?”

Katie gạt đầu. “Gì chứ, cách đây có mấy dặm nhà mà. Tổ không sao.”

Khi họ lái xe ra khỏi bãi, Katie bảo, “Lại thêm một lý do nữa để bỏ đi. Một lý do nữa để biến thật nhanh khỏi cái khu chết chóc này.”

“Ừ,” Diane lên tiếng tán đồng một cách yếu ớt.

Họ lái xe một cách thận trọng. Katie luôn giữ kim trên vạch 25km/giờ, đi đúng làn đường và hết sức tập trung. Họ đi trên phố Dunboy hơn chục dặm nhà thì rẽ xuống phố Crescent, những con phố ở đây tối và tĩnh mịch hơn. Tới cuối khu phố Hạ, họ đi dọc theo phố Sydney tới nhà Eve. Trên đường đi, Diane quyết định thà ngủ trên đi vắng ở nhà Eve còn hơn là về nhà bạn trai của mình để nghe chửi vì tội say xỉn. Hai bọn họ ra khỏi xe dưới một ngọn đèn đường bị vỡ trên phố Sydney. Trời bắt đầu mưa, nước mưa quất lên kính chắn gió xe Katie nhưng Diane và Eve dường như không để ý. Bọn họ cúi gập người xuống để nhìn Katie qua cửa xe. Kết cục thảm hại trong những giây phút cuối cùng của buổi tối khiến mặt mũi họ xị ra, vai chùng xuống và Katie có thể cảm thấy sự buồn bã của họ phảng phất bên cạnh khi cô quay ra nhìn những hạt mưa quất trên cửa kính. Cô cảm thấy sức nặng của một cuộc đời chật hẹp, không mang hạnh phúc đang treo trên đầu họ. Hai người bạn thân thiết nhất của cô từ hồi đi nhà trẻ mà có thể cô sẽ không bao giờ gặp lại nữa.

“Cậu sẽ không sao chứ?” Diane cao giọng hỏi, hơi vui vẻ một cách phóng đại.

Katie quay mặt ra nhìn họ mỉm cười với toàn bộ tầm chân thành của mình tới mức miệng cô như muốn nứt ra. “Không sao, tất nhiên rồi. Tới Vegas tổ sẽ gọi cho các cậu. Các cậu sẽ tới thăm tổ mà.”

“Vé máy bay cũng rẻ mà,” Eve nói.

“Rất rẻ.”

“Đúng là rất rẻ,” Diane thừa nhận, giọng nhỏ dần khi cô tránh mặt đi chỗ khác, nhìn xuống vỉa hè lồi lõm.

“Được rồi,” Katie nói nhanh. “Tổ phải đi trước khi có người lại khóc.”

Eve và Diane thò tay qua cửa xe và Katie giữ chặt lấy chúng một lúc rồi buông ra để hai người họ lùi lại phía sau xe. Họ giơ tay lên vẫy. Katie vẫy lại rồi tuýt còi tạm biệt và lái đi.

Họ đứng lại trên vỉa hè và nhìn rất lâu sau khi chiếc đèn hậu của của Katie đã lóe sáng và biến mất sau khúc ngoặt ở giữa phố. Họ cảm thấy còn nhiều điều muốn nói với Katie.

Họ có thể cảm thấy mùi nước mưa và mùi kim loại hăng hắc tỏa ra từ con kênh Penitentiary đang chảy yên lặng trong bóng đêm ở phía bên kia công viên.

Suốt phần đời còn lại của mình Diane vẫn mong là cô không ra khỏi chiếc xe đó. Cô sẽ sinh ra một bé trai trong vài tháng tới và cô sẽ kể cho thằng bé nghe khi nó còn trẻ (còn chưa trở thành một người giống như cha nó, còn chưa trở thành một người đàn ông xấu xa, trước khi trở thành một kẻ say rượu lái xe gây tai nạn cho một người phụ nữ nào đó đang chờ sang đường ở khu Thượng). Cô tin rằng đáng lẽ cô phải ở lại trong xe nhưng tự dừng lại quyết định xuống xe một cách đột ngột và vì thế đã làm thay đổi mọi thứ, khiến mọi chuyện chệch đi khỏi quỹ đạo. Ý nghĩ đó suốt đời theo đuổi cô khiến cô cảm giác mình giống như một kẻ đứng quan sát một cách thụ động những hành động bốc đồng ở người khác, những hành động bốc đồng gây ra kết quả tệ hại mà cô không tài nào ngăn cản được. Cô sẽ nhắc lại những điều này với con trai mình trong những lần tới thăm nó ở nhà tù còn nó sẽ chỉ nhún vai, xê dịch trên ghế và bảo, “Mẹ có mang thuốc lá vào cho con không đấy?”

Eve thì sẽ lấy một người thợ điện và chuyển tới một trang trại ở Braintree. Đôi khi trong đêm khuya, cô sẽ đặt tay mình lên vòm ngực rộng rãi, chỏ che của anh và kể cho anh về Katie, về cái đêm hôm đó và anh sẽ chỉ im lặng lắng nghe, dịu dàng vuốt tóc cô mà không nói gì nhiều vì anh biết điều đó là không cần thiết. Đôi khi Eve chỉ cần nhắc tới tên người bạn ấy, để nghe âm thanh vang lên và cảm giác của nó trên đầu lưỡi. Họ sẽ có những đứa con. Eve sẽ tới xem những trận bóng của chúng, đứng bên vạch biên, miệng thỉnh thoảng mấp máy tên của Katie, nhẹ nhàng, chỉ cho mình nghe, trên sân cỏ tháng Tư ẩm ướt.

Nhưng đêm đó họ chỉ là hai cô gái East Bucky say khướt, và Katie nhìn khuôn mặt họ khuất dần trong kính chiếu hậu khi cô rẽ ra khỏi phố Sydney đi về nhà.

Đêm tối, một không khí chết chóc bao trùm, phần lớn các ngôi nhà nhìn xuống công viên kênh Penitentiary đã bị thiêu rụi trong một trận hỏa hoạn bốn năm về trước khiến chúng trở nên trơ trụi, đen đúa với những cửa sổ đóng ván bịt kín. Katie chỉ muốn mau chóng về tới nhà chui vào giường và thức dậy vào sáng sớm ngày hôm sau rồi biến mất trước khi Bobby hay cha cô để ý tới. Cô những muốn bỏ nơi này đi như người ta muốn giữ bỏ một bộ quần áo mặc trên người trong cơn mưa bão. Vô chúng lại và ném chúng đi, không bao giờ nhìn lại nữa.

Và cô chợt nhớ tới một chuyện mà cô đã quên lãng bấy lâu nay, Cô nhớ lại lần cô đi dạo với mẹ tới sở thú hồi năm tuổi. Cô nhớ tới chuyện này không vì lý do đặc biệt nào mà có lẽ là do ảnh hưởng của rượu và cần sa, khiến dây thần kinh trí nhớ chứa câu chuyện này bị chạm tới. Mẹ nắm tay cô và hai người đi dọc theo phố Columbia đến trước sở thú và Katie cảm thấy xương tay của mẹ chồi cả lên như những mảnh gãy dưới cổ tay. Cô ngẩng lên nhìn gương mặt gầy gò và đôi mắt sâu thẳm của mẹ, mũi bà trông nhọn hơn vì sụt cân, cằm cũng nhỏ lại. Cô bé Katie năm tuổi vừa buồn bã vừa hiếu kỳ hỏi mẹ, “Sao mà lúc nào trông mẹ cũng mệt mỏi thế?”

Gương mặt vừa khô khan vừa mong manh của bà chợt co rúm lại như một miếng giẻ khô. Bà ngồi thụp xuống bên cạnh Katie, áp hai tay lên má con bé và nhìn nó bằng đôi mắt mọng đỏ. Katie nghĩ là mẹ hẳn đang giận nhưng bà lại mỉm cười dù nụ cười không dừng lại lâu, miệng bà trễ xuống, cằm giần giật và bảo, “Ôi con yêu quý,” và kéo Katie lại gần. Bà tựa cằm lên vai con bé và lại bảo, “Ôi con yêu quý,” và Katie cảm thấy nước mắt của bà chảy tràn trên tóc mình.

Cho tới bây giờ cô vẫn nhớ cái cảm giác đó, một cơn mưa nước mắt rơi nhẹ nhàng trên tóc như trận mưa bụi đang phủ trên lớp kính xe lúc này và khi đang cố nhớ lại màu sắc đôi mắt của mẹ thì cô nhìn thấy một xác người nằm giữa phố. Giống như một cái túi rác ngay trước lớp xe của cô khiến cô quẹo gấp sang bên phải và cảm thấy lốp trái phía sau vừa chệch qua một cái gì đó. Ôi lạy Chúa, ôi không, xin người hãy nói cho con biết là con đã không đâm vào người đó đấy chứ, con xin người, ôi Chúa ơi.

Cô tông mạnh chiếc Toyota vào lề đường bên phải, chân trượt ra khỏi côn, chiếc xe khê rùng mình, thở phì phì rồi tắt máy.

Ai đó gọi cô. “Này, cô không sao chứ?”

Katie nhìn thấy hắn ta tiến lại gần, toan thở phào nhẹ nhõm vì trông hắn ta có vẻ quen thuộc và vô hại thì nhìn thấy tay hắn cầm một khẩu súng.

Vào khoảng ba giờ sáng thì Brendan Harris cuối cùng cũng chìm vào giấc ngủ.

Với một nụ cười trên môi và hình ảnh Katie trôi nổi bồng bềnh, nói với cậu rằng cô yêu cậu, thì thắm tên cậu, hơi thở dịu dàng như một nụ hôn bên tai.

4. Chương 4: Hiếm Khi Ra Ngoài

Dave Boyle đã kết thúc buổi tối hôm ấy của mình ở quán McGills, ngồi cùng Stanley Khổng Lồ trong góc quán bar xem đội Sox chơi một trận trên sân khách. Hôm nay Pedro Martinez chơi xuất sắc ở vị trí ném bóng giúp đội Sox thắng áp đảo đội Angels. Pedro ném mạnh tới mức khi tới đĩa gôn, trái bóng trông chỉ giống như một viên thuốc dẹt. Tới cú ghi bàn thứ ba thì các tay đập bóng đội Angels trông có vẻ hãi hùng, cho tới bàn thứ sáu thì dường như họ chỉ muốn bỏ cuộc về nhà suy nghĩ xem tối nay ăn gì. Chỉ khi Garret Anderson may mắn đỡ được một cú cầu âu, đánh khẽ quả bóng sang bên cánh phải, chấm dứt chuỗi ghi bàn của Pedro thì chút phấn khích còn lại trong đám cổ động viên suốt một trận đấu bị dẫn trước 8-0 mới lại trỗi dậy và Dave đột nhiên cảm thấy thà xem đám cổ động viên, ánh sáng và không khí trên sân vận động Anaheim còn thú vị hơn.

Anh chăm chú quan sát gương mặt các cổ động viên đội nhà - những gương mặt đầy vẻ căm phẫn, thất bại, như thể trận thua này còn khiến họ đau lòng hơn cả những kẻ đang chơi dưới sân. Dave có thể hình dung được đối với một số người, đây là trận đấu duy nhất trong năm mà họ có cơ hội đi xem. Họ dẫn vợ con theo, ra khỏi nhà từ sớm, khi buổi tối ở California mới bắt đầu, mang theo những thùng lạnh đựng thức ăn đồ uống cho những bữa tiệc picnic sau trận đấu và tấm vé giá ba mươi đô la cho hạng ghế rẻ, mua những chiếc mũ cổ động đội tuyển giá hai mươi lăm đô cho bọn trẻ con đội lên đầu rồi cổ nuốt những chiếc bánh mì kẹp thịt gồm ghiếc giá sáu đô la và đám xúc xích bốn đô rưỡi, uống thêm một lon Pepsi và những que kem dính nhớp nhúa dây ra cả đầu và tay họ. Họ tới đây để được lên tinh thần, để tìm kiếm sự hoan hỉ, để thoát ra khỏi cuộc sống thường ngày bằng việc chứng kiến một chiến thắng vang dội. Đó là lý do tại sao khán đài và các sân vận động bóng chày mang lại cảm giác như những nhà thờ lớn, rì rầm trong ánh sáng lung linh là những lời cầu nguyện và bốn mươi nghìn trái tim đập cùng một nhịp ca hy vọng.

Hãy chiến thắng vì tôi. Vì các con của tôi. Vì cuộc hôn nhân của chúng tôi, vì tôi có thể đem cái chiến thắng này vào trong xe của mình và lặng lẽ thưởng thức vinh quang của nó cùng với gia đình của mình trên đường trở về với cuộc sống thường ngày vốn không lấy gì làm vẻ vang.

Hãy chiến thắng vì tôi. Hãy chiến thắng. Chiến thắng. Chiến thắng.

Nhưng khi đội bóng của họ bị thua, cái hy vọng tập thể ấy bị nghiền nát thành muôn mảnh và mọi ảo tưởng về một sự đoàn kết đồng lòng giữa những người cùng hội cùng thuyền cũng tan biến. Đội bóng của anh đã phụ lòng anh và nhắc nhở anh rằng có nỗ lực đến đâu thì anh cũng chỉ thường chuốc lấy thất bại mà thôi. Khi anh hy vọng, hy vọng sẽ bị dập tắt. Và anh ngồi đó giữa đám rác rưởi những bao bì bằng giấy bóng kính sắc sỡ, những vỏ hộp popcorn, những chiếc ly giấy nhào nhoét, ngập sâu hơn trong đồng cỏ nát miên man của đời mình, chuẩn bị đối mặt với một đoạn đường về thật dài và tăm tối qua một bãi đỗ xe thật dài và tăm tối giữa một đám người lạ giận dữ, say xỉn với một bà vợ lầm lì đang cộng sổ thất bại mới nhất của chồng mình và ba đứa con mặt mũi khó khăn. Tất cả rốt cuộc chỉ là để ngồi lại vào trong xe và lái về cái nơi mà anh vốn hy vọng sân bóng hay chính là ngôi nhà thờ này sẽ giúp anh tránh đi trong giây lát.

Dave Boyle, cựu ngôi sao ở vị trí giữa gôn của đội tuyển vàng trường trung học kỹ thuật Don Bosco từ năm 78 đến năm 82 hiểu rất rõ rằng trên đời này hiếm có gì có thể so sánh với tâm trạng của một cổ động viên. Anh hiểu rõ khi nào cần họ, khi nào ghét họ, khi nào phải quỳ gối trước họ để cầu xin thêm một tràng vỗ

tay, và khi nào phải cúi đầu khi chẳng may làm tan vỡ trái tim họ, trái tim mà họ dành cho đội bóng, trái tim sẽ lên cơn cuồng nộ nếu đội bóng thua trận.

“Bạn có nhìn mấy cô gái kia không? Thật không tin nổi.” Stanley Khổng Lồ vừa bảo anh và Dave ngược mắt nhìn hai cô gái vừa xông lên đứng trên quầy bar nhảy theo tiết tấu của bài “Brown Eyed Girl” đang được một người bạn của họ hát chạy, không nhạc đệm. Hai người trên quầy bar liên tục uốn éo, lắc hông rất gợi cảm. Cô gái đứng bên phải có làn da nâu và đôi mắt sáng, màu xám rất gợi dục như mời mọc đàn ông, Dave đoán cô ta đang ở đỉnh cao của sự chín muồi, loại con gái này sẽ rất tuyệt trên giường trong vòng nửa năm nữa. Nhưng chỉ khoảng hai năm sau là xuống sắc, có thể dễ dàng nhận thấy cảm cô ta sẽ sệ và nhão, lại suốt ngày vận một chiếc váy nội trợ lồi thoi khiến không ai có thể tưởng tượng ra cách đây không lâu cô ta cũng là một người khêu gợi.

Nhưng cô gái kia thì...

Dave biết con bé kia từ khi nó còn nhỏ, Katie Marcus, con gái của Jimmy và Marita bạc phận đáng thương, giờ là con ghẻ của Annabeth, em họ vợ anh. Giờ con bé đã thực sự trưởng thành, cơ thể rắn chắc, tinh khôi, uyển chuyển. Nhìn con bé nhảy, lắc hông, xoay người và tươi cười, mái tóc vàng xòa xuống trước mặt như một chiếc khăn voan rồi lại hất ngược lên khi con bé ngả đầu ra sau để lộ chiếc cổ cong cong trắng ngần, Dave cảm thấy một niềm hy vọng đen tối, nhức nhối chột trĩu dậy trong lòng anh như một ngọn lửa tham lam cuồng nhiệt, chẳng phải tới từ nơi nào xa lạ mà từ chính con bé. Nó được truyền từ cơ thể con bé sang cơ thể anh, khi mắt con bé bắt gặp ánh mắt anh và khuôn mặt đầm đìa mồ hôi của nó đột ngột phát ra một tín hiệu nhận biết và con bé mỉm cười, lấy một ngón tay vẫy anh và dẫn đường cho niềm hi vọng ấy chạy xuyên qua lồng ngực vào tới trái tim anh.

Anh liếc nhìn sang đám đàn ông trong quán bar, hết thấy bọn họ đều đang ngáy ngất quan sát hai cô gái đang nhảy cứ như thể hai cô gái ấy là những tặng phẩm của Chúa trời. Dave có thể nhìn thấy trên gương mặt họ một niềm khao khát tương tự như biểu hiện của các cổ động viên đội Angels lúc trước, một sự mong mỏi thê lương nhưng đồng thời cũng cúi đầu chấp nhận rằng mình hẳn sẽ phải ra về mà không được thỏa mãn. Đành phải tự thủ dâm trong buồng tắm vào lúc ba giờ sáng trong khi vợ và con đang ngáy ầm ĩ trên gác.

Dave mơ hồ nhìn Katie trước mặt và nhớ tới nét mặt của Maura Keaveny lúc trần truồng phía dưới anh, lông mày ướm đậm, mắt mơ màng, bông bênh trong rượu và khao khát nhục dục. Chính là khao khát anh. Dave Boyle. Ngôi sao bóng chày. Niềm tự hào của khu phố Hạ chỉ trong ba năm ngắn ngủi. Không ai còn liên hệ anh với đứa bé bị bắt cóc lúc mười tuổi nữa. Không, vì anh chính là một người hùng của khu phố. Lúc đó Maura ở trên giường của anh. Còn Số Phận thì đứng về phía anh.

Lúc đó Dave Boyle còn chưa nhận thức được tương lai mới ngắn ngủi làm sao. Tương lai có thể biến mất nhanh như thế nào, chẳng để lại cho anh cái gì ngoài một hiện tại dài dằng dặc và khốn quẩn, không có gì bất ngờ, cũng không có gì để hy vọng, ngày lại ngày trôi qua không có gì thay đổi khiến một năm đã qua mà tờ lịch trong bếp vẫn luôn dừng ở tháng Ba.

Mình sẽ thôi không mơ mộng gì nữa, anh nói. Mình không muốn tự làm đau lòng mình nữa. Nhưng rồi đội bóng của anh lại thắng một trận vòng loại, hay anh vừa xem được một bộ phim, nhìn thấy một tấm biển quảng cáo du lịch Aruba đèn màu cam rực, hay bắt gặp một người con gái hơi giống với người mà anh hò hẹn thời trung học - một người phụ nữ mà anh đã yêu và đã để mất - đang nhảy trước mặt anh với đôi mắt lim dim mơ màng và anh tự nhủ, thấy kệ, hãy cứ mơ mộng thêm một lần nữa thôi.

Một lần khi Rosemary Savage Samarco vào lúc thập tử nhất sinh (không biết là lần thứ năm hay mười gì đó) bảo với con gái Celeste Boyle của mình rằng, “Thề với Chúa là niềm vui duy nhất trên đời này của ta là thỉnh thoảng chọc vào chỗ hiểm của bố mày.”

Celeste nở một nụ cười xa cách và toan bỏ đi chỗ khác nhưng những ngón tay bị viêm khớp của mẹ cô chụp lấy cổ tay cô và siết chặt tới tận khớp xương.

“Con nghe mẹ này, Celeste. Mẹ sắp chết nên khỉ gió, mẹ nói nghiêm túc đấy. Đó là thứ mà con sẽ có trên đời này - nếu mà con may mắn - dù chả nhiều nhận gì. Ngày mai mẹ sẽ chết và mẹ muốn con gái mẹ hiểu rằng: Con sẽ có được một thứ. Con có nghe mẹ nói gì không? Một thứ trên thế giới mang lại cho con niềm

vui. Với mẹ đó là chọc vào chỗ hiểm của ba con mỗi khi có thể.” Mắt bà chợt lấp lánh và nước dãi nhều ra trên miệng bà. “Tin mẹ đi, sau một thời gian, ông ấy lại đâm ra thích chứ.”

Celeste lấy khăn mặt lau trán mẹ. Cô mỉm cười với bà và gọi, “Mẹ” với một giọng thì thầm, êm ái. Cô khẽ thấm chỗ nước miếng trên miệng bà và xoa lòng bàn tay bà trong khi đầu cô không lúc nào ngừng nghĩ, ta phải ra khỏi đây. Ra khỏi ngôi nhà này, khỏi khu phố này, khỏi cái nơi điên rồ này, nơi đầu óc của con người đã hoàn toàn trở nên mục ruỗng do sống quá lâu trong cảnh bần hàn, bức bối mà hoàn toàn bất lực không thể đổi thay.

Thế nhưng mẹ cô vẫn tiếp tục sống. Bà vượt qua bệnh viêm ruột, những cơn co giật của bệnh tiểu đường, bệnh thận, hai cơn nhồi máu cơ tim, những u ung thư ở ngực và ở ruột. Hai lá lách của bà ngừng làm việc trong một ngày rồi một tuần sau lại hoạt động trở lại một cách háo hức, khiến các bác sĩ cứ hỏi đi hỏi lại Celeste liệu họ có thể nghiên cứu cơ thể mẹ cô sau khi bà chết.

Hồi đầu Celeste cũng hỏi lại, “Thế các vị có hứng thú nghiên cứu bộ phận nào?”

“Chỗ nào cũng cần nghiên cứu.”

Rosemary Savage Samarco có một người em trai ở khu Hạ mà bà rất ghét, hai người chị gái sống ở Florida nhưng không muốn nói chuyện với bà, và bà hay chọc vào chỗ hiểm của chồng tài tình tới mức ông phải chui xuống mồ từ sớm để trốn thoát. Celeste là đứa con duy nhất của bà sau tám lần sẩy thai. Lúc Celeste còn nhỏ, cô vẫn thường hay tưởng tượng ra những người suýt thành chị em đó bay lơ lửng xung quanh mình và bảo họ, mọi người thế là lại may.

Khi Celeste đến tuổi dậy thì, cô tin là sẽ xuất hiện một người mang cô ra khỏi tất cả những chuyện này. Cô không phải là một người xấu xí. Cũng không phải loại người chua chát, cô có phẩm chất tốt, lại biết khi nào cần hài hước. Xét trên mọi khía cạnh, cô đoán là chuyện đó hoàn toàn có thể xảy ra. Vấn đề là dù có gặp gỡ vài ứng cử viên nhưng không ai trong số họ là người có bản lĩnh ăm cô đi chỗ khác. Đa phần bọn họ là người ở Buckingham, phần lớn là mấy kẻ rách nát khu Thượng hay ở East Bucky trong khu Hạ giống như cô, cũng có vài người ở Rome Basin hay một anh chàng ở trên phố lớn mà cô gặp được trong khi theo học ở trường tạo mẫu tóc Blaine, nhưng hóa ra lại là một kẻ đồng tính dù lúc đó anh ta còn chưa hiểu ra điều đó.

Bảo hiểm y tế của mẹ cô rất tệ khiến Celeste chẳng mấy chốc nhận ra rằng cô đi làm chỉ để trang trải ở mức tối thiểu những khoản nợ khủng khiếp từ đồng hóa đơn y tế khủng khiếp cho những căn bệnh khủng khiếp nhưng lại vẫn chưa đủ khủng khiếp để chấm dứt sự khốn khổ của bà. Nhưng không hẳn là bà hoàn toàn căm ghét sự khốn khổ này. Mỗi lần vật lộn với một căn bệnh mới là lại thêm một lần bà có cảm giác chiến thắng cái mà Dave gọi là Cuộc đời khốn khổ của Rosemary, còn đau tim hơn cả trò rút thăm trúng thưởng. Xem bản tin truyền hình, thấy một bà mẹ đau khổ đang khóc lóc quỳ mọp trên vỉa hè sau khi ngôi nhà và hai đứa con bị thiêu rụi trong một đám cháy, Rosemary chỉ tặc lưỡi bảo, “Con thì lúc nào cũng có thể dễ được. Thử sống với bệnh viêm ruột và bệnh phổi trong cùng một năm sẽ biết thế nào là đau.”

Dave miễn cưỡng mỉm cười rồi bỏ đi lấy một chai bia nữa.

Rosemary nghe tiếng tủ lạnh mở trong bếp sẽ quay sang bảo Celeste, “Con chỉ là người tình của nó thôi, cưng ạ. Vợ của nó tên là Budweiser cơ.”

Celeste sẽ trả lời, “Mẹ ơi, thôi đi mà.”

Và mẹ cô lại bảo, “Gì cơ?”

Cuối cùng thì chính Dave là người mà Celeste quy thuận - hay chấp nhận? Anh là một người ưa nhìn, hài hước và rất hiếm khi mất bình tĩnh. Khi họ kết hôn, anh đang có một việc làm rất tốt, điều hành phòng thư tín ở Raytheon và ngay cả khi bị sa thải do cắt giảm nhân lực, anh cũng tìm ngay được một chân mang vác hành lý trong một khách sạn trung tâm (với mức lương bằng một nửa lúc trước) mà không hề than vãn. Trên thực tế, Dave là một người không bao giờ than phiền vì bất cứ chuyện gì, và hầu như không bao giờ nhắc tới quãng thời gian thơ ấu trước khi vào trường trung học, khiến chính Celeste cũng bắt đầu cảm thấy lạ, kể từ khi mẹ cô mất.

Cuối cùng thì một cơn đột quỵ cũng đã mang mẹ cô đi. Hôm đó Celeste từ siêu thị trở về nhà và tìm thấy

mẹ cô chết trong bồn tắm, đầu nghéch lên, miệng méo lệch sang phải như thể bà vừa nhá phải thứ gì quá chua.

Vài tháng đầu sau tang lễ, Celeste nhẹ người nghĩ rằng cô sẽ dễ thở hơn khi hằng ngày không còn phải nghe những lời nói độc địa và sự can thiệp thô bạo của mẹ vào cuộc sống của mình. Nhưng mọi chuyện lại không diễn ra như cô mong muốn. Tiền lương của Dave cũng chỉ bằng Celeste, chỉ hơn một đô la so với một giờ làm việc ở McDonald và dù có may mắn không phải trả tiếp đồng hóa đơn y tế chồng chất của Rosemary thì lại phải oằn lưng ra gánh tiếp món nợ khổng lồ từ chi phí tang lễ. Nhìn vào tình hình tài chính cùng quần của mình, những thứ hóa đơn họ sẽ phải trả dần trong nhiều năm, nguồn thu vào ít ỏi, những món cần chi tiêu lại khổng lồ, rồi những đồng hóa đơn mới do chi phí cho việc học hành của Michael, những chiếc thẻ tín dụng lần lượt hết tiền, Celeste không khỏi cảm thấy cuộc sống của họ như ngàn cân treo sợi tóc. Cả cô và Dave đều không có bằng đại học hay ý định học đại học, mà mỗi lần bật tin tức lên xem lại chỉ thấy người ta quàng quạc nói về tỉ lệ thất nghiệp hay tình hình an ninh việc làm nói chung mà chẳng thấy ai nhắc tới những người bị ảnh hưởng nhất chính là người lao động có tay nghề và những người không đủ tiền mua bảo hiểm y tế hay bảo hiểm răng miệng và có ít cơ hội lựa chọn nghề nghiệp.

Đôi khi Celeste ngồi trên nắp bồn cầu cạnh chiếc bồn tắm mà cô tìm thấy xác của mẹ mình. Cô cứ ngồi đó trong bóng tối. Ngồi đó và cố không bật khóc và tự hỏi tại sao cuộc đời cô lại thành ra nông nổi này và rồi một lần, trong khi cô đang ngồi như vậy vào lúc ba giờ sáng ngày Chủ nhật khi mưa to quật rất từng cơn lên cửa sổ thì Dave bước vào nhà, cả người toàn máu.

Anh có vẻ sững sờ thấy cô ngồi đó. Anh thụt lại khi thấy cô đứng lên.

Cô hỏi, “Anh yêu, chuyện gì đã xảy ra vậy?” và đưa tay ra định chạm vào người anh.

Anh lại lùi về phía sau, chân va vào cánh cửa. “Anh bị chém.”

“Gì cơ?”

“Anh bị chém.”

“Lạy Chúa, Dave! Đã xảy ra chuyện gì?”

Anh cởi chiếc áo thun đang mặc ra và Celeste nhìn chăm chăm vào một vết cắt dài đang há miệng máu me đầm đìa dọc theo mạng sườn Dave.

“Anh yêu, lạy Chúa tôi, anh phải tới bệnh viện ngay.”

“Không, không,” anh nói, “Nhìn này, nó đâu có sâu lắm, chỉ là chảy quá nhiều máu mà thôi.”

Anh nói đúng. Nhìn kỹ lại thì vết thương chỉ sâu khoảng hai tới ba mi li mét là cùng. Nhưng rất dài và chảy nhiều máu, còn chưa kể đến lượng máu đã thấm qua áo ngoài và phun lên cổ Dave.

“Là ai đã ra tay?”

“Một thằng mọi biến thái lên cơn nghiện,” anh nói và cuộn chiếc áo ném vào bồn rửa. “Em yêu, anh thế là tiêu rồi.”

“Anh sao? Làm sao cơ?”

Anh nhìn cô, mắt đảo điên. “Hắn ta định trấn lột anh nên anh đánh hắn. Vì vậy mà hắn chém anh.”

“Anh đánh một gã có dao ư, Dave?”

Anh mở vòi nước thò đầu vào uống một ngụm rồi bảo, “Anh cũng không biết tại sao. Anh hoàn toàn quần trí. Thực sự là quần trí, em yêu. Anh đã thịt hắn.”

“Anh sao cơ?”

“Anh đã giã hắn tơi bời. Nhìn thấy lưỡi dao là anh tự dưng phát điên lên. Em biết không? Anh đâm hắn ngã xuống, đè lên trên và rồi không còn kiềm chế được nữa, liên tục xuống tay.”

“Như vậy gọi là tự vệ?”

Anh gơ tay lên làm một cử chỉ tán đồng. “Nhưng nói thật anh không tin là tòa án sẽ nghĩ vậy.”

“Em không thể tin được chuyện này,” cô nắm lấy cổ tay anh bảo, “hãy kể chính xác cho em xem chuyện đã xảy ra như thế nào.”

Trong một chớp mắt khi nhìn thẳng vào mặt anh, bỗng dưng cô cảm thấy buồn nôn. Cô cảm thấy trong mắt anh có gì đó man trá, có gì đó vừa nổi loạn lại vừa hoan hỉ.

Chắc là tại ánh đèn, cô nghĩ vậy, là do ngọn đèn huỳnh quang mờ đục ngay trên đỉnh đầu anh vì khi anh cúi xuống và vỗ vỗ vào tay cô thì cơn buồn nôn lập tức biến mất và mặt anh trở lại bình thường, có vẻ sợ hãi, nhưng bình thường.

“Anh đan đi ra xe,” anh nói và Celeste lại ngồi xuống trên nắp bồn cầu trong khi Dave quỳ xuống trước mặt cô và nói tiếp, “và rồi hắt lại gần xin lửa. Anh nói anh không hút thuốc. Hắt ta bảo hắt ta cũng không hút thuốc.”

“Hắt cũng không hút thuốc?”

Dave gật đầu. “Thế nên tim anh bắt đầu đập thành thịch. Vì xung quanh chả có ai. Đó cũng chính là lúc anh nhìn thấy con dao và hắt ta bảo, ‘Ví của mày hay mạng của mày, đồ chó. Tao sẽ lấy một trong hai thứ đó.’”

“Hắt nói thế sao?”

Dave hơi lùi lại, đầu ngửa ra sau, “Sao cơ?”

“Không có gì.” Celeste chỉ nghĩ là những lời đó nghe rất hài hước, hơi quá thông minh, y như trong phim. Nhưng giờ khi ai cũng thích xem phim, nhất là từ khi có truyền hình cáp nên có lẽ tên cướp đó đã học được những dòng này từ một bộ phim nào đấy rồi thức đêm luyện tập trước gương cho tới khi thấy mình nói năng giống hệt các ngôi sao điện ảnh như Wesley hay Denzel.

“Và rồi... và rồi,” Dave nói, “Anh nói gì đó kiểu như, ‘thôi nào, anh bạn. Hãy để tôi vào xe và đi về nhà,’ rõ ràng là nghe rất ngớ ngẩn vì anh biết rằng hắt hắt còn muốn cướp luôn cả chìa khóa xe nữa. Và anh chỉ, anh cũng không biết tại sao nữa, cũng, anh chỉ thấy bức mình thay vì sợ hãi. Chắc là do rượu, có lẽ vậy, anh cũng không dám chắc, nên anh xô hắt ra và hắt rạch anh một nhát.”

“Em tưởng hắt đánh anh trước cơ mà.”

“Celeste, thế có để anh kể tiếp không, mẹ kiếp?”

Cô liền chạm vào má anh và bảo, “Em xin lỗi, anh yêu.”

Anh hôn vào lòng bàn tay cô và kể tiếp. “Ừ, đúng thế, hắt dồn anh về phía xe ô tô rồi thúi anh một đấm nhưng anh tránh được và thế là hắt đâm anh, anh cảm thấy lưỡi dao cửa vào thịt mình khiến anh giật mình. Anh liền đâm mạnh vào đầu hắt làm hắt hoàn toàn bất ngờ. Hắt chỉ kịp thốt ra mấy từ kiểu như, ‘Mẹ kiếp, thẳng chó chết,’ thì anh lại bồi thêm cú nữa, hình như vào cổ thì phải. Và hắt ngã xuống. Con dao bật ra xa và anh nhảy lên người hắt và, và, và...”

Dave nhìn chăm chăm vào trong bồn tắm, miệng vẫn há hốc, môi trề ra.

“Gì vậy?” Celeste vẫn đang cố hình dung ra cảnh tên cướp một tay xoay lại thành nắm đấm, một tay cầm dao thủ thế. “Thế anh đã làm gì?”

Dave quay đầu lại nhìn vào đầu gối cô. “Anh điên cuồng nện hắt. Anh chỉ biết là anh có thể đã giết hắt rồi. Anh đập đầu hắt xuống đất và đấm nát mặt hắt, mũi miếc gãy hết cả. Anh vừa điên vừa sợ, chỉ nghĩ tới em và Michael, nghĩ tới chuyện gì sẽ xảy ra nếu để mất xe, nghĩ tới việc mình có thể chết trong một bãi đỗ xe khốn kiếp chỉ vì một tên nghiện lười biếng không muốn làm việc lương thiện để kiếm sống.” Anh nhìn vào mắt cô và nhắc lại, “Em yêu, có thể anh đã giết hắt rồi.”

Trông anh lúc này thật trẻ con. Hai mắt mở to, mặt tái mét, mồ hôi nhễ nhại, tóc dính bết vào đầu, đầy vẻ kinh hoàng và rồi toàn máu là máu.

Bệnh AIDS, cô chợt nghĩ tới nó. Nếu tên đó bị bệnh AIDS thì sao?

Không, giờ phải giải quyết chuyện quan trọng trước mắt. Xử lý nó trước. Cô nghĩ.

Dave cần cô. Đây không phải thường hay xảy ra. Chính vào giây phút này cô mới nhận ra tại sao việc Dave không bao giờ than phiền lại bắt đầu khiến cô lo lắng. Người ta than phiền với ai đó chính là để kêu gọi sự giúp đỡ, kêu gọi người đó giải quyết rắc rối cho mình. Nhưng trước đây Dave chưa bao giờ cần tới cô nên anh không hề than phiền gì với cô, kể cả sau khi anh mất việc hay trong lúc Rosemary còn sống. Nhưng lúc này đây, anh đang quỳ trước mặt cô và tuyệt vọng nói với cô rằng anh có thể đã giết một người và muốn cô khẳng định mọi chuyện rồi sẽ ổn thỏa.

Đúng vậy. Không phải thế sao? Định trấn lột một công dân lương thiện không ngờ mọi chuyện lại không xảy ra như ý muốn. Phải chết thì cũng tệ thật. Celeste thầm nghĩ, thật là một chuyện đáng tiếc nhưng chơi dao hăm có ngày đứt tay.

Cô hôn lên trán chồng và thì thầm, “Anh yêu, anh đi tắm đi. Em sẽ xử lý đám quần áo này.”

“Được không?”

“Được.”

“Em định sẽ làm gì với chúng?”

Cô cũng chẳng biết nữa. Đốt chúng? Hầm rồi. Nhưng ở đâu? Không thể đốt ở trong căn hộ này. Chỉ có thể xuống sân sau. Nhưng ngay lập tức cô nghĩ tới việc người khác hẳn sẽ nghi ngờ nếu cô mang quần áo xuống sân đốt vào lúc ba giờ sáng. Hay bất cứ thời điểm nào khác trong ngày.

“Em sẽ giặt chúng.” Cô đột ngột nghĩ ra. “Em sẽ giặt chúng thật sạch rồi cho vào túi rác và chôn đi.”

“Chôn á?”

“Thế thì vứt ra bãi rác vậy. Hay, không, chờ chút - đầu cô giờ hoạt động nhanh hơn miệng - chúng ta sẽ giấu cái túi tới sáng thứ Ba. Thứ Ba là ngày đổ rác, phải vậy không nhỉ?”

“Ừ...” Anh bật vọt nước nhìn cô và chờ đợi, vết đâm trên người anh bắt đầu sẫm lại khiến cô lại lo lắng nghĩ tới khả năng nhiễm bệnh AIDS, hay viêm gan, có biết bao nhiêu bệnh gây chết người hay nhiễm độc truyền qua đường máu. “Em biết lúc nào họ tới lấy rác. Hằng tuần vào lúc bảy giờ mười lăm tại điểm đổ rác trừ tuần đầu tiên của tháng Sáu khi học sinh bế giảng, có nhiều rác hơn nên họ thường tới trễ nhưng...”

“Celeste. Em yêu. Ý em là gì?”

“Thì khi nghe tiếng xe tải em sẽ chạy xuống cầu thang như thể em bị sót một túi rác nên chạy theo quãng trực tiếp vào khoang nghiền rác sau xe. Được không?” Cô nói và mỉm cười dù không thấy thích thú ý tưởng ấy cho lắm.

Anh đặt một tay dưới làn nước, đứng xoay lưng lại phía cô và bảo, “Được rồi, nghe này...”

“Gì cơ?”

“Em không sao chứ?”

“Không sao.”

Viêm gan A, B và C, cô nghĩ. Bệnh Ebola. Các bệnh virus nhiệt đới.

Mất Dave lại giận ra. “Em yêu, có thể anh đã giết một người, lạ Chúa tôi.”

Cô những muốn tới bên anh và chạm vào anh. Lại những muốn chạy ra khỏi căn phòng này. Cô những muốn vuốt ve gáy anh và bảo anh rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn thỏa. Lại những muốn chạy đi thật xa cho tới khi có thể suy nghĩ mọi chuyện một cách thấu đáo.

Thế nên cô chỉ đứng im tại chỗ và bảo, “Em giặt quần áo nhé!”

“Được thôi,” anh nói. “Ừ, em giặt đi.”

Cô tìm thấy một đôi găng tay cao su dưới bồn rửa, đeo chúng vào và kiểm tra xem có chỗ nào bị rách không. Khi thấy chúng còn lành lặn, cô tỏ ra rất hài lòng, lôi chiếc áo thun ra khỏi bồn rửa và nhấc chiếc quần jean ở dưới đất lên. Chiếc quần cũng sẫm máu để lại một vết dơ trên sàn gạch trắng.

“Sao máu lại ướn cả quần thể này?”

“Gì cơ?”

“Máu.”

Anh nhìn cô giơ chiếc quần jean lên rồi nhìn xuống sàn buồng tắm. “Anh quỳ trên người hần.” Anh nhún vai. “Anh cũng chẳng rõ nữa. Anh đoán là do máu phun lên, giống như trên áo.”

“Ồ.”

Ánh mắt họ giao nhau. “Phải.Ồ.”

“Vậy thì,” cô nói.

“Vậy thì sao?”

“Vậy thì em sẽ mang chúng vào bếp giặt.”

“OK.”

“OK,” cô nói và rời khỏi buồng tắm, để anh đứng đó, một tay vẫn đang hứng dưới vòi sen chờ nước nóng.

Trong bếp, cô ném đồng quần áo vào bồn rửa rồi xả nước, nhìn máu và những mẩu thịt lầy nhầy, và Chúa ơi, cả những mẩu óc bị phọt ra, cô dám chắc là thế, cùng trôi xuống. Thật kỳ lạ khi biết được lượng máu có thể chảy ra từ một cơ thể người. Người ta ước lượng khoảng ba lít nhưng Celeste vẫn tin là nhiều hơn. Hồi học lớp bốn trong lúc chạy qua một công viên với bạn, cô bị trượt chân ngã. Trong lúc tìm cách đứng dậy thì lòng bàn tay phải của cô tì trúng một mảnh chai vỡ chống ngược lên. Tất cả các động mạch và tĩnh mạch của cô bị cửa đứt và vì cô còn nhỏ nên phải chờ đến chục năm sau nữa mới có thể phẫu thuật khôi phục chức năng. Phải sau hai mươi tuổi thì bốn ngón tay của Celeste mới có cảm giác trở lại. Nhưng thứ cô ghi nhớ rõ nhất chính là việc bị chảy máu. Khi cô nhấc tay khỏi bãi cỏ, khuỷu tay cô đau nhói như thấu tới xương, từ lòng bàn tay rách nát của cô máu phọt ra và phun thẳng lên khiến hai người bạn đi cùng hét toáng lên vì sợ hãi. Về tới nhà trong lúc chờ mẹ gọi xe cấp cứu, chỗ máu chảy ra gần đây một chậu. Trong xe cứu thương, họ băng tay cô dày cộp, không biết bao nhiêu lớp thể mà chỉ chưa đầy hai phút tất cả đã nhuốm đỏ. Trong bệnh viện người ta để cô nằm lên một tấm băng ca màu trắng. Những nếp gấp trên tấm ga giường lập tức biến thành các lạch máu. Sau khi cả tấm băng ca thấm máu, máu tiếp tục chảy tong tong xuống sàn tạo thành những vũng nhỏ cho tới khi mẹ cô gào khản tiếng khiến một bác sĩ cấp cứu quyết định ưu tiên cho Celeste được chăm sóc trước. Băng ấy máu, chỉ từ một gan bàn tay.

Và giờ đây, bằng ấy máu từ một cái đầu. Do Dave đâm vào mặt người khác và đập đầu hần ta xuống vỉa hè. Trong cơn điên, cô chắc thế, vì quá sợ mà làm liều. Cô để hai tay đeo găng dưới nước và kiểm tra lại lần nữa xem có bị thủng chỗ nào không. Không có lỗ thủng nào. Cô đổ nước rửa bát lên chiếc áo thun, dùng miếng cọ nổi bằng kim loại chà lấy chà để rồi vắt nước bắn đi, cứ làm như vậy nhiều lần cho tới khi vắt ra không còn màu hồng nữa. Cô cũng làm như vậy với chiếc quần jean, trong khi đó Dave đã tắm xong và tới ngồi bên bàn bếp với một chiếc khăn tắm quấn quanh lưng, vừa hút một điếu thuốc dài màu trắng mà mẹ cô để lại trong chạn bếp vừa uống bia và quan sát cô.

“Khốn nạn,” Anh nói khẽ.

Cô gạt đầu đồng tình.

“Ý anh là, em biết không?” anh lẩm bẩm. “Đi ra ngoài, lòng khắp khỏi hi vọng, một tối thứ Bảy đặc biệt, thời tiết dễ chịu và rồi...” Nói tới đây anh đứng dậy đi tới bên cô, dựa vào lò nướng nhìn cô chật vật vắt chiếc ống quần jean bên trái và hỏi, “Sao em không dùng máy giặt?”

Cô quay sang nhìn anh và nhận thấy vết rạch bên sườn anh đã trở nên trắng nhợt và nhẵn nhúm sau khi tắm. Cô tự dưng muốn cười thật to nhưng kìm lại được và bảo, “Bằng chứng, anh yêu.”

“Bằng chứng gì cơ?”

“Thì, em cũng không chắc lắm nhưng em đoán máu và... những thứ khác có thể bám lại trong máy giặt, không bằng cho vào bồn rửa xả tất đi.”

“Bằng chứng.” Anh nhắc lại và khẽ huýt sáo.

“Đúng là bằng chứng,” cô nói và toét miệng ra cười, có cảm giác như đang âm mưu một đại sự quan trọng và nguy hiểm.

“Cùng ơi, em đúng là một thiên tài.” Dave nói.

Celeste lúc này đã vắt xong chiếc quần jean liền tắt vòi nước rồi khẽ cúi đầu trước Dave như để cảm ơn lời khen của anh.

Lúc này đã bốn giờ sáng nhưng đã nhiều năm qua chưa bao giờ cô cảm thấy tỉnh táo như hiện tại. Giống như một đứa trẻ tám tuổi thao thức chờ quà Giáng sinh sáng sớm hôm sau. Trong máu cô như chỉ chứa toàn cafein.

Cả cuộc đời, người ta chỉ mong chờ một sự kiện như thế này. Bạn tự nhủ không phải vậy nhưng thật ra là đúng vậy. Được dự phần vào một tấn thảm kịch. Không phải là tấn kịch với những hóa đơn chưa thanh toán, những cuộc cãi cọ vợ vắn, ngoa ngoắt trong gia đình. Không phải những thứ đó. Mà là một thứ vô cùng chân thực, chân thực hơn cả thực tế. Phải nói là siêu thực tế. Chồng cô có thể đã giết một kẻ xấu. Và nếu hắn ta chết thật thì cảnh sát sẽ truy tìm thủ phạm. Và nếu họ lần tới đây, tới Dave, thì họ cần phải có bằng chứng.

Cô có thể hình dung ra họ ngồi đó, cạnh bàn bếp, mở sổ ghi chép, người còn vương mùi cà phê và mùi quán trọ đêm trước, đặt câu hỏi cho cô và Dave. Họ sẽ rất lịch sự nhưng phải dè chừng. Cô và Dave sẽ đáp lại một cách bình tĩnh, nhã nhặn.

Vì mọi chuyện đều liên quan tới bằng chứng. Mà cô thì vừa gột sạch chúng trong bồn rửa và xả ra cống. Sáng mai cô sẽ dỡ ống thải dưới bồn thải ra rửa sạch, tẩy trắng rồi lắp vào chỗ cũ. Cô sẽ cho chiếc áo thun và quần jean vào một túi đựng rác bằng ni lông, giấu chúng đi và tới sáng thứ Ba sẽ ném vào khoang sau của xe rác nơi nó sẽ bị nghiền nát và trộn lẫn với đám trứng thối, gà ung và bánh mì mốc. Cô sẽ làm tất cả những việc đó và cảm thấy mình tự dưng lớn lao, vĩ đại hơn ngày thường rất nhiều.

“Điều đó khiến cho ta cảm thấy cô độc.” Dave nói.

“Gì cơ?”

“Hại người,” anh nói khẽ.

“Nhưng anh buộc phải làm vậy.”

Anh gật đầu. Da anh trông sạm lại dưới ánh tranh sáng tranh tối trong bếp. Thế nhưng trông anh vẫn trẻ, như một đứa bé vừa mới chui ra khỏi bụng mẹ và đang tìm cách hít thở. “Anh biết. Anh biết. Nhưng dù sao nó cũng khiến cho ta cảm thấy đơn độc. Khiến cho ta cảm thấy...”

Cô chạm tay vào mặt anh, yết hầu anh khẽ nhói lên khi anh dừng lại nuốt nước bọt trước khi nói tiếp.

“Cảm thấy như người ngoài hành tinh.” Anh nói.

5. Chương 5: Những Tấm Rèm Màu Da Cam

Sáu giờ sáng ngày Chủ nhật, bốn tiếng rưỡi trước lễ ban thánh thể lần đầu tiên của con gái Nadine của hần, Jimmy Marcus nhận được một cú điện thoại của Pete Gilibowski từ cửa hàng gọi tới kêu là cậu ta quá nhiều việc không kịp trở tay.

“Không kịp á?” Jimmy ngồi bật dậy trên giường nhìn đồng hồ và bảo, “Mẹ kiếp, Pete, giờ mới sáu giờ sáng. Cậu và Katie không lo nổi thì làm sao trụ được tới tám giờ khi đông người đi lễ nhà thờ?”

“Vấn đề là ở chỗ đó, Jim. Katie không có ở đây.”

“Nó không gì cơ?” Jimmy hást chần và ra khỏi giường.

“Cô ấy không có ở đây. Đáng lẽ cô ấy phải tới từ năm rưỡi đúng không? Tôi đang để thằng bé giao bánh rán bốp còi inh ỏi chờ ở sân sau đây này, lại còn cà phê chưa kịp chuẩn bị cho...”

“Được rồi,” Jimmy nói và đi dọc theo hành lang tới phòng Katie, cảm thấy không khí lạnh lẽo của ngôi nhà dưới mỗi bước chân, những buổi sáng sớm tháng Năm vẫn buốt giá như những buổi chiều tháng Ba.

“... cho một đám công nhân xây dựng lượn mãi ở các quán bar, nhậu chán trong công viên, hút hít lảng nhãng rồi mò tới đây vào lúc năm giờ bốn mươi phút, uống nhẩn cà phê Colombia và cà phê kiểu Pháp ở cửa hàng. Bánh ngọt thì trông phát tởm. Anh trả bọn nhóc bao nhiêu tiền để chúng làm thêm tối thứ Bảy đây hà Jim?”

“Được rồi,” Jimmy lại ừ hừ nói và đẩy cửa phòng Katie ra sau khi gõ cửa mà không nghe thấy tiếng trả lời. Giường của con bé trống không và tẻ hơn nữa lại vô cùng gọn ghẽ chứng tỏ con bé không hề ngủ đây đêm qua.

“Vì hoặc là anh tăng lương cho chúng hoặc là xạc cho chúng một trận,” Pete tiếp tục. “Tôi cần thêm ít nhất một tiếng nữa để chuẩn bị trước khi có thể... Xin chào, bà có khỏe không bà Carmody? Cà phê ạ, có ngay, có ngay.”

“Tôi sẽ tới,” Jimmy nói.

“Lại nữa, tôi còn đóng báo Chủ nhật vẫn đang buộc dây, các thể loại phụ trương ở trên cùng, loạn hết cả lên...”

“Tôi đã bảo là tôi đang tới mà.”

“Ồ, thật chứ, Jim? Cảm ơn nhé.”

“Pete này? Gọi cho Sal xem ông ấy có thể tới vào lúc tám giờ ba mươi thay vì mười giờ được không?”

“VẬY sao?”

Jimmy nghe thấy từ đầu dây bên kia tiếng ai bốp còi xe ô tô ầm ỉ. “Này Pete, mẹ kiếp, ra mở cửa cho thằng bé nhà Yser đi được không? Nó sẽ không thể ôm đồng bánh rán chờ đó cả ngày được.”

Jimmy gác máy và đi về phía buồng tắm. Annabeth không đắp chăn, đang ngồi trên giường ngáp.

“Là cửa hàng à?” Cô vừa nói vừa ngáp.

Jimmy gật đầu. “Katie không thấy đến.”

“Vào ngày hôm nay. Ngày lễ ban thánh thể lần đầu của Nadine, mà nó lại không tới làm. Nếu nó cũng không xuất hiện ở nhà thờ thì sao?”

“Anh chắc là con bé sẽ tới thôi.”

“Em cũng chẳng biết nữa Jimmy. Nếu tối hôm qua nó say quá, sáng nay chả thèm đi làm thì ai mà biết được...”

Jimmy chỉ nhún vai. Chẳng thể nào nói chuyện với Annabeth được mỗi khi đề cập tới Katie. Đối với đứa con riêng của chồng, Annabeth chỉ có hai trạng thái, hoặc lạnh lùng, tức tối hoặc vô cùng thấm thiết như bạn bè chí cốt. Không có thứ tình cảm trung gian nào và Jimmy biết - và hơi cảm thấy có lỗi - thái độ đó của Annabeth chủ yếu bắt nguồn từ việc cô đã chứng kiến giai đoạn Katie lên bảy, vừa mất đi người mẹ thân yêu của mình và mới được gặp lại bố. Vì vậy con bé đã rộng mở và đón nhận với tấm lòng chân thành và biết ơn sự hiện diện của một người phụ nữ khác trong căn hộ trống trải của hai cha con. Thế nhưng cái chết của mẹ vẫn làm Katie bị tổn thương, nếu không phải là ở mức độ không thể bù đắp được thì cũng vô cùng sâu sắc và bất cứ lúc nào, sự mất mát đó cũng có thể len lỏi vào trái tim con bé và nó chỉ có thể trút giận, chủ yếu là lên Annabeth, một người mẹ trên thực tế nhưng không bao giờ có thể so sánh được với hồn ma của Marita.

“Trời ơi, Jimmy, anh không định ra cửa hàng đấy chứ?” Annabeth hỏi khi thấy Jimmy giữ nguyên chiếc áo thun mặc đi ngủ, chui đầu vào một chiếc áo lạnh rồi nhìn quanh tìm chiếc quần jean của mình.

“Chỉ một tiếng thôi.” Jimmy tìm thấy chiếc quần của mình cuộn dưới chân giường. “Nhiều nhất là hai tiếng. Sal sẽ tới thay ca cho Katie lúc mười giờ. Pete đang gọi cho ông ấy tới làm sớm hơn.”

“Sal đã hơn bảy mươi tuổi rồi.”

“Thì thế. Giờ này ông ấy còn ngủ được sao? Chắc mót tiểu dậy từ bốn giờ sáng rồi ngồi dán mắt vào vô tuyến cho tới giờ.”

“Bố khi.” Annabeth tung chăn và ra khỏi giường. “Katie đúng là của nợ. Nó sẽ lại làm hỏng nốt ngày hôm nay cho mà xem.”

Jimmy bắt đầu cảm thấy nóng gáy. “Sẽ lại là thế nào, gần đây nó có gì không đúng?”

Annabeth chỉ khẽ phẩy tay đáp lại và đi vào trong buồng tắm. “Thế anh có biết nó đang ở đâu không?”

“Chắc ở nhà Diane hay Eve gì đấy,” Jimmy nói, vẫn còn ngạc nhiên vì cái phẩy tay lạnh lùng của vợ. Annabeth, tình yêu đích thực của đời hắn, điều này hắn không còn nghi ngờ gì nữa, không hề biết là đôi khi cô ấy có thể xử sự một cách thật lạnh lùng, chẳng thềm đoái hoài (một tính cách rất điển hình của nhà Savage) tới việc tâm trạng hắn đang không được tốt hay một khoảnh khắc nóng giận của cô có thể tàn phá người khác như thế nào. “Hay có thể ở nhà một thằng bạn trai.”

“Vậy sao? Đạo này nó đang hẹn hò với ai vậy?” Annabeth vịn vòi nước và bước vào trong bồn chờ nước nóng dần lên.

“Cái đó thì chắc em phải rõ hơn anh chứ.”

Annabeth lục tủ thuốc để tìm hộp kem đánh răng và lắc đầu bảo, “Nó đã không còn hẹn hò với Caesar Lùn từ tháng Mười một. Thế là đã mừng lắm rồi.”

Jimmy mỉm cười đi giày vào. Annabeth vẫn luôn gọi Bobby O'Donnell là Ceasar Lùn hay những từ còn tệ hơn không chỉ vì hắn ta lúc nào cũng muốn trở thành một tay anh chị, ánh mắt lạnh lùng mà còn vì hắn ta cũng thấp và mập y như diễn viên Edward G. Robinson trong phim xã hội đen. Không khí trong gia đình căng thẳng mất mấy tháng kể từ khi Katie bắt đầu qua lại với hắn ta mùa hè trước. Anh em nhà Savage nói với Jimmy là họ sẽ dạy dỗ tên khốn đó nếu cần thiết nhưng không rõ là vì lương tâm họ không cho phép tên vô lại đó theo đuổi cháu gái yêu của mình hay là vì Bobby O'Donnell ngày càng trở thành một đối thủ cạnh tranh đáng gờm của họ.

Nhưng chính Katie lại là người tự cắt đứt mối quan hệ này sau nhiều lần phải ra ngoài vì những cú điện thoại lúc ba giờ sáng và một trận ẩu đả suýt xảy ra đổ máu khi Bobby và Roman Fallow đột nhiên xuất hiện trước cửa nhà. Cuộc chia tay diễn ra sau đó vì vậy cũng khá êm ả.

Jimmy lấy làm thích thú trước việc Annabeth ghét cay ghét đắng Bobby O'Donnell vì không biết vợ mình ghét hắn ta chỉ bởi hắn ta trông giống Edward G., lại cả gan ngủ với con gái chồng hay bởi đó là một tên tội phạm nửa mùa khác hẳn các tay anh chị sừng sỏ giống như các anh trai và chồng trước của cô, người đã chết nhiều năm trước khi Marita qua đời.

Marita qua đời mười bốn năm trước trong khi Jimmy đang thụ án hai năm tại nhà tù Deer Island House ở Winthrop. Một ngày thứ Bảy trong giờ tối thăm, với bé Katie năm tuổi ngồi uốn éo trong lòng, Marita nói với Jimmy rằng trên tay cô xuất hiện một mụn ruồi ngày càng sẫm lại và cô sẽ phải đi khám bác sĩ. Chỉ để yên tâm mà thôi, cô nói. Bốn tuần sau, cô bắt đầu các đợt hóa trị. Sáu tháng sau cô vĩnh viễn ra đi và Jimmy buộc phải chứng kiến cơ thể cô dần dần kiệt quệ trong những buổi chiều thứ Bảy dằng dặc bên kia chiếc bàn gỗ màu sẫm đầy vệt chảy thuốc lá, vệt mồ hôi, vệt ố và những lời buộc tội ai oán dài như hàng thế kỷ. Tháng cuối cùng trước khi mất, Marita quá ốm nên không thể tới thăm hắn, quá yếu nên không thể viết thư cho hắn và Jimmy đành làm quen với những cuộc điện thoại mà vợ hắn thường phải bỏ dở giữa chừng vì kiệt sức hay say thuốc. Mà thường là vì cả hai.

“Anh có biết là em đang mơ cái gì không?” Cô hỏi, giọng khàn lại. “Mọi lúc đều mơ thấy nó.”

“Gì vậy em yêu?”

“Những tấm rèm cửa màu da cam. Những tấm rèm cửa lớn, dày, màu da cam...” Cô chép miệng và Jimmy nghe thấy tiếng cô nuốt nước bọt. “... bay phấp phật trong gió, treo trên những dây phơi xa mặt đất, Jimmy.

Bay phần phật. Chúng chả còn có thể làm gì khác được. Phần phật, phần phật, phần phật. Hàng trăm chiếc rèm cửa trên cánh đồng rộng lớn mênh mông này. Bay phần phật...”

Hắn đợi cô kể tiếp nhưng cô chỉ dừng lại ở đó và hắn không muốn Marita ngủ gật giữa câu chuyện như cô từng làm nhiều lần trước đó nên chỉ nói, “Katie thế nào?”

“Gi cơ?”

“Em yêu, Katie có khỏe không?”

“Mẹ anh chăm sóc bọn em rất tốt. Nhưng buồn.”

“Ai buồn cơ? Mẹ anh hay Katie?”

“Cả hai. Nghe này Jimmy, em phải đi thôi. Em thấy nôn nao. Em mệt quá.”

“Được rồi, cưng.”

“Em yêu anh.”

“Anh cũng yêu em.”

“Jimmy này, chúng ta chưa bao giờ có bất kỳ tấm rèm cửa màu da cam nào đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Thật là kỳ quặc,” cô nói rồi gác máy.

Kỳ quặc: đó là những lời cuối cùng cô nói với hắn.

Đúng vậy, thật là kỳ quặc. Một mụn ruồi xuất hiện trên tay bạn từ lúc nằm nôi nhìn món đồ chơi treo cũi đột nhiên đổi màu, và rồi hai mươi tư năm sau hay gần chẵn hai năm kể từ lần cuối bạn lên giường với chồng, hai chân quấn lấy nhau, bạn đã bị người ta bỏ vào quan tài, chôn sâu dưới đất, chồng phải đứng cách đó năm mươi mét, chân tay bị cùm, cảnh sát vũ trang thức ở hai bên.

Hai tháng sau tang lễ, Jimmy ra tù, đứng sừng sững trong căn bếp với bộ quần áo mà hắn mặc lúc vào tù, mỉm cười với đứa con xa lạ của mình. Hắn vẫn còn nhớ bốn năm đầu đời của con bé, nhưng chính con bé lại không nhớ gì cả. Nó chỉ nhớ hai năm gần nhất, hay có lẽ một vài mẫu ký ức nho nhỏ, vụn vặt về người đàn ông từng ở trong căn nhà này trước khi người ta chỉ còn cho nó gặp ông vào các ngày thứ Bảy, đối diện qua một chiếc bàn cũ kỹ trong một tòa nhà nhộp nhúa, bốc mùi xây dựng trên nền những bãi tha ma bị nguyên rửa của người da đỏ nơi những ngọn gió thì sắc như dao, những bức tường nồm chảy nước và trần nhà thì thấp lè tè. Đứng trong bếp nhìn con bé lặng lẽ quan sát mình, Jimmy chưa bao giờ có cảm giác bất lực như thế. Hắn chưa bao giờ cảm thấy, dù chỉ là phần nửa, sự đơn độc và sợ hãi nhường ấy khi hắn ngồi xuống bên cạnh Katie và nắm lấy hai bàn tay nhỏ bé của con gái, rồi như thể bay bổng ở đâu đó trên cao mà nhìn hai cha con hắn bằng con mắt của tâm tưởng. Và cái linh hồn đang bay bổng ấy thầm nghĩ: ta thấy hai sinh vật kia thật đáng thương. Hai kẻ xa lạ trong một căn bếp tồi tàn, đang ngấm đánh giá nhau và cố không trở nên căm ghét đối phương vì Marita đã mất, bỏ hai bọn họ lại với nhau mồ côi không phương hướng.

Dù muốn hay không, đứa con gái này - cái sinh linh nhỏ bé này, đang sống, đang hít thở và đang dần dần hình thành tính cách này - từ đây sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào hắn.

“Mẹ đang mỉm cười với chúng ta từ thiên đàng,” Jimmy bảo Katie. “Mẹ rất tự hào vì chúng ta. Thật đấy!”

“Bố có phải quay lại chỗ đó nữa không?” Katie hỏi.

“Không. Không bao giờ.”

“Thế bố có phải đi đâu khác không?”

Jimmy, trong khoảnh khắc đó, cảm thấy thà đi tù thêm sáu năm nữa ở một chỗ khốn kiếp như Deer Island hay tệ hơn vẫn còn hơn là ở trong bếp, đối mặt với đứa con gái xa lạ này hai mươi tư tiếng đồng hồ, với một tương lai bấp bênh, đáng sợ, với ý nghĩ rằng tuổi thanh xuân còn lại của hắn sẽ mãi mãi bị giam cầm trong cái hũ nút này.

“Không bao giờ,” hắn nói, “Bố sẽ không rời con ra nửa bước.”

“Con đói.”

Câu nói ấy làm Jimmy chết điếng toàn thân. Chúa ơi, ta sẽ phải cho con bé này ăn mỗi khi nó đói. Cho tới hết đời, lạy Chúa tôi.

“Được rồi,” hắn nói, cảm thấy một nụ cười đang giãn ra trên mặt. “Chúng ta dùng bữa thôi.”

Jimmy tới Cottage Market, cửa hàng của mình, vào lúc sáu rưỡi, lo trông coi việc thu ngân và máy quay Lô tô trong khi Pete bày đám bánh rán đặt từ các cửa hàng Dunkin’ Donuts của Yser Gaswami trên phố Kilmer, các loại bánh ngọt, bánh cannoli và bánh xúc xích cuộn bột xốp từ tiệm bánh ngọt của Tony Buca. Rảnh tay thì Jimmy lại lo đồ cà phê từ máy ra những bình cà phê giữ nhiệt ngoại cỡ, cắt dây buộc các chồng báo Globe, Herald và The New York Times số ra ngày Chủ nhật. Các phụ trương và truyện tranh thì nhét vào giữa rồi xếp gọn chúng ở phía trước giá kẹo, dưới quầy thu ngân.

“Sal bảo mấy giờ thì ông ấy đến được?”

“Sớm nhất là chín rưỡi. Xe ô tô của ông ấy teo rồi, chắc chắn dùng được nữa. Thế nên ông ấy sẽ phải đổi hai lần tàu và một lần xe buýt mới tới được đây mà giờ thì còn chưa sửa soạn gì.”

“Mẹ kiếp.”

Khoảng bảy giờ mười lăm họ phải phục vụ một đám khách không ngồi lâu, thường là những người vừa tan ca đêm, phần lớn là cảnh sát ở quận 9 hay những nhân viên y tá của viện Saint Regina và một vài cô gái làm việc thêm ca một cách trái phép tại các hộp đêm bên kia đại lộ Buckingham ở khu Hạ và Rome Basin. Tất cả bọn họ trông đều mệt mỏi nhưng tinh thần thoải mái, hưng phấn, cả người toát ra một vẻ nhẹ nhõm, thư thái như thể họ vừa chiến đấu bên cạnh nhau, người đầy bùn và máu nhưng vẫn vững vàng, lạnh lặn.

Trong khoảng thời gian năm phút vẫn khách trước khi bị một đám khách mới, những người đi dự lễ buổi sớm, tập kích, Jimmy gọi điện cho Drew Pigeon và hỏi xem Katie có ở chỗ ông ta hay không..

“Hình như con bé ở đây,” Drew nói.

“Phải không?” Jimmy nghe thấy âm điệu hy vọng trong giọng nói của mình và nhận ra rằng bên ngoài có vẻ tỉnh bơ nhưng bên trong hắn thực sự lo lắng.

“Chắc thế,” Drew nói. “Để tôi xem lại.”

“Thật là phiền anh, Drew.”

Hắn nghe thấy bước chân nặng nề của Drew âm vang dọc theo hành lang bằng gỗ trong khi tính tiền hai vé số cào cho bà Harmon và ngăn không chảy nước mắt vì nồng độ nước hoa mang tính sát thương của bà già. Hắn nghe tiếng Drew quay lại, cảm thấy tim mình đập nhanh hơn, hắn trả lại cho bà Harmon năm mươi xu và vẫy tay chào tạm biệt.

“Jimmy?”

“Tôi vẫn đang nghe đây, Drew.”

“Xin lỗi. Là Diane Cestra ngủ lại ở đây. Đang ngủ dưới sàn, trong phòng của Eve, nhưng Katie thì không thấy.”

Nhịp tim phần khởi của Jimmy dừng lại đột ngột như thể bị ai kẹp lấy.

“Thôi, không sao.”

“Eve bảo là Katie thả hai đứa chúng nó về lúc khoảng một giờ đêm thì phải. Nhưng không nói con bé đi đâu sau đó.”

“Được rồi, không sao.” Jimmy cố giả giọng tươi tỉnh. “Tôi sẽ lần ra nó thôi.”

“Hay nó đang hẹn hò với ai?”

“Bọn con gái mười chín tuổi này, ai mà quản nổi hà Drew.”

“Đúng là thực tế phũ phàng,” Drew vừa nói vừa ngáp. “Eve ấy, Jimmy ạ, tất cả các cuộc gọi của nó không bao giờ cùng một gã, không biết nó có bao nhiêu đối tượng khác nhau, tôi cực kỳ là nó phải có một cái danh sách ở bên cạnh để khỏi nhầm lẫn.”

Jimmy cố nặn ra một điệu cười. “Này, dù sao cũng cảm ơn anh, Drew.”

“Không có gì, Jimmy, bảo trọng.”

Jimmy gác máy và nhìn chăm chăm vào bàn phím của máy thu tiền như thể nó sẽ đem lại cho hắn một câu trả lời. Đây không phải lần đầu tiên Katie ra ngoài cả đêm. Nhưng cũng chưa tới lần thứ mười. Thậm chí cũng không phải lần đầu tiên con bé trốn việc, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì nó cũng luôn gọi điện thông báo. Thế nhưng, nếu nó gặp một anh chàng có vẻ ngoài giống mình tinh mần bạc hay một gã trai thành phố hấp dẫn... Jimmy vẫn chưa già tới mức quên đi thế nào là tuổi mười chín. Hắn không bao giờ để Katie nghĩ rằng hắn dung dưỡng con bé muốn làm gì thì làm, nhưng đồng thời hắn cũng không đạo đức giả tới mức lên án mọi hành vi của Katie.

Chiếc chuông treo trên cửa bằng một sợi ruy băng chợt rung lên và Jimmy ngẩng đầu nhìn tốp khách đầu tiên trong đám đông đeo tràng hạt đi lễ nhà thờ về, những ông bà già tóc màu xám xanh ulla vào cửa hàng, vừa đi vừa càu nhàu về buổi sáng lạnh như cắt, bài thuyết giảng của cha xứ và sự dơ dáy trên đường phố.

Pete thò đầu ra khỏi quầy bánh và chùi tay vào chiếc khăn bông dùng để lau bàn. Cậu ta ném một hộp giấy vệ sinh lên nóc quầy rồi ra đứng đằng sau chiếc máy thu ngân thứ hai. Cậu nghiêng người về phía Jimmy và nói, “Chào mừng tới địa ngục,” và tốp khách thứ hai, những người theo môn phái Holy Roller, nhanh chóng theo chân tốp thứ nhất bước vào cửa hàng.

Từ gần hai năm nay, Jimmy không còn làm việc vào các sáng Chủ nhật nữa và đã quên bằng sự nhộn nhạo chẳng khác gì sở thú những ngày ấy. Pete quả không sai. Bấy giờ sáng, lúc người bình thường còn đang ngủ, những ông bà già tóc xám xanh cuồng tinn đã chen chúc tới nhà thờ Saint Cecilia dự buổi lễ sớm nhất, mang theo cơn cuồng tinn của họ vào việc mua sắm ở cửa hàng Jimmy, tàn sát đám bánh ngọt và bánh rán, uống cạ cà phê, lột sạch giá trưng bày các sản phẩm sữa và đẽo hết nửa chồng báo. Họ va vào các giá để hàng, giẫm lên các túi khoai tây rán và lạc chẳng may bị rơi xuống đất. Họ gào lên mỗi khi gọi đồ ngọt hay muốn mua phiếu Lô tô, xổ số cào, thuốc là Pall Mall và Chesterfield mà đếch thèm biết mình đang xếp hàng ở vị trí nào. Rồi bất chấp một biển người tóc xanh, tóc trắng, tóc hói giận dữ chen chúc phía sau, họ cứ đông dài hỏi thăm về gia đình của Jimmy và Pete trong lúc tính toán chính xác từng xu tiền thối lại, rồi rề rề mãi mới lấy đồ đi, nhường chỗ cho đám đông sùng sục sau lưng.

Jimmy chưa từng chứng kiến đám đông nào bát nháo hơn thế kể từ lần hắn dự một lễ cưới Ailen tổ chức trong một quán bar có đồ uống miễn phí cho tất cả mọi người và khi rốt cuộc cũng có thể ngược mắt lên nhìn đồng hồ vào lúc tám giờ bốn lăm, khi những người khách cuối cùng đang đi ra cửa, thì hắn có thể cảm thấy mồ hôi đã ướt đầm chiếc áo lót bên trong, dính chặt vào người. Hắn nhìn bên trong cửa hàng như thể có một quả bom vừa mới nổ ở chính giữa rồi quay sang Pete và cảm thấy trong lòng trào dâng một thứ tình cảm bằng hữu thân ái, giữa hai kẻ cùng hội cùng thuyền giống như đám khách lúc bấy giờ mười lăm, cùng là cảnh sát, y tá hay gái điếm, và việc cùng sống sót thoát khỏi đám khách điên rồ lúc tám giờ sáng ngày Chủ nhật dường như đã nâng tình bạn giữa hắn và Pete lên một bậc.

Pete ném cho hắn một nụ cười mệt mỏi. “Từ giờ cho tới khoảng một tiếng rưỡi nữa là lúc vắng khách. Tôi có thể ra đằng sau hút một điếu thuốc không?”

Jimmy mỉm cười, cảm giác khoan khoái, trong lòng chợt dấy lên một niềm tự hào lạ lùng đối với việc tự tay gây dựng cơ sở kinh doanh nhỏ này thành một điểm tụ tập của bà con lối xóm. “Mẹ kiếp, Pete, hút cả bao đi.”

Hắn đang sắp xếp lại các gian hàng, bày gian sữa mới, để thêm bánh rán và bánh ngọt vào khay thì chuông cửa lại rung lên và hắn nhìn thấy Brendan Harris và em trai, thằng Ray Cầm, bước qua quầy thu ngân tới một góc nhỏ nơi trưng bày các sản phẩm như bánh mì, bột giặt, bánh quy và trà. Jimmy bận rộn gỡ đám giấy bóng kính bọc bánh ngọt và bánh rán và hối hận đã ra hiệu cho Pete có thể thông thả nghỉ ngơi ngoài kia, chỉ mong cậu ta lập tức quay trở lại.

Hắn nhìn lên và để ý thấy Brendan đang nhìn chăm chăm về phía quầy thu ngân như đang toan tính trắn

lột hay hi vọng nhìn thấy ai đó. Trong một giây nghi ngờ phi lí, Jimmy tự hỏi ko hiểu có phải đuổi việc Pete vì đã buôn bán những mặt hàng cấm sau lưng hắn. Nhưng kiểm điểm lại, hắn nhớ là Pete đã nhìn thẳng vào mắt hắn và thề rằng sẽ không bao giờ làm việc gì hại tới sự nghiệp kinh doanh buôn bán cả đời của Jimmy. Jimmy biết là cậu ta nói thật vì trừ phi là đại bịp nếu không chỉ cần Jimmy nhìn thẳng vào mắt và hỏi một câu thật thẳng thừng thì gần như không ai có thể nói dối được hắn, hắn có thể phát hiện ra nhất cử nhất động của con mắt, dù tiểu xảo tới đâu cũng không thoát được. Đó là điều hắn đã học được khi quan sát cha mình trong lúc say rượu thường đưa ra những lời hứa hươu hứa vượn nhưng chẳng bao giờ thực hiện, quan sát tới cảnh giới nào đó thì sẽ dễ dàng phát hiện ra sự dối trá ngay khi nó xuất đầu lộ diện. Và Jimmy nhớ là Pete đã nhìn hắn không hề chớp mắt và thề là chưa từng buôn bán gì sau lưng hắn, và Jimmy tin rằng đó là sự thật.

Vậy Brendan đang tìm cái gì cơ chứ? Nó không ngu tới mức tính chuyện tới đây để ăn cướp đấy chứ? Jimmy biết cha của Brendan, Ray Harris, nên không nghi ngờ gì về tính di truyền của các loại gen đần độn nhưng cũng chả ai dốt tới mức cùng đứa em mười ba tuổi bị câm của mình đi cướp một cửa hàng tạp phẩm ở East Bucky, nằm giữa khu Hạ và khu Thượng. Với lại nếu có ai trong nhà đó có chút đầu óc thì Jimmy buộc phải miễn cưỡng thừa nhận đó là Brendan. Một đứa trẻ hơi ngượng nghịu nhưng tốt mã kinh khủng và Jimmy từ lâu đã nhìn ra được sự khác biệt giữa những kẻ im lặng vì không nhiều chữ và những kẻ im lặng vì tính tình kín đáo, luôn quan sát, lắng nghe và tiếp thu tất cả vào trong đầu của mình. Brendan chính là loại người đó, có thể nhận thấy thằng bé rất hiểu người khác, và chính phẩm chất đó khiến Jimmy cảm thấy trong lòng không yên.

Thằng bé quay đầu về phía Jimmy và bốn mắt gặp nhau, Brendan bối rối nở một nụ cười hết sức thân thiện với Jimmy nhưng nụ cười có vẻ phô trương quá như thể cậu đang thực sự toan tính điều gì sau lưng hắn.

“Có cần giúp đỡ gì không, Brendan?” Hắn hỏi.

“Dạ, không, thưa bác Marcus, cháu chỉ tìm một ít, à, một ít trà Ailen mà mẹ cháu thích.”

“Trà hiệu Barry phải không?”

“Dạ, đúng thế ạ.”

“Ở gian tiếp theo ấy.”

“À ra vậy. Cảm ơn bác.”

Jimmy trở lại phía sau quầy thu ngân vừa lúc Pete bước vào, người nồng nặc mùi thuốc lá hút vội.

“Mấy giờ thì Sal đến ấy nhỉ?” Jimmy hỏi.

“Chắc là sắp rồi.” Pete tựa vào quầy thuốc lá, bên dưới đám xô số cào, thở dài nói tiếp. “Ông ấy rất chậm, Jimmy.”

“Sal á?”

Jimmy đang nhìn Brendan và Ray đứng ở gian hàng giữa, trao đổi với nhau bằng ký hiệu, tay Brendan kẹp một hộp trà Barry. “Thì ông ấy gần tám mươi tuổi rồi còn gì.”

“Tôi biết chứ. Chỉ để nói rằng nếu là tôi với ông ấy lo cửa hàng lúc tám giờ thay vì tôi với ông thì chả biết làm sao mà xoay sở được.”

“Thế nên tôi mới xếp ông ấy vào những giờ vắng khách. Với lại, sáng nay chính ra không phải là cậu với Sal mà là cậu với Katie.”

Brendan và Ray lúc này đã tới bên quầy thu ngân và Jimmy nhìn thấy mặt Brendan khẽ có biểu hiện khi nghe thấy tên con gái hắn.

Pete rời khỏi quầy thuốc lá và hỏi, “Chỉ có vậy thôi chứ gì, Brendan?”

“Em.. em...” Brendan lắp bắp và quay ra nhìn em trai mình. “Chắc vậy, nhưng để em hỏi lại Ray một tí.”

Hai anh em họ lại giơ tay ra hiệu cho nhau, tốc độ như tên bắn khiến Jimmy không tài nào theo kịp, ngay cả nếu hai đứa có nói thành tiếng thì với tốc độ đó hắn cũng bó tay. Khuôn mặt của thằng Ray Cầm vẫn

lạnh như đá, tuyệt không có biểu hiện gì trong khi tay nó thì cứ như điện giật, nhanh nhẹn không thể tả nổi. Nó vẫn luôn là một đứa trẻ kỳ lạ, Jimmy thấy nó giống mẹ nhiều hơn giống bố, sự vô cảm ngự trị trên khuôn mặt nó giống như một hành động bất cần, coi thường thiên hạ. Hắn có một lần nhắc tới điều đó với Annabeth nhưng lại bị cô trách là thiếu cảm thông với người tàn tật, nhưng Jimmy không hề nghĩ vậy, có gì đó trên khuôn mặt chết chóc của Ray và cái miệng câm như hến của nó khiến người ta chỉ muốn đập cho nó một búa.

Cuối cùng thì hai đứa cũng ngừng hoa chân múa tay và Brendan bước tới quầy kẹo lấy một thanh sô cô la Chew Chew Coleman, khiến Jimmy lại nghĩ tới cha mình và cái mùi đặc trưng quần lầy ông trong những năm làm việc ở nhà máy kẹo.

“Và một tờ Globe nữa ạ,” Brendan nói.

“Được thôi, nhóc.” Pete nói và đặt tờ báo lên quầy.

“Vâng, à mà em... cháu tưởng Katie làm việc vào các ngày Chủ nhật chứ.” Brendan đưa cho Pete một tờ mười đô.

Pete nhướn mày ngạc nhiên khi ấn nút mở ngăn kéo đựng tiền. “Cậu đang mủi lòng trước con gái của ông chủ sao, Brendan?”

Brendan không dám nhìn Jimmy bảo, “Không, không, không.” Cậu ta cất tiếng cười nhưng nụ cười nhanh chóng biến mất. “Em chỉ lấy làm lạ vì vẫn thường thấy cô ấy ở đây ngày Chủ nhật.”

“Hôm nay là ngày em gái nó làm lễ ban thánh thể lần đầu tiên,” Jimmy nói.

“Ồ, Nadine ấy ạ?” Brendan nhìn Jimmy, mắt mở hơi quá to, miệng cười hơi quá rạng rỡ.

“Ừ, Nadine,” Jimmy nói, tò mò không hiểu sao Brendan nhớ ra tên con bé nhanh thế.

“Vây cho cháu và Ray chúc mừng em.”

“Được rồi, Brendan.”

Brendan quay ra nhìn quầy thu ngân và gật gù nhiều lần trong khi Pete cho hộp trà và thanh kẹo vào túi. “Vây thôi, rất vui được nói chuyện với hai người. Đi nào, Ray.”

Ray chẳng thèm quay sang nhìn anh mình nói gì nhưng vẫn bước đi khiến Jimmy nhớ ra là mọi người hay quên mất một điều về Ray: thằng bé chỉ bị câm chứ không bị điếc, hàng xóm xung quanh hẳn đã từng gặp một trường hợp như vậy trước đây.

“Jimmy này,” Pete lên tiếng khi hai anh em Brendan đã ra khỏi cửa hàng. “Tôi có thể hỏi anh một chuyện được không?”

“Nói đi.”

“Sao anh lại ghét thằng bé kia thế?”

Jimmy nhún vai. “Tôi cũng chả biết là ghét hay là gì nữa. Chỉ là... Mà này, chả lẽ cậu không thấy cái thằng nhãi bị câm kia có gì rờn rợn hay sao?”

“À thì ra là nó? Ừ đúng thế. Đúng là một thằng oắt con lập dị, lúc nào cũng nhìn người khác trừng trừng như muốn đập vào mặt người ta. Anh biết không? Nhưng tôi không định nói nó. Tôi muốn nói về Brendan cơ. Cậu ta cũng dễ thương đấy chứ. Hơi ngượng nghịu nhưng rất phải phép. Anh có nhìn cái cách cậu ta ra hiệu khi nói chuyện với em trai không? Dù chẳng cần thiết phải làm thế. Như thể nó muốn thằng bé con hiểu rằng nó không hề cô độc. Đúng là một đứa tốt bụng. Nhưng Jimmy, anh lại cứ nhìn nó như muốn gọt mũi nó rồi bắt nó nuốt chửng.”

“Không có.”

“Có.”

“Thật vậy sao?”

“Tôi nói rất thật lòng đấy.”

Jimmy nhìn về phía chiếc máy Lô tô, qua cái cửa sổ bụi bặm ra bên ngoài đại lộ Buckingham trải dài một cách ảm đạm và ảm ướt dưới bầu trời buổi sáng. Nụ cười rứt rề khốn kiếp của Brendan Harris khiến máu trong huyết quản của hắn sôi lên, cả người ngứa ngáy khó chịu.

“Jimmy à? Tôi chỉ là muốn nói đùa với anh một chút thôi. Tôi không có ý gì đâu khi...”

“Sal đến rồi,” Jimmy nói, mắt vẫn dõi ra ngoài cửa sổ, không nhìn về phía Pete mà quan sát một người đàn ông lớn tuổi đang nặng nhọc lê chân qua đường, đi về phía họ. “Cũng thật là đúng lúc.”

6. Chương 6: Con Mòng Biển Bị Gãy Cổ

Ngày Chủ nhật của Sean Devine - ngày đầu tiên đi làm trở lại sau một tuần bị đình chỉ công tác bắt đầu bằng việc anh bị lôi ra khỏi giấc chiêm bao của mình một cách đột ngột và tàn nhẫn bởi tiếng chuông đồng hồ báo thức và một cơn co giật, giống như một đứa trẻ vừa chui ra khỏi bụng mẹ và không bao giờ có thể quay trở lại nữa. Anh không nhớ rõ mình đã mơ thấy gì ngoài một vài chi tiết vụn vặt, chẳng có gì liên quan và anh có cảm giác rằng giấc mơ đó, bản thân nó cũng không tuân theo một trình tự nào cả. Và cái bố cục rối rắm đó giống như một lưỡi dao nhọn thọc vào gáy anh khiến anh cảm thấy sùng sục cả buổi sáng.

Vợ anh, Lauren, đã xuất hiện trong giấc mơ và anh vẫn còn cảm thấy mùi vị da thịt cô phảng phất đâu đây. Tóc cô rối bởi màu cát ảm, sẫm hơn và dài hơn ngoài đời, và cô chỉ mặc một chiếc áo bơi màu trắng ướt át. Da cô rám nắng và những vệt cát mảnh lấp lánh trên mắt cá và mu bàn chân của cô. Cô có mùi vị của biển và mặt trời, cô ngồi đó trong lòng Sean và hôn lên mũi anh, những ngón tay thon dài vuốt ve cổ anh. Họ đang ngồi ở hiên trước một ngôi nhà trên bãi biển và Sean có thể nghe thấy tiếng sóng vỗ nhưng không nhìn thấy đại dương. Nơi đáng lẽ là biển lại chỉ là một màn hình vô tuyến trống trải với kích thước to như một sân bóng. Khi nhìn vào giữa màn hình ấy, anh chỉ thấy mỗi hình ảnh mình phản chiếu trong đó mà không thấy Lauren, như thể anh đang ngồi đó ôm lấy không khí.

Nhưng rõ ràng trong tay anh là cơ thể cô, là da thịt ảm áp.

Hình ảnh kế tiếp anh nhớ được là anh đứng trên mái nhà với một chiếc chong chóng dự báo thời tiết tròn nhẵn. Anh tóm chặt lấy nó và phía dưới anh, ngay chân ngôi nhà, một cái lỗ đen khổng lồ đang há miệng, dưới đáy là một chiếc thuyền buồm lật ngược. Và rồi anh trần truồng trên giường với một phụ nữ mà anh chưa bao giờ gặp, cảm nhận được sự gần gũi của cô ta, đồng thời trong lúc đó, với một chút logic thường thấy trong mơ, Lauren ngồi trong một căn phòng khác của ngôi nhà, quan sát họ bằng máy ghi hình, một con mòng biển lao qua cửa sổ, những mảnh kính vỡ bắn tung toé lên giường như muôn vàn viên đá vụn và Sean đứng đó, lúc này quần áo đã chỉnh tề trở lại.

Con mòng biển thở hắt ra và bảo, “Cổ tôi đau quá,” nhưng Sean đã tỉnh dậy trước khi kịp nói, “Là vì nó đã bị gãy.”

Anh thức dậy với giấc mơ đang thoát ra như một thứ chất thải đặc quánh sau sọ anh, cặn bã của chúng bám vào quầng mắt và đọng lại trên lưỡi anh. Anh vẫn nhắm mắt khi chuông đồng hồ reo vang, hy vọng rằng đây chỉ là một cơn chiêm bao khác và anh thật ra vẫn đang ngủ, rằng đồng hồ báo thức chỉ kêu bíp bíp ở trong đầu anh mà thôi.

Cuối cùng anh mở mắt, cảm giác về cơ thể rắn chắc của người phụ nữ lạ mặt và hương vị của biển trên da thịt Lauren vẫn bám trong đầu và anh nhận ra rằng đó không phải là một giấc mơ, không phải là một bộ phim, cũng không phải là một bản tình ca u uất.

Đó là những tấm ga giường, căn phòng ngủ và cái giường này. Đó là lon bia rỗng trên bệ cửa sổ, là ánh mặt trời đang chiếu vào mắt anh, là cái đồng hồ báo thức đang không ngừng kêu bíp bíp bên cạnh giường. Là cái vòi nước đang nhỏ giọt mà anh vẫn quên chưa siết lại. Là chính cuộc đời anh, là những vấn đề của bản thân anh.

Anh tắt đồng hồ báo thức nhưng không rời giường ngay. Anh vẫn chưa dám ngồi dậy vì sợ đầu óc vẫn còn lâng lâng do dư vị khó chịu của rượu để lại. Nếu đầu óc vẫn còn ngầy ngật chỉ sợ ngày đầu tiên đi làm trở lại hẳn sẽ dài ra gấp đôi, nhất là ngày đầu tiên đi làm sau khi bị đình chỉ công tác, với tất cả những thứ rác rưởi mà anh sẽ phải tiêu hoá, tất cả những câu nói đùa về mình mà anh sẽ phải nghe thì quả thật, đó sẽ là một ngày lê thê, khủng khiếp.

Anh nằm đó lắng nghe những tiếng động vang lên ngoài phố, tiếng động của những tên nghiện ở nhà bên cạnh lúc nào cũng bật vô tuyến âm ỉ từ khi phát bộ phim Letterman vào buổi sáng tới phim Sesame Street vào buổi tối, tiếng ồn của chiếc quạt trần trên đầu anh, của lò vi sóng, của thiết bị chống cháy và tiếng tủ lạnh kêu rừ rừ. Tiếng động của những chiếc máy vi tính đang chạy. Cửa máy điện thoại di động và máy tính di động PalmPilot, tiếng động trong bếp, trong phòng khách, những tiếng bíp bíp bíp không ngừng vang lên từ dưới phố, từ tận đồn cảnh sát và từ những toà nhà trên phố Faneuil Heights và từ khu Hạ của East Bucky.

Theo thời đại này, mọi thứ đều phát ra tiếng động. Cái gì cũng nhanh gọn, thuận tiện, được thiết kế để dễ dàng di chuyển. Tất cả mọi người đều tỏ ra thích hợp với thế giới này, chuyển động cùng nó, phát triển cùng nó.

Từ khi nào mọi chuyện bắt đầu diễn ra như thế?

Đó là tất cả những gì anh muốn biết, thật vậy. Từ khi nào tất cả mọi người đều tăng tốc độ, bỏ anh lại sau, ngóng theo lưng họ?

Anh nhắm mắt lại.

Từ khi Lauren bỏ đi.

Đúng là từ khi đó.

Brendan Harris nhìn chiếc điện thoại thầm mong nó rung chuông. Cậu lại nhìn đồng hồ đeo tay. Đã trễ hai tiếng rồi. Cũng không quá ngạc nhiên vì Katie vốn không phải là người đúng giờ nhưng ngày hôm nay là một ngày đặc biệt. Brendan chỉ muốn khởi hành ngay lập tức. Cô ấy ở đâu cơ chứ nếu không phải chỗ làm? Kế hoạch của bọn họ là Katie sẽ gọi điện cho Brendan trong giờ làm, tới dự lễ ban thành thế của em gái rồi đi gặp cậu. Nhưng cô ấy không tới chỗ làm. Cũng không gọi điện.

Cậu lại không thể gọi cho cô ấy.

Đây cũng là một trong những trở ngại mà họ phải đối mặt kể từ khi hẹn hò với nhau. Katie thường ở ba nơi - một là chỗ của Bobby O'Donnell hỏi cô và Brendan mới quen nhau, hai là ở nhà, trong căn hộ nơi cô đã lớn lên cùng với cha, mẹ kế và hai em gái cùng cha khác mẹ trên đại lộ Buckingham và ba là tại căn hộ của các ông cậu điên rồ và đáng sợ của cô ở tầng trên, hai trong số bọn họ là Nick và Val mà sự biến thái và tàn bạo đã trở thành huyền thoại. Và rồi lại còn cha cô nữa, Jimmy Marcus, người ghét cay ghét đắng Brendan mà cả Katie và cậu đều không rõ là vì sao. Nhưng Katie biết rõ một điều rằng bao năm nay cha cô vẫn luôn nhắc nhở cô phải tránh xa những người nhà Harris: nếu mày dẫn một thằng nhà đó về đây, tao sẽ từ mày.

Theo Katie, thường ngày cha cô là một người rất có lý lẽ, nhưng có một đêm, cô vừa khóc vừa bảo Brendan rằng, “Hề nhắc tới anh là ông ấy lại lên cơn thần kinh. Đúng là thần kinh. Một tối ông ấy uống rượu, ý em là ông ấy bị say, cứ lải nhải nói về mẹ em, rằng bà ấy rất yêu em, này nọ, và rồi ông ấy đột nhiên bảo, ‘Bọn nhà Harris khôn kiếp đó, Katie, đúng là một lũ cặn bã.’”

Cặn bã. Âm thanh của hai từ đó đè nặng lên ngực Brendan.

“Con hãy tránh xa bọn chúng ra. Đó là điều duy nhất trên đời bố yêu cầu con, Katie. Làm ơn hãy nghe lời bố.”

“Vậy làm sao bây giờ?” Brendan nói. “Em chia tay với anh sao?”

Cô lấn vào vòng tay anh, mỉm cười buồn bã. “Anh còn không biết ư?”

Thật lòng, Brendan không biết phải làm sao. Với cậu, Katie là tất cả. Một nữ thần. Còn Brendan, chỉ là Brendan.

“Không. Anh không biết.”

“Anh là một người tử tế.”

“Vậy sao?”

Cô gật đầu. “Em nhìn cách anh đối xử với Ray và với mẹ anh, với bất kỳ ai anh gặp trên phố, anh cũng đều tử tế với họ, Brendan.”

“Có rất nhiều người cũng tử tế như vậy mà.”

Cô lắc đầu. “Có nhiều người rất dễ chịu. Nhưng không giống với anh.”

Nghĩ tới điều đó, Brendan cũng đành phải thừa nhận rằng, từ trước tới giờ, cậu chưa từng gặp một ai mà không quý mến cậu - không phải là thứ tình cảm tôn sùng gì mà chỉ là sự quý mến đơn thuần, “Thằng bé Harris này thì được.” Cậu cũng không hề có kẻ thù, chưa từng tham gia bất kỳ cuộc ẩu đả nào kể từ khi học tiểu học, và không nhớ nổi lần cuối cùng bị người khác nặng lời là khi nào nữa. Có lẽ là bởi vì cậu đúng là tử tế. Và có lẽ, giống như Katie nói, sự tử tế ấy thật hiếm hoi. Hay có lẽ chỉ vì cậu không phải loại người muốn chọc giận người khác.

Ngoại trừ cha của Katie. Đây đúng là một điều kỳ bí. Không thể nào phủ nhận được một thực tế là ông ta rất ghét cậu. Mới nửa tiếng trước thôi, Brendan đã cảm nhận được điều đó khi ở trong cửa hàng của Jimmy Marcus, một sự thù ghét sâu sắc, âm ỉ toát ra từ người đàn ông đó như một thứ virus lây nhiễm. Khiến cậu mất hết cả dũng khí. Cậu nói lắp cũng là vì thế. Cậu không dám nhìn Ray suốt chặng đường về vì sự thù ghét ấy khiến cậu cảm thấy mình vô cùng dơ bẩn, tóc cậu giống như đang đầy chấy rận, và răng cậu thì đầy vết ố. Và tính vô lý của câu chuyện này - vì cậu chưa từng làm gì ảnh hưởng tới ông ta, tệ hơn nữa, còn gần như chẳng quen biết gì - cũng không làm cậu cảm thấy dễ chịu hơn. Brendan quan sát Jimmy Marcus và thấy người đàn ông nhìn lại mình là một kẻ có chứng kiến cậu gặp hoả hoạn cũng sẽ chẳng thêm tổn một bãi nước dãi.

Brendan cũng không thể gọi vào một trong hai số điện thoại của Katie vì sợ ai đó ở đầu dây bên kia có thể nhận ra số điện thoại của cậu và nghi ngờ không biết tên Brendan Harris đáng ghét kia gọi điện cho Katie có mưu đồ gì. Dễ tới hàng triệu lần cậu đã suýt làm vậy nhưng chỉ nghĩ tới ông Marcus, Bobby O'Donnell hay một trong những ông cậu thần kinh nhà Savage trả lời ở đầu dây bên kia là cậu đã toát mồ hôi mà đặt điện thoại trở lại.

Brendan cũng không biết phải sợ ai hơn nữa. Ông Marcus chỉ là một người bình thường, chủ một cửa hàng tạp hoá ở góc phố mà Brendan vẫn tới mua hàng bao năm nay, nhưng ở con người này có một cái gì đó - không chỉ là sự thù ghét ra mặt đối với Brendan - khiến người khác cảm thấy bất an, một khả năng nào đó mà Brendan cũng không rõ nữa, khiến người khác phải hạ thấp giọng trước ông ta và không dám nhìn thẳng vào mắt. Bobby O'Donnell là một trong những kẻ không ai biết chính xác hẳn làm gì để kiếm sống nhưng hề thấy hẳn thì tốt nhất là tránh sang đường khác mà đi, còn anh em nhà Savage thì đúng là thuộc về một hành tinh khác nếu so sánh với những người bình thường có hành vi đúng đắn. Vì đó là những kẻ điên nhất, rồ nhất, ngoan cố nhất và quá khích nhất trong lịch sử khu Hạ. Anh em nhà Savage có thể nhìn thấu đối phương từ ngàn dặm và nóng tính như lửa, nếu liệt kê những lý do khiến họ nổi giận thì chắc phải chép ra một quyển dày như Kinh Cựu ước. Cha họ, một tên đàn độn, bệnh hoạn đã hợp pháp cùng với bà mẹ gây gò và mẩu mực của họ sản sinh ra hết đứa con này tới đứa con khác, mỗi đứa chỉ cách nhau mười một tháng cứ như một dây chuyền sản xuất súng thần công về đêm. Anh em nhà ấy lớn lên trong cảnh chật chội, dơ dáy và bức bối của một phòng ngủ bé như cái máy radio Nhật bên cạnh đường tàu trên cao lúc đó đang hoạt động hết tốc lực ở khu Hạ, che khuất cả mặt trời, trước khi bị dỡ bỏ hồi Brendan còn nhỏ. Trong căn hộ của họ, sàn nhà dốc hẳn về phía Đông, và những đoàn tàu rùng rùng đi qua cửa sổ hai một trên hai tư tiếng đồng hồ mỗi ngày và mỗi ngày như thế lại khiến toà nhà ba tầng cũ nát đó lung lay, rung bần bật tới mức phần lớn thời gian, bọn họ bị rơi ra khỏi giường và nằm chồng chất lên nhau tới khi tỉnh dậy, chào đón buổi sáng trong tâm trạng cầu kính giống như lũ chuột cống rúc ở bến tàu, đánh nhau chí chóe để chui ra khỏi đồng nệm người và bắt đầu một ngày mới.

Lúc còn nhỏ, đối với bên ngoài, họ không được coi là những cá thể. Chúng chỉ là bọn Savage, một lứa, một đàn, một tập hợp chân tay, đầu gối, nách và tóc rối di chuyển trong một đám bụi giống như con gấu quý Tasmania. Người khác nhìn thấy đám bụi ấy lại gần thì nhanh chân mà tránh sang một bên hy vọng chúng

tìm thấy ai đó để hành hạ trước khi nhìn thấy mình, nhưng đôi khi nó chỉ đơn giản trôi qua vì đang bận rộn với những nỗi ám ảnh bệnh hoạn của chính mình.

Tệ nhất là từ khi Brendan bắt đầu giấu giếm hẹn hò với Katie, cậu vẫn không dám chắc thực sự bọn họ tổng cộng có hết thấy bao nhiêu người dù cậu cũng sinh ra và lớn lên ở khu Hạ. Thế nên Katie đã phải liệt kê ra cho cậu: Nick là anh cả, từ sáu năm trước đã đi tù ở Walpole, thời hạn ít nhất là mười năm, kế đó là Val, và theo Katie là người tình cảm nhất, rồi tới Chuck, Kevin, Al (người hay bị nhầm với Val), Gerard, cũng vừa mãn hạn tù ở Walpole, và cuối cùng là Scott, cậu bé út và con cưng của mẹ họ khi bà còn sống, cũng là người duy nhất có bằng đại học và không sống ở nhà trong các căn hộ ở tầng một và tầng ba thuộc toà nhà mà các anh trai mình chiếm lĩnh sau khi dọa những người thuê nhà khác sợ tới mức phải dọn sang bang khác.

“Em biết là họ có nhiều tai tiếng,” Katie nói với Brendan, “nhưng họ thực sự là những người rất dễ chịu. Ngoại trừ Scott. Thật khó thân thiện với cậu ấy.”

Scott. Người “bình thường” nhất ở nhà đó.

Brendan lại nhìn đồng hồ đeo tay rồi đồng hồ bên cạnh giường. Lại nhìn điện thoại.

Cậu nhìn lên giường mình, mới đêm nào cậu còn nằm đó chìm vào giấc ngủ, mắt nhìn vào gáy Katie, thầm đếm những sợi tóc vàng mảnh mai trên đó, tay choàng lên hông cô, lòng bàn tay đặt lên vòm bụng ấm áp, mũi cậu tràn ngập mùi thơm của tóc, của nước hoa, của thứ mồ hôi dịu dịu trên người cô.

Cậu lại nhìn điện thoại.

Gọi đi chứ, quỷ tha ma bắt, gọi đi nào

Mấy đứa trẻ con tìm thấy chiếc xe ô tô. Chúng gọi số 911 và đứa cầm điện thoại nói như sắp hết hơi, hẳn vì phải chứng kiến chuyện gì đó quá giới hạn của nó nên từ ngữ vô cùng lộn xộn.

“Có cái xe ô tô này ở trong có máu và, à, cửa xe mở và à...”

Nhân viên trực tổng đài 911 chen vào và hỏi, “Chiếc xe đó hiện ở đâu?”

“Ở khu Hạ,” thằng bé nói. “Gần công viên Pen. Cháu và bạn cháu phát hiện ra nó.”

“Có biết tên phố không?”

“Phố Sydney,” thằng bé lại nói. “Ở trong xe có máu và cửa mở.”

“Tên cháu là gì, con trai?”

“Ông ấy muốn biết tên cô ta,” thằng bé nói với bạn nó. “Gọi tao là con trai.”

“Con trai?” nhân viên tổng đài hỏi lại. “Ta hỏi tên cháu. Tên cháu là gì?”

“Chúng cháu phải lượn thôi,” thằng bé nói. “Chúc may mắn.”

Thằng bé gác máy và nhân viên tổng đài quan sát trên màn hình vi tính của mình hiện ra số điện thoại gọi tới từ một bộ điện thoại công cộng ở góc phố Kilmer và Nauset ở East Bucky trong khu Hạ, cách cổng ra vào công viên Penitentiary trên phố Sydney khoảng năm trăm mét. Anh ta liền chuyển thông tin sang tổng đài Điều Độ của cảnh sát và họ lập tức cử một xe tuần tra tới phố Sydney.

Một trong những cảnh sát tuần tra gọi về tổng đài xin tăng cường lực lượng, một hoặc hai kỹ thuật viên hiện trường, và, à mà có thể gửi thêm vài nhân viên đội điều tra án mạng. Chỉ là một gợi ý.

“Các anh có tìm thấy xác không? Ba mươi ba? Hết.”

“Chưa tìm thấy. Hết.”

“Ba mươi ba, sao lại phải gọi bên án mạng nếu không có xác chết? Hết.”

“Nhìn cái xe thì biết, tổng đài. Tôi có cảm giác không sớm thì muộn sẽ tìm thấy một cái xác ở quanh đây thôi.”

Sean bắt đầu ngày đầu tiên trở lại làm việc bằng việc đỗ xe ở phố Crescent và đi qua những cột trụ màu xanh phong toả khu vực giao điểm với phố Sydney. Những cột trụ chắn đường có logo của Sở cảnh sát Boston vì họ là những người đầu tiên xuất hiện tại hiện trường nhưng nghe rada liên lạc trên đường lái xe tới đây Sean đoán vụ án này chắc sẽ do Đội điều tra án mạng của cảnh sát bang chỗ bọn anh thụ lý.

Chiếc xe ô tô, như anh hiểu, được phát hiện trên phố Sydney vốn thuộc địa bàn của cảnh sát thành phố nhưng vết máu lại dẫn tới Công viên Penitentiary, một khu vực bảo hộ thuộc thẩm quyền của Bang. Sean đi dọc theo phố Crescent, bên rìa công viên và điều đầu tiên đập vào mắt anh là một chiếc xe tải của đội giám định hiện trường đang đỗ ở giữa phố.

Khi tới gần hơn thì anh nhìn thấy viên trung sĩ sắp của anh, Whitey Powers, đang đứng cạnh một chiếc xe ô tô với cánh cửa bên lái mở toang. Souza và Connolly, hai người vừa được nhận vào đội điều tra án mạng tuần trước, đang kiểm tra bãi cỏ phía ngoài cổng ra vào công viên, tay cầm hai ly cà phê, hai xe cảnh sát tuần tra và chiếc xe tải của bên giám định hiện trường đỗ bên lề đường rải sỏi, các giám định viên lại gần chiếc xe ô tô nghi vấn, không quên ném cho Souza và Connolly những cái nhìn khó chịu vì họ có thể đã giẫm lên chứng cứ, lại còn vứt bừa nắp đậy cà phê xuống cỏ.

“Ái chà, cậu chàng ngổ ngáo đây rồi.” Whitey Powers nhướn mày vẻ ngạc nhiên. “Người ta đã gọi cậu đi làm rồi cơ à?”

“Vâng,” Sean đáp. “Nhưng tôi không có đồng nghiệp đi cùng, Sarge. Adolph đang nghỉ.”

Whitey Powers gật gù. “Cậu thì vừa bị dính trấu còn cái tên người Đức vô dụng kia thì lại tự dưng lặn ra ồm.” Ông ta choàng lấy vai Sean và bảo, “Cậu sẽ làm việc với tôi, chàng trai. Trong thời gian thử thách của cậu.”

Vậy là Sean đã rõ, Whitey sẽ trông chừng anh tới khi nào các vị bàn giấy kia cho rằng phong độ anh đã trở lại, đáp ứng được yêu cầu của họ.

“Trông thì có vẻ như một kỳ nghỉ cuối tuần yên tĩnh,” Whitey nói khi dẫn Sean tới trước chiếc xe cửa mở toang. “Cả vùng đêm qua còn im ắng hơn cả một con mèo chết. Chỉ có một vụ đâm nhau ở Parker Hill, một vụ khác ở Bromley Health, rồi một chú sinh viên bị nện chai bia ở Allston. Nhưng không xảy ra tử vong, tất cả đều do cảnh sát thành phố thụ lý. Buồn cười nhất là nạn nhân vụ Parker Hill, cậu biết không? Hắn một mình đi vào khoa cấp cứu của bệnh viện MGH, một con dao thái thịt bò to dùng cắm vào xương quai xanh và hỏi cô y tá trực rằng trong bệnh viện có máy bán Coca-Cola tự động không.”

“Cô ta trả lời hắn chứ?” Sean hỏi.

Whitey mỉm cười. Ông là một trong những nhân viên xuất sắc nhất của đội điều tra án mạng, lúc nào cũng vậy, nên ông rất hay cười. Ông hẳn bị bất ngờ điều động tới đây vì ông vẫn còn đang mặc một chiếc quần thể thao, áo đồng phục khúc côn cầu chắc mượn của con trai và mũ bóng chày đội ngược, dép tông màu xanh nhũ óng ánh, chiếc mề đay cảnh sát màu vàng trông vào cổ bằng một sợi dây ni lông.

“Áo đẹp đấy,” Sean nói và Whitey lại nở một nụ cười biếng nhác. Chính lúc đó, từ trong công viên, một con chim hoẵng hốt bay vụt lên, lượn tròn trên đầu họ và cất lên một tiếng kêu thảm thiết tới mức Sean thấy lạnh cả sống lưng.

“Giời ạ, nửa tiếng trước, tôi còn đang ngồi trong ghế sofa của mình.”

“Xem phim hoạt hình à?”

“Xem dấu vật.” Whitey chỉ ra bãi cỏ dại và công viên Penitentiary ở phía sau. “Tôi chắc là chúng ta sẽ tìm thấy cô ta đâu đó ở đằng kia. Nhưng cậu biết đấy, chúng ta mới bắt đầu việc tìm kiếm nên Friel bảo chúng ta cứ coi đây là một vụ mất tích cho tới khi tìm thấy thi thể nạn nhân.”

Con chim lại bay lượn trên đầu họ, lần này chú thấp hơn một chút, tiếng rít thảm thiết rùng rợn như tiếng quạ kêu của nó khiến đầu Sean thấy ong ong.

“Vụ này là do chúng ta thụ lý?” Sean hỏi.

Whitey gật đầu. “Trừ phi nạn nhân lại chạy ra được và trốn đâu đó ngoài phố.”

Sean ngẩng đầu nhìn lên. Con chim đó có một cái đầu to, hai chân ngắn, ngực trắng có sọc xám ở giữa. Sean không biết đó là loài chim gì vì anh chẳng mấy khi có thời gian khám phá thiên nhiên và thế giới động vật.

“Một con chim bói cá.” Whitey nói.

“Bốc phét.”

Whitey giơ một tay lên nói, “Thật đấy, thề có Chúa.”

“Hồi bé chắc ông suốt ngày ngồi xem chương trình thể giới động vật chứ gì?”

Con chim lại kêu quang quác lên lần nữa khiến Sean chỉ muốn bắn cho nó một phát.

“Có muốn xem chiếc xe không?” Whitey hỏi.

“Lúc này ông có nói là cô ta,” Sean hỏi khi họ chui qua dải băng màu vàng phong toả hiện trường về phía chiếc xe ô tô.

“Bên giám định hiện trường tìm thấy giấy đăng ký xe trong ngăn đựng găng. Chủ nhân của chiếc xe là Katherine Marcus.”

“Mẹ kiếp,” Sean thốt lên.

“Cậu biết cô ta à?”

“Có thể là con gái một người quen.”

“Có thân không?”

Sean lắc đầu. “Không, chỉ là hàng xóm gật đầu chào nhau thôi.”

“Cậu chắc chứ?” Whitey hỏi như thể muốn tìm ra lý do để từ chối vụ án.

“Chắc như đinh đóng cột.” Sean trả lời.

Họ lại gần chiếc xe và Whitey chỉ vào cửa xe đang mở toang, một nữ kỹ thuật viên giám định hiện trường vừa ra khỏi đó, đang vươn vai, ưỡn ngực, tay giơ lên trời, hai bàn tay lồng vào nhau làm một động tác tập thể dục. “Các anh đừng có động vào gì đấy nhé! Ai là người phụ trách ở đây vậy?”

“Là tôi. Công viên vốn thuộc thẩm quyền pháp lý của bang.” Whitey nói.

“Nhưng chiếc xe lại nằm trên địa bàn của cảnh sát thành phố.”

Whitey chỉ vào bãi cỏ đằng trước. “Nhưng máu lại đổ trên đất của chính quyền bang.”

“Tôi cũng chả biết là thế nào nữa,” cô ta khẽ thở dài.

“Phó biện lý đang trên đường tới đây. Ông ta có thể quyết định chuyện đó. Nhưng trong lúc chờ đợi, thì nó vẫn thuộc thẩm quyền của bang.” Whitey nói.

Sean nhìn bãi cỏ phía trước công viên và biết rằng nếu họ có tìm thấy thi thể nạn nhân thì nó hẳn sẽ ở trong khu vực đó. “Chúng ta đã phát hiện được gì rồi?”

Nhân viên giám định hiện trường vừa ngáp vừa trả lời. “Khi chúng tôi tìm thấy xe thì cửa đã mở tung. Chìa khoá vẫn ở trong ổ khởi động, đèn pha vẫn bật. Tới chưa được mười giây thì hết ắc quy, chết máy, cứ như là muốn trêu người.”

Sean để ý thấy có một vết máu phía trên phần loa âm thanh gắn chìm ở cửa xe. Vài giọt máu đã nhỏ xuống mặt loa, đông cứng và đen lại. Anh ngồi xổm xuống rồi xoay người ra nhìn, phát hiện thêm một cụm máu đen khác trên tay lái. Một vết máu thứ ba, dài hơn hai vết trước bám vào bên cạnh lỗ đạn, đường đạn đi xuyên qua lớp vỏ bọc vinyl ở lưng ghế lái xe, ước chừng trúng vào vai của nạn nhân. Sean lại xoay người lần nữa nhìn qua cửa sang bãi cỏ phía bên trái xe rồi ngẩng đầu nhìn ra xung quanh phía bên ngoài cửa xe đang mở và thấy một vết lõm mới nguyên.

Anh ngược lên nhìn Whitey và ông ta gật đầu bảo, “Thủ phạm chắc đứng bên ngoài. Cô Marcus - nếu đúng cô ấy là người đang lái xe - đã tông cửa xe vào hắn. Tên khốn đó nổi giận, rút súng ra bắn, à, mà chỗ này tôi cũng không chắc lắm, vào vai, hay có thể là vào bắp tay? Dù sao đi nữa thì cô gái cũng chạy thoát.” Ông chỉ sang đám cỏ còn đang rạp xuống vì các dấu chân. “Dấu chân trên cỏ dẫn về phía công viên. Vết thương của cô ấy có vẻ không quá nghiêm trọng vì chỉ tìm thấy rất ít vết máu trong cỏ.”

“Chúng ta đã cử người tìm kiếm trong công viên chưa?”

“Cho tới giờ mới có hai đơn vị.”

“Có khá hơn hai người kia không?” nữ nhân viên giám định hiện trường vừa nói vừa khịt mũi về chệch bại.

Sean và Whitey nhìn theo ánh mắt cô ta và thấy Connolly vừa vô tình đánh rơi ly cà phê xuống bãi cỏ và đang đứng đó nguyên rửa chiếc cốc giấy.

“Này,” Whitey lên tiếng, “họ là lính mới, cho họ thử tí đi.”

“Các anh xong chưa, tôi cũng phải lấy thêm mấy dấu tay nữa.”

Sean lùi lại hỏi nhân viên giám định hiện trường, “Ngoài giấy đăng ký xe, cô có tìm thấy thẻ chứng minh nào không?”

“Có. Ví để ở dưới ghế, bằng lái ghi tên Katherine Marcus. Ở ghế sau có một ba lô. Billy đang kiểm tra bên trong.”

Cô ta hất đầu về phía trước, Sean nhìn qua mũi xe và thấy một giám định viên khác đang quỳ ở đằng trước với một chiếc ba lô màu xanh đậm.

“Bằng lái ghi cô ta bao nhiêu tuổi?” Whitey hỏi.

“Mười chín, thưa trung sĩ.”

“Mười chín tuổi,” Whitey nói với Sean. “Và cậu biết người cha? Mẹ kiếp, gã ngốc ấy giờ chắc vẫn chưa hay biết gì, hẳn ta hẳn sẽ đau khổ lắm đây.”

Sean quay đầu lại nhìn con chim huyền ảo lúc này giờ cô độc bay về phía con kênh, vừa bay vừa rít lên, và một vết nắng dày, gay gắt rạch xuyên qua những đám mây. Sean cảm thấy tiếng rít chói tai của con chim đâm xuyên qua màng nhĩ vào trong óc anh, và trong giây phút, ký ức về cái vẻ cô đơn hoang dại anh nhìn thấy trên khuôn mặt mười một tuổi của Jimmy Marcus khi họ định ăn trộm xe hiện về nóng giãy. Anh có thể cảm nhận được nó ngay lúc này, tại đây, trước bãi cỏ với những vết máu dẫn tới công viên Penitentiary như thể hai mươi lăm năm đã trôi qua chỉ nhanh như một đoạn phim quảng cáo, cảm thấy sự cô đơn cam chịu, vừa bi phẫn vừa cùng quẫn của Jimmy Marcus, giống hệt như một tuỷ cây rỗng trong một thân cây chết. Để thoát khỏi ký ức đó, anh nghĩ tới Lauren, Lauren với mái tóc dài màu cát, người đã ướp đấm hương vị cho giấc mơ của anh, hương vị của biển. Anh nghĩ tới Lauren và chỉ mong giá như anh có thể quay trở lại địa đạo của giấc mơ ban nãy, chui đầu vào đó và biến mất.

7. Chương 7: Máu

Nadine Marcus, con gái nhỏ của Jimmy và Annabeth, sẽ được làm lễ ban thánh thể lần đầu vào sáng Chủ nhật tại nhà thờ Saint Cecilia ở East Bucky thuộc khu Hạ. Hai tay lồng vào nhau, siết chặt từ lòng bàn tay tới các đầu ngón tay, váy trắng, khăn voan trắng trong giống như một cô dâu nhỏ hay một thiên thần bằng tuyết, cô bé bước vào nhà thờ trong đoàn diễu hành cùng bốn mươi đứa trẻ khác, chân nhẹ nhàng lướt đi trong khi các bạn đồng hành khác bước đi một cách lập cập.

Hay ít nhất trong mắt Jimmy là như vậy, nhưng thay vì thừa nhận là thiên vị con mình thì hẳn chỉ coi đó là chuyện hiển nhiên. Thời buổi này, những đứa trẻ khác muốn mở miệng hay la hét bất cứ lúc nào chúng thích, chửi thề trước mặt bố mẹ, đòi hỏi này nọ, hoàn toàn không tỏ ra kính trọng người lớn một chút nào,

mắt thì lơ đãng, đồ ngẫu như lữ nghiệm vì xem quá nhiều ti vi, màn hình máy tính hay cả hai. Bọn chúng khiến Jimmy nghĩ tới những viên bi lắc bằng kim loại, phút trước còn uể oải chờ đợi, phút sau đã có thể va đập tứ tung, âm thanh dồn dập, lạnh lốt, lắc từ bên này sang bên kia. Chúng yêu cầu gì đó và thường có được ngay. Nếu không thì chúng sẽ yêu cầu lớn tiếng hơn. Nếu câu trả lời vẫn là không thì chúng sẽ la hét. Và các bậc phụ huynh - hết thấy đều là những kẻ nhu nhược trong mắt Jimmy - đều sẽ nhượng bộ.

Jimmy và Annabeth rất chăm chú các con gái của mình. Họ làm việc chăm chỉ để chúng có thể sống hạnh phúc, vui vẻ và biết là chúng được bố mẹ thương yêu. Nhưng luôn có một giới hạn giữa việc yêu thương và chiều chuộng quá mức khiến con cái sinh hư và Jimmy biết là các con của hắn đều biết dừng lại trước giới hạn đó. Chẳng hạn như hai thằng nhóc trong đoàn diễn hành, vừa dừng lại bên cạnh hàng ghế của Jimmy - chúng vừa xô đẩy nhau vừa cười ầm ĩ, phớt lờ những tiếng sụt sịt của các bà xơ, rồi quay sang làm trò với đám đông, thế nào mà có vài người lớn còn quay ra cười với chúng. Lạy Chúa tôi. Vào thời của Jimmy, bố mẹ bọn chúng hẳn sẽ phải bước ra khỏi hàng, túm tóc chúng bắt nằm sấp xuống đất, phát vào mông mấy cái và thì thầm vào tai mấy lời đe dọa trước khi cho chúng đứng lên.

Jimmy vốn ghét cha mình nên cũng biết phương thức giáo dục ấy thật là hạ cách, dĩ nhiên rồi, nhưng, bố khỉ, hẳn phải có một giải pháp trung gian nào đó mà phần lớn mọi người dường như không nhận thấy. Một sân chơi trung gian mà ở đó lũ trẻ biết bố mẹ thương yêu chúng nhưng đồng thời cũng là người quản lý, các quy tắc tồn tại hẳn có lý do, không có nghĩa là không và chẳng phải vì là một đứa trẻ đáng yêu thì con có quyền làm bất cứ điều gì con muốn.

Dĩ nhiên, chúng ta có thể làm tất cả những điều đó, nuôi dạy một đứa trẻ nên người, thế nhưng chúng vẫn làm chúng ta khổ sở. Như Katie ngày hôm nay chẳng hạn. Không những bỏ làm mà còn chẳng buồn xuất hiện ở lễ ban thánh thể đầu tiên của em gái. Không hiểu đầu óc nó bị làm sao? Nhưng đầu óc nó vốn không sao, vấn đề chính là ở chỗ đó.

Quay lại nhìn Nadine đang bước trong thánh đường, Jimmy cảm thấy tự hào tới mức cơn giận dữ (và một chút lo lắng, không nghiêm trọng nhưng không ngừng hành hạ hắn) đối với Katie có giảm đi chút ít, dù hắn biết rằng nó sẽ quay trở lại. Lễ ban thánh thể lần đầu là một sự kiện lớn trong cuộc đời một đứa trẻ theo đạo Thiên Chúa - một ngày để ăn mặc đẹp, được tất cả mọi người ngưỡng mộ, chiều chuộng và cuối cùng sẽ được dẫn đi ăn ở nhà hàng pizza Chuck E. Cheese - và Jimmy tin rằng nhờ đánh dấu những sự kiện ấy trong cuộc đời của lũ trẻ, chúng sẽ trở nên có ý nghĩa và đáng nhớ hơn. Thế nên việc Katie không xuất hiện khiến hắn rất bức mình. Con bé đang ở tuổi mười chín, OK, việc của em gái cùng cha khác mẹ đối với nó có thể không sánh bằng lũ con trai, quần áo đẹp, và chui vào những quán bar nơi lỏng quy tắc bán rượu cho vị thành niên. Jimmy hiểu rất rõ điều đó nên vẫn thường để Katie khá tự do nhưng bỏ qua một sự kiện trọng đại như thế này, nhất là sau khi Jimmy đã làm mọi thứ tương tự cho Katie khi con bé còn nhỏ, để đánh dấu các sự kiện trong đời nó, thì quả thật là đáng trách.

Hắn lại cảm thấy cơn giận dâng lên, biết là ngay khi nhìn thấy con bé, hai cha con sẽ phải có một cuộc “thảo luận” như Annabeth hay gọi, một tình huống vốn trở nên khá thường xuyên trong vài năm trở lại đây.

Nhưng cho dù có là chuyện gì thì lúc này cũng kệ cha nó.

Vì lúc này Nadine đang tiến đến, gần ngay bên cạnh hàng ghế của Jimmy. Annabeth đã bắt Nadine hứa rằng sẽ không quay sang nhìn cha mình khi đi qua chỗ ông và làm hồng không khí trang nghiêm của buổi lễ với những hành vi nhõng nhẽo, con gái như vậy, nhưng Nadine vẫn liếc trộm, rất nhẹ thôi, chỉ đủ để Jimmy biết là nó sẵn sàng mạo hiểm gánh chịu cơn thịnh nộ của mẹ để bày tỏ tình yêu với bố. Con bé không cố tình gây sự chú ý với Theo, ông ngoại của nó, và sáu ông cậu ngồi chật hàng ghế phía sau Jimmy và Jimmy rất tôn trọng điều đó, con bé muốn trêu chọc bố một chút nhưng không đi quá giới hạn. Đuôi mắt trái của con bé khẽ liếc sang bên và Jimmy bắt gặp ánh mắt con gái dưới lớp khăn voan đội đầu, liền gờ ba ngón tay lên ngang chừng thất lưng vậy vậy, miệng mấp máy một lời chào nhưng không phát ra tiếng.

Nadine nở một nụ cười rạng rỡ, lấp lánh hơn cả tấm khăn voan, chiếc váy hay đôi giày đẹp đang đi, và Jimmy cảm thấy nụ cười ấy bùng lên trong trái tim, trong mắt hắn, khiến hai đầu gối hắn run run. Những người phụ nữ trong đời hắn - Annabeth, Katie, Nadine và con gái út Sara có thể khiến hắn trở nên như vậy chỉ bằng một hành động như đánh rơi mũ, khiến hắn gối đập chân run chỉ vì một nụ cười hay một cái liếc mắt, khiến hắn trở nên yếu đuối.

Nadine cụp mắt xuống, nghiêm mặt lại để giấu đi nụ cười nhưng Annabeth vẫn phát hiện ra. Cô thọc cùi chỏ vào eo Jimmy. Hắn quay sang nhìn cô, cảm thấy mặt đỏ lên và hỏi, “Gì thế?”

Annabeth ném cho hắn một cái nhìn kiểu anh về nhà sẽ biết tay tôi. Rồi cô lại nhìn thẳng ra phía trước, môi mím lại nhưng hai khoé miệng lại giãn giãn và Jimmy biết rằng chỉ cần hắn nói “Có chuyện gì sao?” bằng cái giọng trẻ con ngây thơ của hắn là Annabeth sẽ không nhịn được mà phá ra cười sằng sặc vì trong không khí của nhà thờ có cái gì đó khiến cho người ta có nhu cầu được cười lớn, và đó cũng luôn là một trong những năng khiếu lớn của Jimmy: hắn có thể làm cho những người phụ nữ của mình cười, trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Sau đó hắn không nhìn Annabeth nữa, tiếp tục theo dõi đại lễ rồi tới lễ nhận bí tích thánh thể khi bọn trẻ con lần lượt được nhận bánh thánh lần đầu tiên. Tờ chương trình cuộn tròn trong tay hắn bắt đầu trở nên ẩm ướt vì mồ hôi nên hắn bỏ ra kẹp vào chân rồi tiếp tục quan sát Nadine lúc này đang nâng chiếc bánh thánh trong lòng bàn tay lên và đặt nó vào trong miệng, làm dấu thánh, đầu cúi xuống. Annabeth đột ngột dựa vào hắn và thì thầm, “Con của chúng ta. Chúa ơi, Jimmy, con của chúng ta.”

Jimmy quàng tay ôm lấy vợ, kéo cô dựa sát vào người mình, thầm mong có thể kéo dài những khoảnh khắc như thế này mãi mãi, giống như một phép dừng hình, cứ đứng ở đó, giữ nguyên như vậy, cho tới khi muốn trở ra mới thôi, dù là nhiều giờ hay nhiều ngày cũng không thành vấn đề. Hắn quay sang hôn lên mắt Annabeth và cô lại dựa sát hơn nữa vào hắn, mắt hai người dán vào đứa con gái chung, con gái nhỏ của họ, một thiên thần hạ thế.

Cạnh công viên có một anh chàng cầm kiếm Nhật, đứng quay lưng về phía con kênh Penitentiary và từ từ xoay người, một chân nhấc khỏi mặt đất, đi một đường kiếm lạ phía sau đầu. Sean, Whitey, Souza và Connolly từ tốn lại gần, cùng trao đổi một cái nhìn kiểu “Trò quái gì thế này?” Anh chàng kia tiếp tục xoay người múa kiếm, không thèm để ý tới bốn người đàn ông đang đi dọc theo bãi cỏ, tiến lại gần. Anh ta nâng thanh kiếm lên trên đỉnh đầu rồi bắt đầu hạ nó xuống trước ngực. Khi họ chỉ còn cách anh ta khoảng sáu mét, anh ta làm một động tác xoay người 180 độ, lưng quay về phía họ, và Sean thấy Connolly thò tay sang bên phải, mở bao đựng súng và đặt tay lên khẩu Glock.

Trước khi mọi chuyện trở nên rắc rối, ai đó nổ súng hay gã kia kịp giở trò mỗ bụng tự sát trước mặt họ, Sean hắng giọng và bảo, “Xin lỗi ông. Thưa ông? Làm phiền ông một chút.”

Đầu anh chàng kia hơi nghiêng lên như nghe thấy Sean nói nhưng vẫn không ngừng các động tác xoay người có chủ ý, càng ngày càng tiến gần về phía họ.

“Thưa ông, chúng tôi yêu cầu ông đặt vũ khí xuống.”

Anh ta thả chân kia xuống và quay ra đối diện với họ, mắt mở to lần lượt nhìn một, hai, ba, bốn người bọn họ, bốn khẩu súng, và giơ thanh kiếm ra, một động tác mà Sean cũng không rõ là để khiêu chiến hay là giao nộp vũ khí.

“Thằng khốn kia, mày điếc à? Úp mặt xuống đất.” Connolly quát.

Sean lập tức bảo suýt, suýt, bình tĩnh và dừng lại cách đối tượng khoảng ba mét, nghĩ tới những giọt máu tìm thấy dọc theo con đường chạy bộ dài khoảng sáu mươi mét lúc trước mà bọn họ đều hiểu là có thể liên quan đến loại hung khí gì, giờ đây lại nhìn thấy một Lý Tử Long đang luyện trường kiếm. Ngoại trừ Lý Tử Long này không phải người châu Á mà rõ ràng là người da trắng, còn trẻ, có lẽ khoảng hai mươi lăm, tóc quần màu đen, râu ria nhẵn nhụi, áo thun trắng giắt trong quần thể thao màu ghi.

Anh chàng đứng bất động và Sean biết thanh kiếm đang chìa lại phía họ chính là biểu hiện của sự sợ hãi, đầu óc anh ta đang tê liệt không còn điều khiển được tứ chi.

“Thưa ông,” Sean nói, đủ kiên quyết để anh ta nhìn thẳng vào mặt anh. “Giúp tôi một chuyện được chứ? Bỏ thanh kiếm xuống đất. Chỉ cần duỗi tay ra và thả nó xuống.”

“Các anh là ai mới được chứ?”

“Chúng tôi là nhân viên cảnh sát.” Whitey giơ phù hiệu lên. “Thấy chưa? Giờ thì hãy tin tôi, thưa ông, và bỏ kiếm xuống.”

“Được rồi, được rồi,” anh ta nói và thanh kiếm tuột ra khỏi tay, rơi bịch xuống bãi cỏ.

Sean cảm thấy Connolly ở phía bên trái anh đã sẵn sàng xông lên, quát anh chàng kia xuống, anh bèn giơ tay ra ngăn lại, dồn sự chú ý của anh chàng kia vào mình và bảo, “Tên anh là gì?”

“Hà? Là Kent.”

“Kent này, anh không sao chứ? Tôi là Devine, nhân viên cảnh sát liên bang. Tôi chỉ muốn anh lùi lại, cách vũ khí vài bước.”

“Vũ khí?”

“Chính là thanh kiếm của anh đó, Kent. Lùi lại cách nó vài bước. Họ của anh là gì?”

“Brewer,” anh ta nói và lùi lại, giơ hai tay lên và có vẻ như đã nhận ra rằng họ có thể rút súng và bóp cò bất cứ lúc nào.

Sean mỉm cười, gạt đầu ra hiệu với Whitey rồi tiếp tục, “Kent này, anh đang làm gì ở đây vậy? Giống như là vũ đạo ba lê ấy.” Anh nhún vai. “Có điều là với một thanh kiếm, nhưng...”

Kent nhìn Whitey cúi xuống, dùng khăn mùi soa lót chuôi kiếm và nhẹ nhàng nhắc nó lên.

“Kendo.”

“Gì cơ, Kent?”

“Kendo,” Kent đáp. “Là một môn võ đạo. Tôi học nó vào các ngày thứ Ba và thứ Năm hằng tuần và tập luyện vào các buổi sáng. Tôi chỉ đang ở đây thực hành. Thế thôi.”

Connolly thở phào.

Souza nhìn Connolly, “Rõ là trêu ngươi.”

Whitey giơ lưỡi kiếm ra cho Sean nhìn. Sáng loáng, trơn bóng dầu mỡ như vừa ra khỏi máy ép kim loại.

“Nhìn xem.” Whitey đưa lưỡi kiếm lướt qua lòng bàn tay. “Tôi có mấy cái thìa còn sắc hơn.”

“Vì tôi chưa mài nó bao giờ.” Kent nói.

Sean lại nghe thấy tiếng con chim kia kêu rín rít trong đầu anh. “Kent này, anh ở đây bao lâu rồi?”

Kent nhìn về phía bãi đậu xe cách đó khoảng trăm mét. “Mười lăm phút? Tối đa. Chuyện này là thế nào?” Giọng anh ta đã lấy lại được sự tự tin, với một chút bất bình. “Tập Kendo trong công viên không phải là việc làm bất hợp pháp đấy chứ, ngài cảnh sát?”

“Chúng tôi đang xem xét chuyện đó,” Whitey nói. “Và hãy gọi tôi là trung sĩ, Kent.”

“Anh có nhớ anh ở đâu đêm qua hay sáng sớm nay không?” Sean hỏi.

Trông Kent lại có vẻ lo lắng, như đang nín thở, vắt óc ra suy nghĩ. Anh ta nhắm mắt lại một lúc rồi thở hắt ra và bảo, “Có, có. Tôi, tôi đi dự một bữa tiệc với bạn gái. Rồi về nhà với cô ấy. Chúng tôi đi ngủ vào lúc ba giờ sáng. Tôi uống cà phê với cô ấy sáng nay rồi tối đây.”

Sean sờ mũi rồi gạt gù. “Chúng tôi sẽ phải tạm giữ thanh kiếm, và phiên anh ghé qua bắt với một trong những nhân viên của chúng tôi để trả lời vài câu hỏi.”

“Bốt?”

“Đồn cảnh sát.” Sean nói. “Chỉ là một tên khác để gọi đồn cảnh sát.”

“Vì sao?”

“Kent này, anh đồng ý đi với nhân viên của chúng tôi chứ?”

“Dĩ nhiên rồi.”

Sean quay sang nhìn Whitey và thấy ông ta nhăn mặt. Họ đều biết những gì anh ta nói đều là sự thật, anh ta quá sợ hãi, không đủ can đảm để nói dối và thanh kiếm chắc chắn sẽ có kết quả pháp y ngoại phạm

nhưng họ vẫn phải theo dõi mọi đầu mối và lập hồ sơ báo cáo tiến trình điều tra cho tới khi giấy tờ chất đống trên bàn mới thôi.

“Tôi sắp thi lên đại đen,” Kent nói.

Họ đồng loạt quay ra nhìn anh ta. “Gì cơ?”

“Vào thứ Bảy tới,” Kent nói, mặt sáng lên dưới những giọt mồ hôi lấm tấm. “Mất ba năm trời, và đó là lý do tại sao tôi tới đây sáng nay để tập luyện cho kỹ.”

“Ừm, hừm,” Sean nói.

“Kent này,” Whitey lên tiếng và Kent mỉm cười lấy lòng ông ta. Whitey nói tiếp, “Ý tôi là, đừng để bụng nhé, nhưng chuyện đó thì ảnh hưởng chớ gì đến ai?”

Lúc Nadine và những đứa trẻ khác đi ra phía sau nhà thờ, Jimmy cảm thấy cơn giận đối với Katie bắt đầu nguôi ngoai nhưng nỗi lo lắng thì tăng lên. Katie có thể đi chơi về muộn và giao du với bọn con trai mà hần không hay biết nhưng nó không phải là người chị khiến các em của mình thất vọng. Hai đứa em gái phải nói là tôn thờ chị mình, và ngược lại, Katie cũng rất chăm chú bọn nhóc, hay dẫn chúng đi xem phim, trượt pa tanh, đi ăn kem. Mới đây nó còn háo hức khuyến khích hai đứa nhỏ tham gia lễ diễu hành ngày Chủ nhật tuần sau, như thể ngày lễ hội Buckingham là ngày quốc lễ, quan trọng sánh ngang với lễ Thánh Patrick và Giáng sinh. Tối thứ Tư, Katie về nhà từ sớm, dẫn hai đứa em lên phòng để chọn trang phục mà chúng sẽ mặc để tham gia diễu hành, làm một buổi tổng diễn tập nhỏ, ngồi trên giường ngắm hai cô em gái trình diễn hết bộ quần áo này tới bộ quần áo khác, và hỏi ý kiến chị về kiểu tóc, trang điểm mắt và cách tạo dáng. Dĩ nhiên, phòng hai đứa nhỏ sau đó biến thành một bãi chiến trường, quần áo lộn xộn, nhưng Jimmy chẳng bận tâm, Katie đang giúp đỡ các em mình đánh dấu một sự kiện khác trong đời, sử dụng đúng phương pháp mà Jimmy đã dạy con bé, biến những điều tưởng như vụn vặt nhất thành những sự kiện quan trọng và đáng nhớ.

Vậy sao con bé có thể không tới dự lễ ban thánh thể của Nadine được chứ? Uống rượu say túy lúy? Hay nó thực sự đã gặp một anh chàng mới toanh có vẻ ngoài giống mình tình, tính tình lại dễ chịu. Hay cũng có thể chỉ đơn giản là con bé quên mất.

Jimmy rời khỏi ghế bước ra ngoài cùng với Annabeth và Sara. Annabeth siết chặt tay hần và quan sát gương mặt đang đan lại cùng cái nhìn xa xăm của Jimmy.

“Em chắc là con bé ổn thôi. Chắc còn chưa già rượu. Nhưng không sao.”

Jimmy mỉm cười gật đầu và đến phiên mình siết chặt tay vợ. Annabeth, với khả năng đọc thấu những suy nghĩ trong đầu hần, cùng cái siết tay thật chặt và đúng lúc, tính thực tiễn mềm mỏng của cô chính là trụ cột cuộc đời hần, đơn giản và khiêm nhường. Cô vừa là vợ, vừa là mẹ, vừa là người bạn thân nhất, là em gái, là người tình, là cha xứ. Không có cô, Jimmy biết chắc là hần sẽ lại kết thúc đời mình trong nhà tù Deer Island hay tệ hơn là một trong những nhà tù khổng lồ như Norfolk hay Cedar Junction dành cho tội phạm nghiêm trọng, và chết rục xương ở đó.

Hần gặp Annabeth một năm sau khi mãn hạn tù và còn hai năm trong thời gian quản thúc trong lúc mối quan hệ giữa hần và Katie bắt đầu được củng cố. Con bé có vẻ đã quen với việc có hần ở bên cạnh - dù còn chút nghi ngại nhưng tình cảm giữa hai cha con rất ấm áp - còn Jimmy thì đã quen với nỗi mệt mỏi triền miên - mệt mỏi vì làm việc mười tiếng một ngày và mệt mỏi vì phải sùng sục khắp thành phố đưa đón Katie, chở tới nhà mẹ hần, tới trường học, trường mẫu giáo. Hần trở nên mệt mỏi và sợ hãi: đây là hai trạng thái thường xuyên của hần, tới mức sau một thời gian thì trở thành thói quen. Hần thức dậy và lo sợ - sợ Katie sẽ ngủ không đúng tư thế mà ngạt thở, sợ tình hình kinh tế ngày càng suy thoái khiến hần mất việc, sợ Katie ngã ở khu vui chơi trong giờ giải lao ở trường, sợ con bé cần cái gì đó mà hần không thể mua được, sợ rằng đời hần sẽ mãi mãi quay cuồng trong cái vòng luẩn quẩn vừa yêu thương, sợ hãi, vừa mệt mỏi không dứt này.

Jimmy mang theo tâm trạng mệt mỏi đó tới nhà thờ dự đám cưới anh trai Annabeth, Val Savage với Terese Hickey, cả cô dâu chú rể đều lùn, xấu và cáu bẳn. Jimmy hình dung họ sẽ cho ra đời không phải là những đứa trẻ con bình thường mà là những sinh vật kỳ lạ, mũi bẹt, tính nóng như lửa, sẽ làm thất điên bát đảo đại lộ Buckingham sau này. Val từng làm cho băng nhóm của Jimmy vào cái thời mà Jimmy còn băng nhóm

và đặc biệt biết ơn hần đã lãnh hai năm tù giam và ba năm tù treo cho cả bọn mặc dù ai cũng biết là Jimmy hoàn toàn có thể khai chúng ra để giảm tội. Val, một kẻ chân tay nhỏ bé, óc quả nho, có lẽ đã tôn Jimmy làm thần tượng nếu hần không lấy một con bé người Puerto Rico, một kẻ ngoại lai.

Sau khi Marita chết, hàng xóm thì thảo, thấy chưa, đã bảo mà. Cứ đi ngược lại sự đời là thế. Tuy nhiên con bé Katie thì đúng là rất xinh, bọn con lai đứa nào cũng vậy.

Khi ra khỏi tù, ngay lập tức Jimmy nhận được rất nhiều lời mời gọi. Jimmy là một tay trộm chuyên nghiệp, một trong những tay trộm cừ nhất trong một cái nôi sản sinh ra những tay trộm cừ nhất. Nhưng khi hần từ chối những lời mời gọi này và lấy con gái mình ra làm một cái cớ thì người ta chỉ gạt đầu, mỉm cười và cho rằng sớm muộn hần cũng sẽ quay đầu lại một khi lâm vào tình thế khó khăn và buộc phải chọn giữa số tiền có thể mua cho hần một chiếc xe ô tô hay một món quà Giáng sinh cho Katie.

Thế nhưng chuyện đó đã không xảy ra, Jimmy Marcus, một thiên tài ăn trộm phá két, một kẻ có thể sáng lập ra băng nhóm riêng của mình từ khi chưa đủ tuổi uống rượu, kẻ đứng đằng sau vụ cướp ở Keldar Technics và vô số vụ trộm tai tiếng khác, lại có thể sống thiện lương tới mức người khác tưởng rằng hần đang cố tình chế nhạo họ. Lại còn những lời đồn đại cho rằng Jimmy đang thoả thuận mua lại cửa hàng tạp hoá ở góc phố của Al DeMarco để cho ông già về hưu với một khoản tiền lớn mà người ta cho rằng Jimmy đã tích lữ được sau vụ Keldar. Jimmy trong vai trò người bán hàng, mặc tạp dề, cứ chờ xem sao, họ nghĩ.

Tại tiệc cưới của Val và Terese tại nhà hàng K of C ở phố Dunboy, Jimmy mời Annabeth ra khiêu vũ và thiên hạ lập tức nhìn ra tình ý của bọn họ - cái cách họ cùng uốn người theo điệu nhạc, ngẩng đầu nhìn thẳng vào mắt nhau, rùng rục, kiêu hãnh, cái cách hần dùng lòng bàn tay vuốt ve thắt lưng Annabeth và cách cô đón nhận sự vuốt ve ấy. Họ biết nhau từ nhỏ, ai đó nói, dù hần lớn hơn cô ấy vài tuổi. Có lẽ cơ duyên của bọn họ vẫn luôn ở đó, chỉ chờ cô gái Puerto Rico kia cuốn gói đi chỗ khác hay Chúa tới mang cô ấy đi.

Lúc đó họ đang khiêu vũ theo một ca khúc của Rickie Lee Jones, có mấy ca từ không hiểu vì sao luôn làm hần động tâm - “Thôi xin chào tạm biệt các cậu bé, những người bạn thân của tôi, những chàng Sinatra có đôi mắt buồn...” Hần nhấp môi theo những lời này khi cùng Annabeth xoay theo điệu nhạc. Đây là lần đầu tiên hần cảm thấy thư thái, thả lỏng toàn thân sau nhiều năm. Rồi hần lại tiếp tục mấp máy theo đoạn điệp khúc, “con đường thật dài và cô đơn” cùng giọng hát buồn bã, đầy vẻ luyến tiếc quá khứ của Rickie, đồng thời mỉm cười, đắm chìm trong đôi mắt màu lục trong như pha lê của Annabeth và cô cũng dịu dàng, e ấp cười lại khiến trái tim hần hoàn toàn bị chinh phục, hai người bọn họ cứ như không phải lần đầu mà đã từng khiêu vũ với nhau qua hàng trăm điệu nhạc.

Họ là những người cuối cùng rời khỏi tiệc cưới, nán lại dưới mái hiên rộng phía trước nhà hàng, uống bia, hút thuốc, gạt đầu chào khách đi lấy xe. Họ ngồi đó cho tới khi đêm mùa hè trở lạnh, Jimmy khoác áo ngoài lên vai Annabeth và kể cho cô nghe về nhà tù, về Katie, về giấc mơ những tấm rèm cửa màu cam của Marita còn cô kể cho hần nghe việc cô lớn lên, là đứa con gái duy nhất trong nhà Savage giữa những ông anh điên rồ, về một mùa đông bỏ lên New York học khiêu vũ trước khi phát hiện ra rằng cô không đủ thông minh để tiếp tục trường y tá.

Khi quản lý nhà hàng đuổi họ đi, hai người lững thững bước bộ tới nhà Val và Terese vừa lúc chứng kiến cuộc khẩu chiến đầu tiên giữa cô dâu và chú rể. Họ bèn mở tủ lạnh của Val lấy ra một bịch sáu lon bia rồi bỏ đi, tới bãi chiếu bóng ngoài trời Hurley lúc này bị bỏ hoang chìm trong bóng tối, ngồi bên con kênh và lắng nghe tiếng nước chảy rầu rĩ. Nhà hàng đã đóng cửa từ bốn năm trước, những chiếc máy xối đất khổng lồ màu vàng và xe rác của Cục công viên giải trí và bên quản lý giao thông ùn ùn kéo tới đây mỗi sáng, biến cả khu vực dọc kênh Penitentiary thành một bãi ngổn ngang xi măng và cát bụi. Nghe nói người ta đang cải tạo nơi này thành công viên, nhưng vào thời điểm đó nó vẫn chỉ là một bãi chiếu bóng bị bỏ bê, màn hình màu trắng vẫn đứng sững ở đó sau đồng gạch đất, nhựa đường xám xịt, đen đúa.

“Người ta nói rằng nó đã ngấm vào trong máu của anh.” Annabeth lên tiếng.

“Gi cơ?”

“Trộm cắp, tội phạm.” Cô nhún vai. “Anh biết đấy.”

Jimmy mỉm cười nhìn cô qua chai bia rồi nhấp một ngụm.

“Có phải thế không?”

“Có thể.” Đến lượt hấn nhún vai. “Có rất nhiều thứ ngấm vào trong. Nhưng không nhất định phải phát tiết ra ngoài.”

“Em không có ý phán xét anh. Tin em đi.” Hấn không đọc được nét mặt cô cũng như giọng cô lúc đó, Jimmy thực sự không biết cô muốn hấn trả lời như thế nào. Rằng hấn vẫn còn hành nghề đó? Hay đã giải nghệ? Rằng hấn sẽ làm cho cô trở nên giàu có? Hay hấn sẽ không bao giờ phạm tội nữa?

Thoạt nhìn Annabeth có một khuôn mặt bình thản, gần như không có gì đáng nhớ, nhưng quan sát kỹ lại thấy hàm chứa nhiều bí ẩn, cá tính và tràn trề sức sống.

“Ý anh là việc khiêu vũ cũng ngấm vào trong máu của em có phải không?”

“Em không biết. Chắc thế.”

“Nhưng giờ, người ta bảo rằng em không thể tiếp tục theo đuổi nghiệp khiêu vũ nên em đã dừng lại, đúng không? Điều đó có thể khiến em hết sức đau lòng, nhưng em vẫn phải đối diện với nó.”

“Vâng...”

“Chính thế,” hấn nói và rút một điều thuốc từ bao thuốc để trên chiếc ghế đá, giữa hai người bọn họ. “Phải, chính thế, việc trước đây anh làm, anh rất thành thạo. Nhưng rồi anh bị bắt, vợ anh chết, tất cả những chuyện đó đã làm khổ con gái anh rất nhiều.” Hấn châm một điều thuốc, nhả một hơi dài và cố gắng truyền đạt chính xác những gì hấn vẫn luôn tự nhắc đi nhắc lại trong đầu mình hàng trăm lần. “Anh không muốn làm khổ con gái mình lần nữa, Annabeth. Em biết không? Nó sẽ không thể chịu đựng nổi nếu anh lại ngồi tù thêm hai năm nữa. Mẹ anh? Bà ấy không phải là người khoẻ mạnh gì cho cam. Nếu bà ấy mất trong khi anh ngồi tù? Họ sẽ mang con gái anh đi, cho chính quyền quản thúc, ở một nơi như Deer Island hay những nhà giáo dưỡng dành cho trẻ em. Anh không thể chấp nhận điều đó. Vậy đấy. Ngấm trong máu hay không, kệ cha nó. Anh phải sống đàng hoàng.”

Jimmy đón nhận ánh mắt của Annabeth khi cô chăm chú dò xét gương mặt hấn. Hấn hiểu là cô đang tìm kiếm những kẽ hở trong lời phân trần của hấn, một dấu hiệu của sự dối trá, và hấn hy vọng mình đã hùng biện thành công. Thực tế, những điều hấn vừa nói phần lớn đều là sự thật. Hấn chỉ bỏ qua một điều, một điều mà hấn đã thề không hé miệng nói với bất kỳ người nào, cho dù đó là ai đi nữa. Thế nên, hấn nhìn vào mắt Annabeth và chờ đợi phán quyết của cô, cố quên đi những hình ảnh của cái đêm hôm đó, bên dòng sông Kỳ Bí - một người đàn ông đang quỳ, nước dãi nhỏ xuống cằm, rồi rít van xin - những hình ảnh vẫn luôn ghim vào đầu óc hấn như những mũi khoan.

Annabeth cầm lấy một điều thuốc. Hấn châm lửa cho cô và cô bảo, “Em từng phải lòng anh đến là khổ sở anh có biết không?”

Jimmy vẫn giữ vẻ bình thản, ánh mắt điềm đạm dù trong lòng hấn dường như vừa trút bỏ được một gánh nặng ngàn cân. Hấn đã nói ra phần nửa sự thật. Nếu mọi chuyện với Annabeth trở nên suôn sẻ thì hấn sẽ không bao giờ phải nói ra nốt nửa còn lại.

“Không đùa đấy chứ? Anh á?”

Cô gật đầu. “Khi anh tới nhà gặp Val, Chúa ơi, lúc đó em mới mười bốn, mười lăm? Mà thôi Jimmy, quên chuyện đó đi. Hồi đó chỉ cần nghe thấy giọng của anh ở trong bếp là cả người em đã run lên rồi.”

“Ôi trời.” Hấn chạm vào tay cô. “Thế bây giờ không còn run nữa à?”

“Có chứ Jimmy. Vẫn run.”

Và Jimmy cảm thấy dòng sông Kỳ Bí đang trôi xa dần, tan biến trong lòng con kênh Penitentiary rong rêu, ra khỏi cuộc đời của hấn và trở về chốn cũ xa xôi.

Khi Sean quay lại tới đoạn đường mòn chạy bộ thì nữ giám định viên lúc này đã có mặt ở đó. Whitey Powers điện đàm ra lệnh cho tất cả các đơn vị trên hiện trường truy quét và tạm giữ tất cả những người vô gia cư lai vãng trong công viên rồi ngồi xổm xuống bên cạnh Sean và nữ giám định viên kia.

“Vết máu đi theo hướng này,” cô ta nói và chỉ vào trong công viên. Con đường chạy bộ dẫn qua một cây cầu gỗ nhỏ rồi uốn lượn, rẽ xuống một khu vực cây cối rậm rạp trong công viên, vòng quanh khu nhà hàng đang đóng cửa im ỉm ở khúc cuối. “Ồ kia nữa cũng có máu.” Cô ta cầm bút chỉ, Sean và Whitey ngoảnh đầu nhìn lại, thấy một vết máu nhỏ hơn vẩy trên cỏ phía bên kia con đường chạy bộ cạnh cây cầu gỗ nhỏ, những chiếc lá phong đã che chắn cho nó khỏi cơn mưa đêm qua. “Tôi nghĩ cô ấy chạy về phía cái vực nhỏ ở đằng kia.”

Máy bộ đàm của Whitey phát ra tín hiệu, ông ta liền đưa lên miệng nói, “Powers nghe đây.”

“Trung sĩ, chúng tôi cần ông tới vườn hoa.”

“Tôi tới liền.”

Sean nhìn Whitey rảo bước trên con đường chạy bộ rồi rẽ về phía vườn hoa ở khúc ngoặt đằng trước, hai tà áo đồng phục khúc côn cầu của con trai bay phấp phới quanh thắt lưng.

Sean đứng thẳng dậy, cả công viên thu vào trong tầm mắt, từng gốc cây bụi cỏ, từng con suối, ngọn đồi. Anh nhìn lại cây cầu gỗ nhỏ bắc qua một vực nước nông, nước đen gấp đôi và ô nhiễm gấp đôi con kênh Penitentiary. Quanh năm nó bao phủ bởi một lớp màng đen nhớp nhúa, ruồi muỗi vẫn kéo đến đây làm ổ vào mùa hè. Sean nhìn thấy một chấm đỏ giữa những thân cây mảnh, màu xanh mọc lên dọc theo bờ vực, liền di chuyển về hướng đó. Nữ giám định viên hiện trường đột nhiên xuất hiện bên cạnh anh, cô ta cũng vừa phát hiện ra điều đó.

“Tên cô là gì?”

“Karen. Karen Hughes.”

Sean bắt tay cô ta rồi hai người bọn họ băng qua con đường chạy bộ, mắt dán vào cái chấm màu đỏ đó, không nghe thấy tiếng Whitey Powers quay trở lại cho tới khi ông gần như lao ra trước mặt họ, thở hổn hển như sắp hết hơi.

“Chúng tôi tìm thấy một chiếc giày,” Whitey bảo.

“Ở đâu?”

Whitey chỉ ngược lại phía con đường chạy bộ, tới khúc ngoặt sang vườn hoa. “Trong vườn. Giày nữ. Số sáu.”

“Đừng có đụng vào nó đấy nhé.” Karen Hughes nói.

“Thì không đụng,” Whitey nói và nhận được một ánh mắt từ phía Karen Hughes, một ánh mắt sắc lạnh khiến người ta rùng mình. “Xin lỗi, ý tôi là sẽ không đụng vào, thưa cô.”

Sean quay trở lại với đám cây ở rìa vực, cái chấm đỏ không còn là một chấm nhỏ nữa mà là một miếng vải rách hình tam giác, móc trên một cành cây mảnh cao ngang vai. Ba người bọn họ đứng đực ra ở đó cho tới khi Karen Hughes lùi lại và bấm một loạt ảnh từ bốn góc khác nhau rồi thò tay vào túi tìm cái gì đó.

Sean chắc rằng đó là một miếng vải ni lông, có lẽ là từ áo khoác. Miếng vải sũng máu.

Karen dùng kẹp nhíp gỡ miếng vải ra khỏi cành cây và chăm chăm nhìn nó một lúc trước khi bỏ vào túi ni lông đựng tang vật.

Sean cúi người, ngھn cổ nhìn xuống vực, rồi nhìn sang bờ bên kia và thấy một vết giống như vết giày cao gót hằn trên đất xốp.

Anh ra hiệu cho Whitey và chỉ cho ông ta cho tới khi ông ta cũng nhìn thấy nó. Rồi đến lượt Karen Hughes cũng nhìn theo họ và lấy chiếc máy ảnh Nikon công vụ chụp vài kiểu. Sau đó cô ta đi qua cầu, đi xuống ven miệng vực chụp thêm vài kiểu nữa.

Whitey ngồi xổm xuống nhòm dưới chân cầu. “Tôi nghĩ là cô ta có thể đã trốn ở đây một lúc. Hung thủ lại xuất hiện nên cô ta nhào sang bờ bên kia và tiếp tục bỏ chạy.”

“Tại sao cô ta tiếp tục chạy vào sâu trong công viên? Ý tôi là, lưng cô ta quay về phía con vực này, Sarge. Sao không cầm đầu chạy tắt về phía cổng ra vào?” Sean nói.

“Có thể là cô ta bị mất phương hướng. Trời thì tối mà cô ta lại bị trúng đạn.”

Whitey nhún vai và sử dụng bộ đàm gọi cho tổng đài điều độ.

“Đây là trung sĩ Powers. Chúng tôi nghi ngờ có án mạng, chuyển sang hiệu lệnh 187, tổng đài. Chúng tôi cần huy động tất cả các cảnh sát có mặt để xem xét toàn bộ khu vực công viên Penitentiary. Có thể sẽ còn cần đến cả thợ lặn nữa.”

“Thợ lặn á?”

“Đúng vậy. Chúng tôi cũng cần thanh tra cảnh sát Friel và ai đó bên công tố tới hiện trường ngay lập tức.”

“Thanh tra đang tới. Còn văn phòng công tố đã được thông báo. Đã hết?”

“Xin hết.”

Sean nhìn vết gót giày trên mặt đất và để ý thấy nhiều vết cào xới ở bên trái, nạn nhân hẳn đã phải thọc tay xuống đây lần đường để bò lên miệng vực. “Trung sĩ, ông có muốn đoán chuyện quái quỷ gì đã xảy ra ở đây đêm qua không?”

“Thậm chí còn chả muốn nghĩ tới,” Whitey trả lời.

Đứng trên bậc thang nhà thờ cao nhất, Jimmy có thể nhìn thấy con kênh Penitentiary giống như một dải ruy băng màu tía lơ dờ phía bên kia cầu vượt đường cao tốc, công viên kẻ sọc là khoảng màu xanh duy nhất bên bờ kênh bên này. Jimmy chăm chú quan sát đỉnh chóp màu trắng bạc của tấm màn hình chiếu bóng giữa công viên, trông cao hơn cả chiếc cầu vượt. Tấm màn hình chiếu bóng vẫn luôn ở đó, kể cả khi chính quyền bang thu tóm quyền sở hữu từ buổi bán đấu giá vì thiếu ngân quỹ của thành phố và biến nó thành tài sản của Cục công viên giải trí. Cục đã dành cả một thập kỷ sửa sang lại địa điểm này, dỡ bỏ những cột treo loa dành cho ô tô, san bằng và phủ xanh đất đai, tạo nên những con đường dành cho xe đạp, người chạy bộ dọc theo kênh, dựng lên một khu vườn tự trồng, có rào bao quanh, thậm chí còn có thêm cả một bến tàu với cầu dẫn dành cho những chiếc ca nô không quay đầu được. Thế nhưng người ta vẫn giữ lại màn hình của bãi chiếu bóng cũ sừng sững giữa công viên và dựng lên trước mặt nó một sân khấu kịch bằng những cây gỗ lớn vận chuyển từ Bắc California tới. Vào mùa hè, một nhà hát địa phương sẽ trình diễn các vở của Shakespeare ở đó, vẽ lên những họa tiết trang trí thời Trung cổ, nhảy tới nhảy lui trên sân khấu với những thanh kiếm bằng giấy thiếc, hò hét những từ cổ lỗ sĩ như “Nhà người hãy nghe đây!” hay “Thật không còn nghi ngờ gì nữa” hoặc những thứ tương tự. Mùa hè hai năm trước, Jimmy và Annabeth cùng các con gái đã tới đây xem một vở kịch nhưng cả Annabeth, Nadine và Sara đều ngủ gật trước khi hồi một kết thúc. Chỉ mỗi Katie là vẫn tỉnh táo, ngồi trên một cái chăn, tỉa khuỷu tay lên đầu gối, hai bàn tay chống cằm nên Jimmy cũng phải cố mở mắt mà theo dõi. Đêm đó họ diễn vở *Taming of the Shrew* (Thuần phục cô nàng đánh đá) mà phần lớn Jimmy không hiểu được - đại loại về một gã muốn đưa vị hôn thê của hắn vào kỷ cương cho tới khi cô ta trở thành một người vợ phục tùng, dễ bảo. Jimmy chịu không tài nào nhìn thấy tính nghệ thuật trong vở kịch ấy và đoán rằng chắc là do không hiểu ngôn từ cổ. Katie thì hoàn toàn bị chinh phục. Con bé lúc thì phá ra cười sảng sặc lúc lại chết lặng đi, cứ mấy lần như thế và cuối cùng bảo với Jimmy là vở kịch thật “kỳ diệu”. Jimmy chẳng hiểu điều đó có nghĩa là gì và Katie cũng chịu không giải thích được. Con bé chỉ nói là nó có cảm giác như vở kịch đã “mang nó đi” và suốt sáu tháng sau đó lúc nào Katie cũng nhắc tới việc sau khi tốt nghiệp, sẽ chuyển sang sống ở Ý.

Jimmy đứng đó nhìn sang rìa khu Hạ của East Bucky mà nghĩ: Nước Ý. Ai mà ngờ được chứ.

“Bố ơi, bố ơi!” Nadine tách ra khỏi đám bạn chạy về phía Jimmy khi hắn vừa vặn bước xuống bậc thang cuối cùng, đâm sầm vào chân hắn, miệng vẫn không ngừng gọi, “Bố ơi, bố ơi.”

Jimmy nhắc con bé lên, chiếc váy hồ cứng của con bé cọ vào người hắn. Hắn thơm lên má con gái và bảo, “Bé con, bé con của ta.”

Giống hệt như cử chỉ của mẹ nó khi gỡ tóc rử vào mắt, Nadine dùng hai ngón tay hất chiếc khăn voan ra khỏi mặt. “Bố ơi, cái váy này ngứa quá.”

“Ồ, bố không phải mặc nó mà còn thấy ngứa nữa là.” Jimmy nói.

“Bố mà mặc váy thì chắc buồn cười lắm, hi hi!”

“Nhưng nếu nó vừa khít như con mặc chiếc váy này thì chắc cũng không tệ.”

Nadine tròn mắt rồi lấy chóp khăn voan cứng cọ cọ dưới cằm Jimmy và hỏi, “Nhột không bố?”

Jimmy nhìn qua đầu con bé về phía Annabeth và Sara, thấy yêu thương dâng trào trong lồng ngực, lòng vừa tràn ngập hoan hỉ, vừa như bị rút hết sinh khí.

Một viên đạn lạc có thể xuyên qua lưng hắn lúc này, ngay giây phút này thì hắn cũng chẳng bận tâm. Chẳng nhằm nhò gì. Vì hắn đang hạnh phúc. Hạnh phúc nhất trần đời.

Hay gần như thế. Hắn vẫn lần tìm Katie trong đám đông, hy vọng con bé sẽ xuất hiện vào phút chót. Thay vào đó, hắn chỉ thấy một chiếc xe tuần tra của cảnh sát rẽ ngoặt ở góc đại lộ Buckingham, đi vào làn bên trái phố Roseclair, lớp sau nghiêng vào dải phân cách, tiếng còi hụ the thé dồn dập xé rách không khí buổi sớm. Jimmy nhìn thấy người lái xe đạp ga, nghe tiếng động cơ tăng tốc vù vù và chiếc xe lao trên phố Roseclair về phía kênh Penitentiary. Một chiếc xe màu đen không có dấu hiệu gì đặc biệt lao theo, hai xe chỉ cách nhau vài giây, chiếc xe thứ hai không rú còi nhưng chắc chắn cũng là xe cảnh sát, chỉ cần nhìn cái cách tài xế cua gấp một khúc chín mươi độ để rẽ sang phố Roseclair với vận tốc sáu mươi cây số một giờ, động cơ vang rền.

Khi Jimmy đặt Nadine xuống đất trở lại, hắn chợt có một dự cảm chẳng lành, dường như có chuyện gì khủng khiếp đã xảy ra. Hắn quan sát hai chiếc xe cảnh sát chui qua bên dưới cầu vượt rồi rẽ phải về hướng cổng ra vào của công viên Penitentiary và cảm thấy dường như dòng máu của Katie đang chảy trong huyết quản hắn, trong mỗi mao mạch mỗi tế bào, cùng với tiếng còi xe ô tô cảnh sát dồn dập và tiếng lốp xe nghiêng trên đường.

Katie, hắn gần như hét lên. Lạy đức Chúa lòng lành. Katie.

8. Chương 8: Bài Hát Old Macdonald

Celeste thức dậy sáng Chủ nhật hôm đó, nghĩ tới các đường ống thoát nước, tới hệ thống đường ống chạy xuyên qua các ngôi nhà, quán ăn, trung tâm chiếu bóng, siêu thị và tạo thành một hệ khung xương khổng lồ khi chạy từ trên xuống dưới những toà công sở bốn mươi tầng, trong từng tầng một rồi vươn ra khắp nơi, tạo thành những mạng lưới thoát nước và cống rãnh khổng lồ bên dưới các thành phố và thị trấn, kết nối con người chặt chẽ hơn cả ngôn ngữ, với một mục đích duy nhất là cuốn đi những thứ mà chúng ta đã tiêu thụ và đào thải khỏi cơ thể, khỏi bát, đĩa và cuộc đời mình.

Tất cả những chất thải đó rốt cuộc đã trôi đi đâu?

Cô cho là mình từng đặt ra câu hỏi này trước đó, một cách mơ hồ, giống như chúng ta vẫn thường tự hỏi làm sao máy bay có thể di chuyển trên không trung mà không cần phải vỗ cánh, nhưng giờ thì cô muốn tìm hiểu nó một cách rõ ràng. Cô ngồi dậy trên giường, vừa tò mò vừa lo lắng, tai động lên nghe tiếng Dave và Michael chơi bóng Wiffle cách ba tầng lầu ở dưới sân. Trôi đi đâu mới được chứ nhỉ? Cô tự hỏi.

Chúng hắn phải trôi tới một nơi nào đó. Tất cả đám nước thải ấy, từ nước xả phòng rửa tay, dầu gội đầu, bột giặt, giấy vệ sinh, những bãi nôn mửa từ quán bar, những vết ố cà phê, vết máu, mồ hôi, đám bụi đất bám ở gấu quần, vết cáu ghét trên cổ áo, rau thừa canh cặn trong sọt rác, thuốc lá, nước tiểu, những lông, những tóc rụng ra từ cằm, từ má, từ bụng, từ chân - tất cả sẽ hoà lẫn với hàng trăm ngàn những tương tự khác, và vào ban đêm, cô chắc vậy, sẽ chảy qua những hành lang âm u đầy chuột gián, sâu bọ tới một hầm mộ lớn rồi nhập vào một dòng nước xiết đổ ra... đổ ra đâu mới được nhỉ?

Người ta không còn dẫn nước thải ra biển nữa. Không phải vậy sao? Họ không được làm thế nữa. Cô mang máng nhớ tới cái gì gọi là quá trình xử lý nước thải bằng bể tự hoại và nén rác, nhưng không biết có phải là do nhìn thấy ở trên phim không, mà phim ảnh bây giờ thì chỉ rất những thứ lãng nhăng. Vậy nếu không phải chúng đổ ra biển thì chúng đi đâu mới được chứ? Còn nếu chúng vẫn đổ ra biển thật thì tại sao? Hắn

người ta phải tìm ra một cách xử lý nào tốt hơn chứ? Nhưng khi nhớ lại hình ảnh đám đường ống chẳng chặt đó, tất cả lượng chất thải đó, cô vẫn không khỏi băn khoăn vì chưa tìm ra một câu trả lời thích đáng.

Cô nghe thấy tiếng cây gậy vụt vào trái bóng wiffle, tạo thành một tiếng rít khan trong không khí. Và rồi tiếng Dave thán phục hét lên, “Wow!”, tiếng Michael reo hò và tiếng chó sủa, cũng giòn tan như tiếng gậy tiếp bóng lúc trước.

Celeste nằm ngửa ra trên giường và lúc này mới để ý rằng mình vẫn còn chưa mặc quần áo, đồng hồ thì đã chỉ quá mười giờ. Chuyện này vốn hiếm khi xảy ra, nhất là từ khi Michael bắt đầu biết đi khiến cô đột nhiên thấy hổ thẹn, nhưng cảm giác này nhanh chóng biến mất khi cô nhớ lại khoảnh khắc cô đặt môi hôn lên vết sẹo còn mới của Dave vào lúc bốn giờ sáng ở trong bếp. Cô quỳ gối trên sàn, nhắm nháp sự sợ hãi cũng như dòng adrenalin đang toả ra từ mọi ngõ ngách trên người anh, những nỗi sợ hãi về bệnh AIDS hay viêm gan trước đó đều bị đánh bại bởi ham muốn được thưởng thức anh ngay lúc này, được áp sát vào cơ thể của anh. Cô tụt chiếc áo tắm khỏi vai, lưỡi cô vẫn trườn nhẹ trên da thịt anh, cô quỳ ở đó với độc một chiếc áo ngủ phong phanh và quần lót màu đen mỏng, cảm nhận được giá lạnh ban đêm đang luồn qua khe cửa khiến mắt cá chân và đầu gối tê buốt. Sự sợ hãi đã khiến cho da thịt Dave vừa có chút vị đắng, lại vừa có thứ vị ngọt của đường, lưỡi cô mềm mại chuyển động từ vết thương lên gần phía cổ họng của anh trong khi tay cô úp vào khoảng giữa đùi anh và cảm nhận được sự cương cứng của anh, nghe thấy hơi thở anh mỗi lúc một thêm dồn dập. Cô những muốn khoảnh khắc này kéo dài mãi mãi, hương vị này của anh, thứ quyền năng đột ngột xâm chiếm cơ thể cô và cô đứng dậy, bao phủ lấy anh. Cô đưa lưỡi lùa trong miệng anh, những ngón tay cô lồng vào tóc anh, siết chặt và tưởng tượng ra rằng cô đang cố gắng hút sạch sang người cô nỗi đau mà anh phải chịu đựng trong cuộc chạm trán đen tối ở bãi gửi xe. Cô ôm chặt đầu anh và cọ xát da thịt cô vào anh cho tới khi anh lột áo của cô ra và vục miệng anh vào ngực cô, thân thể cô không ngừng uốn éo phía dưới bụng anh khiến anh bật ra những tiếng rên rỉ. Cô những muốn Dave hiểu rằng đây chính là sự gắn kết giữa hai người bọn họ, sự tiếp xúc da thịt, sự hoà nhập của hai cơ thể, hương vị của đôi phương cũng như nhu cầu được ở bên nhau và cuối cùng là tình yêu, đúng vậy, chính là tình yêu vì khi suýt mất anh cô mới nhận ra rằng cô yêu anh sâu nặng tới chừng nào.

Rằng anh ngậm lấy núm vú của cô mút chặt tới mức làm cô đau nhưng cô lại càng ấn ngực mình vào sâu trong miệng anh, chấp nhận đau đớn. Có chảy máu cô cũng không ngại, vì anh đang hút lấy cô, đang cần cô, những ngón tay của anh bấm sâu vào lưng cô để xuất ra hết những sợ hãi trong lòng, truyền chúng sang người cô. Và cô sẽ đón nhận hết thấy rồi nhổ chúng ra ngoài cho anh, như vậy cả hai người bọn họ sẽ trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Cô thực sự không nghi ngờ gì về điều đó.

Khi cô mới hẹn hò với Dave, cuộc sống tình dục của họ phải gọi là điên cuồng không giới hạn. Cô thường trở về nhà, căn hộ cô ở cùng với Rosemary, người đầy những vết bầm tím, vết cắn, vết cào trên lưng, hai người bọn họ như muốn gặm nhấm đối phương tới xương tủy, ngấu nghiến nhau cho tới khi kiệt sức, như kẻ nghiện lên cơn giữa hai lần chích thuốc. Kể từ khi Michael sinh ra - nói đúng hơn là kể từ khi Rosemary chuyển tới ở với họ sau khi khối ung thư đầu tiên được phát hiện - Celeste và Dave trượt dần vào nếp sống tẻ nhạt, lặp đi lặp lại của một cặp vợ chồng bình thường mà phim truyền hình vẫn thường xuyên lấy làm đề tài chế giễu, thường là do quá mệt mỏi hay thiếu riêng tư để làm nhiều hơn vài phút dạo đầu, vài phút sinh hoạt bằng miệng trước khi mau chóng chuyển sang sự kiện chính, mà sau nhiều năm cũng chẳng còn được coi là sự kiện chính nữa vì nó chỉ còn giống như một thứ hoạt động giết thời gian trong lúc chờ đợi chương trình dự báo thời tiết kết thúc để chuyển sang tiết mục talkshow của Leno.

Nhưng cơn ân ái đêm qua hẳn là một sự kiện quan trọng khiến cho cô giờ vẫn còn nằm trên giường, cơ thể bầm dập, xương cốt rã rời vì dư âm của nó.

Chỉ khi nghe thấy tiếng Dave ở bên ngoài nhắc nhở Michael phải tập trung thì cô mới nhớ ra chuyện gì đã khiến cô đau đầu, trước khi xảy ra vụ ổng nước và cơn ân ái điên cuồng của họ, trước khi cô leo lên giường: chính là Dave đã nói dối cô.

Cô đã nhận ngay ra điều đó khi anh bước chân vào nhà, nhưng cô cố tình lờ nó đi. Rồi khi cô nằm dưới sàn nhà, uốn người và cong mông lên để anh có thể đi vào bên trong cơ thể cô, cô lại nhìn thấy nó một lần nữa. Cô quan sát đôi mắt anh, hơi mờ đi một cách đờ đẫn, khi anh vào trong cô, kéo hai chân cô siết chặt quanh hông mình và cô đón nhận cú thọc sâu đầu tiên của anh thì cô hoàn toàn chắc chắn rằng câu chuyện của anh là bịa đặt.

Trước hết, chả ai nói những câu như thế này, “Ví của mày hay mạng của mày, đồ chó. Tao sẽ lấy một trong hai thứ đó.” Nghe thật hài hước. Đúng thế, giống như cô từng nghĩ trước đó lúc còn ở trong buồng tắm, cứ như là ở trên phim. Ngay cả tên trộm có thích câu nói đó thì hẳn cũng không đời nào mang ra áp dụng trên thực tế. Không thể nào. Celeste hồi trẻ cũng bị đánh cướp một lần ở Common. Tên cướp, một gã lai da đen, cổ tay gầy guộc khăng khiu, mắt nâu mờ mịt bước tới trước mặt cô ở một nơi vắng vẻ, lạnh lẽo, lúc trời gần tối, kề một con dao bấm cạnh hông cô, để cô kịp liếc qua đôi mắt không chút cảm xúc nào của hắn rồi nói, “Mày có gì trong người?”

Xung quanh họ chẳng có ai ngoài những thân cây thán Mười hai trụi lá, người ở gần nhất là một viên chức đang vội vã về nhà trên phố Beacon, cách họ khoảng hai mươi mét và một hàng rào kẽm gai. Tên cướp lại giơ dao sắt hơn nữa vào quần jean của cô, chưa cắt vào thịt nhưng rõ ràng muốn gia tăng áp lực và cô có thể ngửi thấy mùi răng sâu và mùi sô cô la phả ra từ miệng hắn. Cô đưa ví cho hắn, cố tránh nhìn vào đôi mắt màu nâu mờ mịt hơi nước của hắn và có một cảm giác không thể lý giải nổi rằng trong người hắn còn nhiều thứ vũ khí nguy hiểm hơn nữa. Hắn dứt ví của cô vào trong túi áo khoác và bảo, “Mày may đấy, tao đang vội,” rồi rảo bước về phố Park, không có vẻ gì vội vã hay sợ hãi.

Cô cũng nghe nhiều phụ nữ khác kể vậy. Đàn ông, ít nhất thì ở thành phố này là thế, rất hiếm khi bị cướp trừ phi tự muốn rước họa vào thân còn phụ nữ thì chuyện đó xảy ra như cơm bữa. Luôn là những lời đe dọa cường hiếp, ngụ ý hay trắng trợn nhưng tất cả những gì mà cô nghe được đều không nhắc gì tới một tên trộm ăn nói hoa mỹ. Đơn giản là vì chúng không có thời gian. Chúng cần phải hành động nhanh gọn. Xuất hiện và biến mất trước khi nạn nhân kịp há miệng kêu cứu.

Và rồi lại còn tình tiết tên trộm một tay cầm dao, một tay phóng ra nắm đấm. Cứ cho tay cầm dao là tay thuận đi, vậy sao có thể phóng ra nắm đấm bằng tay trái được?

Đúng thế, đúng là cô có tin việc Dave bị dồn tới đường cùng, rơi vào tình thế bắt buộc phải ra tay nếu không muốn bị giết hại. Cô cũng biết chắc anh không phải là loại người thích gây sự. Nhưng câu chuyện của anh rõ ràng có nhiều sơ hở. Nó giống hệt như việc cố gắng giải thích về vết sơn trên cổ áo, anh có thể là một gã chung thủy nhưng cách anh giải thích lại rất lòng vòng, ngớ ngẩn, chỉ gây tác dụng ngược lại.

Cô hình dung ra cảnh hai nhân viên điều tra ngồi trong bếp nhà họ, hỏi hết câu này tới câu khác và cô dám chắc là Dave sẽ bị lộ tẩy. Câu chuyện của anh sẽ không thể đứng vững dưới đôi mắt khách quan và những câu hỏi lặp đi lặp lại của cảnh sát. Cũng giống như khi cô hỏi về thời thơ ấu của anh. Dĩ nhiên là cô có nghe được chuyện này chuyện nọ, khu Hạ chẳng qua cũng chỉ là một thị trấn nhỏ giữa một thành phố lớn với những lời xì xầm, bàn tán. Thế nên có một lần cô nói với Dave rằng nếu có chuyện gì khủng khiếp xảy ra khi anh còn bé mà anh không thể chia sẻ với bất kỳ ai thì anh có thể tâm sự với cô, người vợ đang mang trong mình giọt máu của anh. Anh nhìn cô vẻ như đang lục lại trí nhớ. “Ồ, em muốn nói cái lần đó á?”

“Lần gì cơ?”

“Cái lần anh chơi với Jimmy và thằng nhóc đó, Sean Devine. Ừ, mà em biết cậu ta đấy. Em đã từng cắt tóc cho cậu ta một lần, hai lần gì đó đúng không?”

Celeste có nhớ Sean Devine. Công việc của anh ta có dính líu gì đó tới cơ quan hành pháp nhưng không phải trong phạm vi thành phố này. Đó là một người cao ráo, tóc quăn, giọng nói êm ái rất lọt tai. Anh ta có cái vẻ tự tin bẩm sinh, giống như Jimmy, cái vẻ tự tin thường thấy ở những người đàn ông hoặc là vô cùng điển trai, hoặc vô cùng kiên định.

Cô không thể hình dung ra Dave lại kết bạn với hai người đó, kể cả khi họ còn nhỏ.

“Đúng thế,” cô nói.

“Và rồi cái ô tô đấy đi tới, anh chui vào xe và không lâu sau đó, anh trốn thoát.”

“Trốn thoát?”

Anh gật đầu. “Chỉ có vậy thôi, em yêu.”

“Nhưng, Dave...”

Anh đặt một ngón tay lên môi cô và bảo, “Câu chuyện đến đây là hết, được không?”

Anh mỉm cười nhưng Celeste có thể nhìn thấy trong mắt anh một thứ cảm xúc điên dại.

“Anh định nói gì ấy nhỉ? Nói gì nhỉ? À anh nhớ mình hay chơi bóng, đá ống bơ, nhớ hồi đi học ở trường Looey & Dooley, lúc nào cũng cố để không ngủ gật trong lớp, có nhớ vài bữa tiệc sinh nhật và những trò vớ vẩn khác. Nhưng thôi, nhắc tới chúng làm gì, chán chết. Giờ, kể tiếp tới thời trung học...”

Cô bỏ qua không vận vẹo gì giống như lần anh nói dối cô về lý do bị mất việc ở công ty Dịch vụ Tin nhắn Mỹ (Dave nói là do cắt giảm ngân sách, nhưng vài tuần sau đó đã thấy họ tuyển rất nhiều người mới, toàn là những người ở trong khu phố) hay khi anh bảo mẹ anh chết vì đau tim cấp tính trong khi hàng xóm láng giềng hết thấy lại bảo rằng vào năm cuối ở trường trung học, Dave từ trường trở về và thấy mẹ mình ngồi cạnh lò nướng, cửa bếp đóng kín, khăn tắm nhồi kín các khe hở dưới sàn, cả phòng nồng nặc mùi ga. Cô bắt đầu tin rằng Dave cần những lời nói dối này, để viết lại câu chuyện đời mình, tô điểm nó thành một thứ anh có thể chấp nhận được và chôn giấu nó ở trong lòng. Và nếu như điều đó có thể giúp anh trở thành một người tốt hơn, một người chồng thương yêu, dù đôi khi có hơi xa cách và một người cha tận tâm thì cần gì phải phán xét.

Nhưng lời nói dối lần này, Celeste vừa xỏ vào một chiếc quần jean và áo thun của Dave vừa nghĩ, sẽ chôn vùi anh. Chôn vùi họ thì đúng hơn vì cô cũng đã dự phần vào việc ngăn cản quá trình điều tra sau khi giặt sạch đám quần áo tang chứng vật chứng kia. Nếu Dave không thành thực kể mọi chuyện cho cô thì cô sẽ không thể nào giúp anh được. Và khi cảnh sát tìm đến (họ hẳn sẽ tìm đến thật, thì chẳng còn giống như trên phim truyền hình nữa vì nói về lĩnh vực tội phạm thì ngay một viên thanh tra nát rượu và ngớ ngẩn nhất cũng còn thông minh hơn hai người họ) họ sẽ đập tan luận điệu của Dave như đập trứng vào chảo.

Tay phải của Dave đau chết đi được. Những đốt xương sưng phồng lên gấp đôi bình thường và đám khớp xương ở gần cổ tay như chực chồi lên khỏi da. Anh có thể chiếu cổ tới chúng hơn bằng cách ném những đường bóng nhẹ cho Michael nhưng anh không muốn làm vậy. Nếu thằng bé không biết đỡ những cú ném xoáy của một quả bóng wiffle thì nó sẽ không bao giờ có thể đánh được một trái bóng chày có vận tốc nhanh gấp đôi với một chiếc gậy nặng gấp mười.

Con trai anh hơi nhỏ so với tuổi lên bảy của nó, lại tràn đầy niềm tin vào thế giới này. Có thể dễ dàng nhận thấy điều đó trên gương mặt cởi mở và đôi mắt xanh rạng ngời hy vọng của thằng bé, khiến anh vừa yêu vừa giận. Anh không biết liệu anh có đủ sức mạnh để tước bỏ của thằng bé cái niềm tin ấy hay không nhưng anh hiểu rằng anh sẽ phải làm, dù muốn hay không, nếu không chính cuộc đời tàn nhẫn này sẽ ra tay hộ anh. Cái nét dịu dàng, mong manh của con trai anh chính là dấu ấn đáng nguyên rủa của dòng họ Boyle, cũng chính điều này khiến Dave, ở tuổi ba lăm, vẫn thường xuyên bị người khác nhầm là một sinh viên đại học, đi mua rượu ở cửa hàng lạ vẫn phải xuất trình chứng minh thư. Tóc anh từ hồi bằng tuổi Michael đến giờ cũng không hề thưa đi tẹo nào, mặt không có lấy một nếp nhăn, đôi mắt màu xanh vẫn luôn mang một vẻ ngây thơ, sống động.

Dave quan sát Michael đứng vào vị trí giống như anh đã dạy, điều chỉnh chiếc mũ lưỡi trai rồi giơ cái gậy bóng chày cao hơn vai. Anh giạng chân, chùng gối xuống để tạo thế cân bằng, một thói quen mà anh dần đánh mất nhưng có thể quay trở lại trong nháy mắt, rồi anh ném bóng thật nhanh, lợi dụng sơ suất của đối phương, giấu đi các đốt xương bằng cách thả bóng ra trước khi vươn hết sải tay, lòng bàn tay anh đau nhói vì nắm quả bóng quá chặt.

Michael không còn đứng ở tư thế chùng gối ngay khi Dave bắt đầu động tác ném bóng, khi quả bóng bay lên rồi rơi xuống trước đĩa gôn, Michael xoay người xuống thấp và đánh mạnh vào quả bóng cứ như trong tay cậu là một cây gậy chơi gôn số ba. Dave nhìn thấy một tia cười tràn đầy hy vọng loé lên trên gương mặt Michael pha chút ngớ ngàng trước khả năng đánh bóng của mình khiến anh thiếu điều đã để kệ cho trái bóng lao đi nhưng rồi anh vẫn vươn tay đập nó xuống đất, đồng thời cảm thấy ngực mình đau thối khi nụ cười biến mất trên mặt con trai.

“Này, này, một cú xoay người đánh bóng rất tuyệt. Ái chà!” Dave lên tiếng, quyết định phải khen ngợi con trai vì cú đánh bóng vừa rồi.

Michael mặt mũi vẫn còn nhăn nhó hỏi bố mình, “Làm sao mà bố có thể đập quả bóng xuống đất như thế được nhỉ?”

Dave nhặt quả bóng lên và bảo, “Bố cũng chẳng biết nữa. Có lẽ vì bố cao hơn nhiều so với lũ trẻ chơi ở giải thiếu niên.”

Nụ cười như sắp trở lại trên gương mặt Michael. “Thật thế à?”

“Hãy để bố hỏi con một câu, con có biết đứa học sinh lớp hai nào cao một mét tám mươi không?”

“Không ạ.”

“Mà bố lại còn phải nhảy lên để chạm vào bóng.”

“Thế à?”

“Đúng thế. Cả một khối một mét tám lao lên.”

“OK.” Michael lúc này mới phá ra cười. Tiếng cười lúc trầm lúc bổng, giống hệt như khi Celeste cười.

“Nhưng con lại đứng chùng gối.”

“Con biết. Con biết.”

“Một khi con đứng vào vị trí và thủ thế thì chàng trai, con không được cử động nữa.”

“Nhưng Nomar...”

“Bố biết con muốn nói gì về Nomar. Và cả Derek và Jeter nữa. Các thần tượng của con, bố biết. Khi nào con có thể chơi ở giải chuyên nghiệp và kiếm được mười triệu đô thì con có thể nhấp nhồm tùy ý. Nhưng trong lúc chờ đợi thì con phải làm sao?”

Michael chỉ nhún vai, đá đá vào cỏ.

“Mike. Nhưng trong lúc chờ đợi thì sao?”

Michael thở dài. “Trong lúc chờ đợi thì con phải tập trung vào những kỹ năng cơ bản.”

Dave mỉm cười, tung quả bóng lên quá đầu rồi bắt gọn, mắt không thèm nhìn bóng khi nó rơi xuống. “Nhưng dù sao cũng là một cú đánh bóng ngoạn mục.”

“Thật vậy à?”

“Ngốc à, bố mà không chặn thì nó phải bay lên khu Thượng. Lên phố chính.”

“Lên phố chính,” Michael nói và lại bật ra một tràng cười giống hệt mẹ.

“Ai lên phố thế?”

Cả hai bọn họ quay lại và nhìn thấy Celeste đang đứng trên bậc cửa hiên sau, chân trần, trên người mặc một chiếc áo thun của Dave bỏ ra ngoài quần jean bạc phéch, tóc buộc túm lại đằng sau.

“Chào mẹ!”

“Chào cưng. Con định lên phố với bố à?”

Michael nhìn Dave. Chi tiết ấy đột nhiên trở thành một trò đùa bí mật giữa hai cha con họ khiến cậu không nhận được, cười khúc khích.

“Không mẹ ơi.”

“Dave?”

“Là trái bóng mà thằng bé vừa đánh trúng, em yêu. Là trái bóng bay thẳng lên phố.”

“À. Là trái bóng.”

“Một cú đánh bóng chết người. Chỉ vì bố quá cao nên mới có thể chặn lại được.”

Dave có thể cảm thấy Celeste đang theo dõi anh dù mắt vẫn nhìn Michael. Theo dõi và chờ đợi để hỏi han gì đó. Anh nhớ tới giọng nói khàn khàn của cô đêm vừa rồi, khi cô vươn dậy khỏi sàn bếp, kéo đầu anh lại gần, áp miệng vào tai anh và nói, “Giờ em là anh. Anh là em.”

Dave không hiểu cô đang nói linh tinh gì nhưng anh thích cái âm thanh đó, chính cái giọng nói khàn đi vì dục vọng của cô đã đẩy anh lên gần tới cực khoái hơn.

Nhưng giờ đây anh lại có cảm giác rằng đó chỉ là một cố gắng nữa của Celeste nhằm chui vào trong đầu anh, dòm ngó xung quanh và điều đó khiến anh vô cùng khó chịu. Vì một khi chui vào được rồi, họ sẽ trở nên căm ghét những gì họ nhìn thấy và rốt cuộc là bỏ chạy tháo thân.

“Có chuyện gì vậy, em yêu?”

“Ồ, không có gì.” Cô quần hai tay quanh người như bị lạnh dù trời đã ấm lên rất nhanh. “Này Mike, con đã ăn sáng chưa?”

“Chưa ạ.”

Celeste cau mày nhìn Dave như thể việc Michael đánh mấy quả bóng trước khi hấp thụ chút đường từ món ngũ cốc buổi sáng là một tội tày trời.

“Ngũ cốc và sữa của con ở trên bàn ấy.”

“Tốt quá. Con sắp chết đói rồi.” Michael thả cây gậy xuống đất và Dave cảm thấy hành động vứt gậy và vội vã đi lên nhà của thằng bé giống như một sự phản bội. Sắp chết đói ư? Thế miệng con bị dán lại hay sao mà không biết đường mở ra bảo bố chứ? Mẹ kiếp!

Michael đi qua mẹ mình rồi leo cầu thang lên tầng ba với một vẻ hối hả như thể những bậc cầu thang sẽ biến mất trước mặt cậu nếu không nhanh chân.

“Lại bỏ bữa sáng hả Dave?”

“Còn em thì định ngủ tới trưa hả Celeste?”

“Mới có mười giờ mười lăm thôi mà.” Celeste nói và Dave cảm thấy tất cả những thiện chí nhằm cứu vãn cuộc hôn nhân của họ phát sinh trong cơn cuồng nhiệt dưới bếp đêm qua đã nhanh chóng tan thành mây khói. Anh cố nặn ra một nụ cười. Giả vờ như thật chẳng ai có thể nhận ra. “Vậy thì em yêu, có chuyện gì?”

Celeste bước xuống sân, đôi chân trần giống như hai đốm nhỏ màu nâu sữa trên cỏ.

“Anh làm gì với con dao?”

“Cái gì cơ?”

“Con dao ấy,” cô thì thào, rồi quay đầu lại nhìn về phía cửa sổ phòng ngủ nhà McAllister ở phía sau lưng. “Con dao của tên cướp ấy. Đâu rồi?”

Dave lại tung quả bóng lên cao rồi thò tay ra sau lưng bắt lấy nó. “Mất rồi.”

“Mất rồi?” Cô trề môi ra và nhìn xuống cỏ. “Chết tiệt.”

“Cái gì chết tiệt?”

“Mất đi đâu?”

“Thì biến mất rồi được chưa?”

“Anh chắc chứ?”

Dave hoàn toàn chắc chắn. Anh mỉm cười nhìn vào mắt cô và bảo. “Chắc chắn.”

“Trên đó có vết máu của anh. Có cả ADN của anh nữa đấy Dave ạ. Có phải là nó thực sự biến mất không bao giờ tìm lại được không?”

Dave không có câu trả lời cho câu hỏi này của vợ mình nên anh chỉ im lặng chờ cô thay đổi chủ đề.

“Anh xem báo sáng nay rồi chứ?”

“Rồi.”

“Anh có đọc thấy gì không?”

“Thấy gì cơ?”

“Còn gì nữa chứ?” Celeste rít lên.

“À, à... hiểu rồi.” Dave lắc đầu nói. “Không, không thấy nhắc gì tới chuyện đó cả. Với lại, em cũng biết là hôm qua khi xảy ra chuyện đó thì cũng khá muộn rồi.”

“Đúng là muộn thật. Nhưng anh thừa biết là trang tin nhanh vẫn luôn đưa những tin phút chót còn gì, toàn cập nhật thông tin của cảnh sát đấy thôi.”

“Em đang làm phóng viên đấy à?”

“Đây không phải chuyện đùa, Dave.”

“Anh biết là không phải chuyện đùa, em yêu. Anh chỉ muốn nói là báo sáng nay không có gì. Thế thôi. Tại sao thì anh cũng không biết nữa. Chúng ta sẽ chờ chương trình tin tức buổi trưa xem sao.”

Celeste nhìn xuống cổ, gật gật. “Chúng ta sẽ có cái để xem phải không Dave?”

Dave chột lì lại.

“Em muốn nói là họ hẳn sẽ đưa tin về một gã da đen bị đánh gần chết tại một bãi đỗ xe ngoài trời ở... đâu ấy nhỉ?”

“À, ở... Last Drop.”

“Ở... Last Drop?”

“Đúng vậy, Celeste.”

“OK, em biết rồi, Dave,” cô nói. “Biết rồi.”

Rồi cô bỏ đi. Cô quay lưng đi về phía cầu thang, bước lên bậc cửa dẫn lên nhà. Anh nghe thấy tiếng chân cô lép xép trên các bậc thang.

Người nào cũng hành động như vậy. Bỏ đi. Không nhất thiết về mặt thể xác, đôi khi người vẫn còn đó nhưng tâm tư, tình cảm đã rời xa. Không ai ở lại bên cạnh anh lúc anh thực sự cần tới. Ngay cả mẹ anh cũng vậy. Cái buổi sáng mà cảnh sát mang anh về nhà, mẹ đứng xây lưng lại với anh để chuẩn bị bữa sáng, vừa làm vừa lầm nhảm bài hát “Old MacDonald”, thỉnh thoảng quay ra ném cho anh một nụ cười lo lắng như thể anh chính là một gã thuê nhà chung cần phải cảnh giác.

Bà đặt đĩa trứng tráng ầu, thịt hun khói cháy đen và một mẩu bánh mì nhão nhoét xuống trước mặt anh và hỏi anh có muốn uống nước cam hay không.

“Mẹ,” anh nói, “những kẻ đó là ai? Tại sao chúng...?”

“Davey,” mẹ anh cắt ngang, “con có muốn uống nước cam không? Mẹ không nghe rõ.”

“Có ạ. Mẹ này, con không biết tại sao chúng lại bắt...”

“Đây, nước cam của con đây.” Bà đặt ly nước trước mặt anh. “Ăn sáng đi còn mẹ phải...” Bà nói rồi vung tay chỉ đại về phía bếp, hoàn toàn không biết sẽ phải làm gì tiếp theo. “Mẹ sẽ... giặt quần áo của con nhé? Được không? Và rồi, Davey, chúng ta sẽ đi xem phim. Con thấy sao?”

Dave nhìn mẹ, chờ đợi bà khuyến khích anh kể ra câu chuyện của mình, về chiếc xe ô tô đó, về ngôi nhà trong rừng và mùi kem dưỡng sau khi cạo râu của tên mập. Nhưng anh chỉ nhìn thấy một vẻ tươi vui rạng rỡ, lại hơi cam khổ đôi khi vẫn xuất hiện trên gương mặt bà những lúc chuẩn bị ra ngoài vào tối thứ Sáu, bản khoăn chọn quần áo cho phù hợp, lòng tràn trề hy vọng đến tuyệt vọng.

Dave cúi đầu xuống và ăn trứng. Anh nghe tiếng mẹ rời khỏi bếp, miệng vẫn ngâm nga bài “Old MacDonald” suốt dọc hành lang.

Ngay lúc này đây, đứng một mình trong sân với những đốt xương tê tái, anh dường như lại nghe thấy giai điệu đó văng vẳng bên tai. Ông già MacDonald có một trang trại. Ở trang trại đó mọi thứ đều tuyệt vời. Trồng trọt, cây cối, thu hoạch, gieo hạt, mọi thứ đều diễn ra hết sức thuận lợi. Tất cả chung sống hòa

thuận, kể cả lũ gà và bò, chẳng bao giờ phải lo âu vì những chuyện không hay chẳng bao giờ xảy ra, không ai có bí mật gì cả vì bí mật chỉ dành cho kẻ xấu, những kẻ không muốn ăn trứng, những kẻ trèo vào ô tô có mùi táo với người lạ và mất tích suốt bốn ngày và chỉ quay trở lại để phát hiện ra rằng tất cả những người mà hắn biết đều đã biến mất, thay vào là những khuôn mặt cười giống hệt nhau của những người sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì trừ việc lắng nghe tâm sự của hắn. Bất cứ chuyện gì trừ việc đó.

9. Chương 9: Người Nhái Ở Kênh Penitentiary

Khi Jimmy tới gần lối vào công viên Penitentiary trên phố Roseclair, điều đầu tiên đập vào mắt hắn là một chiếc xe thùng của cảnh sát đỗ dưới phố Sydney, cửa sau mở toang, hai nhân viên cảnh sát đang hí hục kéo dây da buộc sáu con chó béc giê Đức. Từ nhà thờ, hắn đi lên phố Roseclair, cố đi thong thả không chạy tới chỗ một đám người đang tụ tập cạnh cầu vượt vắt qua phố Sydney. Họ đang đứng ở đoạn đầu dốc nơi phố Roseclair bắt đầu vươn lên bên dưới cầu vượt rồi sau đó chạy qua con kênh Penitentiary sang phía bên kia thì đổi thành đại lộ Valenz của khu Shawmut, không còn nằm trong địa giới của Buckingham nữa.

Ở đây, chỗ đám đông đang tụ tập, người ta có thể trèo lên gờ bức tường bê tông cao bốn mét ở cuối phố Sydney và nhìn xuống con phố cuối cùng chạy theo hướng Bắc-Nam của khu Hạ, về phía East Bucky với một hàng rào sắt gỉ cao tới đầu gối. Cách đó vài mét về phía Đông có một cầu thang bằng đá vôi màu tía. Khi còn trẻ, Jimmy thỉnh thoảng hẹn hò bạn gái ở đây, cùng uống bia trong bóng tối nhập nhoạng và quan sát những hình ảnh lấp loá trên tấm phong màn màu trắng của rạp chiếu bóng ngoài trời Hurley. Đôi khi Dave Boyle cũng đi với họ, không phải vì có cô gái nào đặc biệt thích cậu ta mà chỉ vì cậu ta không bỏ qua bất cứ bộ phim mới nào và thỉnh thoảng khi những người khác uống nhiều quá thì Dave sẽ giúp họ đọc lời thoại trên màn hình. Dave trở nên nhập tâm với công việc này tới mức đôi khi còn thay đổi giọng điệu cho phù hợp với các nhân vật trong phim. Và rồi Dave đột ngột trở thành một cầu thủ xuất sắc, chuyển tới chơi cho đội tuyển trường Don Bosco và trở thành một siêu sao bóng chày khiến bọn họ không thể lờ cậu ra để cười cợt được nữa.

Jimmy không hiểu sao ký ức đó lại đột nhiên tràn về hay tại sao hắn lại đứng chôn chân cạnh hàng rào sắt này, mắt nhìn xuống phố Sydney ở bên dưới, trừ phi có gì đó liên quan tới những con chó đã ra khỏi xe và đang sục sạo kia. Một trong hai người đang dắt chó đưa máy bộ đàm lên miệng đúng lúc một chiếc trực thăng xuất hiện trên bầu trời ở phía trung tâm thành phố rồi hướng về phía họ như một con ong béo, to dần lên sau mỗi lần chớp mắt.

Một cảnh sát trẻ măng đứng chắn ở đoạn cầu thang màu tía và xa hơn một chút trên phố Roseclair có hai xe tuần tra của cảnh sát và vài nhân viên khác mặc đồng phục màu xanh đứng chắn trước con đường dẫn vào công viên.

Vẫn không thấy tiếng chó sủa. Jimmy quay đầu lại nhìn chúng và nhận ra rằng chính sự im lặng của đàn chó khiến hắn cảm thấy bất an. Hắn nghe thấy tiếng bước chân của chúng, hai mươi tư bàn chân có móng vuốt đi tới đi lui trên mặt đường nhựa một cách đồng điệu và tập trung cao độ, như lính tráng đang đứng giậm chân tại chỗ. Và Jimmy cảm thấy những cái mồm đen ngòm, những chiếc răng nanh sắc nhọn và đôi mắt như than nóng của chúng toát ra một thứ năng lực ghê gớm.

Phần còn lại của phố Sydney trông giống như hiện trường phòng chống bạo loạn. Cảnh sát rải đầy phố và thực hiện nghiệp vụ trên bãi cỏ đại đẳng trước công viên. Từ trên cao, Jimmy có thể nhìn thấy một phần của công viên và cả đám cảnh sát trong đó, những nhân viên cảnh sát mặc đồng phục màu xanh hay áo khoác gam màu nâu xám di chuyển qua bãi cỏ, sầm soi quanh kênh Penitentiary và gọi nhau í ới.

Trở lại phố Sydney, cảnh sát vây quanh một vật gì đó phía bên kia chiếc xe thùng, một vài cảnh sát mặc thường phục đứng tựa lưng vào những chiếc ô tô đỗ bên lề đường mà uống cà phê, nhưng không thấy ai nói năng cợt nhả, kể chuyện tiêu lâm như thường ngày. Jimmy nhận thấy một sự căng thẳng nặng nề từ lũ chó béc giê, từ đám cảnh sát lặng lẽ đứng tựa cửa xe, từ chiếc máy bay trực thăng lúc này không còn là một con

ong béo nữa, đang gầm gừ bay trên phố Sydney, tà tà hạ xuống rồi biến mất trong công viên Penitentiary sau đám cây cối và tấm màn chiếu phim cũ.

“Jimmy à,” Ed Deveau vừa đưa rằng mở một túi M&M vừa lấy khuỷu tay huých Jimmy làm động tác chào hỏi.

“Chuyện gì đã xảy ra ở đây vậy Ed?”

Deveau nhún vai bảo, “Đây là chiếc trực thăng thứ hai đấy. Chiếc thứ nhất lượn qua lượn lại trên nóc nhà tôi từ nửa tiếng trước. Tôi vừa bảo bà xã, ‘Em yêu, mình chuyển nhà tới phi trường từ lúc nào vậy, sao không thấy ai bảo gì anh nhỉ?’” Hắn ta dốc mấy viên M&M vào miệng rồi lại nhún vai nói tiếp, “Thế nên tôi mới xuống đây xem đã xảy ra chuyện gì.”

“Anh có nghe thấy người ta nói gì không?”

Deveau lấy tay chém chém trước mặt và bảo, “Chả nghe được gì. Miệng họ khoá chặt còn hơn ví của mẹ tôi. Lần này họ có vẻ rất nghiêm túc. Nghe nói họ phong toả mọi ngã vào phố Sydney, cảnh sát, cột phân cách ở khắp nơi, từ phố Crescent, Harborview, Sudan, Romsey tới tận Dunboy. Những người ở trong phố không được phép ra ngoài đang rất phẫn nộ. Còn huy động cả thuyền tì kiếm ngang dọc con kênh nữa, Boo Bear Durkin bảo từ cửa sổ nhìn ra thấy cả người nhái đã được gọi đến. Mà cứ nhìn cái bãi chiến trường kia là biết.” Deveau nói và chỉ tay ra xa.

Jimmy nhìn theo hướng tay của Deveau và thấy ba viên cảnh sát đang lôi một gã say rượu ra khỏi một xác nhà cháy bỏ hoang trên phố Sydney. Gã say kia tỏ vẻ khó chịu, giãy ra bằng được cho tới khi một viên cảnh bực mình liệng hắn xuống ở những bậc thang cuối. Jimmy vẫn đang nghĩ tới cái từ mà Ed vừa nói, người nhái. Họ hẳn không cử người nhái xuống nước để tìm người sống.

“Cảnh sát lần này thật không phải giỡn chơi.” Ed khẽ huýt sáo rồi quay sang nhìn quần áo của Jimmy. “Sao hôm nay lại đóng bộ thế này?”

“Lễ ban thánh thể lần đầu của Nadine.” Jimmy trả lời, mắt vẫn quan sát gã say rượu bị một viên cảnh sát lôi dậy, nói gì đó vào tai hắn rồi ném vào một chiếc xe sedan màu ô liu có gắn còi cảnh sát trên nóc.

“Chúc mừng anh nhé!” Deveau nói.

Jimmy mỉm cười cảm ơn.

“Mà thế thì anh ra đây làm quái gì?”

Deveau nhìn về phía phố Roseclair và nhà thờ Saint Cecilia khiến Jimmy đột nhiên cảm thấy lỗ bịch. Hắn đang diễn trò gì ở đây trong bộ lễ phục giá sáu trăm đô la cùng chiếc cà vạt lụa và đôi giày bóng loáng đang sục vào đám cỏ dại dơ dáy phía dưới hàng rào?

Và rồi hắn chợt nhớ ra hắn tới đây là vì Katie.

Nhưng đây cũng là một lý do hết sức lỗ bịch. Katie không tới dự lễ thánh thể của em gái cùng cha khác mẹ hẳn là vì còn đang bận ngủ sau một cơn say rượu hay vì muốn nán lại trên giường nghe những lời đường mật của bạn trai. Chết tiệt. Thực ra nếu không bị ép buộc thì nó cũng chẳng có lý do gì phải đến nhà thờ. Sao nó lại phải đến nhà thờ nếu đang bận chứ? Mà đúng là cho tới lễ ban thánh thể của Katie thì Jimmy cũng mới quay lại nhà thờ sau mười mấy năm bỏ bễ. Sau đó cũng chẳng khá hơn gì. Chỉ từ khi hẹn hò với Annabeth hắn mới năng đi lễ. Việc hắn ra khỏi nhà thờ, thấy xe cảnh sát rẽ sang phố Roseclair và có thứ cảm giác - nói sao nhỉ, một thứ dự cảm không lành - về một nỗi sợ hãi mơ hồ thì chỉ có thể là vì hắn đang lo cho Katie, vừa lo lại vừa giận, tới mức vừa nhìn thấy cảnh sát đi về phía con kênh là hắn lập tức nghĩ ngay tới con bé.

Còn lúc này? Trấn tĩnh lại rồi hắn mới thấy mình thật là ngớ ngẩn. Ngớ ngẩn và lỗ bịch trong bộ lễ phục trang trọng này, lại còn ngu xuẩn tới mức bảo Annabeth dẫn bọn trẻ con tới nhà hàng trước, bất chấp về ngớ ngẩn, khó chịu và tức tối của vợ.

Jimmy quay sang Deveau bảo, “Thì cũng chỉ là giống mọi người có chút hiếu kỳ mà thôi.” Hắn vỗ vai Deveau nói tiếp, “Nhưng giờ tôi phải đi thôi, Ed.” Jimmy nói xong liền đi xuống phố Sydney. Một cảnh sát ném

chùm chìa khoá cho một đồng nghiệp khác để người này chui vào chiếc xe thùng chuẩn bị lái đi chỗ khác. “Được rồi, Jimmy, bảo trọng nhé.” Deveau nói với theo.

“Cậu cũng vậy nhé,” Jimmy chậm rãi trả lời, mắt vẫn quan sát chiếc xe thùng đang lùi lại, đổi số, rồi ngoặt bánh sang bên phải và Jimmy một lần nữa lại có cảm giác về một biến cố khủng khiếp nào đó đang chờ đợi hắn.

Tự sâu kín lòng mình, hắn có thể cảm nhận được điều đó. Đôi khi chúng ta có thể nhận biết sự thật mà không thể nào lý giải được và cái cảm nhận đó thường là chính xác, nhất là trước một sự thật mà chúng ta không muốn đối mặt, hay không có đủ dũng khí để đối mặt. Là sự thật mà chúng ta tìm cách lãng tránh, là sự thật khiến chúng ta phải tìm tới bác sĩ tâm lý, tiêu tốn thời gian trong quán bar, hay dờ dẫm hàng giờ trước màn hình vô tuyến để chạy trốn. Một sự thật ghê gớm, phũ phàng mà linh hồn đã nhìn ra rất lâu trước khi lý trí thức tỉnh.

Jimmy cảm thấy cái biến cố khủng khiếp đó giống như những chiếc đinh nhọn xuyên qua giày hắn và ghim hắn lại dù hắn chỉ muốn bỏ chạy thật nhanh, nhanh hơn bao giờ hết, hắn thà làm bất cứ chuyện gì còn hơn là phải đứng chôn chân tại đây nhìn chiếc xe thùng đó từ từ rời vị trí. Đám đinh nhọn ấy đã ghim lên tới ngực hắn, những chiếc đinh dày, lạnh buốt như bắn ra từ một họng súng khiến hắn những muốn nhắm mắt lại nhưng chúng vẫn không hề buông tha, tiếp tục dần tới, và khi chiếc xe thùng ra tới giữa phố thì Jimmy nhìn thấy chiếc xe ô tô bị nó che khuất lúc trước, chiếc xe ô tô mà tất cả cảnh sát đang vây quanh, lấy vân tay, chụp ảnh, khám xét bên trong và chuyển những túi niêm phong vật chứng ra cho các cảnh sát đứng ở vòng ngoài trên vỉa hè.

Đó là xe ô tô của Katie.

Không chỉ là loại xe. Mà trên đời này không có chiếc xe nào khác giống như thế. Đó chính là xe của con bé. Từ vệt móp phía bên phải thanh giảm xóc đằng trước tới miếng kính bị vỡ phía trên chiếc đèn pha.

“Chúa ơi, Jimmy, Jimmy, Jimmy! Nhìn tôi này. Anh không sao chứ?”

Jimmy ngẩng đầu lên nhìn Ed Deveau, không biết chuyện gì đã xảy ra nữa, tại sao hắn lại quỳ ở đây, hai tay tì xuống đất, xung quanh là những gương mặt Ailen tròn trịa đang quan sát hắn.

“Jimmy, anh không sao chứ?” Deveau chìa tay ra cho hắn.

Jimmy nhìn bàn tay đang chìa ra cho mình và không biết phải trả lời như thế nào. Người nhái, hắn nghĩ. Đang ở dưới con kên.

Whitey tìm thấy Sean ở giữa đám cây cối, cách con vực nhỏ lúc này khoảng một trăm mét. Họ đã bị mất dấu vết, các vết máu và dấu chân tiếp theo đã bị cơn mưa đêm qua xoá sạch.

“Lũ chó vừa đánh hơi ra vài thứ ở khu vực màn hình chiếu phim cũ. Cậu muốn tới đó xem không?”

Sean gật đầu vừa lúc máy bộ đàm của anh phát ra tín hiệu.

“Nhân viên Devine nghe đây.”

“Chúng tôi có rắc rối với một gã ở đằng trước công viên...”

“Ở cổng nào?”

“Cổng phía phố Sydney.”

“Nói tiếp đi.”

“Hắn bảo là cha của cô gái bị mất tích.”

“Hắn ta tới hiện trường làm cái quái gì vậy?” Sean cảm thấy như máu đang dồn lên mặt anh đỏ phừng phừng.

“Hắn đã chui vào được bên trong. Tôi sẽ phải làm gì với hắn bây giờ?”

“Đẩy hắn ra. Anh có bác sĩ tâm lý nào ở đó không?”

“Đang trên đường tới.”

Sean nhắm mắt lại. Ai cũng đang trên đường như thể tất cả bọn họ đều bị tắc nghẽn giao thông cùng một lúc.

“Vậy hãy cố giữ cho người cha bình tĩnh tới lúc bác sĩ tâm lý xuất hiện. Anh biết phải làm thế nào rồi đấy.”

“Vâng, nhưng mà hần ta đòi gặp anh.”

“Tôi á?”

“Nói là hần quen anh. Có ai đó bảo hần là anh đang ở đây.”

“Ồi không không, không. Nghe này...”

“Còn có mấy gã nữa đi cùng hần.”

“Mấy gã như thế nào?”

“Một đám mặt mũi trông rất đáng sợ. Tất cả trông giống hệt nhau, phân nửa bọn chúng trông như sắp sửa muốn động chân động tay đến nơi.”

Chết tiệt. Là anh em nhà Savage.

“Tôi tới đây,” Sean nói.

Vẻ hung hăng của Val Savage có thể khiến hần bị bắt giữ bất cứ lúc nào. Chuck cũng vậy, dòng máu nhà Savage của bọn họ, gần như chẳng bao giờ hạ hỏa, lúc nào cũng sôi sùng sục, cả đám anh em nhà Savage đang gào thét chửi bới cảnh sát, còn cảnh sát thì trông như sắp nổi cơn thịnh nộ đến nơi.

Jimmy đứng bên cạnh Kevin Savage, người được coi là bình tĩnh nhất trong số anh em bọn họ, cách dải băng phong toả hiện trường vài mét, chỗ Val và Chuck đang chỉ vào mặt cảnh sát bảo rằng: cháu gái chúng tao đang ở đó, lũ ngu ngốc, rác rưởi dê tiện kia.

Jimmy có cảm giác như đang phải kiềm chế một cơn thịnh nộ, một nhu cầu chực bùng nổ khiến cả người hần tê liệt và hơi hoảng loạn. Đồng ý đó là xe của con bé, nằm cách đó ba mét. Đồng ý là không ai nhìn thấy nó kể từ đêm hôm qua. Và vết máu hần nhìn thấy trên ghế lái xe. Đúng là không có dấu hiệu tốt. Nhưng có đến một tiểu đoàn cảnh sát đang tìm kiếm khắp nơi mà vẫn chưa thấy khiêng cái xác nào ra. Vậy chưa nên kết luận gì cả.

Thấy một viên cảnh sát lớn tuổi châm thuốc hút, Jimmy chỉ muốn giật điều thuốc ra khỏi miệng ông ta rồi nhét một viên than nóng vào mũi rồi bảo, cút trở lại tìm con gái cho ta.

Hần cố đếm tới mười, một mẹo nhỏ mà hần học được ở trong tù, rất chậm rãi, nhìn thấy từng con số hiện ra, màu xám, bồng bềnh giữa khoảng tối trong đầu hần. La hét âm ỉ có thể khiến hần bị lôi ra khỏi hiện trường. Bất cứ biểu hiện nào, đau thương, lo lắng hay cảm giác sợ hãi như dòng điện chạy giằng giật trong huyết quản của hần, cũng có thể gây ra hậu quả tương tự. Và rồi đám anh em nhà Savage sẽ giống thùng thuốc súng phát nổ và sẽ bị nhốt hết lại trong trại giam thay vì ở ngoài điều tra xem lần cuối cùng con gái hần xuất hiện ở đâu.

“Val,” hần gọi.

Val rút bàn tay đang đè lên dải băng phong toả hiện trường, những ngón tay chĩa vào khuôn mặt lạnh lùng của cảnh sát và quay lại nhìn Jimmy.

Jimmy lắc đầu bảo hần, “Bớt nóng đi.”

Val vặc lại. “Là bọn khốn này ngăn cản chúng ta. Là do chúng cố tình chặn chúng ta lại.”

“Họ chỉ làm việc của mình thôi,” Jimmy nói.

“Việc chó gì, Jimmy? Nể cậu mới nói nhé, chỗ của chúng là ở cửa hàng bánh ngọt đầu kia kìa.”

“Thế các anh có định giúp tôi không vậy?” Jimmy nói. Lúc này Chuck cũng ra đứng cạnh anh trai hần, dù trông hần cao gấp đôi Val và chỉ hung dữ bằng một nửa thì tất cả những người ở đây cũng không ai là đối thủ của hần.

“ Dĩ nhiên rồi,” Chuck nói. “ Nói cho chúng tôi biết phải làm gì?”

“ Val này,” Jimmy gọi.

“ Cái gì?” Val trợn mắt nói, cả người như bốc ra mùi giận dữ.

“ Cậu có muốn giúp tôi không?”

“ Có, có, có, tôi muốn giúp cậu Jimmy. Mẹ kiếp, cậu biết mà!”

“ Tôi biết,” Jimmy nói, cảm thấy mình sắp sửa cao giọng đến nơi nên cố nén xuống. “ Tôi biết chứ, Val. Là con gái của tôi ở trong đó. Cậu có nghe thấy tôi nói gì không?”

Kevin đặt tay lên vai Jimmy còn Val lùi lại một bước và nhìn xuống chân mình trong giây lát.

“ Xin lỗi cậu Jimmy. Được chứ? Chỉ là lên cơn một tí thôi. Mẹ kiếp.”

Jimmy lấy lại giọng nói bình tĩnh, cố gắng suy nghĩ một cách minh mẫn. “ Val, cậu và Kevin hãy tới nhà Drew Pigeon. Kể cho anh ta chuyện gì đang xảy ra.”

“ Drew Pigeon? Để làm gì?”

“ Nghe này, Val. Cậu hãy nói chuyện với con gái của anh ta, Eve, và cả Diane Cestra nữa nếu con bé vẫn còn ở đó. Cậu hỏi hai đứa xem lần cuối chúng nhìn thấy Katie là khi nào. Chính xác là mấy giờ. Hỏi xem chúng có uống rượu không, Katie có định gặp ai không và hiện nó đang hẹn hò với đứa nào. Cậu có thể làm tất cả những gì tôi dặn không, Val?” Jimmy nói và nhìn sang Kevin, hy vọng anh ta có thể để mắt tới anh trai mình.

Kevin liền gật đầu bảo, “ Chúng tôi làm được.”

“ Cậu thì sao, Val?”

Val quay sang liếc nhìn bãi cỏ trước công viên rồi quay về Jimmy bảo, “ Được rồi, được rồi.”

“ Hai đứa đó là bạn của Katie. Cậu không cần phải dùng biện pháp cứng rắn nhưng nhất định phải có câu trả lời. Được chứ?”

“ Được rồi,” Kevin nói và ra hiệu cho Jimmy là anh ta sẽ thu xếp ổn thoả, đoạn vỗ vai anh trai mình bảo, “ Thôi nào, Val. Đi thôi.”

Jimmy nhìn theo hai người bạn họ rẽ lên phố Sydney và cảm thấy Chuck đang đứng cạnh mình, vẻ bồn chồn không yên, như đang muốn giết người.

“ Cậu ổn chứ?”

“ Mẹ kiếp, tôi không sao. Là tôi lo cho anh thì có.” Chuck nói.

“ Không cần phải lo lắng. Hiện giờ tôi vẫn ổn. Cũng chẳng có cách nào khác, đúng không?”

Không thấy Chuck trả lời, Jimmy nhìn sang bên kia đường, qua chiếc xe ô tô của con gái và thấy Sean Devine đang bước ra khỏi công viên tới bãi cỏ đằng trước, mắt không rời khỏi hắn. Sean cao lớn, lại di chuyển rất nhanh nhưng Jimmy vẫn nhìn thấy cái vẻ mà hắn vẫn rất ghét trên gương mặt anh, cái vẻ của một người đàn ông dễ dàng có được mọi thứ, cái vẻ mặt ấy, giống như một thứ phù hiệu mà anh mang trên người, to hơn cả cái phù hiệu cảnh sát gài ở thắt lưng, khiến mọi người đều phải kiêng dè, dù bản thân Sean không hề ý thức về điều đó.

“ Jimmy.” Sean bắt tay hắn và nói, “ Chào cậu.”

“ Xin chào, Sean. Nghe nói cậu ở trong đó.”

“ Từ sáng sớm.” Sean quay đầu nhìn về phía sau rồi trở lại đối diện với Jimmy. “ Jimmy, hiện giờ, tôi chưa thể nói gì cho cậu được.”

“ Con bé có ở trong đó không?” Jimmy có thể nghe thấy giọng nói của hắn rung lên.

“ Jim, tôi không biết. Chúng tôi chưa tìm thấy con bé. Tôi chỉ có thể nói với cậu vậy thôi.”

“Vậy hãy để chúng tôi vào đó,” Chuck nói. “Chúng tôi có thể giúp các anh tìm kiếm. Báo chí vẫn thấy đưa tin như thế mà, người dân giúp cảnh sát tìm kiếm những đứa trẻ mất tích, mẹ kiếp.”

Sean vẫn nhìn chăm chăm vào Jimmy như thể Chuck không hề tồn tại. “Không đơn giản như thế, Jimmy. Chúng tôi không thể để những người không nhiệm vụ vào đó trước khi lục soát toàn bộ hiện trường.”

“Hiện trường ở đâu?” Jimmy hỏi.

“Cho tới lúc này thì là toàn bộ cái công viên khốn kiếp. Nghe này...” - Sean vừa nói vừa vỗ vai Jimmy - “Tôi ra đây để nói với các anh là các anh không thể manh động lúc này. Tôi rất lấy làm tiếc. Tôi nói thật lòng. Nhưng nguyên tắc là thế. Nếu chúng tôi phát hiện ra điều gì, bất cứ điều gì, Jimmy, tôi sẽ lập tức báo cho cậu. Tôi nói nghiêm túc đấy.”

Jimmy gật đầu rồi túm lấy khuỷu tay Sean bảo, “Tôi có thể nói chuyện riêng với cậu một chút không?”

“Dĩ nhiên rồi.”

Họ bỏ Chuck đứng lại một mình trên vỉa hè và rời khỏi cách chỗ đó vài mét. Sean chuẩn bị tinh thần đối mặt với bất cứ điều gì Jimmy muốn nói, đó là công việc của anh, anh nhìn Jimmy bằng đôi mắt nghiệp vụ của cảnh sát, lạnh lùng, không chút biểu cảm.

“Đó là xe của con gái tôi,” Jimmy nói.

“Tôi biết. Tôi...”

Jimmy giơ một tay lên. “Sean? Đó là xe con gái tôi. Trong đó lại còn có vết máu. Con bé không xuất hiện ở chỗ làm sáng nay, cũng không tới dự lễ ban thánh thể lần đầu tiên của em gái nó. Không ai nhìn thấy nó kể từ đêm hôm qua. Cậu hiểu rồi chứ? Sean, là chúng ta đang nói về con gái tôi. Cậu không có con. Tôi không hy vọng cậu hiểu được chuyện đó nhưng anh bạn, làm ơn đi, đó là con gái tôi mà.”

Sean vẫn giữ nguyên cái nhìn nghiệp vụ của cảnh sát, không hề thay đổi. Jimmy thậm chí không khiến anh chớp mắt.

“Cậu muốn tôi phải nói sao hả Jimmy? Nếu cậu muốn nói cho tôi biết đêm qua con bé ở với ai, tôi sẽ cử người tới thẩm vấn. Nếu con bé có kẻ thù, tôi sẽ tóm chúng lại. Cậu muốn...”

“Họ dẫn cả chó tới, Sean. Chó đánh hơi, để tìm con gái tôi. Chó và cả người nhái nữa.”

“Đúng vậy. Có tới nửa lực lượng cảnh sát đã được triển khai ở đây, Jimmy. Cả cảnh sát bang lẫn cảnh sát thành phố. Hai trực thăng, hai tàu thủy và chúng tôi sẽ tìm thấy con bé. Nhưng cậu, cậu không nên làm gì cả. Nhất là trong lúc này. Không nên làm gì cả. Cậu rõ rồi chứ?”

Jimmy quay lại nhìn Chuck lúc này đang đứng trên vỉa hè mắt nhìn về phía bãi cỏ trước công viên, người hơi nghiêng về phía trước như chực lao đi.

“Tại sao lại cần tới cả người nhái đi tìm con gái tôi hả Sean?”

“Chúng tôi không thể bỏ sót khả năng nào, Jimmy. Ở đây có một con kênh nên phải tìm kiếm thôi.”

“Con bé ở dưới nước à?”

“Hiện giờ tất cả những gì chúng tôi có là con bé bị mất tích mà thôi, Jimmy. Chỉ có vậy.”

Jimmy quay đi chỗ khác một lúc, đầu óc không còn suy nghĩ được gì nữa, chỉ thấy tối sầm và mất phương hướng. Hắn chỉ muốn được đi vào trong công viên. Muốn đi theo con đường chạy bộ và nhìn thấy Katie đang tiến về phía hắn. Đầu óc hắn không còn hoạt động nữa. Hắn chỉ muốn vào trong đó.

“Cậu muốn làm cho mọi chuyện trở nên âm ỉ trước bàn dân thiên hạ sao?” Jimmy hỏi. “Cậu muốn bắt tôi và từng người một trong gia đình Savage chỉ vì chúng tôi muốn tới đây để đi tìm người thân ư?”

Lời nói vừa ra khỏi miệng, Jimmy lập tức nhận ra rằng đó chỉ là một lời đe dọa suông, chỉ là một cái cớ và tệ nhất là Sean cũng nhận ra điều đó.

Sean gật đầu bảo, “Tôi cũng không muốn thế. Tin tôi đi. Nhưng nếu phải làm vậy, Jimmy, thì tôi sẽ không nhượng bộ.” Sean mở quyển sổ ghi chép ra và bảo, “Nghe này, hãy cho tôi biết đêm qua con bé đã ở với ai, làm gì và tôi sẽ...”

Jimmy vừa rảo bước bỏ đi thì máy bộ đàm của Sean rung lên âm ỉ. Jimmy liền quay đầu lại nhìn Sean đưa máy lên miệng và bảo với đầu dây bên kia, “Nói đi.”

“Chúng tôi tìm thấy một thứ.”

“Nhắc lại đi.”

Jimmy bước lại gần Sean, nghe thấy giọng nói đang cố kiềm chế cảm xúc của người ở đầu dây bên kia.

“Tôi nói là chúng tôi tìm thấy một thứ. Trung sĩ Powers cần anh quay lại đây càng nhanh càng tốt. Có lẽ là ngay lập tức.”

“Các anh đang ở đâu?”

“Chỗ màn hình chiếu phim. Mà nói cho anh biết luôn, quang cảnh ở đây thực sự hãi hùng.”

10. Chương 10: Bằng Chứng

Celeste xem bản tin truyền hình lúc mười hai giờ trưa trong bếp. Cô vừa là quần áo vừa theo dõi vô tuyến và chợt nhận ra rằng trông cô lúc này giống như một bà nội trợ điển hình của những năm 1950, quanh quẩn làm việc nhà, chăm sóc con cái trong khi chồng mang cặp lồng sắt đựng bữa trưa đi làm rồi trở về với bữa tối đã được dọn sẵn trên bàn và đồ uống phục vụ tận tay. Nhưng thực tế thì không phải vậy. Dave có thể có nhược điểm này nọ nhưng lại là một người rất chịu khó làm việc nhà. Anh đồng thời là máy lau nhà, hút bụi, máy rửa bát trong khi Celeste lại thích chọn công việc giặt giũ, gấp và là quần áo, tận hưởng sự ấm áp, phẳng phiu của vải vóc lúc mới giặt xong.

Cô vẫn luôn sử dụng chiếc bàn là cũ kỹ của mẹ cô, một vật chế tác từ đầu những năm sáu mươi. Nó nặng như một cục gạch, kêu rít âm ỉ, thỉnh thoảng lại bất chợt phả ra một đám hơi nước nóng hổi nhưng lại hiệu quả hơn bất kỳ chiếc bàn là hiện đại nào mà Celeste từng thử suốt mấy năm qua sau khi bị dụ dỗ bởi những chiêu giảm giá hay quảng cáo về công nghệ mới. Chiếc bàn là này có thể tạo ra những đường li sắc như dao và là phẳng những nếp nhăn dày một cách nhẹ nhàng trong khi những chiếc bàn là vỏ nhựa mới cứ phải lăn đi lăn lại tới chục bận.

Đôi khi Celeste không khỏi phẫn nộ khi nghĩ tới xu hướng sản xuất tiêu dùng hiện nay, mọi thứ đều rất nhanh hỏng, để khiến người ta liên tục phải mua đồ mới - đầu đĩa, xe hơi, máy vi tính, điện thoại di động - trong khi những dụng cụ thời bố mẹ cô thì rất bền, toàn những thứ nổi đồng cối đá. Cô và Dave vẫn sử dụng chiếc bàn là và máy xay sinh tố của mẹ cô để lại, cả cái điện thoại quay tay màu đen chồm hồm cạnh giường cũng là của bà. Thế mà trong những năm chung sống với nhau họ đã vứt đi không biết bao nhiêu đồ vật hỏng hóc trước thời hạn - những chiếc ti vi chày bóng hình, máy hút bụi nhỏ khói xanh, máy cà phê chỉ cho ra nước nguội ngắt. Những thiết bị gia dụng kiểu này đều có kết cục ngoài bãi rác vì mua đồ mới gần như rẻ hơn là mang đi sửa. Gần như là thế. Nên mọi người thường thà bỏ tiền ra mua thiết bị thế hệ mới hơn là đi chữa đồ cũ, và đó chính là điều mà các nhà sản xuất toan tính. Đôi khi Celeste nhận ra rằng chính cô đang cố tình phớt lờ quan niệm cho rằng không riêng gì những đồ vật đó mà ngay cả bản thân cô cũng không phải là một thực thể bền vững hay có trọng lượng gì, cũng chỉ là một thứ được lập trình và sẽ ngừng hoạt động tại một thời điểm thích hợp để có thể tái sinh một số bộ phận còn hữu dụng cho người khác trong khi phần còn lại sẽ vĩnh viễn biến mất.

Trong lúc cô đứng đó là quần áo và suy ngẫm về sự đào thải tự nhiên của bản thân thì chương trình tin tức đã phát được gần mười phút, người dẫn chương trình lúc này nhìn thẳng vào ống kính và tuyên bố với vẻ nghiêm trọng rằng cảnh sát đang truy tìm hung thủ một vụ tấn công dã man bên ngoài một quán bar trong thành phố. Celeste lại gần chiếc ti vi định bật to tiếng lên thì vừa lúc người dẫn chương trình thông

báo, “Chúng tôi sẽ tiếp tục đưa tin về sự kiện này và tiết mục dự báo thời tiết của Harvey sau mục quảng cáo.” Kế đó trên màn hình xuất hiện một người phụ nữ với một đôi tay được chăm sóc và làm móng cẩn thận đang chà rửa một chiếc đĩa bẩn như vừa bị nhúng vào nồi kẹo kéo, bên tai văng vẳng lời khoa trương về lợi ích của một loại xà phòng rửa bát mới, công nghệ cải tiến khiến Celeste những muốn rú lên vì bất bình. Tin tức trên một khía cạnh nào đó cũng giống hệt như các thiết bị gia dụng được sản xuất để mời chào và quyến rũ, cười nhạo sự mù quáng của khán giả đối với sản phẩm cũ đồng thời ra sức hứa hẹn về ưu điểm của các sản phẩm mới.

Celeste vừa điều chỉnh âm lượng vừa cố kiềm chế để khỏi bẽ gãy cái nút công tắc ti vi của nợ ấy đi và quay trở lại với việc là quần áo. Dave đã dẫn Michael đi mua băng bảo vệ đầu gối và mặt nạ bảo hiểm bóng chày từ nửa tiếng trước và nói là sẽ theo dõi bản tin trên đài, Celeste cũng chẳng buồn ngó xem anh có nói thật hay không. Michael, gầy gò và nhỏ bé như thế nhưng đã chứng tỏ là một tay bắt bóng tài năng - một “thần đồng”, như ông Evans, huấn luyện viên của thằng bé, nhận xét với “những cú đập bóng thần tốc” đối với một đứa trẻ và sức vóc ở tuổi nó. Celeste thì nghĩ tới những đứa trẻ mà cô từng chứng kiến trưởng thành chơi ở vị trí đó, thường là những đứa trẻ to lớn, mũi bị đập bẹp, răng cửa gãy sạch và đem nỗi lo ấy ra nói với Dave.

“Em yêu, mặt nạ bóng chày bây giờ chắc như lồng cá mập. Xe tải đâm vào thì chỉ có xe tải vỡ,” Dave nói.

Celeste suy nghĩ hết một ngày rồi đưa ra yêu cầu với Dave. Michael có thể chơi ở vị trí bắt bóng hay bất cứ vị trí nào của môn bóng chày với điều kiện trang thiết bị của thằng bé phải là loại tốt nhất và quan trọng nhất là không được trở thành cầu thủ bóng bầu dục chuyên nghiệp.

Dave, bản thân cũng chưa từng là cầu thủ bóng bầu dục, lập tức đồng ý sau mười phút tranh luận lầy lội.

Thế nên bây giờ hai cha con họ ra ngoài mua trang thiết bị để Michael có thể trở thành bản sao của cha mình ngày xưa trong khi Celeste ngồi nhìn chăm chăm vào ti vi, chiếc bàn là đặt ở bên cạnh trên một chiếc áo sơ mi bằng vải cô tông. Mẫu quảng cáo thức ăn cho chó vừa kết thúc và bản tin tiếp tục.

“Đêm hôm qua tại Allston,” người đưa tin nói, tìm Celeste như chùng xuống, “một sinh viên năm thứ hai đại học Boston bị hai người đàn ông tấn công bên ngoài một vũ trường có tiếng. Các nguồn tin cho biết nạn nhân là Carey Whitaker, đã bị đánh trọng thương bằng vỏ chai bia, hiện đang trong tình trạng nguy kịch tại...”

Miệng khô cứng như vừa nuốt phải cát, Celeste biết là sẽ không có tin tức gì về vụ tấn công hay sát hại một người đàn ông trước quán Last Drop. Sau khi vô tuyến chuyển sang mục thời tiết và thông báo sẽ quay lại với mục tin thể thao thì cô hoàn toàn chắc chắn.

Cho tới giờ, hẳn họ đã phải tìm ra người đàn ông đó nếu như hẳn ta đã chết (“Em yêu, anh có thể đã giết chết một người”), đám phóng viên thế nào chẳng túm được tin tức này từ các nguồn của họ hay nhờ nghe ngóng đường dây liên lạc nội bộ của cảnh sát.

Có lẽ Dave đã hơi phóng đại cơn thịnh nộ của mình đối với tên cướp đó. Có thể sau khi Dave bỏ đi, tên cướp kia đã kịp lẩn trốn đâu đó để chăm sóc vết thương của mình. Có lẽ thứ cô tẩy rửa khỏi đám quần áo đêm trước không phải là óc người. Nhưng tất cả số máu ấy? Làm sao mà một người bị mất chừng ấy máu có thể sống sót được, chứ chưa nói tới chuyện chạy trốn?

Sau khi đã là xong chiếc quần cuối cùng và xếp mọi thứ gọn ghẽ vào trong ngăn tủ của Michael và hai vợ chồng, Celeste quay trở lại đứng sừng sững ở giữa bếp không biết phải làm gì tiếp theo. Trên vô tuyến người ta đang chơi gôn. Tiếng gậy đập khê vào bóng, tiếng vỗ tay lác đác, khô khốc tạm thời làm đầu óc của cô bình tĩnh trở lại sau cơn nhức nhối suốt buổi sáng. Nhức nhối không chỉ vì những vấn đề giữa hai người bọn họ hay những lỗ hổng trong câu chuyện của Dave mà còn vì một điều gì đó mà cô không cất nhắc nổi, có liên quan tới hai chuyện kia đồng thời với những gì xảy ra đêm hôm trước khi Dave xuất hiện trên ngưỡng cửa buồng tắm người đầy máu, máu từ trên quần anh chảy xuống thành vũng trên sàn nhà, máu nổi bong bóng trên miệng vết thương ở sườn anh hay đám máu nhạt màu trôi theo dòng nước xuống cống.

Ổng thoát nước. Đúng vậy. Chính là thứ mà cô quên băng đi mất. Đêm trước, cô có bảo với Dave là cô sẽ rửa sạch ổng thoát nước phía dưới bồn rửa để xóa đi những dấu vết cuối cùng. Cô lập tức bắt tay vào việc. Cô lại gần bồn rửa, quỳ xuống sàn mở cánh cửa tủ ở phía dưới, nhìn xuyên qua đồng khăn lau và các loại

nước tẩy rửa và thấy chiếc mớ lét dùng để vận ống nước nằm ở góc trong cùng. Cô thò tay vào đó, cố gắng vượt qua nỗi ám ảnh sợ hãi mà cô vẫn thường nghĩ tới mỗi khi thò tay xuống dưới gầm bồn rửa, một nỗi sợ hãi phi lý rằng có một con chuột đang nằm đó rình mò giữa đám khăn lau, khịt khịt mũi khi ngửi thấy mùi thịt người, nhấc cái mồm đen kịt của nó lên, hai hàm râu rung rinh...

Cô chộp lấy chiếc mớ lét rồi lôi vôi nó ra khỏi đám khăn lau và các chai lọ đựng nước tẩy rửa, thừa biết nỗi sợ hãi của mình thật là ngớ ngẩn, nhưng ai chả có những nỗi ám ảnh sợ hãi tương tự. Celeste thì ghét thò tay vào những chỗ ẩm thấp, tối tăm. Mẹ cô thì sợ thang máy, cha cô thì sợ độ cao. Dave thì toát mồ hôi lạnh mỗi khi phải đi xuống hầm rượu.

Cô đặt một cái xô xuống dưới để hứng nước rồi nằm ngửa ra sàn và dùng chiếc mớ lét vận ống nước cho tới khi nó rời ra, nước chảy xối xuống xô. Cô những lo nước sẽ tràn ra ngoài nhưng chẳng mấy chốc nước chảy chậm lại và chỉ còn nhỏ giọt, một cụm tóc rối sẫm màu và vài hạt ngô là những thứ cuối cùng rơi vào trong xô. Tiếp đó tới lượt chiếc vòng ốc nằm sát thành tủ phía sau khiến cô phải loay hoay mất một lúc. Lúc đầu chiếc vòng ốc không hề nhúc nhích khiến Celeste phải dùng chân tì vào thành tủ để lấy đà đồng thời dùng hết sức kéo chiếc mớ lét, chỉ sợ hoặc là cổ tay hoặc là chiếc mớ lét sẽ gãy làm đôi. Và rồi chiếc vòng ốc bắt đầu xoay nhưng chỉ được vài mi li mét tạo ra một tiếng rít chói tai. Celeste lại làm lại từ đầu, lần này chiếc vòng ốc đã lỏng ra nhiều hơn nhưng vẫn chưa hoàn toàn khuất phục.

Vài phút sau, Celeste lấy ra được toàn bộ đoạn ống nước và đặt nó xuống sàn bếp, ngay trước mặt mình. Tóc và áo cô ướt đầm mồ hôi nhưng trong lòng cảm thấy vô cùng hỉ hả, một loại cảm giác chiến thắng như thể vừa chiến đấu giáp lá cà với một thể lực nam tính và ngoan cố những đã giành thắng lợi. Trong đám khăn lau, cô tìm thấy một chiếc áo cũ của Michael và xoắn nó lại cho tới khi có thể xuyên nó vào trong ống nước. Cô dùng cách đó để cọ sạch phía bên trong ống nước nhiều lần cho tới khi không còn gì sót lại ngoài những gỉ sắt cũ rồi nhét chiếc áo vào trong một túi ni lông đựng rau quả. Sau đó cô dùng nước javel tẩy sạch một lần nữa bên trong ống nước, cho javel chảy từ đầu này sang đầu kia rồi đổ hết vào một chậu cây đã chết từ mùa hè năm ngoái nằm lẩn lóc ngoài ngưỡng cửa suốt cả mùa đông.

Cọ rửa xong xuôi, cô lắp ống nước trở lại, nhận thấy lắp vào dễ hơn tháo ra rất nhiều. Cô nhét chiếc áo nhem nhuốc của Michael vào chung với đồng quần áo của Dave đêm trước, đổ xô nước đi rồi lau sạch bằng khăn giấy và vứt chúng vào trong túi rác.

Vậy là tất cả chứng cứ đều nằm ở đây, trong cái túi rác này.

Hay ít nhất là những chứng cứ mà cô có thể xử lý. Nếu Dave nói dối cô về tung tích của con dao hay lưu lại dấu tay ở đâu đó, hay về nhân chứng đối với tội... tội ác hay hành động tự vệ hợp pháp của anh, thì cô đành bó tay. Những khó khăn xảy ra trong phạm vi căn nhà của họ thì cô sẽ đương đầu. Cô đã tiếp nhận tất cả những gì anh trút lên người cô đêm qua và giải quyết chúng. Một cách thuần thực. Cô lại thấy trong người văng vắt cái cảm giác của một người có quyền lực, chưa khi nào cô thấy mình vững vàng và sung sức đến thế, và cô chợt nhận ra rằng cô vẫn còn trẻ và mạnh mẽ, cô nhất định không phải là một chiếc máy hút bụi hỏng hay máy nướng bánh mì bỏ đi. Cô đã sống sót sau cái chết của cha mẹ mình và những năm tháng khủng hoảng tài chính kéo dài, qua nỗi sợ hãi về bệnh viêm phổi của con trai lúc thăng bé mới sáu tháng tuổi, mà vẫn không mềm yếu đi dù có chút mệt mỏi hơn, điều đó giờ cũng sẽ thay đổi vì cô đã nhớ ra rằng mình là ai. Cô rõ ràng là một người phụ nữ không ngại khó khăn thách thức, lại dám bước tới, khẳng khái đương đầu: có gì khó nhất cứ mang lại đây. Ta sẽ đối phó. Bất kể lúc nào. Ta sẽ không run sợ, ta sẽ không chết. Các người hãy coi chừng.

Cô nhặt chiếc túi đựng rác màu xanh trên sàn và vận xoắn nó lại cho tới khi trông nó như chiếc cổ khẳng khiu của một ông già rồi thắt chặt và thắt nút. Rồi cô dùng lại, ngần ra một lúc không hiểu vì sao lại hình dung cái túi giống cổ ông già. Sao cô lại có một ý nghĩ kỳ cục vậy chứ? Lúc này cô mới để ý tới màn hình vô tuyến trống trơn. Chỉ một phút trước Tiger Woods đang bước trên cỏ xanh, một phút sau màn hình đã đen kịt.

Rồi một vệt trắng xẹt ngang trên màn hình và Celeste hiểu rằng nếu chiếc tivi này bị nổ bóng hình thì nó sẽ lập tức được ném ra khỏi cửa. Không chậm trễ, sau đó muốn ra sao thì ra.

Nhưng vệt trắng ấy lại nhường chỗ cho mục tin tức và cô dẫn chương trình vôi vàng nói, dáng điệu vô cùng khẩn trương. “Chúng tôi xin cắt ngang chương trình để tường thuật một tin nóng hổi. Phóng viên Valerie

Corapi đang ở hiện trường phía bên ngoài công viên Penitentiary, East Buckingham nơi cảnh sát đang được huy động tối đa để tìm kiếm một phụ nữ bị mất tích. Valerie?”

Trường quay được thay thế bằng những hình ảnh rung rung ghi lại từ máy bay trực thăng, toàn cảnh khu phố Sydney, công viên Penitentiary và dường như cả một tiểu đoàn cảnh sát lượn lơ xung quanh. Nhìn từ xa, Celeste thấy những toán người trông nhỏ bé, đen như kiến đi lại trong công viên và những chiếc thuyền cảnh sát trên con kênh. Cô còn thấy một đoàn người khác trông như một đàn mối di chuyển chậm chạp về phía lùm cây bao quanh tấm màn chiếu phim ngày trước.

Chiếc máy bay trực thăng bị gió thổi nghiêng khiến ống quay khê chao đảo và trong giây lát Celeste chỉ nhìn thấy phía bên kia con kênh, đại lộ Shawmut trải dài theo các khu công nghiệp.

“Đây là hiện trường tại East Buckingham nơi cảnh sát từ sáng sớm ngày hôm nay đã huy động một cuộc tìm kiếm quy mô lớn đối với một phụ nữ mất tích và cho tới lúc này vẫn đang tiếp diễn. Những nguồn tin chưa được kiểm chứng cho biết chiếc xe bị bỏ lại của người phụ nữ đó có nhiều dấu hiệu của tội phạm có bạo lực. Bây giờ là hình ảnh, Virginia, tôi không biết chị có thấy...”

Ống kính máy quay rời khỏi khu công nghiệp trên đại lộ Shawmut lia một trăm tám mươi độ chia thẳng vào một chiếc xe hơi màu xanh sẫm cửa mở tung trên phố Sydney, trông có vẻ gì đó rất tang thương khi cảnh sát đang cho lùi một chiếc xe kéo lại gần nó.

“Đúng vậy,” nữ phóng viên tiếp tục. “Hình ảnh quý vị đang xem nghe nói là chiếc xe của người phụ nữ bị mất tích. Cảnh sát tìm thấy nó sáng nay và lập tức mở cuộc truy tìm. Hiện giờ, Virginia, chưa có ai xác nhận tên tuổi của người phụ nữ bị mất tích cũng như lý do sự hiện diện, như chị thấy đây, rất dày đặc của cảnh sát tại đây. Tuy nhiên những nguồn tin thân cận của chúng tôi khẳng định rằng cuộc tìm kiếm hiện đang tập trung vào khu vực xung quanh rạp chiếu bóng ngoài trời cũ, hiện được sử dụng như một sân khấu kịch hát vào mùa hè. Có điều những gì diễn ra ngày hôm nay không phải là một vở kịch được dàn dựng mà là sự thật. Virginia, chị có hỏi gì nữa không?”

Celeste cố hình dung ra họ định nói gì. Dường như cô chẳng nhận được thông tin gì từ bản tin vừa rồi ngoại trừ một thực tế là cảnh sát đang tràn vào như sắp tiếp quản khu phố của cô.

Người dẫn chương trình trông cũng có vẻ bối rối như thể vừa nghe một ngôn ngữ ngoài hành tinh mà cô ta không cắt nghĩa được. Cuối cùng cô ta cũng lên tiếng, “Chúng tôi sẽ tiếp tục thông tin tới quý vị... những diễn biến mới của sự việc này ngay khi chúng tôi có thể. Bây giờ xin phép quay trở lại với các chương trình trong ngày.”

Celeste lập tức đổi kênh khác nhưng dường như chưa có đài truyền hình nào theo dõi tin tức này, cô bèn trở lại với mục đánh gôn và giữ nguyên âm lượng.

Có ai đó ở khu Hạ bị mất tích. Một chiếc xe hơi của phụ nữ bị bỏ rơi trên phố Sydney. Nhưng cảnh sát hẳn sẽ không huy động một cuộc tìm kiếm quy mô lớn như thế này, phải nói là rất lớn, vì cô nhìn thấy cả xe cảnh sát thành phố lẫn cảnh sát bang trên phố Sydney, nếu họ không có bằng chứng gì xác thực hơn ngoài thông tin một phụ nữ bị mất tích. Phải có dấu vết gì đó trên chiếc xe ô tô ấy khiến cho người ta nghi ngờ tính chất bạo lực của sự việc. Cô phóng viên lúc này nói gì nhỉ?

Dấu hiệu của tội phạm có bạo lực. Đúng thế.

Hẳn là vết máu, cô dám chắc là thế. Chỉ có thể là vết máu. Chính là chứng cứ. Rồi cô nhìn xuống chiếc túi đang xoắn chặt trong tay và nghĩ.

Dave.

11. Chương 11: Mưa Máu

Jimmy đứng bên kia dải băng phong toả hiện trường màu vàng, đối diện với một hàng rào cảnh sát kiên cố nhìn Sean đi xuyên qua bãi cỏ vào công viên, không hề quay đầu lại lấy một lần.

“Ông Marcus,” một nhân viên cảnh sát có tên là Jefferts nói với hắn, “tôi đi kiểm tra cho ông một ly cà phê hay cái gì để uống nhé?” Viên cảnh sát nhìn lên, tránh ánh mắt của Jimmy và hắn cảm thấy trong cái nhìn tránh né đó cùng động tác gại ngón tay cái vào bụng của ông ta một vẻ gì đó vừa như thương hại vừa hơi khinh thường. Sean đã giới thiệu hai người họ với nhau, bảo Jimmy rằng Jefferts là một cảnh sát tốt và giải thích với Jefferts rằng Jimmy là cha của cô gái chủ nhân chiếc xe ô tô bị bỏ rơi kia. Sean bảo Jefferts làm theo những gì Jimmy yêu cầu và giao hắn cho Talbot khi cô ta tới nơi, khiến Jimmy đoán Talbot hoặc là bác sĩ tâm lý của cảnh sát hoặc là một nhân viên phúc lợi xã hội bệ rạc với một gánh nợ học phí đại học khổng lồ và một chiếc xe ô tô sặc mùi thức ăn nhanh.

Hắn ta phớt lờ lời mời của Jefferts và băng qua phố về phía Chuck Savege.

“Chuyện gì thế Jim?”

Jimmy lắc đầu, dám chắc là hắn sẽ ỏi ra khắp người và lên cả mặt Chuck nếu phải diễn đạt cảm giác lúc này của hắn thành lời.

“Cậu có di động không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Chuck thò tay vào áo khoác rồi rút ra chiếc điện thoại đặt vào tay Jimmy. Jimmy bấm số 411, nghe thấy tổng đài hỏi địa chỉ, do dự một lúc rồi mới lên tiếng, hình dung ra lời nói của mình đang vượt qua không biết bao nhiêu đoạn dây cáp trước khi rơi vào guồng xoáy lập trình của một chiếc máy vi tính khổng lồ, với những đôi mắt bằng đèn đỏ nhấp nháy.

“Danh bạ gì?” máy tính đưa ra câu hỏi.

“Danh bạ các nhà hàng Chuck E.Cheese.” Trong lòng Jimmy đột nhiên tràn ngập một cảm giác kinh hãi, xót xa khi nhắc tới một cái tên ngớ ngẩn như vậy trên con phố này, gần chiếc xe rỗng không của con gái hắn. Hắn những muốn cắn vỡ chiếc điện thoại ra từng mảnh.

Lấy được số điện thoại rồi, hắn bắt đầu bấm máy và chờ họ nhấn Annabeth ra nghe điện. Người nhận điện thoại không bấm nút ngắt mà chỉ đặt máy xuống quầy và Jimmy có thể nghe thấy tên của vợ hắn âm vang trong máy. “Xin mời bà Annabeth Marcus tới nghe điện thoại? Bà Annabeth Marcus.” Jimmy nghe thấy cả những tiếng chuông đang rung lên từng hồi, tiếng tám mươi, chín mươi đưa trẻ con chạy huỳnh huých xung quanh giật tóc nhau, la hét ầm ĩ lẫn với những tiếng đe nẹt tuyệt vọng của người lớn, và rồi tên của vợ hắn lại được nhắc lại một lần nữa, âm vang khắp nơi. Jimmy hình dung ra cảnh Annabeth nghe thấy âm thanh đó với một vẻ hoang mang, một mối, cả tiểu đội tới dự lễ ban thánh thể ở nhà thờ Saint Cecilia đang tranh giành những miếng pizza xung quanh cô.

Và rồi hắn nghe thấy giọng của cô hơi bị nén lại, đầy vẻ hiêu kỳ. “Anh gọi tôi?”

Trong một khoảnh khắc, Jimmy những muốn đập máy. Phải nói gì với cô ấy bây giờ? Gọi cho cô ấy làm gì khi chưa có manh mối xác thực nào ngoài những dự cảm điên rồ của riêng hắn? Sao không để cho cô ấy và lũ trẻ thưởng thức sự yên bình thêm một lúc nữa?

Nhưng hắn biết ngày hôm nay đã xảy ra nhiều chuyện như thế, nếu không cho Annabeth biết việc hắn đang vò đầu bứt tai trên phố Sydney cạnh chiếc xe bỏ không của Katie thì cô ấy hẳn sẽ cảm thấy đau lòng. Cô ấy sẽ luôn nhớ đến buổi lễ ban thánh thể lúc này như một lời chúc phúc không trọn vẹn, hay tệ hơn, như một lời xúc phạm, một sự thất hứa. Và cô sẽ ghét hắn vì điều đó.

Hắn lại nghe thấy tiếng cô từ xa, “Là chiếc máy điện thoại này?” và tiếng cô cầm ống nghe lên. “Xin chào?”

“Em ới,” Jimmy nói, khê hắng giọng.

“Jimmy à?” Giọng cô có vẻ hơi run. “Anh ở đâu vậy?”

“Anh, xem nào, trên phố Sydney.”

“Có chuyện gì sao?”

“Họ tìm thấy xe ô tô của nó, Annabeth.”

“Xe của ai cơ?”

“Xe của Katie.”

“Họ là ai? Cảnh sát á? Là cảnh sát?”

“Đúng thế. Con bé thì... mất tích. Ở đâu đó trong công viên Pen.”

“Ôi. Chúa ơi. Không phải vậy chứ? Không. Ôi không. Jimmy. Không thể nào.”

Jimmy lại cảm thấy nó, cái cảm giác về một biến cố khủng khiếp, ghê rợn trở lại dù hắn đã cố chôn giấu nó sâu trong đáy lòng.

“Anh chưa biết gì hơn. Nhưng xe con bé đã bị bỏ ở đây suốt đêm hôm qua và cảnh sát...”

“Ôi Jimmy, lạ Chúa tôi.”

“Cảnh sát đang tìm kiếm khắp công viên. Có đến một tiểu đoàn cảnh sát ở đây. Nên...”

“Anh đang đứng ở đâu?”

“Ở trên phố Sydney. Nghe này...”

“Đứng ở đó làm cái quái gì? Sao anh không xông vào đó?”

“Họ không để cho anh vào trong.”

“Họ á? Họ là thằng chó chết nào? Con bé có phải con gái anh không?”

“Không phải vậy. Nghe này, anh...”

“Anh vào ngay đó cho em. Chúa ơi. Con bé có thể bị thương. Đang nằm ở đâu đó, lạnh lẽo và đau đớn.”

“Anh biết, nhưng họ...”

“Em lập tức tới ngay.”

“OK.”

“Cứ phải xông vào trong đi chứ, Jimmy. Ý em là, Chúa ơi, hôm nay anh tự dưng bị làm sao thế?”

Cô nói rồi gác máy.

Jimmy trả điện thoại cho Chuck, nhận ra rằng Annabeth nói đúng. Cô ấy hoàn toàn có lý khiến Jimmy choáng váng nhận ra rằng suốt đời này hắn sẽ hối hận về sự bất lực của mình trong bốn mươi lăm phút đồng hồ vừa rồi, sẽ không bao giờ thoát khỏi sự giằng vò của cảm giác ấy. Từ khi nào hắn trở thành như vậy - một kẻ chỉ biết nói vâng, thưa ngài, không, thưa ngài, đúng, thưa ngài với những tên cảnh sát khốn kiếp trong khi con gái đầu lòng của hắn mất tích? Từ khi nào một chuyện như vậy có thể xảy ra? Từ khi hắn đứng sau quầy thu ngân, cúi mọp người xuống phục vụ khách hàng để đổi lại cái cảm giác của một công dân kiểu mẫu?

Hắn quay sang bảo Chuck, “Cậu vẫn dư mấy chiếc kim bẻ khoá trong cốp xe chứ?”

Trên mặt Chuck xuất hiện một vẻ gì đó như bị bắt lỗi. “Người ta cũng phải kiếm sống chứ Jim.”

“Xe cậu ở đâu?”

“Đầu phố, đoạn rẽ sang phố Dawes.”

Jimmy rảo bước, Chuck đi bên cạnh. “Chúng ta sẽ phá rào chui vào à?”

Jimmy gạt đầu và bắt đầu tăng tốc.

Sean đi tới khúc đường chạy bộ uốn quanh hàng rào của vườn hoa, gạt đầu chào mấy nhân viên cảnh sát đang dò tìm chứng cứ dưới đất và giữa các luống hoa và nhận ra vẻ mặt căng thẳng của họ, anh hiểu ra

rằng họ đều đã đánh hơi được chuyện chẳng lành. Cả công viên chìm ngập trong một thứ không khí mà anh vẫn thấy xuất hiện ở một số vụ trọng án mà anh tham gia điều tra trong những năm gần đây, một thứ không khí của định mệnh, một thái độ chấp nhận, dù nặng nề, đối với số phận rủi ro của người khác.

Tất cả bọn họ khi bước chân vào trong công viên đều biết rằng nạn nhân đã chết, nhưng một phần nào đó vẫn nuôi hy vọng, dù vô cùng mong manh, và Sean hiểu rất rõ điều này. Đó chính là công việc của anh - tới hiện trường, phát hiện ra chân tướng sự thật rồi tìm mọi cách để hy vọng có thể chứng minh rằng mình đã sai. Năm ngoái, Sean tham gia điều tra một vụ án cha mẹ bị mất con. Các hãng truyền thông đại chúng đổ xô đến đưa tin vì đó là một cặp vợ chồng da trắng đáng kính nhưng Sean và các nhân viên cảnh sát khác ngay lập tức biết rằng câu chuyện của họ là giả dối, biết là đứa trẻ đã chết mà vẫn phải giả vờ an ủi hai kẻ khốn kiếp đó, hứa hẹn đảm bảo với bọn họ rằng đứa trẻ vẫn ổn, chạy theo những chứng cứ ngớ ngẩn về xung đột sắc tộc với những người da màu bị tình nghi xuất hiện trong khu vực sáng hôm đó để cuối cùng tìm thấy đứa bé lúc tờ mờ tối, trong một chiếc túi ni lông dùng cho máy hút bụi nhét dưới khe cầu thang hầm rượu. Lần đó, Sean nhìn thấy một viên cảnh sát trẻ dựa vào xe tuần tra run bần bật trong khi những người khác trông giận dữ nhưng không hề ngạc nhiên như thể họ đã mơ thấy cơn ác mộng này suốt cả đêm.

Đó là thái độ mà họ mang về nhà, vào trong những quán bar, hay trong những căn phòng khoá kín ở trụ sở và đồn cảnh sát - một thái độ chấp nhận, dù miễn cưỡng, rằng con người thật chẳng ra gì, xấu xa, ngu ngốc, nham hiểm và hễ mở miệng ra là nói dối và khi họ đột nhiên mất tích một cách khả nghi thì thường là đã chết hoặc còn tệ hơn thế.

Và thông thường, điều tệ hại nhất trong mỗi vụ án lại không phải là nạn nhân. Nạn nhân thì dù sao cũng đã chết rồi, chẳng còn đau đớn gì. Đau đớn nhất chính là người thân của họ, những người phải đối mặt với thực tế phũ phàng ấy. Họ giống như những xác chết di động, tinh thần suy nhược, cõi lòng tan nát, sống khốn khổ nốt quãng đời còn lại trong một cơ thể trống rỗng, tuy máu huyết lưu thông với đầy đủ các bộ phận nhưng không có linh hồn, tro khắc trước nỗi đau và chỉ ngọ ra một điều là trên đời này, những điều khủng khiếp nhất, đôi khi vẫn xảy ra.

Giống như Jimmy Marcus, Sean không biết làm sao anh có đủ can đảm để nhìn thẳng vào mắt hân và nói, đúng thế, con bé đã chết. Con gái anh đã chết, Jimmy. Ai đó đã đem con bé tới một nơi tốt đẹp hơn. Jimmy từng mất một người vợ. Tệ thật! Phải nói gì đây, Jim - Chúa bảo rằng anh vẫn còn một món nợ, và ngài sẽ tới lấy. Hy vọng anh sẽ ổn. Hẹn sớm gặp lại anh.

Sean đi qua chiếc cầu ván nhỏ bắc qua miệng vực và men theo con đường dẫn tới một lùm cây mọc thành hình vòng cung trước tấm màn chiếu phim cũ như một đám khán giả cuồng tín. Mọi người đều đã tụ tập ở dưới bậc thang dẫn tới một cánh cửa bên hông tấm màn chiếu. Sean có thể nhìn thấy Karen Hughes đang hí hoáy chụp ảnh, Whitey Powers thì đứng dựa vào khung cửa vờ quan sát vừa ghi chép, tay trợ lý pháp y thì quỳ bên cạnh Karen Hughes, cả một tiểu đoàn cảnh sát mặc thường phục và cảnh sát thành phố Boston trong đồng phục màu xanh, di chuyển phía sau lưng ba người họ. Connolly và Souza thì đang tìm gì đó trên các bậc thang, và hai sếp lớn - Frank Krauser của cảnh sát thành phố Boston và Martin Friel của cảnh sát bang, chỉ huy trưởng của Sean - đứng cách đó một chút, cạnh sân khấu phía dưới màn hình, chụm đầu lại nói chuyện với nhau.

Nếu viên trợ lý pháp y tuyên bố nạn nhân tử vong trong công viên thuộc thẩm quyền điều tra của cảnh sát bang thì vụ án sẽ do Sean và Whitey phụ trách. Sean sẽ có trách nhiệm thông báo tin này cho Jimmy. Sean sẽ phải tiếp cận, trở nên gần gũi, thậm chí ám ảnh với cuộc sống riêng tư của nạn nhân. Sean sẽ có trách nhiệm giải quyết vụ án và tạo ra một ảo tưởng, ít nhất là thế, rằng mọi chuyện cuối cùng sẽ khép lại.

Cảnh sát thành phố Boston có thể sẽ yêu cầu được điều tra vụ án. Quyết định này thuộc thẩm quyền của Friel. Ông ta có thể trao vụ án này cho họ vì tất cả các khu vực xung quanh công viên đều là địa bàn của cảnh sát thành phố và hành vi gây án đầu tiên cũng xảy ra trong phạm vi điều tra của họ. Vụ việc này sẽ thu hút sự chú ý của dư luận, Sean chắc chắn như vậy. Một vụ giết người trong công viên thành phố, dù nạn nhân có được tìm thấy trong công viên hay ở gần đó thì sự kiện này cũng nhanh chóng trở thành một dấu ấn với đời sống văn hoá của địa phương này. Không có động cơ rõ ràng. Cũng không thấy dấu vết của kẻ sát nhân, trừ phi hân cũng thiệt mạng bên cạnh Katie Marcus nhưng Sean hoàn toàn nghi ngờ khả năng này vì chẳng có chút manh mối nào. Đây rõ ràng là một sự kiện truyền thông lớn, vì thành phố trong mấy năm gần đây chưa xảy ra một vụ án nào tương tự. Đám phóng viên sẽ tha hồ tán chuyện cho tới khi nước

dãi chảy ngập con kênh mới thôi.

Sean không thích thú gì chuyện này, nhưng nếu những kinh nghiệm trước đó của anh là chính xác thì anh chắc chắn sẽ không tránh khỏi như vậy. Sean tụt xuống một con dốc và đi về phía tấm màn chiếu, mắt không rời khỏi Krauser và Friel, cố đoán ra câu trả lời từ mỗi hành động nhỏ nhất của họ. Nếu đúng là Katie Marcus được tìm thấy trong công viên thì Sean không còn nghi ngờ gì nữa, cả khu Hạ sẽ bùng nổ. Không phải Jimmy vì hẳn ta có lẽ còn đắm chìm trong đau khổ. Nhưng anh em nhà Savage? Ở tổ trọng án, hồ sơ của mỗi tên điên rồ trong cái gia đình đó cũng đã chất cao tới nóc cửa. Sean biết cảnh sát Boston vẫn truyền miệng rằng đêm thứ Bảy nào mà không có ít nhất một tên Savage trong trại giam thì đúng là hôm ấy có nhật thực, các nhân viên cảnh sát khác không ở trong phiên trực phải tới tận nơi xem vì không tin đó là sự thật.

Trên sân khấu phía dưới màn hình, Krauser gật đầu và Friel xoay ngang ngửa nhìn quanh cho tới khi bắt gặp ánh mắt của Sean và Sean lập tức hiểu ra rằng vụ án sẽ do anh và Whitey điều tra. Sean nhìn thấy một ít máu vương trên những chiếc lá dẫn tới chân cột màn hình chiếu phim và trên những bậc thang dẫn tới cánh cửa cạnh đó.

Connolly và Souza ngẩng đầu khỏi những vết máu trên bậc thang, gật đầu với Sean về u ám rồi quay trở lại nhìn chằm chằm vào những vết nứt ở chỗ cầu thang tiếp giáp với chân cột. Karren Hughes đứng dậy và Sean có thể nghe thấy tiếng máy ảnh kêu rì rì khi cô ta dùng ngón trở ấn nút tua lại cuộn phim đã dùng hết. Cô ta thò tay vào túi lấy ra một cuộn phim mới rồi mở nắp sau của máy chụp, mái tóc màu vàng xám của cô ta sẫm màu hơn ở hai bên thái dương. Cô ta đột ngột ngẩng lên bắt gặp ánh mắt của Sean nhưng không hề tỏ thái độ gì, bỏ cuộn phim cũ vào túi và chuẩn bị lắp cuộn phim mới.

Whitey lúc này đang quỳ xuống bên cạnh tay trợ lý pháp y và Sean nghe thấy ông ta thì thào, giọng sắc lạnh. “Gì cơ?”

“Như tôi đã nói.”

“Giờ anh có thể khẳng định chắc chắn?”

“Không dám chắc một trăm phần trăm nhưng cũng gần thế.”

“Tệ thật.” Whitey quay đầu lại nhìn Sean đang tiến lại gần, vừa lắc đầu ra hiệu cho anh, vừa giơ ngón trỏ chỉ vào nhân viên giám định pháp y.

Sean leo lên đứng ở phía sau lưng hai người bọn họ để nhìn cho rõ. Hai người kia rụt vai xuống và Sean nhìn thấy sau ngưỡng cửa một xác chết nằm co quắp, trong một khoảng hẹp chưa đầy một mét, lưng dựa vào bức tường phía bên trái anh, hai bàn chân tì lên bức tường đối diện khiến cho ấn tượng đầu tiên của Sean là nghĩ tới một bào thai trên màn hình siêu âm. Bàn chân trái của cô gái để trần và lấm đầy bùn đất. Quanh mắt cá chân còn sót lại một mẩu tất rách rưới, nhẵn nhúm. Chân phải nạn nhân mang một chiếc giày màu đen, đế bằng giản dị với những vảy bùn khô đã cứng lại. Tuy đã bị mất một bên giày nhưng cô gái không có thời gian tháo nốt chiếc bên kia. Tên sát nhân hẳn bám sát cô suốt đoạn đường. Thế nhưng cô cũng trốn được vào đây, thoát được hẳn trong giây lát, như vậy hẳn có cái gì đó đã ngăn cản hẳn, khiến hẳn chậm lại.

“Souza,” Sean gọi.

“Gì cơ?”

“Cho vài người kiểm tra con đường mòn dẫn lên đây. Quan sát các bụi cây tìm xem có miếng vải rách hay da người gì đó không.”

“Đã cử một người đi dò các dấu chân ở đó rồi.”

“Biết rồi nhưng mà chúng ta cần thêm người hỗ trợ. Cậu xử lý vụ này nhé?”

“Được rồi, để tôi.”

Sean lại nhìn xuống thi thể nạn nhân. Cô gái mặc một chiếc quần bằng vải mềm màu sẫm, áo sơ mi màu xanh lính thủy, cổ rộng. Chiếc áo khoác bên ngoài màu đỏ lúc này đã rách nát. Bộ quần áo này hẳn là để dành cho dịp cuối tuần, Sean nghĩ, vì chúng quá diện so với trang phục ngày thường của một cô gái ở khu

Hạ. Cô gái chắc ra ngoài chơi, tới một chỗ hay ho nào đó, hoặc tới nơi hẹn hò cũng nên. Thế nhưng không hiểu vì lý do gì cô gái lại kết thúc giữa khúc hành lang hẹp này, thứ cuối cùng con bé nhìn thấy, cũng có thể là thứ mùi vị cuối cùng nó ngửi được, chính là những bức tường mốc meo xung quanh.

Cứ như thể con bé chỉ tới đây để tránh một cơn mưa máu và những hạt mưa lớn vẫn còn đọng trên tóc, trên má và để lại trên quần áo những vệt ố dài. Hai đầu gối ép chặt vào ngực, khuỷu tay phải chống lên đầu gối, bàn tay nắm chặt lại dưới tai càng khiến Sean nghĩ tới một đứa trẻ hơn là một người phụ nữ đang nằm co quắp để tránh nghe thấy những âm thanh đáng sợ một cách vô ích. Xin hãy dừng lại, làm ơn.

Whitey tránh ra và Sean lập tức ngồi xổm xuống trước ngưỡng cửa. Bất chấp đám máu trên cơ thể và máu chảy thành vũng phía dưới nạn nhân cùng với mùi rêu mốc trên những bức tường bê tông xung quanh, Sean cơ hồ vẫn ngửi thấy mùi nước hoa, dù chỉ là thoảng qua, của cô gái, một thứ hương thơm rất nhẹ, hơi ngọt ngào, hơi gợi cảm khiến anh nghĩ tới những cuộc hẹn hò thời trung học, những chiếc xe hơi màu sẫm, tiếng còi quần áo hấp tấp sột soạt và cảm giác đung chạm như điện giật của da thịt. Dưới cơn mưa máu, Sean nhìn thấy vết bầm tím trên cổ tay, cánh tay và mắt cá chân của cô gái và biết là những chỗ đó đã bị đánh bằng vật gì.

“Hung thủ đánh nạn nhân?”

“Có vẻ như thế. Anh có nhìn thấy máu trên đỉnh đầu cô ta không? Nứt cả sọ ra. Hẳn ta hẳn đã đập vỡ hộp sọ với cú nện đó.”

Phía bên kia nạn nhân, bên trong cái hành lang hẹp phía dưới tấm màn chiếu, là những tấm gỗ xếp chồng chất, trông giống như những thiết bị sân khấu, những tháp chuông nhà thờ, cột buồm bằng gỗ, và phần mũi một con thuyền giống như thuyền gondola ở Venice. Một khi đã chui vào đây, nạn nhân hoàn toàn bị kẹt lại, không có lối ra. Nếu kẻ truy sát tìm thấy thì nạn nhân chỉ còn đường chết. Và hẳn đã tìm ra.

Hắn mở cửa ra và cô gái co rúm lại, cố bảo vệ cơ thể bằng chính tay chân của mình. Sean nghiêng đầu nhìn chăm chú bàn tay siết chặt lại thành nắm đấm và gương mặt của cô gái. Ngay cả khuôn mặt cũng vậy máu, hai mắt nhắm nghiền, chặt như nắm đấm, như thầm mong mọi chuyện sẽ trôi qua, hai mí mắt khép chặt lúc đầu vì sợ hãi còn lúc này là vì nạn nhân đã chết cứng.

“Có đúng là cô ta không?” Whitey Powers hỏi.

“Gi cơ?”

“Có đúng là Katherine Marcus không?” Whitey hỏi lại.

“Đúng thế,” Sean nói. Cô gái có một vết sẹo nhỏ cong cong ngay phía dưới cằm phải, rất khó nhận biết và đã mờ đi theo thời gian, nhưng vẫn khiến người xung quanh chú ý vì ở Katie mọi thứ còn lại đều quá hoàn mỹ, khuôn mặt của cô bé là sự pha trộn hoàn hảo, không tí vết giữa vẻ đẹp góc cạnh, u uất của mẹ và vẻ điển trai rất bụi bặm của cha, cùng đôi mắt và mái tóc màu nhạt của hẳn.

“Chính xác một trăm phần trăm chứ?” tay trợ lý pháp y hỏi.

“Chín mươi chín,” Sean đáp. “Phải chờ cha cô ta nhận diện ở nhà xác đã. Nhưng mà đúng là cô ấy đấy.”

“Cậu có thấy phía sau đầu của cô ta không?” Whitey cúi xuống dùng cây bút hất tóc trên vai của cô gái sang một bên.

Sean nhìn kỹ lại và thấy phía dưới hộp sọ của cô gái bị bay mất một miếng da nhỏ. Máu chảy đen cả gáy.

“Ý anh là cô ấy bị bắn?”

Anh quay sang hỏi nhân viên pháp y.

Người này gật đầu bảo, “Giống như một vết thương do đạn bắn.”

Sean khẽ lùi lại phía sau để thoát khỏi mùi nước hoa, mùi máu, mùi bê tông ẩm mốc và mùi gỗ mục. Trong giây lát anh thầm mong mình có thể kéo bàn tay đang nắm chặt bên tai của Katie Marcus xuống, như thể chỉ cần là thế thì những vết bầm tím mà anh nhìn thấy cũng như không nhìn thấy trên thân thể cô dưới lớp quần áo sẽ lập tức bốc hơi, và cơn mưa máu sẽ rút khỏi cơ thể và mái tóc của cô, và cô sẽ bước ra khỏi nắm mô này, dụi mắt tỉnh giấc, người vẫn còn hơi bồng bênh.

Anh chợt nghe thấy một âm thanh chấn động vang lên từ phía bên phải, tiếng nhiều người cùng hét lên một lúc, tiếng chân chạy rầm rập điên cuồng và tiếng chó sủa giận dữ. Nhìn ra thì thấy Jimmy Marcus và Chuck Savage đang hùng hổ xuyên qua bụi cây phía đằng xa nơi tiếp giáp với bãi cỏ được chăm sóc cẩn thận có màu xanh rì chạy thoai thoải duyên dáng tới chân cột chiếu phim nơi mọi người vẫn tụ tập, trải chăn ra ngồi xem kịch vào mùa hè.

Có ít nhất tám cảnh sát mặc đồng phục và hai cảnh sát mặc thường phục xông ra chặn lấy Jimmy và Chuck. Chuck bị tóm ngay lập tức nhưng Jimmy rất nhanh nhẹn luồn lách thoát ra được. Với một loạt những cú xoay người khó tin, Jimmy nhanh như chớp thoát ra khỏi vòng vây khiến những người đuổi theo hấn há hốc mồm vì kinh ngạc. Nếu không bị trượt chân ngã lẫn xuống dốc thì hẳn hẳn đã tới được chân màn hình mà không có ai ngăn cản ngoại trừ Krauser và Friel.

Nhưng hẳn lại bị ngã, trượt chân và vẫn còn kịp liếc Sean một cái trước khi nằm sấp xuống, cảm vực xuống đất. Một cảnh sát trẻ, mặt mũi vuông vắn, cơ thể rắn chắc như một vận động viên thể thao lao tới đè lên người hẳn như một vận động viên thể thao lao tới đè lên người hẳn như thể Jimmy là một cái ván trượt rồi cả hai bọn họ cùng lăn lông lốc vài mét nữa cho tới khi xuống tới chân đồi. Viên cảnh sát kéo hai tay Jimmy ra sau lưng, chuẩn bị tra còng số tám vào tay hẳn.

Sean bước lên sân khấu và bảo, “Này, này. Đó là cha của nạn nhân. Chỉ cần giữ anh ta lại không cho vào đây.”

Viên cảnh sát trẻ nhìn lên, vẻ giận dữ, người đầy bùn đất.

“Chỉ cần kéo anh ta lại. Cả hai người bọn họ.” Sean nhắc lại.

Anh nói xong liền quay lưng đi về chỗ cũ, đúng lúc nghe thấy Jimmy gọi tên mình, giọng hẳn khàn khàn như thể những tiếng la hét trong đầu hẳn đã làm hỏng hết dây thanh quản. “Sean!”

Sean khựng lại, thấy Friel đang nhìn anh.

“Hãy nhìn tôi đây, Sean.”

Sean quay lại, thấy Jimmy đang vòng người lên dưới sức mạnh của viên cảnh sát trẻ, một vệt bùn đen vương trên cằm cùng với mấy cọng cỏ.

“Cậu đã tìm thấy con bé phải không? Có đúng là nó không?” Jimmy gào lên. “Đúng là nó không?”

Sean bất động đứng đó, hứng lấy ánh mắt của Jimmy và nhìn lại cho tới khi đôi mắt rùng rục của Jimmy cũng nhìn thấy những gì mà Sean vừa thấy, rằng thế là hết, rằng nỗi sợ hãi khủng khiếp nhất cuối cùng đã trở thành hiện thực.

Jimmy bắt đầu gào thét, từng đồng dải nhót văng ra từ miệng hẳn. Một viên cảnh sát nữa chạy xuống đồi để giúp đồng đội giữ chặt lấy Jimmy. Sean liền quay mặt đi. Những tiếng gào thét của Jimmy vang lên trong không khí không gay gắt, chói tai mà trầm đục, thoát ra từ cổ họng, như tiếng một con thú vừa bị thương. Sean đã nghe không ít tiếng gào khóc của cha mẹ các nạn nhân. Tất cả đều có chung một điểm, một nỗi ai oán nào nùng, một lòng niệm xin Chúa hay lý lẽ quay trở lại nói với họ rằng đó chỉ một giấc mơ. Nhưng tiếng gào thét của Jimmy thì không giống như vậy, nó chỉ có tình yêu và cuồng nộ, ở mức độ ngang bằng nhau, khiến chim bay trên cành dẻo dác và âm vang tới tận dòng kênh.

Sean quay trở lại nhìn xuống thi thể của Katie Marcus. Connolly, thành viên mới của đội, lại gần bên cạnh anh cùng nhìn xuống một lúc lâu, không nói năng gì. Tiếng gào thét của Jimmy ngày càng khàn đặc và đau đớn như thể mỗi lần hít thở đều nuốt vào một mảnh kính vỡ.

Sean tiếp tục nhìn Katie với nắm tay siết lại bên thái dương dưới cơn mưa máu và đám đạo cụ sân khấu bằng gỗ phía bên cạnh đã ngăn cản con đường sống của con bé. Phía bên phải, Jimmy tiếp tục gào thét khi người ta kéo ngược hẳn lên đồi và một chiếc máy bay trực thăng sà xuống bay qua chỗ họ, tiếng động cơ kêu âm ỉ mỗi khi nó bay ra phía bờ kênh rồi quay trở lại. Sean đoán đó là trực thăng của đài truyền hình. Tiếng động của nó nghe êm ái hơn trực thăng của cảnh sát.

Connolly mấp máy môi thì thào, “Anh đã bao giờ nhìn thấy một cảnh tượng như thế này chưa?”

Sean nhún vai. Đã nhìn thấy thì sao chứ. Đến một lúc nào đó, người ta không còn muốn so sánh nữa.

“Tôi muốn nói, đây là...” Connolly lắp bắp, cố tìm ra từ ngữ chính xác, “đây là một dạng...” Cậu ta quay mặt đi chỗ khác, nhìn ra rừng cây xa xa, mắt mở to vẻ bất lực như định nói tiếp điều gì đó.

Nhưng rồi cậu ta ngậm miệng lại và sau đó quyết định không cố tìm từ ngữ để diễn tả nó nữa.

12. Chương 12: Màu Sắc Của Con Người

Sean đứng dựa vào sân khấu phía dưới tấm màn chiếu với sếp của mình, thanh tra, trung úy cảnh sát Martin Friel, nhìn Whitey Powers chỉ đạo chiếc xe của bên pháp y lùi xuống dốc, tiến về phía cánh cửa nơi tìm thấy thi thể của Katie Marcus. Whitey đi giạt lùi, hai tay giơ cao ra hiệu cho chiếc xe lúc lùi sang phải, lúc sang trái, miệng huýt sáo ra lệnh, âm thanh lạnh lạnh, dồn dập xuyên qua không khí giống hết tiếng chó sủa nặng. Ông ta hết nhìn dải băng phong toả hiện trường ở hai bên lại ngó sang bánh xe trước của chiếc xe tải và đôi mắt lo lắng của người lái xe trong gương chiếu hậu như thể anh ta đang đi thử việc tại một công ty vận chuyển, điều khiển lớp xe không đi chệch lấy một phân.

“Thêm một tí nữa. Thẳng xuống. Một tí nữa, một tí nữa thôi. Đứng rồi.” Khi điều được chiếc xe vào đúng chỗ mong muốn, Whitey bước sang bên cạnh và đập đập vào cửa xe bảo, “Anh lái xe chuẩn lắm.”

Nói rồi ông mở toang cửa xe trước để nó che hết quang cảnh phía sau màn hình. Lúc này Sean mới nhận ra rằng anh không hề nghĩ tới việc tạo ra một vành đai che chắn xung quanh hiện trường nơi tìm thấy thi thể của Katie Marcus. Whitey đúng là có nhiều kinh nghiệm xử lý hiện trường hơn anh, ông đã là một chiến binh già dặn từ khi anh còn bận nặn mụn trứng cá và tán gái ở trường trung học.

Hai nhân viên pháp y đang nháp nhồm ra khỏi xe thì Whitey bảo, “Không làm thế được, anh bạn. Các anh sẽ phải đi ra bằng cửa sau.”

Họ đóng cửa xe rồi biến mất đằng sau chiếc xe thùng để đi lấy thi thể nạn nhân và Sean có cảm giác, rằng công việc của họ thế là xong, giờ tới lượt anh giải quyết nốt phần còn lại. Các nhân viên cảnh sát khác, các kỹ thuật viên hiện trường, đám phóng viên lượn lờ trong những chiếc trực thăng ở trên đầu anh hay ở hiện trường xung quanh công viên phía bên kia đều sẽ chuyển sang công việc khác, chỉ còn anh và Whitey phải gánh chịu trách nhiệm nặng nề nhất trong vụ án này, viết báo cáo, làm lời khai trước toà, tiếp tục điều tra về cái chết của Katie Marcus trong khi phần lớn mọi người đã nhận nhiệm vụ mới - các tai nạn giao thông, trộm cướp, các vụ tự sát trong những căn phòng hồi hám cũ kỹ vì khói thuốc và không khí lưu cữu.

Martin Friel đu người lên sân khấu rồi ngồi đó, hai chân dong đưa trong không khí. Ông ta tới thẳng đây từ sân gôn chín lỗ ở George Wright, người vẫn còn mùi kem chống nắng sau lớp áo polo màu xanh nước biển và quần ka ki. Hai bàn chân của ông ta gõ nhịp vào gờ sân khấu và Sean nhận thấy tâm trạng của ông ta có gì đó không ổn.

“Trước đây, cậu cũng đã từng làm việc với trung sĩ Powers đúng không?”

“Vâng ạ.”

“Có vấn đề gì không?”

“Không.” Sean nhìn Whitey đang xua một nhân viên cảnh sát đi chỗ khác, chỉ anh ta ra rặng cây phía sau màn hình. “Tôi làm cùng với ông ấy vụ mưu sát Elizabeth Pitek hồi năm ngoái.”

“Người phụ nữ có lệnh cách ly của toà án đúng không?” Friel nói. “Chồng cũ cô ta nói gì về cái lệnh này ấy nhỉ?”

“Hắn bảo là lệnh đó chỉ quản đời cô ta thôi không có nghĩa là quản đời hắn.”

“Hắn bị xử hai mươi năm đúng không?”

“Hai mươi năm không giam án.” Sean từng mong nếu toà án cấp cho nạn nhân một văn bản pháp lý hiệu lực hơn, không cho chồng cũ của cô ta lại gần, thì có lẽ án mạng đã không xảy ra. Giờ đây con của nạn

nhân sẽ phải lớn lên trong trại mồ côi mà không hiểu chuyện gì đã xảy ra với bố mẹ mình và giờ đây mình được ai nuôi nấng.

Viên cảnh sát kia đã rời khỏi Whitey và kéo theo một số đồng nghiệp tiến về phía rặng cây.

“Nghe nói ông ấy có vấn đề với rượu,” Friel nói rồi co một chân lên sân khấu, đầu gối áp vào ngực.

“Tôi chưa bao giờ thấy ông ấy uống rượu trong giờ làm việc, thưa sếp.” Sean nói không hiểu trong mắt Friel là anh hay Whitey là người đang cần phải giám sát. Anh nhìn Whitey cúi xuống nhìn chăm chú vào một lùm cỏ gần bánh trước chiếc xe của bộ phận pháp y, vừa làm vừa chăm chút chỉnh lại cặp quần cứ như thể ông ta đang mặc một bộ đồ hàng hiệu của Brooks Brothers.

“Đồng sự của anh tạm thời nghỉ làm vì lý do sức khỏe, có vấn đề gì đó với cột sống, thế mà tôi lại nghe nói anh ta đang dưỡng sức bằng các trò nhảy dù kéo và mô tô lướt sóng ở Florida cơ đấy.” Friel nhún vai. “Powers đề nghị được làm việc với cậu ngay khi cậu trở lại. Giờ thì cậu đã trở lại rồi. Sẽ không xảy ra những chuyện như sự việc lần trước nữa chứ?”

Sean đã chuẩn bị nghe những lời giáo huấn, nhất là từ Friel, nên giọng điệu đầy vẻ ăn năn hối lỗi. “Không, thưa sếp. Chỉ là một phút nông nổi.”

“Không phải một mà là nhiều lần.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Đời tư của cậu đúng là một mớ hổ lốn, nhưng đó là chuyện riêng của cậu. Đừng để nó ảnh hưởng tới công việc của mình là được rồi.” Sean nhìn Friel và bắt gặp một ánh mắt như phát ra tia lửa điện mà anh từng biết, một ánh mắt biểu lộ sự cương quyết của Friel khiến người khác buộc phải tuân thủ.

Và Sean chỉ còn nước gật đầu. Friel mỉm cười lạnh lùng rồi nhìn chiếc trục thẳng của bên truyền hình lượn một vòng trên tấm màn chiếu, hạ xuống thấp hơn mức cho phép, trên mặt xuất hiện một vết cau có mà hậu quả là chiều nay hẳn có người sẽ phải đóng một khoản tiền phạt lớn.

“Cậu biết gia đình nạn nhân đúng không?” Friel hỏi, mắt vẫn dõi theo chiếc trục thẳng. “Cậu lớn lên ở đây mà.”

“Tôi lớn lên ở khu Thượng.”

“Cũng giống nhau cả.”

“Đây là khu Hạ. Có chút khác biệt, thưa sếp.”

Friel phẩy tay bảo, “Cậu lớn lên ở đây. Là một trong những người đầu tiên xuất hiện trên hiện trường và quen biết mọi người ở đây. Tôi có lầm không nhỉ?”

“Lầm gì cơ ạ?”

“Về khả năng xử lý vụ này của cậu.” Ông ta nói rồi trao cho anh một nụ cười dụ dỗ kiểu huấn luyện viên bóng chày mùa hè. “Cậu là một trong những chàng trai xuất sắc nhất của tôi, đúng không nào? Chịu phạt rồi, sẵn sàng trở lại tiếp bóng chứ?”

“Vâng thưa sếp.” Sean nói. “Sếp thừa biết là tôi sẽ cố gắng hết sức để tiếp nhận công việc này.”

Hai người bọn họ quay ra nhìn về phía chiếc xe pháp y sau khi nghe thấy tiếng rơi bịch trong thùng xe và gầm xe khẽ dao động về phía trước rồi lại dịch chuyển về vị trí cũ. Friel bảo, “Cậu có để ý thấy bọn họ toàn quăng nạn nhân xuống như thế không?”

Họ vẫn luôn làm như thế. Katie Marcus, bọc kín trong chiếc túi đựng xác bằng ni lông màu đen và bức bối, bị quăng trong thùng xe, tóc dính vào túi, lục phủ ngũ tạng nhũn lại.

“Cậu có biết tôi ghét gì hơn cả việc một thằng bé da đen mười tuổi bị trúng đạn trong một cuộc đọ súng giữa các băng đảng không?”

Sean biết rõ câu trả lời nhưng không nói năng gì.

“Những đứa con gái mười chín tuổi bị sát hại trong công viên thành phố. Người ta sẽ không nói những câu như ‘ôi dào, lại do mâu thuẫn quyền lợi đây mà.’ Họ không muốn có cảm giác hứng chịu thảm kịch. Họ giận dữ, kích động và muốn hung thủ bị bắt và xuất hiện trên bản tin lúc sáu giờ chiều.” Friel khẽ huých Sean một cái rồi nói tiếp, “Cậu hiểu ý tôi chứ?”

“Vâng ạ.”

“Đó là thứ họ muốn vì họ cũng như chúng ta thôi, đó cũng là điều chúng ta muốn.” Friel nắm lấy vai Sean và xoay người anh lại cho tới khi anh nhìn thẳng vào mắt ông ta.

“Vâng, thưa sếp.” Sean nói vì cái tia nhìn quỷ dị lại xuất hiện trong mắt Friel cho thấy ông ta hoàn toàn tin vào những lời mình nói giống như người ta tin vào Chúa, vào chỉ số chứng khoán NASDAQ hay tính toán cầu hoá của Internet. Friel giống như một kẻ được tái sinh nhờ công việc, Sean không biết phải giải thích hiện tượng này như thế nào nhưng rõ ràng là Friel đã tìm thấy một thứ gì đó trong công việc của mình, một thứ mà Sean gần như không thể định dạng, một thứ mang lại sự khuây khoả, thậm chí là một thứ niềm tin vững chắc. Thật lòng mà nói, đôi khi Sean cho rằng sếp của anh là một gã ngớ ngẩn, nếu có ai chịu lắng nghe là lập tức phun ra những triết lý vớ vẩn, nhằm chán về cuộc sống và cái chết, những phương pháp để thay đổi thế giới, chữa trị bệnh ung thư và trở thành một người có trái tim quảng đại.

Mặt khác, Friel khiến Sean nhớ đến cha anh, người cặm cụi làm những tổ chim dưới tầng hầm nơi không bao giờ có lấy một cánh chim bay tới nhưng Sean lại rất thích ý tưởng ấy của ông.

Friel là thanh tra đội điều tra án mạng thuộc quận sáu suốt mấy đời tổng thống và Sean chưa bao giờ nghe thấy có ai gọi ông một cách thân mật là “Marty”, “anh bạn” hay “ông bạn già”. Nhìn ông trên phố, người ta đều tưởng đó là một viên kế toán hay nhân viên thẩm định của một hãng bảo hiểm. Ông có một giọng nói ôn hoà đi đôi với một khuôn mặt ôn hoà, không có gì đặc biệt ngoài cụm tóc màu nâu hình móng ngựa còn sót lại trên đầu. Ông là một người nhỏ nhắn, nhất là đối với một người đã leo lên tận vị trí này trong ngành cảnh sát, một người có thể dễ dàng bị lẫn vào trong đám đông vì ngay cả dáng đi cũng không có gì cách biệt. Ông yêu vợ và hai đứa con, quên gỡ vé đi cáp treo trượt tuyết dính trên áo parka suốt cả mùa đông, chăm chỉ đi lễ nhà thờ, bảo thủ khi bàn tới các vấn đề tài chính và xã hội.

Nhưng cái giọng nói và bộ mặt ôn hoà đó không giống chút nào với tính cách của ông, một sự kết hợp nhuần nhuyễn và cao độ của tính thực tiễn và đạo đức nghề nghiệp. Kẻ nào gây ra trọng án trên địa bàn của Martin Friel - đúng là địa bàn của ông thật, nói thế ai không muốn hiểu thì thôi - sẽ bị ông coi như kẻ thù của chính mình. “Tôi muốn cậu giận dữ nhưng khôn ngoan,” ông nói với Sean ngày đầu tiên anh gia nhập tổ điều tra án mạng. “Tôi không muốn cậu nổi giận một cách công khai vì giận dữ là một thứ cảm xúc, mà cảm xúc thì không bao giờ nên công khai. Nhưng tôi muốn cậu lúc nào cũng cảm thấy tức tối - tức tối vì những chiếc ghế ở đây quá cứng, vì tất cả bạn bè ở trường đại học của cậu giờ toàn đi xe Audi. Tôi muốn cậu cảm thấy tức tối vì lũ tội phạm ở đây quá ngu, ngu tới mức nghĩ rằng chúng có thể phạm những tội ác ghê tởm trên địa bàn của chúng ta. Tức tối vừa đủ, Devine ạ, để không bỏ sót chi tiết nào trong các cuộc điều tra của mình, khiến bên công tố thua trước toà chỉ vì mấy lệnh bắt khả nghi hay không đúng quy trình pháp lý. Tức tối đủ để kết thúc từng vụ án một cách sạch sẽ và tổng lũ tội phạm khốn kiếp kia vào trong những nhà tù khốn kiếp cho đến hết cuộc đời khốn kiếp của chúng.”

Trong đồn cảnh sát, mọi người gọi đó là “Bài diễn văn của Friel” vì lính mới nào xuất hiện ngày đầu tiên cũng được nghe một bài y như vậy. Giống như phần lớn những gì Friel nói, không ai biết có bao nhiêu phần là chân thành và bao nhiêu phần là những lời nói lấp chỉ để kích lệ tinh thần nhân viên. Nhưng hoặc là chúng ta tin, hoặc là chúng ta bỏ ngoài tai.

Sean đã ở trong đội điều tra án mạng của cảnh sát bang được hai năm và là người có tỉ lệ phá án cao nhất trong tổ của Whitey Powers nhưng Friel đôi khi vẫn nhìn anh với ánh mắt không chắc chắn. Như lúc này đây, ông ta đang nhìn anh về dò xét, phân định xem liệu anh có đủ khả năng giải quyết vụ án này: vụ án một cô gái trẻ bị giết trong công viên của ông ta.

Whitey đang thông thả đi về phía bọn họ, vừa lần giở quyển sổ tay ghi chép vừa gật đầu chào Friel. “Trung ụy.”

“Trung sĩ Powers, chúng ta điều tra tới đâu rồi?” Friel hỏi.

“Dấu hiệu ban đầu cho thấy nạn nhân chết vào khoảng hai giờ mười lăm tới hai giờ ba mươi sáng nay. Không có dấu hiệu xâm phạm tình dục. Nguyên nhân tử vong rõ rệt nhất là vết thương do đạn bắn ở phía sau đầu nhưng cũng không loại trừ khả năng bị chấn thương mạnh do bị đánh vào đầu. Người bắn súng thuận tay phải. Chúng tôi đã tìm thấy đầu đạn găm trên một bản lề gỗ phía bên trái thi thể nạn nhân. Có vẻ như đầu đạn Smith ba tám ly nhưng vẫn chờ bên giám sát đầu đạn khẳng định chắc chắn. Thợ lặn đang mò tìm hung khí dưới kênh. Chúng tôi hy vọng hung thủ sẽ vứt súng hay ít nhất là hung khí đã dùng để đánh nạn nhân, có vẻ như là một cây gậy, giống như gậy đánh bóng chày.”

“Một cái gậy ư?” Friel hỏi.

“Hai cảnh sát thành phố đã gõ cửa từng nhà trên phố Sydney và nói chuyện với một người phụ nữ khai rằng có nghe thấy tiếng một chiếc xe ô tô đâm vào vật gì đó rồi chết máy vào lúc một giờ bốn mươi lăm phút sáng, khoảng nửa tiếng trước khi xảy ra án mạng.”

“Chúng ta có chứng cứ cụ thể nào không?” Friel hỏi.

“Cơn mưa hôm qua đúng là trêu người chúng ta, thưa sếp. Chúng tôi chỉ tìm thấy vài dấu chân mờ nhạt có thể là của hung thủ và một vài dấu chân thuộc về nạn nhân. Chúng tôi cũng tìm thấy hai mươi lăm dấu chân khác nhau bên ngoài cánh cửa sau tấm màn chiếu. Cũng có thể là của nạn nhân, hung thủ hay chỉ là của hai mươi lăm người chả liên quan gì tới chuyện này, chỉ tới đây ban đêm để uống rượu hay dừng lại nghỉ một chút trong lúc chạy bộ. Chúng tôi cũng tìm thấy các vết máu trên và bên trong cánh cửa, có thể của hung thủ, có thể không. Chắc chắn là có nhiều vết máu thuộc về nạn nhân. Chúng tôi cũng tìm thấy một vài dấu tay trên cửa xe ô tô của nạn nhân. Cho tới giờ phút này, tất cả vật chứng chỉ có thế.”

Friel gật đầu. “Có điểm gì nổi bật để báo cáo với phó biện lý khi ông ta gọi cho tôi trong mười hay hai mươi phút tới không?”

Powers nhún vai. “Sếp cứ bảo với ông ta là trời mưa đã phá hỏng hết hiện trường vụ án nhưng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức.”

“Còn gì nữa không?” Friel siết chặt tay lại thành hình nắm đấm.

Whitey quay đầu lại nhìn về phía con đường mòn dẫn xuống cánh cửa đằng sau tấm màn chiếu, địa điểm cuối cùng Katie Marcus chạm chân tới.

“Thật là phiền phức vì không có dấu chân.”

“Anh muốn nhắc đến cơn mưa...”

Whitey gật đầu. “Nhưng nạn nhân có để lại một vài dấu chân. Tôi cực là dấu chân của cô ấy vì chúng còn mới và lúc thì cô ấy phải đi bằng gót chân, lúc lại bằng gan bàn chân. Chúng tôi tìm thấy ba, có lẽ bốn dấu chân như thế và tôi gần như chắc chắn rằng nó thuộc về Katherine Marcus. Nhưng thủ phạm thì sao? Chả tìm thấy gì cả.”

“Lại nữa,” Sean nói. “Là do trời mưa.”

“Thì do trời mưa mà chúng ta chỉ tìm thấy có ba dấu chân của nạn nhân, tôi đồng ý. Nhưng sao lại không tìm thấy dù chỉ là một dấu chân của thủ phạm?” Nói tới đây Whitey quay sang nhìn Sean và Friel rồi nhún vai. “Mà thôi. Nói chung là bực mình.”

Friel nhảy xuống đất phủ hai tay và bảo. “Thôi được rồi, các cậu nghe đây: các cậu sẽ có trong tay sáu nhân viên điều tra. Chứng cứ của các cậu sẽ được đưa tới phòng xét nghiệm ở tuyến đầu với ưu tiên hàng đầu. Các cậu muốn huy động bao nhiêu cảnh sát tới hiện trường cũng được. Vậy nên trung sĩ, anh có thể cho tôi biết anh sẽ khôn khéo sử dụng nguồn nhân lực dồi dào ấy như thế nào không?”

“Tôi cho là chúng tôi sẽ phải nói chuyện với cha của nạn nhân xem anh ta có biết chương trình tối hôm qua của con gái mình không, cô ta đã đi gặp ai, ai có thể là kẻ thù của cô ta. Sau đó chúng tôi sẽ hỏi han vài người, thẩm vấn lại người phụ nữ nghe thấy tiếng ô tô tắt máy trên phố Sydney, tra khảo tất cả đám say rượu tìm thấy ở công viên và trên phố Sydney, hy vọng bên tổ kỹ thuật có thể tìm thấy những chứng cứ rõ ràng hay những mẫu tóc để có thể đẩy nhanh tiến độ điều tra. Có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy một mẫu da của thủ phạm dưới móng tay của cô gái. Hay dấu tay của hắn trên cánh cửa đó. Hay có thể hắn chính là bạn

traí của cô gái và hai người bọn họ vừa mới cãi nhau.” Whitey lại nhún vai kiểu đặc trưng của mình, chân đá đá vào một đồng đất. “Cứ thế đã.”

Friel nhìn sang Sean.

“Chúng tôi sẽ bắt được hắn thôi, sếp.”

Friel có vẻ như đang chờ đợi một lời hứa hẹn hấp dẫn hơn nhưng cuối cùng cũng gật đầu, vỗ vỗ vào khuỷu tay Sean trước khi rời khỏi sân khấu đi xuống hàng ghế dành cho khán giả nơi trung úy Krauser của cảnh sát thành phố đang đứng nói chuyện với sếp của ông ta, đại úy Gillis của quận sáu, tất cả bọn họ đều ném cho Sean và Whitey một cái nhìn kiểu “Đừng có mà làm hỏng chuyện đấy.”

“Chúng tôi sẽ bắt được hắn?” Whitey nhại lại. “Bốn năm đại học mà cậu chỉ nghĩ ra được mỗi một câu như thế à?”

Trong giây lát, Sean lại bắt gặp ánh mắt của Friel liền gật đầu với ông ta, hy vọng nó khẳng định sự tự tin và năng lực của anh. “Ồ trong giáo trình ghi thế mà,” Sean quay sang bảo Whitey. “Ngay sau câu ‘Chúng tôi sẽ tóm được tên khốn đó’ và trước câu ‘Nhờ ơn đáng tối cao.’ Ông không nhớ à?”

Whitey lắc đầu. “Hôm đó chắc bị ốm không đi học.”

Họ quay ra nhìn viên trợ lý pháp y đóng cửa sau xe thùng rồi leo lên ngồi vào ghế lái xe.

“Ông có giả thiết nào không?” Sean hỏi.

“Nếu là cách đây mười năm,” Whitey trả lời, “thì tôi sẽ liên tưởng tới một nghi lễ gia nhập băng đảng. Nhưng bây giờ thì chịu. Mẹ kiếp. Tội phạm giảm đi nhưng lại rất khó dự đoán. Thế cậu thì sao?”

“Bạn trai ghen tuông, nhưng chỉ là theo lý thuyết mà nói.”

“Tới mức dùng gậy đánh bóng nện bạn gái? Hắn hẳn là có tiền sử bệnh tiết chế nóng giận.”

“Thì toàn thể cả.”

Nhân viên trợ lý pháp y mở cửa xe nhìn Whitey và Sean hỏi, “Nghe nói sẽ có người dẫn đường cho chúng tôi.”

“Chúng tôi sẽ dẫn đường cho anh,” Whitey trả lời. “Ra khỏi công viên thì anh vượt lên trước, mà này, nạn nhân là người thân, nên khi tới nơi dừng để cô ấy ngoài hành lang nhé. Anh hiểu không?”

Anh ta gật đầu và chui vào xe.

Whitey và Sean leo lên một chiếc xe tuần tra và Whitey chạy lên đằng trước chiếc xe pháp y. Họ cùng đi xuống dốc giữa trập trùng những dải băng phong toả hiện trường màu vàng và Sean nhìn thấy mặt trời bắt đầu lặn dần sau những rặng cây, tạo ra những quãng đổ lung linh trên ngọn và nhuộm con kênh Penitentiary thành một màu vàng sẫm. Sean chợt nghĩ nếu như anh có chết đi thì có lẽ đây là một trong những điều mà anh luyện tiếc nhất, thứ sắc màu này, cái cách chúng đột nhiên xuất hiện khiến ta cảm thấy bàng hoàng, trong lòng buồn man mác và trở nên nhỏ bé, như thể bản thân không thuộc về nơi đây.

Đêm đầu tiên ở nhà tù Deer Island, Jimmy đã phải ngồi cả đêm từ chín giờ tối tới sáu giờ sáng để đề phòng gã ở cùng buồng giam giờ trở.

Gã đó là Woodrell Daniels, đi mô tô suốt đêm từ New Hampshire tới Massachusetts để thực hiện một phi vụ buôn bán thuốc lắc, trong lúc dừng lại làm mấy chầu whisky tại một quán bar đã dùng gậy bi-a chọc mù mắt một người. Woodrell Daniels là một gã hộ pháp khắp người đầy vết xăm trổ và sẹo do dao đâm để lại. Hắn nhìn Jimmy rồi cười khùng khục một cách ám muội khiến người Jimmy căng như dây đàn.

“Chúng ta sẽ gặp lại nhau sau nhé,” Woodrell bảo Jimmy lúc trại giam tắt đèn. Rồi lại giả điệu cười ám muội kia ra và nhắc lại lần nữa, “Chúng ta gặp lại sau nhé!”

Vì thế mà Jimmy thức suốt cả đêm, lắng nghe từng tiếng động kéo kẹt ở giường trên, hiểu rằng nếu có chuyện gì xảy ra thì sẽ phải chộp lấy họng của Woodrell và tự hỏi không biết liệu có thể thụi cho hắn một cú mà không bị hai cánh tay đồ sộ kia túm lấy. Đắm vào họng, Jimmy tự nhủ. Đắm vào họng, đắm vào họng, đắm vào họng, ôi Chúa ơi, hắn chuẩn bị giờ trở...

Nhưng đó chỉ là Woodrell trở mình trong giấc ngủ khiến những tấm giát giường kêu cọt kẹt, sức nặng của cơ thể hắn làm trũng cả tấm đệm, vồng xuống đầu Jimmy như một cái bụng voi.

Đêm đó, Jimmy nghe thấy nhà tù giống như một sinh vật sống. Một cỗ máy đang thở. Hắn nghe thấy tiếng lũ chuột cống đánh nhau, nhai gặm, nghiền răng, chí choé một cách tuyệt vọng, điên cuồng. Hắn nghe thấy những tiếng thì thào, rên rỉ, tiếng giát giường bập bênh lên xuống kêu kẹt. Tiếng nước rỏ tong tong, tiếng người nói mớ và tiếng giày của một lính gác từ xa vọng lại. Vào lúc bốn giờ sáng, hắn nghe thấy một tiếng thét - chỉ duy nhất một tiếng thét - tắt ngấm một cách nhanh chóng tới mức âm vang và ký ức của nó còn dài hơn và Jimmy trong giây phút đó đã nghĩ tới việc lấy gối chèn lên mặt Woodrell Daniels khiến hắn chết ngạt. Nhưng hai tay Jimmy lúc đó dính nhớp nhúa và ai mà biết được Woodrell đang ngủ thật hay chỉ giả vờ và rất có thể Jimmy không đủ sức lực để giữ chiếc gối đó ở đúng vị trí khi hai cánh tay đồ sộ của gã đàn ông lực lưỡng kia vung lên, cào cấu vào mặt hắn, dóc ra từng miếng thịt trên cổ tay hắn và đập nát sụn tai hắn bằng những nắm đấm như búa bồ. Giờ cuối cùng là khoảng thời gian tồi tệ nhất. Một luồng ánh sáng màu hồng nhạt, hơi xám chiếu xuyên qua những ô cửa sổ nặng nề ở trên cao, phủ khắp buồng giam một thứ màu kim loại lạnh lẽo. Jimmy nghe thấy tiếng các tù nhân khác thức dậy đi đi lại lại trong buồng giam của họ, nghe thấy những tiếng ho khan cáu kỉnh. Hắn có cảm giác như cỗ máy bắt đầu vận hành, động cơ vẫn còn lạnh nhưng đã sẵn sàng tiếp thu năng lượng, biết là nó sẽ chết nếu thiếu bạo lực và mùi vị da thịt của con người.

Woodrell nhảy bổ xuống sàn, đột ngột khiến Jimmy không kịp phản ứng. Hắn ti hí nhắm hai mắt lại và thở sâu, chờ cho Woodrell lại gần đủ để chụp lấy họng của hắn.

Nhưng Woodrell thậm chí còn chẳng thèm nhìn tới hắn. Gã ta lấy một quyển sách từ trên giá xuống, mở nó ra, rồi quỳ xuống và bắt đầu cầu nguyện.

Gã lẩm nhẩm cầu nguyện, đọc những đoạn thư của Thánh Paul trong Kinh Thánh rồi lại cầu nguyện, thỉnh thoảng phát ra những tiếng cười khê nhưng không làm đứt mạch ngôn từ cho tới khi Jimmy hiểu ra rằng điệu cười của gã chỉ là một thứ phản xạ không điều khiển được, giống như những tiếng thở dài của mẹ Jimmy khi hắn còn nhỏ. Bản thân Woodrell có lẽ đã không còn nhận ra điều đó nữa.

Cho tới khi Woodrell quay lại và hỏi Jimmy xem hắn có muốn coi Thiên Chúa là đáng cứu rỗi của mình không thì Jimmy biết rằng đêm dài nhất của đời hắn đã qua. Hắn có thể nhìn thấy trên gương mặt của Woodrell thứ ánh sáng của nỗ lực nhằm cứu rỗi linh hồn, một thứ ánh sáng lung linh trên khuôn mặt gã mà Jimmy không hiểu tại sao mình lại có thể bỏ qua trong lần đầu tiên gặp mặt.

Jimmy gần như không thể tin vào vận may hiếm có của mình, kết thúc trong chuồng sư tử, chỉ có điều con sư tử này lại là một tín đồ Thiên Chúa giáo và Jimmy sẵn sàng chấp nhận hết thảy, Jesus, Bob Hope, Doris Day hay bất cứ nhân vật quái quỷ nào mà Woodrell thờ phụng trong cơn sốt thần thánh của mình, miễn là tên lập dị lấy thịt dè người kia chịu ngủ yên trên giường hắn vào ban đêm và ngồi cạnh Jimmy vào ban ngày trong các bữa ăn.

“Tôi đã một lần lầm lạc,” Woodrell Daniels nói với Jimmy. “Nhưng giờ đây, nhờ ơn Chúa, tôi đã tìm thấy con đường của mình.”

Jimmy suốt nửa thì buột miệng nói: anh làm thế là quá đúng, Woodrell.

Cho tới hôm nay, Jimmy vẫn dùng cái đêm đầu tiên ở nhà tù Deer Island ấy ra làm thước đo tính kiên nhẫn của mình. Hắn tự cho rằng mình có thể đứng yên ở một chỗ bao lâu cũng được nếu cần thiết, một hay hai ngày để đạt được mục đích vì không gì có thể chọi được với cái đêm dài dằng dặc đầu tiên trong cơ thể sống của một nhà tù thở rầm rĩ và hỗn hển xung quanh hắn giữa tiếng chuột kêu chí choé, tiếng giát giường kêu kẹt và những tiếng la hét không thọ được lâu.

Cho tới hôm nay.

Đứng đó ở cổng ra vào công viên Penitentiary trên phố Roseclair, Jimmy và Annabeth chỉ biết chờ đợi. Họ đứng bên trong hàng rào chắn thứ nhất mà cảnh sát bang dựng lên trước cổng công viên nhưng không được phép vượt qua hàng rào tiếp theo. Người ta đưa cả phê và ghế gập cho hai vợ chồng, đối xử tử tế với họ. Nhưng hai người vẫn phải ngồi đó chờ đợi, mỗi khi định hỏi thông tin mới đều bị các nhân viên cảnh sát

mặt mũi buồn rầu nhưng cương quyết nhả nhận từ chối, nói rằng họ cũng không biết gì hơn những người ở bên ngoài công viên.

Kevin Savage đã đưa Nadine và Sara về nhà nhưng Annabeth ở lại với Jimmy. Cô ngồi cạnh Jimmy trong chiếc váy màu tím oải hương mặc tới dự lễ ban thánh thể đầu tiên của Nadine, cứ như sự kiện này đã xảy ra từ lâu lắm rồi, im lặng và căng thẳng trong niềm hy vọng cùng cực. Hy vọng rằng Jimmy chỉ hiểu nhầm biểu hiện trên gương mặt Sean Devine. Rằng nhờ một phép nhiệm màu nào đó mà chiếc xe bị bỏ rơi của Katie cũng như sự vắng mặt cả ngày hôm nay của con bé thật ra không liên quan tới sự hiện diện của cảnh sát trong công viên Penitentiary. Rằng sự thật mà cô đang nghi ngờ hoá ra chỉ là một sự dối trá.

“Anh lấy cho em một ly cà phê nữa nhé?” Jimmy hỏi.

Cô mỉm cười chờ đợi. “Không cần. Thế là đủ rồi.”

“Em chắc chứ?”

“Vâng.”

Nếu chưa thấy xác, Jimmy nghĩ, nghĩa là con bé chưa chết. Trong suốt mấy tiếng đồng hồ vừa qua, kể từ khi hắn và Chuck Savage bị lôi ra khỏi con dốc phía trên bãi chiếu bóng, Jimmy vẫn dựa vào lý do đó để nuôi hy vọng. Có thể là một đứa con gái khác trông giống Katie. Hay con bé vẫn còn đang hôn mê. Hay con bé bị mắc kẹt trong kẽ hở phía sau màn hình và họ không tìm cách nào lôi nó ra được. Con bé bị đau, có lẽ là rất đau nhưng vẫn còn sống. Và đó chính là hy vọng, mỏng mảnh như sợi tóc trẻ thơ, loé lên trong sự mập mờ của thông tin chưa được xác nhận.

Và ngay cả khi biết rõ rằng hy vọng đó thật hão huyền, Jimmy cũng không đành lòng buông trôi.

“Ý em là, chưa ai nói gì với anh cả, đúng không?” Annabeth trước đó có hỏi hắn.

“Chả ai nói gì cả.” Jimmy vỗ vỗ lên tay Annabeth để trấn an, trong lòng biết rằng bản thân việc họ được phép vào tận đây cũng đã là một sự xác nhận rồi.

Tuy nhiên thứ vi trùng hy vọng nhỏ bé kia nhất định không chịu chết một khi chưa nhìn thấy người ta mang tới một cái xác và gặt đầu thừa nhận, “Đúng vậy, chính là con bé. Là Katie. Con gái tôi.”

Jimmy quan sát đám cảnh sát đứng trước chiếc cửa vòm sắt dẫn vào công viên. Chiếc cổng vòm đó là tất cả những gì còn sót lại của khu nhà tù cũ trước khi người ta biến nó thành bãi chiếu phim ngoài trời, giờ là công viên, trước khi tất cả những người đang có mặt ở đây hôm nay chào đời. Nó nhường chỗ cho thị trấn sinh sôi nảy nở quanh mình. Những người quần áo thì định cư ở khu Thượng còn gia đình phạm nhân thì xây tổ ở khu Hạ. Khi khu vực này sáp nhập vào thành phố thì những người quần áo cũng đến độ tuổi tranh cử vào các vị trí chức trách ở địa phương.

Chiếc máy bộ đàm của viên cảnh sát đứng gần cửa nhất phát ra tín hiệu và anh ta đưa nó lên trước miệng.

Bàn tay của Annabeth siết tay Jimmy chặt tới mức các khớp xương của hắn như cọ vào nhau.

“Là Powers ở đầu dây. Chúng tôi sẽ đi ra bây giờ.”

“Đã xác nhận.”

“Ông bà Marcus vẫn ở ngoài đó chứ?”

Viên cảnh sát nhìn về phía Jimmy rồi cụp mắt xuống. “Đúng thế.”

“Được rồi. Ngừng nhé.”

“Ôi Chúa ơi, Jimmy. Ôi Chúa ơi.” Annabeth thì thào.

Jimmy nghe tiếng bánh xe rít lên và nhìn thấy vài chiếc ô tô và xe thùng đi ra phía ngoài hàng rào chắn trên phố Roseclair. Những chiếc xe thùng đều có gắn thiết bị liên lạc vệ tinh trên nóc. Đám phóng viên và quay phim lập tức nhảy bổ ra, chen lấn xô đẩy lẫn nhau, những chiếc máy quay và micro không dây giơ cao.

“Đuổi bọn họ đi chỗ khác!” một nhân viên cảnh sát đứng cạnh cổng công viên nói. “Đẩy họ ra, ngay lập tức!”

Các nhân viên cảnh sát đứng trước rào chắn bắt đầu xông vào giữa đám phóng viên, tiếng la hét nổi lên.

Viên cảnh sát kia lại nói vào máy bộ đàm. “Đây là Dugay. Trung sĩ Powers có đó không?”

“Powers nghe đây.”

“Chúng tôi bị chặn ở đây. Là đám phóng viên.”

“Giải tán bọn họ đi.”

“Đang tiến hành, thưa trung sĩ.”

Cách cổng công viên khoảng hai mươi mét, Jimmy nhìn thấy một xe tuần tra của cảnh sát rẽ ra khỏi khúc ngoặt và đột ngột dừng lại. Hắn nhìn thấy một người ngồi sau tay lái, máy bộ đàm giờ ngang miệng, ngồi bên cạnh là Sean Devine. Một chiếc xe khác dừng lại đằng sau họ, chỉ nhìn thoáng qua mũi xe miệng Jimmy đã trở nên khô khốc.

“Ngăn bọn họ lại, Dugay. Kể cả nếu cậu phải vắn vào móng chúng tôi cũng mặc. Đuổi cái lũ bám dai như đĩa ấy đi cho tôi.”

“Rõ, thưa sếp.”

Dugay và ba nhân viên cảnh sát khác đi qua mặt Jimmy và Annabeth. Dugay vừa đi vừa quát, tay chỉ vào đám đông phía trước. “Các người đang xâm phạm hiện trường vụ án. Yêu cầu mọi người quay trở lại xe của mình ngay lập tức. Các người không được phép đi vào khu vực này. Mọi người lập tức quay trở lại xe của mình ngay.”

“Ôi trời,” Annabeth lẩm bẩm. Jimmy cảm thấy luồng gió của một chiếc trực thăng thổi tới trước khi nghe thấy tiếng động cơ của nó. Hắn ngẩng lên nhìn chiếc máy bay lướt qua đầu rồi quay trở lại với chiếc xe tuần tra đang đỗ lại trên đường. Hắn thấy người lái xe hét vào máy bộ đàm của mình rồi những tiếng còi báo động bắt đầu vang lên rầm rĩ, như một bản hợp xướng hỗn loạn và những chiếc xe cảnh sát màu bạc và xanh lính thú đột ngột lao ra từ các góc ngách trên phố Roseclair khiến đám phóng viên lật đật chạy trở về xe của mình còn chiếc máy bay trực thăng thì rẽ ngoặt sang phía công viên.

“Jimmy,” Annabeth lên tiếng và Jimmy chưa bao giờ thấy giọng vợ mình buồn như thế. “Jimmy, làm ơn, làm ơn.”

“Làm ơn gì cơ, em yêu?” Jimmy nắm lấy tay vợ. “Gì cơ?”

“Ôi, Jimmy, làm ơn. Không. Không.”

Chính là những tiếng động đó - tiếng còi hú, tiếng lốp xe kêu rít trên mặt đường, tiếng động cơ cánh quạt máy bay. Tiếng động đó như gào thét vào tai họ rằng Katie đã chết và Annabeth bắt đầu trở nên suy sụp trong vòng tay Jimmy.

Dugay lại chạy qua trước mặt bọn họ, di chuyển những trụ nhựa đặt trước cổng công viên và trước khi Jimmy kịp nhận ra chiếc ô tô kia chuyển động thì nó đã đổ xích bên cạnh hắn và một chiếc xe thùng màu trắng vượt lên rẽ trái sang phố Roseclair. Jimmy kịp nhìn thấy hàng chữ PHÁP Y HẠT SUFFOLK bên sườn xe và mọi khớp xương trên cơ thể hắn, từ mắt cá chân tới vai, trên hông, dưới hai đầu gối, đều như sụn xuống và tan ra thành nước.

“Jimmy.”

Jimmy nhìn xuống Sean Devine. Từ chỗ ngồi của mình bên cạnh người cầm lái, Sean ngược nhìn hắn qua ô cửa xe đã mở hết kính.

“Jimmy, đi thôi. Xin cậu hãy lên xe.”

Sean ra khỏi xe và mở cánh cửa bên hông trong khi chiếc máy bay trực thăng quay trở lại, bay cao hơn lúc trước nhưng Jimmy vẫn cảm thấy gió thốc vào đầu mình.

“Cả bà Marcus nữa,” Sean nhắc lại. “Jimmy, anh bạn, lên xe đi.”

“Nó chết rồi ư?” Annabeth lên tiếng. Những từ đó cửa vào Jimmy như a xít.

“Bà Marcus, làm ơn. Xin bà hãy lên xe.”

Một đội xe tuần tra xếp thành hàng đôi hộ tống đang chờ họ trên phố Roseclair rú còi ầm ĩ, về sót ruột.

Annabeth gào lên, át cả tiếng động xung quanh, “Có phải là con gái tôi...”

Jimmy thúc vợ mình lên xe vì hắn không thể nghe cái từ kia thêm một lần nữa. Hắn kéo cô ngồi vào ghế sau. Sean đóng cửa lại rồi leo lên đằng trước. Viên cảnh sát ngồi sau tay lái nhấn ga đồng thời bật còi hú. Chiếc xe lao đi, nhập với đoàn xe hộ tống trên phố Roseclair, một binh đoàn xe cảnh sát với những cỗ máy gầm rú, những tiếng còi báo động không ngừng gầm rú đập gió lao về phía đường cao tốc.

Con bé nằm trên một cái bàn kim loại.

Hai mắt nó nhắm nghiền, chân mắt một bên giày.

Da nó tím đen, một thứ màu mà Jimmy chưa bao giờ nhìn thấy.

Hắn vẫn ngửi thấy mùi nước hoa của con bé, thoảng qua, giữa mùi thuốc phooc môn nồng nặc trong căn phòng lạnh lẽo, thực sự lạnh lẽo này.

Sean đặt một tay lên lưng Jimmy. Jimmy nói mà gần như không biết mình đang nói gì vì giây phút đó hắn cũng đã chết như thi thể đang nằm kia.

“Đúng vậy, là con bé,” hắn nói.

“Là Katie,” hắn nói.

“Là con gái tôi.”

13. Chương 13: Ánh Đèn

“Có căng tin ở trên lầu,” Sean nói với Jimmy. “Sao chúng ta không lên đó dùng chút cà phê?”

Jimmy vẫn đứng bên cạnh thi thể con gái mình. Tấm ga phủ xác đã được kéo kín lại. Jimmy nhấc một góc của tấm ga lên, nhìn mặt con gái như thể hắn đang đứng trước một giếng nước nhìn xuống và muốn lặn xuống đó với con bé.

“Ở nhà xác mà cũng có căng tin ư?”

“Ừ. Đây là một tòa nhà rất lớn.”

“Có vẻ kỳ quặc,” Jimmy nói giọng chẳng còn chút thần sắc nào. “Cậu có nghĩ là khi các bác sĩ pháp y lên đó uống cà phê thì những người khác lập tức dạt sang chỗ khác không?”

“Tôi không rõ, Jim.”

Sean không biết liệu đây có phải là giai đoạn đầu của cơn sốc.

“Ông Marcus,” Whitey lên tiếng, “chúng tôi hy vọng có thể hỏi ông vài câu. Tôi biết đây là một thời điểm rất khó khăn nhưng...”

Jimmy kéo tấm ga che lại mặt con gái mình, môi hắn mấp máy, nhưng không phát ra tiếng động nào. Hắn nhìn Whitey như thể ngạc nhiên trước sự hiện diện của ông ta ở trong phòng, sổ, bút sẵn sàng ghi chép. Jimmy quay sang nhìn Sean bảo, “Cậu có bao giờ nghĩ rằng một quyết định nhỏ nhất lại có thể khiến toàn bộ cuộc đời cậu rẽ sang một ngã khác?”

“Là sao?” Sean hứng lấy ánh mắt Jimmy.

Mặt Jimmy tái nhợt và đờ đẫn, hai mắt nhắm lên như thể hắn đang cố nhớ ra chỗ để chìa khóa xe ô tô.

“Tôi có lần nghe kể mẹ của Hitler suýt nữa thì nạo thai nhưng lại thay đổi ý định ở phút cuối. Nghe nói hần rồi thủ đô Viên của nước Áo vì không bán được tranh. Bán tranh cơ đấy! Nếu như hần bán được một bức tranh thì sao hả Sean? Hay mẹ hần nạo thai thật? Thì thế giới hôm nay hần đã khác hần. Cậu hiểu không? Hay, như cậu lỡ một chuyến xe buýt buổi sáng, nên đành phải mua ly cà phê thứ hai và trong lúc chờ đợi, mua một tấm vé số cào. Tấm vé số ấy trúng giải. Thế là đột nhiên cậu không cần phải đi xe buýt nữa. Cậu sẽ tới chỗ làm với một chiếc Lincoln. Nhưng rồi cậu bị đâm xe và chết. Tất cả chỉ là do cậu lỡ một chuyến xe buýt.”

Sean nhìn sang Whitey nhưng ông ta chỉ nhún vai.

“Đừng,” Jimmy nói, “đừng làm thế. Đừng nhìn tôi như thể tôi đang bị điên. Tôi không điên. Cũng không bị sốc.”

“Tôi biết, Jim.”

“Tôi chỉ nói là có những sợi dây liên hệ, cậu biết không? Những sợi dây liên hệ trong đời mình. Chỉ cần kéo một sợi là mọi thứ khác đều bị ảnh hưởng. Ví dụ như nếu hôm đó ở Dallas trời mưa thì Kennedy đã không đi xe mui trần. Hay Stalin ở lại trường dòng. Hay như cậu và tôi, Sean, nếu như chúng ta chui vào chiếc xe đó với Dave Boyle.”

“Gì cơ?” Whitey hỏi. “Xe nào cơ?”

Sean giơ một tay lên và bảo Jimmy, “Tôi không hiểu ý cậu?”

“Cậu không hiểu ư? Nếu chúng ta cùng lên chiếc xe đó, cuộc đời của chúng ta hần sẽ thay đổi theo chiều hướng hoàn toàn khác. Như người vợ đầu tiên của tôi, Marita, mẹ của Katie ấy? Cô ấy rất đẹp. Phải nói là lung linh. Cậu biết phụ nữ Latin rồi đấy? Mê hồn. Và cô ấy biết rõ điều đó. Đàn ông phải lớn mật lắm mới dám tiếp cận cô ấy. Vậy mà tôi đã làm được. Ở tuổi mười sáu tôi đúng là một kẻ cuồng khát. Không sợ trời không sợ đất. Và tôi đã dám tiếp cận cô ấy, đã rủ cô ấy đi chơi. Và một năm sau, Chúa ơi, khi tôi mười bảy tuổi, vẫn là một thằng nhãi ranh thì chúng tôi kết hôn lúc cô ấy đang mang bầu Katie.”

Jimmy chậm rãi, từ tốn đi vòng quanh xác Katie nhiều lần.

“Vấn đề là ở chỗ này, Sean, nếu như chúng ta cùng leo lên chiếc xe đó và bị chở tới nơi chỉ có Chúa biết là ở đâu, và bị hai tên biến thái khốn kiếp đó làm những chuyện mà cũng chỉ có Chúa mới biết trong bốn ngày đó khi chúng ta mới chỉ, bao nhiêu, mười một tuổi đúng không? Thì tôi không nghĩ là tôi sẽ lớn mật như thế ở tuổi mười sáu. Tôi nghĩ hần mình sẽ trở thành một thằng dần, suốt ngày đứng ném bóng rổ trên phố Ritalin hay những trò tương tự. Tôi biết hần là tôi sẽ không bao giờ có đủ can đảm hẹn hò với một người phụ nữ cao ngạo, lộng lẫy như Marita. Và chúng tôi sẽ không bao giờ có Katie. Và Katie sẽ không bao giờ bị sát hại. Nhưng con bé đã bị giết. Tất cả chỉ là vì chúng ta đã không leo lên chiếc xe đó, Sean. Cậu hiểu tôi muốn nói gì rồi chứ?”

Jimmy nhìn Sean như chờ đợi một lời xác nhận mà Sean không biết phải trả lời như thế nào. Trông Jimmy như thể đang chờ đợi được xá tội, xá tội vì đã không leo lên chiếc xe ô tô đó khi còn bé, xá tội vì đã làm cha một đứa trẻ bị sát hại.

Đôi khi trong lúc chạy bộ, Sean phát hiện ra mình trở lại phố Gannon, dừng lại ở giữa phố, đứng nơi mà anh, Jimmy và Dave Boyle lần lộn đánh nhau rồi nhìn lên và thấy chiếc xe ô tô đó đang rình họ. Đôi khi, Sean vẫn như ngửi thấy mùi tảo phả ra từ chiếc xe đó. Và nếu quay đầu lại thật nhanh thì anh dường như có thể nhìn thấy Dave Boyle trên băng ghế sau của chiếc xe ô tô chuẩn bị rẽ, quay lại nhìn hai người bọn họ, bắt lực và dần dần biến khỏi tầm mắt.

Thật ra cũng có lần Sean nghĩ tới chuyện đó, trong một trận nhậu hơi bởi với bạn bè khoảng mười năm về trước, khi mà nồng độ cồn trong máu khiến anh trở nên thích triết lý, khiến anh tự hỏi nếu tất cả bọn họ cùng chui vào chiếc xe đó thì sao? Cả ba người bọn họ. Và chuyện gì sẽ xảy ra nếu cuộc đời hiện nay của họ hóa ra chỉ là một giấc mơ? Rằng ba người bọn họ trên thực tế vẫn chỉ là ba đứa trẻ mười một tuổi bị nhốt trong một hầm rượu nào đó tưởng tượng ra chúng sẽ làm gì khi lớn lên và trốn thoát được khỏi nơi này.

Cứ tưởng là ý nghĩ đó sẽ biến mất như hậu quả nhất thời của việc say rượu, nhưng Sean không ngờ rằng nó lại vương vất trong đầu anh giống như một viên sỏi trong đế giày.

Vì vậy mà đôi khi anh lại thấy mình đứng trên phố Gannon, trước cửa ngôi nhà cũ của mình, neho mắt nhìn theo hình ảnh của Dave Boyle dần dần biến mất sau khúc ngoặt, mùi men táo tràn ngập khí quản và tự bảo: Không, không. Hãy quay lại đây.

Nhìn ánh mắt tang thương của Jimmy, anh những muốn nói gì đó. Anh những muốn thừa nhận với hẳn rằng anh cũng từng suy nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ leo lên chiếc xe đó. Rằng ý nghĩ về sự biến đổi mà nó sẽ gây ra cho cuộc đời anh đôi khi vẫn giày vò, ám ảnh anh, vẫn rình mò trong từng góc phố, xen lẫn vào tiếng gió như một tiếng gọi âm vang từ một cửa sổ. Anh những muốn nói cho Jimmy biết rằng anh vẫn thường toát mồ hôi trong một giấc mơ xa lắc, trong giấc mơ đó đường phố túm chặt lấy chân anh và kéo anh về phía cửa xe ô tô đang mở. Anh những muốn nói với hẳn rằng kể từ ngày hôm đó, anh thực sự không biết phải làm gì với chính cuộc đời của mình, rằng anh thường xuyên có cảm giác của một kẻ phi trọng lượng, phi vật chất, một kẻ không có thật.

Nhưng họ đang đứng trong nhà xác với thi thể con gái Jimmy nằm trên một chiếc bàn bằng thép ở giữa, và ngòi bút của Whitey căn trên giấy. Nên tất cả những gì mà Sean có thể đáp lại đối với vẻ cầu khẩn trên mặt Jimmy chỉ là, “Jim, đi thôi. Hãy đi uống chút cà phê nào.”

Trong mắt Sean, Annabeth Marcus là một phụ nữ quá mức kiên cường. Cô ngồi đó tại căng tin của hội đồng thành phố trong buổi chiều Chủ nhật lạnh lẽo, giữa mùi thức ăn đồ uống hâm nóng trong giấy bạc, cách nhà xác bảy tầng lầu ở phía dưới, nói chuyện với những người đàn ông xa lạ đang thi hành công vụ về đứa con riêng của chồng với một tâm trạng mà Sean biết là vô cùng đau đớn nhưng nhất định không cho phép mình suy sụp. Mắt cô đỏ ngầu nhưng nhìn một lúc là Sean biết cô ấy nhất định sẽ không khóc. Sẽ không khóc trước mặt bọn họ. Không đời nào.

Trong lúc nói chuyện, đôi khi cô phải ngừng lại để lấy hơi. Họng cô như cứng lại ở lưng chừng câu nói, giống như trong lồng ngực mọc ra một nắm đấm, chèn lấy các cơ quan trong cơ thể. Cô sẽ đặt một tay lên ngực, hơi há miệng ra và đợi cho tới khi hấp thụ đủ khí ôxy để tiếp tục nói.

“Thứ Bảy, con bé về nhà từ chỗ làm ở cửa hàng vào lúc bốn giờ rưỡi chiều.”

“Cửa hàng nào, bà Marcus?”

Cô chỉ vào Jimmy. “Chồng tôi là chủ cửa hàng Cottage Market.”

“Ở góc phố East Cottage và đại lộ Bucky?” Whitey nói “Cà phê ngon nhất thành phố.”

“Con bé trở về và nhảy vào tắm luôn. Nó tắm xong thì chúng tôi ăn tối - à không, đợi đã, con bé không ăn tối. Nó ngồi cùng với chúng tôi, trò chuyện với bọn trẻ con nhưng không ăn. Nó nói sẽ ăn tối cùng Eve và Diane.” Annabeth nói.

“Là những người bạn gái mà cô ấy đi chơi cùng?” Whitey hỏi Jimmy.

Jimmy gật đầu.

“Tức là, cô ấy không ăn tối...” Whitey nói.

“Nhưng con bé nán lại một lúc với bọn trẻ con, hai đứa con gái nhỏ của chúng tôi, em gái nó. Ba chị em nó bàn bạc về vụ diễu hành tuần tới và lễ ban thánh thể lần đầu tiên của Nadine. Rồi nó nói chuyện điện thoại ở trong phòng một chút cho tới khoảng tám giờ thì ra ngoài.” Annabeth nói tiếp.

“Bà có biết cô ấy nói chuyện với ai trong điện thoại không?”

Annabeth lắc đầu.

“Điện thoại trong phòng cô ấy có đường dây riêng à?” Whitey hỏi.

“Đúng thế.”

“Ông bà có phản đối nếu chúng tôi cho thẩm tra danh sách các cuộc gọi tới số điện thoại đó không?”

Annabeth nhìn Jimmy và Jimmy trả lời, “Không. Chúng tôi không phản đối.”

“Vậy là cô ấy rời khỏi nhà lúc tám giờ. Theo như ông bà biết là để tới gặp bạn của cô ấy, Eve và Diane?”

“Đúng vậy.”

“Còn ông vào lúc đó vẫn đang ở cửa hàng, ông Marcus?”

“Đúng thế, Tôi làm vào thứ Bảy. Ca mười hai giờ trưa tới tám giờ tối.”

Whitey lật một trang khác trong quyển sổ ghi chép, khẽ mỉm cười với hai vợ chồng họ. “Tôi biết việc này thật không dễ dàng nhưng ông bà đang làm rất tốt.”

Annabeth gật đầu quay sang nhìn chồng mình và bảo, “Em đã gọi điện cho Kevin.”

“Thế à? Em có nói chuyện với bọn trẻ con không?”

“Em có nói chuyện với Sara. Chỉ bảo nó là chúng ta sắp về. Ngoài ra không nói gì hết.”

“Nó có hỏi gì về Katie không?”

Annabeth gật đầu.

“Em nói gì với nó?”

“Em chỉ bảo nó là chúng ta sắp về mà thôi,” Annabeth nói và Sean nghe thấy một chút run rẩy trong giọng nói của cô khi nói tới từ “sắp”.

Rồi cô và Jimmy quay ra nhìn Whitey, ông ta lại nở một nụ cười trấn an.

“Tôi xin đảm bảo với ông bà rằng thành phố này từ trên xuống dưới đều sẽ dành ưu tiên cho vụ án này. Và chúng tôi nhất định sẽ không để xảy ra sai sót. Nhân viên Devine đây được ủy thác nhiệm vụ này vì cậu ấy là một người bạn của gia đình và sếp của chúng tôi biết rằng điều đó sẽ khiến cho cậu ấy hết lòng vì công việc. Cậu ấy sẽ song hành với tôi trong suốt cuộc điều tra và chúng tôi sẽ tìm ra kẻ chịu trách nhiệm trong vụ hãm hại con gái ông bà.”

Annabeth nhìn Sean vẻ dò xét. “Một người bạn của gia đình ư? Sao tôi không biết anh?”

Whitey nhú mày, trò chơi bị lật tẩy.

“Chồng bà và tôi từng là chỗ bạn bè, bà Marcus,” Sean nói.

“Từ thời xa xưa,” Jimmy nói rõ.

“Cha chúng tôi cùng làm việc với nhau.”

Annabeth gật đầu, trông vẫn có vẻ hơi bồn chồn.

“Ông Marcus, ông đã ở cùng với con gái của mình gần như cả buổi chiều thứ Bảy tại cửa hàng. Đúng không?” Whitey lên tiếng.

“Đúng mà cũng không đúng,” Jimmy trả lời. “Phần lớn thời gian tôi ở phía sau trong khi Katie làm việc ở quầy thu ngân đằng trước.”

“Nhưng ông có nhớ có điều gì bất thường không? Như con bé hành động một cách kỳ quặc? Căng thẳng? Sợ hãi? Có thể cô ấy có đụng độ với khách hàng nào chẳng hạn?”

“Trong lúc tôi có mặt ở đó thì không có gì xảy ra. Tôi sẽ đưa ông số điện thoại của người làm việc với con bé buổi sáng. Có thể chuyện gì đó đã xảy ra trước khi tôi tới cửa hàng mà anh ta còn nhớ.”

“Cảm ơn ông đã giúp đỡ. Nhưng trong lúc ông có mặt ở đó thì sao?”

“Con bé rất thoải mái. Vui vẻ. Có lẽ hơi có một chút...”

“Một chút gì cơ?”

“Không, không có gì.”

“Ông Marcus, một chi tiết nhỏ nhặt lúc đó trong giây phút này lại có thể trở nên vô cùng quan trọng.”

“Jimmy?” Annabeth cúi về phía hắn vẻ thúc giục.

Jimmy nhăn mặt vẻ ngại ngùng. “Không có gì. Chỉ là... Tôi ngẩng đầu lên khỏi bàn và nhìn thấy con bé lúc đó đang đứng trên ngưỡng cửa. Chỉ đứng đó, uống một lon Coca bằng ống hút và nhìn tôi.”

“Nhìn anh?”

“Đúng thế. Khoảnh khắc đó trông con bé có cái vẻ giống hệt như hồi năm tuổi, khi tôi để nó lại một mình trong xe ô tô để chạy vội đi mua thuốc. Lúc đó, chính thế, con bé đã òa khóc vì tôi vừa mới ra tù, mẹ nó thì vừa mất và mỗi khi bị bỏ lại, dù chỉ là trong giây lát, con bé cũng sẽ nghĩ rằng bố nó không bao giờ quay trở lại nữa. Thế nên nó mới có cái dáng vẻ đó, không phải vậy sao? Ý tôi là dù khóc hay không, mỗi khi trên mặt con bé xuất hiện cái vẻ đó thì giống như là nó đang chuẩn bị tinh thần để không bao giờ gặp lại tôi nữa.” Jimmy hắng giọng rồi thở dài một cách náo nức, mắt căng ra. “Vội lại, tôi chưa từng gặp lại cái vẻ mặt đó của con bé trong nhiều năm, dễ tới bảy hay tám năm trở lại đây, nhưng trong một khoảnh khắc ngắn ngủi của ngày thứ Bảy ấy, con bé đã nhìn tôi chính bằng cái vẻ mặt đó.”

“Như cô ấy đang chuẩn bị tinh thần sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa?”

“Đúng thế.” Jimmy nhìn Whitey ghi lại câu nói đó trong sổ tay của mình. “Cũng không cần quan trọng hóa vấn đề lên như thế. Chỉ là một nét mặt thôi mà.”

“Tôi sẽ không đưa ra kết luận nào, ông Marcus. Tôi chỉ ghi chép lại tất cả những thông tin được cung cấp mà thôi. Đó chính là công việc của tôi, thu thập những mẫu thông tin cho tới khi có hai hay ba mảnh ghép lại được với nhau. Ông nói là ông từng đi tù?”

“Ôi trời ơi,” Annabeth lắc đầu nói khẽ.

Jimmy ngồi dựa hẳn vào lưng ghế. “Chúng ta giờ mới đi vào trọng tâm đây.”

“Tôi chỉ hỏi vậy thôi,” Whitey nói.

“Ông có hỏi vậy không nếu như tôi nói mười lăm năm trước tôi làm việc tại chuỗi siêu thị Sears?” Jimmy cười khẽ. “Tôi đi tù vì một vụ trộm. Hai năm ở nhà tù Deer Island. Ông ghi điều đó vào trong sổ tay. Mẫu thông tin này sẽ giúp ông bắt được kẻ giết con gái tôi sao, trung sĩ? Tôi chỉ muốn hỏi vậy thôi.”

Whitey liếc mắt về phía Sean.

“Jim, ở đây không ai có ý định xúc phạm người khác cả. Hãy bỏ qua chuyện này, trở về trọng tâm của vấn đề,” Sean nói.

“Trọng tâm?” Jimmy nhắc lại.

“Ngoài vẻ mặt của Katie ra thì cậu còn nhớ có điều bất thường gì khác không?”

Jimmy thu lại cái nhìn lăm lăm kiểu phạm nhân trong trại với Whitey và nhấp một ngụm cà phê. “Không. Không có gì. À, chờ chút, cái thằng nhóc đó, Brendan Harris, nhưng không, không phải, đó là chuyện mới xảy ra sáng nay.”

“Có chuyện gì với thằng bé đó?”

“Chỉ là một thằng nhóc hàng xóm. Hôm nay nó tới cửa hàng và hỏi Katie có đi làm không như thể nó hy vọng sẽ gặp con bé ở đó. Nhưng hai đứa hầu như không quen biết. Nên tôi thấy hơi lạ. Thế thôi.”

Whitey ghi lại cái tên đó.

“Có thể con bé đang hẹn hò với cậu ta cũng nên?” Sean hỏi.

“Không.”

“Ai mà biết được, Jim...” Annabeth chen vào.

“Anh biết,” Jimmy nói. “Con bé sẽ không bao giờ hẹn hò với cái thằng nhóc đó.”

“Không ư?”

“Không.”

“Sao anh lại có vẻ chắc chắn như vậy?”

“Này, Sean, cậu muốn giở trò gì vậy? Cậu định quay tôi hả?”

“Tôi không có quay cậu, Jim. Tôi chỉ hỏi làm sao mà cậu lại có thể khẳng định chắc chắn như vậy về việc con gái cậu không hẹn hò với cậu bé Brendan Harris kia.”

Jimmy thở hắt ra và nhìn lên trần nhà. “Linh tính của một người cha. Được chưa?”

Sean quyết định không hỏi thêm về vấn đề này nữa và gật đầu ra hiệu cho Whitey tiếp tục.

“Được rồi, vậy thì hiện giờ con bé có hẹn hò với ai không?”

“Hiện giờ thì không,” Annabeth nói. “Như chúng tôi được biết.”

“Thế còn bạn trai cũ thì sao? Có người nào muốn trả thù cô ấy vì bị cô ấy bỏ rơi hay gì đó?”

Annabeth và Jimmy trao đổi một cái nhìn và Sean cảm thấy giữa hai người họ xuất hiện một kẻ tình nghi.

“Bobby O’Donnell,” cuối cùng Annabeth lên tiếng.

Whitey dừng bút lại nhìn hai người ở bên kia bàn.

“Chúng ta đang nói tới cùng một gã Bobby O’Donnell đấy chứ?”

“Tôi cũng không biết nữa. Nếu như ông muốn đề cập tới một tay ma cô và buôn thuốc phiện thì đúng là hắn. Một gã khoảng hai mươi bảy tuổi?” Jimmy nói.

“Chính là hắn,” Whitey trả lời. “Chúng tôi nghi ngờ hắn dính dáng vào vô số hành vi phạm tội trong khu vực này kể từ hai năm trở lại đây.”

“Mà các ông vẫn không buộc được hắn một tội danh nào?”

“Chuyện là, thứ nhất, ông Marcus, tôi là cảnh sát bang. Nếu tội ác này không xảy ra trong công viên Penitentiary thì thậm chí tôi còn không thể xuất hiện ở đây. Khu East Bucky phần lớn thuộc về địa bàn của cảnh sát thành phố nên tôi không thể lên tiếng đại diện cho họ.”

“Tôi sẽ nói lại điều này với Connie, bạn tôi. Bobby và tay chân của hắn đã cho nổ tung tiệm hoa của cô ấy.” Annabeth nói.

“Tại sao hắn làm vậy?” Sean hỏi.

“Vì cô ấy không chịu trả tiền cho hắn,” Annabeth nói.

“Trả tiền cho hắn làm gì?”

“Trả tiền để hắn không cho nổ tung tiệm hoa khốn kiếp của cô ấy,” Annabeth nói và nhấp một ngụm cà phê. Sean lại nghĩ, người phụ nữ này đúng là cứng cổ. Chọc tức cô ta thì thật là liều mạng.

“Vậy là con gái ông,” Whitey nói, “từng hẹn hò với hắn.”

Annabeth gật đầu. “Chỉ trong một thời gian ngắn. Có vài tháng thôi, phải không Jim? Chuyện đó chấm dứt vào tháng Mười một.”

“Bobby tiếp nhận chuyện đó ra sao?” Whitey hỏi.

Hai vợ chồng lại nhìn nhau và rồi Jimmy lên tiếng, “Cũng có một lần xảy ra bạo lực. Đêm đó, hắn tìm tới nhà với tên cầu vệ sĩ của mình, Roman Fallow.”

“Rồi sao?”

“Thì chúng tôi khiến chúng hiểu rằng chúng nên đi khỏi đó.”

“Chúng tôi là những ai?”

“Các anh em trai tôi sống trong các căn hộ ở tầng trên và tầng dưới cùng tòa nhà. Họ đều muốn che chở cho Katie.”

“Là anh em nhà Savage,” Sean nói với Whitey.

Whitey lại đặt bút xuống lần nữa, day day hai đầu ngón tay bên thái dương. “Là anh em nhà Savage.”

“Đúng vậy. Có chuyện gì sao?”

“Tôi không hề muốn thất lễ, thưa bà, nhưng tôi có chút lo ngại rằng chuyện này có thể diễn biến theo chiều hướng xấu.” Whitey cúi đầu xuống, tay xoa xoa phía đằng sau gáy. “Tôi hoàn toàn không có ý xúc phạm, nhưng...”

“Đó là điều người ta vẫn thường nói trước khi chuẩn bị tuôn ra những lời mạo phạm.”

Whitey ngẩng lên nhìn Annabeth với một nụ cười đầy vẻ ngạc nhiên. “Bà hẳn biết là các anh trai của mình cũng rất nổi tiếng.”

Annabeth đáp trả bằng một nụ cười lạnh lùng. “Tôi biết họ là ai, trung sĩ Powers. Ông không cần phải loanh quanh.”

“Một người bạn của tôi bên đội trọng án cho biết cách đây vài tháng O'Donnell đã đánh động về việc chuyển hướng hoạt động sang việc cho vay nặng lãi và buôn ma túy. Mà cả hai lĩnh vực đó, nghe nói vốn là đặc quyền của nhà Savage.”

“Nhưng không ở trong khu Hạ.”

“Sao cơ thưa bà?”

“Nhưng không ở trong khu Hạ,” Jimmy nhắc lại. “Họ không làm bậy trong khu vực mà họ đang sống.”

“Chỉ làm ở chỗ khác,” Whitey nói, tạm thời chấp nhận lời nói dối này. “Nhưng dù là trường hợp nào thì cũng xảy ra một thực tế là khu Hạ bị bỏ trống. Đúng không? Một khoảng trống có thể khai thác. Mà nếu thông tin của tôi chính xác thì đó chính là điều Bobby O'Donnell đang có kế hoạch tiến hành.”

“Thì sao?” Jimmy nói, hơi thách người dạy.

“Thì sao cơ?”

“Thì có gì liên quan đến con gái tôi, trung sĩ?”

“Mọi chuyện đều có thể liên quan tới nhau,” Whitey nói, hai tay dang rộng. “Mọi thứ, ông Marcus, vì tất cả những gì mà các bên tham dự cần tới là một cái cớ để gây chiến. Và bây giờ bọn họ đã có nó.”

Jimmy lắc đầu, khóe miệng nở một nụ cười chua xót.

“Ông không nghĩ vậy sao, ông Marcus?”

Jimmy ngẩng đầu lên. “Trung sĩ, tôi nghĩ là khu dân cư của tôi sẽ nhanh chóng biến mất. Cùng với các loại tội phạm. Nhưng không phải là vì anh em nhà Savage, đám O'Donnell hay những kẻ mà các ông trấn áp. Tất cả chỉ là vì tỉ lệ lãi suất ngày càng xuống thấp trong khi thuế sở hữu nhà cửa lại ngày càng tăng vọt, rồi ai nấy đều muốn quay trở lại sống trong thành phố vì các quán ăn ở ngoại ô thật khủng khiếp. Và những người quay trở lại này không phải là loại người cần tiêu thụ ma túy hay cần tới sáu quán bar trên một khu phố cũng như những dịch vụ gái điếm rẻ tiền giá mười đô la một lần đi khách. Họ là những người có cuộc sống ổn định, yêu thích công việc của mình. Họ là những người có tương lai, có lương hưu và có xe hơi đắt tiền của Đức. Vậy nên khi những người này chuyển tới đây, và họ đang làm vậy, thì tội ác và phân nửa dân cư ở đây sẽ phải chuyển đi nơi khác. Thế nên tôi không lo việc Bobby O'Donnell và các anh vợ tôi xảy ra chiến tranh, trung sĩ. Vì chiến tranh để mà làm gì?”

“Để giải quyết chuyện trước mắt,” Whitey nói.

“Ông thực sự cho rằng O'Donnell giết con gái tôi?” Jimmy hỏi.

“Tôi cho là anh em nhà Savage rất có thể sẽ coi hắn là đối tượng tình nghi. Và tôi nghĩ là có người nên khuyên bảo họ tránh khỏi suy nghĩ đó cho tới khi chúng tôi điều tra ra sự việc.”

Jimmy và Annabeth ngồi đối diện với họ phía bên kia bàn nhưng Sean chịu không thể đọc nổi nét mặt của hai người ấy.

“Jimmy,” Sean nói, “chúng tôi có thể khép lại vụ án một cách nhanh chóng nếu không bị phân tán.”

“Vậy sao?” Jimmy nói. “Bạn sẽ hứa với tôi điều đó chứ?”

“Bạn có lời hứa của tôi. Và tôi hứa sẽ kết thúc vụ án một cách sạch sẽ, để hai bên không gặp phiền phức gì trên tòa.”

“Bao lâu?”

“Gì cơ?”

“Bạn cần bao lâu để bắt kẻ giết con bé vào tù?”

Whitey giơ một tay lên. “Chờ chút, ông đang mặc cả với chúng tôi sao, ông Marcus?”

“Mặc cả?” Trên mặt Jimmy lại xuất hiện cái vẻ chết chóc của phạm nhân trong nhà tù.

“Đúng vậy,” Whitey nói. “Vì tôi cảm thấy...”

“Ông cảm thấy?”

“... một chút giọng điệu đe dọa trong cuộc đối thoại này.”

“Thật sao?” Jimmy hỏi với vẻ ngây ngô nhưng đôi mắt vẫn giữ nguyên nét lạnh lùng.

“Giống như là ông đang gia hạn cho chúng tôi,” Whitey nói.

“Nhân viên Devine cam đoan sẽ tìm ra kẻ giết hại con gái tôi. Tôi chỉ là muốn hỏi cậu ấy dự tính trong khoảng thời gian bao lâu sẽ làm được việc đó.”

“Nhân viên Devine,” Whitey nói, “không phải là người phụ trách cuộc điều tra này. Mà là tôi. Và chúng tôi sẽ bắt được thủ phạm, dù đó có là kẻ nào đi nữa, thưa ông bà Marcus. Tôi chỉ không muốn có người lợi dụng mối quan ngại của chúng tôi về nguy cơ chiến tranh giữa nhà Savage và băng đảng của O'Donnell để gây sức ép. Nếu chuyện đó xảy ra, tôi sẽ cho bắt tất cả bọn họ lại vì tội gây rối trị an và trì hoãn các thủ tục giấy tờ cho tới khi cuộc điều tra kết thúc.”

Có mấy nhân viên an ninh tòa nhà đi qua chỗ họ ngồi, tay bưng các khay đựng thức ăn nóng còn bốc hơi. Sean cảm thấy không khí trở nên trở nên ngột ngạt, trời tối dần xung quanh họ.

“Vậy cứ thế đi,” Jimmy cười nói.

“Cứ thế gì cơ?”

“Tìm ra kẻ đã giết con bé. Tôi sẽ không xen vào chuyện của các người.” Hắn quay sang vợ mình, chìa tay ra cho cô và đứng dậy. “Em yêu?”

“Ông Marcus,” Whitey lên tiếng.

Jimmy nhìn Whitey trong khi Annabeth nắm lấy tay hắn và đứng dậy.

“Có một nhân viên cảnh sát chờ ở dưới cổng để đưa ông bà về nhà,” Whitey nói rồi thò tay vào ví. “Nếu ông nhớ ra điều gì thì hãy gọi cho chúng tôi.”

Jimmy cầm lấy danh thiếp của Whitey, nhét vào túi quần sau.

Lúc này đứng dậy, Annabeth mới thấy hơi loạng choạng, cứ như hai chân làm bằng nước. Cô nắm chặt lấy tay chồng, những ngón tay của cô trở nên trắng bệch.

“Cảm ơn,” cô nói khẽ với Sean và Whitey.

Giờ đây, Sean có thể thấy hậu quả tàn phá của ngày hôm nay bắt đầu ảnh hưởng tới khuôn mặt và cơ thể Annabeth như thế nào. Ánh đèn gay gắt trên đầu hắt lên mặt cô và Sean có thể hình dung dáng vẻ của cô sau này, một người đàn bà đẹp, hẳn dấu một vẻ khôn ngoan ngoài mong muốn.

Sean không biết những lời đó tuôn ra khỏi miệng anh khi nào cho tới khi anh nghe thấy chính giọng nói của mình vang lên trong căng tin lạnh lẽo.

“Chúng tôi sẽ lên tiếng về sự việc của bạn bà, bà Marcus. Nếu bà không phản đối, chúng tôi sẽ để mất tới chuyện đó.”

Trong giây lát, mặt Annabeth hơi cau lại rồi cô hít một hơi thật sâu và run rẩy tựa vào chồng mình.

“Vâng, ông Devine, cảm ơn. Thật là tốt quá.”

Đang lái xe, Whitey quay sang hỏi Sean, “Chuyện chiếc xe ô tô đó là thế nào?”

“Cái gì cơ?”

“Marcus nói rằng lúc còn bé các cậu suýt nữa thì chui vào một chiếc xe gì đó.”

“Chúng tôi...” Sean nhào người ra chỉnh lại chiếc gương bên cạnh xe cho tới khi có thể nhìn rõ đèn pha của những chiếc xe phía sau lưng họ, những chấm màu vàng nhợt nhạt nhấp nháy trong bóng tối nhập nhoạng. “Chúng tôi, mẹ kiếp, nhìn thấy một chiếc xe ô tô. Tôi, Jimmy và một thằng bé nữa tên là Dave Boyle đang chơi ở trước cửa nhà tôi. Lúc đó chúng tôi khoảng mười một tuổi. Chiếc xe đó xuất hiện trên phố và mang Dave đi mất.”

“Một vụ bắt cóc à?”

Sean gật đầu, mắt không rời khỏi những chấm màu vàng từ mù kia. “Những gã đó đóng giả làm cảnh sát. Chúng dọa được Dave lên xe. Jimmy và tôi thì không. Chúng giữ Dave trong suốt bốn ngày. Cậu ta trốn thoát được. Giờ vẫn đang sống ở khu Hạ.”

“Họ có bắt được bọn chúng không?”

“Một tên bị chết, tên kia bị bắt khoảng một năm sau đó rồi tự sát trong buồng giam của mình.”

“Anh bạn này,” Whitey nói. “Tôi vẫn ước có một hòn đảo, cậu biết không? Giống như trong bộ phim cũ của Steve McQueen mà ông ta được coi là một người Pháp nhưng tất cả mọi người ở đó đều nói tiếng Pháp đúng giọng Pháp ngoại trừ ông ta. Ông ta chỉ là Steve McQueen với một cái tên Pháp mà thôi. Kết cục là ông lao từ trên mỏm đá xuống cùng với một chiếc bè kết bằng cây dừa. Cậu đã xem phim này chưa?”

“Chưa.”

“Một bộ phim hay. Nhưng, như tôi nói lúc này, nếu như có một hòn đảo dành cho bọn ấu dâm, hiếp dâm trẻ con. Mỗi tuần, máy bay tới thả thức ăn vài lần. Xung quanh đó, chúng ta cài mìn trên mặt nước. Không ai có thể thoát ra ngoài được. Phạm tội lần đầu tiên cũng kệ, cho sống cả đời trên đảo luôn. Xin lỗi các vị, nhưng không thể mạo hiểm để các vị trốn ra ngoài và đi đầu độc người khác. Vì đó là một thứ bệnh lây truyền, cậu biết đấy. Cậu mắc bệnh vì có người đã làm thế với cậu. Và cậu lại truyền nó sang kẻ khác. Giống như bệnh hủi. Tôi cho là nhốt tất cả bọn chúng lại trên hòn đảo đó thì chúng sẽ không có cơ hội truyền bệnh. Mỗi thế hệ lại có bớt đi những kẻ như thế. Sau vài trăm năm chúng ta biến hòn đảo thành một địa điểm du lịch kiểu Club Med. Trẻ con được kể về những tên biến thái đó giống như bây giờ nghe chuyện ma, giống như một giai đoạn mà chúng ta đã phát triển qua.”

“Khiếp thật, trung sĩ, sao đột nhiên lại triết lý sâu sắc thế?” Sean hỏi.

Whitey toét miệng cười rồi rẽ xuống đường cao tốc.

“Anh bạn Marcus của cậu,” ông ta nói, “nhìn thấy hấn ta là tôi biết đã từng ngồi tù. Họ không mất đi được cái vẻ căng thẳng đó. Nhất là ở trên vai. Phải trông chừng, nhìn trước, ngó sau suốt hai năm, sự căng thẳng đó hấn phải dồn vào một chỗ.”

“Cậu ấy vừa mất con gái mà. Có lẽ đó chính là điều chất chứa trên vai cậu ấy.”

Whitey lắc đầu. “Không. Nỗi đau đó lại nằm ở trong ruột cơ. Cậu có thấy hấn ta liên tục nhăn mặt không? Vì sự mất mát đó đang nằm trong dạ dày của hấn ta và biến nó thành một thứ dung dịch a xít chua xót và đau đớn. Thứ này tôi đã chứng kiến hàng triệu lần rồi. Nhưng trên vai thì đó chính là dấu hiệu của nhà tù.”

Sean rời mắt khỏi chiếc gương bên cạnh và ngắm nhìn những ngọn đèn phía bên kia đường cao tốc. Chúng lao vào hướng nhìn của họ như những đầu đạn, xoẹt qua như những dải băng nhòe nhoẹt rồi lẫn vào với nhau. Anh cảm thấy thành phố đang siết chặt xung quanh họ với những tòa nhà cao tầng, nhà ở, những tòa tháp văn phòng và bãi đỗ xe, những sân vận động, hộp đêm, nhà thờ và anh biết rằng nếu một trong những ngọn đèn kia phụt tắt thì cũng chẳng tạo ra sự khác biệt gì. Và nếu như có một ngọn đèn mới xuất hiện thì cũng chẳng ai chú ý. Mặc dù là thế nhưng chúng vẫn phát điện, chiếu sáng, vẫn nhấp nháy, rọi vào

chúng ta và quan sát như lúc này đây, chúng đang nhìn chăm chăm vào mắt anh và đèn xe của Whitey khi họ lướt qua chúng trên xa lộ, lại thêm những cột đèn đường màu vàng và đỏ mắt hút trong bạt ngàn những ánh đèn vàng, đỏ không ngừng nhấp nháy, nhấp nháy, nhấp nháy trong hoàng hôn của một ngày Chủ nhật không có gì đặc biệt.

Đi về đâu?

Về phía những ngọn đèn đã tắt, đồ ngốc.

Về phía những bóng đèn đã vỡ.

Quá nửa đêm, sau khi Annabeth và lũ trẻ con cuối cùng cũng chịu đi ngủ và Celeste, chị họ của Annabeth, đã tới nhà họ ngay khi biết tin, bắt đầu gào gạt trên ghế sofa, thì Jimmy đi xuống cầu thang và ngồi ở hiên trước ngôi nhà ba tầng nơi hắn sống cùng với các anh em nhà Savage.

Hắn mang theo chiếc găng bóng chày của Sean và luồn tay vào đó nhưng không tài nào xỏ được ngón cái, chiếc găng ngăn chỉ chạm tới nửa lòng bàn tay của hắn. Hắn ngồi đó nhìn ra bốn làn đường trên đại lộ Buckingham và chuyển từ tay nọ sang tay kia một trái bóng, những tiếng bình bịch của bóng da đập vào găng tay da dần khiến lòng hắn dần nguội ngoai.

Jimmy vẫn luôn thích ngồi ở đây vào ban đêm. Những cửa hàng mặt phố phía bên kia đường đều đã đóng cửa và gần như tối om. Đêm đến, một sự tĩnh lặng bao trùm lấy khu vực vốn tấp nập các hoạt động buôn bán, thương mại vào ban ngày, một sự tĩnh lặng rất đặc biệt. Những tiếng động chi phối cuộc sống thường nhật lúc ban ngày không hoàn toàn mất đi, mà chỉ tạm thời bị hút lại, như thể bị dồn vào trong hai túi phổi, nén lại đó để chờ dịp thoát ra. Sự tĩnh lặng đó mang lại cho hắn cảm giác tin tưởng và ấm áp vì nó hứa hẹn sự quay trở lại của những tiếng động ồn ã, dù đang cầm tù chúng. Jimmy không thể tưởng tượng ra cuộc sống ở nông thôn, nơi sự tĩnh lặng chính là tiếng động duy nhất, nơi sự im lặng thật là mỏng manh, chỉ chạm tay vào thôi là sẽ tan vỡ.

Hắn thích sự tĩnh lặng này, thứ im lặng rì rầm của thành phố. Buổi tối hôm nay quá ồn ào, ầm ĩ với những tiếng nói và tiếng khóc của vợ con hắn. Sean Devine đã cử hai cảnh sát điều tra, Brackett và Rosenthal, tới tìm kiếm trong phòng của Katie với ánh mắt ngại ngùng, lúc nào cũng cụp xuống, luôn miệng lẩm bẩm xin lỗi khi lục ngăn kéo hay kiểm tra phía dưới đệm giường khiến Jimmy chỉ mong họ ngậm miệng lại và nhanh chân nhanh tay lên. Cuối cùng họ cũng không tìm thấy có điều gì bất ngờ ngoài số tiền bảy trăm đô la mới tinh trong ngăn kéo đựng tất của Katie. Họ chìa chỗ tiền cho Jimmy xem cùng với quyển sổ tiết kiệm đã đóng tài khoản của Katie, lần rút tiền cuối cùng được thực hiện vào buổi chiều thứ Sáu.

Jimmy không biết trả lời họ thế nào. Chính hắn cũng ngạc nhiên. Nhưng với tất cả những chuyện xảy ra ngày hôm nay thì đó cũng không phải là chuyện lạ. Mà chỉ làm mọi thứ ngày càng trở nên rối rắm.

“Chúng ta có thể giết hắn.”

Val bước ra ngoài hiên, đưa cho Jimmy một lon bia. Hắn ngồi xuống bên cạnh Jimmy, hai chân trần để trên bậc thang.

“O'Donnell á?”

Val gật đầu. “Tôi sẵn sàng làm việc đó. Cậu biết mà, phải không Jim?”

“Anh nghĩ là hắn giết Katie?”

Val gật đầu. “Hay ra lệnh làm việc đó. Cậu không nghĩ vậy sao? Bạn gái của con bé cũng nghĩ vậy. Chúng bảo Roman bị bắt gặp ở một quán bar và hắn đã đe dọa Katie.”

“Đe dọa?”

“Ừ thì nói chung là làm con bé sợ hãi, cứ như thể nó vẫn là bạn gái của O'Donnell. Thôi nào Jimmy, đó hắn là Bobby.”

“Tôi cũng chưa dám chắc.” Jimmy nói.

“Thế khi cậu biết chắc rồi thì cậu sẽ làm gì?”

Jimmy đặt chiếc găng bóng chày xuống bậc thang dưới chân mình rồi mở lon bia ra.

Hắn từ từ nhấp một ngụm dài. “Tôi cũng không biết nữa.”

14. Chương 14: Cảm Xúc Không Có Lần Thứ Hai

Bọn họ làm việc thâu đêm cho tới sáng hôm sau, Sean, Whitey Powers, Souza, Connolly, hai thành viên khác của đội điều tra án mạng bang, Brackett và Rosenthal, cùng một đội cảnh sát, kỹ thuật viên hiện trường, thợ chụp ảnh và nhân viên pháp y - tất cả đều lao vào vụ án này như muốn giải tỏa bí mật trong một kết sát. Họ soi từng chiếc lá trong công viên để tìm chứng cứ. Sổ tay của họ kín đặc những sơ đồ và báo cáo hiện trường. Một nhóm cảnh sát đã tới gõ cửa từng nhà trong phạm vi xung quanh công viên để hỏi thông tin, hốt đầy một xe tải những kẻ lang thang trú ngụ trong công viên và những tòa nhà cháy đen, đổ nát trên phố Sydney. Họ kiểm tra chiếc ba lô tìm thấy trong xe ô tô của Katie Marcus và phát hiện ra một tờ quảng cáo về Las Vegas và một tờ danh bạ điện thoại màu vàng ghi lại các địa chỉ khách sạn ở đây.

Whitey chìa tờ quảng cáo đó cho Sean và huýt sáo. “Đây là cái mà trong nghề chúng ta gọi là dấu vết. Hãy đi nói chuyện với mấy người bạn của nạn nhân xem sao.”

Eve Pigeon và Diane Cestra, có lẽ là hai người tử tế cuối cùng nhìn thấy Katie Marcus còn sống theo lời của cha nạn nhân, trông như vừa bị người ta lấy xẻng đập nhiều nhất vào đầu. Whitey và Sean nhẹ nhàng lấy thông tin giữa những dòng nước mắt không ngừng tuôn rơi trên mặt hai cô gái. Họ cung cấp cho cảnh sát khung thời gian và những hành động của Katie Marcus đêm trước, tên các quán bar họ đã tới cùng với thời gian đến và đi, nhưng khi nhắc tới những chi tiết có tính riêng tư thì cả Sean và Whitey cảm thấy họ vẫn cố giấu giếm, trao đổi những cái nhìn trước khi trả lời, trở nên mập mờ ở những chỗ cần phải rõ ràng.

“Cô ấy có đang hẹn hò với ai không?”

“Không có ai, một cách thường xuyên thì không.”

“Tức là thỉnh thoảng thì có?”

“Thì...”

“Thì sao?”

“Cô ấy thường không cập nhật với chúng tôi về những chuyện kiểu ấy.”

“Diane, Eve, thôi nào. Cô ấy là bạn thân nhất của các cô từ khi còn học mẫu giáo mà lại không tâm sự với các cô về bạn trai của mình?”

“Cô ấy từ trước tới nay vẫn kín đáo như thế.”

“Đúng thế, rất kín đáo. Katie là thế, thừa ngài cảnh sát.”

Whitey lại đổi chiến thuật. “VẬY là đêm qua không có gì đặc biệt? Không xảy ra chuyện gì bất thường?”

“Không có.”

“Thế còn kế hoạch đi khỏi thành phố của cô ấy thì sao?”

“Cái gì cơ? Không.”

“Không ư Diane? Cô ấy để một cái ba lô ở ghế sau. Trong đó có những tờ quảng cáo về Las Vegas. Cô ấy định đưa nó cho ai chẳng?”

“Có lẽ thế. Tôi không biết.”

Cha Eve liền chen vào. “Con ơi, nếu con biết gì thì nói ra. Đây là để giúp điều tra về việc Katie bị sát hại.”

Điều đó chỉ khiến cho hai cô gái thổn thức trở lại, mất hết bình tĩnh và bắt đầu ôm nhau khóc, cả người run lên bần bật, miệng há ra, méo xệch trong cơn đau đớn không nói lên thành lời mà Sean đã nhiều lần chứng kiến, đó là khoảng khắc vỡ òa, giống như Martin Friel vẫn thường gọi khi sự vắng mặt vĩnh viễn của nạn nhân thực sự tác động tới người thân của họ. Vào những thời điểm như vậy chúng ta không thể làm gì khác ngoài việc chờ đợi nó trôi qua hoặc bỏ đi.

Họ chờ đợi và quan sát.

Eve Pigeon, hệt tên gọi của mình, trông giống như một con chim, Sean thầm nghĩ[1]. Mặt nhọn, mũi mảnh. Trông cũng không đến nỗi. Sự mảnh mai của cô tạo nên một thứ khí chất duyên dáng, gần như là quý tộc. Sean đoán đây là loại phụ nữ, phù hợp với lễ phục hơn là thường phục, cả người cô toát lên một vẻ đoan trang, sáng suốt mà Sean đoán là chỉ thu hút những người đàn ông nghiêm túc chứ không phải các chàng Romeo lãng mạn hay những gã phong tình.

[1] “Pigeon” trong tiếng Anh có nghĩa là chim bồ câu.

Diane, ngược lại, trông tràn trề nhục dục. Sean nhìn thấy một vết bầm mờ mờ ngay dưới mắt phải cô ta, có vẻ như Diane không sáng dạ như Eve mà thiên về cảm tính, dễ cười dễ khóc hơn. Trong mắt cô ẩn chứa một tia hy vọng yếu ớt, cũng chính là nhược điểm của cô, một thứ trạng thái chơi vơi hiem khi hấp dẫn đàn ông ngoại trừ những kẻ muốn lợi dụng thể xác. Sean e rằng, trong tương lai, cô sẽ là nhân vật chính của những cuộc gọi tới tổng đài 911 vì bạo hành gia đình nhưng khi cảnh sát tới cửa thì tia hy vọng yếu ớt hẳn đã biến mất từ lâu rồi.

“Eve,” Whitey nhẹ nhàng lên tiếng khi hai cô gái cuối cùng cũng ngừng khóc. “Tôi muốn hỏi cô về Roman Fallow.”

Eve gật đầu như thể đã biết trước câu hỏi nhưng không trả lời ngay lập tức. Cô vừa gặm móng tay vừa nhìn đám vụn bánh mì trên bàn.

“Là cái tên khốn lúc nào cũng kè kè với Bobby O'Donnell á?” cha cô hỏi.

Whitey giơ tay lên ra hiệu cho ông im lặng và nhìn về phía Sean.

“Eve,” Sean lên tiếng, biết là họ cần phải truy hỏi Eve. Tuy cô ta khó đối phó hơn Diane nhưng lại có thể cung cấp những thông tin đáng giá hơn.

Cô nhìn anh.

“Sẽ không có ai tìm đến trả thù các cô cả, nếu đó là lý do khiến các cô sợ hãi. Những gì các cô nói với chúng tôi về Roman Fallow hay Bobby sẽ chỉ có chúng ta biết mà thôi. Không ai biết các cô là người cung cấp.”

“Thế tới khi ra tòa thì sao hả, tới lúc đó thì sao?” Diane nói.

Whitey ném cho Sean một cái nhìn kiêu: cậu cứ tự biên tự diễn đi nhé.

Sean tập trung vào Eve. “Trừ phi các cô thấy tận mắt Roman hay Bobby kéo Katie ra khỏi xe của cô ấy...”

“Không có.”

“Bên công tố sẽ không ép buộc ai trong hai cô phải làm chứng trước tòa, Eve, sẽ không có chuyện đó. Có thể ông ấy sẽ đưa ra rất nhiều câu hỏi nhưng sẽ không hề ép buộc các cô.”

“Anh không biết bọn họ là người thế nào đâu,” Eve nói.

“Bobby và Roman á? Dĩ nhiên là tôi biết. Khi còn làm bên tội phạm ma túy chính tôi đã tổng Bobby vào tù chín tháng.” Sean lại gần, đặt tay lên bàn, gần chạm vào tay Eve và nói, “Và hẳn cũng đe dọa tôi. Nhưng tất cả những gì hẳn ta và Roman biết làm chỉ có vậy - chỉ biết dọa mồm mà thôi.”

Eve nhìn tay Sean, bĩu môi cười nửa miệng vẻ chua xót. “Nói như... cứt,” cô kéo dài giọng nói.

“Con không thể nói với cái giọng đó ở trong cái nhà này.” Bố cô ta chen vào.

“Ông Pigeon,” Whitey lại lên tiếng can ngăn.

“Không được,” Drew nói. “Ở nhà tôi có quy tắc của mình. Tôi không thể để cho con gái mình nói năng như thế...”

“Là Bobby,” Eve nói và Diane khẽ thở hắt ra và nhìn chăm chăm vào bạn mình như thể cô ta bị mất trí.

Sean thấy Whitey nhướn mày vẻ ngạc nhiên.

“Bobby làm sao?” Sean hỏi.

“Là người mà Katie hẹn hò. Bobby chứ không phải Roman.”

“Jimmy có biết chuyện này không?” Drew hỏi con gái mình.

Eve uể oải nhún vai, một động tác mà Sean cho là đặc trưng ở bọn trẻ lứa tuổi đó, một thứ ngôn ngữ cơ thể biểu lộ sự thờ ơ.

“Eve,” Drew nhắc lại. “Jimmy có biết không?”

“Biết mà cũng không biết,” Eve trả lời. Cô ta thở dài, ngửa đầu lên nhìn trần nhà với đôi mắt u tối. “Bố mẹ cô ấy tưởng là chuyện đó đã kết thúc vì chính cô ấy có lúc cũng nghĩ thế. Nhưng người duy nhất không nghĩ vậy chính là Bobby. Hắn ta không thể nào chấp nhận được chuyện đó. Hắn vẫn tiếp tục quay trở lại. Có một đêm hắn còn suýt nữa thả cô ấy rơi từ tầng ba xuống đất.”

“Lần đó cô có nhìn thấy không?” Whitey hỏi.

Cô ta lắc đầu. “Katie kể cho tôi nghe. Hắn bắt gặp cô ấy tại một bữa tiệc cách đây khoảng một tháng hay tháng rưỡi gì đó. Hắn thuyết phục được cô ấy ra ngoài hành lang nói chuyện. Chỉ có điều đó là hành lang tầng ba, các ông hiểu không?” Eve lấy mu bàn tay chùi lên mặt dù bộ dạng của cô lúc đó giống như người đã khóc khô hết cả nước mắt. “Katie kể là cô ấy đã cố gắng giải thích cho hắn rằng họ đã chia tay nhưng Bobby không muốn nghe thấy điều đó và cuối cùng đã nổi điên lên, túm lấy vai cô ấy và nhấc cô ấy ra khỏi chỗ tay vịn ở đầu cầu thang. Hắn ta giữ cô ấy lơ lửng ở đó, ở khúc uốn đầu cầu thang. Trên tầng thứ ba, cái thang tâm thần ấy. Và rồi hắn nói nếu cô ấy muốn cắt đứt với hắn thì hắn cho cô ấy đứt luôn. Cô ấy vẫn là bạn gái của hắn cho tới khi hắn bảo thôi và nếu như cô ấy không muốn vậy thì hắn sẽ thả cô ấy rơi xuống ngay lập tức.”

“Chúa ơi,” một lúc sau Drew Pigeon thốt lên. “Con quen biết với loại người đó sao?”

“Vậy thì Eve, Roman đã nói gì với cô ấy trong quán bar tối thứ Bảy?” Whitey hỏi.

Nhưng Eve chỉ im lặng.

“Thì Diane vậy, cô nói xem?”

Diane trông như đang khát nước. “Chúng tôi nói hết với Val là được rồi.”

“Val?” Whitey hỏi. “Val Savage á?”

“Ông ấy tới đây lúc chiều.” Diane trả lời.

“Và cô cho ông ta biết Roman nói gì nhưng nhất định không nói với chúng tôi?”

“Vì ông ấy là người thân của Kaite,” Diane nói rồi khoanh tay trước ngực làm ra vẻ mặt chống đối cảnh sát.

“Để tôi nói cho các ông nghe,” Eve lên tiếng. “Lạy Chúa tôi. Hắn bảo là hắn nghe nói chúng tôi say xỉn và tự biến mình thành trò cười cho thiên hạ và hắn không muốn nghe thấy người ta nói vậy nữa và Bobby hắn cũng không thích thế và có lẽ chúng tôi nên trở về nhà.”

“Nên các cô bỏ đi.”

“Ông đã bao giờ nói chuyện với Roman chưa? Hắn ta có cái kiểu hỏi mà như dọa người ta.”

“Tất cả chỉ có thế?” Whitey hỏi. “Các cô không thấy hắn đi theo ra ngoài quán bar hay có hành động gì đó?”

Eve lắc đầu. Họ nhìn sang Diane nhưng cô chỉ nhún vai bảo, “Lúc đó chúng tôi cũng khá say rồi.”

“Các cô không còn tiếp xúc với hần lần nào nữa kể từ đó? Có ai trong số hai cô gặp lại hần đêm ấy không?”

“Katie lái xe đưa chúng tôi về nhà tôi,” Eve nói. “Cô ấy thả chúng tôi xuống rồi lái xe đi. Đó là lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy cô ấy.” Nói tới những từ cuối, giọng cô khẽ chùng xuống, hai tay ôm siết lấy mặt, đầu lại ngửa ra nhìn lên trần nhà, cổ gồng hất thở thật sâu.

“Cô ấy định tới Las Vegas với ai? Với Bobby ư?” Sean hỏi.

Eve nhìn trần nhà một lúc, hơi thở loãng dần. “Không phải là Bobby,” cuối cùng cô cũng chịu lên tiếng.

“Vậy là ai, Eve?” Sean nhắc lại. “Vậy cô ấy định đi Las Vegas với ai?”

“Brendan.”

“Brendan Harris?” Whitey hỏi.

“Brendan Harris, đúng vậy.”

Whitey và Sean nhìn nhau.

“Thằng bé nhà Ray á?” Drew Pigeon hỏi. “Thằng bé có đưa em câm á?”

Eve gật đầu và Drew quay sang nhìn Sean và Whitey bảo, “Một thằng bé ngoan. Vô hại.”

Sean gật đầu. Vô hại. Hần rồi.

“Cô có địa chỉ của cậu ta không?” Whitey hỏi.

Ở nhà Brendan Harris không có ai nên Sean gọi điện về đồn cảnh sát cử hai người tới trực ở đó.

Sau đó họ tới nhà bà Prior, uống trà, ăn bánh ga tô cà phê đã hơi hôi, xem phim Chạm cánh thiên thần với âm thanh bật to tới mức một tiếng sau trong đầu Sean vẫn ong ong những lời Della Reese gào rú về Chúa và sự cứu rỗi.

Bà Prior kể rằng vào lúc một rưỡi sáng bà nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy hai đứa trẻ đang chơi trên phố, hai đứa trẻ con, ở ngoài đường vào giờ đó, ném ống bơ, đấu kiếm bằng gậy khúc côn cầu, nói chuyện với nhau bằng một thứ ngôn ngữ đầu đường xó chợ. Bà định khuyên bảo chúng một chút nhưng nghĩ lại những bà già nhỏ bé như mình nên cẩn thận thì hơn. Bọn trẻ con ngày nay điên hết cả, bắn nhau ở trường học, lại toàn chửi tục nói bậy. Với lại hai đứa trẻ con kia cuối cùng cũng chạy đuổi nhau về cuối phố và trở thành nỗi phiền toái cho người khác. Nhưng cách cư xử của bọn trẻ ngày nay, nói gì thì nói, không phải là rất khó chấp nhận sao?

“Sĩ quan Medeiros nói với chúng tôi là bà nghe thấy tiếng xe ô tô vào khoảng một giờ bốn mươi phút,” Whitey nói.

Bà Prior còn đang bận xem Della giải thích cho Roma Downey về con đường của Chúa, Roma trông vô cùng trang nghiêm, hai mắt ngậy ngốc chỉ toàn là hình ảnh của Chúa. Bà Prior gật gù nhiều lần với chiếc vô tuyến rồi quay sang nhìn Whitey và Sean.

“Tôi nghe thấy tiếng xe ô tô đâm vào cái gì đó.”

“Đâm vào cái gì cơ?”

“Với cái cách mà người ta lái xe ngày hôm nay tôi thấy thật may phước là mình không còn bằng lái nữa. Tôi rất sợ phải lái xe trên những đường phố như thế này.”

“Đúng thế thưa bà,” Sean nói. “Có phải âm thanh đó giống như hai chiếc xe đụng nhau không?”

“Ồ không.”

“Hay đụng phải một người?” Whitey nói.

“Ôi Chúa ơi, đụng phải một người, cái âm thanh đó nghe như thế nào? Tôi thậm chí còn chẳng muốn biết nữa.”

“Vậy đó không phải là một tiếng động thực sự, thực sự lớn?” Whitey hỏi.

“Xin lỗi anh bạn nói gì cơ?”

Whitey cúi xuống và nhắc lại.

“Không,” bà Prior trả lời. “Nó giống như là đâm vào một tảng đá hay đâm lên vỉa hè vậy. Và rồi nó bị chết máy và ai đó nói, ‘Xin chào.’ ”

“Ai đó nói ‘Xin chào’ ư?”

“Xin chào.” Bà Prior nhìn Sean và gật đầu. “Và rồi một bộ phận nào đó của chiếc xe bị vỡ, kêu rắc một tiếng.”

Sean và Whitey nhìn nhau.

“Kêu rắc một tiếng?” Whitey hỏi.

Bà Prior gật đầu. “Khi ông Leo nhà tôi còn sống, ông ấy làm gãy trục chiếc xe Plymouth của chúng tôi khiến nó kêu rắc một cái. Giống y thế, rắc!” Mắt bà sáng rực lên. “Rắc, rắc!” Bà nhắc lại.

“Và đó là tiếng động bà nghe thấy sau khi có ai đó nói ‘Xin chào’?”

Bà Prior lại gật đầu. “Xin chào và rắc!”

“Và rồi bà nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy gì?”

“Ôi không không,” bà Prior nói. “Tôi không có nhìn ra ngoài cửa sổ. Lúc đó tôi đang mặc váy ngủ. Tôi đang ở trên giường. Tôi không nhìn ra ngoài cửa sổ lúc đang mặc váy ngủ. Người khác có thể sẽ thấy.”

“Nhưng mười lăm phút trước, bà...”

“Chàng hai, mười lăm phút trước tôi chưa thay váy ngủ. Tôi vừa mới xem vô tuyến xong, một bộ phim tuyệt vời với Glenn Ford, ôi giá như tôi có thể nhớ tên nó là gì.”

“Vậy là bà tắt vô tuyến...”

“Và tôi nhìn thấy những đứa trẻ không mẹ kia trên phố và lên gác thay váy ngủ rồi thưa ngài trẻ tuổi tôi kéo rèm cửa sổ xuống.”

“Cái giọng nói ‘Xin chào’ là giọng nam hay giọng nữ?” Whitey hỏi.

“Là giọng nữ, tôi nghĩ vậy,” bà Prior nói. “Đó là một giọng cao. Không giống ai trong các anh,” bà nói giọng vui vẻ. “Hai anh đều có giọng nói rất nam tính. Mẹ các anh hẳn hãnh diện lắm.”

“Vâng, đúng vậy đấy ạ, nói ra chắc bà cũng không tin.” Whitey trả lời.

Rời khỏi nhà bà Prior, Sean không khỏi kêu lên, “Đúng là rắc một cái.”

Whitey mỉm cười. “Bà ấy rất thích nói vậy, cậu thấy không? Bà già này vẫn vui tính ra phết.”

“Ông cho là tiếng trục xe gãy hay là tiếng súng?”

“Là tiếng súng,” Whitey trả lời. “Tôi là tôi chú ý tới cái câu ‘Xin chào’ cơ.”

“Có thể cho thấy cô ấy quen biết với người bắn cô ấy nên mới chào hỏi hân.”

“Cũng có thể là thế. Nhưng cũng không dám đảm bảo.”

Sau đó họ tới thăm tra các quán bar nhưng chẳng thu hoạch được gì ngoài những câu trả lời mơ hồ kiểu có thể đã nhìn thấy các cô gái đó, có thể không và danh sách một số khách hàng đáng nghi xuất hiện trong quán bar cùng thời điểm với các cô gái.

Tới quán McGills thì Whitey bắt đầu nổi nóng.

“Hai cô gái trẻ, rất trẻ, thực tế là còn chưa đủ tuổi nhảy lên quầy quán bar ở ngay chỗ này và nhảy nhót mà anh lại dám bảo tôi là anh không nhớ được?”

Người pha chế rượu tại quầy bar đã vội gật đầu trước khi Whitey kịp kết thúc câu hỏi của mình. “À những cô gái đó chứ gì. Được rồi, được rồi. Tôi có nhớ họ. Nhớ chứ. Hẳn họ dùng chứng minh thư giả, thừa thanh tra, vì chúng tôi yêu cầu họ xuất trình mà.”

“Là trung sĩ,” Whitey nói. “Lúc đầu thì anh gần như không nhớ gì về họ mà giờ anh còn nhớ tới cả việc kiểm tra chứng minh của họ. Thế anh có thể nhớ họ rời quán lúc mấy giờ không? Hay cũng lại lơ mờ nốt?”

Gã pha chế rượu, một anh chàng trẻ tuổi với hai bắp tay to tới mức có nguy cơ chặn mất đường máu chảy lên não, hỏi lại, “Rời đi á?”

“Cả thời điểm lúc họ xuất hiện nữa.”

“Tôi không...”

“Ngay trước khi Crosby làm vỡ cái đồng hồ,” một anh chàng đang ngồi trên ghế đầu nói.

Sean liếc nhìn anh ta, hẳn là một khách hàng quen, trước mặt là tờ Herald mở rộng, một chai Budweiser, một ly whisky cùng một điều thuốc đang dụi trong gạt tàn.

“Anh cũng có mặt ở đó à?” Sean hỏi.

“Tôi cũng ở đó. Tên khốn Crosby muốn lái xe về nhà. Mấy người bạn của hắn cố giật lấy chìa khóa của hắn. Thằng ngu đó liền ném chìa khóa vào họ. Nhưng ném trượt. Trúng cái đồng hồ kia.”

Sean nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên khung cửa dẫn vào bếp. Mặt kính đồng hồ nứt thành hình mạng nhện và kim đồng hồ dừng ở 12 giờ 52.

“Họ đã rời khỏi trước đó?” Whitey hỏi lại vị khách quen kia. “Các cô gái ấy?”

“Khoảng năm phút trước đó. Chùm chìa khóa đập vào cái đồng hồ và tôi nghĩ, may là các cô gái đó không còn ở đây. Họ không cần phải chứng kiến cảnh tượng tồi tệ này.”

Trong xe ô tô, Whitey bảo Sean, “Cậu đã có được các mốc thời gian?”

Sean gật đầu, gỡ lại các ghi chép của mình. “Họ rời quán Curley’s Folly lúc chín rưỡi, sau đó tới Banshee, Dick Doyle’s Pub và Spire nhưng đều không ở lại lâu, kết thúc ở McGills vào khoảng mười một rưỡi và có mặt ở Last Drop vào một giờ mười.”

“Và khoảng nửa tiếng sau thì đâm xe.”

Sean gật đầu.

“Cậu có thấy trong danh sách của gã pha chế rượu có cái tên nào quen không?”

Sean nhìn xuống danh sách khách hàng tối thứ Bảy ở quán McGills viết nguệch ngoạc trên một mẫu giấy.

“Dave Boyle,” anh nói to khi nhìn thấy cái tên này.

“Chính là anh chàng bạn bè với cậu hồi nhỏ?”

“Có thể,” Sean đáp.

“Có lẽ chúng ta nên nói chuyện với anh ta,” Whitey nói. “Anh ta nghĩ cậu là bạn nên sẽ không xem chúng ta là cảnh sát, dễ dàng mở miệng hơn.”

“Chắc thế.”

“Cho anh ta vào danh sách ngày mai đi.”

Họ tìm thấy Roman Fallow đang thong thả uống cà phê sữa tại quán Café Society ở khu Thượng. Ngồi với hắn là một người phụ nữ trông giống như người mẫu, đầu gối và gò má nhọn hoắt, mắt hơi lồi ra vì da mặt quá căng, như chỉ có da bọc lấy xương. Cô ta mặc một chiếc váy hai dây mùa hè màu trắng đục khá đẹp mắt khiến cô ta trông vừa gây trố xương lại vừa rất gợi tình, có lẽ là nhờ làn da hoàn hảo màu ngọc trai của mình.

Roman mặc một chiếc áo chui cổ bằng lụa cho trong quần vải lanh có là li cẩn thận giống như vừa bước ra khỏi trường quay của một trong những bộ phim cũ của hãng RKO ở Havana hay Key West. Hắn vừa thông thả uống cà phê vừa đọc báo, Roman thì đọc trang kinh doanh còn cô bạn gái người mẫu của hắn thì lướt qua mục thời trang.

Whitey kéo một chiếc ghế tới trước mặt họ và nói.

“Này, Roman, ở chỗ cậu mua cái áo này người ta có bán đồ cho đàn ông không vậy?”

Roman vẫn không rời mắt khỏi tờ báo, miệng chậm rãi nhai một mẩu bánh sừng bò. “Trung sĩ Powers dạo này thế nào? Cái xe Hyundai của ông vẫn chạy tốt chứ?”

Whitey cười khê rồi cùng Sean ngồi xuống bên cạnh hắn. “Nhìn thấy cậu ở chỗ này, Roman, thề là giống y như một thanh niên trí thức thời thượng, sẵn sàng thức dậy vào buổi sáng để làm việc, tiến hành các giao dịch chứng khoán trên máy tính iMac.”

“Tôi dùng máy tính PC, trung sĩ.” Roman khép tờ báo lại và đưa mắt nhìn Whitey và Sean. “Ôi xin chào,” hắn nói với Sean. “Tôi đã nhìn thấy anh ở đâu rồi thì phải.”

“Sean Devine, cảnh sát bang.”

“Đúng vậy, đúng vậy,” Roman nói. “Chính thế, giờ thì tôi nhớ ra rồi. Nhìn thấy anh một lần ở trước tòa làm chứng chống lại một người bạn của tôi. Bộ vest của anh đẹp đấy. Đồ ở Sears dạo này trông cũng khá khảm ra phết nhỉ? Càng ngày càng sành điệu.”

Whitey liếc nhìn cô người mẫu. “Cô muốn dùng một suất beefsteak hay cái gì đó không, người đẹp?”

“Gì cơ?” Cô người mẫu hỏi lại.

“Có lẽ thêm ít đường glucose vào bình truyền đạm? Tôi mời.”

“Đừng làm thế. Đây là chuyện giữa hai chúng ta phải không? Vậy đừng kéo người khác vào,” Roman nói.

“Roman, em không hiểu,” cô người mẫu nói.

Roman mỉm cười. “Không sao, Michaela. Đừng để ý tới bọn anh.”

“Michaela,” Whitey nói. “Tên rất hay.”

Michaela vẫn dán mắt vào tờ báo.

“Cơn gió nào đã mang ông tới đây, trung sĩ?”

“Bánh mì tròn,” Whitey nói. “Tôi rất thích bánh mì tròn ở quán này. Và tiện thể, anh có biết một phụ nữ tên là Katherine Marcus không hả Roman?”

“Tất nhiên là có biết.” Roman nhấp một ngụm cà phê sữa, lấy khăn ăn khê chùi miệng rồi trải nó lại trên đùi. “Nghe nói người ta vừa tìm thấy xác cô ấy chiều nay.”

“Đúng thế,” Whitey nói.

“Xảy ra những chuyện như thế chỉ làm địa phương mang tiếng xấu.”

Whitey không nói gì chỉ khoanh tay trước ngực nhìn Roman chòng chọc.

Roman lại thần nhiên nhai một miếng bánh khác, nhấp một ngụm cà phê. Hắn ngồi vất chéo chân, tay cầm khăn ăn chấm chấm lên miệng và nhìn lại Whitey một lúc. Đây là một trong những chi tiết mà Sean bắt đầu cảm thấy chán ghét nhất trong công việc của mình, những cuộc đấu trí thô thiển kiểu này, chờ xem ai là người chớp mắt trước, không ai chịu nhường ai.

“Đúng thế, trung sĩ. Tôi có biết Katherine Marcus. Đó không phải là lý do ông tới đây tìm tôi sao?” Roman nói.

Whitey nhún vai.

“Tôi có biết cô ta và có nhìn thấy cô ta ở quán bar đêm qua.”

“Và cậu còn trao đổi với cô ấy vài lời,” Whitey nói.

“Đúng vậy,” Roman nói.

“Cậu nói gì với cô ấy?” Sean hỏi.

Roman vẫn không rời mắt khỏi Whitey như thể không còn quan tâm tới sự hiện diện của Sean nữa.

“Cô ấy đang hẹn hò với một người bạn của tôi. Cô ấy đã uống say. Tôi bảo cô ấy đang biến mình thành trò cười cho thiên hạ và khuyên cô ấy và hai người bạn nên về nhà.”

“Người bạn đó của anh là ai?” Whitey hỏi.

“Thôi nào, trung sĩ. Ông biết thừa là ai rồi còn hỏi.” Roman cười.

“Anh cứ nói ra thì hơn.”

“Bobby O’Donnell,” Roman trả lời. “Ông hài lòng rồi chứ? Cô ấy đang hẹn hò với Bobby.”

“Đang hẹn hò á?”

“Xin lỗi, ý ông là?”

“Đang hẹn hò. Hiện tại, cô ấy đang hẹn hò với hấn? Hay là cô ấy đã từng hẹn hò với hấn trước đây?” Whitey nhắc lại.

Whitey ghi nguệch ngoạc vào sổ tay và nói, “Nghe hoàn toàn trái ngược với thông tin mà chúng tôi có được, Roman.”

“Vậy sao?”

“Đúng thế. Nghe nói cô ấy đã bỏ tên khốn ấy được bảy tháng rồi nhưng hấn nhất định không chấp nhận chuyện đó.”

“Ông biết phụ nữ mà trung sĩ,” Roman nói.

Whitey lắc đầu, nói. “Không, tôi chả biết gì, Roman. Cậu giải thích cho tôi xem nào.”

“Cô ấy và Bobby lúc nóng lúc lạnh. Phút trước Bobby là tình yêu của cuộc đời cô ấy, phút sau thì đã bị cô ấy cho leo cây.” Roman gập tờ báo lại.

“Bị leo cây,” Whitey nói với Sean. “Nghe có giống như Bobby O’Donnell không vậy?”

“Chả giống tẹo nào.”

“Chả giống tẹo nào,” Whitey nói với Roman.

Roman nhún vai. “Tôi chỉ nói với ông những gì tôi biết. Thế thôi.”

“Cũng đúng.” Whitey lại ghi chép gì đó vào sổ. “Roman, cậu đã đi đâu đêm qua sau khi rời khỏi quán Last Drop?”

“Chúng tôi tới dự tiệc tại căn hộ gác mái của một người bạn ở trung tâm.”

“Ái chà, một căn hộ gác mái,” Whitey nói. “Tôi vẫn luôn thích tới một trong những chỗ như vậy. Các nhà thiết kế thời trang, ma túy, người mẫu, những gã da trắng nghe nhạc rap và tự vỗ ngực về chất ‘đường phố’ của mình. Nói ‘chúng tôi’ nghĩa là cậu muốn ám chỉ cậu và cô Ally McBeal[2] đang ngồi đây?”

[2] Nhân vật nữ chính trong bộ phim truyền hình nhiều tập cùng tên.

“Cô ấy là Michaela,” Roman nói. “Đúng vậy. Michaela Davenport nếu ông muốn ghi lại tên họ đầy đủ.”

“Ừ, để tôi ghi lại,” Whitey nói. “Nhưng đây có phải là tên thật của cô không, người đẹp?”

“Gì cơ?”

“Tên thật của cô,” Whitey nhắc lại, “có phải là Michaela Davenport không?”

“Đúng thế.” Đôi mắt của cô ta như lại lỗi ra thêm chút nữa. “Tại sao?”

“Mẹ cô chắc xem quá nhiều phim truyền hình dài tập trước khi sinh ra cô?”

“Roman,” Michaela cầu cứu bạn trai mình.

Roman giơ một tay lên nhìn Whitey và bảo, “Tôi đã nói gì về việc đây chỉ là chuyện giữa hai chúng ta? Ông không nhớ hả?”

“Cậu đang méch lòng hả Roman? Cậu định diễn giống như Christopher Walken trước mặt tôi sao, muốn gây ấn tượng à? Đó là ý định của cậu sao? Bởi vì chúng ta có thể đi một vòng cho tới khi chúng mình được rõ ràng bằng chứng ngoại phạm của cậu. Chúng tôi hoàn toàn có thể làm vậy. Cậu có kế hoạch gì cho ngày mai chưa?”

Roman quay trở về vị trí mà Sean vẫn thấy phần lớn những kẻ phạm tội lâm phải khi bị cảnh sát chèn ép - một sự rút lui toàn diện, giống như rùa rút cổ, nín thở, giương mắt ra nhìn, ánh mắt đen tối, đờ đẫn và rúm rỏ.

“Tôi không có ý đó, trung sĩ,” Roman nói, giọng không có chút cảm xúc nào. “Tôi rất sẵn lòng cung cấp cho ông tên của tất cả những người đã nhìn thấy tôi tại bữa tiệc đó. Và tôi cũng chắc rằng người pha chế rượu ở Last Drop, Todd Lane, sẽ xác nhận việc tôi đã không rời chỗ đó trước hai giờ sáng.”

“Cậu bé ngoan, thế chứ,” Whitey nói. “Giờ thì nói cho chúng tôi biết về anh bạn Bobby của cậu? Chúng tôi có thể tìm thấy hắn ở đâu?”

Roman tự thưởng cho mình một nụ cười rõ tươi.

“Có chuyện này hẳn các người sẽ rất khoái.”

“Chuyện gì cơ hả Roman?”

“Nếu các người liên hệ Bobby với cái chết của Katherine Marcus thì các người hẳn sẽ rất thích nghe chuyện này.”

Roman ném một cái nhìn đắc thắng về phía Sean và anh cảm thấy sự phấn khích của mình sau khi nghe Eve Pigeon nhắc tới Roman và Bobby chớm tiêu tan.

“Bobby, Bobby, Bobby,” Roman thở dài và nháy mắt với bạn gái trước khi quay ra nói chuyện tiếp với Sean và Whitey. “Bobby đã bị bắt từ tối thứ Sáu vì tội lái xe trong khi say rượu.” Roman dừng lại, nhấn nha nhấp một ngụm cà phê, cổ tình nhả ra từng chữ. “Cậu ấy bị giam suốt mấy ngày cuối tuần, trung sĩ.” Hắn dùng ngón tay ngoặc đi ngoặc lại giữa hai người bọn họ. “Các ông không kiểm tra trước chuyện này sao?”

Lúc nhận được bộ đàm thông báo Brendan Harris cùng mẹ cậu ta đã trở về căn hộ của mình thì Sean bắt đầu ngấm mệt, xương cốt mỏi nhừ. Sean và Whitey có mặt ở đó lúc mười một giờ, ngồi trong bếp nói chuyện với Brendan và mẹ cậu ta, Esther. May mà bây giờ người ta không còn xây dựng những căn hộ kiểu này nữa, Sean vừa quan sát xung quanh vừa nghĩ. Trông nó giống hệt như căn hộ trong một bộ phim truyền hình cổ lỗ sĩ - hình như là phim Uyên ương trắng mặt - chỉ xem được đen trắng trên một chiếc màn hình mười ba inch mờ nhạt, âm thanh giập cục. Đó là một căn hộ được bố trí theo chiều dọc, cửa ra vào đặt chính ỉnh ở giữa, ra khỏi cầu thang là đâm ngay vào phòng khách. Bên phải phòng khách là một phòng ăn nhỏ mà Esther Harris dùng làm phòng ngủ, chiếc tủ bếp tồi tàn, nứt nẻ biến thành chỗ chứa các thể loại bàn chải, lược và đồ mỹ phẩm. Kế đó là phòng của Brendan và em trai cậu ta, Raymond.

Nằm bên trái phòng khách là một hành lang ngắn với một phòng tắm lệch về bên phải và sau đó là bếp, khuất trong một góc chỉ nhận được ánh sáng mặt trời tổng cộng bốn mươi lăm phút một ngày vào lúc chiều tà. Căn bếp có giấy dán tường màu xanh lá cây đã phai và màu vàng ố dầu mỡ. Sean, Whitey, Brendan và Esther ngồi quanh một chiếc bàn nhỏ, chân sắt đã mất gần hết đinh vít. Mặt bàn dán giấy hoa màu vàng và xanh đã quần lên ở mép và ở giữa xuất hiện nhiều vết tróc to bằng đầu ngón tay.

Trông Esther rất hợp với quang cảnh nơi này. Đó là một phụ nữ nhỏ bé, mặt mũi gai góc, có thể là bốn mươi cũng có thể là năm mươi lăm. Người bà ta toát ra mùi xà phòng rẻ tiền và mùi thuốc lá. Tóc bà ta màu xanh xám, giống hệt như những mạch máu màu xanh xám trên cánh tay và bàn tay. Bà ta mặc một chiếc áo nỉ hồng đã bạc màu, quần jean và dép đi trong nhà màu đen xù xì. Bà ta không ngừng hút hết điếu

thuốc hiệu Parliament này tới điều khác trong khi quan sát Sean và Whitey nói chuyện với con trai mình như thể đang phải chịu trận nhưng không có chỗ nào khác để đi.

“Lần cuối cậu nhìn thấy Katie Marcus là khi nào?” Whitey hỏi Brendan.

“Bobby đã giết cô ấy phải không?” Brendan hỏi.

“Bobby O'Donnell á?” Whitey nói.

“Vâng.” Brendan cạo cạo lên mặt bàn. Cậu ta có vẻ choáng váng. Giọng nói của cậu vẫn đều đều nhưng đôi khi cậu đột nhiên hít thở một cách khó nhọc, mặt bên phải co giật như thể bị ai đó đâm vào mắt.

“Sao cậu lại nói thế?” Sean hỏi.

“Cô ấy rất sợ hấn. Cô ấy đã từng hẹn hò với hấn và lúc nào cũng bảo là nếu hấn phát hiện ra chuyện của hai chúng tôi thì hấn sẽ giết cả hai.”

Sean liếc nhìn sang bà mẹ, đoán là bà ta sẽ có phản ứng gì đó nhưng bà ta chỉ tiếp tục hút thuốc, nhả ra một hơi dài, phủ lên mặt bàn một lớp khói màu xám.

“Có vẻ như Bobby có bằng chứng ngoại phạm,” Whitey nói. “Còn cậu thì sao, Brendan?”

“Tôi không giết cô ấy,” Brendan Harris dờ dẫm nói, “Tôi sẽ không bao giờ làm thương tổn Katie. Không bao giờ.”

“Vâng, tôi hỏi lại,” Whitey nói, “lần cuối cùng cậu nhìn thấy cô ấy là khi nào?”

“Tối thứ Sáu.”

“Lúc mấy giờ?”

“Khoảng tám giờ gì đó.”

“‘Khoảng tám giờ gì đó,’ Brendan, hay là vào lúc tám giờ?”

“Tôi không biết nữa.” Mặt Brendan biến dạng vì lo lắng, Sean có thể cảm thấy áp lực của nó đè nặng lên chiếc bàn giữa bọn họ. Cậu ta lồng hai tay vào nhau, siết chặt, người khẽ đơng đưa trên ghế. “Đúng thế, vào lúc tám giờ. Chúng tôi ăn vài miếng pizza tại nhà hàng Hi Fi, được chưa? Và rồi... rồi cô ấy phải đi.”

Whitey ghi lại “Hi Fi, tám giờ tối thứ Sáu” trong sổ của mình. “Cô ấy phải đi đâu?”

“Tôi không biết,” Brendan nói.

Bà mẹ lại dụi một điếu thuốc hút hết vào đám tàn tro cao ngất, khiến một đầu thuốc cũ khẽ cháy lên, phụt một luồng khói đen chui thẳng vào bên mũi phải của Sean. Esther Harris lập tức châm ngay một điếu thuốc mới và Sean hình dung ra hai lá phổi của bà ta, thủng lỗ chỗ và đen như mun.

“Brendan, cậu bao nhiêu tuổi rồi?”

“Mười chín.”

“Cậu tốt nghiệp cấp ba khi nào?”

“Đã tốt nghiệp,” Esther nói.

“À, tôi đã có bằng tốt nghiệp từ xa vào năm ngoái.”

“Vâng Brendan,” Whitey nói, “cậu không hề biết Katie đi đâu tối thứ Sáu sau khi chia tay với cậu ở quán Hi Fi?”

“Không,” Brendan đáp, giọng bắt đầu nghẹn lại, mắt đỏ hoe. “Cô ấy từng hẹn hò với Bobby và hấn ta lúc nào cũng điên điên khùng khùng vì cô ấy. Lại thêm bố cô ấy không hiểu sao rất ghét tôi thế nên hai chúng tôi buộc phải giữ kín chuyện của mình. Đôi khi cô ấy không nói với tôi cô ấy đi đâu vì có thể phải đi gặp Bobby, tôi đoán vậy để cố thuyết phục hấn rằng mọi chuyện đã chấm dứt. Tôi cũng không biết nữa. Còn đêm đó cô ấy chỉ nói là cô ấy sẽ đi về nhà.”

“Jimmy Marcus không thích cậu? Tại sao?” Sean hỏi.

Brendan nhún vai. “Tôi cũng không biết nữa. Nhưng ông ấy bảo với Katie là ông ấy không bao giờ muốn cô ấy hẹn hò với tôi.”

Bà mẹ lúc này mới lên tiếng, “Cái gì cơ? Cái thằng ăn cắp ấy cho rằng hắn thì tốt đẹp hơn nhà này sao?”

“Ông ấy không phải là kẻ cắp,” Brendan nói.

“Hắn từng là kẻ cắp,” mẹ cậu nói. “Con không biết chuyện đó sao, tú tài đào tạo từ xa? Trước đây hắn chỉ là một thằng ăn trộm cận bã. Con gái hắn có thể cũng thừa hưởng cái gien xấu đó. Con bé có thể cũng xấu xa như cha nó. Coi như là con gặp may đi, con trai.”

Sean và Whitey trao đổi nhau những cái nhìn. Esther Harris đúng là người phụ nữ thảm hại nhất mà Sean từng gặp. Một người phụ nữ độc ác, nhẫn tâm.

Brendan Harris mở miệng định nói gì đó với mẹ mình nhưng lại nhanh chóng ngậm lại.

“Katie có mấy tờ quảng cáo về Las Vegas cất trong ba lô. Nghe nói cô ấy định tới đó. Với cậu, Brendan.”

“Chúng tôi...” Brendan cúi đầu xuống. “Chúng tôi, đúng, chúng tôi định tới Vegas. Chúng tôi sẽ kết hôn. Vào ngày hôm nay.” Cậu ta ngẩng mặt lên và Sean nhìn thấy những giọt nước mắt vừa vỡ trên mi mắt mọng đỏ của cậu. Brendan lấy tay gạt đi những dòng nước mắt trước khi chúng kịp rơi xuống. “Đã định là như thế.”

“Mày định bỏ tao đi sao?” Esther Harris lên tiếng. “Bỏ đi không nói một lời.”

”Mẹ, con...”

“Y như bố mày? Phải không? Bỏ tao lại với em trai mày mà không thèm nói lấy một lời? Đó chính là điều mày định làm đấy hả Brendan?”

“Bà Harris,” Sean chen vào, “xin chỉ tập trung vào vấn đề trước mắt. Còn nhiều thời gian để Brendan giải thích với bà sau.”

Bà ta ném cho Sean một cái nhìn mà anh thường thấy ở những tội phạm rắn mặt và những kẻ bị bệnh biến thái, một cái nhìn cho biết lúc này bà ta không thèm để ý tới anh, nhưng nếu anh tiếp tục thúc ép thì bà ta sẽ ra tay ác độc.

Bà ta quay lại nhìn con trai mình và bảo, “Mày sẽ làm thế với tao hả?”

“Mẹ, nghe này...”

“Nghe cái gì? Nghe cái gì hử? Tao đã làm gì xấu nào? Hả? Tao đã làm gì ngoài việc nuôi nấng mày, cho mày ăn, mua cho mày cái kèn saxophone đó làm quà Giáng sinh nhưng mày chả bao giờ chịu học để chơi nhạc? Nó vẫn nằm ở trong tủ đấy Brendan.”

“Mẹ...”

“Không gì cả, đi lấy nó lại đây. Hãy để cho những người này nhìn thấy mày chơi hay thế nào. Đi lấy nó lại đây.”

Whitey nhìn Sean như không tin vào mắt mình.

“Bà Harris,” ông ta nói, “không cần thiết phải làm thế.”

Bà ta châm một điếu thuốc khác, đầu diêm lóe lên như cơn giận của bà ta. “Tất cả những gì tôi đã làm là cho nó ăn, cho nó mặc, nuôi nó lớn lên.”

“Vâng, thưa bà,” Whitey lên tiếng đúng lúc cửa trước bật mở và hai đứa trẻ bước vào, ván trượt kẹp dưới nách, cả hai đứa khoảng mười hai, có lẽ mười ba tuổi, một đứa trông giống hệt như Brendan - thằng bé cũng giống anh mình ở vẻ điển trai và mái tóc màu sẫm nhưng lại có nét gì đó của bà mẹ trong đôi mắt giảo hoạt, quỷ dị.

“Xin chào,” thằng bé đi cùng lên tiếng khi cả hai đứa tiến vào bếp. Giống như em trai của Brendan, nó có vẻ hơi nhỏ so với tuổi của mình lại không may mắn có một khuôn mặt vừa dài vừa hốc hác, khuôn mặt của một người già cẩu thả trên cơ thể một đứa trẻ con, nhô ra dưới những sợi tóc dài màu vàng bết lại.

Brendan Harris giơ tay lên chào lại. “Xin chào, Johnny. Trung sĩ Powers, nhân viên điều tra Devine, đây là em trai tôi, Ray, và bạn của nó Johnny O’Shea.”

“Xin chào các cậu bé.” Whitey nói.

“Xin chào.” Johnny O’Shea đáp lại.

Ray cũng gật đầu chào họ.

“Nó không biết nói,” bà mẹ bảo. “Bố nó thì không thể nào ngậm miệng lại được còn con trai lại không biết nói. Cuộc đời mới công bằng làm sao, mẹ kiếp.”

Ray dùng tay ra hiệu gì đó với Brendan và Brendain bảo, “Đúng vậy, họ tới đây vì Katie.”

“Bọn cháu tới công viên trượt ván nhưng họ đóng cửa công viên,” Johnny O’Shea nói.

“Ngày mai công viên sẽ mở cửa,” Whitey nói.

“Ngày mai dự báo trời mưa,” thằng bé trả lời như thể việc nó không thể trượt ván lúc mười một giờ đêm là lỗi của họ, khiến Sean không khỏi thắc mắc từ khi nào cha mẹ lại buông lỏng con cái của họ đến thế.

Whitey quay trở lại với Brendan. “Cậu có nghĩ tới kẻ thù nào khác của cô ấy không? Bất cứ người nào, ngoài Bobby O’Donnell ra có ai có thể nổi giận với cô ấy không?”

Brendan lắc đầu. “Cô ấy là người tốt. Một người tử tế, rất tử tế. Ai cũng quý cô ấy. Tôi không biết phải nói với ông thế nào nữa.”

“Chúng cháu có thể, có thể, đi được không?” Thằng bé nhà O’Shea hỏi.

Whitey nhượng một bên mày bảo nó. “Có ai bảo là cháu không được đi đâu?”

Nghe thế, Johnny O’Shea và Ray Harris lục tục rời khỏi bếp. Họ nghe thấy tiếng chúng thấy hai tấm ván trượt xuống phòng khách rồi tới phòng của Ray và Brendan, đùa nghịch âm ỉ như những đứa trẻ ở tuổi của chúng.

Whitey lại hỏi Brendan. “Cậu ở đâu từ một giờ rưỡi tới ba giờ sáng ngày hôm đó?”

“Ngủ.”

Whitey nhìn sang bà mẹ. “Bà có thể xác nhận điều đó?”

Bà ta nhún vai. “Không xác nhận được nếu như nó trèo ra ngoài qua cửa sổ hay lối thoát hiểm chữa cháy. Tôi chỉ có thể xác nhận là nó đi về phòng mình vào lúc mười giờ và lần sau đó tôi thấy nó là chín giờ sáng hôm sau.”

Whitey ngồi duỗi dài trên ghế. “Thôi được rồi, Brendan. Chúng tôi muốn cậu làm trắc nghiệm với máy phát hiện nói dối. Cậu có đồng ý không?”

“Các ông định bắt tôi sao?”

“Không. Chỉ là muốn cậu làm một bài trắc nghiệm nói dối mà thôi.”

Brendan nhún vai. “Thế nào cũng được. Tôi đồng ý.”

“Vậy đây, hãy cầm lấy danh thiếp của tôi.”

Brendan nhìn tấm danh thiếp không rời mắt và nói, “Tôi yêu cô ấy quá nhiều. Tôi... tôi sẽ không bao giờ có lại được cái cảm giác đó nữa. Tôi muốn nói là điều đó sẽ không bao giờ xảy ra hai lần trong đời, đúng không?” Cậu ngước mắt lên nhìn Whitey và Sean. Mắt cậu khô khốc nhưng chất chứa một nỗi đau mà Sean muốn lẫn tránh.

“Đối với phần lớn chúng ta, điều đó thậm chí còn chẳng xảy ra được lấy một lần,” Whitey nói.

Họ thả Brendan về nhà cậu lúc một giờ sau bốn lần vượt qua trắc nghiệm với máy nói dối rồi Whitey chở Sean tới căn hộ của anh, dặn anh ngủ một chút vì hôm sau sẽ phải dậy sớm. Sean bước vào căn hộ, nghe dội về âm thanh của sự tĩnh lặng khôn cùng và cảm thấy trong người chỉ có toàn chất cafein và thức ăn

nhANH, ngắM vào tận cột s ống. Anh mở tủ lạnh lấy ra một lon bia rồi ngồi trên quầy bếp uống, những âm thanh và ánh sáng của buổi tối vẫn quanh quẩn trong đầu anh như bữa b ố, không hiểu là vì anh đã trở nên già c ỏi hay mệt m ỏi vì cái chết, vì những động cơ gây án ngu ngốc, những tên tội phạm ngu ngốc, hay cái cảm giác ghê tởm nói chung đối với tất cả những sự kiện đó.

Tuy nhiên đúng là gần đây anh đâm ra mệt m ỏi với mọi thứ. Mệt m ỏi vì mọi người. Vì sách vở, vô tuyến, vì những bản tin buổi tối và những ca khúc trên radio giống hệt như những thứ anh từng nghe nhiều năm trước mà chẳng có chút hứng thú nào. Anh mệt m ỏi vì quần áo và đầu tóc của mình, mệt m ỏi vì quần áo và đầu tóc của người khác. Anh mệt m ỏi vì mong muốn giải thích mọi chuyện thấu tình đạt lý. Mệt m ỏi vì những chuyện loằng ngoằng ở công sở, ai đang thịnh ai theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Anh đã đạt tới độ có thể nghe bất cứ ai nói về bất cứ đề tài gì cũng chỉ giống như nghe đi nghe lại những băng ghi âm cũ về những điều mà nghe lần đầu tiên cũng không thấy mới.

Có lẽ chỉ đơn giản là anh mệt m ỏi với cuộc đời, với những nỗ lực tuyệt đối để có thể thức dậy vào mỗi buổi sáng khốn kiếp và bước vào một ngày tồi tệ như mọi ngày, chỉ khác nhau chút xíu về thời tiết và đồ ăn. Quá mệt m ỏi nên chẳng thể nào quan tâm tới cái chết của một cô gái trẻ vì sẽ có những cô gái khác sau đó. Nói tiếp, lần lượt. Và việc tống bọn sát nhân vào tù, ngay cả khi chúng bị án chung thân, cũng không còn khiến anh thỏa mãn hơn được nữa vì chúng chỉ là đi về nhà mà thôi, về nơi chúng sẽ sống nốt quãng đời vô ích và l ố bịch còn lại trong khi người chết thì đã chết rồi. Người bị cướp và hiếp thì cũng đã bị cướp và hiếp rồi.

Anh tự hỏi không biết liệu đây có phải là bệnh lý của chứng trầm uất hay không, một thứ trạng thái hoàn toàn tê liệt, thiếu hy vọng một cách trầm trọng.

Katie Marcus đã chết, đúng thế. Một bi kịch. Anh rất hiểu điều đó nhưng anh không cảm nhận được nó. Cô ấy chỉ là một thi thể nữa, một bóng đèn vỡ nữa mà thôi.

Và cuộc hôn nhân của anh cũng vậy, không giống như những mảnh kính vỡ sao? Chúa ơi, anh yêu cô ấy nhưng hai người khác nhau như hai thái cực. Lauren thích nhà hát, đọc sách và xem những bộ phim mà Sean không thể hiểu nổi dù có phụ đề đi chăng nữa. Cô ấy là một người thích tán gẫu, dễ xúc động và thích xâu các từ vào thành một chuỗi, tạo nên những cấu trúc từ phức tạp, xây lên một tòa tháp ngôn ngữ mà Sean chỉ lên tới tầng ba thôi đã bị lạc.

Lần đầu tiên anh nhìn thấy cô là trên sân khấu trường đại học, đóng vai một cô gái bị bỏ rơi trong một vở hài kịch mà khán giả không ai tin rằng có người đàn ông nào lại bỏ đi một cô gái rạng rỡ, đầy sức sống như thế, một người tràn trề nhiệt huyết với mọi thứ, một cô gái kinh nghiệm, khao khát sống và đầy hiếu kỳ. Họ tạo thành một cặp kỳ lạ lúc bấy giờ, Sean trầm tĩnh và thực tế, lúc nào cũng kín đáo trừ lúc ở bên cạnh cô còn Lauren là đứa con duy nhất của một cặp vợ chồng hippie lớn tuổi theo chủ nghĩa tự do đã mang cô đi khắp thế giới trong thời gian làm việc cho tổ chức Peace Corps, khiến cho cô lúc nào cũng có thứ nhu cầu được gặp gỡ, đụng chạm và khám phá những mặt tốt đẹp nhất của con người.

Cô đã tìm thấy vị trí của mình trong thế giới nhạc kịch, đầu tiên là trong vai diễn viên tại trường đại học, sau đó làm đạo diễn cho vài nhà hát nhỏ ở địa phương và cuối cùng trở thành người phụ trách hậu đài những tour diễn lớn hơn. Nhưng không phải là những chuyển lưu diễn khiến họ rời xa nhau. Tệ nhất là cho tới giờ Sean cũng không biết chính xác chuyện gì đã xảy ra dù anh nghi ngờ nó hẳn có dính dáng tới anh, tới sự im lặng của anh, với cái độ khinh miệt mà tất cả những người làm cảnh sát dần dần mắc phải, khinh miệt đối với con người, không còn khả năng tin tưởng vào cái gọi là lòng vị tha hay những ý tưởng cao đẹp.

Những người bạn của cô mà anh từng cảm thấy hết sức thú vị bắt đầu trở nên ngày thờ, đắm chìm trong những lý thuyết nghệ thuật không theo kịp thời đại và những quan điểm triết học phi thực tế. Sean trải qua những đêm ở bên ngoài trên những sân khấu bằng bê tông nơi người ta cướp bóc, cưỡng hiếp và giết người không vì lý do gì cả, chỉ là vì ngứa tay, rồi phải chịu đựng những bữa tiệc cocktail cuối tuần nơi những người nghệ sĩ buộc tóc đuôi ngựa tranh luận suốt đêm (bao gồm cả vợ anh) về những động cơ ẩn náu đằng sau những tội lỗi của con người. Động cơ thật đơn giản, con người vốn ngu ngốc. Từ vượn mà lên. Nhưng còn tệ hơn thế vì lũ vượn sẽ không giết nhau vì một chiếc vé xổ số cào.

Cô bảo anh trở nên nghiệt ngã, bảo thủ, thoái lui trong suy nghĩ của riêng mình. Anh cũng không phản ứng lại vì chẳng có gì để mà tranh cãi. Vấn đề không phải là anh có biến thành cái dạng đó hay không mà là ở chỗ sự biến đổi ấy rốt cuộc là tiêu cực hay tích cực.

Thế nhưng họ vẫn yêu nhau. Theo cái cách riêng của họ, họ vẫn luôn cố gắng - Sean thì cố phá vỡ vỏ ốc của mình để ra ngoài còn Lauren thì cố chui vào trong đó với anh. Thứ lực hút bí ẩn, thứ phản ứng hóa học với đối phương vẫn tồn tại giữa hai người bọn họ. Chưa bao giờ mất đi.

Tuy thế, anh hẳn phải nhìn ra vấn đề giữa bọn họ. Có lẽ anh đã nhận ra. Nhưng có lẽ bản thân nó không khiến anh lo ngại, thứ anh thực sự lo ngại chính là việc vợ anh mang thai.

Tệ thật. Anh ngồi sụp xuống sàn bếp, trong sự thiếu vắng kể từ khi vợ anh ra đi, chống hai tay lên trán và không biết là lần thứ bao nhiêu từ một năm trở lại đây, cố nhìn nhận một cách rõ ràng về cuộc hôn nhân thất bại của mình. Nhưng tất cả những gì anh thấy chỉ là những mảnh vỡ, những mẩu vụn bắn tung tóe của chúng giăng kín trong đầu anh.

Khi chuông điện thoại vang lên thì anh đã biết, biết trước cả khi nhắc ống nghe lên và ấn nút đàm thoại, rằng người ở bên kia đầu máy chính là cô.

“Sean đây.”

Từ đầu dây bên kia anh nghe thấy tiếng động cơ nhỏ dần của một chiếc xe tải chở hàng hạng nặng đang đỗ lại và tiếng rì rào của những chiếc ô tô lao nhanh trên đường cao tốc. Anh có thể ngay lập tức hình dung ra khung cảnh đó, một trạm dừng chân trên đường cao tốc, ngay lối vào là cây xăng, những ca bin điện thoại nằm giữa quán Roy Rogers và quán McDonald. Lauren đang đứng ở đó, lắng nghe.

“Lauren,” anh nói. “Anh biết là em.”

Ai đó vừa đi qua ca bin điện thoại, chùm chìa khóa kêu leng keng.

“Lauren, hãy nói gì đi chứ.”

Chiếc xe tải hạng nặng kia vào số một, tiếng động cơ thay đổi khi nó bắt đầu lăn bánh qua bãi đỗ xe.

“Con bé thế nào?” Sean hỏi. Anh suýt buột miệng nói, “Con gái anh thế nào?” nhưng rồi lại không biết con bé có phải là của anh không hay chỉ là của Lauren mà thôi. Thế nên anh nhắc lại, “Con bé thế nào?”

Chiếc xe tải lúc này đã sang số hai, tiếng lốp nghiêng trên mặt đường rải sỏi ngày càng xa dần hướng về lối rẽ ra đường cao tốc.

“Như thế này rất đau lòng,” Sean nói. “Em nữ nào không nói với anh dù chỉ một câu?”

Anh nhớ lại những gì Whitey đã nói với Brendan Harris về tình yêu, rằng nó không xảy ra với phần lớn chúng ta, dù chỉ một lần, và anh thấy vợ anh đứng đó, nhìn chiếc xe tải rời đi, điện thoại áp vào tai nhưng không hề miệng. Cô là một người phụ nữ cao ráo, mảnh mai với mái tóc màu gỗ anh đào. Khi cười, cô hay lấy ngón tay che miệng. Ngày đó ở trường đại học, họ chạy ngang qua sân trường tránh một cơn mưa đông và cô đã hôn anh lần đầu tiên dưới cổng vòm thư viện nơi họ trú mưa và khi bàn tay ẩm ướt của cô ôm lấy gáy anh, lồng ngực anh như được giải thoát khỏi một thứ cảm giác bấy lâu nay vẫn khiến anh ngột ngạt, bức bối. Cô bảo anh rằng anh có một giọng nói hay nhất mà cô từng biết, giống như rượu whisky và khói gỗ.

Từ khi cô rời đi, việc này đã trở thành thông lệ, anh sẽ đọc thoại cho tới khi cô quyết định gác máy. Cô không bao giờ nói gì, dù chỉ một lần trong tất cả những cuộc gọi mà anh nhận được từ khi cô rời xa anh, từ những trạm nghỉ chân trên đường, từ khách sạn, từ những buổi điện thoại bụi bặm dọc theo những con đường tro bụi dẫn tới biên giới Texas-Mexico và ngược lại. Thế nhưng ngay cả khi chỉ nghe được những tạp âm vang lên từ đầu dây im lặng phía bên kia, anh vẫn biết đó là cô. Anh cảm nhận được cô qua điện thoại. Đôi khi anh còn ngửi thấy hương vị của cô.

Những cuộc nói chuyện như vậy - nếu có thể tạm gọi là thế - có thể kéo dài tới mười lăm phút, phụ thuộc vào những gì Sean muốn nói, nhưng đêm nay anh thực sự mệt mỏi và rã rời vì mong nhớ người phụ nữ đã biến mất khỏi đời anh vào một buổi sáng trong lúc mang thai bảy tháng vì chán ngấy với việc ngoại trừ tình cảm dành cho cô, anh không còn bất cứ cảm giác nào khác.

“Đêm nay anh không thể nói chuyện. Anh quá mệt mỏi và đau lòng còn em thì dừng dừng tới mức không muốn cho anh nghe thấy dù chỉ là giọng nói của em.”

Đứng đó trong bếp, anh cho cô ba mươi giây để trả lời trong vô vọng. Nhưng anh chỉ nghe thấy từ đầu dây bên kia những tiếng sụt gió như ai đó đang bơm lốp xe.

“Tạm biệt, em yêu,” anh nói, từng lời tắc nghẽn trong họng, rồi anh gác máy.

Anh đứng bất động một lúc lâu, như nghe thấy âm vang của tiếng bơm khí hòa lẫn với sự im ắng trong căn bếp đập rền rã trong tim anh. Nó sẽ hành hạ anh, anh biết thế. Suốt đêm, sang cả buổi sáng và có lẽ suốt cả tuần lễ. Anh đã phá vỡ thông lệ, đã gác máy trước cô. Nếu như anh làm thế đúng lúc cô chuẩn bị mở miệng để nói, để gọi tên anh thì sao?

Ồi Chúa ơi.

Hình ảnh đó khiến anh rảo bước tới buồng tắm như thể có thể gạt sạch nó khỏi đầu, hình ảnh vợ anh đứng đó bên cạnh những chiếc máy điện thoại công cộng, miệng hé mở, từ ngữ chuẩn bị tuôn ra.

Có lẽ cô ấy định nói: Sean, em trở về đây.

15. Chương 15: Một Người Hoàn Hảo

Sáng thứ Hai, Celeste ở trong bếp với em họ của mình, Annabeth, trong lúc khách khứa tới chật cả nhà để chia buồn. Annabeth đứng cạnh bếp, tập trung vào việc nấu nướng. Jimmy vừa tắm xong, thò đầu vào bếp hỏi xem họ có cần giúp đỡ gì không.

Khi còn nhỏ, Celeste và Annabeth giống như hai chị em gái hơn là họ hàng. Annabeth là đứa con gái duy nhất trong một gia đình toàn con trai còn Celeste là đứa con duy nhất của một cặp vợ chồng xung khắc nên hai đứa suốt ngày cạ kề với nhau, hồi trung học hầu như đêm nào cũng nói chuyện điện thoại tới khuya. Nhưng điều đó dần dần thay đổi theo năm tháng khi tình cảm giữa mẹ Celeste và cha Annabeth ngày càng trở nên xa cách, từ thân ái thành lạnh nhạt và cuối cùng là thù ghét. Và mặc dù không xảy ra một sự kiện cụ thể nào, sự xung khắc giữa người em trai và chị gái kia dần dần ảnh hưởng tới con gái của họ, cho tới khi Celeste và Annabeth chỉ còn thỉnh thoảng gặp nhau trong những dịp đặc biệt như đám cưới, lễ đầy tháng, lễ rửa tội, đôi khi vào dịp Giáng sinh hay Phục sinh. Celeste là người thấy đau lòng hơn cả trước sự thay đổi vô duyên vô cớ đó, khi nhận ra rằng một mối quan hệ tưởng chừng không gì có thể chia cắt nổi có thể tuột khỏi tay một cách dễ dàng như vậy chỉ vì thời gian, những rối ren trong gia đình và sự trưởng thành.

Tuy nhiên mọi chuyện cũng bắt đầu được cải thiện kể từ khi mẹ cô mất. Mùa hè năm ngoái, cô và Dave cùng Annabeth và Jimmy đã làm một bữa barbecue ngoài trời, mùa đông thì đã ra ngoài ăn tối và uống nước hai lần. Sau mỗi lần như vậy, mọi người lại nói chuyện với nhau thoải mái hơn một chút và Celeste cảm thấy mười năm xa cách lạ lẫm kia dần dần biến mất vì một nguyên nhân có tên là Rosemary.

Annabeth đã ở bên cạnh cô khi Rosemary qua đời. Trong suốt ba ngày, sáng nào cô ấy cũng tới và ở lại đến tối. Cô nấu nướng và giúp đỡ việc tổ chức tang lễ rồi ngồi với Celeste trong lúc Celeste khóc than mẹ mình, người chưa bao giờ thể hiện chút tình yêu nào với con gái nhưng dù sao cũng là mẹ của cô.

Và bây giờ Celeste tới đây vì Annabeth, mặc dù ý tưởng tương trợ một người bản lĩnh và đầy nghị lực như Annabeth đối với cô cũng như phần lớn những người quen biết họ thật là lạ lẫm.

Nhưng cô vẫn đứng đó bên cạnh em họ của mình trong lúc cô ấy nấu nướng, giúp cô lấy đồ trong tủ lạnh và trả lời các cuộc điện thoại gọi đến.

Và bây giờ là Jimmy, chưa đầy hai mươi tư tiếng sau khi biết tin con gái mình mất, đang hỏi vợ mình xem có cần giúp đỡ gì không. Tóc anh vẫn còn ướt, gần như chưa chải, áo vẫn còn ẩm, dính vào ngực. Anh để chân trần, mắt sưng lên vì đau buồn và thiếu ngủ khiến Celeste chỉ có thể nghĩ tới một điều, Chúa ơi, còn chính anh thì sao? Anh có bao giờ nghĩ cho bản thân mình không?

Tất cả những người khác đang đứng chật trong nhà lúc này - trong phòng khách, phòng ăn, ở hành lang chỗ cửa ra vào, xếp áo khoác của họ thành chồng trên giường trong phòng của Nadine và Sara - đều đang trông

đợi ở Jimmy như thể trong đầu họ không hề nghĩ tới việc họ đến đây là để an ủi anh. Như thể duy chỉ có anh giải thích được cho họ về trò đùa nghiệt ngã này, xoa nhẹ nỗi thống khổ trong lòng họ, nâng họ lên khi cơn sốc đầu tiên trôi qua, khi cơ thể họ chùng xuống vì đau đớn. Thứ tư chất thủ lĩnh toát ra từ con người Jimmy là một cái gì đó bẩm sinh mà Celeste vẫn tự hỏi không hiểu anh có nhận thức được hay không, về gánh nặng mà nó mang lại, nhất là vào những thời điểm như thế này.

“Có chuyện gì vậy?” Annabeth nói, mắt không rời khỏi miếng thịt hun khói trên chảo rán.

“Em có cần gì không?” Jimmy hỏi. “Anh có thể trông bếp một lát nếu em muốn.”

Annabeth nhìn cái bếp, nở một nụ cười yếu ớt rồi lắc đầu. “Không. Em không sao.”

Jimmy nhìn sang Celeste như muốn hỏi: Cô ấy ổn thật chứ?

Celeste gật đầu. “Mọi chuyện đều đâu vào đấy cả, Jim.”

Jimmy lại nhìn sang vợ mình và Celeste có thể cảm thấy một nỗi đau đớn dịu dàng, sâu thẳm trong cái nhìn đó. Như một giọt nước mắt đau thương lại bật ra khỏi trái tim của Jimmy và rơi trong lòng ngực. Anh vươn tới, dùng ngón trỏ gạt đi những dòng mồ hôi đang túa ra trên má vợ và Annabeth bảo anh, “Đừng làm vậy.”

“Nhìn anh này,” Jimmy thì thầm.

Celeste những muốn rời khỏi đây ngay lập tức nhưng sợ rằng hành động của mình sẽ làm hỏng cái không khí vốn dĩ rất mong manh giữa hai người bọn họ.

“Em không thể,” Annabeth nói. “Jimmy, nếu nhìn anh bây giờ, em sẽ mất hết can đảm và em không thể làm vậy với tất cả những người đang có mặt ở đây. Xin anh đấy,”

Jimmy khẽ tránh ra. “Được thôi, em yêu, được thôi.”

Annabeth thì thào, đầu cúi xuống. “Em chỉ không muốn suy sụp thêm một lần nữa.”

“Anh hiểu.”

Trong giây phút đó, Celeste có cảm giác như hai người bọn họ đang trần trụi trước mặt cô, như thể cô đang chứng kiến hành động thân mật giữa một người đàn ông và vợ anh ta, cứ như đang ở đó nhìn hai người họ làm tình.

Cánh cửa ở phía cuối hành lang bật mở và cha của Annabeth, Theo Savage, bước vào trong nhà với hai kết bia vác trên vai. Ông là một người khổng lồ, hồng hào, trông giống như một con gấu Kodiak nhưng lại mang vẻ duyên dáng của một vũ công khi ông xuất hiện trong hành lang chật hẹp với hai kết bia trên đôi vai rộng lớn. Celeste vẫn luôn ngạc nhiên vì một người to lớn như ông lại có thể sinh ra những đứa con trai còi cọc như thế, ngoại trừ Kevin và Chuck là hai người duy nhất thừa hưởng được một chút chiều cao và vóc dáng lực lưỡng của ông, Annabeth là người duy nhất có được vẻ duyên dáng của ông.

“Chú ý sau lưng, Jim,” Theo nói và Jimmy bước ra khỏi ngưỡng cửa để Theo đảo một vòng duyên dáng rồi đi vào bếp. Ông khẽ hôn nhẹ lên má Celeste và khẽ hỏi, “Cháu thế nào, cháu yêu?” rồi đặt hai kết bia lên bàn bếp và vòng tay ôm ngang lưng con gái mình, tỉ mỉ cầm lên vai cô.

“Con chịu được chứ, con gái?”

“Con đang cố, bố ạ.” Annabeth nói.

Ông khẽ hôn lên gáy cô. “Ôi con gái của ta” rồi quay sang Jimmy bảo. “Anh có cái thùng lạnh nào không để cho chúng vào.”

Trong khi hai người đàn ông xếp bia vào thùng đá trong bếp thì Celeste bắt đầu mở đám đồ ăn mà bạn bè và người thân mang tới sáng nay. Rất nhiều thứ - bánh mì soda kiểu Allen, bánh nướng, bánh sừng bò, bánh ga tô, bánh ngọt và ba đĩa xa lát khoai tây khác nhau. Những túi bánh mì tròn, những khay bánh ngọt, thịt băm viên kiểu Thụy Điển trong một cái nồi bự chẳng, hai khúc giăm bông chín, một con gà tây to dùng gói trong giấy bạc. Annabeth không cần phải nấu nướng gì nữa, tất cả bọn họ đều biết vậy, nhưng cũng đều hiểu cô cần nấu nướng. Vậy nên cô rán thịt hun khói, xúc xích và hai chảo trứng chưng đây ấp.

Celeste bày tất cả thức ăn lên một chiếc bàn kê sát tường phòng ăn. Cô tự hỏi không hiểu tất cả chỗ thức ăn này là một cố gắng nhằm an ủi những người thân yêu hay ẩn chứa một hy vọng rằng chúng ta có thể nuốt trôi sự đau buồn, đưa nó xuống họng và rửa sạch nó đi với Coca-Cola, rượu, cà phê và trà cho tới khi tất cả đều no căng ra và chỉ muốn đi ngủ. Đây là việc mà người ta vẫn hay làm trong những buổi tụ tập vì có chuyện buồn - vào đêm trước tang lễ, trong lễ tưởng niệm và trong những dịp như thế này người ta ăn, uống và chuyện trò cho tới khi không thể ăn, uống hay trò chuyện được nữa.

Cô nhìn thấy Dave trong đám đông ở phòng khách. Anh ngồi cạnh Kevin Savage trên ghế sofa, cả hai đang nói chuyện nhưng không ai có vẻ hứng thú hay thoải mái, lại đều chú ý về phía trước như muốn thi xem ai ngã xuống đất trước. Celeste chợt thấy thương xót chồng mình - vì sự lạc lõng, dù không rõ nét nhưng dai dẳng vẫn đeo bám lấy anh, nhất là trong đám đông này. Tất cả bọn họ đều biết anh. Đều biết chuyện đã xảy ra với anh khi còn nhỏ và cho dù họ có thể chấp nhận điều đó và không phán xét anh (hoặc có đi chăng nữa) thì Dave cũng không thể nào thả lỏng hết mình và cảm thấy hoàn toàn thoải mái khi ở cạnh những người biết rõ anh như lòng bàn tay. Mỗi khi anh và Celeste ra ngoài với các đồng nghiệp hoặc bạn bè ở nơi khác, Dave sẽ trở nên tự tin, ung dung thư thái, đối đáp sắc sảo, hài hước, vô cùng dễ chịu. (Các bạn cô và chồng họ ở tiệm hớt tóc Ozma's Hair Design đều rất thích Dave.) Nhưng ở đây, nơi anh sinh ra và lớn lên, anh luôn có cái vẻ bị chậm mất nửa câu trong mỗi cuộc chuyện trò, lơ đãng nửa nhịp sau bước chân của mọi người, là người cuối cùng bật cười sau mỗi câu chuyện vui.

Cô cố đón lấy ánh mắt của anh và nở một nụ cười để anh biết rằng chừng nào cô còn ở đây thì anh không hoàn toàn bị cô lập. Nhưng một đám người tiến tới chỗ cửa vòm ngăn cách phòng ăn với phòng khách khiến cô không nhìn thấy anh nữa.

Thường thì đám đông lại hay khiến người ta nhớ ra rằng mình đã dành quá ít thời gian cho người thân yêu đang sống bên cạnh mình. Cả tuần vừa rồi, cô không mấy khi nhìn thấy Dave ngoài buổi tối thứ Bảy trên sân bếp sau khi anh suýt bị cướp. Và rồi cô cũng gần như không thấy anh đâu kể từ ngày hôm qua khi Theo Savage gọi điện tới vào lúc sáu giờ và bảo, “Này, cháu gái, ta có một tin buồn. Katie mất rồi.”

Phản ứng đầu tiên của Celeste là, “Không. Cậu nói gì vậy cậu Theo?”

“Cháu yêu này, ta rất đau lòng vì phải thông báo với cháu tin này. Nhưng đúng là thế. Con bé bị người ta sát hại.”

“Bị sát hại.”

“Trong công viên Pen.”

Celeste quay sang nhìn chiếc vô tuyến trên bếp, trong bản tin sáu giờ người ta vẫn đang tường thuật trực tiếp một chiếc máy bay phản lực ghi hình các nhân viên cảnh sát tập trung ở đầu bên kia bãi chiếu bóng, phóng viên cho biết tên của nạn nhân vẫn được giữ kín nhưng xác nhận thi thể của một phụ nữ trẻ đã được tìm thấy.

Không thể là Katie. Không thể nào.

Celeste bảo với Theo là cô sẽ tới nhà Annabeth ngay lập tức và từ lúc đó tới giờ cô luôn túc trực ở đây ngoại trừ từ lúc ba tới sáu giờ sáng cô có quay về nhà chớp mắt một chút.

Thế nhưng cô vẫn không thể nào tin rằng đây là sự thật. Ngay cả khi đã khóc chán chê với Annabeth, Nadine và Sara. Ngay cả khi phải giữ chặt Annabeth trên sân nhà khi em họ cô lên chứng động kinh co giật suốt năm phút đồng hồ. Ngay cả khi cô nhìn thấy Jimmy đứng trong bóng tối căn phòng của Katie, và áp lên mặt chiếc gối của con gái anh. Nhưng anh không khóc, không nói lảm nhảm một mình cũng không tạo ra bất cứ tiếng động nào. Chỉ là đứng đó với chiếc gối áp vào mặt và hít thở hương thơm trên tóc, trên má của con gái anh còn đọng lại đó, hết lần này tới lần khác. Hít vào, thở ra. Hít vào, thở ra...

Sau tất cả những chuyện đó, đầu óc cô vẫn không thể hoàn toàn chấp nhận sự kiện này. Cô có cảm giác như Katie sẽ bước qua cánh cửa này bất cứ lúc nào, lao vào trong bếp, bốc trộm một miếng thịt hun khói trên đĩa. Katie không thể chết. Không thể nào.

Có lẽ bởi vì nó liên quan tới một ý nghĩ hết sức vô lý vẫn bám chặt trong đầu cô khi cô nhìn thấy chiếc xe của Katie trên bản tin và nghĩ tới, một cách vô lý: máu và Dave.

Và rồi cô cảm nhận được Dave đang ở phía bên kia đám đông trong phòng khách. Cô cảm thấy sự lạc lõng của anh và cô biết chồng mình là một người tốt. Có vài nhược điểm nhưng tốt. Cô yêu anh và nếu như cô yêu anh thì anh hẳn là người tốt và nếu anh là người tốt thì vết máu trên xe ô tô của Katie sẽ chẳng liên quan gì tới vết máu cô giặt sạch khỏi quần áo của Dave đêm thứ Bảy. Và rồi Katie hẳn vẫn còn sống. Vì mọi khả năng khác đều thật là đáng sợ.

Một sự lo lắng vô lý. Hoàn toàn vô lý. Celeste đột nhiên cảm thấy vững dạ hơn khi bước xuống bếp lấy thêm thức ăn. Thiếu điều thì cô đâm sầm vào Jimmy và cậu Theo, hai người bọn họ đang kéo một thùng đá lớn từ sàn bếp ra phòng ăn. May mà Theo xoay người tránh kịp, vội kêu lên, “Cậu phải cẩn thận với con bé này nhé. Cứ như là lựu đạn ấy.”

Celeste e dè mỉm cười, kiêu cười mà cậu Theo muốn nhìn thấy ở phụ nữ, rồi vội nuốt trôi cái cảm giác vẫn thường xuất hiện khi cậu Theo nhìn cô, cảm giác xuất hiện hồi cô mười hai tuổi, rằng những tia nhìn của ông cậu hình như dừng lại hơi quá lâu.

Hai người đàn ông xoay sở đẩy chiếc thùng đá ngoại cỡ đi qua chỗ cô, trông họ đúng là một cặp kỳ lạ: Theo ngoại cỡ, hồng hào khỏe mạnh từ cơ thể cho tới tiếng nói còn Jimmy thì trầm lặng, trắng trẻo và cả người không có một chút mỡ thừa nào, lúc nào trông anh cũng như vừa ra khỏi trại huấn luyện của quân đội. Hai người rẽ đám đông đứng ở gần cửa ra vào để kéo thùng đá tới cạnh chiếc bàn ăn dựa vào tường và Celeste để ý thấy mọi người trong phòng đều quay ra nhìn hai người họ đặt nó dưới gầm bàn như thể đột nhiên gánh nặng trên vai họ không phải là chiếc thùng đá ngoại cỡ bằng nhựa đỏ kia mà là đứa con gái Jimmy sẽ phải chôn cất trong tuần này, đứa con gái đã mang họ tới đây với nhau, ăn uống và chờ đợi xem họ có đủ can đảm để nhắc tới tên nó hay không.

Nhìn họ cùng xếp đá vào trong thùng rồi sát cánh đi qua đám đông trong phòng khách và phòng ăn - Jimmy vẻ mặt kín đáo nhưng vẫn dừng lại cảm ơn từng vị khách một cách nhã nhặn, gần như nồng hậu, dùng cả hai tay siết chặt tay khách thay lời cảm tạ bên cạnh Theo với vẻ hiên ngang, hùng hổ thường ngày - mọi người bắt đầu bình luận về mối quan hệ ngày càng trở nên khăng khít giữa hai người bọn họ, trông giống hệt như hai cha con vậy.

Chẳng ai nghĩ tới điều đó khi Jimmy mới cưới Annabeth. Theo vốn không phải là loại người thân thiện. Đó là một con sâu rọu và một kẻ hay gây sự, ngoài công việc chính là trực tổng đài taxi ban đêm ông còn làm vệ sĩ tại các quán rượu để tăng thêm thu nhập, một công việc mà ông rất tâm đắc. Ông là một người thích giao du, dễ cười, nhưng trong cái bắt tay hăng hái của ông luôn có sự thách thức, trong tiếng cười khúc khích luôn có vẻ đe dọa.

Jimmy thì trái lại, từ khi ra khỏi nhà tù Deer Island anh luôn có vẻ trầm lặng và nghiêm nghị. Anh cũng là một người thân thiện, nhưng kín đáo, ở những nơi hội họp thường đứng khuất một chỗ. Anh là loại người mà khi lên tiếng người khác sẽ lắng nghe. Chỉ vì anh rất ít nói khiến người khác gần như tò mò không biết lúc nào anh sẽ mở miệng hay rốt cuộc anh có mở miệng hay không.

Theo là một người thú vị nhưng không đặc biệt dễ chịu. Jimmy thì dễ chịu nhưng lại không đặc biệt thú vị. Chẳng ai ngờ được hai người bọn họ có thể trở thành bạn bè. Nhưng hôm nay, Theo đi theo coi chừng Jimmy như thể sẵn sàng dang tay ra đỡ nếu Jimmy có gục xuống còn Jimmy lại thỉnh thoảng ghé vào tai Theo nói gì đó trước khi đi tiếp. Như hai người tri kỷ, mọi người nhận xét. Đúng là trông họ giống như hai người tri kỷ.

Tới buổi trưa - thật ra thì mới mười một giờ, nhưng ở nhiều nơi trên thế giới đã là buổi trưa - thì phần lớn mọi người lúc tới không mang theo cà phê và bánh ngọt mà thay vào đó là rượu và thịt. Khi tủ lạnh đã chật cứng, Jimmy và Theo Savage đi kiểm thêm đá và thùng giữ lạnh ở căn hộ trên tầng ba nơi Val ở cùng Chuck, Kevin và vợ của Nick, Elaine, người lúc nào cũng mặc đồ đen không rõ là vì bà ta muốn coi mình như góa phụ cho tới khi Nick ra tù hay vì bà ta chỉ thích mỗi màu đen như một số người nói.

Theo và Jimmy tìm thấy hai thùng giữ lạnh trong tủ bếp bên cạnh máy sấy và mấy túi đá trong ngăn lạnh. Họ đổ đá vào thùng, vứt túi ni lông vào sọt rác và chuẩn bị ra khỏi bếp thì Theo bảo, “Này chờ chút, Jim.”

Jimmy nhìn cha vợ của mình.

Theo gạt gù chỉ vào một cái ghế và bảo, “Ngồi nghỉ chút đi.”

Jimmy làm theo. Hắn đặt chiếc thùng lạnh xuống bên cạnh và ngồi xuống chờ Theo đi vào trọng tâm vấn đề. Theo Savage đã nuôi dạy bảy đứa trẻ trong chính căn hộ này, một căn hộ nhỏ, ba buồng ngủ, sàn dốc, các đường ống thì cũ kỹ kêu ầm ỉ. Theo có lần bảo với Jimmy rằng điều đó cũng có nghĩa là suốt quãng đời còn lại ông sẽ không cần cảm thấy có lỗi với bất cứ ai vì bất cứ chuyện gì. “Bảy đứa con,” ông nói với Jimmy, “đứa sau cách đứa trước không quá hai năm, tất cả đều la hét, phá phách, lớn lên trong căn hộ thảm hại này. Người ta nói về niềm vui sướng của những bậc làm cha làm mẹ có con nhỏ. Nhưng ta đi làm về, nghe thấy thứ âm thanh hỗn loạn đó lại phải bỏ đi. Đếch hiểu vui sướng ở chỗ nào. Ta chả thấy vui mừng gì. Chỉ thấy đau đầu. Tá hỏa tam tinh.”

Jimmy có nghe Annabeth kể về những cơn đau đầu của bố cô lúc đi làm về khiến ông thường chỉ nán lại đủ thời gian để ăn bữa tối rồi lại ra ngoài. Và chính Theo cũng thú nhận với Jimmy rằng ông chẳng mấy khi chú ý tới việc dạy dỗ con cái. Ông có phần lớn là con trai mà con trai thì theo ông vô cùng đơn giản - chỉ cần dạy chúng biết đánh nhau, biết chơi bóng là được. Cần ầu yếm, nũng nịu thì tới chỗ mẹ, cần xin tiền, mượn xe hay cần người trả tiền bảo lãnh khỏi trại giam thì hỏi cha. Nếu là con gái thì chiều thật lực, ông bảo với Jimmy thế.

“Bố thật nói thế sao?” Annabeth hỏi khi nghe Jimmy kể lại.

Theo làm cha kiểu gì Jimmy cũng chẳng quan tâm nếu như ông không tìm mọi cách đem phương pháp ấy ra so sánh với phương pháp làm cha mẹ của Jimmy và Annabeth, rồi mỉm cười, tỏ ý không muốn làm méch lòng họ nhưng lại bảo nếu là ông thì sẽ không thể chấp nhận một đứa trẻ con xử sự như thế.

Jimmy thường chỉ gạt đầu, cảm ơn, rồi phớt lờ ông đi.

Lúc này đây, Jimmy nhận ra cái vẻ muốn truyền đạt kinh nghiệm của người đi trước hiện lên trong ánh mắt Theo khi ông ngồi xuống chiếc ghế trước mặt hắn và nhìn xuống sàn nhà, đoạn nở một nụ cười buồn bã khi nghe thấy tiếng bước chân và tiếng người nói lao xao vang lên từ căn hộ phía dưới. “Đường như chỉ có những dịp cưới xin, tang lễ thế này mới gặp được bạn bè và người thân, Jim nhỉ?”

“Đúng vậy,” Jimmy trả lời, vẫn đang cố gắng thoát khỏi cái cảm giác đeo đẳng lấy hắn từ bốn giờ ngày hôm qua rằng con người thực của hắn vẫn còn đang lơ lửng ngoài thân xác này, đang hoang mang lạc lối giữa không trung, loay hoay tìm đường để trở về với thân xác của mình trước khi trở nên quá mệt mỏi với trạng thái lơ lửng này và rơi tõm vào tâm đen của trái đất như một viên đá.

Theo đặt tay lên đầu gối mình và nhìn Jimmy cho tới khi hắn ngẩng đầu lên và nhìn lại. “Anh cảm cự được chứ?”

Jimmy nhún vai. “Con vẫn chưa hoàn toàn chấp nhận được nó.”

“Khi chấp nhận được rồi thì sẽ đau đớn lắm đấy.”

“Con biết.”

“Đau chết đi được. Ta có thể đảm bảo với con như vậy.”

Jimmy lại nhún vai, bụng sôi lên một thứ cảm giác giống như là giận dữ. Đây là thứ hắn cần vào lúc này ư, một bài giáo huấn về nỗi đau của Theo Savage. Thật là ngớ ngẩn.

Theo cúi người về phía trước. “Khi Janey của ta qua đời, xin Chúa phù hộ cho linh hồn bà ấy, ta đã không gượng dậy nổi trong suốt sáu tháng trời. Mới hôm trước bà ấy còn ở đây, người vợ xinh đẹp của ta mà hôm sau thì sao? Đã mất rồi.”

Ông búng tay một cái rồi nói tiếp. “Ngày hôm đó, Chúa lại có thêm một thiên thần còn ta mất đi một vị thánh. Nhưng ơn Chúa, lúc đó lũ trẻ đều đã lớn hết rồi. Thế nên ta mới có thể cho phép mình để tang bà ấy trong vòng sáu tháng. Một hành động xa xỉ. Nhưng con rể, con thì không làm thế được.”

Theo lại ngửa người ra sau, dựa lưng vào ghế và Jimmy lại thấy bụng sôi lên. Janey Savage mất cách đây mười năm và Theo mượn rượu giải sầu trong suốt một thời gian dài, không phải sáu tháng mà có lẽ tới hai năm. Thật ra rượu mới chính là bạn đồng hành trong suốt cuộc đời Theo, nhưng chỉ được công khai thừa nhận sau cái chết của Janey. Khi bà còn sống, ông cũng chẳng quan tâm tới bà nhiều hơn một miếng bánh mì cũ.

Jimmy nhân nhượng với Theo vì hắn phải làm vậy - ông chính là cha vợ của hắn. Nhìn bên ngoài, trông họ giống như bạn bè. Mà có lẽ Theo cũng nghĩ vậy. Năm tháng cũng biến đổi Theo thành một người thích thể hiện tình cảm dạt dào với con gái và hết sức cưng chiều các cháu ngoại. Nhưng không phán xét một người dựa trên quá khứ lỗi lầm của họ là một chuyện, chấp nhận lời khuyên của họ lại là chuyện khác.

“Vậy, anh hiểu ta nói gì chứ?” Theo nói. “Anh nhất định không được để đau thương biến thành một thứ đặc ân, Jim, khiến anh né tránh trách nhiệm đối với gia đình.”

“Trách nhiệm đối với gia đình con á?” Jimmy nói,

“Chính thế. Anh biết đấy, anh phải quan tâm tới con gái và các cháu ta. Chúng mới là ưu tiên hàng đầu của anh bây giờ.”

“Vâng,” Jimmy nói. “Bố cho là con sẽ quên mất điều đó sao?”

“Ta không nói là con sẽ quên, Jim. Mà là có thể. Thế thôi.”

Jimmy nhìn chăm chăm vào xương bánh chè bên trái của bố vợ và tưởng tượng nó nổ tung ngay ra trước mắt mình, bê bết máu.

“Bố này.”

“Ừ, Jim.”

Jimmy lại hình dung đến lượt xương bánh chè bên phải của bố vợ nổ tung rồi tới hai khuỷu tay cũng chịu chung số phận.

“Chuyện này có thể bàn sau không ạ?”

“Chả có lúc nào phù hợp hơn lúc này.” Theo cười to nhưng trong điệu cười lại có ý cảnh cáo.

“Ngày mai chẳng hạn.” Jimmy rời mắt khỏi khuỷu tay bên trái của Theo và nhìn vào mắt bố vợ. “Ý con là ngày mai cũng được mà, phải không ạ?”

“Anh không nghe tôi nói là chả lúc nào phù hợp hơn lúc này à, Jimmy?”

Theo bắt đầu bực mình. Ông ta là một người lực lưỡng, tính tình nóng nảy hung bạo khiến nhiều người sợ hãi. Lâu rồi thành quen, thấy mọi người trên phố nhìn mình run sợ ông ta lại tưởng nhầm là vì kính trọng. “Theo ta thì thật ra chả có lúc nào là lý tưởng để đề cập tới chuyện này cả. Đúng không? Thế nên cứ càng sớm càng tốt.”

“Đúng thế,” Jimmy nói. “Đúng là như bố nói, không lúc nào như lúc này. Phải không?”

“Đúng vậy. Con rẽ ngoan.” Theo vỗ vỗ vào đầu gối Jimmy và đứng dậy. “Anh sẽ vượt qua chuyện này thôi. Anh sẽ phải tiến về phía trước. Trong lòng đau đớn nhưng vẫn phải đi về phía trước. Vì anh là một người đàn ông. Tôi có nói với Annabeth trong đêm tân hôn của hai đứa, có nhớ không? Tôi nói rằng, ‘Con gái, con đã tìm thấy cho mình một người đàn ông đích thực. Một người hoàn hảo. Một tay vô địch. Một anh chàng mà...’ ”

“Như khi người ta nhét nó vào trong một cái túi,” Jimmy nói.

“Cái gì cơ?” Theo nhìn hắn.

“Đó là dáng vẻ của Katie khi con tới nhận diện con bé trong nhà xác đêm qua. Giống như ai đó đã nhét nó vào trong một cái túi rồi lấy ống sắt nện.”

“Được rồi, được rồi, đừng để chuyện đó...”

“Thậm chí không thể phân biệt được nó thuộc chủng tộc nào nữa. Là người da đen, người Puerto Rico như mẹ nó hay là người Á rập? Nhưng không phải là người da trắng.” Jimmy nhìn xuống tay mình đang siết chặt giữa hai đầu gối, quan sát những vết ố trên sàn bếp, một vết màu nâu cạnh chân trái của hắn và một vết màu mù tạt cạnh chân bàn. “Janey ra đi trong giấc ngủ của bà. Con rất tôn trọng bố, nhưng phải thừa nhận rằng chuyện đó giống như mẹ đi ngủ rồi không bao giờ trở dậy nữa. Một cách thanh thản.”

“Anh không cần phải lôi Janey vào đây. Được không?”

“Nhưng con gái con thì sao? Nó bị người ta sát hại. Thật là có chút khác biệt.”

Trong giây lát, căn bếp trở nên yên tĩnh, chỉ nghe thấy tiếng rì rào của sự im lặng, thứ âm thanh mà người ta vẫn thường bắt gặp ở một căn hộ trống trải phía trên một căn hộ chật ních người. Jimmy tự hỏi không hiểu Theo có dần dần tới mức tiếp tục cãi nhai với hắn. Nói đi, Theo, nói thêm vài lời ngu ngốc nữa đi. Tôi đang ở trong cái tâm trạng sôi sùng sục chỉ muốn trút hết lên người khác đây.

“Nghe này, ta hiểu,” Theo nói và Jimmy buột ra một tiếng thở dài ngao ngán. “Ta hiểu chứ. Nhưng, Jim, anh không cần thiết phải...”

“Gì cơ?” Jimmy cắt ngang. “Con không cần thiết phải sao cơ? Ai đó gì súng vào con gái con và bắn vỡ gáy nó mà bố lại muốn con phải sắp xếp lại thứ tự ưu tiên đối với nỗi thương đau của mình ư? Có phải là bố muốn vậy không? Con nói không sai đâu chứ, bố định đứng đây để đóng vai cha đạo sao?”

Theo nhìn xuống chân, thở phì phò, hai tay nắm chặt lại như tư thế chuẩn bị ra quyền.

“Ta không nghĩ là ta lại xứng đáng bị đối xử như thế.”

Jimmy đứng dậy và đặt chiếc ghế lại gần bàn bếp. Hắn nhắc một thùng giữ lạnh để trên sàn lên và bảo, “Giờ chúng ta có thể xuống dưới được chưa, Theo?”

“Dĩ nhiên rồi,” Theo nói. Ông đứng dậy, chẳng thèm xếp ghế vào chỗ cũ, rồi nhắc cái thùng giữ lạnh kia lên. “Thôi được rồi, được rồi. Nói chuyện với anh không chọn ngày nào lại chọn sáng nay, đúng là một ý kiến tồi. Anh vẫn chưa sẵn sàng. Nhưng...”

“Theo? Bỏ đi. Đừng nói gì cả. Chỉ thế thôi có được không?”

Jimmy bê thùng lạnh lên và bắt đầu bước xuống cầu thang. Hắn băn khoăn không biết có làm méch lòng Theo hay không nhưng rồi quyết định chẳng hơi đâu mà để ý tới chuyện đó. Ngay lúc này đây họ đang tiến hành giải phẫu tử thi của Katie. Jimmy nhớ tới mùi chiếc nôi của con bé hồi nhỏ trong khi tại phòng xét nghiệm pháp y người ta đang bày ra xung quanh nó những chiếc dao mổ, kẹp banh ngực và cửa xương.

Sau đó, khi khách khứa bắt đầu thưa dần, Jimmy đi ra hiên sau và ngồi dưới đám quần áo đang bay phàn phật trên dây phơi từ chiều thứ Bảy. Hắn ngồi đó dưới ánh mặt trời ấm áp, hai chiếc ống quần vải bông chéo của Nadine đung đưa trên đầu. Annabeth và hai đứa con gái của hắn đã khóc cả đêm qua, cả căn hộ chìm trong tiếng nức nở của họ và Jimmy đã tưởng rằng mình cũng sẽ rơi nước mắt bất cứ lúc nào. Nhưng hắn không hề khóc. Hắn la hét như điên trên ngọn đồi đó khi nhìn thấy ánh mắt của Sean Devine báo hiệu rằng con gái hắn đã chết. La hét tới lạc cả giọng. Nhưng ngoài hành động đó ra hắn chẳng còn cảm giác nào khác. Nên giờ hắn tới đây ngồi và sẵn sàng để rơi nước mắt.

Hắn tự tra tấn mình với những hình ảnh Katie hồi còn bé, Katie phía bên kia chiếc bàn sắt sọc ở nhà tù Deer Island, Katie khóc tới khi thiếp đi trong tay hắn sáu tháng sau khi hắn ra tù, hồi bố khi nào mẹ trở về. Katie bé bỏng nghịch nước bắn tung tóe trong bồn tắm, Katie tám tuổi đã biết đi xe đạp đến trường. Hắn nhìn thấy Katie mỉm cười, Katie bịu môi giận dữ, Katie nhăn mặt vì giận dữ hay bối rối vì được bố giúp bày bàn ăn. Rồi hắn nhìn thấy một Katie lớn hơn ngồi trên chiếc xích đu ở sân sau với Diane và Eve chờ một ngày mùa hè đông dài trôi qua, cả ba đứa trông đều lóng ngóng trước ngưỡng cửa tuổi dậy thì, ngực và chân phát triển quá nhanh. Hắn thấy Katie nằm sấp trên giường với Sara và Nadine bò trên người. Hắn nhìn thấy con bé trong trang phục dạ hội ở trường trung học. Nhìn thấy con bé ngồi bên cạnh hắn trong chiếc xe Grand Marquis, cảm hơi rung rung khi cua xe tránh khỏi vĩa hè trong ngày đầu học lái. Nhìn thấy con bé la hét, hờn dỗi, cãi lại hắn trong những năm ở tuổi mới lớn mà không hiểu tại sao lại thấy thân thương hơn cả những hình ảnh lúc tươi tỉnh, dễ thương.

Hắn liên tục nhìn thấy con bé nhưng hắn không thể khóc.

Rồi nước mắt sẽ tới thôi, một giọng nói bình tĩnh vang lên trong đầu hắn. Người vẫn còn đang trong cơn sốc.

Nhưng cơn sốc đã trôi qua, hắn đáp lại. Từ lúc Theo gây sự ở trên gác.

Và khi cơn sốc qua đi, sẽ xuất hiện một thứ cảm xúc.

Thứ cảm xúc đó tôi đã cảm nhận được rồi.

Là thương tiếc, giọng nói kia bảo. Là phiền muộn.

Nhưng đó không phải là thương tiếc. Cũng không phải là phiền muộn. Mà là giận dữ.

Người cũng sẽ cảm thấy có chút giận dữ. Nhưng rồi người sẽ vượt qua.

Nhưng tôi lại không muốn vượt qua.

16. Chương 16: Tôi Cũng Vậy, Rất Vui Được Gặp Lại Cậu

Dave trên đường đón Michael đi học về tới đoạn rẽ thì thấy Sean Devine và một người nữa đang đứng dựa vào một chiếc xe sedan màu đen đỗ trước cổng nhà họ. Chiếc xe sedan màu đen mang biển của chính quyền bang, trên xe có nhiều thiết bị ăng ten tới mức có thể phát thông điệp tới tận sao Kim và chỉ cần liếc qua người bạn đồng hành của Sean từ khoảng cách mười lăm mét cũng có thể nhận ra ông ta là cảnh sát. Ông ta có cái cằm vênh lên, trông hơi phô trương rất tiêu biểu cho vẻ mặt cảnh sát cũng như dáng đứng trụ vào hai gót chân nhưng chỉ chực lao bổ về phía trước. Nếu như những chi tiết đó còn chưa đủ sức nặng thì mái đầu húi cua kiểu nhà binh ở một người ngoài bốn mươi và cặp kính giọt lệ gọng vàng chính là một gợi ý hết sức rõ ràng.

Dave siết chặt lấy tay Michael và có cảm giác như ai đó vừa lôi một con dao cắm trong nước đá ra đâm phập vào phổi anh. Anh toan dừng lại, hai bàn chân như muốn mọc rễ trên vỉa hè, nhưng dường như có một sức mạnh nào đó thúc anh về phía trước và anh hy vọng biểu hiện của anh thật bình thường, thoải mái. Sean quay đầu về phía hai cha con anh, ánh mắt ban đầu có vẻ thờ ơ nhưng đột nhiên trở nên sinh động khi bắt gặp ánh mắt của Dave.

Cả hai cùng mỉm cười, nụ cười của Dave nở ra hết cỡ còn Sean cũng toét cả miệng khiến Dave hơi sững sốt vì nét mặt của Sean giống như là cậu ta thực sự phấn khởi.

“Dave Boyle,” Sean nói và rời khỏi chiếc xe, chìa tay ra. “Đã bao lâu rồi nhỉ?”

Dave bắt tay Sean và lại thêm một lần sững sốt vì ngạc nhiên khi Sean vui vẻ vỗ vai anh.

“Từ hồi gặp nhau ở Tap,” Dave nói. “Sáu năm rồi đấy nhỉ?”

“Ừ. Khoảng thế. Trông cậu khá đấy, bạn già.”

“Cậu dạo này thế nào, Sean?” Dave đột nhiên cảm thấy trong lòng ảm áp, một thứ cảm giác mà lý trí khuyên anh nên tránh xa.

Nhưng tại sao phải trốn tránh? Bạn bè ngày xưa chả còn lại mấy người. Không phải là do những nguyên nhân cũ rích như đi tù, nghiện hút hay bị cảnh sát bắt. Mà là rất nhiều người trong số họ đã bỏ ra sống ở ngoại ô thành phố hay tới các bang khác với ham muốn được hòa nhập thế giới, gia nhập một câu lạc bộ chơi gôn tiếng tăm, trở thành khách hàng trung thành của các siêu thị, làm chủ các doanh nghiệp nhỏ với các cô vợ tóc vàng và sở hữu màn hình ti vi siêu đại trong phòng khách.

Đúng là chẳng còn mấy người ở lại và Dave chợt thấy xốn xang một niềm tự hào và vui sướng pha lẫn chút âu lo khi siết chặt lấy tay Sean và nhớ lại cái ngày trên sân ga tàu điện ngầm khi Jimmy nhảy xuống đường ray và những ngày thứ Bảy mà với anh chính là những ngày có tên “Không có gì là không thể”.

“Tớ ổn,” Sean nói có vẻ thật lòng dù Dave vẫn nhận thấy nụ cười Sean chợt trở nên hơi gượng gạo. “Còn đây là ai thế này?”

Sean cúi xuống cạnh Michael.

“Con trai tớ, Michael,” Dave nói.

“Chào cháu, Michael. Rất vui được làm quen với cháu.”

“Chào chú.”

“Chú là Sean, một người bạn xưa, rất xưa của bố cháu.”

Dave nhận thấy giọng nói của Sean đã khiến Michael tươi tỉnh hẳn lên. Sean rõ ràng có một chất giọng đặc biệt, giống như những người lồng tiếng quảng cáo những bộ phim sắp công chiếu khiến Michael mặt mũi sáng ngời, cứ như là nhìn thấy một huyền thoại, rằng người đàn ông lạ mặt cao lớn, đầy tự tin này cũng từng vui chơi với bố cậu trên những ngõ phố quen thuộc này, cũng từng có những giấc mơ giống cậu và bạn bè cậu.

“Cháu rất vui được gặp chú,” Michael nói.

“Chú rất vinh dự, Michael.” Sean bắt tay Michael rồi đứng thẳng dậy nói với Dave. “Thật là một cậu bé xinh xắn, Dave. Celeste dạo này thế nào?”

“Tốt, tốt.” Dave cố nhớ lại tên người phụ nữ mà Dave lấy làm vợ nhưng chỉ nhớ ra được là họ gặp nhau ở trường đại học. Laura? Hay là Erin nhỉ?

“Cho tớ gửi lời chào tới cô ấy nhé!”

“Dĩ nhiên rồi. Cậu vẫn làm bên cảnh sát bang à?” Dave khẽ nheo mắt vì ánh mặt trời ló ra sau một đám mây phản chiếu trên chiếc xe màu đen bóng nhẫy của cảnh sát.

“Ừ,” Sean nói. “Đây là trung sĩ Powers, Dave. Sếp của tớ. Tổ điều tra án mạng của tiểu bang.”

Dave bắt tay trung sĩ Powers, hai từ Án mạng treo lơ lửng giữa hai người bọn họ.

“Ông khỏe không?”

“Rất tốt, ông Boyle. Ông thì sao?”

“Cũng ổn.”

“Dave này,” Sean lên tiếng, “cậu có vài phút không, bọn tớ chỉ muốn hỏi cậu vài câu nhanh thôi.”

“Ừ, có. Chuyện gì vậy?”

“Chúng ta có thể vào trong nhà nói chuyện được không, ông Boyle?” Trung sĩ Powers nghiêng đầu về phía cửa nhà Dave.

“Dĩ nhiên rồi.” Dave lại cầm lấy tay Michael. “Mọi người đi theo tôi nào.”

Trong lúc leo lên cầu thang qua căn hộ của ông McAllister, Sean bảo, “Nghe nói ngay cả ở đây, tiền thuê nhà cũng đang tăng lên.”

“Ngay cả ở đây,” Dave nói, “người ta cũng cố biến thành khu Thượng, mỗi góc phố lại có một cửa hàng đồ cổ.”

“Khu Thượng ư, cậu nhớ ngôi nhà của bố tớ không? Họ chia ra thành những căn hộ kiểu mới.” Sean cười.

“Cậu không nói đùa đấy chứ? Đó là một ngôi nhà rất đẹp mà.”

“Tất nhiên là ông ấy đã bán nó đi trước khi thị trường lên giá.”

“Và bây giờ là khu căn hộ kiểu mới?” Dave nói, giọng vang lên sang sảng trong cầu thang hẹp. Anh khẽ lắc đầu. “Số tiền mà đám trẻ hãnh tiến kia trả cho mỗi căn hộ chắc bằng tiền bán cả nhà của bố cậu đấy.”

“Khoảng thế,” Sean nói. “Nhưng chúng ta có thể làm gì chứ?”

“Tớ không biết, nhưng vẫn nghĩ hẳn phải có cách nào ngăn cản bọn chúng lại chứ. Tổng chúng về nơi chúng đã lớn lên cùng với những chiếc máy điện thoại di động khổng lồ của chúng. Một người bạn tớ hôm gì có nói thế này ‘Cái mà địa phương chúng ta cần là một làn sóng tội phạm gia tăng, mẹ kiếp.’” Dave nói rồi cười lớn. “Điều đó sẽ khiến giá địa ốc tụt xuống như cũ. Giá thuê nhà cũng vậy. Đúng không?”

“Các cô gái trẻ vẫn tiếp tục bị sát hại trong công viên Pen, ông Boyle, mong ước của ông rất có thể trở thành hiện thực.” Trung sĩ Powers bảo.

“Ôi, đấy đâu phải mong ước cũng như quan điểm của tôi.” Dave nói.

“Tất nhiên rồi,” trung sĩ Powers đáp lại.

“Bố lại vừa chửi thề rồi, bố.” Michael lên tiếng.

“Xin lỗi con, Mike. Chuyện đó sẽ không tái diễn nữa.” Anh quay đầu lại nháy mắt với Sean rồi mở cửa ra.

“Vợ ông có nhà không ông Boyle?” Trung sĩ Powers hỏi khi họ bước vào bên trong.

“Vợ tôi hả? Không. Không. Cô ấy không có nhà. Mike này, con đi làm bài tập nhé, được không? Sau đó chúng ta lập tức tới nhà chú Jimmy và dì Annabeth.”

“Bố ơi con muốn...”

“Mike,” Dave nói và nhìn xuống con trai. “Con hãy lên gác ngay. Bố và các chú đây cần nói chuyện.”

Michael lập tức có cái vẻ của một đứa bé bị bỏ rơi khi bị gạt ra khỏi những cuộc đối thoại của người lớn. Thằng bé bước về phía cầu thang, hai vai thông xuống, hai bàn chân kéo lê như bị buộc đá. Rồi nó lại thở dài cái điệu thở dài của mẹ nó và leo lên cầu thang.

“Rất điển hình,” trung sĩ Powers vừa nói vừa ngồi xuống ghế sofa trong phòng khách.

“Ông nói gì cơ?”

“Cái kiểu thông vai của thằng bé. Con trai tôi vào tuổi đó cũng thường có động tác giống y như vậy mỗi khi bị bố mẹ bắt đi ngủ.”

“Thế à?” Dave nói rồi ngồi xuống chiếc ghế bành ở phía bên kia bàn uống nước.

Lúc đầu Dave hết nhìn Sean rồi lại nhìn trung sĩ Powers rồi hai người này quay ra nhìn anh, mắt nhướng lên, tất cả đều chờ đối phương lên tiếng trước.

“Cậu có nghe nói về Katie Marcus chứ?” Sean hỏi Dave.

“ Dĩ nhiên rồi,” Dave nói. “Tớ tới nhà họ sáng nay. Celeste vẫn còn ở đó. Chúa ơi, thật là một tội ác kinh hoàng.”

“Đúng vậy,” trung sĩ Powers nói.

“Các ông đã bắt được hần chưa?” Dave vừa hỏi vừa lấy lòng bàn tay phải xoa lên vết sưng phồng trên tay trái rồi chợt nhận ra động tác luống cuống ấy liền ngả lưng ra ghế, đút hai tay vào túi quần, cố tỏ ra vẻ thản nhiên.

“Chúng tôi vẫn đang điều tra vụ này. Ông có thể tin tưởng ở chúng tôi, ông Boyle.”

“Jimmy đối phó với chuyện này ra sao?” Sean hỏi.

“Cũng khó nói.” Dave nhìn Sean, hài lòng vì có thể rời mắt khỏi trung sĩ Powers, có gì đó trên khuôn mặt của người đàn ông này khiến anh không cảm thấy thoải mái, cái cách ông ta nhìn chòng chọc vào người khác như có thể đọc được tất cả những dối trá mà người ta muốn che giấu, ngay cả những lời nói dối đầu tiên trong đời.

“Cậu biết Jimmy là người thế nào rồi đấy,” Dave nói.

“Cũng không hẳn. Giờ thì tớ chẳng còn biết gì nữa.”

“Thì cậu ấy vẫn cái gì cũng giữ kín trong lòng như hồi xưa,” Dave nói. “Chả tài nào mà đoán nổi trong đầu cậu ấy đang nghĩ gì.”

Sean gật đầu đồng tình. “Bọn tớ tới đây là vì...”

“Tớ có nhìn thấy con bé,” Dave nói. “Không rõ cậu có biết không.”

Dave nhìn Sean, Sean xò hai bàn tay ra ý nói để Dave tiếp tục.

“Đêm ấy,” Dave kể, “tớ đoán là vào đêm mà con bé bị giết, tớ nhìn thấy nó ở quán McGills.”

Sean và viên cảnh sát kia trao đổi một cái nhìn, sau đó Sean cúi người về phía trước, nhìn thẳng vào Dave một cách thân thiện. “Đúng thế, Dave, đó cũng chính là lý do khiến bọn tớ tới đây. Tên cậu xuất hiện trong danh sách các khách hàng tới quán McGills đêm đó theo trí nhớ của người pha chế rượu. Nghe nói Katie đã quây từng bình ở đó.”

Dave gật đầu. “Con bé và một người bạn có nhảy nhót một lúc trên quầy bar.”

“Lúc đó họ đã khá say rồi phải không?” Viên cảnh sát kia hỏi.

“Đúng thế, nhưng...”

“Nhưng sao cơ?”

“Nhưng không tới mức mất hết lý trí. Bọn nhóc có nhảy nhót nhưng không thoát y hay làm những trò nhảm nhí khác. Mấy đứa con gái bao nhiêu, mười chín tuổi thì phải. Cậu biết rồi đấy.”

“Mười chín tuổi mà được phục vụ rượu ở quán bar thì có nghĩa là quán bar đó sẽ bị rút giấy phép bán rượu một thời gian,” trung sĩ Powers lên tiếng.

“Ông thì chưa từng sao?”

“Gì cơ?”

“Khi còn trẻ, chẳng lẽ ông chưa từng tới quán bar uống rượu dù chưa đủ tuổi?”

Trung sĩ Powers chỉ mỉm cười, nhưng nụ cười, giống như ánh mắt của ông, khiến Dave có cảm giác như bị nhìn thấu, như thể mỗi bộ phận trên người ông ta đều có khả năng dò xét người khác.

“Ông có thể cho chúng tôi biết là ông rời quán McGills vào lúc mấy giờ được không, ông Boyle?”

Dave nhún vai. “Có lẽ khoảng một giờ hay gì đó.”

Trung sĩ Powers ghi lại chi tiết đó vào cuốn sổ tay đặt trên đầu gối.

Dave quay ra nhìn Sean.

“Chỉ là kiểm tra lại tất cả các chi tiết cho chắc chắn. Cậu ở đó với Stanley Kemp đúng không? Chính là Stanley Khổng Lồ?”

“Đúng vậy.”

“Cậu ta dạo này thế nào rồi? Nghe nói con cậu ấy mắc bệnh ung thư gì đó.”

“Bệnh máu trắng,” Dave nói. “Từ mấy năm nay. Thằng bé mất rồi. Mới bốn tuổi đầu.”

“Ôi trời,” Sean nói, “đúng là hãi hùng. Mẹ kiếp. Chẳng ai có thể biết trước được. Một phút trước còn lượn tung giời, phút sau rẽ một phát, dính phải một thứ bệnh kỳ quái nào đó rồi năm tháng sau lăn ra chết. Thế giới này là thế.”

“Đúng vậy. Nhưng Stan thì xem ra vẫn ổn. Cậu ấy có một việc làm tốt ở Edison, vẫn chơi bóng rổ cho câu lạc bộ Park League các tối thứ Ba và thứ Năm hằng tuần.”

“Vẫn là nỗi kinh hoàng trước cầu môn chứ?” Sean cười.

Dave cũng bật cười. “Vẫn chuyên dùng khuỷu tay chèn ép người khác.”

“Cậu có biết các cô gái rời khỏi quán lúc mấy giờ không?” Sean hỏi, tiếng cười vẫn còn ngân nga trong họng.

“Tớ cũng chẳng biết. Vào cuối trận đấu của đội Sox.” Dave trả lời.

Sao Sean lại hỏi vòng vo như vậy? Cậu ta có thể hỏi trực tiếp nhưng lại muốn mượn cớ với câu chuyện của Stanley Khổng Lồ. Không phải vậy sao? Hay cậu ấy chỉ tiện hỏi thế. Dave cũng không biết nữa. Liệu anh có phải là một kẻ bị tình nghi không? Anh thực sự bị tình nghi trong cái chết của Katie sao?

“Một trận đấu muộn,” Sean nói. “Theo giờ California.”

“Khoảng mười giờ ba mươi lăm, đúng vậy. Có thể nói họ đi trước tôi khoảng mười lăm phút.”

“Nghĩa là khoảng mười hai giờ bốn mươi lăm.” Viên cảnh sát kia nói.

“Khoảng đấy.”

“Có biết họ đi đâu không?”

Dave lắc đầu. “Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy họ.”

“Vậy sao?” chiếc bút của trung sĩ Powers chực sẵn trên đầu gối.

“Đúng vậy,” Dave gật đầu.

Trung sĩ Powers lại ghi chép vào sổ, ngòi bút loẹt xoẹt trên giấy như một cái vuốt nhỏ.

“Dave, cậu có nhớ chuyện một gã ném chìa khóa vào người khác không?”

“Gì cơ?”

“Có một gã,” Sean vừa nói vừa gỡ sổ của mình ra, “tên là Joe Crosby. Các bạn của hắn ta muốn giữ chìa khóa xe của hắn lại. Hắn ta liền ném nó vào họ. Đang lên cơn mà. Cậu có chứng kiến cảnh đó không?”

“Không. Tại sao?”

“Nghe cứ như chuyện đùa,” Sean nói. “Không muốn rời khỏi chìa khóa của mình nên ném nó đi. Đúng là triết lý của người say có khác.”

“Chắc thế.”

“Cậu có để ý thấy bất cứ chuyện gì bất thường đêm hôm đó không?”

“Ý cậu là gì?”

“Chẳng hạn như ai đó trong quán bar nhìn các cô gái một cách vô cùng thân thiết? Những kẻ như vậy, cậu biết đấy, chuyên nhìn các phụ nữ trẻ với một mối thù hận chất chứa, vẫn còn chấp nhứt chuyện ngày xưa phải ngồi nhà không được tham dự dạ hội tốt nghiệp vì chẳng có cô gái nào thèm để ý tới và cho tới giờ vẫn vậy, tình hình chả khá lên được chút nào. Thế nên họ xem phụ nữ là nguyên nhân của mọi tội lỗi. Cậu biết những gã này chứ?”

“Quả thật là có gặp vài gã như vậy,”

“Có gã nào như vậy xuất hiện ở quán bar đêm đó không?”

“Tớ thì chả nhìn thấy ai như thế cả. Mà tớ chủ yếu là ngồi theo dõi trận đấu. Thậm chí còn chả để ý tới mấy cô gái đó, cho tới khi họ nhảy lên trên quầy bar.”

Sean gật đầu.

“Một trận bóng hay,” trung sĩ Powers nói.

“Đúng thế, Pedro chơi thật xuất sắc. Thiếu điều thì đội kia thua trắng nếu không có cú sai lầm ngớ ngẩn ở hiệp thứ tám.”

“Không sai. Anh ta đúng là đáng đồng tiền bát gạo.”

“Anh ấy là tay chơi xuất sắc nhất hiện nay,” Trung sĩ Powers quay sang Sean và hai bọn họ cùng lúc đứng dậy.

“Chỉ có vậy thôi sao?” Dave hỏi.

“Vâng, ông Boyle.” Ông ta bắt tay Dave. “Cảm ơn sự giúp đỡ của ông.”

“Không có gì. Rất vui lòng được giúp đỡ các ông.”

“Ôi, chết, quên bég mất.” Trung sĩ Powers nói. “Tôi quên chưa hỏi, ông đi đâu sau khi rời khỏi quán McGills, thưa ông?”

“Về đây.” Những lời đó vượt ra khỏi miệng Dave trước khi anh kịp động não.

“Về nhà ư?”

“Đúng thế.” Dave cố giữ ánh mắt kiên định, giọng nói rành rọt.

Trung sĩ Powers lại giở sổ ra, “Về tới nhà vào lúc một giờ mười lăm.” Ông ta ngược nhìn Dave hỏi lại. “Đúng không?”

“Khoảng thế.”

“Vậy được rồi, ông Boyle. Cảm ơn ông lần nữa.”

Trung sĩ Powers đã đi ra tới gần cầu thang còn Sean đứng lại cạnh cửa và bảo, “Gặp lại cậu thực sự rất vui, Dave.”

“Tớ cũng vậy,” Dave trả lời, cố nhớ ra điểm gì khiến anh không thích Sean lúc họ còn nhỏ. Nhưng không tìm thấy câu trả lời.

“Chúng ta thỉnh thoảng gặp nhau uống bia một chút,” Sean nói. “Hẹn sớm gặp lại.”

“Tớ cũng hy vọng thế.”

“Vậy được rồi. Cậu nhớ bảo trọng nhé, Dave.”

Họ bắt tay và Dave cố không nhăn mặt trước áp lực khiến bàn tay sưng của anh đau nhói.

“Cậu cũng vậy, Sean.”

Sean đi xuống dưới cầu thang trong khi Dave đứng ở trên nhìn xuống. Sean thò tay ra sau đầu vẫy một lần nữa và Dave cũng vẫy lại mặc dù biết là Sean không nhìn thấy.

Anh quyết định dùng một ly bia trong bếp trước khi quay trở lại nhà Jimmy và Annabeth. Anh hy vọng Michael không chạy xuống khi nghe thấy Sean và viên cảnh sát kia đã đi khỏi vì anh cần vài phút tĩnh lặng để chấn chỉnh lại đầu óc, suy nghĩ một cách mạch lạc. Anh thực sự vẫn không hiểu chuyện gì đã diễn ra vài phút trước đó trong phòng khách. Sean và tay cảnh sát kia hỏi anh những câu vừa giống như hỏi nhân chứng vừa giống như hỏi một đối tượng tình nghi, sự thiếu nhất quán trong giọng điệu của họ khiến anh nghi ngờ lý do họ tạt qua đây. Và sự nghi ngờ ấy khiến anh hết sức đau đầu. Mỗi khi Dave nghi ngờ một tình huống nào đó thì mặt đất dường như chuyển động và trơn trượt dưới chân anh, đầu anh như vỡ làm đôi, giống như bị bổ bằng dao. Điều đó thường khiến anh lên cơn đau đầu và đôi khi còn tệ hơn thế.

Vì đôi khi Dave không còn là Dave nữa. Mà là Thăng Bé. Thăng Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói. Nhưng không chỉ có vậy. Thăng Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói và Trưởng Thành. Và đó là một sinh vật hoàn toàn khác với anh chàng Dave Boyle giản đơn ngày thường. Thăng bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói và Trưởng Thành là một động vật của bóng đêm, di chuyển xuyên qua các khu rừng một cách lặng lẽ và vô hình. Nó sống trong một thế giới mà những người khác không bao giờ nhìn thấy, không bao giờ đối mặt, không bao giờ biết tới hay không muốn biết là nó tồn tại, một thế giới vận hành như một dòng chảy đen tối bên cạnh thế giới của chúng ta, một thế giới của dễ mèn, đom đóm mà mắt thường không thể nhìn thấy, chỉ đôi khi xuất hiện ở đuôi mắt trong một phần triệu giây, khi quay đầu lại thì đã hoàn toàn biến mất.

Đó là thế giới mà Dave sống phần lớn thời gian. Không phải là Dave bình thường mà là Dave trong vai Thăng Bé kia. Và Thăng Bé đã trải qua một giai đoạn trưởng thành khó khăn. Ngày càng trở nên giận dữ, hoang tưởng và có khả năng làm những việc mà Dave bình thường không bao giờ có thể tưởng tượng ra. Thường thì Thăng Bé chỉ tồn tại trong thế giới mơ mộng của Dave, giống như một con vật hoang dã, lao như tên bắn qua những lùm cây rậm rạp, chỉ đôi khi hiện ra trong nháy mắt. Chừng nào cậu còn sống trong khu rừng mơ mộng của Dave thì cậu là kẻ vô hại. Từ khi còn nhỏ, Dave đôi khi bị hành hạ bởi những cơn mất ngủ. Chúng có thể không xuất hiện trong nhiều tháng, rồi lại đột ngột ập tới kéo Dave vào trong cái thế giới ồn ã, kích động của những cơn giật mình thức giấc liên tục mà không bao giờ có thể ngủ say. Sau một vài ngày như thế, Dave lại bắt đầu nhìn thấy những ảo ảnh - phần lớn là lũ chuột, nhưng nhúc nhích trên những tấm gỗ lát sàn, trên bàn làm việc, đôi khi còn có cả những con ruồi đen lao như tên bắn trong các góc phòng và bay sang phòng khác. Những đốm sáng nhỏ xíu bất ngờ nổ tanh tách trước mắt anh. Mọi người đều như làm bằng cao su. Và Thăng Bé sẽ nhấc chân khỏi ngưỡng cửa của khu rừng mơ mộng để bước ra thế giới. Thường thì Dave có thể giám sát Thăng Bé, nhưng đôi khi Thăng Bé cũng làm Dave sợ.

Thằng Bé gào thét trong tai Dave. Thằng Bé có một điệu cười vào những lúc không thích hợp. Thằng Bé đe dọa sẽ rạch lớp mặt nạ thường ngày trên mặt Dave và xuất hiện trước mặt mọi người ở thế giới thực.

Từ ba ngày trở lại đây Dave gần như không ngủ. Anh nằm chong chong cạnh vợ hàng đêm, ngắm nhìn cô ngủ say trong khi Thằng Bé nhảy nhót trong đầu anh, những quả cầu ánh sáng nổ tanh tách trong không khí lại xuất hiện trước mắt anh.

“Chỉ cần chấn chỉnh lại đầu óc một chút,” anh thì thào và nhấp một ngụm bia. Chỉ cần chấn chỉnh lại đầu óc một chút rồi mọi chuyện lại đầu vào đây, anh tự nhủ khi nghe tiếng Michael đi xuống cầu thang. Chỉ cần kiềm chế cho tới khi mọi chuyện lắng xuống rồi ta sẽ ngủ một giấc thật dài, thật ngon lành và Thằng Bé sẽ trở về khu rừng của nó, mọi người sẽ không giống như được làm bằng cao su nữa, lũ chuột sẽ chui vào lỗ và bọn ruồi đen kia sẽ cút theo chúng.

Khi Dave quay trở lại nhà Jimmy và Annabeth, dẫn theo Michael, thì đã hơn bốn giờ chiều. Trong nhà đã vắng khách và phẳng phất một thứ không khí lạnh lạnh - từ những khay bánh đã vơi một nửa, hơi thuốc lá mọi người hút cả ngày đọng lại trong phòng khách và cái chết của Katie. Suốt buổi sáng và đầu giờ chiều là một thứ không khí trầm mặc, mang tính cộng đồng thể hiện tình yêu thương và sự đau xót nhưng tới khi Dave quay lại thì nó đã biến thành một thứ lạnh lẽo hơn, khi máu đã bắt đầu khó lưu thông vì ngồi quá lâu trên ghế và những lời thì thào tạm biệt bắt đầu vang lên trong hành lang.

Theo Celeste, Jimmy đã ngồi phần lớn buổi chiều ở hiên sau. Anh chỉ thỉnh thoảng vào nhà để kiểm tra Annabeth và nhận thêm những lời chia buồn mới rồi lại trở ra ngoài đó, ngồi dưới đám dây phơi quần áo đã khô và cứng lại từ lâu. Dave hỏi Annabeth xem có cần giúp gì không nhưng cô liên tục lắc đầu và Dave nhận ra rằng việc đó là thừa thãi. Nếu Annabeth thực sự cần nhờ vả chuyện gì thì cũng còn lâu mới tới lượt anh. Và anh cố nhắc nhở mình nguyên nhân tới đây để tránh không cảm thấy bức bối vì điều đó. Anh nhận ra rằng anh không phải là loại người mà người khác tìm đến khi cần giúp đỡ. Đôi khi giống như anh không phải là người của hành tinh này và anh biết với một niềm hối tiếc sâu sắc nhưng cam chịu rằng cả đời này anh sẽ phải sống như một kẻ hiếm khi được người khác trông chờ và tin cậy.

Anh mang cái tâm trạng vật vờ đó ra ngoài hiên sau. Anh tới sau lưng Jimmy lúc này đang ngồi dưới đám quần áo bay phấp phật trên một chiếc ghế xếp cũ bằng gỗ, đầu hơi ngẩng lên khi nghe tiếng bước chân Dave lại gần.

“Tôi có làm phiền cậu không Jim?”

“Dave à.” Jimmy mỉm cười khi Dave vòng ra trước ghế của cậu ta. “Không, không. Ngồi xuống đi.”

Dave ngồi lên một chiếc thùng nhựa đựng sữa phía trước Jimmy. Anh có thể nghe thấy từ căn hộ phía sau lưng Jimmy vang lên một hợp âm rì rào, tiếng người nói lao xao không nghe rõ, tiếng bát đĩa leng keng, tiếng cuộc sống chuyển động.

“Cả ngày hôm nay vẫn chưa có cơ hội nói chuyện với cậu,” Jimmy nói. “Cậu thế nào?”

“Cậu thế nào thì có?” Dave nói. “Tôi phải hỏi cậu mới phải.”

Jimmy duỗi hai tay lên quá đầu rồi ngáp. “Mọi người cứ liên tục hỏi tôi thế, cậu có biết không? Cũng đúng thôi.” Cậu ta buông hai tay xuống rồi nhún vai. “Tâm trạng tôi dường như thay đổi theo từng thời khắc. Hiện giờ thì tôi không sao. Nhưng nó có thể sẽ thay đổi, Và chắc là sẽ thay đổi.” Cậu nhún vai lần nữa và nhìn Dave. “Tay cậu sao vậy?”

Dave nhìn xuống bàn tay mình. Anh có cả một ngày để tìm ra một lời giải thích phù hợp nhưng lại quên bẵng mất. “Vết sừng này á? Tôi giúp một người bạn khiêng ghế sofa, lúc lên cầu thang bị kẹp tay vào cửa, ghế chèn lên.”

Jimmy ngẩn đầu nhìn lại các đốt tay bị sừng và những ngón tay phù nề của Dave. “À, ra thế.”

Dave biết là Jimmy không tin vào câu chuyện của anh nên quyết định phải nghĩ ra một lý do hợp lý hơn nếu có ai lại hỏi anh về vết sừng đó.

“Lại thêm một trò ngớ ngẩn nữa. Tự mưu hại bản thân.” Dave nói.

Jimmy nhìn thẳng vào mặt Dave như hoàn toàn quên bằng câu chuyện về bàn tay bị sưng, nét mặt khẽ dịu lại. “Gặp lại cậu thật tốt,” hắn nói.

Dave suýt nữa thì thốt lên, “Thật sao?”

Trong hai mươi lăm năm quen biết, Dave nhớ là chưa bao giờ thấy Jimmy vui mừng khi nhìn thấy anh. Đôi khi anh có cảm giác như Jimmy không thấy phiền khi gặp anh nhưng vui mừng thì lại là một chuyện khác. Ngay cả khi hai người quay trở lại trong cuộc sống của nhau vì kết hôn với hai chị em họ con cô con cậu, Jimmy cũng chưa bao giờ có biểu hiện gì cho thấy mối quan hệ của họ khác với những người quen biết thông thường. Sau một thời gian thì Dave cũng bắt đầu chấp nhận thái độ đó của Jimmy.

Rằng họ chưa bao giờ là bạn bè của nhau. Rằng họ chưa bao giờ cùng nhau chơi bóng chày, đá ống bơ và trốn tìm trên phố Rester. Họ chưa bao giờ, trong suốt một năm dành mọi ngày thứ Bảy giao du với Sean Devine, chơi trò chiến tranh trong các hầm mỏ khai thác đá dăm trên phố Harvest, leo trèo trên mái nhà ở khu kho công nghiệp gần công viên Pope, cùng xem phim Hàm cá mập ở rạp Charles để mà sợ rúm lại ở trên ghế và la hét ầm ĩ. Họ cũng chưa bao giờ cùng đi xe đạp lao dốc, tranh cãi với nhau xem ai sẽ là Starsky, ai là Hutch và ai phải đóng vai Kolchak, những nhân vật chính trong bộ phim Kể rình rạp về đêm. Những cú trượt mạo hiểm đến vỡ cả xe trượt từ trên đồi Somerset những ngày đầu tiên sau cơn bão tuyết lịch sử năm 1975 cũng chưa từng xảy ra. Chiếc xe ô tô mùi táo đỏ cũng chưa bao giờ lăn bánh trên phố Gannon.

Thế mà một ngày sau khi con gái mất, Jimmy Marcus lại ngồi đây và nói rằng gặp lại Dave thật tốt và Dave có cảm giác nó cũng chân thành như biểu hiện của Sean hai tiếng trước đây.

“Tôi cũng vậy, gặp lại cậu thật là tốt, Jim.”

“Các bà vợ của chúng ta cầm cự thế nào rồi?” Jimmy hỏi, mắt gần như có tia cười láu lỉnh.

“Chắc là ổn thôi. Nadine và Sara đâu rồi?”

“Ở chỗ ông ngoại. Này, cậu nhớ cảm ơn Celeste cho tôi nhé! Cô ấy đúng là vị cứu tinh của chúng tôi hôm nay.”

“Jimmy, cậu không cần phải cảm ơn ai cả. Có thể làm được gì, tôi và Celeste đều rất sẵn lòng.”

“Tôi biết.” Jimmy vươn tay ra siết chặt lấy cánh tay Dave. “Cảm ơn cậu.”

Trong giây phút đó, có phải nhắc nhở cả một ngôi nhà lên cho Jimmy thì Dave cũng làm, Jimmy bảo đặt đâu thì anh sẽ ngồi đó.

Và anh suýt thì quên mất lý do mà anh tới đây là để nói với Jimmy rằng anh đã nhìn thấy Katie ở quán McGills vào tối thứ Bảy. Anh cần phải nói chuyện đó ra ngay lập tức vì nếu trì hoãn thì Jimmy thế nào cũng nghi ngờ. Anh cần phải nói với Jimmy trước khi người khác làm chuyện đó.

“Cậu có biết hôm nay tôi vừa gặp ai không?”

“Ai cơ?”

“Sean Devine. Cậu có nhớ cậu ta không?”

“Nhớ chứ.” Jimmy nói. “Tôi vẫn còn giữ chiếc găng chơi bóng chày của cậu ta đây này.”

“Gì cơ?”

Jimmy phủi tay bảo, “Cậu ta giờ là cảnh sát. Cậu ta thực ra đang điều tra về sự việc của Katie. Chính cậu ta phụ trách vụ án này.”

“Đúng vậy, cậu ấy có ghé qua chỗ tôi.”

“Vậy sao?” Jimmy hỏi. “Cậu ta tới chỗ cậu làm gì?”

Dave cố tỏ vẻ thản nhiên. “Tối thứ Bảy tôi có tới quán McGills, Katie cũng có mặt ở đó. Nên có tên trong danh sách những người ở quán bar đêm hôm ấy.”

“Katie tới đó ư,” Jimmy hỏi, mắt nheo lại. “Cậu nhìn thấy Katie tối thứ Bảy ư Dave? Katie nhà tôi á?”

“Đúng vậy. Tôi ở đó, con bé cũng vậy. Rồi nó rời khỏi đó cùng với hai người bạn và...”

“Diane và Eve?”

“Phải, hai cô gái lúc nào cũng thấy đi cùng con bé ấy. Ba đứa sau đó rời khỏi quán bar, chỉ có vậy thôi.”

“Chỉ có vậy thôi ư,” Jimmy nhắc lại, mắt vẫn nhìn xa xăm.

“Ý tôi là tôi thì chỉ nhìn thấy con bé lúc đó. Nhưng cậu biết đấy, tôi vẫn nằm trong danh sách những người có mặt ở quán bar lúc đó.”

“Cậu có tên trong một danh sách chứ gì.” Jimmy mỉm cười nhưng không phải với Dave mà với một thứ gì đó xa vời. “Tối hôm đó, cậu có nói chuyện với con bé tạo nào không?”

“Katie á? Không. Tôi xem trận đấu với Stanley Khổng Lồ. Chỉ gạt đầu chào thôi. Ngẩng lên thì con bé đã đi mất rồi.”

Jimmy ngồi đó im lặng một lúc, hít thở thật sâu, gạt gù một mình. Cuối cùng hắn ngẩng đầu lên nhìn Dave mỉm cười, một nụ cười đau đớn.

“Thật dễ chịu.”

“Gì cơ?”

“Ngồi ở ngoài này. Chỉ ngồi im như thế này không làm gì cả. Thật là dễ chịu.”

“Thế ư?”

“Chỉ ngồi đây và nhìn ra xung quanh,” Jimmy nói. “Cả đời cứ quay cuồng với công việc, con cái, và đủ thứ lăng nhăng trừ lúc ngủ ra thì chả còn giây phút nào nhàn rồi. Ngay cả ngày hôm nay cũng vậy. Một ngày không bình thường như ngày hôm nay mà tôi vẫn phải đau đầu với mấy chuyện lể tể. Phải gọi Pete và Sal để đảm bảo là họ sẽ trông coi cửa hàng tử tế. Phải lo tắm rửa mặc quần áo cho hai đứa con gái lúc chúng thức dậy. Phải trông chừng vợ mình xem cô ấy có chịu đựng nổi không, cậu thấy đấy?” Hắn nhìn Dave, nở một nụ cười lạ lùng, đầu cúi về phía trước, người hơi lắc lư, hai tay siết chặt lại thành một nắm đấm. “Tôi vẫn phải bắt tay, nhận những lời chia buồn và tìm chỗ trống trong tủ lạnh để cất thức ăn đồ uống, phải hòa hoãn với bố vợ rồi phải gọi điện tới phòng giám định pháp y xem khi nào họ có thể trả lại xác con gái mình để còn thu xếp với Nhà tang lễ Reed và cha Vera ở nhà thờ Saint Cecilia, tìm một nhà cung cấp thức ăn đồ uống cho khách khứa trong buổi tang lễ, thuê hội trường điều đám và...”

“Jimmy,” Dave lên tiếng, “có những việc chúng tôi có thể giúp cậu mà.”

Nhưng Jimmy vẫn tiếp tục nói như thể Dave không hề tồn tại.

“... và tôi không thể làm hỏng bất cứ chuyện gì, dù chỉ một chi tiết nhỏ nếu không thì con bé giống như lại chết thêm một lần nữa vì mười năm nữa mỗi khi nghĩ tới con bé, người ta sẽ chỉ nhớ về một đám tang không ra gì mà tôi thì không muốn thế - cậu biết không? - vì Katie, chỉ có một điều có thể miêu tả về con bé là ngay từ khi còn nhỏ, từ khi mới sáu tuổi đã là một đứa gọn gàng, ngăn nắp, quần áo chần chu nên thật dễ chịu khi có thể ra ngoài này, ngồi xuống, rồi chỉ ngồi đó nhìn ra xung quanh, nghĩ về những kỷ niệm về Katie khiến tôi có thể bật khóc, bởi vì, Dave này, tôi thể với cậu là tôi bắt đầu khó chịu vì vẫn chưa thể khóc cho con bé, con gái của tôi mà tôi lại không tài nào khóc được.”

“Jim này.”

“Gì cơ?”

“Cậu đang khóc đấy thôi.”

“Thật sao?”

“Ờ lên mặt mà xem.”

Jimmy đưa tay lên chạm vào những dòng nước mắt rớt trên gò má rồi rút tay lại nhìn những ngón tay ướt trong chốc lát.

“Tệ thật,” cậu ta nói.

“Cậu muốn ngồi lại một mình không?”

“Không. Dave. Không cần. Nếu được cậu hãy ngồi lại đây một lát.”

“Được chứ, Jim. Được chứ.”

17. Chương 17: Hãy Để Mắt Tôi Cậu Ta Một Chút

Một tiếng trước khi tới văn phòng của Martin Friel để báo cáo tình hình, Sean và Whitey dừng lại ở nhà Whitey để Whitey thay chiếc áo bị dính thức ăn.

Whitey sống với con trai Terrance trong một căn hộ xây bằng gạch màu trắng ở tận cùng phía Nam thành phố. Căn hộ có sàn lót thảm màu be, tường màu trắng ngà và một thứ mùi không khí lưu cữu, ngọt ngào giống như các phòng khách sạn ven đường và hành lang bệnh viện. Khi họ bước vào, vô tuyến vẫn đang bật kênh thể thao ESPN với âm lượng nhỏ mặc dù trong nhà không có ai. Các thiết bị chơi game Sega vút ngổn ngang trên thảm trải trước một dàn máy điện tử đồ sộ màu đen. Đối diện với dàn máy là một chiếc tủ lạnh kỹ xộc xệch và Sean đoán trong sọt rác hẳn là những vỏ hộp, giấy gói đồ ăn nhanh McDonald và tủ lạnh thì chật cứng đồ ăn sẵn.

“Terry đâu?” Sean hỏi.

“Chắc lại đi chơi khúc côn cầu rồi,” Whitey bảo. “Hoặc là bóng chày, vào mùa này, nhưng mà khúc côn cầu vốn là món tủ của cậu chàng. Có thể chơi quanh năm ngày tháng.”

Sean đã gặp Terry một lần. Ở tuổi mười bốn, đó là một đứa trẻ cao lớn phi thường, một tảng băng lừng lững và Sean có thể hình dung ra nỗi khiếp sợ mà thằng bé sẽ gây ra cho những đứa trẻ khác khi lao trên đường băng với vận tốc tối đa trong hai năm nữa.

Whitey có được quyền nuôi dạy Terry vì vợ ông đã từ chối. Mấy năm trước bà đã bỏ hai cha con họ để đi theo một luật sư dân sự, một gã nghiện ma túy nặng tới mức sớm muộn cũng sẽ bị tước quyền luật sư và truy tố vì tội biến thủ công quỹ.

Nhưng vợ ông hình như vẫn ở lại với gã đó, Sean nghe nói thế, và vẫn giữ quan hệ gần gũi với Whitey. Đôi khi nghe ông kể về vợ mình người ta suýt quên là hai người đã ly hôn.

Giống như lúc này đây, khi ông dẫn Sean vào phòng khách, nhìn đám thiết bị chơi game Sega trên sàn và cời cúc áo sơ mi. “Suzanne bảo tôi và Terry đúng là cuồng lên vì đám game này, cứ như là trẻ con. Mắt bà ấy trợn tròn lên nhưng tôi có cảm giác là bà ấy có chút ghen tị. Cậu muốn uống bia hay gì đó không?”

Sean nhớ tới những gì Friel nói về vụ nghiện rượu của Whitey và hình dung ra vẻ mặt của ông ta nếu Whitey xuất hiện tại cuộc họp với mùi Altoids hay Budweiser. Và lại, vì biết quá rõ Whitey, Sean hiểu đây cũng chính là một bài kiểm tra của ông đối với anh.

“Nước đi, hay Coca cũng được,” anh nói.

“Ngoan đây,” Whitey vừa nói vừa cười như thể đúng là ông ta vừa có ý định thử thách Sean nhưng Sean cũng nhìn thấy vẻ hệt hắng trong đôi mắt đờ đẫn và cái liếm mép vô tình của ông. “Hai suất Coca tới liền đây.”

Whitey trở ra từ trong bếp với hai lon Coca và đưa cho Sean một lon. Rồi ông bước về phía buồng tắm nhỏ phía cuối hành lang phòng khách và Sean nghe thấy tiếng ông cời cúc áo sơ mi và vịn vòi nước.

“Vụ này càng lúc càng trở nên tùy hứng,” ông nói vọng ra từ buồng tắm. “Cậu có cảm thấy thế không?”

“Có chút,” Sean thừa nhận.

“Bằng chứng ngoại phạm của O'Donnell và Fallow khá vững chắc.”

“Nhưng không loại bỏ việc chúng có thể thuê người làm chuyện đó.”

“Đúng vậy. Cậu đang nghĩ theo hướng đó phải không?”

“Cũng không hẳn. Nếu sát thủ ra tay thì có vẻ hơi lộn xộn, không được chuyên nghiệp.”

“Nhưng đúng là cũng không được loại trừ khả năng này.”

“Đúng vậy.”

“Chúng ta cần phải kiểm tra thằng bé Harris một lần nữa vì thằng bé không có bằng chứng ngoại phạm nhưng mà nói thật tôi không thấy nó có khả năng làm chuyện đó. Một đứa ngoan ngoãn nhu mì như thế?”

“Nhưng nó lại có động cơ như ghen tuông với O'Donnell chẳng hạn.”

Whitey ra khỏi phòng tắm, vừa đi vừa lau mặt bằng một chiếc khăn tắm, trước bụng trắng lố có một vết sẹo màu đỏ ngoằn ngoèo vắt từ bên này sang bên kia mạng sườn.

“Đúng, nhưng mà một thằng bé như nó ư?” Ông nói và đi về phía phòng ngủ bên cạnh.

Sean bước ra hành lang. “Tôi cũng chẳng thích thú gì ý nghĩ đó nhưng chúng ta phải thận trọng, không bỏ qua bất kỳ nghi vấn nào.”

“Thế thì cả ông bố và các ông cậu điên rồ quái dị của cô ấy nữa. Nhưng tôi đã cử người tới nói chuyện với hàng xóm láng giềng và không thấy có khả năng này.”

Sean dựa vào tường, nhấp một ngụm Coca. “Nếu đây chỉ là một vụ giết người ngẫu nhiên thì trung sĩ ơi, sẽ nhọc đấy...”

“Ồ, cậu nói rõ hơn một chút được không.” Whitey trở ra hành lang, một chiếc áo sơ mi sạch vắt vai. “Bà Prior có nói là bà ấy không nghe thấy tiếng hét nào.” Ông vừa nói vừa bắt đầu cài cúc áo.

“Bà ấy chỉ nghe thấy tiếng súng nổ.”

“Là chúng ta bảo đó là tiếng súng nổ. Cũng có lý. Nhưng bà ấy lại không nghe thấy tiếng la hét nào cả.”

“Có thể là vì cô bé nhà Marcus còn đang bận tông cửa xe vào người gã đó rồi tìm cách thoát thân.”

“Cậu có lý. Nhưng khi cô bé nhìn thấy hấn lần đầu tiên là lúc nào? Khi hấn lại gần trước mũi xe của cô ấy?”

Whitey đi qua chỗ Sean rồi rẽ vào trong bếp.

Sean rời khỏi bức tường và đi theo ông. “Điều đó có nghĩa là cô bé có thể quen biết hấn. Đó là lý do tại sao cô ấy nói xin chào.”

“Đúng vậy.” Whitey gật đầu. “Thế nhưng trước tiên cô bé tự dừng dừng xe lại là vì lẽ gì?”

“Đâu có,” Sean nói.

“Đâu có?” Whitey dựa vào quầy bếp nhìn Sean. “Cô ấy đâu có tự dừng dừng xe lại. Chiếc xe rõ ràng là bị đâm mà, bánh xe ngoặt lên vỉa hè.”

“Nhưng lại không có vết trượt nào trên lòng đường.”

Sean gật đầu. “Có lẽ vì cô bé đang lái xe với tốc độ ba mươi cây số một giờ và có cái gì đó đã khiến cô ấy đánh ngoặt tay lái lên vỉa hè.”

“Cái gì mới được chứ?”

“Tôi biết thể quái nào được. Sếp nói xem.”

Whitey mỉm cười và uống một hơi cạn lon Coca của mình. Ông mở tủ lạnh lấy ra một lon nữa. “Điều gì có thể khiến người ta đánh ngoặt tay lái mà không nhấn vào phanh?”

“Có gì đó ở giữa đường,” Sean nói.

Whitey nâng lon Coca của mình lên cao tỏ vẻ tán thành. “Nhưng lúc chúng ta tới đó thì ở giữa đường có thấy gì đâu.”

“Thì đã là sáng hôm sau rồi còn gì.”

“Vậy là một thứ gì đó giống như một viên gạch chẳng hạn?”

“Gạch thì hơi nhỏ, sắp không nghĩ vậy sao? Vào lúc trời tối như thế?”

“Thì một chồng gạch vậy.”

“OK.”

“Nói chung là có một cái gì đó,” Whitey nói.

“Đúng vậy,” Sean tán thành. “Cô bé ngoặt tay lái, tông lên vỉa hè, chân bật ra khỏi côn khiến xe tắt máy.”

“Và vào lúc đó, thủ phạm xuất hiện.”

“Một người mà cô ấy quen biết. Và rồi, sao nữa, hấn từ từ tiến tới và bắt cô ấy?”

“Và cô ấy mở cửa xe tông vào hấn và...”

“Cậu đã bao giờ bị tấn công bằng cửa xe ô tô chưa?” Whitey dựng cổ áo lên trông chiếc cà vạt vào và bắt đầu thắt nút.

“Vẫn chưa có cơ hội thử nghiệm.”

“Giống như một cú thui nhẹ. Nếu bị một phụ nữ nặng năm trăm cân mở cửa chiếc xe Toyota nhỏ nhắn của cô ta vào người ở khoảng cách gần thì cũng không đau đớn gì lắm, chỉ hơi khó chịu một chút thôi. Karen Hughes nói thủ phạm nổ phát súng đầu tiên chỉ cách xe có khoảng mười lăm phân. Mười lăm phân.”

“OK. Nhưng có thể cô ấy bị ngã ra phía sau và dùng hai chân đạp cửa xe. Không phải là không có khả năng.”

“Cửa xe chắc là đã mở từ trước rồi. Vì nếu cửa đóng thì có đạp cả ngày nó cũng chẳng xê dịch. Cô ấy hấn đã mở cửa xe rồi lấy cánh tay đẩy nó ra. Thủ phạm hoặc phải lùi lại hoặc bị cửa xe đạp vào người hoặc là...”

“Một người nhẹ cân.”

Whitey gấp cổ áo lại. “Khiến tôi lại nghĩ tới các dấu chân.”

“Lại đám dấu chân chết tiệt”

“Đúng thế!” Whitey la lên. “Đám dấu chân chết tiệt.” Ông cài chiếc nút áo trên cùng, siết chặt nút cà vạt. “Sean này, thủ phạm đã đuổi theo cô gái đó khắp công viên. Cô ấy bỏ chạy hết tốc lực còn hấn điên cuồng bám theo như một kẻ mất trí. Ý tôi nói là hấn chạy sùng sục khắp cái công viên ấy nhưng lại không để lại bất kỳ một dấu chân nào, dù chỉ một lần?”

“Trời mưa cả đêm mà.”

“Nhưng chúng ta vẫn tìm thấy ba dấu chân của cô gái. Cậu không thấy chuyện này có gì đó rất lạ lùng sao?”

Sean dựa đầu vào tủ bếp phía sau cố hình dung ra quang cảnh lúc đó - Katie Marcus, hai tay vùng vẫy trong lúc lao xuống con dốc tối tăm dẫn tới khu chiếu bóng cũ, da dẻ trắng xước vì những bụi cây ven đường, tóc sũng mồ hôi và nước mưa, máu chảy từng giọt trên ngực và cánh tay. Còn tên sát thủ trong trí tưởng tượng của Sean là một bóng đen không nhìn rõ mặt xuất hiện trên đỉnh dốc vài giây sau đó, vừa chạy vừa thở hồng hộc đầy vẻ khát máu. Trong đầu Sean, đó là một gã to lớn, một dạng quái thai. Lại có phần tinh khôn. Tinh khôn ở chỗ biết đặt chướng ngại vật giữa đường để Katie phải ngoặt lái đâm lên vỉa hè. Tinh khôn ở chỗ chọn đúng đoạn đường vắng trên phố Sydney nơi rất ít người có thể nghe thấy hay nhìn thấy nếu có chuyện gì xảy ra. Việc bà Prior nghe thấy tiếng động lạ chỉ là ngẫu nhiên, nằm ngoài dự tính của thủ phạm vì ngay cả Sean cũng ngạc nhiên khi biết rằng ở khu nhà bị cháy đó hóa ra vẫn còn người sống. Ngoài chi tiết ấy ra thì thủ phạm đúng là một gã rất thông minh.

“Hay là hấn đủ thông minh để xóa hết các dấu vết của mình?” Sean hỏi.

“Gi cơ?”

“Thủ phạm ấy. Có lẽ hấn giết cô bé rồi quay lại và đạp bùn lên các vết chân của mình.”

“Cũng có thể, nhưng làm sao mà hần có thể nhớ hết được tất cả những nơi mà hần đã bước qua? Hần chạy trong bóng tối. Thậm chí nếu hần có đèn pin đi nữa thì sao? Diện tích quá rộng, có quá nhiều dấu chân để xác định rồi phải làm chúng biến mất nữa chứ.”

“Nhưng trời mưa mà.”

“Đúng thế.” Whitey thở dài. “Tôi sẽ phải chấp nhận lý thuyết trời mưa đã xóa hết dấu vết này nếu gã chúng ta đang truy tìm nặng khoảng bảy mươi cân trở xuống. Còn nếu không thì...”

“Trong trường hợp đó, cân nặng của Brendan Harris có vẻ tương ứng, không vượt mốc này là mấy.”

“Cậu thực sự nghĩ là thằng bé đó có khả năng làm chuyện này sao?” Whitey rên lên.

“Không.”

“Tôi cũng không nghĩ vậy. Thế còn anh chàng bạn cậu thì sao? Anh ta trông cũng gầy gò.”

“Ai cơ?”

“Boyle.”

Sean rời khỏi quầy bếp, “Thế nào mà lại thành ra cậu ấy được?”

“Thì chúng ta đang siết lại gần cậu ta đấy thôi.”

“Không thể nào. Chờ chút...”

Whitey giơ tay lên ngăn Sean lại rồi nói tiếp. “Cậu ta nói cậu ta rời quán bar vào lúc một giờ đúng không? Vợ vẫn. Vì chiếc chìa khóa kia đã khiến chiếc đồng hồ vỡ dừng lại lúc một giờ kém mười. Katherine Marcus rời quán bar lúc một giờ kém mười lăm. Mốc thời gian này hoàn toàn chính xác, Sean. Bằng chứng ngoại phạm của cậu ta có mười lăm phút sơ hở. Chúng ta không thể biết cậu ta về nhà vào lúc nào. Thực sự về tới nhà ấy.”

“Whitey, cậu ấy chỉ là một người có mặt trong quán bar lúc đó.” Sean cười.

“Là nơi cuối cùng cô gái xuất hiện. Là địa điểm cuối cùng, Sean. Chính cậu đã nói vậy.”

“Tôi nói gì cơ?”

“Rằng chúng ta đang tìm một gã phải ở nhà trong đêm dạ hội cuối năm ở trường trung học.”

“Tôi chỉ...”

“Tôi không nói cậu ta là thủ phạm. Tôi cũng chưa định buộc tội gì cả. Tuy nhiên cậu ta có cái gì đó không bình thường. Ý tôi là cậu ta nói lảng nhảng cái gì về thành phố này cần tới một lần sống tội phạm kinh hoàng. Lại có vẻ rất nghiêm túc.”

Sean đặt lon Coca rỗng của mình lên quầy bếp. “Ông có sọt rác dành riêng cho những đồ có thể tái chế không?”

Whitey cau mày. “Không.”

“Ngay cả khi mỗi lon đáng giá 5 xu.”

“Sean.”

Sean ném lon Coca vào sọt rác. “Ông đang bảo tôi là một gã như Dave Boyle có thể giết một người họ hàng gần của vợ mình chỉ vì sự bất mãn với quá trình chỉnh trang đô thị? Phải nói là lý do ngớ ngẩn nhất tôi từng nghe thấy.”

“Tôi từng bắt một gã giết vợ chỉ vì bị chê nấu ăn chán.”

“Nhưng đó chính là xung đột gia đình. Mâu thuẫn giữa hai người đã tích tụ nhiều năm rồi chỉ chờ cơ bùng nổ. Còn ở đây, ông đang nói về một người kiêu, ‘Tệ thật, tiền thuê nhà tăng ngất ngưỡng đúng là hại chết tôi. Tôi nên đi giết vài người cho tới khi nó hạ xuống mới thôi.’ ”

Whitey phá lên cười.

“Sao?” Sean hỏi.

“Cái cách cậu diễn giải vấn đề,” Whitey nói. “Đồng ý, nghe có vẻ ngớ ngẩn. Nhưng mà cậu ta đúng là có cái gì đó không bình thường. Nếu như trong bằng chứng ngoại phạm của cậu ta không có một lỗ hổng thì tôi cũng chẳng nói làm gì. Hay như cậu ta không gặp nạn nhân một tiếng trước khi cô ấy chết. Nhưng cậu ta lại có một lỗ hổng và lại là người gặp nạn nhân trước khi chết, rồi lại có cái về gì đó rất đáng nghi nữa. Cậu ta nói là cậu ta về thẳng nhà đúng không? Tôi muốn vợ cậu ta xác nhận thông tin này. Tôi muốn nghe thấy hàng xóm ở tầng một xác nhận nghe thấy tiếng bước chân của cậu ta trên cầu thang lúc một giờ năm phút. Cậu hiểu rồi chứ? Sau đó thì tôi có thể loại bỏ cậu ta ra khỏi danh sách. Cậu có để ý thấy tay của cậu ta không?”

Sean im lặng không nói gì.

“Tay phải cậu ta sưng gập đôi tay trái. Cậu ta mới gặp phải chuyện gì đó. Tôi muốn biết là gì. Nếu chỉ là một trận ẩu đả ở quán bar thì không sao, tôi sẽ bỏ qua.”

Whitey uống cạn lon Coca thứ hai rồi ném vào sọt rác. “Dave Boyle,” Sean nói. “Ông thực sự muốn để mắt tới cậu ấy?”

“Chỉ một chút thôi,” Whitey nói. “Hãy để mắt tới cậu ta một chút.”

Họ gặp nhau ở phòng họp chung của Đội trọng án và Đội điều tra án mạng trên tầng thứ ba của văn phòng công tố. Friel lúc nào cũng thích họp ở đây vì không gian lạnh lẽo không có dấu ấn cá nhân với những chiếc ghế cứng, bàn hội nghị màu đen giữa các bức tường gạch xám. Đó không phải là căn phòng chứng kiến những câu độc thoại dí dỏm hay những màn độc thoại liên miên. Không ai ở lâu trong căn phòng này, mọi người chỉ đến làm việc của mình rồi lập tức rời đi.

Trong phòng chiều hôm đó có bảy chiếc ghế và đều có người ngồi. Friel ngồi ở đầu bàn. Bên phải ông ta là đội phó đội điều tra án mạng của hạt Suffolk, Maggie Mason, bên trái là trung sĩ Robert Burike, phụ trách tổ điều tra án mạng số hai. Whitey và Sean ngồi đối diện nhau, kế tiếp là Joe Souza, Chris Connolly và hai nhân viên điều tra khác của cảnh sát bang là Payne Brackett và Shira Rosenthal. Mỗi người đều có một chồng hồ sơ trước mặt bao gồm các báo cáo điều tra hiện trường hay bản sao của chúng, ảnh hiện trường, báo cáo pháp y, báo cáo của bên kỹ thuật giám định hiện trường, cộng thêm các ghi chép và báo cáo của riêng họ, vài chiếc khăn giấy ghi tên nguệch ngoạc cũng như các sơ đồ hiện trường vẽ vội.

Whitey và Sean nói đầu tiên, trình bày về các cuộc thẩm vấn của họ đối với Eve Pigeon, Diane Castra, bà Prior, Brendan Haris, Jimmy và Annabeth Marcus, Roman Fallow và Dave Boyle. Whitey khiến Sean rất cảm kích khi chỉ nhắc tới Dave như một nhân chứng trong quán bar.

Tiếp theo là Brackett và Rosenthal. Chủ yếu là Brackett nói nhưng theo kinh nghiệm bản thân Sean dám chắc rằng phần lớn công việc điều tra là do Rosenthal thực hiện.

“Những người làm chung với cha của nạn nhân đều có chứng cứ ngoại phạm chắc chắn và cũng không có động cơ đáng ngờ nào. Tất cả bọn họ đều nói là nạn nhân không có kẻ thù, không mắc nợ hay nghiện hút gì cả. Trong phòng nạn nhân cũng không tìm thấy chất gây nghiện, chỉ tìm thấy bảy trăm đô la tiền mặt, không có nhật ký. Hồ sơ tài khoản cho thấy số tiền để dành của nạn nhân tương ứng với số tiền lương mà cô ấy kiếm được. Không có hành động rút tiền hay gửi một khoản tiền lớn nào đáng chú ý cho tới khi nạn nhân đóng tài khoản vào buổi sáng thứ Sáu ngày mùng 5. Số tiền đó được tìm thấy trong ngăn kéo tủ ở phòng riêng, trùng hợp với phát hiện của trung sĩ Powers về dự định rời khỏi thành phố của nạn nhân vào sáng Chủ nhật. Những cuộc thẩm vấn ban đầu với hàng xóm cho thấy những nghi ngờ về mâu thuẫn gia đình là không có cơ sở.”

Brackett đặt hồ sơ xuống bàn ra hiệu mình đã nói hết. Friel quay sang Souza và Connolly.

“Chúng tôi đã thẩm tra những người trong danh sách lấy từ các quán bar mà nạn nhân xuất hiện. Tổng cộng đã thẩm tra được hai mươi tám trong khoảng bảy mươi lăm người, chưa kể hai người mà trung sĩ Powers và nhân viên Devine đã hỏi, Fallow và David Boyle. Nhân viên Hewlette, Darton, Woods, Cecchi, Murray và Eastman đã thẩm tra bốn mươi lăm người còn lại và chúng tôi có báo cáo sơ bộ của họ ở đây.”

“Về phần Fallow và O'Donnell thì sao?” Friel hỏi Whitey.

“Ngoại phạm. Nhưng không loại trừ khả năng chúng thuê người giết.”

Friel dựa lưng vào ghế. “Tôi điều tra khá nhiều vụ giết thuê từ trước tới nay nhưng không có vụ nào giống như vụ này.”

“Nếu là sát thủ chuyên nghiệp ra tay,” Maggie Mason lên tiếng, “sao không bắn luôn trong xe đi?”

“Thì đúng đã nổ súng đấy thôi.” Whitey nói.

“Tôi nghĩ là bà ấy định nói nổ súng nhiều lần cho tới khi hạ thủ được nạn nhân mới thôi. Tại sao hẳn lại không làm vậy?”

“Có thể là bị nghẽn súng,” Sean nói và trước những con mắt đang nhú lại xung quanh mình anh tiếp tục giải thích, “đó là một khả năng chúng ta chưa nghĩ tới. Súng bị nghẽn nên Katherine Marcus lập tức phản ứng. Cô ấy xô ngã thủ phạm rồi bỏ chạy.”

Cả căn phòng im lặng trong giây lát. Friel chụm hai đầu ngón trỏ vào nhau tạo thành một hình tam giác. “Cũng có thể,” cuối cùng ông ta lên tiếng. “Có thể là vậy. Nhưng tại sao lại dùng que hay gậy gì đó đánh nạn nhân? Nghe không được chuyên nghiệp cho lắm.”

“Tôi cũng không rõ là O'Donnell và Fallow có tìm sát thủ chuyên nghiệp hay không nữa. Hay chỉ thuê một tên nghiện hút rồi trả cho mấy liều thuốc phiện và một mối lửa.”

“Nhưng các anh vừa nói là người phụ nữ lớn tuổi kia nghe thấy tiếng cô Marcus chào hỏi hung thủ. Cô ấy liệu có làm vậy nếu một tên nghiện hút xuất hiện trước xe ô tô của cô ấy trong lúc lên cơn không?”

Whitey khẽ gật đầu.

“Nhận xét rất xác đáng.”

Maggie Mason tì vào bàn. “Vậy chúng ta sẽ tiếp tục giả thiết là cô ấy quen biết với hung thủ. Đúng không?”

Sean và Whitey nhìn nhau rồi quay về phía đầu bàn và gật đầu.

“Không phải là ở East Bucky thì không có bọn nghiện hút, nhất là ở khu Hạ nhưng một cô gái như Katherine Marcus liệu có quan hệ với chúng không?”

“Lại một nhận xét xác đáng nữa.” Whitey thở dài.

“Tôi cũng muốn vì lợi ích chung mà cho rằng đây là một vụ do sát thủ chuyên nghiệp thực hiện. Nhưng còn chi tiết bổ vào đầu nạn nhân? Nghe có vẻ điên cuồng. Thiếu chuyên nghiệp.”

Whitey gật đầu. “Nhưng mà chúng ta không thể loại bỏ hoàn toàn bất cứ khả năng nào. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói.”

“Tôi hiểu, thưa trung sĩ.”

Friel quay về phía Souza đang có vẻ hơi khó chịu vì sự chuyển hướng của vấn đề.

Anh ta khẽ hắng giọng rồi chậm rãi quay trở lại với các ghi chép của mình. “Tuy nhiên, chúng tôi đã thẩm vấn một người tên là Thomas Moldanado, một khách hàng tới uống rượu tại Last Drop, quán bar cuối cùng mà Katherine Marcus tới trước khi chở các bạn về nhà. Ở đó hình như chỉ có một nhà vệ sinh nên mọi người đứng xếp hàng dài chờ đợi và vì thế mà anh ta có nhìn thấy lúc ba cô gái đi khỏi. Anh ta không xếp hàng nữa mà bỏ ra bãi đỗ xe đằng sau đi bậy thì nhìn thấy một gã ngồi trong xe, tắt đèn tối om, vào khoảng một rưỡi. Anh ta bảo đồng hồ đeo tay mới mua nên lúc đó có nhìn giờ để kiểm tra xem có dạ quang hay không.

“Có chuyện đó sao?”

“Đúng là như thế.”

“Cái gã ngồi trong xe ấy cũng có thể chỉ là một gã say rượu ngủ quên mà thôi,” Robert Burke nói.

“Đầu tiên chúng tôi cũng cho là thế nhưng Moldanado lại bảo người kia ngồi ngay ngắn trong xe, mắt mở to. Moldanado cứ tưởng là cảnh sát nhưng đó là một chiếc xe ô tô nước ngoài loại nhỏ như Honda hay Subaru gì đó.”

“Hơi bị móp. Cửa bên phía trước có một vết lõm.” Connolly thêm vào.

“Đúng thế,” Souza nói tiếp. “Nên Moldanado đoán rằng gã ta là một người lạ mặt. Khu vực này vốn có rất nhiều gái điếm hoạt động. Nhưng nếu vậy thì tại sao hắn không đi tìm gái mà ở trong bãi đỗ xe làm gì?”

“Được rồi. Vậy thì...” Whitey lên tiếng.

Souza giơ một tay lên ngăn lại. “Cho tôi thêm một phút nữa thôi, trung sĩ.” Anh ta nói rồi nhìn sang phía Connolly, mắt sáng lên vẻ hưng phấn. “Nên chúng tôi kiểm tra một vòng xung quanh bãi đỗ xe và tìm thấy vết máu.”

“Máu.”

Anh ta gật đầu. “Nếu nhìn qua thì tưởng là ai đó thay dầu trong bãi đỗ xe. Đám máu đó rất đặc, tụ lại thành một vũng. Chúng tôi kiểm tra xung quanh thì tìm thấy lác đác vài giọt máu khác. Trên tường và mặt hẻm đằng sau quán bar cũng có vài giọt máu.”

“Nhân viên Souza, tóm lại là cậu có ý gì?” Friel hỏi.

“Ai đó đã bị thương ở phía bên ngoài quán Last Drop đêm hôm đó.”

“Làm sao mà các anh biết được chính là đêm hôm đó?”

“Bên giám định hiện trường đã xác nhận. Một nhân viên bảo vệ ca đêm đã đỗ xe lên đó nên đã bảo vệ nó khỏi cơn mưa. Nạn nhân dù là ai đi nữa thì cũng đã bị thương rất nặng. Và kẻ tấn công cũng vậy. Hắn cũng bị thương. Chúng tôi tìm thấy hai mẫu máu khác nhau trong bãi đỗ xe. Chúng tôi đang kiểm tra với các bệnh viện, các hãng taxi trong trường hợp nạn nhân vấp được xe trên đường. Chúng tôi cũng tìm thấy các mẫu tóc, da và tủy não dính máu. Chúng tôi hiện đang chờ phản hồi từ sáu phòng cấp cứu của các bệnh viện. Các nơi khác thì không có thông tin gì. Nhưng tôi cực kỳ rằng chúng ta sẽ tìm thấy một nạn nhân nhập viện cấp cứu ở đâu đó do chấn thương nghiêm trọng trên đầu vào đêm thứ Bảy, rạng sáng Chủ nhật.”

Sean giơ một tay lên. “Ý anh là trong cùng một đêm lúc Katherine Marcus rời khỏi quán Last Drop thì tại bãi đỗ xe của quán bar này, ai đó đã nện vỡ sọ một kẻ khác?”

Souza mỉm cười. “Đúng thế.”

Connolly bổ sung thêm. “Bên kỹ thuật hiện trường tìm thấy hai mẫu máu không thuộc nhóm A và B. Số máu thuộc nhóm A nhiều hơn nhóm B nên chúng tôi đoán là nạn nhân thuộc nhóm máu A.”

“Katherine Marcus là nhóm máu O,” Whitey nói.

Connolly gật đầu. “Mẫu tóc cũng cho thấy nạn nhân là nam giới.”

“Thế giả thiết của các anh là gì?” Friel hỏi.

“Chúng tôi cũng chưa có giả thiết gì. Chỉ biết là vào đêm Katherine Marcus bị giết thì ai đó cũng bị đánh vỡ đầu trong bãi đỗ xe của quán bar cuối cùng mà cô ấy lui tới.”

“Nghĩa là có một cuộc ẩu đả tại bãi đỗ xe của quán bar. Vậy thì sao?” Maggie Mason lên tiếng.

“Nhưng không ai trong số khách hàng tại quán bar nhớ rằng đã xảy ra ẩu đả kể cả bên trong và bên ngoài quán bar. Giữa một giờ rưỡi và một giờ năm mươi, những người duy nhất rời khỏi quán bar là Katherine Marcus, hai người bạn của cô ấy, và nhân chứng Moldanado, người lập tức quay trở lại quán bar sau khi đi vệ sinh xong. Cũng không có ai khác đi vào quán bar. Moldanado nhìn thấy một người trong bãi đỗ xe lúc một giờ rưỡi, một gã mà hắn miêu tả là trông bình thường, ngoài ba mươi, tóc màu sẫm. Người này đã đi mất khi Moldanado rời khỏi quán bar vào lúc một giờ năm mươi.”

“Vào lúc cô Marcus đang chạy trốn trong công viên Pen.”

Souza gật đầu. “Chúng tôi không nói là hai sự việc này có liên hệ mật thiết với nhau. Vì có thể chúng hoàn toàn chả liên quan gì cả. Nhưng dù sao thì cũng có nhiều điểm khá trùng hợp.”

“Nhắc lại lần nữa, vậy giả thiết của các anh là gì?” Friel hỏi.

Souza nhún vai. “Tôi cũng không biết nữa, thưa sếp. Cứ cho rằng là do sát thủ chuyên nghiệp ra tay đi. Cái gã ngồi trong bãi đỗ xe là người được cử tới theo dõi cô Marcus cho tới khi cô ấy rời đi. Cô ấy vừa đi khỏi thì hắn gọi điện cho hung thủ. Tên hung thủ kia bắt đầu chờ thời cơ để ra tay.”

“Và rồi sau đó thì sao?” Sean hỏi.

“Sau đó thì sao á? Thì hắn ta giết cô ấy.”

“Không. Về cái gã ngồi ở trong xe. Cái gã ngồi theo dõi ấy. Sau đó hắn ta làm gì? Hắn đột nhiên quyết định cầm đá hay gì đó nện vỡ đầu một kẻ khác chỉ vì thích thế?”

“Có thể ai đó làm hắn giật mình?”

“Làm gì cơ?” Whitey nói. “Nói chỗ vào điện thoại của hắn à? Ối giời ơi. Tôi không biết chuyện này thì có gì liên quan tới án mạng của cô Marcus chứ?”

“Trung sĩ,” Souza nói, “ông muốn tôi bỏ qua chuyện này chứ gì? Thì sao không nói thẳng ra luôn là nó chẳng đáng, chẳng có gì quan trọng.”

“Tôi có nói thế sao?”

“Thì...”

“Tôi có nói thế sao?” Whitey nhắc lại.

“Không có.”

“Không hề. Tôi không hề nói vậy nhé! Hãy tỏ ra tôn trọng những người đi trước một chút, Joseph, hay chúng tôi sẽ gửi trả cậu về lo mấy vụ ma túy tổng hợp ở Springfield, suốt ngày giao du với lũ cưỡi mô tô và đám phụ nữ hôi hám ăn mỡ hộp.”

Souza khẽ thở hắt ra. “Tôi chỉ nghi là có thể có gì đó liên quan mà thôi. Không có ý gì khác.”

“Tôi không phản đối, nhân viên Souza. Chỉ muốn nói là cậu cần có những bằng chứng thiết thực hơn để tránh việc chúng ta tập trung nhân lực vào điều tra một sự việc té ra chẳng liên quan gì tới nhiệm vụ trước mắt. Với lại quán Last Drop thuộc địa phận của cảnh sát Boston.”

“Chúng tôi đã liên lạc với họ,” Souza nói.

“Và họ bảo với cậu rằng đó là việc của họ đúng không?”

Souza gật đầu.

Whitey xòe hai tay ra. “Bây giờ thế này nhé. Cậu giữ liên lạc với nhân viên điều tra phụ trách vụ này ở bên đó và cập nhật thông tin cho chúng tôi nhưng tạm thời không can thiệp.”

“Trở lại với vấn đề giả thiết vụ án, trung sĩ, giả thiết của anh là gì?” Friel lên tiếng.

Whitey nhún vai. “Tôi có vài giả thiết nhưng chỉ là giả thiết mà thôi. Katherine tử vong do vết thương bị súng bắn phía sau đầu. Tất cả những vết thương khác trên người bao gồm cả vết thương do đạn bắn trên bắp tay trái cũng không có khả năng gây tử vong. Đầu nạn nhân bị đập bằng một vật bằng gỗ, gờ phẳng, có thể là một loại gậy hay một thanh gỗ. Kết luận pháp y cho thấy nạn nhân không bị xâm phạm tình dục. Điều tra bên ngoài cho biết nạn nhân có kế hoạch bỏ trốn với cậu thanh niên nhà Harris. Bobby O'Donnell là bạn trai trước của nạn nhân. Vấn đề là hắn vẫn chấp nhận được chuyện này. Bố nạn nhân thì không ưa cả O'Donnell lẫn cậu thanh niên kia.”

“Tại sao ông bỏ lại không ưa cậu thanh niên Harris kia?”

“Chúng tôi cũng chẳng rõ.” Whitey nhìn về phía Sean rồi tiếp tục. “Chúng tôi cũng đang điều tra chuyện này. Nên chúng tôi chỉ có thể đoán là nạn nhân lên kế hoạch rời khỏi thành phố vào buổi sáng. Đêm trước, cô ấy tổ chức một bữa tiệc chia tay với hai người bạn, bị Roman Fallow bắt gặp và đuổi ra khỏi quán bar rồi lái xe đưa các bạn về nhà. Lúc đó trời bắt đầu mưa, cần gạt mưa trên xe không hoạt động, kính xe thì bẩn không nhìn rõ. Hoặc là cô ấy không nhìn thấy vỉa hè vì say rượu, ngủ gật trên vô lăng, hoặc là cô ấy ngoặt tay lái để tránh vật gì đó trên đường. Dù là nguyên nhân gì trong số hai nguyên nhân kể trên thì kết quả

là cô ấy đã lái xe lên vệ đường. Chiếc xe bị chết máy và ai đó tiến lại gần. Theo nhân chứng lớn tuổi của chúng ta thì Katherine Marcus có nói ‘Xin chào.’ Đó cũng là thời điểm mà chúng tôi cho rằng thủ phạm nổ súng đầu tiên. Nạn nhân cố tấn công lại hấn bằng cửa xe ô tô của mình - có thể súng hấn bị nghẽn thật, tôi cũng chẳng biết nữa - và thế là cô ấy bắt đầu bỏ chạy vào trong công viên. Cô ấy lớn lên ở đây nên có lẽ cô ấy cho rằng cô ấy có cơ may trốn thoát được hấn. Một lần nữa, chúng tôi không phỏng đoán được tại sao cô ấy lại chọn chạy về phía công viên ngoại trừ việc cô ấy cho rằng nếu chạy thẳng về đầu này hay đầu kia của phố Sydney thì cũng phải qua ít nhất bốn khúc phố mới tìm được người giúp đỡ. Mà xông ra đường chính như thế thì cũng có thể bị thủ phạm dùng xe cán chết hay nổ súng bắn một cách dễ dàng. Thế nên cô ấy chạy về phía công viên. Cô ấy kiên trì chạy về phía Đông Nam, qua vườn hoa rồi nấp dưới hèm nước nhỏ dưới chân cầu và cuối cùng tiến thẳng tới khu chiếu bóng cũ. Cô ấy...”

“Cô ấy kiên trì dần sâu vào trong công viên,” Maggie Mason lên tiếng.

“Đúng thế, thưa sếp.”

“Tại sao?”

“Tại sao nghĩa là sao?”

Mason tháo kính đặt lên bàn phía trước mặt mình. “Tôi hỏi thế là vì nếu tôi là một phụ nữ bị truy đuổi trong một công viên mà tôi vô cùng quen thuộc địa hình thì lúc đầu tôi có thể dụ kẻ bám đuôi theo mình vào đó với hy vọng sẽ khiến hấn bị lạc đường hay chậm lại. Nhưng ngay khi có thể thì tôi sẽ tìm cách chạy ra khỏi đó ngay lập tức. Tại sao cô ấy lại không chạy sang hướng Bắc về phía đường Roseclair hay quay trở lại phố Sydney? Tại sao lại tiếp tục chạy sâu hơn vào trong công viên?”

“Trong lúc choáng váng, có lẽ là thế. Và sợ hãi. Sợ hãi có thể khiến người ta mất đi khả năng tư duy. Cũng phải nhớ là nồng độ cồn trong máu của cô ấy là 0,9 gam. Lúc đó cô ấy đang say.”

Maggie Mason lắc đầu. “Tôi không tin. Còn chi tiết này nữa, theo báo cáo của anh liệu tôi có thể phỏng đoán rằng cô Marcus trên thực tế nhanh nhẹn hơn rất nhiều so với người đuổi theo cô ấy không?”

Miệng Whitey há ra một chút nhưng ông ta dường như quên mất mình định nói gì.

“Báo cáo của anh, trung sĩ nói rằng có ít nhất hai lần cô Marcus đã lựa chọn trốn đi thay vì tiếp tục bỏ chạy. Cô ấy trốn ở vườn hoa và dưới chân cầu. Chi tiết này nói lên hai điều: thứ nhất là cô ấy chạy nhanh hơn kẻ đuổi theo mình vì nếu không thì cô ấy không thể có đủ thời gian để nghĩ tới việc tìm chỗ trốn, thứ hai là cô ấy nghĩ chạy trước hấn thôi vẫn chưa đủ. Lại thêm chuyện cô ấy không hề có ý định chạy ra khỏi công viên như anh vừa nói, anh không thấy có gì lạ sao?”

Không ai biết trả lời thế nào.

Cuối cùng Friel lên tiếng. “Theo bà thì sao?”

“Nó khiến cho tôi nghĩ tới một khả năng là cô ấy hấn có cảm giác đang bị bao vây.”

Trong giây lát, Sean nghĩ cả căn phòng như trở nên tĩnh điện với các dòng điện xung nhau nhiễu loạn.

“Bởi một băng nhóm hay gì đó?” Cuối cùng Whitey cũng lên tiếng.

“Hay gì đó?” Mason nói. “Tôi không biết, trung sĩ. Tôi chỉ là dựa theo báo cáo của anh mà thôi. Chứ cả đời này tôi cũng không tài nào hiểu nổi tại sao cô gái đó, rõ ràng là chạy nhanh hơn kẻ tấn công mình lại không chọn cách chạy ngược trở lại, thoát khỏi công viên trừ phi cô ấy nghĩ rằng còn có kẻ khác nữa đang rình cô ấy ở đó.”

Whitey vẫn không ngẩng đầu lên nói. “Tôi rất tôn trọng nhận xét của sếp nhưng với một kịch bản như thế thì sẽ để lại trên hiện trường vô số dấu vết.”

“Chính anh đã nhắc lại nhiều lần trong báo cáo là mưa đã xóa đi các dấu vết mà.”

“Đúng vậy,” Whitey nói. “Nhưng nếu có tới một nhóm người - hay thậm chí hai người - đuổi theo Katherine Marcus thì chúng ta sẽ có nhiều dấu vết hơn những gì chúng ta hiện có. Ít nhất thì cũng thêm vài dấu chân nữa. Hay cái gì đó, thưa sếp.”

Maggie lại đeo kính vào và nhìn xuống bản báo cáo trên tay. Cuối cùng bà ta lên tiếng. “Đây cũng chỉ là một giả thiết thôi, trung sĩ. Một giả thiết mà dựa trên báo cáo của chính anh tôi thấy cũng nên xem xét.”

Whitey tiếp tục cúi đầu nhưng Sean có thể thấy thái độ coi thường bốc lên ngùn ngụt từ người ông.

“Ý anh sao, trung sĩ?” Friel lên tiếng.

Whitey ngẩng đầu lên mỉm cười chờ đợi. “Tôi sẽ lưu ý chi tiết này. Hẳn rồi. Nhưng hoạt động băng đảng ở khu vực này không có nhiều. Chúng tôi không nghĩ vậy. Còn nghi vấn có hai thủ phạm thì lại dẫn chúng ta trở lại với giả thiết đây là một vụ giết thuê.”

“OK...”

“Nhưng nếu vậy thì như chúng ta đã nhất trí ngay từ đầu cuộc họp là khó có khả năng xảy ra vì tên sát thủ thứ hai chắc chắn sẽ nổ súng trong lúc Katherine Marcus tấn công đồng đảng của hắn bằng cửa xe. Vậy nên cho tới giờ giả thiết duy nhất có khả năng là chỉ có một thủ phạm và nạn nhân là một phụ nữ say rượu, bắn loạn, chết ngất khi mất máu, tư duy không mạch lạc và vô cùng đen đui.”

“Nhưng anh vẫn lưu ý giả thiết của tôi nhé,” Maggie Mason cười nhếch mép vẻ khó chịu, mắt nhìn xuống bàn.

“Tôi sẽ lưu ý,” Whitey đáp. “Từ lúc này trở đi tôi tiếp thu bất kỳ ý kiến nào. Thề có Chúa. Nạn nhân có quen biết với hung thủ. Thế nhưng cho tới giờ tất cả những người được coi là có động cơ hợp lý đều dần dần bị loại ra khỏi vòng nghi vấn vì các bằng chứng ngoại phạm. Càng điều tra thì lại càng có vẻ như đây là một vụ án mạng ngẫu nhiên. Mưa to đã xóa mất hai phần ba dấu vết của vụ án, cô Marcus lại không có tới một ai gọi là kẻ thù, không có vấn đề về tài chính, không nghiện hút cũng không phải là nhân chứng tội ác nào. Việc cô ấy bị giết hại cho tới nay không đem lại lợi ích cho bất kỳ ai.”

“Trừ O'Donnell,” Burke nói. “Người rõ ràng không muốn cô ấy bỏ đi.”

“Ngoại trừ hắn ta,” Whitey tán thành. “Nhưng bằng chứng ngoại phạm của hắn rất chắc chắn, lại không giống như thuê sát thủ ra tay. Vậy ai có thể là người muốn hại cô ấy chứ? Có vẻ như không ai muốn cả.”

“Tuy nhiên cô ấy đã chết,” Friel nói.

“Đúng thế, cô ấy đã bị hại chết,” Whitey nhắc lại. “Đó chính là lý do tại sao tôi cho rằng vụ án này mang tính ngẫu nhiên. Loại bỏ những động cơ như tình, tiền, thù hận ra rồi thì chả còn nguyên nhân nào nữa, ngoài những giả thiết ngớ ngẩn như có một gã dở hơi, suốt ngày rình rập nạn nhân, lập ra một trang web thờ phụng cô ấy, vân vân và vân vân.”

Friel nhú mày khi nghe vậy.

Shira Rosenthal lập tức chêm vào. “Chúng tôi cũng đã kiểm tra khả năng đó, thưa sếp. Cũng chả tìm thấy gì đáng nghi.”

“Tóm lại là các anh cũng chả biết phải tìm kiếm cái gì nữa đúng không?” Friel cuối cùng cũng đưa ra kết luận.

“Có chứ,” Whitey nói. “Một gã có súng. À, còn có cả gậy nữa.”

18. Chương 18: Những Lời Đó, Hắn Đã Từng Nghe

Để Dave ở lại sân sau, chờ cho nước mắt khô, Jimmy bỏ đi tắm một lần nữa. Hắn cảm thấy có nhu cầu được khóc. Nó cuộn cuộn trong ngực hắn giống như một trái bóng căng khiến hắn ngạt thở.

Hắn chui vào buồng tắm vì hắn cần một chỗ riêng tư ngộ nhờ nước mắt lại trào ra như suối thay vì vài giọt lúc trước. Hắn sợ biến thành một cỗ nước mắt run rẩy, giống như khi còn nhỏ khóc tỉ tê trong phòng tối, tin rằng việc hắn ra đời suýt nữa đã khiến mẹ hắn thiệt mạng và vì vậy mà bị bố hắn ghét bỏ.

Trong phòng tắm, hắn lại lần nữa cảm thấy nó sắp ập tới – cơn sóng lòng u uất ngày cũ, như từ thuở xa xưa nào mà hắn không còn nhớ nổi, một thứ nhận thức rằng thảm kịch vẫn treo lơ lửng đâu đó trong tương lai của hắn, một tấn thảm kịch nặng nề như những khối đá vôi khổng lồ. Như thể một thiên thần đã tiết lộ với hắn về tương lai từ khi hắn còn nằm trong bụng mẹ và Jimmy ra đời với những lời nói của thiên thần khắc sâu trong tâm khảm nhưng lại nhạt nhòa trên đầu lưỡi.

Jimmy ngược mắt lên nhìn những dòng nước tuôn ra từ vòi hoa sen. Hắn nói mà không phát ra tiếng: Trong lòng mình tôi biết tôi có can dự vào cái chết của con gái tôi. Tôi có thể cảm thấy điều đó. Nhưng tôi không biết là bằng cách nào.

Và một giọng nói trầm tĩnh vang lên: Rồi người sẽ biết.

Hãy nói cho tôi biết đi.

Không nói.

Đồ khốn.

Ta vẫn chưa nói hết.

Ồ.

Sự khai sáng sẽ tới.

Và tôi sẽ bị nguyên rửa?

Đó là do người tự chọn.

Jimmy cúi đầu và nghĩ tới việc Dave nhìn thấy Katie không bao lâu trước khi con bé chết. Lúc con bé vẫn còn sống, đang say sưa và nhảy nhót. Nhảy nhót, hân hoan.

Chính sự nhận biết này – rằng người khác chứ không phải hắn đã sở hữu những hình ảnh cuối cùng của Katie – đã cho hắn một lý do để rút cuộc có thể khóc được.

Lần cuối cùng Jimmy nhìn thấy Katie là lúc con bé rời khỏi cửa hàng sau khi tan ca ngày thứ Bảy. Lúc đó khoảng bốn giờ năm phút, khi Jimmy đang điện thoại đặt hàng với bên cung cấp bánh phồng tôm, dầu óc hoàn toàn để ở chỗ khác thì Katie tới cạnh, thơm lên má hắn và nói, “Gặp lại bố sau nhé.”

“Ồ, lát nữa gặp lại!” Hắn nói và nhìn con bé rời đi.

Mà không. Nói láo. Hắn không hề nhìn con bé rời đi. Hắn chỉ nghe thấy tiếng con bé rời khỏi vì, mắt hắn còn đang dính vào đồng đơn đặt hàng trước mặt.

Như vậy có nghĩa là hình ảnh cuối cùng của Katie trong đầu hắn chính là một bên mặt nhìn nghiêng của con bé sau khi hôn tạm biệt hắn và nói, “Gặp lại bố sau nhé.” Gặp lại bố sau nhé! Cái từ “sau” kia như đâm vào tim hắn, ám chỉ những gì diễn ra tiếp sau đó trong buổi tối hôm ấy, những giây phút cuối cùng của con bé. Nếu như hắn cũng ở đó, nếu như hắn có thể dành thêm một chút thời gian tối hôm đó với con gái mình thì hắn có thể lưu lại nhiều hơn những hình ảnh cuối cùng của con bé. Nhưng hắn đã không thể làm được điều đó. Trong khi Dave lại có thể. Cả Eve và Diane nữa. Và cả kẻ đã giết hại Katie.

Nếu như con phải chết, Jimmy nghĩ, nếu như điều đó có thể được báo trước thì cha những muốn con có thể nhìn vào mặt cha mà chết. Nhìn con chết cha sẽ rất đau lòng Katie ạ, nhưng ít nhất cha cũng có thể biết rằng con sẽ cảm thấy bớt cô đơn hơn khi nhìn vào mặt cha.

Vì cha rất thương con. Cha thương con nhiều lắm. Sự thật là cha còn thương con hơn cả mẹ con, hơn cả các em con, hơn cả Annabeth, ôi xin Chúa hãy rủ lòng thương. Cha yêu họ vô cùng nhưng cha yêu con nhất, con có biết không, vì khi cha ra tù và ngồi với con trong căn bếp ấy, hai ta giống như hai sinh vật duy nhất còn sót lại trên thế gian này. Bị người ta quên lãng, bị bỏ rơi. Cả hai chúng ta đều sợ hãi, bối rối và vô cùng đáng thương. Thế nhưng chúng ta đã vượt lên tất cả, không phải vậy sao? Chúng ta đã xây dựng một cuộc đời mới ấm áp, không còn sợ hãi, không còn giống như những kẻ đáng thương cùng quẩn. Và cha sẽ không thể nào làm được điều này nếu không có con. Sẽ không thể nào. Vì cha không mạnh mẽ như thế.

Đáng lẽ con sẽ trở thành một người phụ nữ xinh đẹp. Một người vợ xinh đẹp. Một người mẹ tuyệt vời. Con cũng chính là một người bạn. Con nhìn thấy nỗi sợ hãi của cha nhưng con không bỏ chạy. Cha yêu con hơn cả cuộc sống này. Nỗi nhớ thương con sẽ gặm nhấm cha như một căn bệnh ung thư. Cha sẽ bị nó giết chết.

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, dưới làn nước, Jimmy có cảm giác như Katie đang áp tay lên lưng hắn. Đó cũng chính là hình ảnh cuối cùng của con bé mà hắn chợt quên mất. Con bé đã đặt tay lên lưng hắn lúc nghiêng người hôn tạm biệt lên má hắn. Tay con bé áp vào sống lưng hắn, giữa hai bả vai, ấm áp.

Hắn đứng đó, trong làn nước, cái chạm tay của con bé còn vương vất trên da thịt lóng lánh và đột nhiên hắn không còn muốn khóc nữa. Trong đau thương hắn thấy mình trở nên mạnh mẽ. Hắn cảm nhận được tình yêu của Katie dành cho hắn.

Whitey và Sean tìm thấy một chỗ đỗ xe gần cửa hàng của Jimmy rồi đi bộ lên đại lộ Buckingham. Cuối buổi chiều trời trở lạnh, nền trời xanh thẫm lại và Sean bắn khoăn tự hỏi không hiểu Lauren đang làm gì lúc này, liệu cô ấy có đang đứng bên cửa sổ, cùng ngược nhìn bầu trời như anh và cảm thấy giá lạnh đang tràn tới.

Vừa tới trước tòa nhà ba tầng nơi Jimmy và vợ sống cùng với đám anh em điên rồ nhà Savage thì họ nhìn thấy Dave Boyle đang mở cửa chiếc xe Honda của mình rồi thò đầu vào. Anh ta mò mẫm một lúc trong hộp đựng găng tay phía trước rồi đóng sập lại, chui đầu ra khỏi xe, tay cầm một chiếc ví. Anh nhìn thấy Sean và Whitey trong lúc khóa xe và mỉm cười chào họ.

“Lại là hai người.”

“Chúng tôi giống như bệnh cúm,” Whitey nói. “Luôn xuất hiện không đúng lúc.”

“Cậu thế nào, Dave?” Sean hỏi.

“Không thay đổi gì lắm so với bốn tiếng trước. Các anh định tạt qua Jimmy à?”

Hai người họ gật đầu.

“Các anh, nói thế nào nhỉ, có bước đột phá nào chưa?”

Sean lắc đầu. “Chúng tôi chỉ là ghé qua hỏi thăm, xem họ thế nào.”

“Bây giờ cũng tạm ổn. Chỉ là quá mệt, các anh biết đấy. Tôi đoán là Jimmy không hề chớp mắt từ hôm qua tới giờ. Annabeth thì tự đứng lên cơn thèm thuốc nên tôi mới đi mua cho cô ấy, quên mất là ví lại để trong xe.” Bàn tay sừng vù của anh cầm chiếc ví giờ lên rồi nhét vào trong túi.

Whitey cũng dứt hai tay vào trong túi, vênh mũi chân lên, dồn trọng tâm vào hai gót giày, cười nhạt. “Trông có vẻ đau,” Sean nói.

“Cái này á?” Dave lại giơ tay lên nhìn rồi đáp, “Thật ra cũng không đau lắm.”

Sean gật gù, đến lượt mình nở một nụ cười giống hệt Whitey, hai bọn họ đứng đó lẳng lặng quan sát Dave.

“Là tôi đem đó chơi bi-a.” Dave nói. “Cậu biết cái bàn bi-a ở quán McGills rồi đấy, Sean. Kê sát vào tường quá phân nửa nên chỉ có thể chọc bằng cái gậy ngắn chùn khốn kiếp ấy.”

“Đúng vậy,” Sean ừ hừ.

“Quả bóng cái nằm sát thành bàn trong khi bóng ghi điểm lại nằm phía bên kia bàn. Tôi rút mạnh tay lại để đánh bóng, quên bég mất sau lưng là tường. Và thế là bang, tay tôi nện vào tường.”

“Ồi giời,” Sean kêu lên.

“Thế có thành công không?” Whitey hỏi.

“Gì cơ?”

“Cú đánh bóng của anh ấy mà.”

Dave nhú mày. “Dĩ nhiên là trượt. Từ đó trở đi chả đánh được cú nào ra hồn.”

“Hắn rồi,” Whitey nói.

“Thế mới tiếc vì trước đó tôi đang chơi rất tốt.”

Whitey gật gù nhìn về phía xe của Dave. “Không hiểu xe anh có bị giống xe tôi không?”

Dave quay lại nhìn chiếc xe của mình rồi bảo, “Xe tôi chả có vấn đề gì bao giờ.”

“Thế à. Sên cam chiếc Accord của tôi đi được sáu mươi lăm nghìn cây số đã hỏng. Một người bạn của tôi cũng gặp vấn đề tương tự. Mà chữa cái sên cam ấy thì gần bằng tiền mua cái xe mới. Xe của anh thì sao?”

“Xe của tôi chả có vấn đề gì. Ngon như mộng,” Dave nói, ngo ra đằng sau rồi quay lại nhìn họ và bảo, “Tôi đi mua mấy bao thuốc. Gặp lại các anh trong nhà sau nhé?”

“Lát nữa gặp lại,” Sean nói và khẽ vẫy tay trước khi Dave bước xuống vỉa hè đi sang đường.

Whitey quay ra nhìn chiếc xe Honda của Dave. “Một vết lõm khá rõ ở khung xe trên lớp trước.”

“Tôi cũng đang tự hỏi không hiểu sếp có nhìn thấy không,” Sean nói.

“Lại còn câu chuyện đánh bi-a nữa chứ?” Whitey khẽ huýt gió. “Cái gì nhỉ – thọc cán gậy vào tay ư?”

“Đúng là có chút vấn đề,” Sean nói và quan sát Dave bước vào cửa hàng bán rượu.

“Là vấn đề gì thưa ngài siêu cớm?”

“Nếu Dave là cái gã mà nhân chứng của Souza nhìn thấy trong bãi đỗ xe của quán Last Drop thì hẳn cậu ta bận đập vỡ đầu kẻ nào đó trong lúc Katie bị giết.”

Whitey nhăn mặt vẻ thất vọng. “Cậu nghĩ vậy sao? Tôi thì lại cho rằng cậu ta giống kẻ ngồi trong bãi đỗ xe nơi có một cô gái bị chết sau khi rời khỏi đó nửa tiếng. Trông cậu ta giống như không về nhà vào lúc một giờ mười lăm như đã khai.”

Qua lớp kính cửa hàng, họ thấy Dave đang nói chuyện với người thu ngân.

“Vết máu bên giám định hiện trường tìm thấy trên mặt đất ở bãi đỗ xe có thể có từ nhiều ngày trước. Chúng ta chả có bằng chứng gì cho thấy ở đó đã xảy ra chuyện gì ngoại trừ khả năng một cuộc ẩu đả thông thường. Những người có mặt tại quán bar nói đêm ấy không xảy ra đánh nhau nhưng đêm trước thì sao? Không có mối liên hệ nhân quả nào giữa vết máu trong bãi đỗ xe với việc Dave Boyle ngồi trong xe của mình vào lúc một giờ ba mươi. Nhưng việc cậu ta ngồi trong chiếc xe đó lúc Katie rời khỏi quán bar hẳn có một mối liên hệ nào đó.” Whitey vỗ vai Sean rồi nói tiếp, “Thôi nào, hãy lên nhà trước đã.”

Sean nhìn sang bên đường lần cuối trong lúc Dave trả tiền cho người thu ngân ở cửa hàng rượu. Anh cảm thấy đáng tiếc thay cho Dave. Dù Dave có làm gì, người ngoài luôn nhìn anh như một kẻ đáng thương, thô cục, có phần xấu xí, khiến người ta khó chịu.

Celeste ngồi trên giường của Katie, nghe tiếng hai nhân viên cảnh sát bước lên cầu thang, bước chân nặng nề âm vang trên những bậc cầu thang cũ ngay phía bên kia tường. Mấy phút trước Annabeth nhờ cô vào đây tìm một chiếc váy của Katie để Jimmy mang tới nhà tang lễ. Annabeth nói rằng cô ấy không có đủ can đảm để đi vào phòng Katie trong lúc này. Đó là một chiếc váy hở vai màu xanh và Celeste vẫn còn nhớ cái lần Katie mặc nó tới dự đám cưới của Carla Eigen, tai cài một nhành hoa màu xanh và vàng, tóc vấn cao. Con bé thực sự đã khiến nhiều người hôm ấy ngạt thở, bản thân Celeste thì biết rằng cả đời cô cũng chẳng bao giờ có được cái dáng vẻ đó trong khi Katie lại không hề nhận thức được nhan sắc mê hồn của mình. Thế nên khi Annabeth nhắc tới chiếc váy xanh là Celeste lập tức hiểu ý.

Cô đi vào trong phòng của Katie, nơi Jimmy đêm qua đã áp chiếc gối của con gái lên mặt, hít thở mùi hương còn đọng lại và mở toang cửa sổ ra, giải thoát căn phòng khỏi thứ mùi tang tóc trầm mặc. Cô tìm thấy chiếc váy trong một chiếc túi đựng trang phục treo ở cuối tủ, lấy nó ra rồi ngồi lại trên giường một lúc. Cô có thể nghe thấy những âm thanh vang lên từ con phố bên dưới – tiếng sập cửa ô tô, tiếng bước chân qua lại, tiếng người nói chuyện xa dần, tiếng xe buýt mở cửa đón khách ở khúc ngoặt giao với phố Crescent và nhìn lên tấm ảnh chụp Katie và cha con bé trên bàn trang điểm. Bức ảnh chụp mấy năm trước, Katie ngồi trên vai Jimmy, hơi mỉm cười để lộ đai nấn răng còn Jimmy thì nắm lấy hai cổ chân của con gái và nhìn thẳng vào ống kính với nụ cười rạng rỡ tuyệt vời, một nụ cười khiến người ta ngạc nhiên vì một người nghiêm nghị như Jimmy, hóa ra cũng còn có một điểm cười mỉm.

Cô đang định cầm bức ảnh lên thì nghe thấy giọng Dave vang lên từ vỉa hè phía dưới. “Lại là hai người.”

Và cô ngồi đó, càng lúc càng trở nên căng thẳng, hồi hộp nghe Dave trò chuyện với hai người cảnh sát rồi nghe Sean Devine thảo luận với đồng nghiệp của mình sau khi Dave sang đường mua thuốc lá cho Annabeth.

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, thiếu điều thì cô nôn ọe lên chiếc váy màu xanh của Katie. Ngực cô nghẹn lại, cổ họng co thắt, bụng sôi lên sùng sục. Cô cúi gập người xuống cố ngăn nó lại, miệng bật ra những tiếng ho khan nhưng cô không nôn ra. Và rồi nó qua đi.

Nhưng cô vẫn cảm thấy nôn nao. Nôn nao và nhớp nhúa, đầu óc thì nóng rùng rục. Cứ như bị thiêu đốt, như có cái gì đó đang sôi trào, che đi ánh sáng, bịt lấy khoang mũi và hốc mắt của cô.

Cô nằm xuống giường trong lúc Sean và đồng nghiệp của anh đi lên cầu thang và chỉ mong bị sét đánh hay trần nhà sập xuống hay có một nguồn sức mạnh kỳ lạ nào đó tới nhắc nhở cô lên và ném qua cửa sổ. Tất cả những kịch bản trước đây đều khả dĩ hơn thứ mà cô đang phải đối mặt. Nhưng có lẽ chỉ là anh ấy muốn bảo vệ ai đó hoặc đã trót nhìn thấy một việc mà anh ấy không nên nhìn và bị người khác đe dọa. Cảnh sát có thẩm tra anh ấy thì cũng chỉ có nghĩa là họ nghi ngờ anh ấy. Cũng không có nghĩa là chồng cô chính là hung thủ giết hại Katie Marcus.

Câu chuyện bị cướp tấn công của anh chỉ là dối trá. Cô vẫn biết vậy. Mấy ngày gần đây, cô liên tục trốn tránh chuyện này, cố tẩy nó ra khỏi đầu mình giống như lấy mây đen che lấp mặt trời. Nhưng cô biết, ngay từ đêm đó, vì bọn cướp hẳn sẽ không giơ dao ra trước mặt nhưng lại dùng tay khác tấn công, rồi lại nói những câu văn vẻ kiểu “Vị của mày hay mạng của mày, đồ chó. Tao sẽ lấy một trong hai thứ đó.” Bọn chúng cũng sẽ không thể nào bị tức vũ khí và bị hành hung bởi một người từ hồi tiểu học tới nay chưa từng đánh nhau bao giờ như Dave.

Nếu như người kể chuyện đó là Jimmy thì lại khác. Jimmy, người rắn chắc như thế, trông rất có khả năng giết người. Trông anh giống một kẻ rất biết đánh nhau nhưng đã đủ chín muồi để kiềm chế, không để bạo lực xảy ra. Nhưng người ta vẫn có thể nhận thấy mối nguy hiểm toát ra từ người anh, một khả năng hủy diệt kẻ khác.

Nhưng Dave lại tạo cho người ta một cảm giác khác. Một người đàn ông với những điều bí mật, những bánh xe mờ ám quay cuồng trong một cái đầu đôi khi trở nên ám muội, đằng sau đôi mắt quá mức tĩnh lặng kia đang sống một cuộc đời ảo tưởng mà không ai có thể xâm nhập được. Cô đã kết hôn với Dave được tám năm và luôn cho rằng thế giới bí mật của anh cuối cùng sẽ mở cửa cho cô vào, nhưng chuyện đó vẫn chưa xảy ra. Dave vẫn sống với cái thế giới tưởng tượng trong đầu anh nhiều hơn là với thế giới thực tại này và có lẽ hai cái thế giới đó đã hòa lẫn vào nhau và bóng tối trong đầu Dave đã lan dần xuống những con phố ở East Buckingham.

Dave liệu có thể sát hại Katie không?

Anh ấy vẫn luôn quý con bé. Không phải vậy sao?

Và thật tình mà nói, liệu Dave – chồng cô – có thể có khả năng giết người? Có thể sẵn đuổi con gái bạn mình trong một công viên tắm tối? Có thể đánh đập con bé, nghe nó kêu khóc và cầu xin? Có thể nổ súng vào đầu con bé?

Mà vì lý do gì cơ chứ? Vì lý do gì người ta có thể gây ra một chuyện như thế? Nếu quả có người làm thế thật thì cũng khó mà hình dung ra người đó là Dave.

Đúng là anh ấy sống trong một thế giới bí mật, cô thầm nghĩ. Đúng là anh ấy chưa bao giờ là một người toàn vẹn sau những tội ác xảy ra với anh ấy lúc còn bé. Đúng là anh ấy đã nói dối về vụ bị cướp, nhưng anh ấy hẳn có nguyên do nào đó.

Nhưng là nguyên do nào cơ chứ?

Katie bị sát hại ở công viên Penitentiary ngay sau khi rời khỏi quán Last Drop. Dave tự nhận là có đánh nhau với một tên cướp trong bãi đỗ xe của quán bar đó. Anh bảo rằng đã bỏ mặc tên cướp bất tỉnh nhân sự tại đó nhưng chẳng ai tìm thấy hắn ta. Cảnh sát có nhắc đến vết máu trên bãi đỗ xe. Nên có thể Dave đã nói đúng. Cũng có thể là vậy.

Thế nhưng cô vẫn tiếp tục bắn khoăn về trình tự thời gian của sự việc. Dave nói với cô là anh ở quán Last Drop. Rõ ràng anh cũng nói dối cảnh sát như vậy. Katie bị sát hại giữa khoảng thời gian từ hai tới ba giờ sáng. Dave trở về căn nhà của họ lúc ba giờ mười phút, người đầy máu với một câu chuyện rất không thuyết phục về chuyện đã xảy ra.

Và sự trùng hợp khủng khiếp nhất chính là việc Dave trở về nhà người đầy máu – trong khi Katie bị giết hại.

Nếu không phải là vợ anh liệu cô có nghi ngờ kết luận này không?

Celeste lại cúi gập người xuống, cố giấu kín tâm trạng của mình và ngăn cản tiếng nói vẫn rít lên trong đầu cô: Là Dave đã giết Katie. Là Chúa tôi. Là Dave đã giết Katie.

Ôi Chúa ơi. Dave giết Katie và con chỉ muốn chết.

“Vậy các anh đã loại bỏ Bobby và Roman khỏi diện tình nghi?” Jimmy nói.

Sean lắc đầu. “Không hoàn toàn, vẫn không loại trừ khả năng chúng thuê người khác làm.”

“Nhưng tôi có thể đọc được điều đó trên mặt anh, anh cũng không tin vào khả năng đó,” Annabeth nói.

“Không, thưa bà Marcus, chúng tôi cũng không lấy làm chắc.”

“Vậy các anh nghi ngờ ai? Có kẻ nào bị tình nghi không?” Jimmy hỏi.

Whitey và Sean nhìn nhau đúng lúc Dave đi vào trong bếp, mở một bao thuốc lá và đưa nó cho Annabeth. “Thuốc lá này, Anna.”

“Cảm ơn anh.” Cô ngược nhìn Jimmy, vẻ hơi xấu hổ. “Em tự dừng có nhu cầu.”

Hắn cười dịu dàng và vỗ vỗ lên tay vợ. “Lúc này em muốn gì cũng được. Không sao cả.”

Cô quay sang Whitey và Sean, vừa nói vừa châm thuốc. “Tôi đã bỏ thuốc được mười năm rồi.”

“Tôi cũng vậy,” Sean nói. “Tôi có thể làm một hơi được không?”

Annabeth bật cười, điều thuốc khẽ rung rung trên môi và Jimmy nhận ra rằng đó là âm thanh đẹp dễ nhất mà hắn được nghe trong suốt hai mươi tư tiếng đồng hồ qua. Hắn nhìn thấy nụ cười tươi rói trên mặt Sean lúc tiếp nhận điều thuốc của vợ hắn và những muốn cảm ơn anh vì đã khiến cho cô mỉm cười.

“Anh thật chẳng giống mẫu chút nào, nhân viên Devine.”

Annabeth châm thuốc cho anh.

Sean hít một hơi rồi nói. “Nhận xét này tôi đã nghe nhiều rồi.”

“Sĩ quan chỉ huy cũng vừa nói thế hồi tuần trước, nếu tôi không nhớ nhầm.” Whitey lên tiếng.

“Thật sao?” Annabeth hỏi và nhìn Sean vẻ háo hức. Annabeth là một trong số ít những người không chỉ biết nói mà còn rất biết lắng nghe người khác.

Sean toét miệng cười khi Dave kéo ghế ngồi xuống như muốn tham gia câu chuyện và Jimmy có thể cảm thấy không khí trong phòng nhẹ nhõm hẳn đi.

“Tôi vừa bị đình chỉ công tác một thời gian. Hôm qua là ngày đầu tiên tôi đi làm trở lại.”

“Cậu đã làm trò gì thế?” Jimmy tựa vào bàn, hỏi.

“Chuyện này là tuyệt mật không thể nói được.”

“Trung sĩ Powers, ông nói đi?” Annabeth kích.

“Thì, nhân viên Devine đây đã...”

Sean nhìn ông ta rồi nói chen vào. “Này, tôi cũng biết mấy chuyện xấu của ông đấy nhé.”

“Cậu được đấy. Xin lỗi bà Marcus nhé, tôi không thể nói được,” Whitey đáp lại.

“Ôi, thôi nào, ông kể đi.”

“Xin lỗi, tôi không thể.”

“Sean,” Jimmy nói và khi Sean nhìn hắn, Jimmy cố dùng ánh mắt để khuyến khích, để ra hiệu cho Sean biết rằng đó chính là thứ họ cần lúc này. Một câu chuyện để thư giãn. Một cuộc trò chuyện không liên quan tới án mạng, tang lễ hay sự mất mát người thân.

Mặt Sean bỗng chốc dịu lại, trông giống như khuôn mặt của cậu bé mười một tuổi ngày xưa và anh gật đầu.

Anh quay sang Annabeth nói, “Tôi đã khiến cho một gã điêu đứng vì giấy phạt giả.”

“Anh đã làm gì cơ?” Annabeth nghiêng người về phía trước để nghe cho rõ hơn, tay cầm điều thuốc dừng lại ở lưng chừng, mắt mở to chờ đợi.

Sean ngửa đầu ra sau, rít một hơi thuốc, nhả khói lên trần nhà rồi bảo, “Có một gã mà tôi rất không ưa, mà cũng chẳng biết là vì sao. Chỉ biết là cứ khoảng mỗi tháng một lần tôi lại nhập số xe của hắn vào dữ liệu của bên quản lý giao thông với tội danh đỗ xe trái phép. Tôi có thay đổi một chút – lúc thì là đỗ xe quá giờ, lúc thì là đỗ xe trong khu vực thương mại bị cấm, vân vân và vân vân. Tóm lại là hắn bị ghi phạt trong hệ thống nhưng lại không hề hay biết.”

“Bởi vì hắn ta không bao giờ nhận được biên lai phạt,” Annabeth nói.

“Chính xác. Và cứ sau hai mươi mốt ngày hắn lại phải trả thêm năm đô la vì không chịu nộp phạt, số tiền cứ thế mà nhân lên cho tới một ngày hắn bị triệu tới tòa.”

“Và phát hiện ra rằng hắn phải trả chính phủ một khoản nợ một ngàn hai trăm đô la,” Whitey nói.

“Một ngàn một thôi,” Sean đính chính. “Nhưng đúng thế, hắn bảo là hắn chẳng bao giờ nhận được biên lai phạt nhưng trên tòa chẳng ai tin hắn. Trước tòa, ai mà chẳng nói thế. Thế nên hắn ta vẫn phải chịu trận. Chứng cứ rõ ràng rành rành trên máy tính mà máy tính thì lại không có nói dối.”

“Tuyệt thật đấy. Cậu thường xuyên chơi trò đó sao?” Dave hỏi.

“Ôi không!” Sean kêu lên khiến Annabeth và Jimmy bật cười. “Không, không có, David.”

“Giờ chuyển sang gọi cậu là David nhé, cậu nhớ cẩn thận,” Jimmy nói.

“Tớ chỉ làm chuyện đó đúng một lần với một người.”

“Thế tại sao cậu lại bị phát hiện?”

“Gã đó có một bà cô làm việc bên quản lý giao thông,” Whitey nói. “Mọi người có tin được không?”

“Ôi không,” Annabeth nói.

Sean gật đầu. “Ai mà biết được. Hắn ta trả tiền phạt rồi nhờ cô mình tra ra đầu mối từ đơn vị của tớ. Và vì tớ vốn có tiền sử với gã này nên xét về động cơ và cơ hội gây án, sếp dễ dàng lần ra tớ và thế là tớ bị tóm cổ.”

“Thế là cậu ăn đủ đúng không? Có nuốt trôi được không?”

“Ồi giờ, tha hồ ăn chửi,” Sean thừa nhận khiến cả bốn người kia phá ra cười. “Nhét đủ mấy túi rác.” Sean nhìn thấy mắt Jimmy có tia hân hoan nên cũng bắt đầu mỉm cười.

“Tội nghiệp Devine, năm nay đúng là không phải năm may mắn của cậu ấy,” Whitey nói.

“Anh thế là may lắm rồi đấy, không bị báo chí sờ tới,” Annabeth nói.

“Chúng tôi cũng biết bảo vệ người của mình chứ,” Whitey nói. “Chúng tôi có thể giả cho cậu ta một trận nhưng tất cả những thông tin mà bà cô kia có được chỉ là biên lai phạt thì do đơn vị chúng tôi xuất ra, nhưng đích xác là ai thì không biết. Nói là do lỗi văn thư.”

“Do máy tính trục trặc,” Sean nói. “Sếp tổng bắt tôi bồi thường mọi tổn hại do vụ này gây ra, đủ thứ, đình chỉ công tác một tuần cộng ba tháng thử thách. Thật ra hình phạt có thể nặng hơn nhiều.”

“Có thể khiến cậu ta bị giáng chức.”

“Thế tại sao họ lại không giáng chức cậu ấy?” Jimmy hỏi.

Sean dụi thuốc rồi dang tay ưỡn ngực nói đùa. “Cậu không đọc báo sao Jim, vì tớ chính là một tay siêu cớm.”

“Cái gã tinh tướng này muốn nói là hắn đã giải quyết được nhiều vụ án nghiêm trọng trong mấy tháng gần đây. Hắn là người có tỉ lệ phá án cao nhất trong đội. Chúng tôi đành phải chờ phong độ của hắn tụt xuống mức bình thường rồi sẽ tổng hắn đi.”

“Cái vụ án mạng trên đường cao tốc gì đó,” Dave nói. “Tớ nhìn thấy tên cậu trên báo.”

“Dave đọc báo cơ đấy,” Sean nói với Jimmy.

“Nhưng chắc là không đọc sách về chơi bi-a,” Whitey vừa nói vừa cười. “Tay anh thế nào rồi?”

Jimmy nhìn Dave trước khi anh kịp cụp mắt xuống và có cảm giác như viên cảnh sát kia đang cố tình chơi đùa dồn ép Dave. Jimmy có đủ kinh nghiệm để nhận ra cái giọng điệu đó của cảnh sát và biết rằng bọn họ đang quan tâm tới bàn tay sưng vù của Dave. Viên cảnh sát kia nhắc tới việc chơi bi-a là có ý gì cơ chứ?

Dave mở miệng toan nói gì đó bỗng dừng khựng lại mặt nghệt ra. Jimmy nhìn theo ánh mắt Dave về phía sau lưng Sean và cả người hắn cũng đỏ ra.

Sean quay đầu lại và thấy Celeste Boyle đang cầm một chiếc mắc áo, giơ lên ngang vai, trên đó có một chiếc váy màu xanh thông xuống, giống như đang che giấu một cái xác vô hình.

Celeste nhìn vẻ mặt của Jimmy rồi nói, “Để tôi mang nó tới nhà tang lễ, Jim. Tôi nói thật đấy.”

Jimmy trông giống như bị chôn chân dưới đất.

“Chị không cần phải làm thế,” Annabeth nói.

“Tôi tự nguyện mà,” Celeste nở một nụ cười khó hiểu, có chút tuyệt vọng. “Tôi nói thật đấy. Tôi muốn làm vậy vì muốn ra ngoài một chút. Tôi rất vui lòng được giúp anh chị việc nhỏ này, Anna.”

“Cô chắc chứ?” Jimmy lên tiếng, giọng có chút không vui.

“Dĩ nhiên rồi, dĩ nhiên rồi.” Celeste đáp lại.

Sean không nhớ nổi lần cuối cùng trông thấy một người tuyệt vọng như thế rồi đi là khi nào. Anh liền đứng dậy tiến về phía Celeste và chìa tay ra. “Chúng ta đã gặp nhau mấy lần rồi. Tôi là Sean Devine.”

“Ồ, đúng thế.” Tay Celeste dẫm mồ hôi khi nắm lấy tay Sean.

“Cô đã có lần cắt tóc cho tôi.”

“Tôi biết, tôi biết. Tôi vẫn còn nhớ.”

“Tốt...”

“Sao cơ?”

“Chỉ là không dám làm phiền cô nữa.”

Celeste lại bật ra một tiếng cười tuyệt vọng. “Ồ không, không. Rất vui được gặp lại anh. Nhưng tôi phải đi bây giờ.”

“Vậy xin chào.”

“Xin chào.”

“Cùng đi nhé,” Dave nói theo nhưng Celeste đã vội vàng quay ngoắt ra hành lang, rảo bước về phía cửa ra vào như thể đang chạy trốn một căn nhà bị hờ ổng dẫn ga.

“Chết rồi,” Sean thốt lên và quay sang nhìn Whitey.

“Có chuyện gì thế?” Whitey hỏi.

“Tôi quên sổ ghi chép ngoài xe.”

“Thế thì nhanh đi lấy lên đây,” Whitey nói.

Ra tới hành lang thì Sean nghe thấy tiếng Dave nói, “Sao vậy, cậu ấy không thể dùng tạm giấy của ông được à?”

Nhưng anh không kịp nghe câu trả lời Whitey sẽ bịa ra để đối phó vì đang vội lao ra cửa, xuống cầu thang và xuất hiện ở hiên trước đúng lúc Celeste chạm tới cửa xe. Cô tra chìa vào ổ khóa rồi mở cửa xe, thò đầu vào mở chốt cửa sau. Rồi cô mở cửa sau và cẩn thận đặt chiếc váy lên ghế. Khi cô đóng cửa ô tô lại và nhìn lên thì bất gặp Sean đang đi xuống cầu thang và Sean nhận thấy mặt cô toát lên một vẻ kinh hoàng, giống như một người sắp bị xe buýt cán. Phải hành động ngay.

Anh có thể chọn cách tế nhị hoặc trực tiếp đi thẳng vào vấn đề. Nhìn vẻ mặt Celeste lúc này, Sean tự nhủ, phải dùng đến phương pháp tiếp cận trực tiếp thì mới có hy vọng. Phải tấn công ngay khi cô ấy còn đang hốt hoảng, chưa định thần lại được.

“Celeste,” anh nói. “Tôi chỉ muốn hỏi cô một câu nhanh thôi.”

“Tôi á?”

Anh vừa gật đầu vừa tiến lại gần chiếc xe, khẽ cúi người xuống, hai tay đặt trên nóc xe.

“Tối thứ Bảy, Dave về nhà lúc mấy giờ?”

“Gì cơ?”

Sean liền nhắc lại câu hỏi, mắt nhìn cô chằm chằm. “Tại sao các anh lại quan tâm tới buổi tối thứ Bảy của Dave?” cô hỏi.

“Cũng không có gì, Celeste. Chúng tôi có hỏi Dave mấy câu vì anh ấy có mặt tại quán McGills cùng lúc với Katie. Có mấy câu trả lời của Dave không được thông suốt lắm khiến đồng nghiệp của tôi có chút thắc mắc. Tôi thì tôi đoán là đêm đó Dave uống không ít nên không nhớ chính xác từng chi tiết một, nhưng đồng nghiệp của tôi là một tay rất khó chịu. Thế nên tôi muốn xác minh với cô thời điểm chính xác lúc anh ấy quay trở về nhà để đồng nghiệp tôi ngậm miệng lại và chúng tôi có thể tập trung vào việc truy tìm hung thủ sát hại Katie.”

“Anh nghĩ là Dave có thể làm chuyện đó sao?”

Sean đứng thẳng người dậy, nhìn Celeste nói, “Tôi không hề nói như vậy, Celeste. Sao tôi có thể thậm chí nghĩ tới khả năng đó cơ chứ?”

“Tôi làm sao mà biết được.”

“Nhưng cô lại nói ra điều đó.”

“Gì cơ? Chúng ta đang nói tới đâu rồi ấy nhỉ? Đầu óc tôi cứ rối tinh cả lên,” Celeste nói.

Sean cố nở một nụ cười đầy khích lệ. “Biết được thời điểm Dave trở về nhà là tôi có thể ngay lập tức chuyển hướng điều tra của đồng nghiệp sang chỗ khác thay vì tập trung vào những lỗ hổng trong câu chuyện của chồng cô.”

Trong giây lát, Celeste có vẻ như muốn lao ra giữa dòng xe cộ đang qua lại trên đường. Dáng vẻ hoang mang, tủi thân của cô khiến trong lòng Sean trỗi dậy một cảm giác thương hại như anh vẫn thấy đối với Dave.

“Celeste,” anh nói, biết rằng Whitey sẽ chửi thề trong bản nhận xét theo dõi thời hạn thử thách của anh nếu nghe thấy những gì anh sắp tuôn ra. “Tôi không nghĩ là Dave đã gây ra chuyện gì. Thề có Chúa. Nhưng đồng nghiệp của tôi thì không tin, mà ông ấy lại là người có chức vụ cao. Ông ấy là người sẽ quyết định hướng điều tra của vụ án. Cô nói cho tôi biết thời điểm Dave trở về nhà và thế là xong. Dave sẽ không bao giờ còn phải lo ngại về chúng tôi nữa.”

“Nhưng các anh đã nhìn thấy chiếc xe này.”

“Gì cơ?”

“Tôi có nghe các anh nói chuyện trước đó. Ai đó đã nhìn thấy chiếc xe này đỗ bên ngoài quán Last Drop vào cái đêm Katie bị giết. Đồng nghiệp của anh cho rằng Dave đã giết Katie.”

Mẹ kiếp. Sean gần như không tin nổi vào tai mình nữa.

“Đồng nghiệp của tôi muốn kiểm tra lại những gì Dave đã khai. Hai chuyện này hoàn toàn không giống nhau. Chúng tôi chưa chính thức nghi ngờ ai cả, Celeste. Chúng tôi chưa có đối tượng tình nghi nào cả, cô hiểu chứ? Chúng tôi chỉ biết là trong câu chuyện của Dave có vài lỗ hổng. Chỉ cần làm sáng tỏ chúng là mọi chuyện kết thúc. Cô không có gì phải lo lắng.”

Anh ấy bị cướp, Celeste suýt buột miệng nói. Anh ấy về nhà người đầy máu, nhưng chỉ vì có kẻ muốn trấn lột anh ấy. Anh ấy không giết Katie. Thậm chí nếu tôi có trót nghĩ thế thì trong lòng tôi vẫn biết rõ rằng Dave không phải là loại người đó. Tôi ngủ với anh ấy, kết hôn với anh ấy. Tôi sẽ không bao giờ lấy một tên giết người, nói cho lũ cớm bọn anh biết.

Cô cố nhớ lại cô đã dự định phải bình tĩnh như thế nào khi đối mặt với cảnh sát. Đêm đó, trong lúc giặt đống quần áo đầy máu của Dave, cô rõ ràng đã lập ra một kế hoạch để đối phó với cảnh sát. Nhưng lúc đó cô không hề hay biết về cái chết của Katie và cảnh sát sẽ hỏi cô về chuyện này. Như vậy, làm sao mà cô có thể dự đoán trước được chứ? Lại còn viên cảnh sát này nữa, anh ta quá mềm mỏng, quá tự tin và quyến rũ. Không phải là một tay cảnh sát bụng phệ, tóc hoa râm, cả người nồng nặc mùi rượu như cô tưởng tượng. Anh ta lại là một người bạn cũ của Dave. Dave có nói với cô rằng người đàn ông này, Sean Devine, cũng đang chơi ở trên phố với anh và Jimmy Marcus khi anh bị bắt cóc. Giờ đây cậu bé đó đã trở thành một người đàn ông cao lớn, thông minh và điển trai với một giọng nói du dương khiến người ta có thể lắng nghe cả đêm mà không biết chán và một đôi mắt dường như có khả năng bóc trần người ta ra từng lớp.

Lạy Chúa tôi. Cô phải ứng phó chuyện này thế nào? Cô cần có thời gian. Cô cần thời gian để suy nghĩ và bình tĩnh đánh giá tình hình một cách hợp lý. Cô không cần một chiếc váy của người chết dỗi theo cô từ phía sau và một viên cảnh sát ở bên cạnh quan sát cô bằng một đôi mắt vừa quyến rũ vừa nguy hiểm.

“Lúc đó tôi đang ngủ,” cô nói.

“Vậy sao?”

“Tối thứ Bảy Dave trở về lúc tôi đang ngủ. Tôi đã ở trên giường từ lâu rồi.”

Viên cảnh sát gật đầu. Anh ta lại đứng dựa vào xe, tay gõ lọc cọc lên nóc ô tô. Trông có vẻ thỏa mãn. Như thể mọi câu hỏi của anh ta đã được giải tỏa. Cô nhớ là tóc anh rất dày, màu hạt dẻ, những lọn trên đỉnh đầu có màu sẫm hơn một chút, gần như màu đồng. Cô nhớ mình đã từng nghĩ người như anh ta hẳn không bao giờ phải lo hói đầu.

“Celeste,” anh nói vẫn bằng cái giọng trầm ấm, ngọt ngào của mình. “Tôi nghĩ là cô đang sợ.”

Celeste có cảm giác như tim cô bị siết chặt bởi một bàn tay nhơ nhuốc.

“Tôi nghĩ là cô đang sợ và cô có biết chuyện gì đó. Tôi chỉ muốn cô hiểu rằng tôi hoàn toàn đứng về phía cô. Tôi cũng đứng về phía Dave. Nhưng tôi nghiêng nhiều hơn về phía cô vì tôi biết cô đang sợ hãi.”

“Tôi không có sợ hãi gì cả,” cô lúng túng nói và mở cửa xe ra.

“Có, cô đang sợ hãi,” Sean khẳng định rồi lùi lại để cho cô chui vào xe và lái đi.

19. Chương 19: Kế Hoạch Là Như Thế

Khi Sean quay trở lại căn hộ thì Jimmy đang đứng trong hành lang nói chuyện điện thoại.

“Vâng. Tôi sẽ nhớ mang theo ảnh. Cảm ơn.” Jimmy nói rồi tắt máy, quay ra nhìn Sean. “Là nhà tang lễ Reed. Họ vừa nhận xác con bé từ bên pháp y và nói tôi có thể mang các vật dụng của con bé tới.” Hắn nhún vai rồi nói tiếp. “Cậu biết đấy, hoàn tất các thủ tục tang lễ, đại loại thế.”

Sean gật đầu.

“Cậu tìm được sổ ghi chép chưa?”

Sean vỗ tay vào túi. “Đây rồi.”

Jimmy đập đập chiếc điện thoại không dây lên đùi nhiều lần. “Tôi nghĩ là tôi phải tới nhà tang lễ.”

“Trông cậu giống như cần chợp mắt một chút.”

“Không sao, tôi ổn mà.”

“OK.”

Lúc Sean đi ngang qua, Jimmy chợt hỏi, “Tôi không biết có nên nhờ cậu một việc không?”

Sean dừng lại. “Tất nhiên rồi.”

“Dave chắc là sắp phải đi đón Michael. Tôi không biết cậu có kế hoạch gì không nhưng tôi vẫn hy vọng cậu có thể ở lại với Annabeth một lúc. Tôi không muốn để cô ấy một mình, cậu hiểu chứ? Celeste chắc sẽ quay lại nên sẽ không lâu đâu. Val và mấy người anh em đã mang lũ trẻ đi xem phim nên trong nhà chẳng còn ai cả và tôi biết là Annabeth vẫn chưa sẵn sàng tới nhà tang lễ nên tôi chỉ, tôi cũng không biết nữa, chỉ đoán là...”

“Tôi nghĩ là không thành vấn đề. Để tôi kiểm tra lại với trung sĩ, nhưng giờ làm chính thức đã kết thúc từ vài tiếng trước rồi. Để tôi nói với ông ta. Được chứ?” Sean nói.

“Tôi rất biết ơn cậu vì điều đó.”

“Không có gì.” Sean bắt đầu đi về phía bếp, tới nửa đường như chợt nhớ ra chuyện gì nên quay sang hỏi Jimmy. “Thật ra tôi có chuyện muốn hỏi cậu, Jim.”

“Nói đi,” Jimmy lại có cái vẻ mặt đề phòng của phạm nhân lúc trước.

Sean bước dọc theo hành lang trở lại. “Chúng tôi nhận được vài nguồn tin cho biết cậu có vấn đề gì đó với thằng bé mà sáng nay cậu có nhắc tới, Brendan Harris.”

Jimmy nhún vai. “Chả có vấn đề gì cả. Chỉ là tôi không thích nó cho lắm.”

“Tại sao?”

“Tôi cũng không biết nữa.”

Jimmy nhét chiếc điện thoại không dây vào túi ngực. “Có những người tự nhiên gây cho cậu cảm giác khó chịu. Cậu biết đấy.”

Sean bước lại gần, đặt một tay lên vai Jimmy. “Thằng bé ấy đang hẹn hò với Katie, Jim. Hai đứa chúng nó lên kế hoạch bỏ trốn cùng nhau.”

“Vớ vẩn,” Jimmy nói, mắt dán chặt xuống sàn.

“Chúng tôi tìm thấy mấy tờ quảng cáo về Vegas trong ba lô của con bé, Jim. Chúng tôi đã gọi điện kiểm tra và phát hiện hai đứa đã đặt vé máy bay của hãng hàng không TWA. Brendan Harris đã xác nhận thông tin này.”

Jimmy hất vai khỏi tay Sean. “Nó đã giết con gái tôi?”

“Không.”

“Cậu chắc chắn một trăm phần trăm chứ?”

“Gần như vậy. Thằng bé đã vượt qua máy kiểm tra nói dối một cách dễ dàng. Với lại trông nó không có khả năng làm chuyện đó. Nó có vẻ yêu con gái cậu thực lòng.”

“Mẹ kiếp,” Jimmy chửi thề.

Sean dựa vào tường và chờ đợi, để cho Jimmy có thời gian tiêu hóa thông tin này.

“Bỏ nhà theo trai?” Một lúc sau Jimmy mới lên tiếng.

“Đúng vậy. Theo Brendan Harris và hai cô bạn của Katie thì cậu sẽ phản đối dữ dội nếu hai đứa hẹn hò. Đó là chuyện mà tôi không tài nào hiểu nổi. Trông nó không giống như một đứa có vấn đề. Cậu biết đấy. Có lẽ hơi dần, tôi cũng không rõ nữa. Nhưng thực sự ngoan ngoãn, khiêm tốn. Thế nên tôi mới hơi thắc mắc.”

“Cậu có gì mà thắc mắc?” Jimmy cười khẩy. “Tôi mới phát hiện ra con gái tôi – đứa con vừa mới chết – trước đó đang lên kế hoạch bỏ trốn theo giai, Sean.”

“Tôi hiểu,” Sean nói và hạ thấp giọng xuống gần như thì thào, hy vọng Jimmy cũng bình tĩnh lại vì người đàn ông trước mặt anh đang có nguy cơ bị kích động giống như buổi chiều hôm qua ở bãi chiếu bóng. “Tôi chỉ là tò mò thôi, anh bạn – vì không hiểu tại sao cậu lại khẳng định không cho phép con gái mình hẹn hò với thằng bé đó?”

Jimmy dựa lưng vào bức tường bên cạnh Sean và hít một hơi thật sâu, từ từ thở ra rồi mới lên tiếng. “Tôi có biết cha của nó. Mọi người gọi hần là ‘Just Ray’.”

“Sao lại gọi thế?”

“Vì lúc đó ở khu này có quá nhiều người tên là Ray – nào là Ray Bucheck tức Ray Diên, Ray Dorian tức Ray Tâm Thần, rồi còn Ray The Woodchuck Lane - thế nên Ray Harris bị gọi là ‘Just Ray’ vì tất cả những biệt hiệu hay ho khác đã bị lấy hết rồi.” Hần nhún vai. “Nhưng nói chung là tôi chả bao giờ ưa hần cả và rồi hần lại bỏ rơi vợ mình khi bà ta mang bầu cái thằng câm kia lúc Brendan mới có sáu tuổi, thế nên tôi chỉ đơn giản nghĩ rằng cây nào quả đó nên không muốn con gái mình hẹn hò với nó.”

Sean gật đầu dù không tin lý do đó của Jimmy. Khi Jimmy nói rằng hần chả bao giờ ưa gã kia, Sean phát hiện ra một chút xao động trong giọng nói của hần và anh có đủ kinh nghiệm để nhận ra những lời dối trá cho dù chúng có vẻ hợp lý đến đâu.

“Chỉ có vậy thôi sao?” Sean hỏi. “Chỉ vì mỗi lý do đó?”

“Đúng thế,” Jimmy nói rồi đứng thẳng dậy và bỏ đi.

“Tôi cho rằng đó là một ý hay,” Whitey nói khi đã ra tới ngoài đường và dừng lại trước cửa nhà nói chuyện với Sean. “Gần gũi với gia đình nạn nhân một chút xem có thể tìm kiếm được thông tin gì không. Mà tiện thể hỏi cậu luôn, cậu nói gì với vợ của Boyle thế?”

“Tôi bảo là trông cô ấy có vẻ sợ hãi.”

“Cô ta có thể thoát về bằng chứng ngoại phạm của chồng mình không?”

Sean lắc đầu. “Cô ấy bảo lúc đó cô ấy đang ngủ.”

“Nhưng cậu cho rằng cô ta đang sợ hãi.”

Sean nhìn lên những ô cửa sổ mặt tiền của tòa nhà. Anh ra hiệu cho Whitey rồi nhìn ra phố, Whitey nhìn theo ánh mắt của anh tới khúc ngoặt phía trước.

“Cô ấy nghe thấy chúng ta nói chuyện về chiếc xe.”

“Chết tiệt. Cô ta sẽ nói với chồng của mình và hần ta có thể sẽ bỏ trốn.”

“Trốn đi đâu chứ? Cậu ta là con một, mẹ cũng mất rồi, thu nhập thấp, lại chả có mấy bạn bè. Bỏ chạy, sang sống ở Uruguay ư? Nghe có vẻ không ổn.”

“Nhưng cũng không thể loại trừ khả năng cậu ta bỏ trốn.”

“Trung sĩ, chúng ta chả có chứng cứ gì chống lại cậu ấy cả.”

Whitey lùi lại một bước quan sát vẻ mặt Sean dưới ngọn đèn đường tù mù. “Cậu có vẻ bị quan đây, siêu côm.”

“Tôi chỉ không cho rằng cậu ấy là đối tượng thích hợp. Trước nhất là không có động cơ.”

“Nhưng bằng chứng ngoại phạm của cậu ta rõ là vợ vẫn, Devine. Các câu chuyện của cậu ta đầy lỗ hổng, nếu đó là một con thuyền thì đã chìm từ lâu rồi. Cậu nói là vợ cậu ta có vẻ sợ hãi. Không phải lo lắng. Mà là sợ hãi.”

“Đúng vậy. Cô ấy rõ ràng là muốn giấu chuyện gì.”

“Thế cậu có nghĩ là cô ta thực sự đang ngủ lúc cậu ta trở về không?”

Trong đầu Sean lại hiện ra hình ảnh Dave lúc còn nhỏ, vừa khóc vừa chui vào trong chiếc xe đỏ. Thấy cậu ta mờ nhạt rồi xa dần ở khoang ghế sau khi chiếc xe rẽ sang hướng khác. Anh những muốn đập đầu vào bức tường phía sau lưng để rũ bỏ hình ảnh ấy khỏi đầu mình ngay lập tức.

“Không. Tôi nghĩ là cô ấy biết thời điểm cậu ta trở về nhà. Và giờ đây lại nghe chúng ta nhắc tới việc cậu ấy có mặt ở quán Last Drop tối hôm đó. Đầu óc cô ấy có lẽ bấn loạn vì thấy mọi chuyện không khớp nên đang tìm cách sắp xếp lại.”

“Và phát hiện đó khiến cô ta sợ hãi.”

“Có lẽ vậy. Tôi cũng không biết nữa.” Sean khẽ đá một viên đá nhỏ dưới chân. “Tôi có cảm giác như...”

“Gì cơ?”

“Tôi có cảm giác như chúng ta có tất cả những tình tiết rập rình xung quanh nhưng lại không khớp vào với nhau được. Giống như còn thiếu một cái gì đó.”

“Cậu thực sự không cho rằng Boyle đã làm điều đó?”

“Tôi không loại trừ cậu ta. Không. Tôi sẽ tin là cậu ta làm nếu tôi có thể hình dung ra một động cơ hợp lý.”

Whitey lùi lại, đứng kê gót chân vào cột đèn và nhìn Sean như đang nhìn một nhân chứng thiếu độ tin cậy.

“Thôi được rồi. Đúng là việc thiếu động cơ cũng làm tôi khó nghĩ. Nhưng không phải là nghiêm trọng lắm, Sean. Cũng không quan trọng. Cậu ta hẳn có gì đó liên quan tới vụ án này. Nếu không tại sao cậu ta lại nói dối chúng ta?”

“Thôi nào sếp. Đó là chuyện thường ngày. Người ta vẫn nói dối cả vì lý do gì cả mà chỉ là muốn xem nó mang lại cảm giác gì. Cái khu xung quanh quán Last Drop đó ấy mà – ban đêm có rất nhiều hoạt động buôn bán tấp nập, từ gái điếm thông thường cho tới bọn thay đổi giới tính và gái điếm chưa tới tuổi vị thành niên. Có lẽ Dave chỉ tới đó để thực hiện một phi vụ ‘thối kèn’ trong xe. Hay có một em ở bên cạnh. Ai mà biết được. Nhưng cho tới giờ, chưa có gì liên hệ cậu ta với vụ sát hại Katherine Marcus.”

“Không có gì ngoại trừ những lời dối trá của cậu ta và trực giác của tôi cho biết đó là một gã bần thủ.”

“Chỉ dựa vào trực giác của sếp thôi,” Sean nói.

“Sean này,” Whitey vừa nói vừa đếm đầu ngón tay những lập luận của mình. “Hắn lừa dối chúng ta về thời gian rời khỏi quán McGills này. Rồi lừa dối chúng ta về thời điểm trở về nhà. Hắn đã đỗ xe phía bên ngoài quán Last Drop khi nạn nhân rời khỏi đó. Hắn cũng có mặt ở hai quán bar mà nạn nhân xuất hiện và cố che giấu điều này. Hắn bị thương nặng ở tay rồi lại bịa ra một nguyên nhân cực kỳ vớ vẩn. Hắn quen biết với nạn nhân mà như chúng ta nhận định, nghi phạm hẳn là người quen của nạn nhân. Hắn ta hoàn toàn phù hợp với định dạng hung thủ, da trắng, ngoài ba mươi, nghề nghiệp bấp bênh, và đoán xem cậu đã nói gì với tôi hôm qua rằng hắn ta bị lạm dụng tình dục khi còn bé. Cậu định giỡn chơi với tôi sao? Trên lý thuyết thì hẳn ta đã đi tù rồi.”

“Chính sếp vừa mới nói đấy thôi, cậu ta trước đây là nạn nhân bị lạm dụng tình dục và Katherine Marcus lại không bị xâm phạm tình dục. Nghe chẳng hợp lý chút nào, trung sĩ.”

“Có thể hắn thủ dâm trước mặt cô ấy.”

“Trên hiện trường không tìm thấy tinh trùng.”

“Thì trời mưa.”

“Thi thể nạn nhân tìm thấy trong gác, sau cánh cửa, mưa không tới được. Mà trong những trường hợp giết người do hưng phấn bộc phát thì có tới chín mươi chín phần trăm sẽ xảy ra hiện tượng xuất tinh. Tại sao trong trường hợp này lại không thấy?”

Whitey cúi đầu, dùng gan bàn tay gõ gõ lên thân cột đèn. “Cậu từng quen biết bố nạn nhân và đối tượng tình nghi lớn nhất khi còn...”

“Thôi nào sếp.”

“... còn nhỏ. Khiến cậu mất đi tính khách quan. Đừng có nói với tôi là cậu không bị ảnh hưởng. Cậu chính là người gây trở ngại cho cuộc điều tra.”

“Tôi là trở ngại...?” Sean hạ giọng, hai tay đang đặt trước ngực thông xuống. “Sếp nghe này, tôi chỉ không đồng ý với sếp về nhận dạng đối tượng tình nghi. Tôi không nói là sẽ không bắt cậu ta nếu như chúng ta có thể tìm thấy thêm một số chứng cứ khác ngoài vài điểm không thống nhất trong lời khai. Sếp biết là tôi sẽ ra tay nếu cần thiết. Nhưng nếu sếp nhất định tới trình công tố viên với những gì hiện có thì ông ta có thể làm gì chứ?”

Bàn tay đang gõ cột điện của Whitey trở nên dồn dập hơn.

“Thật đấy, ông ta sẽ làm gì chứ?” Sean nhắc lại.

Whitey vươn hai tay lên quá đầu, rùng mình ngáp một cái rõ to. Bắt gặp ánh mắt Sean nhìn mình, ông liền nhú mày về chán nản. “Thôi được, coi như cậu ghi điểm lần này. Nhưng,” nói tới đây ông liền giơ một ngón tay lên về dọa dẫm, “nhưng, cái đồ chỉ giỏi bào chữa kia, tôi nói cho cậu biết nhé, tôi nhất định sẽ tìm ra cây gậy đánh nạn nhân hay khẩu súng hay quần áo dính máu. Tôi chưa biết chính xác là thứ gì nhưng tôi nhất định sẽ tìm ra. Lúc đó thì tôi sẽ tóm cổ gã bạn cậu.”

“Cậu ấy không phải bạn của tôi,” Sean nói. “Nếu như ông nói đúng thì tôi sẽ còng tay cậu ta còn nhanh hơn ông ấy chứ.”

Whitey rời khỏi cột đèn tới trước mặt Sean. “Đừng có tự hại mình đấy nhé, Devine. Cậu mà làm thế thì cậu sẽ hại luôn cả tôi đấy và tôi thề là sẽ cho cậu đi đời nhà ma. Tôi sẽ chuyển cậu sang khu Berkshire khốn kiếp, ngồi trên xe trượt tuyết, bắn tốc độ các xe vi phạm giao thông thỉnh thoảng qua lại.”

Sean lấy hai tay xoa mặt, xoa đầu, cố rũ khỏi vẻ mệt mỏi. “Chắc giờ có kết quả xét nghiệm đầu đạn rồi đấy,” anh nói.

“Đúng thế, tôi sẽ tới đó xem sao. Các kết quả xét nghiệm vân tay và dấu chân chắc cũng đã có trong máy tính. Tôi sẽ kiểm tra xem chúng ta có chộp được gì không. Cậu có di động đấy chứ?”

Sean vỗ tay vào túi. “Đây rồi.”

“Tôi sẽ gọi cậu sau.” Whitey quay lưng đi xuống phố Crescent tới chỗ để xe. Về thất vọng của ông khiến Sean bắt đầu cảm thấy thời gian thử thách của mình hẳn sẽ nặng nề hơn anh hình dung trước đó rất nhiều.

Anh quay trở lại nhà Jimmy và gặp Dave đang bước xuống cầu thang với Michael.

“Về nhà à?”

Dave dừng lại. “Ừ. Tôi không thể tin là Celeste vẫn chưa lái xe quay lại đây.”

“Tôi chắc là cô ấy sẽ không có chuyện gì đâu,” Sean nói.

“Ừ. Chỉ là tôi sẽ phải đi bộ về nhà mà thôi,” Dave nói.

“Gì, năm dĩa nhà chứ mấy?” Sean cười.

“Gần sáu dĩa đấy, cậu định ăn bớt à?” Dave cũng mỉm cười đáp lại.

“Thế nên về sớm đi, trong lúc trời vẫn còn sấm sủi. Đi đường thoải mái nhé Mike.”

“Chào chú,” Michael nói.

“Cậu cũng chú ý nhé,” Dave nói rồi bỏ Sean lại trên bậc thang. Bước chân của Dave có chút loạng choạng sau lượng bia tiêu thụ ở nhà Jimmy. Nếu cậu thực sự làm ra chuyện đó thì cậu lập tức phải bỏ ngay thói quen bia rượu này, Sean thầm nghĩ. Vì cậu sẽ phải vận động tới từng tế bào chất xám nếu không muốn mình và Whitey tóm được. Nhớ đấy, từng tế bào một.

Vào cuối hoàng hôn, con kênh Penitentiary trông giống như một dải lụa bạc, mặt trời đã lặn nhưng trên bầu trời vẫn còn sót lại chút ánh sáng. Những ngọn cây trong công viên đã sẫm lại và nhìn từ đây khu chiếu bóng chỉ là một bóng đen sừng sững. Celeste ngồi trong xe của mình trên phố Shawmut, nhìn xuống con kênh, công viên Penitentiary và khu East Bucky vươn lên như một bãi đất thải phía sau chúng, khu Thượng thì gần như bị công viên che khuất ngoại trừ vài gác chuông rải rác và những mái nhà cao trên đồi. Những ngôi nhà ở khu Thượng nhô hẳn lên so với khu Hạ, nhìn xuống khu Hạ từ trên những ngọn đồi uốn lượn, lát bê tông của chúng.

Celeste thậm chí không nhớ nổi tại sao mình lại lái xe tới đây. Cô giao chiếc váy cho một trong những người con của Bruce Reed, thằng bé xuất hiện trong trang phục màu đen của nhà tang lễ với hai má nhẵn nhụi và đôi mắt trẻ trung tới mức trông giống như nó vừa bước ra từ đêm dạ hội tốt nghiệp. Cô rời nhà tang lễ rồi lái xe một cách vô thức ra phía sau khu công xưởng sắt Isaak từ lâu đã đóng cửa, đi qua những dãy nhà kho lớn bỏ không tới phía cuối đường cho tới khi tầm chắn giảm xóc phía trước xe đụng vào hàng cọc bằng gỗ đã mục nát và dòng kênh Penitentiary chảy lờ lững hiện ra trước mắt, đập dềnh về phía đập chắn nước.

Từ khi nghe thấy hai viên cảnh sát nhắc tới xe của Dave – cũng là xe của họ, là chiếc xe mà cô hiện đang ngồi ở trong – Celeste bắt đầu có cảm giác như người say rượu. Nhưng không phải thứ cảm giác lơ mơ dễ chịu, toàn thân buông lỏng. Mà giống như cảm giác của một người nốc rượu rẻ tiền suốt cả đêm, về nhà lăn ra ngủ tới khi tỉnh lại đầu vẫn ong ong, lưỡi sưng phồng, nồng nặc mùi cồn, chậm chạp, đờ đẫn không có khả năng tập trung.

“Cô đang sợ hãi,” viên cảnh sát kia nói, giống như đâm thẳng vào cô một nhát chí mạng khiến cô chẳng còn cách nào khác là bác bỏ một cách thẳng thừng. “Không. Không có.” Cứ như là một đứa trẻ con. “Không, không có. Có, cô có. Không. Tôi không có. Có, cô có. Tôi biết là cô có sợ nhưng tôi ở đây là ai? Vân vân và vân vân.”

Cô đúng là đang sợ hãi. Đúng hơn là kinh hãi. Cả người cô trở nên dần độn vì sợ hãi.

Cô sẽ phải nói chuyện với anh, cô tự nhủ. Dù sao anh vẫn là Dave. Một người cha tốt. Một người đàn ông chưa bao giờ đụng chân đụng tay với vợ, một người đàn ông mà trong suốt thời gian cô quen biết, chưa bao giờ tỏ ra có thiên hướng bạo lực. Thậm chí cô còn chưa bao giờ nhìn thấy anh đá cửa hay đâm vào tường. Cô chắc là cô vẫn có thể nói chuyện với anh.

Cô sẽ nói, Dave này, máu dính trên quần áo hôm đó là của ai?

Tối thứ Bảy đã thực sự xảy ra chuyện gì?

Anh có thể nói với em. Em là vợ anh. Anh có thể nói với em mọi chuyện.

Cô sẽ làm vậy. Cô sẽ nói chuyện với anh. Cô không có lý do gì sợ hãi anh. Đó là Dave. Cô yêu anh và anh cũng yêu cô, tất cả những chuyện này rồi sẽ được giải quyết một cách ổn thỏa. Cô dám chắc là thế.

Thế nhưng cô vẫn ngồi lì ra ở đó, phía bên kia con kênh Penitentiary, lẻ loi bên cạnh một xưởng sắt bị bỏ hoang mới đây đã được bán cho một công ty phát triển đô thị dự định sẽ biến nó thành một bãi đậu xe nếu hợp đồng xây dựng sân vận động phía bên kia sông được thông qua. Cô nhìn sang phía công viên nơi Katie Marcus bị giết hại và chờ đợi ai đó bảo cô phải làm gì tiếp theo.

Jimmy ngồi với Ambrose, con trai của Bruce Reed trong phòng làm việc của cha cậu ta để thảo luận chi tiết về việc tổ chức tang lễ. Hắn thầm mong có thể làm việc trực tiếp với Bruce thay vì cậu thanh niên trẻ măng trông như vừa mới ra trường này. Trông cậu ta chơi ném đĩa hợp hơn là khiêng quan tài và Jimmy không tài nào hình dung ra nổi đôi bàn tay trơn nhẵn, mềm mại kia dưới phòng ướp xác, chạm vào thi thể người chết.

Hắn cho Ambrose ngày sinh tháng đẻ của Katie, số thẻ bảo hiểm xã hội và cậu ta dùng một chiếc bút máy bằng vàng ghi vào một tờ khai đính liền với bảng kẹp hồ sơ rồi nói với hắn bằng một thứ giọng mượt mà,

du dương giống hệt như một phiên bản trẻ tuổi của cha mình, “Tốt rồi, tốt rồi. Vậy là, ông Marcus, sẽ là một tang lễ Thiên Chúa giáo truyền thống đúng không? Sẽ có một lễ viếng vào ngày hôm trước và đại lễ vào ngày hôm sau?”

“Đúng vậy.”

“Vậy thì theo tôi, chúng ta nên tổ chức lễ viếng vào ngày thứ Tư.”

Jimmy gật đầu. “Chúng tôi đã hẹn với nhà thờ để cử hành đại lễ vào chín giờ sáng ngày thứ Năm.”

“Chín giờ sáng,” cậu ta nói rồi ghi lại. “Thế còn lễ viếng, ông đã định giờ giấc thế nào chưa?”

“Chúng tôi sẽ tiến hành làm hai đợt. Từ ba tới năm giờ và từ bảy tới chín giờ.”

“Bảy tới chín giờ,” cậu ta nhắc lại rồi tiếp tục ghi vào. “Tôi thấy ông có mang ảnh tới. Tốt rồi. Tốt rồi.”

Jimmy nhìn đồng khung ảnh ngổn ngang trong lòng: Ảnh Katie trong lễ tốt nghiệp, Katie với hai em gái trên bãi biển, Katie và hấn tại buổi khai trương cửa hàng Cottage Market lúc con bé tám tuổi, Katie với Eve và Diane, Katie với Annabeth, Jimmy, Nadine và Sara tại khu giải trí Six Flags, ảnh sinh nhật Katie mười sáu tuổi.

Hấn đặt chồng ảnh xuống chiếc ghế bên cạnh, cổ họng trở nên khô khốc khiến hấn phải nuốt nước miếng để nó trôi đi.

“Ông đã nghĩ tới việc đặt hoa chưa?” Ambrose Reed hỏi.

“Chiều nay tôi đã đặt hoa tại cửa hàng Knopfler.”

“Còn cáo phó?”

Lần đầu Jimmy nhìn vào mắt cậu thanh niên. “Cáo phó?”

“Đúng thế,” cậu thanh niên nói rồi nhìn xuống tập hồ sơ của mình. “Cáo phó trên báo phải viết những gì. Chúng tôi có thể lo việc đó nếu ông có thể cung cấp vài thông tin và yêu cầu cơ bản của mình. Chẳng hạn như ông muốn mọi người phúng tiền thay vì hoa chẳng hạn.”

Jimmy tránh khỏi ánh mắt an ủi của cậu thanh niên và nhìn xuống sàn nhà. Ở bên dưới, đầu đó trong tầng hầm của ngôi nhà màu trắng theo kiểu kiến trúc thời Victoria này, Katie đang nằm trong một phòng ướp xác. Con bé sẽ trần trụi trước Bruce Reed, cậu thanh niên này và hai người anh em của cậu ta khi họ tiến hành công việc rửa ráy, sửa sang, trang điểm và bảo quản thi thể của con bé. Những bàn tay lạnh lẽo, được chăm chút cẩn thận của họ sẽ chạm khắp người con bé. Họ phải di chuyển một số bộ phận. Họ sẽ dùng ngón trỏ và ngón cái xoay cằm con bé về vị trí thích hợp. Họ sẽ chải đầu cho nó.

Hấn nghĩ tới đứa con của mình trần trụi phơi bày ở đó, da thịt không còn chút màu sắc nào, chờ đợi được chạm vào lần cuối bởi những con người xa lạ này – có thể với một sự chăm chút, nhưng là thứ chăm chút nghề nghiệp, một thứ chăm chút kiểu bệnh viện. Và rồi người ta sẽ đặt nó vào trong quan tài, đầu gối lên một lớp gối xa tanh rồi đưa vào phòng viếng với một khuôn mặt búp bê đông cứng trong chiếc váy màu xanh ưa thích của nó. Mọi người sẽ tới nhìn con bé, cầu nguyện cho nó, bình luận vài câu, rồi khóc thương, sau đó con bé sẽ được chôn xuống đất. Nó sẽ bị đưa xuống một cái hố được đào bởi những người đàn ông không hề quen biết và Jimmy có thể nghe thấy tiếng đất đá bay rào rào phía bên ngoài như thể hấn đang nằm ở trong quan tài với con bé.

Và rồi con bé sẽ nằm trong bóng tối bị nén chặt dưới ba tấn đất rồi mới tới một lớp cỏ và không khí thoáng đãng mà nó sẽ không bao giờ còn có thể nhìn thấy, cảm thấy, ngửi thấy hay nhận thấy. Nó sẽ nằm đó một ngàn năm mà không thể nghe tiếng bước chân những người tới viếng thăm bia mộ của mình, không thể nghe thấy bất kỳ âm thanh nào của cái thế giới mà nó đã rời đi vì những tầng tầng lớp lớp đất đá ấy đã ngăn cản nó.

Cha sẽ giết hấn, Katie. Thế nào cha cũng phải tìm thấy tên đó trước cảnh sát và cha sẽ giết hấn. Cha sẽ chôn hấn xuống một cái hố khủng khiếp hơn huyết mộ của con rất nhiều. Cha sẽ khiến hấn không còn gì để khâm liệm. Không còn gì để để tang. Cha sẽ khiến hấn biến mất như thể hấn chưa bao giờ tồn tại trên

đời này, như thể tên hắn, tất cả những gì đã và đang đại diện cho hắn đều chỉ là một giấc mơ thoáng qua tâm trí mọi người, hoàn toàn rơi vào quên lãng khi người ta tỉnh giấc.

Cha sẽ tìm ra kẻ đã đặt con lên chiếc bàn dưới kia và sẽ xóa sổ hắn. Và những người thân của hắn, nếu như có kẻ quan tâm tới hắn, sẽ cảm thấy khốn khổ hơn người thân của con rất nhiều, Katie. Bởi vì họ sẽ không bao giờ biết được chuyện gì đã xảy ra với hắn.

Và con đừng lo lắng về việc cha có đủ can đảm để làm chuyện đó hay không. Cha của con hoàn toàn có khả năng ấy. Con không hề biết chuyện này nhưng trước đây cha của con từng giết người. Cha của con đã làm việc cần phải làm. Và cha có thể làm lại việc đó một lần nữa.

Hắn quay trở lại với con trai của Bruce, người vẫn còn chưa có đủ kinh nghiệm để đối phó với sự im lặng dài như thế của khách hàng.

Jimmy nói, “Tôi muốn ghi thế này, ‘Marcus Katherine Juanita, con gái vô cùng thương yêu của James và Marita đã từ trần, con gái kế của Annabeth và chị của Sara và Nadine’...”

Sean ngồi ở hiên sau với Annabeth Marcus lúc này vừa uống rượu vang trắng vừa hút thuốc, nhưng cứ được nửa điều lại dụi đi, ánh đèn từ phía trên đầu họ rơi vào mặt cô. Đó là một khuôn mặt rắn rỏi, có lẽ là không xinh đẹp nhưng lại có sức hút. Sean đoán là cô hẳn quen với việc thu hút ánh mắt của người khác nhưng bản thân lại không biết mình hấp dẫn ở điểm nào. Cô khiến Sean nghĩ tới mẹ của Jimmy nhưng ở cô không có cái vẻ cam chịu và buông xuôi của bà, và cũng gợi nhớ tới mẹ anh, một người phụ nữ sinh ra đã có cái vẻ tự tin thiên bẩm. Annabeth có thể là một phụ nữ vui vẻ nhưng không bốc đồng.

“Vậy tối nay anh sẽ làm gì sau khi hoàn thành nghĩa vụ an ủi tôi?” Cô hỏi Sean khi anh châm thuốc cho cô.

“Tôi không có...”

Cô phẩy tay nhắc anh không cần khách sáo. “Tôi rất cảm kích anh chuyện đó. Nhưng tối nay anh định làm gì?”

“Về nhà mẹ.”

“Thật sao?”

Anh gật đầu. “Hôm nay là sinh nhật mẹ tôi nên về nhà ăn sinh nhật với bà và ông già.”

“Ra vậy. Thế anh ly hôn được bao lâu rồi?”

“Điều đó có thể nhìn ra sao?”

“Nó in rành rành trên mặt anh ấy.”

“À ra thế! Thật ra mới chỉ là ly thân thôi, cũng hơn một năm rồi.”

“Cô ấy cũng sống ở đây à?”

“Bây giờ thì không. Cô ấy còn bận di chuyển.”

“Còn bận ‘di chuyển’, nghe giọng anh rất cay cú.”

“Cay cú ư?” Anh nhún vai.

Cô giơ một tay lên rồi nói. “Tôi rất ghét phải đối xử với anh thế này, lỗi anh ra làm vật thí mạng để khỏi phải nghĩ tới Katie. Thế nên anh không bắt buộc phải trả lời bất kỳ câu hỏi nào của tôi. Tôi chỉ là hơi tò mò một chút mà anh thì lại là một gã thú vị.”

“Đâu, đâu có. Tôi thực sự là một người rất tế nhị, bà Marcus. Ngoài công việc ra tôi chẳng còn biết nói gì nữa.” Anh mỉm cười.

“Gọi tôi là Annabeth,” cô nói.

“Được thôi.”

“Thật khó mà tin rằng anh lại là một người tế nhị, nhân viên Devine. Nhưng kể cũng hơi lạ.”

“Gì cơ?”

Cô xoay ghế sang nhìn thẳng vào mặt anh. “Trông anh không giống loại người dùng biên lai giả liên lụy người khác.”

“Sao lại không?”

“Cứ giống như trò trẻ con ấy. Mà anh thì không có cái vẻ đó,” cô nói.

Sean lại nhún vai. Với anh người nào chẳng có lúc cư xử giống trẻ con. Chỉ là quay trở về với trạng thái xưa cũ của mình mà thôi, nhất là những khi phải đối phó với những chuyện không may xảy ra dồn dập.

Hơn một năm nay anh không hề nói với ai về Lauren, kể cả bố mẹ, mấy người bạn mà anh vẫn hay qua lại, kể cả bác sĩ tâm lý của cảnh sát mà chỉ huy trưởng có lần đã đề cập tới sau khi mọi người ở chỗ làm biết tin Lauren dọn ra ngoài. Thế nhưng lúc này đây, Annabeth, một người xa lạ vừa mất thân nhân, lại muốn khám phá sự mất mát ấy của anh, muốn được tìm hiểu, được chia sẻ để thấy rằng mình không phải là người duy nhất bị dẫn dắt bởi thương đau.

“Vợ tôi làm nghề phụ trách sân khấu” anh nói khẽ. “Cho các tour diễn lưu động. Ví dụ như vở Lord of the Dance lưu diễn xuyên quốc gia hồi năm ngoái là do vợ tôi phụ trách phần hậu đài. Đại loại như vậy. Hiện giờ cô ấy đang theo vở Annie Get Your Gun thì phải. Tôi cũng không rõ nữa. Chẳng biết năm nay họ tái dựng vở gì. Chúng tôi là một cặp kỳ quặc. Ý tôi là, dựa vào nghề nghiệp của hai bên mà nói, thật là vô cùng cách biệt, đúng không?”

“Nhưng anh yêu cô ấy,” Annabeth nói.

Anh gật đầu. “Tôi vẫn yêu cô ấy.” Rồi anh hít một hơi thật dài, tựa lưng vào ghế và thở sâu. “Thế nên cái gã mà tôi phát ra vé phạt, hẳn là...” Nói tới đây, miệng anh đột nhiên trở nên khô khốc, anh khẽ lắc đầu và chỉ muốn ra khỏi đây thật nhanh, ngay lập tức khởi hành căn nhà này.

“Một tình địch?” Annabeth khẽ khàng lên tiếng.

Sean lấy một điều thuốc trong bao châm lửa rồi gạt đầu. “Đó là một từ quá hay để miêu tả chuyện này. Nhưng thôi, chúng ta cứ tạm gọi là vậy. Một kẻ tình địch. Vợ tôi và tôi, hai chúng tôi có trải qua một thời điểm khó khăn. Cả hai đều bận rộn, hay vắng mặt, và nhiều chuyện khác nữa. Và cái gã, hừm, tình địch, đó đã nhân cơ hội tiếp cận cô ấy.”

“Và anh đã phản ứng một cách đại dột.” Annabeth đưa ra kết luận đúng hơn là hỏi anh.

Sean trợn mắt lên nhìn cô. “Trong trường hợp đó lại còn có ai phản ứng tốt sao?”

Annabeth ném cho anh một cái nhìn gay gắt như thể anh thật không biết cách châm chọc hoặc chỉ đơn giản là cô không thích thế.

“Nhưng anh vẫn yêu cô ấy.”

“Đúng vậy. Tệ nhất là tôi nghĩ rằng cô ấy cũng vẫn còn yêu tôi.” Anh dụi tắt điều thuốc. “Cô ấy gọi điện cho tôi suốt. Gọi nhưng lại chẳng nói gì.”

“Chờ chút, cô ấy...”

“Tôi biết là rất lạ.”

“... gọi nhưng không nói lời nào?”

“Chính thế. Cứ như thể gần tám tháng rồi.”

Annabeth bật cười khẽ. “Tôi không có ý gì đâu nhưng đúng là lâu lắm rồi tôi mới được nghe một chuyện kỳ quặc như thế.”

“Không sai.” Anh ngẩng nhìn một con thiêu thân cứ lao ra lao vào phía trước bóng đèn. “Rồi một ngày nào đó cô ấy sẽ phải lên tiếng. Thế nên tôi cứ bám vào hy vọng đó.”

Anh nghe thấy tiếng cười nhạt nhẽo của mình tắt dần trong bóng tối, âm vang của nó khiến anh cảm thấy hổ thẹn. Hai người bọn họ ngồi im lặng một lúc, hút thuốc và lắng nghe tiếng muỗi vo ve trong lúc điên cuồng đập cánh lao về phía ánh sáng.

“Cô ấy tên là gì?” Annabeth hỏi. “Nói chuyện suốt thế mà anh không hề nhắc đến tên cô ấy lấy một lần.”

“Lauren. Tên cô ấy là Lauren.”

Tên cô ấy buột ra, lơ lửng trong không khí một lúc, giống như một màng tơ nhện căng giữa hai người.

“Anh yêu cô ấy từ khi còn trẻ?”

“Năm đầu đại học. Lúc đó đúng là còn trẻ thật.”

Anh vẫn nhớ cơn giông thẳng Mười một năm ấy, họ đứng trên ngưỡng cửa, run rẩy hôn nhau lần đầu tiên.

“Lý do có lẽ là ở chỗ đó,” Annabeth nói.

“Nhưng chúng tôi đâu còn trẻ con nữa,” Sean nhìn cô.

“Ít nhất thì vẫn còn một người chưa lớn,” cô nói.

Sean không dám hỏi là ai.

“Jimmy bảo tôi là anh nói Katie định bỏ trốn với Brendan Harris.”

Sean gật đầu.

“Chỉ có vậy thôi đúng không?”

“Gì cơ?”

Annabeth nhả khói lên những hàng dây phơi trống rỗng. “Thì những giấc mơ ngổ ngàng lúc còn trẻ. Katie và Brendan muốn gây dựng cuộc sống tại Las Vegas phải không? Khu vườn địa đàng nhỏ bé của chúng có thể tồn tại được bao lâu? Có lẽ chúng sẽ trụ được tới lần chuyển nhà thứ hai trong một chiếc xe kéo kèm nhà ở di động trong công viên hay tới khi đứa con thứ hai chào đời nhưng sớm muộn rồi chúng cũng sẽ vỡ mộng, cuộc đời làm gì có hạnh phúc mãi mãi, những buổi hoàng hôn thần tiên, hay những thứ nhằm nhĩ tương tự. Đó là nỗ lực. Người mà anh yêu hiếm khi xứng đáng với tình yêu to lớn mà anh dành cho họ. Vì chả có ai xứng đáng với nó cả và có lẽ cũng chẳng ai đáng phải chịu đựng cái gánh nặng mà nó mang lại. Họ sẽ khiến anh thất vọng. Anh sẽ trở nên tuyệt vọng, mất niềm tin và phải sống những chuỗi ngày vô cùng khổ sở. Anh sẽ thua nhiều hơn là thắng. Anh ghét người mình yêu cũng nhiều như anh yêu cô ấy. Tóm lại, phải xắn tay áo lên và nỗ lực vì mọi thứ, bởi vì đó chính là trưởng thành.”

“Annabeth, có ai nói với cô rằng cô là một người phụ nữ vô cùng cứng rắn không?” Sean hỏi.

Cô quay đầu sang nhìn anh, nhắm mắt lại, trên mặt phẳng phát một nụ cười. “Họ nói thế suốt.”

Đêm đó Brendan Harris đi vào phòng và đối mặt với chiếc va li giấu dưới gầm giường. Chiếc va li lén chặt quần soóc, áo sơ mi Hawaii, một chiếc áo khoác thể thao, hai chiếc quần jean, nhưng không có áo nỉ hay quần len. Cậu đã sắp vào va li những thứ họ sẽ mặc ở Las Vegas, không hề có quần áo mùa đông bởi vì cậu và Katie đã nhất trí rằng họ không còn muốn đối mặt với những mùa đông gió buốt thấu, những đợt khuyến mãi tất ấm bằng chất liệu giữ nhiệt ở siêu thị hay những lớp kính chắn gió cộm tuyết. Thế nên khi cậu mở va li ra, đập vào mắt cậu là màu sắc tươi sáng của những hình thù hoa lá, là sự bùng nổ rực rỡ của mùa hè.

Chính là họ muốn trở thành những người như thế. Rám nắng, thư thái, cơ thể không bị đè nặng bởi áo khoác, giày ủng và sự mong đợi của người khác. Họ sẽ thưởng thức những thứ đồ uống với tên gọi kỳ quặc trong những ly cocktail và dành cả buổi chiều trong bể bơi khách sạn cho tới khi da họ đầm mùi nắng và mùi clo. Họ sẽ làm tình trong một căn hộ mát lạnh nhờ máy điều hòa nhưng ấm áp bởi những tia nắng xuyên qua rèm cửa, và buổi tối khi tiết trời dịu lại, họ sẽ diện những bộ bánh nhất và đi dạo dọc theo khu Strip. Brendan như đang nhìn thấy hai người họ, từ xa, trên một tòa nhà cao tầng nhìn xuống đôi tình nhân đang đi dạo dưới những ánh đèn nê ông trắng xóa, hắt xuống vệ đường thành những vệt lóng lánh màu đỏ, vàng và xanh. Đôi tình nhân đó chính là Brendan và Katie, lười biếng đi dạo giữa đại lộ rộng lớn, với những tòa nhà bao quanh, giữa tiếng người nói, tiếng đồng xu kêu leng keng lọt ra từ các sòng bạc.

Tối nay em muốn đi thử vận may ở đâu?

Anh chọn đi.

Không, em chọn đi.

Thôi mà, anh chọn đi.

Thôi được. Chỗ này vậy, được không?

Trông có vẻ được đấy.

Vậy thì chỗ này đi, nhé.

Em yêu anh, Brendan.

Anh cũng yêu em, Katie.

Và rồi họ sẽ bước lên những bậc thang trải thảm giữa những hàng cột trắng vào trong tòa dinh thự ồn ã, náo nhiệt đầy khói thuốc kia. Họ cùng làm chuyện này với tư cách là chồng và vợ, bắt đầu cuộc sống chung của mình, dù vẫn chỉ là hai đứa trẻ, nhưng khu East Buckingham đã cách họ hàng triệu cây số và ngày càng xa dần sau mỗi bước chân.

Mọi việc đáng lẽ phải xảy ra như thế.

Brendan ngồi sụp xuống sàn. Cậu cần phải ngồi xuống một lát. Chỉ một lát thôi. Cậu ngồi đó, chụm hai đế giày vào nhau rồi ôm lấy hai mắt cá chân giống như động tác một đứa trẻ con vẫn hay làm. Cậu khẽ đu đưa người đằng trước ra đằng sau, cảm gục xuống ngực và cảm thấy nỗi đau dường như dịu đi trong chốc lát. Cậu tìm thấy một chút yên tĩnh trong bóng tối và tư thế ngồi đu đưa của mình.

Rồi khoảnh khắc ấy trôi qua và nỗi kinh hoàng khi nghĩ tới việc Katie biến mất khỏi thế giới này – một cách vĩnh viễn – bắt đầu ngấm vào trong máu cậu như một thứ độc được khiến cậu hoàn toàn suy sụp.

Trong nhà có một khẩu súng. Súng của cha cậu, và mẹ cậu đã để nó đằng sau một tấm lót trần nhà có thể tháo ra được phía trên tủ bếp nơi cha cậu vẫn thường cất giữ. Chỉ cần ngồi lên trên quầy bếp, với tay lên ngay phía dưới đường gờ mái gỗ cong cong, chạm vào ba thanh gỗ lót ở đó cho tới khi cảm thấy sức nặng của khẩu súng. Sau đó chỉ việc đẩy nó lên rồi thò tay vào dò dẫm một chút là thấy. Khẩu súng đã nằm đó từ lúc nào Brendan cũng không còn nhớ nữa và một trong những ký ức đầu tiên của cậu về nó là một lần khi cậu vừa loạng choạng ra khỏi buồng tắm thì thấy cha mình rút tay từ trên trần nhà xuống. Brendan từng lôi khẩu súng đó ra cho anh bạn, Jerry Diventa, xem hồi mười ba tuổi. Jerry nhìn nó trờ trờ rồi bảo, “Cất nó đi, cất nó đi ngay.” Khẩu súng phủ đầy bụi và có lẽ chưa từng bắn phát nào nhưng Brendan biết chỉ cần lau sạch là có thể sử dụng được.

Đêm nay cậu sẽ lấy khẩu súng đó ra. Cậu sẽ tới quán Café Society nơi Roman Fallow hay lượn lờ, hoặc tới cửa hàng Atlantic Auto Glass nơi Bobby O'Donnell làm chủ và theo như Katie cũng là nơi hắn tiến hành phần lớn các giao dịch của mình ở văn phòng phía sau. Cậu có thể tới một trong hai chỗ đó – hoặc tốt nhất là tới cả hai nơi – chìa khẩu súng của bố cậu vào mặt từng thằng rồi bóp cò, hết lần này tới lần khác cho tới khi hết đạn và Roman và Bobby sẽ không bao giờ còn có thể giết hại một người phụ nữ nào nữa.

Cậu có thể làm được điều đó? Hay là không? Trong phim họ vẫn làm thế. Bruce Willis chẳng hạn, nếu kẻ nào sát hại người yêu của anh ta, anh ta hẳn sẽ không ngồi trên sàn nhà, ôm lấy chân, đơng đờ như một thằng nhóc có vấn đề. Anh ta hẳn sẽ súng ống sẵn sàng tìm hắn để thanh toán. Phải vậy không?

Brendan hình dung ra khuôn mặt béo ú của Bobby đang cầu xin trước mắt mình. Xin đừng, Brendan! Làm ơn, xin đừng ra tay!

Và Brendan sẽ đáp lại mấy câu rất hay kiểu, “Cứ van xin đi đồ khốn. Cứ van xin tới tận địa ngục đi.”

Rồi Brendan bắt đầu khóc, người vẫn đu đưa, hai tay vẫn ôm chân vì cậu biết mình không phải là Bruce Willis và Bobby O'Donnell là một người bằng xương bằng thịt, không phải một nhân vật trong phim và khẩu súng cần phải được lau chùi cẩn thận mà cậu thì thậm chí còn chẳng biết trong súng có đạn hay không hay làm thế nào để mở chốt lắp ổ đạn ra, rồi khi bóp cò thì liệu có run tay không. Liệu nó có run bần bật như cú nắm tay của cậu ngày còn bé mỗi khi không tránh khỏi lao vào một cuộc ẩu đả? Cuộc đời không

phải là một bộ phim, mà là thực tế tàn khốc. Không giống như nhân vật chính diện trong phim chỉ có hai tiếng để kết thúc bộ phim nên chúng ta đều biết là anh ta sẽ giành thắng lợi. Brendan không biết liệu mình có phải là một người hùng hay không, dù sao cậu cũng chỉ mới có mười chín tuổi và chưa bao giờ gặp phải một thách thức tương tự. Cậu cũng không chắc cậu có thể dàng hoàng đi tới hang ổ của kẻ thù, bắn vào giữa mặt hắn mà không phải bận tâm chuyện cửa khóa hay bên cạnh hắn còn có những tên tay chân khác. Cậu thực sự không dám chắc.

Nhưng cậu nhớ Katie. Cậu nhớ Katie khủng khiếp và chỉ nghĩ tới cô ấy không còn ở bên cạnh cậu nữa, vĩnh viễn không còn ở bên cạnh cậu nữa cậu đã cảm thấy vô cùng đau đớn, cậu cắn chặt răng tới mức nhói, tới mức cần phải làm gì đó để có được một giây yên bình trong cuộc đời khốn khổ vì không còn Katie này.

Thôi được, cậu quyết định, thôi được, ngày mai ta sẽ đi lau chùi khẩu súng. Ta sẽ lau chùi và kiểm tra xem nó có đạn không. Cứ làm như thế đã. Tạm thời cứ lau súng đi đã.

Ray bước vào phòng, hai chân vẫn đi giày patanh, dùng chiếc gậy khúc côn cầu mới làm gậy chống để đu lên giường. Brendan vội vàng đứng dậy, lau nước mắt trên má.

Ray tháo giày patanh của mình ra, nhìn anh trai rồi dùng tay ra hiệu. “Anh không sao chứ?”

“Không sao,” Brendan nói.

Ray lại ra hiệu. “Em có thể giúp gì cho anh không?”

“Không sao mà, Ray. Không, em không giúp gì được đâu. Nhưng đừng lo lắng gì về chuyện đó.”

“Mẹ nói là như thế lại tốt hơn cho anh.”

“Gì cơ?” Brendan hỏi.

Ray ra hiệu lại.

“Vậy sao? Sao mẹ biết?”

Tay Ray lại ra hiệu tán loạn. “Nếu anh mà đi, mẹ chắc điên mất.”

“Rồi mẹ sẽ vượt qua được thôi.”

“Có thể vượt qua, cũng có thể không.”

Brendan nhìn em trai mình ngồi trên giường, mắt dán vào cậu.

“Lúc này, đừng có làm anh bức mình, nghe chưa?” Cậu cúi sát vào mặt em trai, trong đầu vẫn nghĩ tới khẩu súng đó. “Anh yêu cô ấy.”

Ray nhìn lại, gương mặt vô hồn giống như một chiếc mặt nạ bằng cao su.

“Em có biết yêu một người là như thế nào không hả Ray?”

Ray lắc đầu.

“Nó giống như đã biết hết mọi đáp án ngay giây phút ngồi xuống bàn làm bài thi. Giống như biết rằng mọi chuyện sẽ diễn ra suôn sẻ suốt quãng đời còn lại. Rằng ta sẽ ghi điểm. Rằng ta sẽ sống rất tốt. Rằng cả đời này ta sẽ sống thoải mái, dễ chịu vì ta là người chiến thắng.” Brendan nói và quay đi chỗ khác. “Yêu một người là như vậy đó.”

Ray gõ tay vào thành giường để Brendan quay ra nhìn mình rồi ra hiệu. “Sau này anh sẽ có lại cảm giác đó.”

Brendan quỳ xuống, gí mặt vào gần mặt Ray. “Không, sẽ không bao giờ có được cái cảm giác đó nữa. Mà cố mà nhớ lấy điều này. Không bao giờ.”

Ray co hai chân lên giường rồi lùi vào trong khiến Brendan cảm thấy xấu hổ vì phản ứng của mình nhưng vẫn không nguôi giận dữ vì nói chuyện với những người bị câm là như vậy – họ tạo cho chúng ta cảm giác ngớ ngẩn khi mở miệng. Tất cả những gì Ray muốn nói đều luôn ngắn gọn súc tích, đúng với ý định của nó.

Thằng bé không biết thế nào là lúng túng tìm từ hay nói năng lẩn lộn vì phát ngôn của nó thường nhanh hơn suy nghĩ.

Brendan thì lại muốn tuôn trào, muốn ồ ạt tuôn ra những lời say đắm, nồng nàn nhưng hoàn toàn chân thực, như tấm chân tình của cậu dành cho Katie, rằng cô ấy có ý nghĩa như thế nào đối với cậu, về cái cảm giác tuyệt vời khi áp mũi lên gáy cô trên chính cái giường này, cái cảm giác được lồng hai bàn tay vào nhau hay khi lau đi vệt kem dính trên cằm cô ấy và ngồi bên cạnh cô ấy trong xe ô tô nhìn mắt cô ấy đảo dác mỗi khi tới ngã tư, nghe cô ấy nói chuyện, nghe cô ấy ngủ, nghe cô ấy ngáy và mọi thứ.

Cậu những muốn tiếp tục lải nhải như thế hàng giờ. Cậu muốn có ai đó lắng nghe chúng và hiểu rằng lời nói không chỉ có tác dụng truyền đạt ý tưởng hay quan điểm. Nó đôi khi còn là cố gắng truyền tải cả một cuộc đời. Và cho dù trước khi mở miệng đã biết rằng mình sẽ thất bại, người ta vẫn muốn thử. Vì chúng ta không thể làm gì hơn thế.

Thế nhưng với Ray thì không có cách nào khiến thằng bé hiểu được tất cả những điều đó. Từ ngữ đối với Ray chỉ là cử động của những ngón tay, của bàn tay gơ lên, hạ xuống, xua đi một cách linh hoạt. Ray không phí từ ngữ. Nó không cần phải giao thiệp. Chỉ cần diễn đạt chính xác những gì mình muốn và thế là xong. Bộc lộ tâm trạng xúc động, đau thương trước khuôn mặt trở lì, không cảm xúc của thằng bé đủ khiến Brendan cảm thấy hổ thẹn. Sẽ không giúp cậu khá lên được chút nào.

Cậu nhìn xuống đứa em trai đang sợ hãi lùi lại trên giường, quan sát cậu bằng đôi mắt ốc nhồi của nó, rồi chìa tay ra giảng hòa.

“Anh xin lỗi,” cậu nói và nghe thấy giọng mình như sắp hết hơi. “Anh xin lỗi, Ray. Được không? Anh không định quất em.”

Ray nắm lấy tay anh mình và đứng dậy.

“Thế là không có chuyện gì nữa chứ?” Ray dùng tay ra hiệu, mắt vẫn không rời khỏi Brendan như sẵn sàng lao qua cửa sổ nếu cơn giận của anh trai lại bùng phát.

“Không có chuyện gì nữa,” Brendan cũng dùng tay ra hiệu lại. “Ổn rồi, không có gì nữa.”

20. Chương 20: Khi Cô Ấy Trở Về

Bố mẹ Sean sống ở Wingate Estates, một khu dân cư khép kín với những ngôi nhà liền kề hai phòng ngủ cách thành phố khoảng sáu mươi cây số về phía Nam. Cứ khoảng hai mươi nhà thì hình thành một cụm có bể bơi chung và một trung tâm giải trí nơi mọi người thường tổ chức khiêu vũ vào các tối thứ Bảy. Ngoài ra còn có một sân gôn ba lỗ nhỏ hình trăng lưỡi liềm bên rìa khu dân cư, từ cuối hè tới đầu thu lúc nào cũng rì rào tiếng động cơ xe điện.

Cha Sean không chơi gôn. Từ lâu ông đã cho rằng đó là trò chơi của nhà giàu, đối với ông chơi gôn giống như phản bội lại nguồn gốc công nhân của mình. Mẹ Sean thì có thử chơi một thời gian nhưng rồi cũng bỏ cuộc vì cho rằng chồng bà đang âm thầm cười nhạo trang phục, tư thế chơi gôn và cái giọng gốc Ailen của bà.

Thế nên họ sống trầm lặng gần như không có bạn bè mặc dù Sean biết cha anh có quen biết một ông béo gốc Ailen tên là Riley cũng từng sống ở Buckingham trước khi chuyển tới đây. Riley cũng không có hứng thú chơi gôn nên thỉnh thoảng lại đi uống bia với cha Sean tại quán Ground Round phía bên kia đường 28. Còn mẹ Sean, bản chất vốn thích chăm lo cho người khác nên thường dành thời gian chăm sóc, giúp đỡ những người hàng xóm lớn tuổi hơn. Bà thường chở họ tới hiệu thuốc mua những thứ đã được kê đơn hay tới bác sĩ để lấy đơn thuốc mới. Những việc như thế khiến mẹ anh, năm nay gần bảy mươi tuổi, cảm thấy sung sức và trẻ lại. Nhất là số những người bà giúp đỡ phần lớn là quả phụ nên bà coi việc mình và chồng vẫn được khỏe mạnh sống bên cạnh nhau chính là một ân điển của bề trên.

“Họ chỉ có một mình, và cho dù bác sĩ không dám nói thì đó cũng chính là nguyên nhân khiến họ chết dần chết mòn.” Có lần bà nói với Sean khi nhắc tới những người bạn ốm yếu của mình.

Rất thường xuyên, mỗi khi đi qua trạm bảo vệ, lái xe trên trục đường chính, cứ mười mét lại gặp phải một gờ giảm tốc màu vàng khiến trục xe kêu lách cách, Sean dường như nhìn thấy những đường phố ma, những khu dân cư ma và những bóng ma mà cư dân Wingate bỏ lại sau lưng họ, như thể những căn hộ không có nước nóng, những chiếc tủ lạnh màu trắng đục, những lối thoát hiểm dùng trong trường hợp hỏa hoạn bằng sắt uốn và tiếng trẻ em nô đùa đang trôi nổi qua khung cảnh trước mắt với những tòa nhà màu vỏ trứng và những thảm cỏ dày như một đám sương mù buổi sáng vượt quá giới hạn tầm nhìn của anh. Một thứ cảm giác tội lỗi vô cớ xâm chiếm lấy anh, thứ cảm giác tội lỗi của một đứa con trai gửi cha mẹ mình vào nhà dưỡng lão. Nói vậy là vô nguyên cớ vì khu Wingate Estates trên lý thuyết không phải một khu dân cư dành cho những người trên sáu mươi tuổi (dù trên thực tế ở đây Sean chưa từng gặp một ai dưới độ tuổi đó) và việc bố mẹ anh chuyển tới đây hoàn toàn là ý của họ, đóng gói mấy chục năm than phiền về cuộc sống trong thành phố, sự ồn ã, tình trạng tội phạm, nạn tắc đường để tới đây, một nơi mà như cha anh nói, có thể đi dạo vào buổi tối mà không phải ngó trước ngó sau.

Thế nhưng Sean vẫn cảm thấy anh đã phụ họ, như thể họ đã chờ anh níu kéo họ ở lại bên cạnh anh một cách kiên quyết hơn. Sean nhìn nơi đây và thấy cái chết hay ít nhất là chạng dờng chân cuối cùng trước khi chết, và điều khiến anh khó chịu không chỉ là ý nghĩ cha mẹ anh sẽ phải ở đây chờ đợi cho tới lúc người khác chở họ tới chỗ bác sĩ mà còn vì lo sợ bản thân mình cuối cùng cũng sẽ kết thúc ở một nơi như thế này. Mặc dù biết rằng rốt cuộc mình cũng chẳng có nhiều cơ hội hơn họ. Giống như lúc này đây không vợ, không con, không người quan tâm. Anh đã ba mươi sáu tuổi, đã đi hơn nửa chặng đường tới một căn nhà ở Wingate mà nửa chặng đường còn lại hẳn sẽ có tốc độ cao hơn nhiều.

Mẹ anh thổi tắt nến trên chiếc bánh sinh nhật đặt trên một chiếc bàn nhỏ trong một góc tường thụt vào giữa căn bếp tí hon và phòng khách lớn. Ba người lặng lẽ ăn bánh, uống trà giữa tiếng đồng hồ treo tường kêu tích tắc và tiếng điều hòa không khí rì rầm.

Ăn xong thì cha anh đứng dậy và bảo, “Để tôi đi rửa bát.”

“Thôi. Để tôi làm.”

“Bà cứ ngồi đấy.”

“Không. Để tôi rửa.”

“Bà cứ ngồi đó đi, hôm nay là sinh nhật bà mà.”

Mẹ anh ngồi lại, tủm tỉm cười trong khi cha anh thu dọn bát đĩa mang vào trong bếp.

“Cẩn thận với các mẫu thức ăn vụn nhé,” mẹ anh nói.

“Tôi sẽ chú ý.”

“Nếu ông không xả sạch hết xuống cống là sẽ lại có kiến đấy.”

“Chúng ta từng có một con kiến. Mỗi một con.”

“Nhiều hơn một con,” bà quay sang nói với Sean.

“Cách đây sáu tháng,” bố anh nói vọng ra lẫn trong tiếng nước chảy.

“Và chuột nữa.”

“Chúng ta chưa bao giờ có chuột.”

“Bên nhà bà Feingold có chuột đấy. Những hai con. Bà ấy phải đặt bẫy để bắt chúng.”

“Nhưng chúng ta thì không có chuột.”

“Đó là bởi vì tôi luôn nhắc ông không được để lại các mẫu vụn thức ăn trong bồn rửa.”

“Ồi trời ơi,” cha anh kêu lên.

Mẹ Sean nhấp một ngụm trà rồi quay ra nhìn anh.

“Mẹ có giữ một bài báo cho Lauren,” bà nói rồi đặt tách trà xuống đĩa. “Mẹ cất nó ở đâu đó.”

Mẹ anh luôn cất các bài báo và giữ lại để đưa cho anh mỗi lần anh tới chơi. Hoặc là bà gửi cho anh qua bưu điện một tập chín, mười bài báo xếp lại gọn ghẽ như nhắc nhở anh đã bao lâu không tới thăm bà. Chủ đề các bài báo rất phong phú nhưng đều liên quan tới các mẹo vặt làm việc nhà hay những bí quyết nhỏ trong cuộc sống như các biện pháp bảo dưỡng máy sấy quần áo, làm thế nào để thức ăn đông lạnh không bị khô và mất màu, ưu và nhược của việc lập di chúc khi còn sống, làm thế nào để tránh bị móc túi trong kỳ nghỉ, những lời khuyên về sức khỏe cho những người làm công việc có độ căng thẳng cao (với những khẩu hiệu kiểu “Đi bộ củng cố nhịp tim”). Đó chính là cách mẹ anh bày tỏ tình cảm với con trai, giống như ngày xưa bà vẫn thường cài lại khuy áo, chỉnh lại khăn quàng trong buổi sáng mùa đông trước khi anh tới trường và Sean vẫn buồn cười khi nhớ lại bài báo bà gửi cho anh hai ngày sau khi Lauren bỏ đi, một bài báo có nhan đề “Hãy thực hiện thụ tinh ống nghiệm”. Bố mẹ anh không bao giờ đoán được việc Lauren không sinh nở là sự lựa chọn của hai người bọn họ vì cả hai đều có chung một nỗi sợ hãi rằng mình chưa đủ tư cách làm cha mẹ.

Khi cô cuối cùng cũng mang thai, họ giấu hay không nói cho bố mẹ anh vì chưa biết có nên giữ lại đứa bé hay không trong lúc cuộc hôn nhân của họ đang trên đà tan rã. Cũng trong thời điểm đó Sean phát hiện Lauren có quan hệ với một tay diễn viên nên giận dữ mà mất khôn hỏi rằng, “Lauren, đứa bé là con ai?” và Lauren đáp lại, “Anh không tin thì làm xét nghiệm ADN khác biết.”

Họ lần nữa không tới nhà bố mẹ anh ăn tối, khi bố mẹ anh lên thành phố thăm thì viện hết lý do này tới lý do khác để không thể ở nhà tiếp đãi họ, đầu óc anh như muốn nổ tung, dần vật bởi một mối sợ hãi rằng đứa bé không phải là của anh hay liệu nó đúng là con anh đi nữa, anh có thật lòng muốn có nó hay không.

Từ khi Lauren bỏ đi, mẹ anh vẫn cho rằng sự vắng mặt của cô chỉ là tạm thời, là vì cô “cần một thời gian suy nghĩ”, nên tất cả những bài báo bà cất ra giữ lại là để cho cô chứ không phải cho anh, như thể một ngày nào đó chúng sẽ chất đầy một ngăn kéo tủ và cần tới sự hiện diện trở lại của cô để giải quyết chúng.

“Gần đây con có nói chuyện với nó không?” Cha Sean từ trong bếp hỏi vọng ra, khuôn mặt ông khuất sau bức tường màu xanh lá cây chắn giữa hai người bọn họ.

“Lauren hả bố?”

“Ừ.”

“Chứ còn ai nữa?” mẹ anh vừa lục ngăn kéo vừa nói.

“Cô ấy có gọi điện. Nhưng chẳng nói gì.”

“Có lẽ con bé không muốn nói nhiều là vì...”

“Ý con là cô ấy không hề nói gì cả. Không nói lấy một lời.”

“Không nói lấy một lời?”

“Đúng thế.”

“Thế sao anh biết đó là vợ anh?”

“Con biết đó là cô ấy.”

“Nhưng bằng cách nào mà anh biết được đó là vợ anh?”

“Ôi trời ơi, con nghe thấy tiếng cô ấy thở, được chưa?”

“Lạ thật đấy,” mẹ anh nói. “Thế nhưng con vẫn nói chuyện với nó chứ?”

“Thỉnh thoảng. Nhưng càng ngày càng ít đi.”

“Thôi ít nhất thì hai đứa cũng còn liên lạc với nhau,” mẹ anh nói và đặt bài báo mới nhất mà bà sưu tầm xuống trước mặt anh. “Chắc nó thấy vậy là hay, con bảo với nó là mẹ nói thế nhé.” Bà ngồi xuống, dùng hai cạnh bàn tay ủi phẳng một nếp nhăn trên khăn trải bàn, “khi nào nó trở về ấy,” mẹ anh nói tiếp, mắt nhìn xuống nếp nhăn đã trở nên phẳng phiu dưới tay mình.

“Khi nào nó trở về ấy,” bà nhắc lại, một cách khê khàng, giống như giọng của một bà xơ, biết rõ trật tự cơ bản của mọi việc.

“Dave Boyle ấy, bố có nhớ cái lần cậu ta biến mất trước cửa nhà chúng ta không?” Sean hỏi cha anh khi hai người bọn họ ngồi tại một chiếc bàn chân cao trong quán bar Ground Round một tiếng đồng hồ sau đó.

Cha anh cau mày rồi tiếp tục tập trung vào việc rót nốt chỗ bia Killian còn lại vào chiếc vại để lạnh của mình. Khi đám bọt bia trào lên miệng vại và chảy xuống thành giọt cha anh mới lên tiếng đáp lại, “Gì cơ, anh không tự lòi báo cũ ra mà đọc được sao?”

“Thì...”

“Sao phải hỏi tôi? À quên, không phải báo mà là trên ti vi.”

“Nhưng lúc kẻ bắt cóc cậu ấy bị bắt thì báo chí đâu có đưa tin.” Sean hy vọng lý do đó đủ để khiến cha anh không nghi ngờ tại sao anh tự nhiên nhắc tới Dave vì chính anh cũng chưa có câu trả lời rõ ràng.

Không biết vì điều gì thôi thúc mà anh muốn đặt mình vào bối cảnh sự kiện để nhìn thấy chính mình trong thời điểm đó, một điều mà báo chí hay những tư liệu cũ không thể giúp được. Hay chỉ là vì anh muốn mở rộng phạm vi đối thoại giữa hai cha con ra bên ngoài những tin tức thông thường hay việc đội Red Sox cần một tay ném bóng thuận tay trái.

Đôi khi Sean có cảm giác như anh và cha mình có lần đã nói với nhau những chuyện nghiêm túc hơn là những lời tán gẫu, vô thưởng vô phạt (giống như anh với Lauren vậy) nhưng anh không tài nào nhớ ra nổi đó là những chuyện gì. Trong ký ức mờ mờ của anh về tuổi trẻ, anh sợ rằng số lần hai cha con gần gũi, đối thoại chân tình với nhau, tưởng là nhiều tới mức không còn đếm được hóa ra không hề tồn tại, chỉ là do anh tự tưởng tượng ra.

Cha anh là một người trầm lặng, nửa câu sau của ông thường rơi vào im lặng và Sean đã mất gần như cả đời để diễn giải sự im lặng đó, lấp đầy những khoảng trống mà ông khơi ra rồi tự dựng lên một khái niệm về những gì ông muốn nói. Sau này chính Sean cũng băn khoăn không biết liệu anh có nói hết câu như anh vẫn tưởng hay bản thân anh cũng là một sinh vật lặng lẽ, và Lauren cũng vậy, anh nhìn thấy những khoảng im lặng của cô nhưng lại không làm gì cho tới khi thứ duy nhất của cô mà anh còn giữ lại được chính là sự im lặng. Sự im lặng và tiếng không khí ù xèo trên điện thoại mỗi khi cô gọi tới.

“Sao anh lại muốn nhắc lại chuyện đó?” Cuối cùng cha anh cũng lên tiếng.

“Bố có biết vụ con gái của Jimmy Marcus bị sát hại không?”

Cha anh nhìn anh. “Là đứa con gái ở công viên Pen á?”

Sean gật đầu.

“Bố nhìn thấy tên của con bé nên cũng đoán là họ hàng gì đó, hóa ra là con gái của nó ư?”

“Vâng ạ.”

“Nó cũng bằng tuổi con mà con gái đã mười chín tuổi?”

“Jimmy có con bé vào lúc mười bảy tuổi thì phải, con cũng không rõ, khoảng hai ba năm gì đó trước khi đi tù ở Deer Island.”

“Lạy Chúa lòng lành. Thằng bé này thật đen đủi. Ông già nó vẫn ngồi tù đấy chứ?”

“Ông ấy mất rồi bố ơi,” Sean đáp.

Câu nói đó khiến cha anh bàng hoàng, đưa ông trở lại với những buổi chiều thứ Bảy trên phố Gannon, ông và cha của Jimmy ngồi uống bia và tán gẫu trong bếp còn hai đứa con trai họ chơi ở sân sau, tiếng cười tràn ngập không gian.

“Tệ thật. Ít nhất thì ông ấy cũng không phải chết ở trong tù chứ?” Cuối cùng cha anh cũng lên tiếng.

Sean định nói dối nhưng rồi lại lắc đầu. “Ông ấy chết ở trong tù. Ở Walpole vì bệnh xơ gan.”

“Lúc nào?”

“Không bao lâu sau khi bố mẹ chuyển đi. Cách đây khoảng sáu bảy năm.”

Cha anh mở miệng, tạo ra phát âm của từ “bảy” nhưng không có tiếng nào phát ra. Ông im lặng nhấp một ngụm bia, những vết đồi mồi trên mu bàn tay ông dường như sẫm hơn dưới ánh đèn màu vàng rọi trên đầu họ. “Thật dễ dàng mất đi khái niệm về không gian, mất đi khái niệm về thời gian.”

“Con rất tiếc.”

Cha anh nhăn mặt. Đó là phản ứng duy nhất của ông khi nhận những lời chia sẻ cảm thông hay những lời khen. “Tại sao lại nói vậy? Có phải là con gây ra chuyện đó đâu. Chính là Tim đã tự hại mình khi giết Sonny Todd.”

“Chỉ vì tranh cãi trong lúc chơi bi-a đúng không ạ?”

Cha anh nhún vai. “Cả hai bọn họ đều say. Ai mà biết được. Cả hai đều say khướt, đều to mồm và nóng tính. Chỉ là cơn thịnh nộ của Tim có tệ hơn Sonny Todd mà thôi.” Bố anh lại nhấp một ngụm bia nữa. “Thế những việc Dave Boyle mất tích thì có liên quan gì tới... con bé tên là gì ấy nhỉ, Katherine à? Katherine Marcus?”

“Vâng.”

“Thì vụ mất tích kia có liên quan gì tới vụ sát hại con bé?”

“Con không nói là chúng có liên hệ với nhau.”

“Anh cũng không nói là chúng không liên hệ đúng không?”

Sean không kìm được nụ cười. Có lần trong phòng thẩm vấn, một tay anh chị sừng sỏ đã từ chối trả lời cảnh sát để tìm một luật sư giỏi nhất vì biết rằng nếu tiếp tục hằn sẽ bị Sean tìm ra điểm yếu. Thế nhưng đối đầu với những người thuộc thế hệ của cha anh, vừa gan góc vừa đa nghi – thế hệ những người công nhân đầy hào khí, chẳng coi quyền hành ra gì – thì có tra khảo cả đêm cũng sẽ không moi được câu nào, mà tới sáng cũng vậy.

“Hai việc ấy có liên hệ hay không, bố đừng vội bận tâm.”

“Sao lại không?”

Sean giơ một tay lên vẽ đầu hàng. “Thì cứ coi như là để chiều con đi.”

“À, dĩ nhiên rồi. Lý do khiến ta vẫn còn sống chính là chờ cơ hội để làm con trai ta hài lòng.”

Tay Sean vô thức siết chặt lấy vai bia. “Con xem hồ sơ về vụ bắt cóc Dave. Nhân viên điều tra vụ đó đã chết. Chẳng ai còn nhớ gì về vụ đó nữa và nó vẫn được xếp vào danh mục những vụ án chưa được giải quyết.”

“Thì sao?”

“Thì con nhớ là một lần bố có vào phòng con, hình như là một năm sau ngày Dave trở về và nói, ‘Chuyện đó đã kết thúc. Họ đã bắt được chúng.’ ”

Cha anh nhún vai. “Họ bắt được một trong hai gã.”

“Thế tại sao lại không...?”

“Họ bắt được hắn ở Albany. Bố nhìn thấy ảnh của hắn trên báo. Hắn thú nhận đã gây ra một số vụ cưỡng bức trẻ em ở New York, Massachusetts và Vermont. Hắn ta đã treo cổ trong ngục trước khi khai thêm chi tiết. Nhưng bố nhận ra mặt gã nhờ bản vẽ phác thảo của cảnh sát lúc ở trong bếp nhà mình.”

“Bố chắc chứ?”

Ông gật đầu. “Một trăm phần trăm. Nhân viên điều tra vụ này, tên ông ta là gì ấy nhỉ...”

“Flynn.”

“Mike Flynn, đúng thế. Bố vẫn giữ liên lạc với ông ấy, con biết đấy, có liên hệ một chút. Thế nên bố gọi cho ông ấy ngay sau khi nhìn thấy bức ảnh trên báo và ông ấy bảo chính là hắn. Dave cũng đã xác nhận điều đó.”

“Là gã nào ạ?”

“Gì cơ?”

“Là gã nào trong hai tên bọn chúng?”

“À. Là cái gã mà con tả như thế nào ý nhỉ, ‘Gã tóc dầu có vẻ ngái ngủ.’ ”

Những từ ngữ trẻ con của Sean nghe có vẻ lạ lùng khi được thốt ra từ miệng cha anh ở phía bên kia bàn.

“Là tên ngồi bên cạnh.”

“Đúng thế.”

“Còn đồng bọn của hắn thì sao?”

Cha anh lắc đầu. “Hắn đã chết trong một vụ đâm xe. Là tên kia nói vậy. Đó là tất cả những gì mà bố biết được nhưng bố cũng không dám đảm bảo chúng đều đáng tin cậy. Nhưng mà tệ thật, đáng lẽ con phải nói cho bố chuyện Tim Marcus đã chết.”

Sean uống nốt chỗ bia còn lại rồi giơ chiếc vại rỗng ra trước mặt cha anh. “Một ly nữa không ạ?”

Cha anh nhìn vại bia một lúc rồi bảo, “Sợ quái gì, uống thì uống.”

Khi Sean mang đồ uống trở lại thì cha anh đang xem trò chơi Jeopardy tắt tiếng trên một trong những màn hình vô tuyến phía trên quầy bar. Lúc Sean ngồi xuống, cha anh nói với chiếc vô tuyến, “Robert Oppenheimer là ai?”

“Không có tiếng mà sao bố biết được họ sẽ hỏi thế?”

“Thì biết thế,” cha anh nói rồi rót bia vào vại, cau mặt trước câu hỏi ngớ ngẩn của Sean. “Các anh toàn thế. Bố không tài nào hiểu được.”

“Toàn thế là sao? Các anh là ai cơ ạ?”

Cha anh nâng vại bia chỉ về phía anh. “Thế hệ các anh ấy. Hỏi rõ lắm những câu mà chỉ cần động não một tí thôi là đã tìm ra đáp án.”

“À, vâng,” Sean đáp.

“Giống như chuyện của Dave Boyle ấy. Chuyện đã xảy ra hai mươi năm trước thì có liên quan gì? Anh cũng biết chuyện gì đã xảy ra mà. Thằng bé mất tích bốn ngày với hai gã lạ mặt trẻ em. Sau đó thế nào thì anh cũng đoán ra rồi. Thế mà bây giờ anh lại muốn đào xới chuyện đó lên lần nữa bởi vì...” cha anh dừng lại nhấp một ngụm bia, “... lý do quái quỷ gì thì bố không biết.”

Bố anh nhìn anh cười mụ mị, và anh cũng cười lại.

“Bố này.”

“Ừ.”

“Bố đang nói với con là không có chuyện gì trong quá khứ khiến bố trăn trở hay sao?”

Cha anh thở dài. “Ý bố không phải là thế.”

“Đúng là như thế mà.”

“Không, không đúng. Những chuyện không hay xảy ra với tất cả mọi người. Không trừ một ai. Con cũng không phải ngoại lệ. Nhưng cái thế hệ các anh, toàn những thằng thích gãi vào chỗ gẻ. Không để thiên hạ được yên. Thế con có bằng chứng gì liên hệ Dave với cái chết của Katherine Marcus không?”

Sean cười to. Ông già anh bắt đầu giương nanh vuốt khích bác Sean bằng cụm từ “thế hệ các anh” chỉ vì muốn biết liệu Dave có can hệ gì vào cái chết của Katie.

“Thì cứ cho là có một số tình huống cho thấy bọn con cần phải để mắt tới cậu ta.”

“Con cho rằng đó là một câu trả lời ư?”

“Bố cho rằng đó là một câu nên hỏi sao?”

Cha anh nở một nụ cười sáng khoái, rạng rỡ cả khuôn mặt khiến ông như trẻ lại tới mười lăm tuổi và Sean nhớ lại khi anh còn nhỏ nụ cười ấy đã thấp sáng cả căn nhà như thế nào.

“Thế nên anh gài bẫy bố kể lại chuyện của Dave vì bản khoản không biết liệu những gì mà hai gã kia gây ra cho cậu ta có thể biến cậu ta thành kẻ giết hại một cô gái trẻ hay không chứ gì.”

Sean nhún vai. “Kiểu như thế.”

Cha anh đảo đảo mấy hạt lạc trong cái bát đặt giữa hai người bọn họ rồi nhấp một ngụm bia, vẻ tự lự. “Bố không nghĩ vậy.”

Sean cười khê. “Bố biết cậu ta rõ vậy sao?”

“Không. Bố chỉ nhớ nó hồi còn bé. Nó thật không có cái vẻ đó.”

“Khỏi đưa trẻ ngoan lúc lớn lên lại gây ra những chuyện động trời không ai tin nổi.”

“Anh lại đang định giảng giải cho tôi về bản chất con người đấy hả?” Bố anh nhướn mày nhìn anh.

Sean lắc đầu. “Chỉ là kinh nghiệm làm cảnh sát thôi mà bố.”

Cha anh ngồi lún sâu vào lưng ghế nhìn Sean với một nụ cười tủm tỉm nơi khóe miệng. “Tiếp tục đi, mở mắt cho bố nào.”

Sean cảm thấy mặt mình hơi đỏ lên. “Không, con chỉ là...”

“Không sao, cứ tự nhiên.”

Sean cảm thấy ngực nghéch. Bố anh có một khả năng kinh ngạc là có thể rất mau chóng khiến anh cảm thấy việc bày tỏ những kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình làm việc của mình vốn rất bình thường trong con mắt của người khác lại có vẻ giống như trò khoe mẽ, hợm mình của một đứa con mới lớn trước mặt cha mình.

“Bố tin con chút đi. Con nghĩ con cũng có chút ít hiểu biết về con người và tội ác. Vì bố biết đấy, đó là công việc của con mà.”

“Thế nên anh cho rằng Dave có thể đã làm thật cô bé mười chín tuổi kia ư Sean? Dave, cậu bạn mà con vẫn chơi cùng ở sân sau. Cái thằng bé đó ư?”

“Con nghĩ mỗi người đều có khả năng làm bất cứ chuyện gì.”

“Có nghĩa là bố cũng có thể làm thế.” Ông nói rồi đặt một tay lên ngực. “Hay mẹ con cũng vậy.”

“Không.”

“Tốt nhất là nên kiểm tra chứng cứ ngoại phạm của chúng ta cho chắc.”

“Con không có ý đó. Chúa ơi.”

“Rõ ràng là có. Anh chả nói ai cũng có khả năng làm bất cứ chuyện gì đấy thôi.”

“Trong giới hạn cho phép.”

“Ôi, sao bố không nghe thấy đoạn này.” Bố anh nói to.

Ông lại thành công – từ từ cho anh sập bẫy, giỡn với Sean như anh giỡn với đám nghi phạm trong phòng thẩm vấn. Thảo nào Sean lại có tài tra hỏi như vậy. Vì đã học được từ một bậc thầy như cha anh.

Cả hai bọn họ ngồi im lặng một lúc rồi cha anh rót cuộc lên tiếng. “Nhưng cũng có thể con nói đúng.”

Sean nhìn cha mình chờ đợi ông ra đòn tiếp theo.

“Có thể Dave đã làm cái điều mà con nghĩ. Bố cũng không biết nữa. Bố chỉ nhớ hồi nó còn bé. Nó lớn lên thế nào, bố cũng không hay.”

Sean cố gắng hình dung ra chính mình trong mắt cha anh. Có lẽ nào trong mắt ông, anh vẫn là một đứa trẻ chứ không phải là một người đàn ông đã trưởng thành. Mà như thế cũng phải thôi, khó mà trách ông không làm khác được.

Anh vẫn nhớ cái cách các bác của anh gọi cha mình, người em út trong một gia đình mười hai người con di dân từ Ailen tới Mỹ lúc cha anh mới năm tuổi. “Bill ngày xưa”, họ gọi ông thế, ám chỉ anh chàng Bill Devine tồn tại trước khi Sean ra đời.

Họ gán cho ông biệt hiệu “Kẻ sinh sự”. Nhưng tới giờ Sean mới hiểu được cảm giác và hàm ý bề trên của cách gọi đó, của những người ở thế hệ đi trước dành cho một người trẻ hơn, vì phần lớn các bác của Sean đều nhiều hơn cha anh từ mười hai tới mười lăm tuổi.

Tất cả bọn họ đều đã qua đời. Mười một người anh chị của cha anh. Chỉ còn lại người em út trong gia đình, đã gần bảy mươi lăm tuổi, hiện sống thu mình ở một khu vực ngoại ô với một sân gôn mà ông không bao giờ sử dụng. Người cuối cùng còn lại chính là người trẻ nhất, lúc nào ông cũng là người trẻ nhất, nhưng vẫn luôn thủ thế trước mọi sự chiếu cố dù là nhỏ nhất của người khác, nhất là từ chính con trai ruột của mình. Ông sẵn sàng đóng cửa lại với cả thế giới nếu cần thiết, còn hơn là phải chịu đựng sự chiếu cố của người khác, thậm chí chỉ nghĩ tới điều đó thôi cũng không thể chấp nhận được. Bởi vì tất cả những người có quyền cư xử như thế với ông đều đã rời khỏi thế giới này từ lâu lắm rồi.

Cha anh liếc nhìn vại bia của Sean rồi thấy mấy đồng tiền lẻ lên bàn làm tiền bo. “Anh hỏi xong rồi chứ?”

Họ băng ngang qua đường 28 rồi rẽ vào cổng chính khu dân cư với những gờ giảm tốc màu vàng ở giữa và các vòi phun nước tự động ở hai bên.

“Anh biết mẹ anh thích gì không?” cha anh hỏi.

“Gì cơ ạ?”

“Khi anh viết cho bà ấy. Anh biết đấy, thỉnh thoảng gửi cho mẹ anh một cái bưu thiếp chẳng cần vì lý do gì cả. Bà ấy vẫn nói anh hay gửi những tấm bưu thiếp rất ngộ nghĩnh và bà ấy rất thích cách hành văn của anh. Bà ấy giữ tất cả bọn chúng trong một cái ngăn kéo. Có cả những cái từ hồi anh đi học.”

“Vâng ạ.”

“Thỉnh thoảng lại gửi cho bà ấy một cái được không? Bỏ vào thùng thư ấy.”

“Con sẽ gửi.”

Họ đi tới xe của Sean và cha anh nhìn lên những khung cửa sổ tối om trong ngôi nhà hai tầng của mình.

“Mẹ đi ngủ rồi ạ?” Sean hỏi.

Cha anh gật đầu. “Sáng mai bà ấy phải lái xe đưa bà Coughlin đi trị liệu sức khỏe.” Cha anh đột ngột chia tay ra bắt tay Sean. “Rất vui gặp lại con.”

“Con cũng thế.”

“Con bé sẽ quay lại chứ?”

Không cần hỏi Sean cũng biết cha anh đang nhắc tới ai.

“Con không biết. Con thật tình cũng không biết nữa.”

Cha anh quan sát anh một lúc dưới ánh sáng màu vàng nhợt nhạt của ngọn đèn đường và Sean cảm thấy cha anh đang đau nhói trong lòng vì biết được rằng con trai ông đang thống khổ, bị bỏ rơi, bị tổn hại, và điều đó mãi mãi để lại trong lòng một vết sẹo, một sự mất mát vĩnh viễn không thể bù đắp.

“Thôi, dù sao thì trông anh cũng không đến nỗi. Có vẻ cũng biết tự chăm sóc bản thân. Nhưng anh có uống hơi nhiều quá hay làm gì lao lực không?” Cha anh hỏi.

Sean lắc đầu. “Chỉ là con có quá nhiều việc mà thôi.”

“Lao động là tốt,” cha anh nói.

“Vâng ạ,” Sean nói và trong cổ họng anh bỗng dâng lên một vị chua xót, một cảm giác bị bỏ rơi.

“VẬY...”

“VẬY THẾ NHÉ.” Cha anh vỗ vai anh. “VẬY CỨ NHƯ THẾ ĐI. ĐỪNG QUÊN GỌI ĐIỆN CHO MẸ ANH VÀO NGÀY CHỦ NHẬT.” Ông nói rồi rảo bước về phía cửa với những sải chân vững chãi của một người trẻ hơn ít nhất hai mươi tuổi.

“Bố nhớ giữ gìn sức khỏe,” Sean nói và cha anh gơ tay lên xác nhận thay cho câu trả lời.

Sean dùng điều khiển từ xa mở khóa xe nhưng vừa chạm tay vào nắm cửa thì nghe thấy cha anh gọi, “NÀY.”

“GÌ Ạ?” Anh quay lại và nhìn thấy cha anh đang đứng trước ngưỡng cửa, cả người trên như lặn vào trong bóng đêm êm ả.

“CON ĐÃ LÀM ĐÚNG KHI KHÔNG CHUI VÀO CHIẾC XE Ô TÔ ẤY. HÃY NHỚ LẤY ĐIỀU ĐÓ.”

Sean đứng tì vào xe ô tô của mình, hai tay đặt trên nóc xe, cố đoán ra vẻ mặt của cha anh trong bóng tối.

“BỌN CON ĐÁNG LẺ RA PHẢI BẢO VỆ CHO CẢ DAVE.”

“CÁC CON LÚC ẤY CHỈ LÀ NHỮNG ĐỨA TRẺ,” cha anh nói. “CÁC CON LÀM SAO MÀ BIẾT ĐƯỢC. MÀ NẾU CÁC CON CÓ BIẾT ĐI CHĂNG NỮA, SEAN...”

Sean vẫn trầm ngâm, để những lời của cha anh trôi dần vào im lặng. Anh gõ gõ ngón tay lên nóc xe và tìm kiếm ánh mắt của cha anh trong bóng tối. “CON CŨNG VẮN BẢO MÌNH THẾ.”

“VẬY SAO?”

Anh nhún vai. “NHƯNG CON VẮN NGHĨ LÀ BỌN CON LẺ RA PHẢI BIẾT. VÌ MỘT LÝ DO NÀO ĐÓ. BỐ KHÔNG NGHĨ VẬY SAO?”

Trong giây lát hai người bọn họ đều không nói gì và Sean nghe thấy tiếng đế kêu râm ran giữa những tiếng xì hơi của vòi phun nước tự động trên bãi cỏ.

“NGỦ NGON, SEAN,” giọng cha anh vang lên.

“NGỦ NGON,” Sean nói và chờ cho cha anh vào hẻm trong nhà rồi mới trèo lên xe đi về.

21. Chương 21: Một Lũ Yêu Tinh

Dave đang ngồi trong phòng khách lúc Celeste về nhà. Anh ngồi một góc trên chiếc ghế salon bọc da đã nứt nẻ với hai chồng lon bia rỗng chất dưới thành ghế và một lon bia mới mở đang cầm trên tay, điều khiển vô tuyến vút trên đùi. Anh đang xem một bộ phim mà có vẻ như tất cả các nhân vật đều đang gào thét ầm ĩ.

Celeste cởi áo khoác ở ngoài hành lang và nhìn ánh sáng màn hình nhấp nháy trên mặt Dave, những tiếng la hét trong phim ngày càng dữ dội hơn, hoảng loạn hơn cộng với những hiệu ứng âm thanh phụ trợ của Hollywood như tiếng bần gậy và không nghi ngờ gì nữa là tiếng các bộ phận trên cơ thể người kêu răng rắc.

“Anh đang xem gì thế?”

“Một bộ phim ma cà rồng gì đó,” Dave trả lời, mắt vẫn không rời khỏi màn hình khi nâng lon bia Budweiser lên miệng. “Tên trùm ma cà rồng đang giết hết những người tham dự bữa tiệc mà những người diệt ma tổ chức. Họ làm việc cho Vatican.”

“Ai cơ?”

“Những người diệt ma ấy mà. Ôi khiếp quá,” Dave nói, “hắn vừa xé toạc cái đầu của gã kia xuống.”

Celeste bước vào trong phòng khách, nhìn lên màn hình vô tuyến và thấy một gã mặc đồ đen bay ngang qua phòng và chớp lấy đầu của một người phụ nữ đang kinh hãi rồi bẻ gãy cổ của cô ta.

“Ôi Chúa ơi, Dave.”

“Không sao, giờ mới là hay đây này vì James Woods bắt đầu điên tiết lên rồi đấy.”

“James Woods là ai?”

“Là người cầm đầu nhóm diệt ma. Hẳn hơi bị kinh đấy.”

Lúc này Celeste mới nhìn thấy hắn – James Woods trong trang phục áo khoác bằng da và quần jean bó đang nhặt một cái gì đó giống như cái ná và chĩa về phía tên ma cà rồng. Nhưng tên ma cà rồng lại nhanh hơn. Hắn đập cho James Woods tơi bời, đánh từ góc này sang góc kia như một con sâu và rồi một anh chàng khác chạy vào dùng súng tự động bắn vào tên ma cà rồng. Nhưng có vẻ cũng không được hiệu quả cho lắm, rồi hai bọn họ đột nhiên chạy qua mặt hắn cứ như là hắn đã quên mất bọn họ.

“Diễn viên này có phải là một trong hai anh em nhà Baldwin không nhỉ?” Celeste hỏi.

Cô ngồi lên trên thành ghế, đầu dựa vào tường.

“Ừ, chắc thế.”

“Là Baldwin anh hay là Baldwin em nhỉ?”

“Anh không biết. Em làm anh không theo dõi kịp đây này.”

Cô theo dõi bọn họ chạy qua một phòng khách khác cũng ngổn ngang xác chết mà không hiểu làm sao bằng ấy người có thể ở trong một căn phòng bé như thế rồi chồng cô kêu lên, “Giời ơi, thế này thì Vatican sẽ phải đào tạo ra một đội diệt ma mới thôi.”

“Sao Vatican giờ lại quay ra quan tâm tới ma cà rồng cơ chứ?”

Dave mỉm cười và ngược nhìn cô với gương mặt trẻ con và đôi mắt đẹp của anh. “Bọn chúng rất ghê gớm. Chính là những tên trộm ly thánh khét tiếng.”

“Ăn trộm ly thánh?” cô nói và có một thôi thúc được lùa tay vào tóc anh, để một ngày khủng khiếp trôi dần đi trong cuộc trò chuyện ngớ ngẩn này. “Thế cơ à.”

“Ừ, rắc rối to đấy.” Dave nói và uống cạn lon bia trong lúc James Woods, anh chàng Baldwin kia, và mấy cô gái trông có vẻ là bị say thuốc đang lao trên đường vắng trong một chiếc xe thùng, tên ma cà rồng bay đuổi theo đằng sau.

“Em đi đâu về thế?”

“Em mang áo tới nhà tang lễ.”

“Làm gì mà mất đến mấy tiếng đồng hồ.”

“Sau đó em tự dừng cảm thấy cần phải ngồi lại đâu đó suy nghĩ một chút. Anh biết đấy?”

“Suy nghĩ ư, tất nhiên rồi.” Dave đứng dậy đi vào trong bếp mở tủ lạnh. “Em có muốn dùng một lon không?”

Cô không thực sự có nhu cầu nhưng lại nói, “Vâng, cũng được.”

Dave trở lại phòng khách và đưa cho cô lon bia. Thường cô có thể đoán ra tâm trạng của anh dựa vào việc anh có mở sẵn lon bia cho cô hay không. Lần này, lon bia đã được mở nhưng cô vẫn không biết tâm trạng của anh tốt hay xấu. Cô không tài nào đoán định được.

“Thế em nghĩ chuyện gì?” Anh bật nắp lon bia của mình, tiếng động gây ra còn chói tai hơn cả âm thanh phanh rít của chiếc xe tải trong vô tuyến trước khi lật nhào.

“Anh biết mà.”

“Anh không biết, Celeste, anh không biết.”

“Những chuyện,” cô nhấp một ngụm bia. “Những chuyện xảy ra trong ngày hôm nay, về cái chết của Katie, về Jimmy và Annabeth tội nghiệp.”

“Là mấy chuyện đó. Thế em có biết anh nghĩ gì trên đường đón Michael về không hả Celeste? Anh chỉ nghĩ là thằng bé hẳn sẽ cảm thấy rất mất mặt khi mẹ nó bỏ đi như thế mà chả nói với ai tiếng nào là đi đâu và khi nào thì trở về. Anh suy nghĩ rất nhiều về chuyện đó.”

“Thì em vừa nói với anh đấy thôi, Dave.”

“Em nói gì với anh cơ?” Anh lại ngược lên nhìn cô nhưng lần này không còn cái vẻ trẻ con nữa. “Em nói gì với anh hả Celeste?”

“Tự dưng em muốn ngồi lại suy nghĩ một chút. Em xin lỗi đã không gọi điện. Nhưng mấy ngày hôm nay thật mệt mỏi. Em chẳng còn là chính mình nữa.”

“Chả ai còn là chính mình cả.”

“Gì cơ?”

“Giống như bộ phim này ấy. Họ chẳng còn biết ai là người thật và ai là ma cà rồng nữa. Anh đã xem mấy phần trước, và cái gã Baldwin kia, hẳn ta sẽ phải lòng cô gái tóc vàng đó dù biết rằng cô ta đã bị ma cà rồng cắn cổ. Nghĩa là cô ta cũng sẽ biến thành một con ma cà rồng chứ gì? Nhưng hẳn ta bắt cần. Vì hẳn yêu cô ấy. Thế nhưng cô ấy lại là một kẻ hút máu người. Cô ấy sẽ hút máu hẳn và biến hẳn thành một cương thi di động. Ý anh là, trở thành ma cà rồng hẳn có điểm thú vị. Ngay cả khi ta biết rằng nó sẽ hại chết ta, khiến ta bị nguyên rửa mãi mãi, khiến ta suốt đời phải đi cắn cổ người khác, phải trốn tránh ánh mặt trời và những đội diệt ma của Vatican. Rồi đến một ngày ta thức dậy và quên mất làm người nghĩa là như thế nào. Hóa ra cũng chẳng tệ lắm. Ta bị đầu độc nhưng thuốc độc cũng không có gì đáng sợ nếu như ta học được cách chung sống với nó.” Dave nói và đặt chân lên bàn, uống một hơi dài. “Ít nhất đó là ý kiến của anh.”

Celeste từ trước tới giờ vẫn bất động chột ngồi nhòm dậy trên thành ghế nhìn xuống chồng mình. “Dave, anh đang nói thứ quái quỷ gì vậy?”

“Chuyện ma cà rồng, em yêu. Chuyện người sói.”

“Người sói? Anh lại nói lằng nhằng gì thế?”

“Lằng nhằng ư? Em nghĩ là anh giết Katie chứ gì. Đạo này chúng ta chỉ toàn nghĩ những thứ lằng nhằng như thế đấy.”

“Em không có... Từ đâu mà anh lại sinh ra ý này?”

Anh lấy móng tay gầy gầy nắp lon bia. “Ồ trong bếp nhà Jimmy, em gần như không có đủ can đảm để nhìn anh lúc rời đi. Em dựng cái váy của con bé lên như thể nó vẫn ở trong đó và em thậm chí không dám nhìn anh lấy một lần. Thế nên anh bắt đầu suy nghĩ. Anh tự hỏi, tại sao vợ mình lại muốn cự tuyệt mình? Rồi anh chợt nghĩ ra, chắc là Sean. Cậu ta nói gì đó với em phải không? Cậu ta và cái lão đồng sự đáng sợ kia hẳn đã tra hỏi em.”

“Không có.”

“Không ư? Nói dối.”

Cô không thích cái vẻ bình tĩnh của anh. Cô nghĩ chắc là do anh đã uống khá nhiều. Khi say rượu Dave luôn có một vẻ đờ đẫn, nhưng cái vẻ lặng lẽ của anh lúc này rất đáng sợ, như thể trong lòng anh đang kìm nén một cái gì đó thật ghê gớm.

“David...”

“Giờ lại chuyển sang gọi là David nữa cơ đấy.”

“Em không nghĩ vậy. Chỉ là em có chút hoang mang.”

Anh ngẩng đầu lên nhìn cô. “Vậy thì hãy nói nó ra, em yêu. Đó là chìa khóa của một mối quan hệ bền vững, hai vợ chồng phải đối thoại, trao đổi với nhau.”

Hiện giờ cô có 147 đô la trong tài khoản và một thẻ Visa có thể rút tới 500 đô la nhưng đã tiêu hết 250. Ngay cả nếu cô có mang được Michael trốn ra khỏi ngôi nhà này thì cũng chẳng thể nào đi đâu xa được.

Hai hay ba đêm trong một khách sạn rẻ tiền nào đó rồi Dave sẽ tìm ra họ. Anh ta không phải là một thằng ngốc. Anh ta có thể dò ra họ, cô biết thế.

Cái túi rác. Cô có thể đưa cái túi rác đó cho Sean Devine và anh ta có thể tìm thấy vết máu trên quần áo của Dave. Ngày nay kỹ thuật xác định ADN rất tiên tiến, họ sẽ tìm thấy vết máu của Katie trên chỗ quần áo đó và bắt Dave.

“Nào, anh nghe đây. Em nói đi. Hãy nói mọi chuyện cho thật rõ ràng. Anh nghiêm túc đây. Anh muốn, thế nào nhỉ, làm nguôi đi nỗi sợ hãi của em.”

“Nhưng em không có sợ hãi.”

“Trông em có vẻ sợ hãi.”

“Nhưng em không có.”

“Thôi được rồi.” Anh rút chân khỏi bàn. “Vậy hãy nói cho anh biết cái gì đã khiến em phiền lòng, em yêu?”

“Anh say rồi.”

Anh gật đầu. “Đúng thế. Nhưng không có nghĩa là anh không thể nói chuyện.”

Trên ti vi, tên ma cà rồng lại vặn đầu một người khác, lần này là một linh mục.

“Sean không hỏi em gì cả. Em nghe lỏm họ nói chuyện lúc anh đi mua thuốc lá cho Annabeth. Em không biết anh đã nói gì với họ lúc trước nhưng họ không tin câu chuyện của anh. Họ biết anh có mặt ở quán Last Drop lúc sắp đóng cửa.”

“Còn gì nữa?”

“Có người nhìn thấy xe ô tô của chúng ta trong bãi đỗ xe lúc Katie rời khỏi. Và họ không tin câu chuyện của anh về bàn tay bị thương.”

Dave giơ bàn tay lên xoay xoay trước mặt. “Chỉ có thể thôi?”

“Em chỉ nghe được có vậy.”

“Thế điều đó khiến em nghĩ tới chuyện gì?”

Thiếu điều thì cô lại đưa tay ra chạm vào người anh. Trong giây lát, trên người anh không còn cái vẻ đe dọa như lúc trước nữa mà là sự thất thế. Vai anh và lưng anh chùng xuống, khiến cô những muốn chìa tay ra chạm vào người anh nhưng cố cưỡng lại.

“Dave, hãy kể cho họ về vụ cướp.”

“Vụ cướp?”

“Vâng. Có thể anh sẽ phải ra tòa. Thì sao chứ? Còn hơn bị mang tiếng là kẻ sát nhân.”

Là lúc này đây, cô nghĩ. Hãy nói là anh đã không làm chuyện đó. Hãy nói là anh không hề thấy Katie rời khỏi quán Last Drop. Nói đi, Dave.

Nhưng anh lại bảo, “Anh biết em đang nghĩ gì. Anh biết. Anh trở về người đầy máu đúng vào thời điểm Katie bị giết. Anh hẳn là đã giết cô ấy.”

“Vậy sao?” Celeste buột miệng.

Dave đặt lon bia xuống và bắt đầu cười ngặt nghẽo. Anh co hai chân lên, ngã người vào đồng gối đệm cười sảng sặc. Anh cười như một kẻ bị động kinh, mỗi lần há miệng ra để thở lại biến thành một tràng cười mới. Cười cho tới khi nước mắt chảy ra giàn giụa, cười tới rung cả người. “Anh... anh... anh... anh...” Anh cười đến nỗi không nói nổi nên lời. Một trận cười khùng khiếp. Nó dâng lên cuộn cuộn trong lòng anh, phun trào và rồi nước mắt bắt đầu tuôn như mưa, trên má, trên miệng, trên môi anh cũng ướt đầm.

Sự thực là trong đời, Celeste chưa bao giờ cảm thấy khiếp sợ đến thế.

“Ha ha ha, Henry,” anh nói, tiếng cười cuối cùng cũng dịu đi.

“Gì cơ?”

“Henry. Henry và George ấy, Celeste. Đó là tên của chúng. Nghe thật là hài hước phải không? Để anh nói cho em biết, George là một tên kỳ lạ. Còn Henry đích thực là một tên khôn kiếp.”

“Anh đang nói gì vậy?”

“Về Henry và George,” anh nói vẻ hào hứng. “Anh đang nói về Henry và George. Bọn chúng mang anh đi một chuyến. Một chuyến đi kéo dài bốn ngày. Và nhốt anh dưới một căn hầm trong một chiếc túi ngủ rách rưới, bần thiu trên sàn đá và Chúa ơi, Celeste, chúng tận hưởng trò vui của mình. Không có ai tới để giúp cậu bé Dave ngày đó cả. Không có ai xông vào để giải cứu cậu ta. Cậu ta đành phải giả vờ như chuyện đó đang xảy ra với một người khác chứ không phải là Dave. Và cái ý nghĩ đó ăn sâu vào đầu óc cậu ta tới mức cậu ta như có thể tự xẻ mình ra làm hai được. Và cậu ta đã xẻ ra làm hai thật. Một người là cậu bé Dave ngày xưa thì đã chết. Còn đứa trẻ thoát ra khỏi căn hầm đó, anh không biết nó là đứa quái quỷ nào nữa – nó thực chất là anh – nhưng nó chắc chắn không phải là cậu bé Dave ngày xưa. Dave của ngày xưa đã chết rồi.”

Celeste không nói nên lời. Trong suốt tám năm kết hôn, Dave chưa bao giờ mở miệng nói về chuyện mà tất cả mọi người đều biết đã xảy ra với anh hồi ấy. Anh chỉ kể với cô là anh đang chơi với Sean và Jimmy thì bị bắt cóc rồi sau đó anh bỏ trốn, tất cả chỉ có thế. Cô chưa bao giờ nghe anh nhắc tới tên hai gã kia. Cũng không bao giờ nghe anh nói về chiếc túi ngủ. Cô không hề biết bất kỳ chi tiết nào. Cứ như thế, vào chính phút giây này, cả hai người bọn họ đột nhiên bừng tỉnh sau một giấc mơ dài về cuộc sống hôn nhân và bắt buộc phải đối mặt với những lý lẽ, những lời nói dối nửa vờ, những ham muốn thầm kín và mặt khuất của nhau. Cùng chứng kiến cuộc hôn nhân của họ bị nghiền nát bởi một sự thật phũ phàng rằng họ không hề biết gì về đối phương nhưng cứ nuôi hy vọng một ngày nào đó có thể làm được.

“Vấn đề là ở chỗ đó, em thấy không?” Dave nói. “Vấn đề là ở chỗ đó, giống như lúc trước anh có nói về ma cà rồng ấy. Chính là như thế. Chính xác là như thế.”

“Như thế là như thế nào?” Celeste thì thào.

“Là nó sẽ không chui ra. Một khi nó nhập vào bên trong chúng ta, nó sẽ bám lại.” Anh lại nhìn chiếc bàn uống nước và Celeste có cảm giác như anh đang rời khỏi cô.

Cô chạm vào tay anh. “Dave, cái gì không chui ra? Cái gì mà chính là như thế?”

Dave nhìn vào tay cô như thể anh sắp cầm pháp rỗng rỗng vào đó rồi cắn xé, róc thịt ra. “Anh không thể tin cây đầu óc của chính mình nữa, Celeste. Anh cảnh cáo em đấy. Anh không thể tin vào đầu óc của chính mình.”

Cô rút tay lại cảm thấy hơi rùng mình chỗ tiếp xúc với da thịt anh.

Dave loạng choạng đứng dậy. Anh ghéch đầu lên nhìn cô như thể không biết cô là ai và vì sao lại xuất hiện trên thành ghế của mình. Anh nhìn sang chiếc tivi và gã James Woods đang cầm nỏ bắn vào ngực ai đó rồi thì thào, “Bắn hết bọn chúng đi, giết hết đi. Bắn hết đi.”

Anh quay sang Celeste, nở một nụ cười của người say.

“Anh phải ra ngoài.”

“Được thôi,” cô nói.

“Anh phải ra ngoài và suy nghĩ.”

“Vâng.”

“Nếu anh tập trung suy nghĩ một lát chắc chuyện đó sẽ ổn thôi. Chỉ cần tập trung một chút.”

Celeste không dám hỏi “chuyện đó” là chuyện gì.

“Vậy thế nhé,” anh nói rồi bước ra cửa. Anh mở cửa, bước qua ngưỡng cửa rồi đột nhiên cô lại thấy tay anh túm lấy bậu cửa và thò đầu vào.

Anh chỉ thò đầu vào nhìn cô và bảo: “À nhân tiện nói với em là anh đã đổ rác rồi nhé.”

“Gì cơ?”

“Cái túi rác. Cái túi mà em để quần áo của anh! Lúc này anh đã mang ra ngoài vứt rồi.”

“Ồ,” cô nói và cảm giác buồn nôn lại dâng lên.

“Vâng, gặp lại em sau nhé.”

“Vâng. Gặp lại anh sau.”

Cô lắng nghe tiếng bước chân của anh cho tới khi anh xuống tới chân cầu thang. Cô nghe thấy tiếng cửa kéo kẹt mở ra và tiếng chân Dave bước ra ngoài hiên và đi xuống đường. Cô leo lên cầu thang dẫn tới phòng Michael, nghe thấy thằng bé đang thở sâu trong giấc ngủ. Rồi cô rẽ vào phòng tắm và bắt đầu nôn mửa.

Anh không tìm thấy chỗ Celeste để xe. Đôi khi, nhất là khi có bão tuyết, họ phải lái xe đi tám dặm nhà để tìm một chỗ để xe, thế nên Celeste rất có khả năng đã đậu xe ở tận khu Thượng, tuy nhiên anh để ý thấy có mấy chỗ trống trước cửa nhà. Nhưng như thế cũng tốt. Anh vẫn còn hơi say để lái xe. Có lẽ đi dạo một chút sẽ giúp anh tỉnh táo hơn.

Anh đi lên phố Crescent, tới đại lộ Buckingham thì rẽ trái, tự hỏi đầu óc mình có vấn đề gì mà lại đi giải thích với Celeste như thế. Chúa ơi, anh thậm chí còn nói ra tên của chúng, Henry và George. Lại còn nhắc tới cả người sói nữa chứ, thật là ngu ngốc.

Chết tiệt!

Giờ thì cảnh sát đã chính thức nghi ngờ anh. Họ hẳn đang theo dõi anh. Không thể tiếp tục nghĩ về Sean như một người bạn lâu năm bị thất lạc. Chuyện đó đã là quá khứ và giờ đây Dave mới nhớ ra điều khiến anh không ưa Sean khi họ còn nhỏ chính là cái uy của cậu ta, luôn cho rằng mình đúng, giống như những đứa trẻ may mắn khác – thật ra chỉ là nhờ may mắn – có cả bố cả mẹ, một ngôi nhà đẹp, quần áo và những dụng cụ thể thao đời mới nhất.

Cái tay Sean khôn khéo đó. Với đôi mắt quyến rũ. Và giọng nói mê hoặc của cậu ta nữa chứ. Cứ nhìn đám phụ nữ trong bếp rút hết cả dãi ra khi thấy cậu ta xuất hiện thì biết. Đúng là một tên khôn khéo, với cái mẽ điển trai khôn khéo của cậu ta, tới vẻ tinh tướng, những câu chuyện hài hước mà cậu ta kể và sự khoa trương của cậu ta, rồi thì tên tuổi được nhắc tới trên báo.

Dave cũng không phải là một thằng ngốc. Anh hoàn toàn đủ sức đương đầu với thách thức, chỉ cần đầu óc thông tỏ trở lại. Chỉ cần đầu óc anh bình tĩnh lại. Nếu như có thể vật đầu anh ra và lắc cho tới khi nó thông suốt trở lại thì anh cũng không ngại.

Nhưng vấn đề nguy cấp nhất lúc này chính là Thằng Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói và Trưởng Thành đã lộ diện quá nhiều. Dave đã hy vọng cái việc mà anh làm tới thứ Bảy ấy sẽ giải quyết vấn đề này, sẽ khiến Thằng Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói và Trưởng Thành câm miệng lại và quay trở về với khu rừng trong tâm trí anh. Đêm đó, Thằng Bé muốn nhìn thấy máu, muốn reo rắc đau thương. Dave không có cách nào khác là phải đáp ứng nó.

Lúc đầu chỉ là vài cú đấm, một cú đá, không có gì đáng kể. Nhưng rồi mọi chuyện vượt khỏi tầm kiểm soát, Dave cảm thấy cơn thịnh nộ trong lòng anh phun trào và Thằng Bé tiếp quản. Thằng Bé đúng là một kẻ dữ tợn. Chừng nào chưa đập nát óc người ta ra thì nó còn chưa thỏa mãn.

Thế rồi khi mọi chuyện kết thúc thì Thằng Bé cũng rút lui. Nó bỏ đi để Dave ở lại giải quyết hậu quả. Và Dave đã hoàn thành nhiệm vụ. Đã giải quyết chuyện đó một cách nhanh gọn. (Có lẽ không mỹ mãn như anh hy vọng nhưng khá ổn thỏa.) Và anh đặc biệt chọn một biện pháp khiến Thằng Bé sẽ phải biến mất trong một thời gian dài.

Nhưng Thằng Bé đó đúng là một tên ma mãnh. Nó lại xuất hiện, gõ cửa bảo với Dave rằng nó chuẩn bị tái xuất dù anh có sẵn sàng chấp nhận hay không. Chúng ta có việc phải xử lý, Dave.

Bước đi nghiêng ngả, chân cao chân thấp, đại lộ Buckingham hiện ra lơ mơ trước mắt anh, nhưng Dave biết là hai người bạn họ đã tới gần quán Last Drop. Họ đã tới gần hai khu phố tệ nạn đầy rẫy những kẻ biến thái và gái mại dâm, tất cả bọn họ đều vui vẻ bán đi cái mà Dave đã bị cưỡng bức tước đoạt đi.

Là cường bức tước đoạt của tôi, Thăng Bé nói. Anh lớn rồi. Đừng cố ôm lấy nỗi thống khổ của tôi.

Tệ nhất là ở đây còn có những đứa trẻ. Giống như một lũ yêu tinh. Chúng lao ra từ các lỗ cửa hay xác ô tô cũ và mời mọc khách thối kèn. Chúng bán mình với giá hai mươi đồng. Chúng sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì.

Đứa nhỏ tuổi nhất, thằng bé mà Dave nhìn thấy tối hôm thứ Bảy, chắc chưa quá mười một tuổi. Nó có những quầng đen sâu dưới mắt, da trắng nhợt và mái tóc dày màu đỏ dính bết, trông lại càng giống một tiểu yêu tinh. Ở tuổi nó thay vì ở nhà xem phim truyền hình nó lại ra đứng đường để thối kèn cho những kẻ biến thái.

Dave đã nhìn thấy thằng bé từ phía bên kia đường lúc rời khỏi quán Last Drop và dừng lại bên cạnh xe của mình. Thằng bé đứng dựa vào một cột đèn đường, phì phèo hút thuốc và khi mắt nó khóa chặt với mắt anh, anh chợt có cái cảm giác đó. Một sự xáo trộn. Một khao khát được tan chảy. Được nắm tay cậu bé tóc đỏ đỏ tìm một chỗ yên tĩnh chỉ có hai người với nhau. Sẽ rất dễ dàng, sẽ rất thoải mái, cái cảm giác được buông tay thật là tuyệt vời. Ít nhất là buông tay đầu hàng với cái cảm giác mà anh đã chôn giấu suốt bao năm qua.

Đứng đấy, hành động đi, Thăng Bé nói.

Nhưng (đây chính là lúc hai nửa đối địch trong Dave xung đột) anh biết sâu thẳm trong lòng mình rằng đó sẽ là tội lỗi khủng khiếp nhất. Cho dù cảm dỗ kia có sức quyến rũ thế nào đi nữa nhưng nếu phạm phải thì sẽ không thể quay đầu lại. Nếu phạm phải điều đó anh sẽ vĩnh viễn không có cảm giác toàn vẹn và sẽ mãi mãi ở lại dưới căn hầm ấy với Henry và George. Anh vẫn luôn tự nhắc nhở mình như thế trong những lúc bị cám dỗ, lúc đi qua trạm chờ xe buýt ở trường học, những sân chơi, những bể bơi công cộng vào mùa hè. Anh vẫn tự nhủ rằng anh sẽ không trở thành một kẻ như Henry và George. Anh tốt hơn chúng. Anh đang nuôi dạy một đứa con trai. Anh yêu vợ mình. Anh phải mạnh mẽ. Càng ngày anh càng phải nhắc nhở mình nhiều hơn.

Những điều đó đã không giúp được gì cho anh vào đêm thứ Bảy ấy. Vào cái đêm thứ Bảy đó, ham muốn thôi thúc anh mãnh liệt hơn bao giờ hết. Thằng bé tóc đỏ đứng dựa cột đèn có vẻ như cũng nhận ra điều đó. Cái miệng ngậm thuốc của nó mỉm cười với Dave và Dave có cảm giác như bị một thể lực nào đó lôi kéo sang vỉa hè phía bên kia. Giống như đang đi chân trần trên một con dốc bằng xa tanh.

Thế rồi một chiếc ô tô xuất hiện và sau vài câu trao đổi thằng bé liền trèo lên xe sau khi ném về phía Dave một cái nhìn thương hại. Dave nhìn theo chiếc xe Cadillac màu trắng và xanh sẫm quay đầu chạy về phía anh rồi vào sâu trong bãi đỗ xe của quán Last Drop. Dave chui vào xe của mình quan sát chiếc Cadillac dừng lại bên cạnh một rặng cây cao, bao phủ lấy dãy hàng rào xiêu vẹo của bãi đỗ. Người lái xe tắt đèn nhưng vẫn để động cơ chạy và Thăng Bé lại thì thầm trong tai anh: Là Henry và George, Henry và George, Henry và George.

Tối nay chưa tới quán Last Drop thì Dave đã vội quay trở lại vậy mà Thăng Bé vẫn gào thét bên tai anh. Tôi chính là anh, Tôi chính là anh, Tôi chính là anh, nó gào lên.

Và Dave những muốn dừng lại mà khóc. Anh muốn chống hai tay lên bức tường gần nhất mà khóc vì anh biết là Thăng Bé đã nói đúng. Thăng Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói và Trưởng Thành đã trở thành một Con Sói. Thành Dave.

Dave Người Sói.

Chuyện này hẳn phải xảy ra mới đây vì Dave không nhớ nổi giây phút cơ thể anh biến đổi, linh hồn bốc hơi và biến mất để nhường chỗ cho cái thực thể mới này. Nhưng rõ ràng là điều đó đã xảy ra. Có lẽ trong lúc anh đang ngủ.

Nhưng anh không thể dừng lại để mà khóc được. Khu vực này quá nguy hiểm, đầy rẫy những kẻ nghiện hút, thấy Dave say như vậy hẳn sẽ tấn công. Ngay lúc này một chiếc xe ô tô đang chậm rãi lăn bánh trên đường quan sát anh, nghiền cứu con mồi.

Anh hít một hơi thật sâu rồi sải bước vững chãi, cố tạo ra vẻ tự tin và xa cách. Anh ưỡn vai, mắt phóng ra tia hăm dọa rồi bắt đầu quay trở về, nhưng đầu óc anh vẫn chưa thực sự thông suốt vì Thăng Bé kia vẫn

không ngừng la hét trong đầu anh, nhưng Dave quyết tâm phớt lờ nó đi. Anh hoàn toàn có thể làm được điều đó. Anh là một kẻ mạnh mẽ. Anh là Dave Người Sói.

Âm lượng của thằng bé quả thật có giảm dần. Chỉ còn giống như những lời thủ thỉ trên đường trở về.

Tôi là anh mà, Thằng Bé nói, giọng điệu giống như một người bạn. Tôi là anh mà.

Celeste ra khỏi nhà với Michael vẫn còn nửa thức nửa ngủ trên vai và phát hiện ra Dave đã lái xe đi mất. Cô đã đỗ xe ở cách đó nửa dặm nhà, ngạc nhiên khi phát hiện ra có thể tìm thấy một chỗ như thế vào cuối ngày nhưng giờ đây thay vào đó là một chiếc xe Jeep màu xanh nước biển.

Chuyện này đã xảy ra ngoài dự kiến của cô. Cô những định đặt Michael vào ghế bên và hành lý của họ ở băng sau rồi lái xe tới khách sạn Econo Lodge cách đó khoảng năm cây số trên đường cao tốc.

“Chết toi,” cô nói to và cố kiềm chế để khỏi gào lên vì tuyệt vọng.

“Mẹ không sao chứ?” Michael lẩm bẩm. “Không sao, Mike.”

Vừa vặn lúc đó có một chiếc xe taxi rẽ khỏi phố Perthshire ra đại lộ Buckingham. Celeste liền giơ tay đeo hành lý của Michael lên vẫy và chiếc xe dừng lại ngay trước mặt cô. Celeste đành chấp nhận trả sáu đô để tới Econo Lodge. Cô sẵn sàng trả cả trăm đô để rời khỏi chỗ này ngay lập tức, tới một nơi đủ xa để có thể suy nghĩ thông suốt mà không cần phải thấp thỏm quan sát nắm đấm cửa hay sự trở lại của một người đàn ông vừa cho rằng cô là một con ma cà rồng hút máu chỉ đáng được cầm một cái cốc xuyên qua tim sau đó bị cắt đầu cho tiết đường sống. “Bà muốn đi đâu?” người lái taxi hỏi khi Celeste đặt túi lên ghế rồi chui vào ngồi bên cạnh, Michael vẫn ở trên vai.

Đi đâu cũng được, cô những muốn nói. Đâu cũng được miễn là rời khỏi chỗ này.

22. Chương 22: Cá Săn Mồi

“Sếp cho kéo xe của cậu ta đi?” Sean hỏi.

“Xe của hần ta bị bên giao thông kéo đi. Hai chuyện này hoàn toàn khác nhau.”

Hai người bọn họ vừa thoát khỏi cơn tắc đường buổi sáng vào giờ cao điểm sau khi rẽ ra khỏi đường cao tốc về hướng East Buckingham. “Vì lý do gì?”

“Nó bị bỏ rơi,” Whitey rẽ sang phố Roseclair, miệng khê huyết sáo.

“Ở đâu? Ở trước cửa nhà cậu ta chứ gì?”

“Ồ, không. Chiếc xe được tìm thấy ở khu Rome Basin dọc theo đại lộ. May cho chúng ta là đại lộ này lại thuộc địa bàn của cảnh sát bang. Có vẻ như ai đó cướp xe, đi một đoạn rồi bỏ lại. Những chuyện như thế vẫn thường xảy ra, cậu biết đấy.”

Sáng nay Sean tỉnh dậy sau một giấc mơ trong đó anh ôm lấy con gái của mình và gọi tên nó dù anh không biết tên của con bé là gì và cũng không nhớ được mình đã nói gì trong con mơ nên đầu óc anh lúc này vẫn còn chút mờ mịt.

“Có tìm thấy vết máu,” Whitey nói.

“Ở đâu?”

“Trên ghế trước xe của Boyle.”

“Nhiều không?”

Whitey chụm đầu ngón cái và ngón trở lại chỉ để hở ra chút xíu. “Một chút. Nhưng tìm thấy nhiều vết máu hơn trong cốc xe.”

“Trong cốp xe?”

“Phải nói là có khá nhiều vết máu trong cốp xe.”

“Rồi sao nữa?”

“Thì phòng thí nghiệm đang phân tích.”

“Không. Ý tôi nói là nếu có tìm thấy máu trong cốp xe thì sao? Katie Marcus không hề bị nhét vào trong cốp xe.”

“Đúng là một con sâu làm rầu nồi canh.”

“Trung sĩ, chắc cấp trên không phê chuẩn cho ông khám xét chiếc xe đó đâu.”

“Phê chứ.”

“Phê ư?”

“Chiếc xe bị đánh cắp rồi bỏ rơi trong địa bàn cảnh sát bang. Chúng ta làm thế hoàn toàn chỉ phục vụ cho việc xác định mức bảo hiểm và quyền lợi của chủ nhân...”

“Sếp đã khám xét và viết xong báo cáo rồi chứ gì.”

“Cậu nhanh trí đấy.”

Họ tới trước cửa nhà Dave Boyle và Whitey sang số để đậu xe lại. Ông tắt máy rồi bảo, “Tôi có đủ nghi vấn để triệu tập cậu ta trò chuyện một chút. Hiện giờ tôi cũng chỉ muốn có vậy.”

Sean gật đầu, biết rằng tranh luận nữa cũng vô ích. Whitey lên tới vị trí này trong đội điều tra án mạng là nhờ bám chặt vào linh cảm nghề nghiệp, giống như con chó không chịu rời khúc xương. Không thể nào thuyết phục ông rời khỏi những linh cảm đó, chỉ có cách chứng minh nó mà thôi.

“Thế kết quả phân tích đầu đạn thì sao?”

“Cũng rất lạ,” Whitey nói, không có dấu hiệu muốn rời khỏi xe, hai người bọn họ vẫn ngồi yên ở đó quan sát ngôi nhà của Dave. “Đó là một khẩu Smith ba tám li đúng như chúng ta dự đoán. Thuộc một lô hàng bị cướp từ một tay buôn vũ khí ở New Hampshire vào năm 1981. Khẩu súng giết chết Katherine Marcus cũng từng tham gia một vụ cướp cửa hàng rượu vào năm 1982. Chính tại khu Buckingham này.”

“Ở khu Hạ?”

Whitey lắc đầu. “Ở Rome Basin, tại một cửa hàng rượu tên là Looney Liquors. Có hai kẻ tham gia, cả hai đều đeo mặt nạ cao su. Chúng tiến vào cửa hậu sau khi chủ cửa hàng đóng các cửa đằng trước. Tên thứ nhất bước vào cửa hàng bắn một phát cảnh cáo xuyên qua một chai whisky và găm vào tường. Phần tiếp theo của vụ cướp diễn ra một cách suôn sẻ nhưng cảnh sát đã tìm thấy đầu đạn kia. Kết quả cho thấy nó xuất phát từ cùng khẩu súng đã giết hại cô con gái nhà Marcus.”

“Nó khiến vụ án được lái sang một hướng khác, sếp không thấy vậy sao?” Sean hỏi. “Vào năm 1982, Dave lúc đó mười bảy tuổi, vừa mới gia nhập Raytheon. Tôi không nghĩ cậu ta lại làm thêm việc cướp cửa hàng rượu.”

“Không có nghĩa là khẩu súng không thể đến được tay của cậu ta. Cậu biết thừa cái của đó được truyền qua truyền lại thế nào rồi đấy.” Nghe giọng Whitey không có được cái vẻ chắc chắn như tối hôm trước. “Đi triệu cổ hần thôi!” Ông ta nói rồi đẩy cửa xe ra.

Sean cũng ra khỏi xe và hai người bọn họ đi tới trước nhà Dave, Whitey không ngừng đập tay vào chiếc công số tám đeo bên hông như đang chờ đợi cơ hội được sử dụng nó.

Jimmy đỗ xe rồi bê một khay giấy đựng mấy ly cà phê và một túi bánh rán tẩm đường bằng qua mặt đường nham nhở của bãi đỗ xe về phía dòng sông Kỳ Bí. Trên đầu hắn là cầu Tobin, xe cộ qua lại rầm rập trên những nhịp cầu nổi bằng kim loại và dưới mép nước Katie đang quỳ, cùng với Ray Harris, cả hai nhìn chăm chăm xuống con sông. Dave Boyle cũng có mặt ở đó, bàn tay bị thương của cậu ta sưng phồng như một cái găng đấm bốc. Dave ngồi trên một chiếc ghế vải cũ bên cạnh Celeste và Annabeth. Celeste mặc áo len kéo

cổ che kín tới miệng còn Annabeth thì hút hai điếu thuốc một lúc. Cả ba người bọn họ đều đeo kính đen và không thèm nhìn Jimmy. Họ nhìn chăm chăm về phía gầm cầu vẻ không muốn bị quấy nhiễu.

Jimmy đặt khay cà phê và túi bánh xuống bên cạnh Katie và quỳ giữa cô bé và Just Ray. Hắn nhìn xuống nước và thấy hình phản chiếu của mình, của Katie và cả Ray khi họ quay về phía hắn, Ray với một con cá lớn màu đỏ ngậm chặt giữa hai hàm răng, đuôi vẫn còn đang quẫy.

“Con đánh rơi một cái vảy xuống sông.” Katie nói.

“Bố chả nhìn thấy nó đâu cả,” Jimmy trả lời.

Con cá nhảy ra khỏi miệng Just Ray, rơi xuống mặt nước và quẫy đuôi bơi đi.

“Nó sẽ tìm được chiếc vảy của con. Vì nó là một con cá săn mồi.”

“Thịt nó giống như thịt gà,” Ray nói.

Jimmy cảm thấy bàn tay ấm áp của Katie trên cổ hắn và tay của Ray trên gáy hắn, rồi Katie bảo, “Sao bố không xuống tìm vảy cho con?”

Và rồi hai người bọn họ đẩy hắn xuống sông. Jimmy nhìn thấy làn nước đen ngòm cùng con cá quẫy đuôi nhô lên nhìn hắn và hắn biết là mình sắp chết đuối. Hắn mở miệng định kêu cứu thì con cá nhảy phốc vào trong miệng hắn, cắt mất nguồn dưỡng khí và mặt hắn chìm dần vào trong làn nước đen thẫm như mực.

Hắn chợt mở mắt, quay đầu ra nhìn chiếc đồng hồ báo thức chỉ bảy giờ mười lăm và không tài nào nhớ ra nổi đã đi ngủ vào lúc nào. Thế nhưng rõ ràng là hắn đã lên giường vì Annabeth đang nằm ngủ ở bên cạnh hắn. Jimmy tỉnh dậy đối mặt với một ngày mới bắt đầu bằng cuộc hẹn chọn bia mộ cho Katie trong vòng một tiếng đồng hồ tới và Just Ray Harris cùng dòng sông Kỳ Bí đã quay trở lại tìm hắn.

Chìa khóa thành công của một cuộc thẩm vấn là tranh thủ được tối đa thời gian trước khi kẻ tình nghi yêu cầu gặp luật sư bào chữa. Các đối tượng sùng sỏ như bọn buôn ma túy, xã hội đen, dân đua xe hay những tên côn đồ rần rật cứ mở miệng ra là đòi có luật sư. Chỉ có thể dọa nạt chúng một lúc, cố gắng làm chúng dao động trước khi luật sư xuất hiện, còn lại phải dựa vào các bằng chứng để buộc tội là chính. Sean hiếm khi thu được kết quả khi thẩm vấn một trong những gã đó.

Thế nhưng khi đối tượng là những công dân bình thường hay những người phạm tội lần đầu thì phần lớn vụ án đều được phá trong quá trình xét hỏi. Vụ “án mạng trên đường cao tốc”, thành công lớn nhất của Sean từ trước tới giờ, cũng đã được phá như vậy. Một anh chàng ở Middlesex trên đường lái xe về nhà buổi tối với vận tốc một trăm hai mươi cây số một giờ thì rớt mất chiếc lốp phía đằng trước. Chiếc lốp phải bung ra, lăn trên đường cao tốc. Chiếc xe thể thao đa dụng của anh ta lăn chín mươi vòng trên đường và nạn nhân Edwin Hurka chết ngay tại chỗ.

Hóa ra ốc vít của hai bánh trước đều bị vặn lỏng từ trước. Cảnh sát bắt đầu tập trung vào kịch bản ngộ sát với nhiều khả năng là do thiếu sót của thợ cơ khí. Sean và đồng sự của anh, Adolph, lại phát hiện ra rằng nạn nhân vừa thay lốp vài tuần trước. Nhưng Sean cũng tìm thấy trong hộp đựng găng của nạn nhân một mẫu giấy khiến anh nghi ngờ. Mẫu giấy có ghi lại một số đăng ký biển số xe nguệch ngoạc và khi Sean nhập vào hệ thống dữ liệu tìm ra tên của chủ nhân nó là Alan Barnes. Anh tới nhà tay Barnes đó và hỏi gã ra mở cửa có phải hắn chính là Alan Barnes không. Gã này trả lời, đúng, có chuyện gì với đáng điệu vô cùng hốt hoảng. Trục giác của Sean mách bảo, anh hỏi hắn, “Tôi muốn nói với anh về chuyện mấy cái đinh vít.”

Tên Barnes đó lập tức cung khai ngay trên ngưỡng cửa nhà mình, nói với Sean rằng hắn chỉ định phá hoại, dọa nạn nhân một chút vì hồi tuần trước hai người bọn họ có đụng nhau trên đường ra sân bay khiến Barnes bực mình tới mức hủy cả cuộc hẹn của mình rồi lẳng lặng đi theo Edwin Hurka về nhà, chờ nạn nhân tắt hết đèn đi ngủ rồi tháo lỏng ốc vít trên lốp xe của nạn nhân.

Con người thật là ngu ngốc. Họ giết hại lẫn nhau vì những điều ngớ ngẩn nhất rồi vẫn cứ ở nguyên chỗ cũ chờ người ta tới bắt, sau đó ra tòa kêu vô tội trong khi đã ký biên bản thú nhận dài bốn trang với cảnh sát. Vũ khí lợi hại nhất của cảnh sát chính là nắm được sự ngờ nghệch của họ. Để họ nói. Luôn để cho họ nói. Để cho họ giải thích. Để cho họ trút tội ra trong khi uống cà phê bên cạnh chiếc máy ghi âm không ngừng hoạt động.

Và rồi khi họ đòi luật sư – một công dân bình thường thế nào cũng đòi luật sư – thì phải cau mày và hỏi đi hỏi lại xem họ có thực sự muốn gọi luật sư không, đồng thời tạo ra một không khí thù địch trong phòng cho tới khi họ quyết định trò chuyện cởi mở thêm một chút với cảnh sát giống như giữa những người bạn trước khi luật sư xuất hiện và phá hỏng bầu không khí đó.

Nhưng Dave không hề đòi gặp luật sư lấy một lần. Cậu ta ngồi trên một chiếc ghế khập khiễng nếu tựa quá sâu về phía sau. Trông cậu ta vẫn còn phảng phất dư âm của việc uống quá nhiều, bức bối, hơi cau có, đặc biệt là với Sean nhưng không hề tỏ ra sợ hãi hay hốt hoảng và Sean biết rằng thái độ đó bắt đầu khiến Whitey chột dạ.

“Ông Boyle, nghe này,” Whitey cất lời. “Chúng tôi biết ông rời quán McGills trước thời điểm mà ông nói với chúng tôi. Chúng tôi biết là ông có xuất hiện ở bãi đỗ xe của quán Last Drop khoảng nửa tiếng sau đó vào khoảng thời gian mà cô Marcus rời khỏi. Và chúng tôi dám chắc rằng tay ông bị sưng không phải vì chơi bi-a.”

Dave rên lên một tiếng rồi bảo, “Tôi có thể dùng một lon Sprite hay gì đó được không?”

“Sẽ có ngay, nhưng hãy nói cho chúng tôi biết chuyện gì đã thực sự xảy ra tối hôm đó, ông Boyle.” Whitey lần thứ tư nhắc lại câu này kể từ khi bọn họ xuất hiện ở đây khoảng ba mươi phút trước.

“Tôi đã nói với các ông rồi.”

“Ông nói dối.”

Dave nhún vai. “Đấy là ý kiến của riêng ông thôi.”

“Không đúng. Đó là thực tế. Ông đã nói dối về thời điểm rời khỏi quán McGills. Chiếc đồng hồ treo tường ở đó đã dừng lại năm phút trước khi ông nói là ông ra khỏi quán.”

“Những năm phút?”

“Ông cho rằng chuyện này rất buồn cười sao?”

Dave lại tụt vào ghế sâu thêm một chút nữa và Sean chờ nghe thấy tiếng ghế kêu cọt két trước khi oằn xuống nhưng không có gì xảy ra, Dave đã dừng lại đúng lúc.

“Không, trung sĩ. Tôi không nghĩ vậy. Tôi chỉ là rất mệt mỏi. Vẫn còn ngầy ngật vì tối qua uống quá nhiều. Xe không những bị mất mà giờ ông còn bảo sẽ không trả lại. Ông nói tôi đã rời quán McGills năm phút sớm hơn so với lời tôi nói?”

“Ít nhất là thế.”

“Thôi được rồi. Cứ cho là thế đi. Có thể tôi đã nói không chính xác. Vì tôi không thường xuyên nhìn đồng hồ như các ông. Vậy nếu ông cho rằng tôi rời quán McGills vào lúc một giờ kém năm chứ không phải một giờ kém mười thì cứ chấp nhận vậy đi. Có thể đúng là thế thật. Nhảm nhò gì đâu. Nhưng vấn đề là sau đó tôi về nhà ngay lập tức. Tôi không tới quán bar nào khác.”

“Có người nhìn thấy ông trong bãi đỗ xe của...”

“Không đúng,” Dave nói. “Chỉ là ai đó nhìn thấy một chiếc xe Honda bị móp ở khung lớp trước. Đúng không? Ông có biết trong thành phố này có bao nhiêu chiếc Honda không? Suy nghĩ tí đi.”

“Liệu có được bao nhiêu chiếc bị móp ở cùng một vị trí so với xe của ông, ông Boyle?”

Dave nhún vai. “Tôi cực là có hàng đồng.”

Whitey nhìn Sean và Sean có cảm giác là họ đã thua trong cuộc đấu trí này. Dave có lý, họ có thể dễ dàng tìm thấy hai chục chiếc Honda bị móp ở khung lớp trước phía bên chỗ ngồi dành cho khách. Ít nhất là hai mươi cái. Dave mà lấy cớ này bắt bẻ họ thì luật sư của cậu ta hẳn còn tìm ra một con số lớn hơn.

Whitey đi vòng ra đằng sau ghế của Dave và bảo, “Hãy cho chúng tôi biết làm thế nào mà trong xe của ông lại có vết máu?”

“Máu nào cơ?”

“Chúng tôi tìm thấy vết máu ở ghế trước. Hãy bắt đầu từ đó đi.”

“Thế chai Sprite của tôi thì sao, Sean?” Dave hỏi.

“Được thôi.”

“Biết ngay mà. Cậu đúng là một cảnh sát tốt. Nhân tiện lấy cho tôi luôn một miếng bánh kẹp thịt được không?”

Sean đang nhào người toan đứng dậy nghe thấy thế lại ngồi xuống. “Tôi không phải tay sai của cậu. Cậu cứ ngồi đó chịu khó chờ thêm một lúc nữa đi.”

“Nhưng cậu thì đúng là tay sai của người ta đấy. Không phải vậy sao, Sean?” Khi nói những từ này trong mắt Dave lóe lên một tia đều căng, một vẻ khiêu khích, ngạo nghễ khiến Sean bắt đầu nghĩ rằng có lẽ Whitey đã đoán đúng.

“Vết máu trên ghế trước xe của cậu, Dave. Hãy trả lời ngài trung sĩ,” Sean nói. Dave quay ra nhìn Whitey. “Chúng tôi có một hàng rào lưới sắt ở sân sau. Ông biết đấy, loại hàng rào xoắn lại ở phía trên ấy? Hôm đó tôi đang sửa sang lại cái sân sau. Chủ nhà chỗ tôi cũng lớn tuổi rồi. Tôi giúp ông ấy chút việc đó đổi lại ông ấy không lấy tiền thuê nhà quá đắt. Lúc đó tôi đang cắt mấy cây tre trúc gì đó thôi...”

Whitey để lộ ra một tiếng thở dài nhưng Dave có vẻ không chú ý.

“... thì trượt chân. Tay tôi vẫn đang cầm máy cắt điện nên không muốn đánh rớt, đành ngã tì vào hàng rào, xoẹt một cái.” Dave vỗ vỗ vào mạng sườn. “Ngay chỗ này. Không nghiêm trọng lắm nhưng chảy rất nhiều máu. Mà mười phút sau thì tôi phải đi đón con trai ở chỗ tập bóng chày. Có lẽ vết thương vẫn còn chảy máu lúc tôi chui vào xe. Tôi nghĩ chắc chỉ có nguyên nhân đó thôi.”

“Vết máu trên ghế trước là của ông?”

“Như tôi vừa nói, chắc chỉ có nguyên nhân đó thôi.”

“Ông thuộc nhóm máu nào?”

“Nhóm B.”

Whitey cười rõ tươi rồi vòng ra phía trước, ngồi lên mép bàn. “Hay thật. Đó chính là nhóm máu chúng tôi tìm thấy ở ghế trước.”

Dave giơ hai tay lên. “Đấy, thấy chưa.”

Whitey cũng bắt chước giơ hai tay lên. “Không hẳn. Ông có thể giải thích giùm luôn về vết máu trong cốp xe được không? Chúng không thuộc nhóm máu B.”

“Chuyện này tôi không hề biết.”

Whitey cười khê. “Trong cốp xe của ông tìm thấy ít nhất hai mươi decilit máu mà ông lại không hề hay biết?”

“Không, tôi không hề biết gì về chuyện này.”

Whitey ghé sát vào Dave, vỗ lên vai anh. “Tôi không ngại nói cho ông biết, ông Boyle, ông không nên chọn cách này. Nếu ông ra trước tòa và nói rằng không biết làm sao trong xe của mình lại có vết máu của người khác liệu có ai tin không?”

“Tin chứ sao không.”

“Sao mà ông dám chắc vậy?”

Dave lại tựa lưng vào ghế, tay Whitey đang để trên vai anh rớt xuống. “Ông đã viết báo cáo rồi đấy thôi, trung sĩ.”

“Báo cáo nào?” Whitey hỏi.

Sean lập tức đoán ra ý của Dave và biết là họ đã sập bẫy của cậu ta.

“Báo cáo về việc xe của tôi bị đánh cắp ấy.”

“Thì sao?”

“Thì chiếc xe không ở trong tay tôi tới hôm qua. Tôi không biết bọn cướp đã sử dụng chúng để làm gì nhưng ông nhất quyết muốn tìm hiểu như vậy thì hẳn không phải là chuyện tốt.”

Trong suốt ba mươi giây đồng hồ sau đó, Whitey hoàn toàn bất động. Sean biết là ông vừa nhận ra cái bẫy của ông đã phản chủ. Bất cứ chứng cứ nào tìm thấy trong xe của Dave đều sẽ bị bãi bỏ trước tòa vì luật sư của Dave sẽ đổ lỗi cho bọn cướp.

“Đó là những vết máu cũ, ông Boyle. Không phải là xuất hiện từ mấy tiếng trước.”

“Vậy sao? Các ông có thể chứng minh điều đó không? Một cách chính thức, thưa ngài trung sĩ? Ông dám chắc rằng không phải là do nó chóng khô? Đêm hôm qua thời tiết cũng không phải là ẩm ướt.”

“Chúng tôi có thể chứng minh điều đó,” Whitey nói nhưng Sean nghe thấy giọng ông có vẻ thiếu thuyết phục và Dave cũng vậy.

Whitey đứng dậy khỏi bàn, quay lưng về phía Dave. Ông đặt tay lên miệng, gõ gõ lên môi rồi đi dọc theo bàn về phía Sean, mắt nhìn xuống sàn.

“Chai sprite của tôi có chút triển vọng nào không vậy?” Dave hỏi.

“Chúng ta sẽ cho gọi thằng bé mà Souza thẩm vấn, nhân chứng nhìn thấy chiếc xe đó. Tên nó là gì ấy nhỉ? Tommy...”

“Moldanado,” Sean đáp.

“Ừ.” Whitey lơ đãng nói, mặt mũi trông có vẻ sao lãng như thể vừa định ngồi thì bị người khác kéo ghế, ngã giập mông mà không biết tại sao. “Cho Boyle đứng vào hàng xem Moldanado có nhận dạng được không.”

“Đúng là có cái gì đó không ổn,” Sean nói.

Whitey lùi sát vào tường khi một nữ thư ký đi qua chỗ bọn họ đang đứng trong hành lang, mùi nước hoa của cô ta giống hệt Lauren khiến Sean chợt nghĩ có lẽ nên gọi vào máy cầm tay của vợ mình xem dạo này cô thế nào, nếu anh là người chủ động trước có lẽ cô sẽ nói chuyện với anh cũng nên.

“Hắn ta quá bình tĩnh. Lần đầu tiên vào phòng thẩm vấn mà thậm chí không toát mồ hôi.” Whitey nói.

“Trung sĩ, rõ ràng không phải là điềm tốt.”

“Cậu không nói đùa đấy chứ?”

“Không, ý tôi là nếu không bị lộ tẩy vụ xe ô tô thì cũng không phải là vết máu của cô Marcus trên đó. Chúng ta chả có gì để buộc tội cậu ta.”

Whitey nhìn vào cánh cửa phòng thẩm vấn. “Tôi có thể khiến hắn phải cung khai.”

“Cậu ta đang giỡn mặt chúng ta thì có,” Sean nói.

“Tôi thậm chí còn chưa vào vòng khởi động.”

Thế nhưng Sean vẫn nhìn thấy vẻ nghi hoặc trên mặt ông, dấu hiệu đầu tiên của việc nghi ngờ linh cảm của mình. Whitey rất cố chấp và thậm chí là khốc liệt nếu ông tin là mình đúng nhưng lại quá thông minh nên không bị lừa bởi một linh cảm khiến ông gặp hết trở ngại này tới trở ngại khác.

“Hay là cứ để cậu ta đổ chút mồ hôi trong đó đi,” Sean nói.

“Cậu ta có đổ chút mồ hôi nào đâu.”

“Nếu để cậu ta lại một mình có thể cậu ta sẽ dao động.”

Whitey lại nhìn về phía cửa phòng thẩm vấn như muốn thiêu trụ nó. “Cũng có thể.”

“Tôi nghĩ mấu chốt của mọi chuyện là khẩu súng. Chúng ta nên bắt đầu từ đó,” Sean nói.

Whitey nhai nhai không khí ở trong miệng rồi cuối cùng cũng gật đầu. “Tìm hiểu thêm về khẩu súng đó cũng tốt. Cậu muốn tự tiến hành?”

“Cửa hàng rượu đó vẫn không đổi chủ chứ?”

“Tôi không biết. Hồ sơ từ năm tám mươi hai, chủ cửa hàng lúc đó là Lowell Looney.”

Sean mỉm cười khi nghe thấy cái tên đó. “Nghe cũng hay đấy chứ!”

“Sao cậu không tới đó xem thế nào? Tôi sẽ canh chừng tên khốn kia sau lớp kính, xem hắn có bắt đầu ca bài các cô gái bị giết hại trong công viên không.”

Lowell Looney năm nay khoảng tám mươi tuổi nhưng trông có vẻ sẽ đánh bại Sean trong cuộc thi chạy một trăm mét. Ông ta mặc áo thun màu da cam của câu lạc bộ thể hình Porter’s Gym, quần thể thao màu xanh với một sọc bên màu trắng, giày chạy Reebok mới toanh và chuyển động một cách lanh lẹ và có vẻ không ngại nhảy lên với chai rượu cao nhất trong quầy nếu được yêu cầu.

“Đúng chỗ này,” ông ta nói với Sean và chỉ vào dãy chai phía sau quầy thu ngân. “Đi xuyên qua một chai rượu và găm vào tường.”

“Hải thật ấy nhỉ?”

Ông già nhún vai. “Có lẽ sợ hơn phải uống sữa một tí. Nhưng cũng chẳng bằng đi ra đường ở đây vào buổi tối. Cách đây mười năm, một thằng nhóc khùng chìa súng vào mặt tôi, ánh mắt giống hệt chó dại lên cơn, mồ hôi túa ra trên mặt tới không kịp chớp mắt. Thế mới hải, con trai ạ. Những kẻ bắn đạn vào tường thì lại khác, là những tay chuyên nghiệp. Những tay chuyên nghiệp còn có thể đối phó được. Chúng chỉ cần tiền, chứ không cần mạng.”

“Vậy hai gã đó...”

“Tiến vào bằng cửa sau,” Lowell Looney nói và lướt về phía cuối quầy thu ngân nơi có một tấm rèm cửa màu đen che khuất khu nhà kho phía sau. “Ngoài đó có một cánh cửa dùng để nhận hàng. Vào thời điểm đó tôi có một thằng nhóc làm việc bán thời gian, lúc xảy ra chuyện nó đang ra ngoài đổ rác và hút thuốc. Có tới nửa số lần nó quay trở vào mà quên khóa cửa. Hoặc nó là tay trong hoặc bọn kia đã theo dõi nó từ lâu và biết rằng nó là một thằng đần. Đêm đó chúng đã đi vào trong lúc cửa không khóa, bắn một phát cảnh cáo khiến tôi luống cuống không kịp sờ vào súng của mình rồi cuồn tiền đi mất.”

“Chúng lấy mất của ông bao nhiêu?”

“Sáu nghìn.”

“Một món bầm đấy chứ!” Sean nói.

“Vào các ngày thứ Năm, tôi vẫn thường đi đổi séc ra tiền mặt. Giờ thì tôi không làm thế nữa nhưng hồi đó ngu, có biết gì đâu. Dĩ nhiên nếu bọn cướp cũng nhanh trí hơn chút thì chúng sẽ phải tấn công tôi vào buổi sáng vì lúc đó còn nhiều tiền hơn nữa. Tôi nói bọn chúng là những kẻ chuyên nghiệp nhưng không phải là những tay giỏi nhất.”

“Thằng bé để cửa mở tên là gì?” Sean hỏi.

“Marvin Ellis. Có thể nó cũng dính líu. Tôi đuổi việc nó luôn ngày hôm sau. Chuyện là chúng bắn phát cảnh cáo ấy vì chúng biết tôi có để một khẩu súng dưới quầy. Mà chuyện đó thì không phải ai cũng biết thế nên hoặc là Marvin đã bảo chúng, hoặc là một trong hai tên bọn chúng từng làm việc ở đây.”

“Ông có khai báo điều đó với cảnh sát không?”

“Có chứ.” Ông già phẩy tay nhớ lại. “Họ xem qua tất cả các giấy tờ của tôi, thậm chí tất cả những người từng làm việc tại đây. Ít nhất là họ có bảo tôi thế. Nhưng chả bắt được ai. Cậu nói là khẩu súng đó đã được sử dụng để gây án lần nữa?”

“Đúng thế, ông Looney này...”

“Chúa ơi, làm ơn gọi tôi là Lowell.”

“Ông Lovvell, ông vẫn còn danh sách những người đã từng làm việc cho ông chứ?”

Dave nhìn vào tấm gương hai mặt trong phòng thẩm vấn, biết rằng đồng sự của Sean, và có lẽ cả Sean nữa, đang quan sát anh.

Tốt thôi.

Thế nào? Tôi đang thưởng thức chai Sprite của mình. Không biết họ dùng hương liệu gì? Hương chanh. Đúng thế. Tôi rất thích cái vị chanh này, trung sĩ. Thật là ngon. Đúng thế thưa ngài cảnh sát. Tôi thật muốn được uống thêm một chai nữa.

Dave nhìn thẳng vào giữa tấm gương từ phía bên kia chiếc bàn dài và cảm thấy vô cùng khoái trá. Đúng là anh không biết Celeste đã đi đâu với Michael, sự mù mờ đó khiến cho anh cảm thấy sợ hãi, đầu óc đầu óc anh còn hơn cả mười năm lon bia đêm trước. Nhưng cô ấy sẽ trở lại thôi. Anh hình như nhớ ra đã dọa cô sợ chết khiếp. Anh hẳn đã nói năng lung tung, lải nhải về ma cà rồng hút máu rồi cái gì đã nhập vào thì không thể trở ra được nữa vân vân và vân vân khiến cô phát hoảng.

Không thể trách cô. Là lỗi của anh đã để Thăng Bé xuất hiện và trưng ra bộ mặt xấu xí, hung tợn của nó.

Thế nhưng ngoài việc Celeste và Michael bỏ đi thì anh cảm thấy rất vững vàng. Anh không còn cảm giác do dự của mấy ngày trước nữa. Đêm trước, anh thậm chí còn ngủ sáu tiếng đồng hồ. Lúc thức dậy, miệng khô khốc, nhạt thêch, đầu nặng như chì nhưng hoàn toàn thông suốt.

Anh biết mình là ai. Và anh biết mình đã làm đúng. Ngẫm lại, việc giết hại một người (không thể tiếp tục đổ lỗi cho Thăng Bé nữa vì đó chính là anh, chính là Dave đã ra tay) đã tiếp thêm sức mạnh cho Dave. Anh nghe nói ở một nền văn hóa cổ đại nào đó người ta giết người rồi ăn tim của kẻ đó. Khi ăn tim kẻ thù sẽ khiến sức mạnh của người kia nhập vào mình, quyền lực sẽ nhân đôi, linh hồn cũng vậy. Dave cũng có cảm giác đó. Không, anh không ăn tim ai cả. Không tới mức đó. Nhưng anh có cảm giác vinh quang của kẻ săn mồi. Anh đã giết người. Và anh đã đúng khi làm việc ấy. Anh đã dẹp bỏ được con quái vật ở trong lòng, một con quái vật biến thái luôn khao khát được chạm vào tay của một cậu bé và tan chảy trong đó. Con quái vật đó đã biến mất, đi xuống địa ngục cùng với nạn nhân của Dave. Giết đi một mạng người, đồng thời anh cũng tính sổ luôn thăng người xấu ở trong mình, cái tên biến thái vẫn ẩn nấp trong anh từ hồi mười một tuổi, đứng bên cửa sổ nhà anh, nhìn xuống quang cảnh tiệc tùng trên phố Rester mừng anh trở về. Lúc đó Dave cảm thấy thật yếu đuối, thật đáng thương, như bị phơi bày cả ruột gan ra trước bữa tiệc. Cậu cảm thấy mọi người đang cười thầm sau lưng mình, các bậc phụ huynh cổ nặn ra những nụ cười giả tạo, đằng sau nét mặt ngoại giao trưng ra trước đám đông là sự ngấm ngấm thương hại, là sự sợ hãi, là sự ghét bỏ mà Dave đã phải lập tức rời khỏi bữa tiệc để trốn tránh vì nó khiến cậu có cảm giác của một kẻ vô cùng ti tiện.

Nhưng giờ đây sự thù ghét của người khác lại khiến anh trở nên mạnh mẽ bởi vì anh đã có một bí mật mới, lớn hơn rất nhiều so với cái bí mật đáng thương mà dường như ai cũng có thể đoán ra trước đây. Giờ anh có một bí mật khiến anh có thể ngẩng cao đầu thay vì cúi xuống.

Lại đây, anh những muốn nói với mọi người, tôi có một bí mật muốn nói. Lại gần hơn nữa, tôi sẽ nói thầm vào tai bạn.

Tôi vừa mới giết một người.

Mắt Dave xoáy vào viên cảnh sát béo phía sau tấm gương.

Tôi vừa giết một người. Và ông không tài nào chứng minh được.

Hai chúng ta ai mới là kẻ mạnh hơn?

Sean tìm thấy Whitey ở phòng kế bên buồng thẩm vấn C trước tấm gương hai mặt. Ông đứng đó, một chân gác lên chiếc ghế da đã sờn rách, vừa uống cà phê vừa nhìn Dave.

“Sếp đã cho xếp hàng để nhận dạng chưa?”

“Vẫn chưa.”

Sean tới bên cạnh ông. Dave đang nhìn thẳng về phía họ, có vẻ như đang xoáy vào mắt Whitey như thể nhìn thấy ông ta ở đó. Kỳ lạ hơn nữa, cậu ta lại còn mỉm cười. Chỉ rất nhẹ thôi nhưng rõ ràng là nét cười.

“Tâm trạng không được tốt lắm?” Sean hỏi.

Whitey nhìn anh trả lời, “Cũng tốt hơn rồi.”

Sean gật đầu. Whitey chỉ ly cà phê về phía anh. “Cậu phát hiện ra cái gì đó. Tôi có thể nghĩ thấy, đồ ranh con. Khai ra mau.”

Sean những định kéo dài thời gian để chọc tức Whitey nhưng cuối cùng lại không nỡ.

“Trong số những người từng làm việc tại cửa hàng rượu Looney Liquors có một cái tên rất thú vị.”

Whitey đặt ly cà phê xuống bàn phía sau lưng và rút chân khỏi chiếc ghế. “Ai vậy?”

“Ray Harris.”

“Là Ray...?”

Sean cười rõ tươi. “Cha của Brendan Harris, trung sĩ. Một kẻ từng có tiền án tiền sự.”

23. Chương 23: Thăng Nhóc Tên Vince

Whitey ngồi lên chiếc bàn làm việc trống trơn đối diện với bàn của Sean, cầm trên tay một bản báo cáo của nhân viên quản thúc phạm nhân trong thời gian thử thách.

“Raymond Matthew Harris – sinh ngày 6/9/1955. Lớn lên tại phố Twelve Mayhew ở khu Hạ, East Bucky. Mẹ là Delores, nội trợ. Cha là Seamus, một công nhân đã bỏ nhà ra đi vào năm 1967. Sau khi cha hắn ta bị bắt vì tội ăn cắp vặt ở Bridgeport, Connecticut, vào năm 1973 thì con trai cũng bắt đầu sinh sự. Nhiều lần phạm phải các tội như lái xe trong lúc say rượu hay phá rối trật tự công cộng. Ông bố qua đời ở Bridgeport năm 1979 vì xơ cứng động mạch. Cũng trong năm đó, Raymond kết hôn với Esther Scannell – thằng cha này quả thật là may mắn – và tìm được công việc lái tàu điện ngầm cho Sở giao thông Massachusetts. Con đầu lòng Brendan Seamus sinh năm 1981. Vào cuối năm đó, Raymond bị nghi ngờ dính líu tới một vụ biển thủ công quỹ hai mươi ngàn đô la tiền vé tàu. Lờ buộc tội này cuối cùng bị hủy bỏ nhưng Raymond bị cơ quan đuổi việc. Sau đó thì hắn ta bắt đầu làm những việc chân tay lật vặt, như thợ phụ sửa chữa nhà cửa, thu ngân tại cửa hàng rượu Looney Liquors, pha chế rượu tại quán bar và nâng cẩu hàng tại bến cảng. Lại bị đuổi khỏi việc nâng cẩu hàng vì thụt quỹ. Thêm một lần nữa bị buộc tội nhưng cáo trạng không thành mà chỉ bị sa thải. Sau đó bị thẩm vấn vì liên quan tới vụ cướp ở cửa hàng rượu Looney Liquors nhưng rồi lại được thả ra vì thiếu bằng chứng. Cũng trong năm đó còn bị thẩm vấn vì liên quan tới một vụ cướp khác ở cửa hàng rượu Blanchard Liquors tại hạt Middlesex rồi cũng lại được thả ra vì thiếu chứng cứ.”

“Bắt đầu được biết đến,” Sean nói.

“Đúng là hắn bắt đầu trở nên nổi tiếng,” Whitey tán thành. “Năm 1983, một đồng bọn của hắn, một tay Edmund Reese gì đó, đã khai ra Raymond trong vụ trộm bộ sưu tập truyện tranh quý hiếm của một nhà môi giới ở...”

“Truyện tranh?” Sean bật cười. “Ồi giờ ơi Raymond ơi là Raymond.”

“Một bộ truyện tranh giá một trăm năm mươi ngàn đô la đấy,” Whitey nói.

“Ra thế, xin lỗi.”

“Raymond phản bác rằng văn học thì không có hại nên chỉ bị bốn tháng tù trong đó có hai tháng là tù treo. Khi ra tù thì bắt đầu dính vào nghiện ngập.”

“Ái chà.”

“Là cocain, những năm tám mươi mà, hồ sơ phạm tội từ đó cũng bắt đầu dày lên. Raymond cũng đủ thông minh để che giấu những thủ đoạn kiếm tiền mua ma túy nhưng lại bị lộ trong khi mua bán chúng. Vì là phạm tội trong thời gian thử thách nên bị kết án một năm tù.”

“Và có thời gian suy nghĩ về các lỗi lầm của mình.”

“Không hề. Sau đó lại bị bắt một lần nữa vì tội buôn bán hàng ăn cắp xuyên quốc gia trong một chiến dịch phối hợp giữa bên trọng án và cảnh sát liên bang FBI. Thế nào cậu cũng muốn nghe chi tiết này. Đoán xem Raymond đã trộm gì? Đặt vào bối cảnh năm 1984 nhé.”

“Sếp không đưa ra tí gợi ý nào sao?”

“Hãy dùng bản năng của cậu mà phán đoán.”

“Máy ảnh.”

Whitey lườm anh một cái. “Máy ảnh gì. Mau lấy cho tôi một ly cà phê, cậu thế mà cũng gọi là cảnh sát à.”

“Vậy là gì?”

“Là bộ game trò chơi trí tuệ Trivial Pursuit. Cậu chắc chả bao giờ nghĩ tới phải không?”

“Truyện tranh và trò chơi trí tuệ. Anh chàng này quả thật rất có phong cách.”

“Cùng rất nhiều rắc rối. Hắn ta đánh cắp một chiếc xe tải ở Rhode Island và lái về Massachusetts.”

“Thế là bị cảnh sát liên bang tóm.”

“Thế là,” Whitey lại lườm Sean phát nữa. “Họ quả có tóm được hắn nhưng không thành án.”

Sean ngồi thẳng dậy, rút chân xuống khỏi bàn. “Hắn chỉ điểm ai à?”

“Có vẻ thế,” Whitey nói. “Sau đó, hồ sơ trống trơn. Nhân viên quản thúc của Raymond chỉ ghi chú rằng hắn ta đều đặn tới điểm danh cho tới khi mãn hạn thử thách vào cuối năm 86. Thế còn quá trình làm việc của hắn?” Whitey nhìn sang phía Sean.

“Tôi có thể bắt đầu chứ?” Sean nói và mở tài liệu của mình ra. “Quá trình làm việc, bảng lương, báo cáo thu nhập, bảo hiểm xã hội, tất cả đều chấm dứt vào tháng Tám năm 1987. Hắn ta giống như là biến mất không để lại dấu vết vậy.”

“Cậu đã cho kiểm tra trên phạm vi toàn quốc?”

“Việc đó đang được tiến hành, thưa sếp.”

“Cậu dự đoán những khả năng nào có thể xảy ra?”

Sean lại gác hai chân lên bàn, dựa sâu vào ghế. “Một là hắn ta đã chết. Hai là nằm trong chương trình bảo vệ nhân chứng. Thứ ba là hắn chui rất sâu, rất sâu dưới đất rồi đột nhiên hiện ra, tìm khẩu súng cũ và bắt chết cô bạn gái mười chín tuổi của con trai mình.”

Whitey ném tập hồ sơ xuống bàn. “Chúng ta thậm chí cũng chưa biết liệu đó có đúng là súng của hắn. Chúng ta chả biết gì sất. Chả ra cái thá gì cả Devine ạ.”

“Chúng ta đang vận động chờ khiêu vũ đầy thôi, trung sĩ. Thôi nào, sớm sửa thế này, đừng gắt gỏng với tôi chứ. Chúng ta có một gã vốn là nghi phạm chính trong một vụ cướp mười tám năm trước với khẩu súng gây án. Con trai của hắn hẹn hò với nạn nhân. Đối tượng lại từng có tiền án tiền sự. Tôi muốn điều tra thêm về gã này và con trai hắn. Mà con trai hắn thì sếp biết đấy, lại không có bằng chứng ngoại phạm.”

“Nhưng lại vượt qua máy phát hiện nói dối và cả hai chúng ta cũng đều nhất trí rằng thằng bé không có khả năng làm chuyện đó.”

“Có lẽ chúng ta đã lầm.”

Whitey dùng cổ tay dụi mắt. “Tôi đã ngán bị nhầm lẫn rồi.”

“Sếp đang định nói là sếp cũng đã nhầm về Boyle?”

Whitey lắc đầu, tay vẫn dụi mắt. “Tôi không hề nói vậy. Tôi vẫn cho rằng gã này có vấn đề nhưng hẳn có dính líu tới vụ Katherine Marcus hay không lại là chuyện khác.” Ông bỏ tay xuống, hai quầng mắt đỏ ửng. “Nhưng hướng Raymond Harris này cũng chẳng thấy hứa hẹn gì. Ừ thì điều tra thêm về cậu con trai. Không có vấn đề gì. Rồi cố tìm ra ông bố. Nhưng sau đó thì sao?”

“Lấy khẩu súng ra làm bằng chứng buộc tội,” Sean nói.

“Súng có khi đang nằm dưới đáy biển rồi cũng nên. Nếu tôi là thủ phạm thì tôi cũng sẽ làm thế.”

Sean ngẩng đầu lên nhìn Whitey. “Ông nên vứt nó sau khi cướp cửa hàng rượu mười tám năm trước.”

“Cũng đúng.”

“Thế nhưng hẳn ta lại không vứt nó đi. Điều đó có nghĩa là...”

“Hẳn không được thông minh sáng láng như tôi,” Whitey nói.

“Hay như tôi.”

“Cái này ban giám khảo vẫn đang cân nhắc.”

Sean duỗi người trên ghế, hai bàn tay lồng vào nhau phía sau gáy rồi đẩy hai khuỷu tay về phía tường cho tới khi cảm thấy mọi cơ bắp đều căng lên. Anh rung mình gấp một cái rồi thả tay xuống. “Whitey này,” anh nói, biết là đã đến lúc phải đưa ra câu hỏi mà anh đã cố lẩn tránh suốt cả buổi sáng.

“Có chuyện gì?”

“Trong hồ sơ của ông có nhắc gì tới các đồng phạm của hẳn không?”

Whitey lại cầm tập hồ sơ lên và giở vài trang đầu ra. “Một số đồng phạm được cảnh sát biết đến là Reginald (tức Reggie Duke) Neil, Patrick Moraghan, Kevin Sitracci Đồ Tể, Nicholas Savage, hừm, Anthony Waxman...” Đọc tới đây Whitey chợt ngẩng đầu nhìn Sean và Sean biết rằng tên của người kia cũng nằm trong đó. “Jimmy Marcus,” Whitey đọc tiếp. “Bí danh Jimmy Khu Hạ,” cầm đầu một băng nhóm tội phạm khét tiếng có tên là Những chàng trai phố Rester.” Whitey nói xong và gấp tài liệu lại.

“Không phải là lại xuất hiện những tình tiết mới sao?” Sean kết luận.

Jimmy chọn một tấm bia đơn giản, màu trắng. Người bán hàng nói năng nhỏ nhẹ, kính cẩn như thể bản thân anh ta cũng không muốn xuất hiện ở một nơi như thế này nhưng vẫn tìm cách dẫn dắt Jimmy tới chỗ những tấm bia đắt tiền hơn, những tấm bia bằng hoa cương có khắc hình các thiên thần, tiểu thiên sứ hay hoa hồng. “Hay là một cây thanh giá kiểu Celtic, một sự lựa chọn rất phổ biến đối với...”

Jimmy những đợi anh ta buông ra tiếp câu “với những người như các ông” nhưng người bán hàng kiềm lại được và kết thúc bằng mệnh đề “... với rất nhiều người hiện nay.”

Jimmy sẽ kiếm tiền xây cả tượng đài nếu có thể làm Katie hài lòng nhưng hẳn biết con gái mình không phải là một người phô trương, thích trang trí cầu kỳ. Con bé thích mặc quần áo đơn giản, trang sức đậm bạc, không thích đeo vàng và hiếm khi trang điểm trừ những dịp quan trọng. Katie thích những thứ sạch sẽ, có một chút phong cách nhẹ nhàng, và đó chính là lý do mà Jimmy chọn tấm bia màu trắng và những chữ khắc trên đó được viết khá bay bướm. Người bán hàng cảnh báo Jimmy rằng điều đó sẽ khiến giá tiền đội lên gấp đôi nhưng Jimmy chỉ quay đầu lại nhìn gã điều hầu ấy bằng một ánh mắt khiến hẳn loạng choạng lùi lại vài bước rồi bảo, “Muốn lấy tiền mặt hay ghi séc?”

Jimmy nhờ Val chở tới đây và khi rời khỏi lại một lần nữa chui vào trong chiếc Mitsubishi 3000 GT để lần thứ mười tự hỏi tại sao một gã ngoài ba mươi có thể lái một chiếc xe thể này mà không cảm thấy lố bịch.

“Chúng ta đi đâu tiếp đây, Jim?”

“Đi làm tí cà phê.”

Val thường hay bật mấy thứ nhạc rap vớ vẩn ầm ĩ trong xe, tiếng bass nện thình thịch lên cửa kính sẫm màu. Một thằng ranh da đen thuộc tầng lớp trung lưu hay một đứa da trắng đua đòi đang hát về gái gả, súng ống khiến Jimmy liên tưởng tới đám ca sĩ nhí nhố trên MTV mà hẳn sẽ chẳng bao giờ biết tới nếu không nghe thấy Katie nhắc tên bọn họ trong lúc nói chuyện điện thoại với bạn gái. Jimmy đã rất cảm

kích vì sáng nay Val không bật nhạc trong xe. Hắn ghét nhạc rap không phải vì đó là nhạc của người da đen sống tại những khu ổ chuột, vì đó cũng chính là nơi sản sinh ra những âm điệu P-Funk, soul và blues nguyên chất, mà chỉ vì không thấy nó tài tình ở chỗ nào. Tuôn ra mấy câu hài hước có chút vần điệu, có chút thô tục cùng với DJ tua tới tua lui mấy bản nhạc khác rồi biểu diễn mấy động tác phồng ngực lúc nói trước mic.Ồ đúng, rất thô ráp rất nguyên thủy, rất đường phố, rất thực tế, mẹ kiếp. Thì đái thành hình tên mình trên tuyết rồi nôn ra đó cũng có gì khác đâu. Có lần hắn nghe thấy một gã phê bình âm nhạc vớ vẩn trên đài nói rằng việc sử dụng âm điệu của các bài hát khác làm nền hát rap cũng là một “hình thái nghệ thuật” khiến một người không biết gì về nghệ thuật như Jimmy những muốn xông vào loa tát cho cái tên khốn hần là một gã da trắng, tinh vi và củ chuối kia. Nếu đó là nghệ thật thì phần lớn những gã trộm cướp mà Jimmy quen biết cũng đều là nghệ sĩ cả. Bọn họ hần sẽ ngạc nhiên khi phát hiện ra điều đó.

Hay cũng có thể là vì hần đang già đi. Hần vẫn biết rằng việc không còn hiểu được âm nhạc của những người trẻ hơn chính là dấu hiệu đầu tiên của sự chuyển giao thế hệ. Nhưng sâu trong lòng mình hần biết là không phải vậy. Chỉ đơn giản là nhạc rap chẳng ra gì, nhạt nhẽo, đơn điệu và Val nghe nó cũng giống như việc cậu ta lái chiếc xe này, cố bám vào những thứ vốn chẳng có chút giá trị nào.

Họ dừng lại mua đồ ở quán Dunkin’s Donuts, vứt nắp ly vào thùng rác ngoài cửa rồi đứng dựa lưng vào thùng xe uống cà phê.

“Tối qua chúng tôi có ra ngoài hỏi han như cậu yêu cầu.” Val nói.

Jimmy đắm vào tay Val về cảm kích. “Cảm ơn cậu.”

Val đắm lại. “Đấy không chỉ là vì cậu đã ngồi tù hai năm cho tôi, Jimmy. Cũng không phải là tôi cần tới đầu óc của cậu để xử lý công chuyện. Mà vì Katie là cháu gái tôi.”

“Tôi biết.”

“Có thể không phải ruột thịt hay gì đó nhưng tôi rất quý con bé.”

Jimmy gật gù. “Các cậu là những ông cậu tốt nhất trên đời này.”

“Cậu không đùa đấy chứ?”

“Tôi nói nghiêm túc đấy.”

Val nhấp một ngụm cà phê rồi im lặng trong chốc lát. “Thế này, có vẻ như cảnh sát đã nói đúng về O’Donnell và Farrow. O’Donnell thì lúc đó đang ở trong phòng giam của hạt. Farrow thì tham dự một bữa tiệc mà chúng tôi đã đích thân nói chuyện với bao nhiêu nhĩ, khoảng chín gã có mặt ở đó, tất cả đều làm chứng có lợi cho hần.”

“Tất cả đều đáng tin cậy chứ?”

“Ít nhất thì có tới phân nửa là đáng tin cậy. Chúng tôi cũng đánh hơi xung quanh nhưng gần đây không thấy có vụ đâm thuê chém mướn nào. Phải tới năm rưỡi rồi chưa có vụ nào. Cậu cũng biết mà?”

Jimmy gật đầu, nhấp một ngụm cà phê.

“Cảnh sát thực sự chú trọng tới vụ này,” Val nói. “Họ kiểm tra tất cả các quán bar, các khu vực nóng xung quanh quán Last Drop, không bỏ sót chỗ nào. Tất cả gái điếm mà tôi hỏi đều đã bị cảnh sát thẩm vấn qua. Đám phục vụ quầy bar cũng vậy. Bất cứ ai xuất hiện ở quán McGills hay Last Drop đêm hôm đó đều đã khai báo. Tóm lại là cảnh sát đã ra tay, Jim ạ. Khắp nơi mọi người chỉ nghĩ tới chuyện này, đều cố nhớ lại những chi tiết có thể có ích.”

“Cậu có gặp người nào nhớ ra chuyện gì đó không?”

Val gơ hại ngón tay lên, nhấp một ngụm cà phê rồi mới nói. “Có một gã – cậu có biết Tommy Moldanado không?”

Jimmy lắc đầu.

“Ở khu Basin, thợ quét vôi. Hắn nhìn thấy một kẻ khả nghi trong bãi đỗ xe quán Last Drop ngay trước khi Katie rời đi. Hắn bảo gã đó chắc chắn không phải là cớm. Lái một chiếc xe ngoại nhập, khung lớp trước bị móp, phía ghế bên.”

“Ừ.”

“Còn có chuyện lạ này nữa, tôi nói chuyện với Sandy Greene. Cậu có nhớ không? Học cùng với chúng ta ở Looey?”

Jimmy nhớ tới cô bé tóc nâu buộc túm hai bên trong lớp học với những chiếc răng khểnh lúc nào cũng nhai đầu bút chì cho tới khi nó gãy rụp trong miệng rồi phun ra phì phì.

“Ừ. Giờ cô ấy làm gì?”

“Làm gái,” Val nói. “Trông tàn tạ không chịu nổi. Bằng tuổi chúng mình đúng không? Thế mà trông mẹ tớ trong quan tài còn khá hơn. Tóm lại cô ta là gái điếm có thâm niên cao nhất ở khu đèn đỏ xung quanh quán Last Drop. Cô ta nói có bảo trợ cho một thằng bé, một thằng bé lang thang hành nghề tại đó.”

“Một đứa bé?”

“Khoảng mười một mười hai tuổi gì đó.”

“Chúa ơi.”

“Ôi dào ơi, cuộc sống mà. Tóm lại cô ta bảo thằng bé đó tên thật là Vincent. Mọi người đều gọi nó là Nhóc Vince trừ Sandy vẫn luôn gọi nó là Vincent. Cô ta bảo thằng bé thích được gọi là Vincent hơn. Thằng bé già dặn hơn tuổi mười hai của nó rất nhiều. Vincent là một thằng bé đứng đường chuyên nghiệp. Cô ta bảo nó không ngại ra tay nếu có ai giở trò với nó, lúc nào nó cũng giấu một lưỡi dao cạo dưới vòng đeo chiếc đồng hồ Swatch của mình. Nó đứng đường sáu tối một tuần. Cho tới thứ Bảy vừa rồi.”

“Chuyện gì đã xảy ra với thằng bé vào tối thứ Bảy?”

“Không ai biết. Thằng bé biến mất tăm. Sandy bảo đôi khi nó trốn tại chỗ của cô ta. Nhưng khi cô ta trở về nhà sáng Chủ nhật thì đồ đạc của thằng bé đã biến mất. Nó đã cao chạy xa bay.”

“Vậy là thằng bé rời đi. Như thế càng tốt cho nó. Có lẽ nó muốn thay đổi.”

“Thì tôi cũng nói thế. Nhưng Sandy bảo không phải vậy. Thằng bé nghiện làm việc đó. Cô ta bảo thằng bé lớn lên sẽ trở thành một kẻ đáng sợ. Nhưng hiện giờ nó vẫn chỉ là một thằng bé thích công việc mà mình đang làm. Cô ta nói nếu nó bỏ đi thì chỉ có một lý do duy nhất, đó là nó sợ. Sandy cho rằng thằng bé đã chứng kiến chuyện gì đó khiến nó kinh hãi, hẳn phải vô cùng kinh hãi vì nó không phải là một đứa dễ bị dọa nạt.”

“Cậu có ai có thể do thám thêm không?”

“Có. Nhưng cũng không dễ dàng gì. Bọn trẻ con đứng đường không phải là một hoạt động có tổ chức. Cậu biết đấy, bọn nhóc đó sống lang thang trên đường phố, nhặt nhạnh vài đồng nếu có thể, lúc nào thích thì lại bỏ đi chỗ khác. Nhưng tôi sẽ cho người theo dõi vụ này. Chúng tôi sẽ tìm ra thằng bé Vincent đó. Tôi cho là có thể nó biết gì đấy về cái gã ngồi trong bãi đỗ xe ở quán Last Drop, hay có thể nó đã chứng kiến cái chết của Katie.”

“Nếu như cái chết của con bé có liên quan gì đó tới gã kia.”

“Moldanado nói cả người gã ta toát ra hung khí. Dù trời tối không nhìn rõ nhưng hắn vẫn cảm thấy có một luồng hung khí phát ra từ chiếc xe đó.”

Một luồng hung khí, Jimmy thầm nghĩ. Ồi giờ, thông tin mới có ích làm sao.

“Và chuyện đó xảy ra ngay trước khi Katie rời đi?”

“Đúng vậy, ngay trước đó. Cảnh sát đã phong tỏa bãi đỗ xe sáng thứ Hai, cử một đội tới đó cày xới tìm dấu vết.”

Jimmy gật gù. “Vậy là có chuyện gì đó đã xảy ra trong bãi đỗ xe ấy.”

“Chính thế. Đó chính là điều khiến tôi thấy khó hiểu. Katie bị bắt đi trên phố Sydney cơ mà. Cách đó tới mười dặm nhà.”

Jimmy uống cạn ly cà phê của mình. “Nếu con bé quay trở lại thì sao?”

“Gì cơ?”

“Nếu con bé quay trở lại quán Last Drop. Tôi biết giả thiết dễ thấy nhất hiện nay là con bé thả Eve và Diane về nhà rồi đi tiếp lên phố Sydney nơi xảy ra chuyện. Nhưng nếu con bé trước hết quay trở lại quán Last Drop thì sao? Nó quay lại đó, gặp phải hung thủ. Hẳn ta bắt cóc con bé, bắt nó lái xe tới công viên Pen và rồi mọi chuyện diễn ra như cảnh sát nói?”

Val lăn lăn ly cà phê rỗng trong tay. “Cũng có thể. Nhưng con bé quay trở lại quán Last Drop làm gì?”

“Tôi cũng không biết nữa.” Hai người bọn họ cùng đi tới thùng rác để vứt ly cà phê đã uống xong. “Thế còn thằng bé nhà Just Ray, cậu có tìm thấy gì không?”

“Có hỏi han xung quanh về thằng bé. Ai cũng bảo nó rất hiền lành. Không bao giờ gây rắc rối. Nếu nó không quá xinh trai như thế thì chắc mọi người cũng chẳng nhớ là đã từng gặp qua. Eve và Diane đều nói là nó thật lòng yêu con bé. Kiểu tình yêu ghi tâm khắc cốt. Nếu cậu muốn tôi sẽ điều tra kỹ hơn về nó.”

“Chuyện đó cứ tạm hoãn lại đã. Cứ theo dõi và chờ xem có gì dẫn dắt tới nó không. Bây giờ phải đi tìm thằng bé Vincent trước đã,” Jim nói.

“Được thôi.”

Jimmy mở cửa xe thấy Val vẫn nhìn mình qua mui xe như đang có điều gì không biết nên nói ra hay không.

“Gì thế?”

Ánh mặt trời hắt lên mặt khiến Val khẽ nheo mắt lại, mỉm cười. “Gì cơ?”

“Cậu muốn nói gì thì nói đi. Là chuyện gì?”

Val cúi mặt xuống tránh ánh nắng, hai tay xò ra trên nóc xe. “Tôi có nghe thấy một chuyện sáng nay. Ngay trước khi chúng ta xuất phát.”

“Vậy sao?”

“Đúng thế,” Val nói và nhìn về phía cửa hàng bánh rán trong giấy lát. “Nghe nói hai viên cảnh sát kia lại tới nhà Dave lần nữa. Cậu biết đấy, Sean ở khu Thượng và lão đồng sự béo của cậu ta.”

“Dave có mặt ở quán McGills tối hôm ấy. Chắc họ lại muốn hỏi cậu ta chuyện gì đó nên quay trở lại thôi mà,” Jimmy nói.

Val rời mắt khỏi cửa hàng bánh quay sang nhìn Jimmy. “Nhưng họ mang cậu ta theo cùng lúc rồi đi. Cậu hiểu ý tôi muốn nói gì rồi chứ? Cho cậu ta lên băng ghế sau chỗ đi.”

Marshall Burden xuất hiện ở đội điều tra án mạng vào giữa giờ ăn trưa và gọi Whitey trong lúc đẩy cánh cửa thông với phòng lễ tân ra. “Các anh cho tìm tôi?”

“Đúng thế. Vào đi,” Whitey đáp.

Marshall Burden đã có thâm niên hai mươi chín năm trong nghề và trông đúng là rất dày dặn kinh nghiệm. Ông có đôi mắt phong sương của một người đã nhìn thấy quá nhiều thứ không nên thấy ở đời cũng như ở chính bản thân mình. Ông di chuyển cái cơ thể cao lớn, da thịt đã bắt đầu chảy nhão như chực đi giật lùi về phía sau thay vì tiến lên phía trước, như thể tứ chi đang gây chiến với não bộ còn não bộ thì muốn thoát khỏi mọi chuyện. Bấy năm gần đây ông phụ trách phòng lưu trữ vật phẩm của cảnh sát nhưng trước đó ông từng là một trong những con át chủ bài của cảnh sát bang, có cơ hội thăng tiến tới hàm tá, từ lúc làm việc bên Đội chống ma túy tới Đội điều tra án mạng rồi Đội trọng án đều không gặp trở ngại nào cho tới một ngày tự dưng thức dậy và cảm thấy sợ hãi. Đó là một căn bệnh vẫn thường xảy ra với những cảnh sát ngầm hay thi thoảng, trên đường cao tốc, có những viên cảnh sát tuần tra giao thông đột nhiên không còn khả năng ép xe vi phạm vào lề đường vì tin rằng lái xe sẽ rút súng ra và liêu chết với họ. Không hiểu sao

một người như Burden cũng mắc phải chứng đó, trở thành người cuối cùng lết ra khỏi cửa, phản ứng chậm chạp khi có nhiệm vụ mới, đứng chôn chân ở cầu thang trong lúc mọi người hối hả leo lên.

Ông ta ngồi xuống cạnh bàn của Sean, người bốc ra một thứ mùi giống như trái cây nẫu, tay lần giở cuốn lịch bàn thể thao mà Sean để trên bàn, lật tới những trang từ tháng Ba.

“Cậu là Devine phải không?” ông hỏi mà không ngẩng đầu lên nhìn anh.

“Đúng vậy. Rất vui được gặp tiền bối. Ở Học viện chúng tôi có nghiên cứu một số ca phá án của ông.”

Marshall nhún vai như thể những ký ức về bản thân khiến ông hổ thẹn. Ông lại giở thêm mấy trang lịch nữa. “Vậy các anh cần gì? Tôi sẽ phải quay lại đó trong vòng nửa tiếng nữa.”

Whitey quay ghé tới gần Marshall Burden. “Ông có lần tham gia tổ công tác chung với FBI hồi đầu những năm tám mươi đúng không?”

Burden gật đầu.

“Ông đã hạ một gã từng ngồi tù ngắn hạn, Raymond Harris, vì tội đánh cướp một xe tải vận chuyển game Trivial Pursuit tại một trạm dừng chân ở Cranston, Rhode Island.”

Burden mỉm cười khi nhìn thấy một câu châm ngôn của Yogi Berra ghi trên quyển lịch. “Đúng vậy. Lái xe tải đi tiểu, không biết là đang bị theo dõi. Gã Harris đó cướp xe và lái đi mất nhưng lái xe đã kịp thời gọi điện báo cảnh sát nên chúng tôi đã lập tức can thiệp tại Needham.”

“Nhưng Harris lại được thả đi,” Sean nói.

Burden ngược lên nhìn anh lần đầu tiên và Sean thấy trong đôi mắt phong sương đó là một nỗi sợ hãi và căm ghét bản thân khiến anh hy vọng sẽ không bao giờ rơi vào tình trạng tương tự.

“Không phải là được thả đi. Hắn chịu khai ra tên đứng sau, thuê hắn làm vụ này. Một gã tên là Stillson thì phải. Meyer Stillson, đúng thế.”

Sean từng nghe nói về trí nhớ siêu việt của Burden – thấy bảo giống như một cái máy ảnh – nhưng tận mắt chứng kiến ông quay trở về mười tám năm trước, rành rọt nêu tên họ đầy đủ của những người có liên quan như thể chuyện mới xảy ra ngày hôm qua khiến anh vừa khâm phục lại vừa thất vọng. Người như ông ta hẳn phải điều khiển cả cái sở cảnh sát này ấy chứ.

“Vậy là hắn ta khai ra kẻ cầm đầu và thế là xong?” Whitey hỏi.

Burden cau mày. “Harris từng có tiền án. Hắn không thể thoát nếu chỉ khai ra tên cầm đầu. Nhưng Đội chống băng đảng của cảnh sát thành phố nhảy vào cuộc để moi thông tin về một vụ án khác và thế là hắn lại khai ra một cái tên nữa.”

“Là ai?”

“Gã cầm đầu bằng Những chàng trai phố Rester, Jimmy Marcus.”

Whitey nhìn Sean, một bên mày nhướng lên.

“Đó là sau khi xảy ra vụ cướp ở phòng kiểm tiền?” Sean nói.

“Vụ cướp phòng kiểm tiền nào?” Whitey hỏi.

“Đó là vụ khiến Jimmy đi tù,” Sean nói.

Burden gật đầu. “Hắn ta và một gã nữa đã đánh cướp phòng kiểm tiền của Sở giao thông công chánh Boston vào một buổi tối thứ Sáu. Xuất nhập trong vòng hai phút đồng hồ. Chúng nắm rõ thời gian bảo vệ đổi ca và thời điểm tiền được chuyển vào trong túi. Chúng có hai tên đứng ngoài phố để chặn chiếc xe tải tới nhận tiền. Bọn chúng hành động rất trơn tru, lại biết chính xác mọi chuyện xảy ra ở bên trong nên hẳn có người tiếp tay, một người đang làm việc hoặc từng làm việc ở đó một hai, năm về trước.”

“Chính là Ray Harris.”

“Chính xác. Hắn chỉ điểm Stillson và băng Những chàng trai phố Rester cho cảnh sát Boston.”

“Cả bằng?”

Burden lắc đầu. “Không, chỉ có Marcus mà thôi nhưng hắn chính là kẻ cầm đầu. Lũ còn lại chỉ như rân mắt dầu, tự động tan rã. Cảnh sát Boston tóm hắn khi hắn vừa đi ra khỏi một nhà kho buổi sáng hôm diễn ra lễ hội diễu hành Thánh Patrick. Đó là ngày bọn chúng định chia tiền nên cảnh sát bắt được Marcus với một va li đầy tiền trên tay.”

“Họm đã, thế Ray Harris có công khai trước tòa không?”

“Không. Marcus đã đạt được một thỏa thuận với cảnh sát trước khi ra tòa. Hắn ta từ chối khai ra tên của đồng bọn và lĩnh hết tội về mình. Những tội trạng khác của hắn ai cũng biết nhưng chẳng ai có thể chứng minh được. Thằng bé lúc đó mười chín tuổi chứ mấy. Hay là hai mươi? Nó điều hành băng đảng đó từ hồi mười bảy tuổi và chưa bao giờ bị bắt. Bên công tố đạt được thỏa thuận hai năm tù giam và ba năm án treo với hắn vì biết là nếu ra tòa chưa chắc đã đủ bằng chứng buộc tội hắn. Nghe nói bên đội chống băng đảng rất điên đầu về chuyện này nhưng chả làm gì được.”

“Vậy là Jimmy Marcus không bao giờ biết được là Ray Harris đã bán đứng hắn?”

Burden lại ngẩng đầu khỏi quyển lịch, đôi mắt mờ mịt của ông ta nhìn Sean với chút khinh thường. “Trong vòng ba năm, Marcus đã giết dây mười sáu vụ cướp lớn. Có lần hắn cướp một lúc mười hai cửa hàng tại trung tâm vàng bạc đá quý Jeweler’s Exchange trên phố Washington. Thậm chí cho tới bây giờ vẫn không ai có thể đoán được hắn làm được điều đó bằng cách nào. Hắn đã vô hiệu hóa gần hai mươi loại báo động khác nhau – báo động khởi động điện thoại, báo động vệ tinh, và điện thoại không dây, toàn những thứ công nghệ mới nhất lúc bấy giờ. Mà hắn mới chỉ mười tám tuổi. Có tin nổi không? Mười tám tuổi nhưng có thể vô hiệu hóa các hệ thống báo động mà những kẻ trộm chuyên nghiệp khác không thể phá được ở tuổi bốn mươi.

Vụ Keldar Technics cũng thế. Hắn và đồng bọn trèo lên nóc nhà, làm nhiễu tần sóng của bên cứu hỏa rồi khởi động hệ thống tưới nước dập lửa tự động. Phải nói là quá xuất sắc vào thời điểm lúc bấy giờ. Bọn chúng cứ chờ ở trên nóc nhà cho tới khi hệ thống phun nước tự động vô hiệu hóa hệ thống giám sát và phát hiện chuyển động. Hắn ta đúng là một thiên tài. Nếu hắn ta chịu làm việc cho NASA thay vì cho bản thân thì chúng ta chắc phải đưa vợ con hắn đi nghỉ mát ở sao Diêm Vương. Các anh nghĩ là một gã thông minh như vậy lại không biết được ai đã bán đứng mình sao? Ray Harris biến mất khỏi trái đất này hai tháng sau khi Marcus được trả lại tự do. Các anh nghĩ sao về chuyện đó?”

“Ông cho rằng Jimmy Marcus đã giết Ray Harris,” Sean nói.

“Hoặc sai cái tên còi quỉ dị Val Savage ra tay. Các cậu hãy thử gọi cho Ed Folan bên quận 7 xem sao. Giờ cậu ta đã là đại úy bên đó rồi nhưng trước đây có làm cho đội chống băng đảng. Cậu ta có thể kể cho các anh nghe mọi chuyện về Marcus và Ray Harris. Tất cả cảnh sát làm việc tại East Bucky những năm tám mươi sẽ đều nói với các anh như vậy. Nếu Jimmy Marcus không giết Ray Harris thì tôi sẽ trở thành Giáo hoàng người Do Thái.” Nói tới đây ông ta đẩy quyển lịch ra rồi đứng dậy phủi quần. “Tôi phải đi ăn trưa. Chúc các cậu may mắn.”

Ông ta đi xuyên qua căn phòng, ngó đông ngó tây như để ghi nhớ lại từng chi tiết, có lẽ là chiếc bàn nơi ông ta từng làm việc, cái bảng liệt kê những vụ án mà ông ta theo dõi đặt bên cạnh các đồng nghiệp khác, về cái con người trước khi xảy ra chuyện đào ngũ, để rồi sống nốt quãng đời còn lại trong phòng lưu giữ vật phẩm và cầu nguyện cho tới ngày được về hưu để chuyển tới một nơi không ai còn biết tới mình nữa.

Whitey quay sang bảo Sean, “Giáo hoàng Marshall, Kề làm lạc?”

Càng ngồi lâu trên chiếc ghế cọt kẹt trong căn phòng lạnh lẽo này, Dave càng thấm thía thì ra cảm giác ngầy ngật mà anh tưởng là dư âm của cơn say đêm qua chỉ là trạng thái tiếp theo của việc uống quá nhiều. Cơn già rệu rạc thực sự mới chỉ bắt đầu vào buổi trưa, gặm nhấm khắp người anh như một đàn mối, chiếm lấy các mạch máu và huyết quản, siết lấy trái tim và hành hạ bộ não. Miệng anh khô khốc và tóc đâm mồ hôi. Anh có thể ngửi thấy mùi cơ thể của chính mình khi rượu bắt đầu bốc hơi qua những lỗ chân lông. Hai cánh tay và chân anh đầy bùn. Ngực ê ẩm. Một cơn suy sụp ập tới như thác lũ trong đầu anh, khiến anh đau nhức đằng sau hai hốc mắt.

Anh không còn cảm thấy mình dũng cảm. Hay mạnh mẽ. Sự tỉnh táo sáng suốt tưởng chừng bất biến của hai tiếng đồng hồ trước đã không còn nữa, giống như một vết sẹo rời khỏi cơ thể và biến mất, thay vào đó là một nỗi khiếp sợ cùng cực. Anh có cảm giác như anh sắp chết tới nơi và chết một cách đau đớn. Có lẽ anh sẽ đột tử ngay tại đây trên chiếc ghế này, động gậy xuống sàn, cả người lên cơn động kinh, mắt vằn lên những tia máu và anh sẽ tụt lưỡi mình vào thật sâu để không ai có thể kéo nó ra được nữa. Cũng có thể là một cơn nhồi máu cơ tim, tim anh hiện đang đập thành thịch trong lồng ngực như một con chuột bị nhốt trong lồng sắt. Hay khi họ thả anh ra khỏi đây, nếu như họ có ý đó, và anh bước ra ngoài phố, chợt nghe tiếng còi xe rít lên ngay bên cạnh, giật mình ngã sắp xuống đường vừa lúc bánh xe buýt khổng lồ lướt tới, lăn trên mặt anh và tiếp tục cuộc hành trình của nó.

Celeste hiện giờ đang ở đâu? Cô có biết anh đã bị bắt mang tới đây? Cô có quan tâm tới anh không? Còn Michael thì sao? Nó có nhớ cha mình không? Điều tệ hại nhất của việc chết đi là Celeste và Michael sẽ tiếp tục sống. Cái chết của anh có thể khiến họ đau lòng trong một thời gian ngắn ngủi nhưng rồi họ sẽ hồi phục và bắt đầu một cuộc sống mới vì đó là cách mà người ta vẫn làm hằng ngày. Chỉ có trong phim mới tồn tại những người không vượt qua được cái chết của người thân, cuộc đời họ cũng đóng băng như những chiếc đồng hồ hỏng không còn chạy nữa. Trong đời thực, cái chết chỉ là một thứ vô nghĩa, một sự kiện mà trừ bản thân người chết thì tất cả những người khác sẽ nhanh chóng lãng quên.

Đôi khi Dave vẫn tự hỏi có khi nào người chết nhìn xuống những người mà họ bỏ lại phía sau và bật khóc vì nhận thấy người thân của mình vẫn tiếp tục sống một cách dễ dàng mà không cần có họ. Giống như đứa con trai của Stanley Khổng Lồ, Eugene. Liệu thằng bé ở trên kia hay ở một nơi nào đó với cái đầu nhỏ bé bị rụng tóc và bộ quần áo bệnh viện màu trắng, có nhìn cha nó đang vui cười trong một quán bar và nghĩ, Bố ơi, con thì sao? Bố có nhớ con không? Rằng con từng sống trên đời này.

Michael sẽ có một người cha mới và khi vào đại học có lẽ nó sẽ kể với bạn gái về người cha từng dạy nó chơi bóng chày, một người cha mà nó không nhớ rõ. Chuyện đó đã xảy ra từ rất lâu rồi, nó sẽ nói vậy. Từ rất lâu rồi.

Và Celeste rõ ràng là vẫn đủ hấp dẫn để tìm thấy một người đàn ông khác. Cô ấy cũng không có sự lựa chọn nào. Sự cô đơn, tôi không còn chịu đựng được nữa, cô ấy sẽ nói với bạn bè mình thế. Và anh ấy là người tốt. Anh ấy đối xử rất tốt với Michael. Và bạn bè của cô ấy sẽ phản bội ký ức về Dave trong nháy mắt. Họ sẽ bảo, thật là tin mừng cho bạn. Đó là chuyện nên làm. Bạn cần phải tiến lên phía trước, tiếp tục sống cuộc đời của mình.

Còn Dave sẽ ở trên đó với Eugene, hai người họ nhìn xuống những người thân yêu của mình và ra sức gọi nhưng chẳng ai nghe thấy.

Chúa ơi. Dave những muốn chui vào một góc và cuộn lại như một tổ kén. Anh đang suy sụp, không còn chút nhuệ khí nào. Nếu cảnh sát quay lại, anh sẽ cung khai. Chỉ cần họ nong hậu với anh một chút, mời anh thêm một lon Sprite nữa thì anh sẽ nói với họ tất cả những gì họ muốn biết.

Và rồi như đáp lại nỗi sợ hãi và sự khao khát hiện diện ấm áp của con người, cánh cửa phòng thẩm vấn bật mở ra trước mắt Dave và một cảnh sát mặc đồng phục bước vào, một người trẻ trung, mạnh mẽ với ánh mắt đặc trưng của cảnh sát, vừa lạnh nhạt vừa có chút hách dịch. “Ông Boyle, xin mời ông đi theo tôi.”

Dave đứng dậy và đi ra cửa, hai tay khẽ run lên, biểu hiện của người đang dần dần tỉnh rượu.

“Đi đâu vậy?” anh hỏi.

“Ông sẽ đứng xếp hàng để có người tới nhận điện, ông Boyle.”

Tommy Moldanado mặc quần jean và áo thun màu xanh lá cây lấm tấm vết sơn. Những vết sơn nhỏ lốm đốm còn vương cả trên mái tóc xoăn màu nâu của cậu ta, trên gọng kính dày cộp và đọng thành giọt trên đôi ủng làm việc bằng cao su.

Chủ yếu Sean lo ngại về cặp kính mắt. Bất cứ nhân chứng nào đeo kính xuất hiện trước tòa đều sẽ trở thành mục tiêu oanh tạc của luật sư bào chữa. Cũng đừng hy vọng gì ở bồi thẩm đoàn. Tất cả bọn họ đều là chuyên gia khi nói tới mối quan hệ giữa luật pháp và mắt kính do xem quá nhiều phim truyền hình về tòa án như Matlock và The Practice. Họ sẽ quan sát kẻ đeo kính đứng trước vành móng ngựa làm nhân chứng

kia với cùng một ánh mắt dành cho những tội phạm buôn bán ma túy, những người da đen không đeo cà vạt hay những tên tội phạm chấp nhận hợp tác với bên công tố.

Moldanado gi mũi vào tấm gương trong phòng quan sát và nhìn năm người đàn ông đang đứng xếp hàng ở phòng bên kia. “Tôi thực sự không nhận ra họ khi nhìn trực diện thế nào. Có thể yêu cầu họ quay sang trái được không?”

Whitey ấn vào chiếc công tắc trước mặt và nói vào mic. “Tất cả các đối tượng quay sang trái.”

Năm người đàn ông liền quay sang trái.

Moldanado tì tay lên tấm gương và nheo mắt. “Số hai. Có thể là số hai. Các ông có thể bảo hấn ta tiến lên một chút được không?”

“Số hai á?” Sean hỏi.

Moldanado quay đầu lại nhìn anh gật gật.

Người đứng thứ hai trong hàng là một cảnh sát của tổ chống ma túy tên là Scott Paisner, thường hoạt động trên địa bàn hạt Norfolk.

“Số hai,” Whitey thở dài. “Bước hai bước lên phía trước.”

Scott Paisner là một người thấp, đậm, để râu, tóc bắt đầu thưa nhiều ở hai bên đường rẽ ngôi. Trông có điểm giống Dave Boyle, lại cũng có điểm giống Whitey. Scott bước lên phía trước và Moldanado bảo, “Đứng, đứng hấn. Đó chính là gã mà tôi nhìn thấy trong bãi đỗ xe.”

“Cậu chắc chứ?”

“Tối chín mươi lăm phần trăm,” cậu ta nói. “Lúc đó là buổi đêm, các ông biết đấy. Trong bãi đỗ xe thì không có đèn mà tôi thì lại hơi say. Nhưng tôi gần như chắc chắn rằng đó chính là người tôi đã nhìn thấy.”

“Nhưng trong biên bản cậu không nói là hấn ta có râu?” Sean nói.

“Không có nhưng giờ nghĩ lại thì đúng, có lẽ hấn ta đúng là có râu.”

“Ngoài ra trong hàng không còn ai trông giống hấn ta nữa?”

“Ôi không,” cậu ta nói. “Chả giống tạo nào. Họ đều là... cảnh sát phải không?”

Whitey cúi đầu xuống phía công tắc và lẩm bẩm, “Sao mình lại đi làm cái công việc chó chết này chứ?”

Moldanado nhìn Sean. “Gì cơ? Chuyện gì thế?”

Sean mở cánh cửa phía sau lưng. “Cảm ơn ông đã tới đây, ông Moldanado. Chúng tôi sẽ giữ liên lạc với ông.”

“Tôi đã làm rất tốt đúng không? Ý tôi là tôi đã có thể giúp được các ông chút gì đó?”

“Dĩ nhiên rồi, chúng tôi sẽ gửi chuyển phát nhanh tới cho ông một phù hiệu tuyên dương của cảnh sát,” Whitey nói.

Sean mỉm cười với Moldanado, gật đầu chào tạm biệt rồi đóng cửa lại sau lưng cậu ta.

“Thế là không có nhân chứng,” Sean nói.

“Ừ. Rõ khôn.”

“Chúng cứ tìm thấy trong xe sẽ không thể đứng vững trước tòa.”

“Biết rồi.”

Sean thấy Dave đưa tay lên dụi mắt, mắt cậu ta nheo lại khi nhìn thấy ánh sáng. Trông như cả tháng chưa chớp mắt.

“Thôi mà, trung sĩ.”

Whitey rời khỏi chiếc mic quay ra nhìn Sean. Trông ông cũng bắt đầu kiệt sức, lòng trắng trên mắt đã biến thành màu đỏ.

“Mẹ nó chứ. Thả hẳn đi thôi,” ông nói.

24. Chương 24: Bộ Tộc Bị Cấm Đoán

Celeste ngồi bên cửa sổ quán cà phê Nate & Nancy trên đại lộ Buckingham đối diện với nhà của Jimmy trong khi Jimmy và Val Savage đỗ xe lại cách đó nửa dặm nhà rồi đi bộ về.

Nếu định hành động, thực sự hành động thì cô phải đứng dậy ngay lúc này và tiếp cận họ. Cô đứng dậy, hai chân lập cập, tay đập vào dưới mép bàn. Cô nhìn xuống tay mình. Tay cô cũng đang run lên bần bật, một vết trầy dài ngay phía dưới đốt xương của ngón cái. Cô đưa vết thương lên miệng thổi rồi đi về phía cửa. Cô vẫn chưa chắc liệu mình có thể làm được chuyện đó hay không, nói ra những lời mà cô đã chuẩn bị sáng nay trong phòng khách sạn. Cô quyết định chỉ nói với Jimmy những gì cô biết - những chi tiết xác thực về hành vi kỳ lạ của Dave kể từ sáng Chủ nhật mà không kết luận gì để Jimmy tự đưa ra phán xét của mình. Không có bộ quần áo Dave mặc đêm hôm đó thì tìm đến cảnh sát cũng chẳng ích gì. Cô tự nhủ. Cô nói vậy cũng là vì không tin rằng cảnh sát sẽ bảo vệ mình. Cô sống ở khu phố này và điều duy nhất bảo vệ cô khỏi những nguy hiểm ở đây chính là hàng xóm. Nếu như cô nói chuyện này cho Jimmy thì không chỉ anh mà cả anh em nhà Savage nữa cũng sẽ tạo ra một thành trì xung quanh cô mà Dave không bao giờ dám xâm phạm.

Cô ra khỏi cửa vừa lúc Jimmy và Val đặt chân lên bậc thềm. Cô giơ bàn tay đau của mình lên. Cô gọi tên Jimmy rồi bước xuống đại lộ, trông giống như một mù điện - tóc rối bù, mắt thâm quầng và sưng lên vì sợ hãi.

“Jimmy, Val!”

Họ quay lại nhìn cô. Jimmy khẽ mỉm cười vẻ ngỡ ngàng khiến cô lại lần nữa nhận thấy nụ cười của anh thật cởi mở và dễ thương. Một nụ cười chân thật, tự nhiên, đầy sức cuốn hút. Giống như muốn nói rằng, tôi là một người bạn, Celeste, tôi có thể giúp gì cho cô không?

Cô đi tới vỉa hè và Val khẽ hôn lên má cô. “Chào em họ.”

“Chào anh Val.”

Jimmy cũng chạm nhẹ vào má cô nhưng cảm giác đó như thấm sâu vào trong da thịt cô, khiến cổ họng cô khẽ run lên.

“Annabeth tìm cô cả sáng nay. Gọi về nhà hay tới chỗ làm cũng đều không gặp,” Jimmy nói.

Celeste gật đầu. “Tôi... tôi, à...” Cô tránh ánh mắt hiếu kỳ của Val như thể soi mói cô. “Jimmy, tôi có thể nói chuyện riêng với anh một chút được không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Jimmy nói, nụ cười ngỡ ngàng lúc trước lại trở về. Anh quay sang bảo Val. “Chúng ta sẽ bàn tiếp chuyện đó sau nhé?”

“Cậu đừng quên đấy. Em họ, gặp lại sau nhé.”

“Cảm ơn cậu, Val.”

Val đi vào trong nhà còn Jimmy ngồi xuống bậc cầu thang thứ ba và để dành một chỗ bên cạnh cho Celeste. Cô ngồi xuống, để bàn tay bị thương vào trong lòng và cố tìm ra từ ngữ để diễn đạt. Jimmy quan sát cô một lúc rồi dường như nhận ra sự căng thẳng tới không nói nên lời của cô.

Thế là anh nhẹ nhàng khơi mào. “Có biết hôm trước tôi nhớ lại chuyện gì không?”

Celeste lắc đầu.

“Tôi đứng cạnh cái cầu thang cũ trên đường Sydney. Có nhớ mấy bậc cầu thang mà chúng mình vẫn thường tới đó để ngồi xem phim từ khu chiếu bóng và hút thuốc đã đời?”

Celeste mỉm cười. “Lúc đó anh đang cặp kè với...”

“Ôi đừng nhắc tới chuyện đó.”

“... Jessica Lutzen với cơ thể không chệch vào đầu được của cô ta, còn tôi thì hẹn hò với Duckie Cooper.”

“À, anh chàng Duckster. Chuyện gì đã xảy ra với cậu ta vậy?” Jimmy hỏi.

“Nghe nói cậu ấy ra nhập hải quân, bị nhiễm một thứ bệnh ngoài da kỳ quặc nào đó ở nước ngoài, hiện đang sống ở California.”

“Ra thế.” Jimmy hást cảm lên, ánh mắt xa xăm như trở về thời niên thiếu và Celeste đột nhiên thấy cử chỉ đó của anh giống hệt như mười tám năm trước. Khi đó tóc anh vàng hơn, con người cũng điên rồ hơn, là loại con trai trèo lên cột điện thoại trong lúc trời mưa bão khiến tất cả đám con gái đứng dưới sợ hãi cầu nguyện để cậu ta không rớt xuống. Thế nhưng ngay cả trong những giây phút điên rồ nhất, anh vẫn có một vẻ tĩnh lặng, những khoảng lặng đột ngột để đối chiếu bản thân, tạo ra một thứ cảm giác rằng anh đặc biệt thận trọng trong việc bảo vệ chính mình, ngay từ khi anh còn rất nhỏ.

Anh quay sang và vỗ nhẹ lên đầu gối cô. “Chuyện gì đã xảy ra thế hả đồ ngốc? Trông cô, hừm...”

“Cứ nói thẳng ra đi.”

“Gì cơ? À trông cô có vẻ hơi mệt mỏi, thế thôi.” Anh dựa lưng vào bậc cầu thang và thở dài. “Nhưng chúng ta lúc này ai chả mệt mỏi.”

“Tối qua tôi ngủ ở khách sạn với Michael.”

Jimmy nhìn chằm chằm về phía trước. “Ừ.”

“Tôi không biết nữa, Jim. Nhưng có lẽ tôi sẽ phải rời khỏi Dave.”

Cô nhận thấy nét mặt anh thay đổi, cảm hơi bạnh ra khiến cô đột nhiên có cảm giác Jimmy đã biết cô định nói gì.

“Cô rời khỏi Dave.” Anh nói, giọng đều đều, mắt vẫn nhìn ra đường.

“Đúng vậy. Anh ấy hành động, nói thế nào nhỉ... Gần đây anh ấy hành động rất kỳ quặc. Không còn là mình nữa. Anh ấy bắt đầu khiến tôi sợ.”

Jimmy quay sang cô với một nụ cười lạnh lẽo tới mức cô suýt nữa thì gơ tay tát vào mặt anh. Trong mắt anh, cô lại thấy hiện ra cậu bé điên rồ leo cột điện thoại trong mưa ngày ấy.

“Sao không kể từ đầu cho tôi nghe? Dave bắt đầu xử sự khác thường từ khi nào?”

“Anh đã biết rồi Jimmy?” Cô hỏi.

“Biết gì cơ?”

“Anh đã biết chuyện gì đó. Trông anh có vẻ không ngạc nhiên.”

Nụ cười lạnh lẽo dần tan biến, Jimmy ngời hơi nhoài người về phía trước, hai tay siết lại trong lòng. “Tôi biết là cậu ta đã bị cảnh sát dẫn đi sáng nay. Tôi biết cậu ta có một chiếc xe nhập ngoại có khung trước bị móp phía ghế bên. Tôi biết câu chuyện cậu ta kể cho tôi về nguyên nhân bị thương ở tay không giống như cậu ta khai với cảnh sát. Và tôi biết cậu ta có gặp Katie vào cái đêm con bé bị sát hại nhưng cậu ta đã không nói với tôi cho tới khi cảnh sát hỏi han cậu ta về chuyện đó.” Anh xòe hai tay rồi nói tiếp. “Tôi không biết tất cả những chi tiết đó thực sự có ý nghĩa gì nhưng tôi bắt đầu cảm thấy rối trí, đúng vậy.”

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, Celeste chợt cảm thấy thương xót chồng mình khi hình dung ra cảnh anh ngồi trong phòng xét hỏi, tay có lẽ bị còng vào bàn, ánh đèn dữ dội hást thẳng lên khuôn mặt nhợt nhạt. Nhưng sau đó cô lại nhìn thấy Dave của đêm hôm trước, thò đầu vào cửa nghiêng ngó nhìn cô với một vẻ điên khùng, và nỗi sợ hãi lập tức lấn át lòng thương hại.

Cô hít một hơi thật sâu rồi phun chúng ra. “Dave đã trở về nhà vào lúc ba giờ sáng Chủ nhật, từ đầu tới chân đầy máu của người khác.”

Lời đã nói ra rồi. Những lời đó đã rời khỏi miệng cô và ra ngoài không khí. Chúng tạo nên một bức tường trước mặt cô và Jimmy rồi mọc ra một cái trần nhà và một bức tường khác phía sau lưng, khiến họ đột nhiên bị giam cầm trong một phòng giam nhỏ xíu được tạo ra chỉ bằng một câu nói. Những tiếng ồn ào trên đại lộ chợt tắt ngấm, cơn gió nhẹ biến mất, tất cả những gì Celeste có thể cảm nhận được chỉ còn lại mùi nước hoa của Jimmy và ánh mặt trời tháng Năm vàng ruộm trên bậc cầu thang dưới chân họ.

“Cậu ta nói chuyện gì đã xảy ra?” Jimmy nói giọng như bị ai bóp nghẹt.

Cô kể cho anh nghe. Cô kể cho anh tất cả mọi chuyện, kể cả vụ ma cà rồng hút máu đêm hôm trước. Cô kể và nhận thấy mỗi từ phát ra từ miệng cô là thêm một lần anh muốn né tránh. Chúng thiêu đốt anh. Chúng xuyên vào da thịt anh như trăm ngàn mũi tên. Mắt và miệng anh co lại để chống đỡ, da mặt trên ra cho tới khi có thể nhìn thấy xương trồi lên, và người cô đột nhiên lạnh toát nghĩ tới hình ảnh anh nằm trong quan tài với những móng tay dài, nhọn hoắt, bộ hàm đang phân hủy, và trên sọ là mái tóc bằng rêu mốc phát phơ.

Và rồi nước mắt anh lặng lẽ rơi trên má khiến cô phải cố gắng cưỡng lại thôi thúc được kéo khuôn mặt anh dụi vào cổ mình để nước mắt lặn vào trong áo và trượt xuống lưng.

Nhưng cô tiếp tục nói vì cô biết nếu dừng lại cô sẽ không đủ can đảm tiếp tục, mà cô không thể im lặng vì cô cần phải nói với ai đó lý do khiến cô rời đi, tại sao cô phải chạy trốn khỏi người đàn ông mà cô thể thốt sẽ ở bên cạnh những lúc khó khăn hay hạnh phúc, người đàn ông là cha của con cô, người vẫn nói đùa với cô, dịu dàng cầm tay cô và cho cô mượn một bờ ngực vững chãi để ngủ thiếp. Một người đàn ông không bao giờ phản nản, không bao giờ đứng chân đứng tay với cô, một người chồng tốt, một người cha tuyệt vời. Cô cần phải nói với ai đó lòng cô bối rối tới mức nào khi người đàn ông đó đột nhiên biến mất như thể tấm mặt nạ bấy lâu nay đã rơi xuống để lộ ra một con quái vật đều đặn đang ngấm ngấm theo dõi cô.

“Tôi vẫn không biết anh ấy đã làm gì, Jimmy. Tôi cũng không biết đó là máu của ai. Tôi hoàn toàn không biết. Tôi không thể kết luận điều gì. Là không biết. Nhưng lại rất sợ, rất sợ.” Cô kết luận.

Jimmy xoay người dựa lưng vào thành cầu thang bằng sắt uốn. Nước mắt trên mặt anh đã khô, miệng anh vẫn hơi há ra vẻ sững sốt. Anh nhìn Celeste với ánh mắt như xuyên thấu qua người cô xuống lòng đường rồi tập trung vào một điểm xa xăm nào đó không ai có thể thấy được.

“Jimmy,” Celeste khẽ gọi nhưng anh phẩy tay ra hiệu cho cô im lặng rồi nhắm chặt mắt. Anh cúi đầu, mở miệng hít đầy không khí vào lồng ngực.

Cái buồng giam xung quanh họ biến mất, Celeste gật đầu chào Joan Hamilton vừa đi qua và ném cho họ cái nhìn vừa thông cảm vừa có chút ngờ vực. Âm thanh của đường phố ập về với tiếng còi xe, tiếng cửa lách cách, tiếng người gọi nhau từ xa vắng lại.

Khi Celeste quay lại nhìn Jimmy thì anh đang nhìn cô chăm chú, trực diện. Hai mắt sáng, miệng mím lại, đầu gối tì trước ngực, hai tay vòng ra ôm lấy gối và cô cảm thấy trí tuệ sắc sảo và đầy tính hiếu chiến của anh đang vận động, bộ não anh bắt đầu làm việc với tốc độ và hiệu quả mà phần lớn mọi người có nghĩ cả đời cũng không bằng được.

“Quần áo anh ta mặc đã không còn nữa,” anh nói.

“Tôi đã kiểm tra lại. Đúng là không còn nữa.”

Anh tì cằm lên đầu gối và hỏi. “Nói thật nhé, cô thực sự sợ hãi tới mức nào?”

Celeste hắng giọng. “Jimmy, đêm qua tôi cứ tưởng là anh ấy sẽ cắn tôi. Cứ cắn mãi không tha.”

Jimmy khẽ nghiêng mặt, má trái tựa vào đầu gối và nhắm mắt lại. “Celeste này,” anh nói khẽ.

“Vâng?”

“Cô có nghĩ là Dave đã giết Katie?”

Celeste cảm thấy câu trả lời dội ngược lên trong cơ thể cô như cơn buồn nôn đêm hôm trước. Cô có cảm giác như bàn chân nóng giãy của nó đập lên trái tim cô.

“Có,” cô nói.

Mắt Jimmy vụt mở ra.

“Jimmy? Xin Chúa hãy giúp con,” cô nói.

Sean nhìn Brendan Harris ở phía bên kia bàn. Thằng bé trông có vẻ bối rối, mệt mỏi và sợ hãi đúng như Sean mong muốn. Sáng nay, anh cử hai nhân viên cảnh sát đến nhà mang cậu ta tới đây rồi cứ để Brendan ngồi đó lo lắng không yên trong khi anh nhẩn nha làm việc trên máy vi tính, đọc kỹ tất cả những dữ liệu thu thập được về cha cậu ta, cố tình phớt lờ Brendan.

Anh quay trở lại nhìn vào màn hình máy tính và, để tăng thêm tính hiệu quả, dùng bút chì gõ gõ nút trượt màn hình rồi nói. “Hãy kể cho tôi nghe về cha cậu, Brendan?”

“Gì cơ?”

“Cha cậu. Raymond cha. Cậu có nhớ gì về ông ấy không?”

“Gần như không. Tôi chỉ mới... khoảng... sáu tuổi khi ông ấy bỏ nhà đi.”

“Vậy là cậu không nhớ gì về ông ấy cả.”

Brendan nhún vai. “Tôi có nhớ vài chuyện nho nhỏ. Ông ấy thường về nhà và hát trong lúc say rượu. Ông ấy có một lần đưa tôi tới công viên Canobie Lake và mua cho tôi một chiếc kẹo bông, tôi ăn được một nửa rồi nôn ra hết trên đu quay. Tôi nhớ là ông ấy thường xuyên không ở nhà. Tại sao ông lại hỏi thế?”

Sean lại quay ra nhìn màn hình máy tính. “Cậu còn nhớ gì nữa không?”

“Tôi không biết. Ông ấy lúc nào cũng bốc ra mùi bia Schilitz và kẹo bạc hà Dentyne. Ông ấy...”

Sean nghe thấy tiếng cười trong giọng của Brendan liền ngược lên nhìn cậu và bắt gặp một nụ cười nhẹ nhàng lướt trên mặt cậu. “Ông ấy sao cơ, Brendan?”

Brendan khẽ cựa quậy trong chiếc ghế, mắt nhìn vào một điểm xa xăm nào đó, không tồn tại trong căn phòng này, cũng không tồn tại ở thời điểm này. “Ông ấy thường mang theo rất nhiều tiền xu. Túi ông ấy trĩu xuống và phát ra tiếng động khi ông ấy bước đi. Lúc còn nhỏ, tôi thường ngồi trong phòng khách phía trước ngôi nhà. Không phải là nơi chúng tôi đang sống hiện nay. Đó là một ngôi nhà đẹp. Và tôi thường ngồi đó vào lúc năm giờ chiều, nhắm mắt lại chờ cho đến khi nghe thấy tiếng của ông ấy và những đồng xu vang lên trên phố. Rồi tôi nhảy bổ ra khỏi nhà để đón ông ấy và nếu như tôi có thể đoán được ông ấy có bao nhiêu đồng xu trong túi, chỉ cần đoán gần đúng thôi là ông ấy sẽ cho tôi hết.” Nụ cười trên mặt Brendan tươi hơn và cậu lắc lắc đầu bảo, “Mà ông ấy có rõ lắm tiền xu.”

“Thế còn súng thì sao? Cha cậu có một khẩu súng đúng không?”

Nụ cười cứng lại và Brendan nheo mắt nhìn Sean như thể không hiểu anh đang nói thứ tiếng gì. “Gì cơ?”

“Cha cậu có súng không?”

“Không.”

Sean gật đầu và nói. “Cậu trả lời có vẻ quá chắc chắn so với một đứa trẻ mới chỉ sáu tuổi lúc ông ấy rời đi.”

Connolly bước vào phòng làm việc với một chiếc hộp các tông. Anh ta bước về phía Sean và đặt chiếc hộp lên bàn của Whitey.

“Cái gì thế?” Sean hỏi.

“Một đồng thứ,” Connolly nói và liếc về phía bên trong hộp. “Báo cáo của bên kỹ thuật giám định hiện trường, xét nghiệm dấu đạn, phân tích vân tay, băng ghi âm bên tổng đài 911, một đồng.”

“Cậu vừa nói là dấu vân tay. Có tìm thấy gì không?”

“Chả trùng với ai trên máy tính.”

“Cậu đối chiếu với dữ liệu của cả liên bang chưa?”

“Cả Interpol cũng đối chiếu luôn rồi. Chẳng thấy gì. Chỉ có một dấu tay nguyên vẹn duy nhất lấy được từ cánh cửa. Đó là một ngón cái. Nếu đó là dấu tay của hung thủ thì hẳn là một người thấp bé.”

“Thấp bé?”

“Đúng thế. Thấp bé. Mà người thấp bé thì đầy. Có sáu vân tay khá rõ ràng, nhưng chẳng trùng với ai trong dữ liệu của chúng ta hết.”

“Cậu đã nghe đoạn băng của tổng đài 911 chưa?”

“Chưa. Có cần không?”

“Connolly, cậu phải nắm rõ mọi thứ, bất cứ cái gì liên quan tới vụ án.”

Connolly gật đầu. “Anh sẽ nghe nó ư?”

“Đó chính là lý do vì sao chúng tôi cần cậu mang nó tới đây.” Sean nói rồi quay sang Brendan Harris. “Liên quan tới khẩu súng của cha cậu.”

“Cha tôi không có súng.”

“Thật sao?”

“Đúng thế.”

“Ôi thế chắc là chúng tôi được thông báo nhầm. Nhân tiện, Brendan, cậu có nói chuyện nhiều với cha mình không?”

Brendan lắc đầu. “Chả bao giờ. Ông ta bảo là ông ta ra ngoài uống rượu rồi lặn mất tăm để mẹ tôi và tôi lại mà bà ấy còn đang mang bầu nữa chứ.”

Sean gật gù như thể cảm thông với nỗi đau của cậu ta. “Nhưng mẹ cậu không bao giờ báo chồng mất tích.”

“Bởi vì ông ta không có mất tích,” Brendan nói, mắt có chút phẫn nộ. “Ông ta bảo với mẹ tôi là ông ta không yêu bà ấy. Rằng bà ấy lúc nào cũng chửi ông ta. Hai ngày sau, ông ta đi mất.”

“Bà ấy không bao giờ thử tìm kiếm hay liên lạc với ông ấy?”

“Không. Ông ta gửi tiền về nên chẳng việc gì phải nhức đầu.”

Sean nhấc bút ra khỏi bàn phím và đặt xuống bàn. Anh nhìn thấy Brendan Harris, cố đọc nét mặt của thằng bé nhưng không thấy gì ngoài giận dữ và tuyệt vọng.

“Ông ta gửi tiền về ư?”

Brendan gật đầu. “Mỗi tháng một lần, chính xác như đồng hồ.”

“Từ đâu?”

“Gì cơ?”

“Phong bì được gửi đi từ đâu?”

“New York.”

“Luôn là như vậy?”

“Vâng.”

“Là tiền mặt?”

“Vâng. Thường là năm trăm một tháng, Giáng sinh thì có nhiều hơn.”

“Ông ta có bao giờ viết gì trong thư không?”

“Không.”

“Thế làm sao mà cậu biết rằng đó là cha cậu?”

“Thế còn ai nữa muốn gửi tiền cho chúng tôi hằng tháng? Ông ta có lỗi. Mẹ tôi nói ông ta vẫn luôn xử sự như thế, làm những việc tồi tệ sau đó tỏ ra ăn năn tưởng rằng như thế có thể chuộc lại lỗi lầm của mình.”

“Tôi muốn nhìn thấy một trong những chiếc phong bì đó.”

“Mẹ tôi vứt đi hết rồi.”

“Chết tiệt.” Sean nói rồi xoay màn hình máy tính đi chỗ khác. Mọi tình tiết của vụ án này đều khiến anh muốn điên đầu. Dave Boyle là nghi phạm, Jimmy Marcus là cha của nạn nhân, người bị hại bằng chính khẩu súng của bố bạn trai mình. Ngoài ra còn một chi tiết nữa cũng khiến Sean đau đầu dù nó không trực tiếp liên quan tới vụ án.

“Brendan này, nếu cha cậu bỏ rơi gia đình lúc mẹ cậu mang thai tại sao bà ấy lại vẫn lấy tên ông ta đặt tên cho đứa bé?”

Brendan dè dặt nhìn quanh phòng. “Mẹ tôi đầu óc lúc nào cũng phải để đi đâu ấy. Ông hiểu chứ? Bà ấy đã cố gắng rất nhiều nhưng...”

“Hiểu rồi...”

“Bà ấy bảo gọi nó là Ray để nhắc nhở chính mình.”

“Nhắc nhở chuyện gì cơ?”

“Về đàn ông.” Cậu nhún vai. “Chỉ cần hở ra là họ lập tức tìm cách phản bội mình.”

“Nhưng tới khi phát hiện ra em trai của cậu bị đâm, bà ấy phản ứng như thế nào?”

“Không vui,” Brendan nói và cười mỉa. “Nhưng ở khía cạnh nào đó lại chứng minh rằng bà ấy đúng. Ít nhất là trong đầu bà ấy nghĩ thế.” Cậu loay hoay chạm tay vào chiếc khay tài liệu trên mép bàn, nụ cười vụt tắt.

“Sao ông lại hỏi về chuyện cha tôi có súng hay không?”

Sean đột nhiên cảm thấy mệt mỏi vì cái trò dè dặt, cố phải tỏ ra lịch sự và thận trọng. “Cậu thừa biết là tại sao, nhóc.”

“Không. Tôi không biết.”

Sean chồm qua bàn, suýt thì không ngăn được mình lao vào bóp cổ thằng bé. “Khẩu súng giết chết bạn gái cậu, Brendan, chính là khẩu súng mà cha cậu sử dụng trong một vụ cướp cách đây mười tám năm. Cậu có gì muốn nói không?”

“Cha tôi không có súng,” cậu ta nói, nhưng Sean cảm thấy đầu óc Brendan bắt đầu hoạt động.

“Không có ư? Nói láo.” Anh đập mạnh xuống bàn khiến thằng bé giật nảy mình trên ghế. “Cậu cho là cậu yêu Katie Marcus? Để tôi nói cho cậu biết tôi yêu thứ gì nhé, Brendan. Tôi yêu tỉ lệ phá án của mình. Tôi yêu khả năng phá án trong vòng bảy mươi hai tiếng đồng hồ của mình. Mà cậu lại dám nói dối trước mặt tôi.”

“Không. Tôi không có.”

“Có, cậu đang lừa tôi, nhóc. Cậu có biết cha cậu là tên trộm không?”

“Ông ấy là công nhân lái tàu...”

“Hắn ta là một tên ăn cướp. Hắn ta làm việc với Jimmy Marcus lúc đó cũng là một tên trộm khét tiếng. Và giờ con gái của Jimmy bị giết bằng khẩu súng của cha cậu.”

“Cha tôi không có súng.”

“Mẹ kiếp!” Sean gầm lên khiến Connolly bật dậy đi về phía hai người bọn họ. “Mày định giở trò với ai hả nhóc, cho mày vào buồng giam mà giở trò nhé!”

Sean lấy chìa khóa từ thắt lưng và ném sang cho Connolly.

“Hãy nhốt thằng thối thây này lại.”

Bredan đứng dậy. “Nhưng tôi chẳng làm gì sai cả.”

Sean nhìn Connolly bước lại gần phía sau thằng bé, vẻ vô cùng căng thẳng.

“Cậu không có bằng chứng ngoại phạm, Brendan, cậu lại có quan hệ với nạn nhân, cô ấy lại bị bắn bằng chính khẩu súng của cha cậu. Tôi cứ giam cậu lại cho đến khi tìm được tình tiết mới. Nghỉ ngơi chút đi, suy nghĩ những điều cậu vừa mới nói với tôi đi.”

“Các ông không thể nhốt tôi.” Brendan nhìn Connolly phía sau lưng Sean. “Các ông không thể.”

Connolly nhìn về phía Sean mắt mở to vẻ chờ đợi vì thằng bé nói đúng. Về lý thuyết, họ không thể nhốt nó lại trừ phi chính thức buộc tội nó. Mà họ không có gì để buộc tội thằng bé. Buộc tội người khác chỉ dựa trên nghi ngờ là đi ngược lại luật pháp.

Nhưng Brendan không hề biết được điều đó. Sean ném cho Connolly một cái nhìn kiêu, hoan nghênh cậu tới Đội điều tra án mạng, lính mới.

“Nếu cậu không nói gì với tôi ngay lúc này thì tôi sẽ nhốt cậu lại.”

Brendan mở miệng và Sean cảm thấy một phát hiện đen tối vừa xoẹt qua đầu cậu ta giống như một tia lửa điện. Nhưng rồi cậu ta ngậm miệng lại và lắc đầu. “Bị tình nghi vì tội mưu sát. Hãy tống nó vào buồng giam.” Sean bảo Connolly.

Dave trở về căn hộ trống trải của mình vào giữa buổi chiều và đi thẳng tới tủ lạnh lấy một lon bia. Từ sáng tới giờ anh chưa có gì vào bụng, dạ dày trống rỗng và đầy bọt khí, thật không thích hợp để uống bia nhưng anh lại muốn uống. Anh cần phải làm dịu đi cơn đau đầu nhức buốt, sự căng thẳng làm cổ anh cứng đờ và trái tim đập loạn trong lồng ngực.

Cơn đau nhẹ nhàng biến mất khi anh đi đi lại lại trong căn hộ trống trải. Celeste hẳn đã quay lại trong lúc anh vắng nhà rồi tới chỗ làm. Anh sẽ gọi điện đến tiệm Ozma xem liệu cô ấy có đang ở chỗ làm vừa cắt tóc vừa tán gẫu với các bà cô và cợt nhả với Paolo, anh chàng làm cùng ca với cô, tuy là một gã đồng tính nhưng không phải là hoàn toàn vô lại. Hay có lẽ anh sẽ tới trường đón Michael, vậy thằng bé từ xa rồi ôm một cái rõ chặt, trên đường về hai cha con sẽ ghé quán làm một ly sô cô la sữa.

Nhưng Michael thì không có ở trường mà Celeste cũng không có ở chỗ làm. Chắc là họ đang trốn tránh anh, Dave ngồi bên bàn bếp uống cạn lon bia thứ hai và cảm thấy hiệu quả rõ rệt của nó đối với cơ thể mình, làm dịu đi mọi thứ, ngay cả không khí trước mắt anh cũng hơi lóng lánh và nhẹ nhàng xoay tròn.

Đáng lẽ anh phải kể cho Celeste mọi chuyện. Anh nên nói với vợ mình chuyện đã xảy ra ngay từ đầu. Đáng ra anh phải tin tưởng cô ấy. Trên đời này chẳng có mấy người vợ lúc nào cũng ủng hộ một người chồng vốn là cầu thủ bóng chày ở trường trung học, từng có quá khứ bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ và không có khả năng tìm được một việc làm tử tế. Nhưng Celeste lại luôn ở bên cạnh anh. Chỉ nghĩ tới hình ảnh cô bên bồn rửa đêm hôm ấy, giặt rũ đám quần áo đó, nói rằng cô sẽ xử lý các vật chứng – Chúa ơi, cô ấy đúng là một người phụ nữ đặc biệt. Làm sao mà Dave lại không nhìn ra? Con người ta sao mà lại tới mức này, ở bên cạnh một người quá lâu tới không còn nhìn ra họ nữa?

Dave lấy lon bia thứ ba và cũng là lon bia cuối cùng ra khỏi tủ lạnh và tiếp tục đi lại trong căn hộ, trong lòng nặng trĩu thương yêu dành cho vợ và con trai. Anh những muốn cuộn người áp vào cơ thể trần trụi của vợ mình để cho cô vuốt tóc anh và bảo rằng anh đã nhớ cô tới nhường nào lúc chỉ có một mình trong căn phòng xét hỏi lạnh lẽo với chiếc ghế cọt kẹt sắp gãy. Trước đó anh cho rằng anh cần tới sự ấm áp của con người nhưng thực sự anh chỉ cần có sự ấm áp của Celeste mà thôi. Anh những muốn cuộn mình vào cơ thể cô, khiến cô mỉm cười, muốn hôn lên mí mắt, muốn vuốt ve lưng cô và tan chảy trong cô.

Vẫn còn chưa quá muộn, anh sẽ nói hết với cô khi cô trở về. Gần đây, đầu óc anh rõ ràng là bị chập mạch, mọi thứ đều đảo lộn. Lon bia này sẽ chẳng giúp gì được, nhưng anh cần nó cho tới khi em trở về. Và rồi anh sẽ bỏ bia. Anh sẽ bỏ nhậu nhẹt, sẽ đi học một lớp vi tính hay gì đó để kiếm một công việc văn phòng. Nếu xung đi lính vệ binh quốc gia sẽ được hoàn trả phí đào tạo, anh có thể làm việc đó. Anh có thể đi làm mỗi tháng một ngày cuối tuần và vài tuần lễ vào mùa hè để giúp đỡ gia đình. Vì gia đình mình, dù có phải đứng bằng đầu anh cũng nhất định làm được. Điều đó sẽ giúp anh lấy lại vóc dáng lúc trước, thoát khỏi cái

bụng bia, thông suốt đầu óc. Và khi tìm được công việc văn phòng đó anh sẽ đưa chúng ta ra khỏi đây, ra khỏi khu vực có giá tiền thuê không ngừng leo thang với những toan tính xây dựng sân vận động và chỉnh trang đô thị này. Tại sao? Vì sớm muộn thì họ cũng đẩy chúng ta đi. Đẩy chúng ta đi để biến chỗ này thành một khu thanh lịch, một thế giới hàng hiệu của bọn họ, những người ngồi bàn luận về xây nhà nghỉ ở đâu trong những quán cà phê sành điệu hay trên lối đi của các siêu thị chuyên bán thực phẩm.

Tuy nhiên chúng ta sẽ chuyển đến một nơi tốt hơn, anh sẽ bảo với Celeste thế. Chúng ta sẽ đến một nơi trong lành để có thể nuôi dạy con trai của mình. Chúng ta sẽ bắt đầu lại từ đầu. Và anh sẽ kể cho em chuyện gì đã xảy ra, Celeste. Không phải chuyện hay ho gì nhưng không tệ như em nghĩ. Trong đầu anh có một vài suy nghĩ đáng sợ, không lành mạnh và có lẽ anh sẽ phải gặp bác sĩ tâm lý để được giúp đỡ. Anh có những ham muốn khiến bản thân anh thấy kinh tởm nhưng anh đang cố gắng, em yêu. Anh đang cố gắng trở thành một người tốt. Anh đang cố gắng chôn vùi Thăng Bé. Hay ít nhất thì cũng dạy cho nó biết thế nào là lòng trắc ẩn.

Có lẽ đó cũng chính là điều mà gã đàn ông trong chiếc xe Cadillac đó tìm kiếm - một chút vị tha. Nhưng Thăng Bé Trốn Thoát Khỏi Bầy Sói lại không chút lòng trắc ẩn nào vào đêm thứ Bảy đó. Nó có khẩu súng ấy ở trong tay và đã tấn công gã ngồi trong xe Cadillac qua cửa xe để mở. Dave nghe thấy tiếng xương gãy răng rắc khi thăng bé tóc đỏ lồm cồm bò dậy và vọt ra ngoài bằng cửa bên, đứng đó há mồm nhìn Dave liên tục nện vào đầu gã kia. Dave thò tay túm tóc lôi gã đó ra khỏi xe, nạn nhân hóa ra không hoàn toàn bất lực như hấn ra vẻ. Hấn giả vờ chết và rồi Dave chỉ kịp nhìn thấy lưỡi dao của hấn khi nó cắt xuyên qua áo cửa vào da thịt. Đó là một con dao bấm, lực đâm cũng không mạnh lắm nhưng đủ sắc để làm Dave bị thương trước khi thui đầu gối vào cổ tay, ghim cánh tay gã kia vào cửa xe. Khi con dao rơi xuống đất, Dave đá nó vào trong gầm xe.

Thăng bé tóc đỏ trông vừa sợ hãi vừa phấn khích còn Dave lúc này đã điên rồ tới mất hết lý trí và bắt đầu dùng báng súng nện liên tục lên đỉnh đầu gã kia cho tới khi gãy cả báng súng. Gã kia lăn sấp xuống và Dave chồm lên lưng hấn, cảm nhận thấy hơi thở của con sói và sự căm hận của nó đối với gã đàn ông này, một tên biến thái, một tên lạm dụng trẻ em khốn nạn đáng chết. Dave túm lấy tóc tên khốn đó kéo ngược đầu hấn trở lại rồi bắt đầu đập xuống vệ đường. Liên hồi đập đầu hấn xuống vệ đường, khiến hấn tê liệt, tên khốn đó, gã Henry đó, George đó, ôi Chúa ơi và cả gã Dave đó, chính là gã Dave đó.

Chết đi, thăng khốn. Chết đi, chết đi, chết đi.

Thăng bé lúc này đã chạy mất. Dave quay đầu lại và nhận ra những từ ngữ đang tuôn ra khỏi miệng mình. “Chết đi, chết đi, chết đi.” Dave nhìn thăng bé chạy xuyên qua bãi đỗ xe và luống cuống đuổi theo, máu của gã kia chảy ròng ròng trên tay. Anh những muốn nói với thăng bé tóc đỏ là anh làm chuyện đó vì nó. Anh muốn cứu nó. Và anh sẽ che chở nó suốt đời nếu như nó muốn.

Anh đứng trong con hẻm phía sau quán bar, gần như hết hơi, biết là thăng bé đã chạy thoát, anh ngược lên nhìn bầu trời đêm và hỏi, “Tại sao?”

Tại sao lại sinh ra tôi? Tại sao lại gán cho tôi cuộc đời này? Tại sao lại gieo cho tôi căn bệnh đó, một căn bệnh mà tôi đặc biệt ghê tởm, hơn bất cứ ai khác? Tại sao lại gieo rắc trong đầu tôi những khoảnh khắc đẹp đẽ, dịu dàng và một tình yêu nóng lạnh thất thường đối với vợ và con trai – và những ý niệm mơ hồ về cuộc đời khác đáng lẽ ra là của tôi nếu chiếc xe ô tô đó không rẽ xuống phố Gannon và bắt cóc tôi tới căn hầm đó? Tại sao?

Hãy làm ơn trả lời tôi. Xin người, xin người, hãy trả lời tôi.

Nhưng dĩ nhiên không ai đáp lại. Chẳng có gì ngoài sự im lặng và tiếng nước chảy trong ống máng cùng cơn mưa ngày càng nặng hạt.

Vài phút sau, anh bước ra khỏi con hẻm đó và tìm thấy người đàn ông kia đang nằm bên cạnh xe của hấn.

Chà, Dave nghĩ, mình đã giết hấn.

Nhưng rồi gã ta lại lật người sang một bên và thở như cá. Gã ta có mái tóc màu vàng, dáng người mảnh nhưng bụng phệ, to như một cái rổ. Dave cố nhớ lại gương mặt của gã trước khi bị anh thò tay qua cửa sổ dùng súng đập vào mặt. Anh chỉ nhớ rằng đôi môi của hấn ta dường như quá đỏ và quá dày.

Gương mặt đó giờ đã biến mất. Giống như bị gì vào cách quạt máy bay và Dave chợt cảm thấy buồn nôn khi nhìn thấy cái vật lầy nhầy máu kia đang cố hít lấy không khí, một cục thịt phập phồng.

Gã ta dường như không nhận ra Dave đang đứng đó. Gã nhồm dậy, quỳ trên đầu gối và bắt đầu bò. Gã bò về phía hàng cây đằng sau chiếc xe. Gã bò lên gờ đường phân cách, đặt tay lên hàng rào móc sắt chia cắt bãi đỗ xe với một công ti phế liệu. Dave cởi chiếc áo nỉ mỏng mặc bên ngoài áo lót, cuộn nó xung quanh khẩu súng và chậm rãi đi về phía sinh vật không còn khuôn mặt kia.

Sinh vật không còn khuôn mặt kia leo lên được nấc thứ hai trên hàng rào thì kiệt sức. Hắn ngã xuống, hơi lệch về phía bên phải cuối cùng ngồi dựa lưng vào hàng rào, hai chân choãi ra, nhìn Dave bước tới.

“Không,” hắn ta thì thào. “Không.”

Nhưng Dave có thể thấy rằng hắn không thực sự có ý đó. Hắn đã quá mệt mỏi với bộ dạng của mình lúc này, cũng giống như Dave vậy.

Thằng Bé quỳ xuống trước mặt gã kia và đặt khẩu súng bọc áo nỉ vào bụng gã, ngay dưới rốn, Dave đang trôi nổi ở phía trên, quan sát họ.

“Làm ơn,” gã kia rên rỉ.

“Suyt,” Dave nói và Thằng Bé bóp cò.

Cơ thể của sinh vật không còn khuôn mặt kia lên cơn co giật cuối cùng, húc mạnh vào nách Dave rồi trút hơi thở cuối cùng, nghe giống như tiếng ẩm nước réo trên bếp.

Thằng Bé bảo: Tốt rồi. Mãi loay hoay nhét gã kia vào trong cốp xe của mình mãi Dave mới phát hiện ra rằng anh có thể dùng chính chiếc xe Cadillac của gã kia vào việc đó. Anh đã kéo cửa kính, tắt động cơ và lau chùi chỗ ngồi của lái xe cũng như những nơi mà anh đã chạm vào bằng chiếc áo nỉ. Nhưng việc quái gì phải lái chiếc Honda của mình đi khắp nơi với một thi thể ở trong cốp để tìm chỗ phi tang trong khi câu trả lời hiện ra ngay trước mắt.

Thế nên Dave lùi xe của mình lại bên chiếc Cadillac, mắt nhìn ra phía cửa bên của quán bar và không thấy có ai đi ra ngoài. Anh mở cốp xe mình rồi mở cốp xe chiếc Cadillac và kéo cái xác từ xe này sang xe kia. Anh đóng hai cốp xe lại, cuộn con dao bấm và khẩu súng vào trong chiếc áo nỉ, vứt nó lên ghế trước của chiếc Honda rồi đã nhanh chóng rời đi.

Anh vứt chiếc áo, con dao và khẩu súng từ trên cầu Roseclair Street xuống con kênh Penitentiary, và sau này mới biết rằng đúng vào thời điểm đó, Katie Marcus có lẽ đang hấp hối trong công viên phía dưới. Và rồi anh lái xe về nhà, tin rằng người ta sẽ nhanh chóng tìm thấy chiếc xe và thi thể ở trong đó.

Chủ nhật, anh lái xe đi qua quán Last Drop và thấy một chiếc xe khác đỗ bên cạnh chiếc Cadillac, còn lại bãi đỗ trống trơn. Nhưng rồi anh nhận ra chiếc xe kia vốn là của Reggie Damone, một trong những người pha chế rượu ở quán bar. Chiếc Cadillac lẻ loi nằm đó giống như một thứ đồ vật bị lãng quên, không có tội tình gì. Nhưng muộn hơn trong ngày, lúc anh quay trở lại thì chiếc xe đã biến mất khiến anh có cảm giác như vừa lên một cơn đau tim. Anh biết rằng anh không thể hỏi han mọi người về chiếc xe đó, kể cả những câu rất bình thường như, “Reggie này, nếu xe nào đỗ trong bãi của các anh quá lâu thì các anh có cầu đi không?” Nhưng rồi anh nhận ra rằng cho dù chuyện gì xảy ra với chiếc xe đi nữa cũng không liên quan tới anh. Chẳng có gì liên quan tới anh ngoại trừ thằng bé tóc đỏ.

Nhưng rồi dần dần anh cũng tự ngộ ra rằng thằng bé kia dù có sợ hãi thật nhưng lại cũng cảm thấy khoái trá và hưng phấn khi chứng kiến việc đó. Nó đứng về phía Dave. Anh không cần phải lo về nó.

Và giờ thì cảnh sát cũng chẳng có gì trong tay. Họ không có lấy một nhân chứng. Cũng không có chứng cứ lấy từ xe của Dave, hay ít nhất nhất cũng không phải là loại chứng cứ có thể mang ra trước tòa. Thế nên Dave có thể thư giãn. Anh có thể nói chuyện với Celeste, thú nhận tất cả, không cần biết đến hậu quả như thế nào, anh sẽ để vợ anh định đoạt số phận của mình và hi vọng rằng cô sẽ chấp nhận anh như một người tuy có khiếm khuyết nhưng đang cố gắng thay đổi. Một người đàn ông tốt đã làm một việc xấu vì mục đích tốt. Một người đàn ông đã phải dùng đến phương pháp hắc ám nhất để kết liễu con ma hút máu trong linh hồn mình.

Mình sẽ không lái xe tới các công viên và bể bơi công cộng nữa, Dave tự nhủ và uống cạn lon bia thứ ba. Anh giờ chiếc vỏ lon rỗng lên trước mặt. Mình cũng cai luôn thứ này.

Nhưng không phải hôm nay. Vì hôm nay anh đã uống hết ba lon bia và Celeste thì không có dấu hiệu gì là sắp trở về. Có lẽ phải chờ đến mai. Cũng tốt thôi. Cho cả hai người bọn họ thêm không gian và thời gian để hàn gắn và sửa chữa. Cô ấy sẽ về nhà tìm thấy một người đàn ông mới, một Dave đã được cải thiện, không còn những điều những điều bí mật.

“Vì bí mật chính là thuốc độc,” anh nói to trong căn bếp nơi diễn ra cuộc mây mưa gần đây nhất của hai vợ chồng bọn họ. “Bí mật chính là những bức tường.” Và rồi anh mỉm cười kết luận. “Và mình cũng chẳng còn bia để uống.”

Anh cảm thấy dễ chịu, thậm chí là phấn khởi lúc rời khỏi nhà đi tới cửa hàng rượu Eagle Liquors. Đó là một ngày tuyệt vời, nắng tràn trề trên phố. Khi còn nhỏ, đường ray tàu hỏa thường chạy xuống tận đây, cắt phố Crescent ra làm đôi, khắp nơi mù mịt muội than, che kín cả bầu trời. Điều đó càng khiến cho người ta có cảm giác khu Hạ giống như bị khoắc lên một chiếc áo tàng hình, cách biệt với phần còn lại của thế giới, ẩn náu bên dưới thế giới kia như một bộ tộc bị cấm đoán, tự lựa chọn cách sống của mình giống như trước đây đã lựa chọn ly khai với bên ngoài.

Nhưng ngay khi họ dỡ bỏ tuyến đường sắt ở đây, khu Hạ bắt đầu vươn mình trong ánh sáng và một thời gian ngắn họ cứ ngỡ rằng đó chính là một điềm tốt. Không còn muội than, chan chứa ánh nắng, da dẻ trông cũng khỏe khoắn hơn. Nhưng không còn chiếc áo khoắc kia nữa, mọi người đều có thể nhìn thấy họ, ngưỡng mộ những ngôi nhà bằng gạch thô của họ, cảnh tượng đẹp đẽ của con kênh Penitentiary và các khu vực phụ cận trung tâm thành phố. Đột nhiên họ không còn là một bộ tộc sống ngầm nữa mà trở thành một khu bất động sản hấp dẫn hàng đầu.

Dave sẽ suy nghĩ tới nguyên nhân của sự thay đổi này khi trở về nhà với một két hơn mười hai lon bia và tìm ra một công thức. Hoặc anh có thể tìm thấy một quán bar dễ chịu nào đó, ngồi trong bóng tối của một ngày rực rỡ, gọi một suất bánh mì kẹp thịt, tán gẫu với người pha chế rượu xem hai người họ cộng lại có thể đoán ra thời điểm nào khu Hạ bắt đầu biến đổi trong khi cả thế giới không ngừng quay cuồng xung quanh.

Có lẽ anh nên làm vậy. Hẳn rồi! Kiếm một cái ghế da tại một quầy bar bằng gỗ gụ để tiêu phí cả buổi chiều. Anh sẽ lên kế hoạch cho tương lai của mình. Tương lai của gia đình. Anh sẽ tìm mọi cách để chuộc lại các lỗi lầm của mình. Hiệu quả của ba lon bia mới kỳ diệu làm sao sau một ngày dài vất vả. Chúng dường như đang dắt tay anh leo lên con dốc về phía đại lộ Buckingham. Rồi thì thảo bên tai. Này, có chúng tôi không phải là rất tuyệt sao? Không phải là rất tốt khi có thể giở sang một trang mới, rũ bỏ những bí mật đen tối, sẵn sàng xây dựng những ước hẹn mới với người thân và trở thành người đàn ông mà anh vẫn luôn mong ước? Sao lại không, viễn cảnh quả là mỹ mãn.

Và nhìn xem ai đang chờ chúng ta ở phía trước, nhàn rỗi trên góc phố bên trong chiếc xe thể thao bóng loáng của anh ta. Anh ta sao lại còn cười với chúng ta nữa kia. Đó chính là anh Val Savage, đang cười cười từ phía đằng xa, vẫy chúng ta lại gần. Đi thôi. Tới chào anh ta một tiếng.

“Chà chà, anh chàng Dave Boyle,” Val nói khí Dave lại gần chiếc xe. “Súng đạn dạo này thế nào?”

“Vẫn chuẩn,” Dave trả lời và ngồi xổm xuống bên cạnh chiếc xe, tì khuỷu tay lên bậu cửa và nhìn vào Val ở phía trong. “Anh đang có kế hoạch gì thế?”

Val nhún vai. “Chả có gì, anh bạn. Đang tìm ai đó để uống bia, nhấm nháp một tí.”

Dave không tin nổi tai mình. Nhất là anh cũng đang có ý định đó. “Vậy sao?”

“Ừ. Cậu có thể đi làm với tôi vài ly, chọc một ván bi-a không hả Dave?”

“Di nhiên rồi.”

Dave thực sự có chút ngạc nhiên. Anh có thể hòa thuận với Jimmy và Kevin, anh trai của Val, thậm chí cả với Chuck, nhưng chưa bao giờ thấy Val có biểu hiện gì với anh ngoài thái độ vô cùng lạnh nhạt. Chắc là vì Katie, anh đoán. Cái chết của cô bé đã mang họ xích lại gần nhau. Trong mắt mắt, họ trở nên đoàn kết, khi cùng phải chia sẻ một tâm thầm kịch, họ trở nên thân thiết.

“Chui vào đi,” Val nói. “Chúng ta sẽ tới một chỗ tôi biết phía bên kia thành phố. Một quán bar rất được do một người bạn của tôi làm chủ.”

“Phía bên kia thành phố?” Dave nhìn ngược lại con đường anh vừa đi tới. “Nhưng tôi phải về nhà sớm.”

“Được rồi, được rồi. Tôi sẽ chờ cậu về nhà lúc nào cậu muốn. Đi thôi. Lên xe. Chúng ta sẽ đến làm một tối dành cho đàn ông giữa ban ngày.”

Dave mỉm cười và đi vòng ra phía trước mũi xe để ngồi vào ghế bên cạnh. Tối dành cho đàn ông giữa ban ngày. Chính xác. Anh và Val, tụ tập như những người bạn cũ. Và đó cũng chính là một đặc điểm tuyệt vời của khu Hạ, thứ mà anh sợ rằng đã mất - khi những cảm xúc và toàn bộ quá khứ bị quên lãng với thời gian thì khi bắt đầu có tuổi, bắt đầu nhận ra rằng mọi thứ đều thay đổi chỉ có một thứ vẫn còn nguyên vẹn như cũ, chính là những người đã cùng bạn lớn lên và khu phố nơi bạn sinh thành. Tình hàng xóm láng giềng muôn năm, Dave thầm nghĩ trong lúc mở cửa xe, cho dù chỉ là trong suy nghĩ.

25. Chương 25

Whitey và Sean ăn trưa tại quán Pat’s Dinner ở gần đồn cảnh sát trên lối rẽ ra đường cao tốc. Quán này đã tồn tại từ thời Thế chiến thứ hai và quen thuộc với cảnh sát bang tới mức ông chủ đời thứ ba vẫn tự hào nói rằng có lẽ họ là cửa hàng gia đình duy nhất suốt ba thế hệ không bị đánh cướp bao giờ.

Whitey nuốt một miếng bánh mì thịt băm pho mát to sụ rồi chiêu một ngụm soda cho thông cổ. “Cậu không hề nghĩ là thằng bé đó đúng không?”

Sean cắn một miếng sandwich cá thu. “Tôi biết là nó nói dối. Nó hẳn biết chuyện gì đó liên quan tới khẩu súng. Và tôi nghĩ rằng - rất có thể - ông già đó vẫn còn sống.”

Whitey nhúng một miếng hành tẩm bột rán vào sốt tác ta. “Liên quan tới năm trăm đô gửi từ New York mỗi tháng?”

“Đúng vậy. Nếu cộng vào suốt bằng ấy năm? Gần tám mươi ngàn chứ ít à. Ai lại đi gửi một khoản tiền lớn như thế nếu không phải ông già nó?”

Whitey lấy khăn ăn chấm chấm lau miệng rồi lại tiếp tục chiến đấu với chiếc bánh mì kẹp thịt pho mát của mình khiến Sean tự hỏi làm cách nào mà ông trốn được bệnh tim với tốc độ ăn uống như rồng cuốn thế này rồi lại làm việc liên tục bảy mươi tiếng đồng hồ một tuần mỗi khi có vụ án quan trọng.

“Thì cứ coi như là hắn vẫn đang còn sống đi,” Whitey nói.

“Thì cứ giả thiết như thế.”

“Rồi sao, thực hiện một âm mưu trả thù Jimmy hết sức cao tay bằng cách giết hại con gái của hắn ta? Ôi, không biết có phải chúng ta đang tham gia đóng phim không nữa?”

“Ông nghĩ xem, vai của ông sẽ do diễn viên nào đảm nhiệm?” Sean cười tủm tỉm.

Whitey ngậm ống hút làm một hơi soda dài cho tới khi trong ly chỉ còn lại đá. “Tôi cũng nghĩ rất nhiều tới chuyện đó. Nó hoàn toàn có thể xảy ra nếu chúng ta phá được vụ án này, siêu cớm ạ. Một bộ phim có tên gọi kiểu Bóng ma từ New York gì đó. Chúng ta chắc chắn sẽ được lên màn ảnh nhón. Và Brian Dennehy chắc sẽ tìm cơ hội để được vào vai tôi.”

“Cũng không phải hoàn toàn vô lý,” Sean quan sát Whitey một lúc và tự hỏi sao trước đây anh không nghĩ ra điều đó. “Ông không cao tay bằng ông ta, trung sĩ, nhưng lại rất có phong độ.”

Whitey gật gù rồi đẩy đĩa thức ăn ra xa. “Còn tôi nghĩ một gã dỏm đáng trong Friends sẽ vào vai cậu. Cậu biết cái đám đàn ông trông có vẻ như sao sáng nào cũng dành một tiếng đồng hồ để cắt lông mũi, nhổ lông mày và tuần nào cũng đi làm móng chân một lần không? Đúng thế, chọn một tên ra đóng vai cậu là rất chuẩn.”

“Đúng là giọng điệu của một kẻ ghen tị.”

“Thôi quay trở lại vụ án của chúng ta. Nói chung Ray Harris cũng có rất ít khả năng. Xác suất chỉ khoảng sáu phần.”

“Sáu trên mười á?”

“Sáu trên một nghìn. Điểm lại nhé. Ray Harris bán đứng Jimmy Marcus. Jimmy Marcus phát hiện ra, khi ra tù liền thuê người thanh toán Ray. Ray chạy thoát được, tới New York tìm được một công việc tốt để gửi tiền đều đặn về nhà trong vòng mười ba năm. Rồi một hôm hắn tỉnh dậy và bảo, ‘Đủ rồi, đã tới lúc phục thù’ rồi bắt một chuyến xe buýt tới đây và giết Katherine Marcus. Nhưng không phải chỉ là ra tay bình thường mà là giết hại một cách dã man. Chuyện xảy ra trong công viên hắn là do một tay thần kinh biến thái gây ra. Trong khi Ray có tuổi của chúng ta – nói thế cũng chẳng sai, hắn ta đã bốn mươi lăm tuổi, thế mà vẫn chạy đuổi theo con bé khắp công viên rồi nhảy lên xe buýt đi về New York với khẩu súng của mình? Cậu đã kiểm tra với bên New York chưa?”

Sean gật đầu. “Không có bảo hiểm xã hội, thẻ tín dụng gì trùng với tên của hắn ta, cũng như không có bằng lương với một người có tên và tuổi như hắn. Cảnh sát New York và cảnh sát bang cũng chưa bao giờ bắt giữ người nào có trùng dấu vân tay với hắn.”

“Thế nhưng hắn lại giết Katherine Marcus.”

Sean lắc đầu. “Không. Tôi không chắc. Tôi thậm chí còn không biết là hắn vẫn còn sống thật hay đã chết. Tôi chỉ nói là hắn có thể còn sống. Chỉ có một điều chắc chắn, khẩu súng giết người là của hắn. Và Brendan có biết chuyện gì đó, lại không có ai xác nhận rằng cậu ta đang ở nhà lúc xảy ra án mạng. Thế nên tôi chỉ hi vọng bị nhốt một lúc sẽ khiến cậu ta phải khai ra cái gì đó.”

Whitey ợ một tiếng rõ to. “Thật là duyên dáng, trung sĩ.”

Whitey nhún vai. “Chúng ta thậm chí còn không biết có đúng là Ray Harris đã cướp cửa hàng rượu đó hồi cách đây mười tám năm. Cũng không biết đó có phải là súng của hắn không. Tất cả đều chỉ là phỏng đoán. Hay vài chứng cứ gián tiếp. Không thể đứng vững trước tòa. Công tố viên mà thông minh thì thậm chí còn chả buồn trưng chúng ta nữa ấy chứ.”

“Đúng thế, nhưng tôi có cảm giác là chúng ta đang đi đúng hướng.”

“Cảm giác ư?” Whitey nhìn cánh cửa vừa mở ra phía sau lưng Sean. “Ôi trời lại là cặp song sinh chết tiệt kia.”

Souza đang đi vòng ra phía họ ngồi và Connolly theo sát ở phía sau.

“Và sếp nói rằng chuyện đó không quan trọng, trung sĩ.”

Whitey đặt một tay lên phía sau tai và nhìn Souza. “Cái gì cơ, chàng trai? Cậu biết đấy, tôi hơi bị lãng tai.”

“Chúng tôi cho kiểm tra danh sách những chiếc xe ô tô bị cẩu đi trong bãi đỗ xe của quán Last Drop,” Souza nói.

“Nhưng đó là địa bàn của cảnh sát Boston. Tôi đã nhắc nhở cậu thế nào?” Whitey nói.

“Chúng tôi tìm thấy một chiếc xe vẫn chưa có người tới nhận.”

“Rồi sao?”

“Chúng tôi đã cử người tới kiểm tra lại xem nó vẫn còn ở đó hay không. Cậu ta vừa gọi điện về báo là cốp xe bị rò rỉ.”

“Rò rỉ cái gì?”

“Không biết, nhưng cậu ta bảo là nó bốc mùi nồng nặc.”

Đó là một chiếc Cadillac hai màu sơn, trần xe màu trắng, thân xe màu xanh sẫm. Whitey đặt hai tay lên cửa sổ ghế trước phía bên, tì mặt vào đó rồi chống mắt nhìn vào bên trong. “Có một vệt màu nâu sẫm rất khả nghi trên bảng điều khiển phía bên người lái xe.”

Connolly đứng bên cạnh cốp xe lẩm bẩm, “Ôi Chúa ơi, các anh ngửi thấy mùi gì không? Y như mùi thối ở Wollaston lúc triều xuống.”

Whitey đi ra phía sau vừa lúc nhân viên bãi xe đưa cho Sean một chiếc vạm phá khóa.

Sean lùi lại bên cạnh Connolly, đẩy cậu ta ra chỗ khác rồi bảo, “Dùng cà vạt của cậu ấy.”

“Gi cơ?”

“Lấy cà vạt bịt mồm mũi lại.”

“Thế các anh thì sao?”

Whitey chỉ vào môi trên bóng loáng của mình. “Trên đường tới đây chúng tôi đã bôi thuốc. Xin lỗi là đã hết sạch không còn đủ cho các cậu.”

Sean đặt vành vạm lên ổ khóa, trượt lên rồi dịch xuống, nghe tiếng kim loại cọ sát vào nhau cho tới khi miếng vạm khớp chặt lấy ổ khóa.

“Tất cả sẵn sàng rồi chứ?” Whitey nói. “Một phát ăn liền nhé?”

“Bắt đầu nào!” Sean kéo mạnh, lôi cả trục khóa ra ngoài, liếc qua lỗ hồng mà nó để lại trước khi xe lấy khóa kêu cách một tiếng và cốp xe từ từ mở ra. Mùi hôi giống như bãi triều rút lúc trước đã bị thay thế bởi một thứ mùi nồng nặc hơn nhiều, một sự pha tạp giữa mùi ao tù thum thum và mùi thịt ung trứng thối.

“Chúa ơi.” Connolly áp chặt chiếc cà vạt trên mặt rồi lùi lại phía sau.

“Bánh sandwich Monte Cristo, ai có nhu cầu không?” Whitey nói và mặt Connolly trở nên xanh lè, sẫm hơn cả cổ dưới chân.

Nhưng Souza thì có vẻ thản nhiên. Anh ta tiến gần cốp xe bịt mũi nói, “Mặt hấn đâu?”

“Mặt hấn đấy,” Sean nói.

Nạn nhân nằm cuộn tròn theo tư thế bào thai, đầu ngửa ra sau là lệch sang một bên giống như bị gãy cổ. Quần áo của nạn nhân là hàng đắt tiền, giày cũng vậy và Sean đoán ông ta khoảng năm mươi tuổi, dựa vào ngôi tóc và hai bàn tay. Anh để ý một lỗ thủng sau lưng áo khoác của nạn nhân liền lấy đầu bút gạt miếng vải trên đó ra. Mồ hôi làm ố vàng chiếc áo sơ mi màu trắng nhưng Sean vẫn tìm thấy một lỗ thủng trùng với lỗ thủng trên áo khoác, ở gần giữa lưng, vải dính vào thịt bầy nhầy.

“Có một vết thương há miệng, trung sĩ. Chắc chắn là vết đạn.” Sean nói rồi lại ngó nghiêng trong cốp xe thêm một lúc nữa. “Nhưng tôi không tìm thấy đầu đạn.”

Whitey quay sang Connolly lúc này đã bắt đầu lảo đảo. “Hãy ra xe của cậu và tới bãi đỗ xe của quán Last Drop. Nhưng trước tiên, nhớ báo tin cho bên cảnh sát thành phố. Chúng ta không có nhu cầu tham gia cuộc chiến giành địa bàn. Tìm xung quanh chỗ có nhiều máu nhất. Có thể đầu đạn vẫn còn nằm ở đó. Cậu rõ chưa?”

Connolly gật đầu, hít lấy một ngụm khí.

“Đạn đi vào xương ức ở quãng xương sườn số bốn, gần tử huyết,” Sean nói.

Whitey lại quay sang nói tiếp với Connolly, “Gọi bên kỹ thuật giám định hiện trường tới đó và huy động bao nhiêu cảnh sát tùy cậu miễn là đừng chọc giận bên cảnh sát thành phố. Cậu tìm viên đạn đó và đích thân mang nó tới phòng xét nghiệm.”

Sean thò đầu vào bên trong cốp xe để nhìn kỹ khuôn mặt nát bầy của nạn nhân. “Dựa vào lượng cát sỏi dính trên mặt, ai đó hẳn đã đập mặt của nạn nhân xuống đường cho tới khi không còn sức lực nữa mới thôi.”

Whitey đặt tay lên vai Connolly. “Nói với bên cảnh sát thành phố là họ sẽ cần điều động cả đội điều tra án mạng tới đây - từ nhân viên giám định hiện trường, thợ chụp ảnh, công tố viên tới giám định pháp y. Nói là trung sĩ Powers yêu cầu gửi tới một nhân viên kỹ thuật có thể xác định mẫu máu hiện trường. Đi đi.”

Connolly cảm thấy nhẹ cả người khi được thoát khỏi cái nơi bốc mùi khủng khiếp này. Cậu ta chạy tới xe của mình, khởi động và biến mất trong vòng chưa đầy một phút.

Whitey chụp ảnh bên ngoài chiếc xe và gật đầu với Souza. Souza đeo găng tay vào rồi dùng một que sắt phá cửa bên.

“Cậu có tìm thấy giấy tờ tùy thân không?” Whitey hỏi Sean.

“Ví để ở túi sau. Sếp tới đây chụp mấy kiểu đi, để tôi đi găng vào cái đã.”

Whitey vòng ra cốp xe chụp ảnh nạn nhân rồi lấy sổ ra ghi lại sơ đồ hiện trường tội ác, máy ảnh đeo thòng lòng ở cổ.

Sean rút chiếc ví từ túi quần của nạn nhân và mở nó ra trong lúc Souza nói vọng lại từ phía trước. “Xe đăng ký dưới tên August Larson, số 232, đường Sandy Pine, Weston.”

Sean nhìn xuống tấm bằng lái trong ví. “Cùng một chủ nhân.”

Whitey ngoái lại nhìn, “Nạn nhân có thể hiển nội tạng hay cái gì đó tương tự không?”

Sean lục trong đồng hồ tín dụng, thẻ thuê bằng, thẻ thành viên câu lạc bộ thể thao, thẻ bảo hiểm và cuối cùng tìm thấy một cái thẻ có ghi nhóm máu của nạn nhân. Anh giơ lên cho Whitey có thể nhìn thấy.

“Nhóm máu A.”

“Souza, gọi cho bên tổng đài điều động. Lập tức triển khai lệnh bắt David Boyle, số 15 Crescent, East Buckingham. Da trắng, tóc nâu, mắt xanh, cao khoảng một mét tám mươi, nặng tám mươi lăm cân. Có thể có vũ khí và nguy hiểm.”

“Có vũ khí và nguy hiểm? Tôi không chắc lắm, trung sĩ,” Sean nói.

“Cậu hãy nói thể với gã đang nằm trong cốp xe ấy!” Whitey nói.

Trụ sở cảnh sát Boston chỉ cách bãi đỗ xe có tám dãy phố nên chưa đầy năm phút sau khi Connolly rời khỏi, một tiểu đoàn xe tuần tra và xe ô tô không dán logo cảnh sát đã xuất hiện cùng với một xe pháp y và một xe giám định hiện trường. Sean tháo găng tay và lùi lại ngay khi nhìn thấy họ. Từ giây phút này trở đi, đó là hiện trường của họ.

Họ có thể hỏi Sean bất cứ điều gì nhưng anh không còn nhúng tay vào công việc của họ nữa.

Nhân viên điều tra đầu tiên bước ra khỏi chiếc Crown Vic màu đồng hun là Burt Corrigan, một cảnh sát lão luyện cùng thể hệ với Whitey với cùng tiền sử bị vợ bỏ và một chế độ ăn uống bữa bãi. Ông ta bắt tay Whitey, hai người họ đều là khách thường xuyên của quán bar JJ Foley vào các tối thứ Năm và cùng sinh hoạt trong một câu lạc bộ ném phi tiêu.

Burt quay sang bảo Sean. “Thế xe này cậu đã ghi phiếu phạt chưa hay để chờ tới sau tang lễ?”

“Được đấy,” Sean trả lời. “Dạo này ai viết báo cáo cho ông mà tường tận thế, Burt?”

Burt vỗ vỗ vai anh và đi vòng ra phía sau chiếc xe. Ông nhìn vào trong rồi khịt mũi bảo, “Úi là là.”

Whitey lại gần cốp. “Chúng tôi cho là án mạng xảy ra tại bãi đỗ xe của quán Last Drop ở East Bucky rạng sáng Chủ nhật.”

Burt gật đầu. “Nhân viên giám định pháp y của chúng tôi đã gặp người của các anh ở đó chiều thứ Hai?”

Whitey gật đầu. “Chính là vụ đó. Ông đã cử người quay lại đó chưa?”

“Khoảng mười phút trước. Đã tiếp đón nhân viên Connolly tới hỏi về việc truy tìm đầu đạn.”

“Chính thế.”

“Các anh cũng đã xác định được nghi phạm?”

“David Boyle,” Whitey nói.

Burt nhìn vào mặt nạn nhân. “Chúng tôi sẽ cần đến tất cả những thông tin mà các anh thu thập được, Whitey.”

“Không thành vấn đề. Tôi sẽ ở lại với ông một chút xem tình hình tiến triển thế nào.”

“Hôm nay ông đã tắm chưa đấy?”

“Việc đầu tiên trong ngày.”

“Vậy thì được.” Burt nhìn sang phía Sean. “Cậu thì sao?”

“Tôi có một gã đang bị tạm nhốt cần phải hỏi han một chút. Việc này trả lại cho ông. Souza sẽ đi với tôi.”

Whitey gật đầu và đi cùng họ ra xe. “Chúng tôi sẽ trói Boyle vào vụ này rồi có thể khiến hắn cung khai luôn vụ sát hại cô Marcus. Một mũi tên trúng hai đích.”

“Hai án mạng cách nhau mười dặm nhà?” Sean hỏi.

“Có lẽ cô ấy trong lúc ra khỏi quán bar đã nhìn thấy hắn ra tay.”

Sean lắc đầu. “Trình tự thời gian đều không phù hợp. Nếu Boyle giết gã này thì sẽ phải tiến hành trong khoảng một giờ ba mươi tới một giờ bốn mươi lăm. Sau đó sẽ phải lái xe qua mười dặm nhà và nhìn thấy Katie Marcus đang lái xe trên đường lúc một giờ bốn mươi lăm. Tôi thấy rất bất hợp lý.”

Whitey dựa vào bên cạnh xe của họ. “Đúng, tôi cũng nghĩ vậy.”

“Với lại lỗ đạn trên lưng gã kia rất nhỏ. Nhỏ hơn nhiều so với đạn ba mươi tám ly. Hai vũ khí gây án khác nhau, hai hung thủ khác nhau.”

Whitey gật đầu nhìn xuống mũi giày. “Cậu sẽ tra khảo thẳng bé Harris một lần nữa?”

“Vẫn là xoay quanh chuyện khẩu súng của ông bố mà thôi.”

“Có lẽ cần phải tìm ra một bức ảnh của ông bố, làm đồ họa tăng thêm tuổi rồi tung đi khắp nơi xem có ai nhìn thấy hắn ta không.”

Souza tiến về phía họ mở cửa bên ra. “Tôi đi với anh, Sean?”

Sean gật đầu rồi quay lại với Whitey. “Một chi tiết nhỏ.”

”Gì cơ?”

“Chúng ta chỉ còn thiếu một chi tiết nhỏ. Rất nhỏ thôi. Tôi sẽ tìm ra và giải quyết vụ này.”

Whitey mỉm cười. “Cậu còn vụ án nào vẫn chưa phá được, chàng trai?”

“Eileen Fields, đã tám tháng rồi vẫn chưa có kết quả.” Sean buột miệng nói không kịp suy nghĩ.

“Không phải vụ nào cũng có thể phá được, cậu hiểu ý tôi chứ?” Whitey nói rồi rảo bước về phía chiếc xe Cadillac.

Khoảng thời gian bị nhốt trong buồng giam rõ ràng không ưu đãi Brendan. Trông thẳng bé rúm lại, trẻ hơn nhưng cũng cay nghiệt hơn như thể vừa nhìn thấy một cái gì đó khủng khiếp. Sean đã cẩn thận nhốt riêng thẳng bé trong một buồng giam không có người, cách xa đám du đảng và nghiện hút nên không đoán ra được điều gì có thể khiến nó kinh hãi đến thế trừ phi nó thực sự là một đứa không chịu nổi sự cách ly.

“Cha cậu hiện đang ở đâu?” Sean nói.

Brendan cặm cùi gặm ngón tay và nhún vai. “Ở New York.”

“Chưa từng gặp lại?”

Brendan chuyển sang gặm móng tay khác. “Không hề gặp lại từ năm sáu tuổi.”

“Có phải cậu đã giết Katherine Marcus?”

Brendan bỏ tay xuống khỏi miệng và nhìn Sean chằm chằm.

“Trả lời đi.”

“Không có.”

“Khẩu súng của cha cậu hiện giờ đang ở đâu?”

“Tôi không biết gì về việc cha tôi có súng.”

Lần này Brendan thậm chí còn không thèm chớp mắt. Cũng không né tránh ánh mắt của Sean. Cậu ta nhìn chăm chăm vào mặt của Sean với một vẻ vừa hung dữ lại vừa mệt mỏi khiến Sean lần đầu tiên cảm thấy nguy cơ bạo lực tiềm ẩn trong thằng bé.

Không biết trong buồng giam đã xảy ra chuyện quái quỷ gì?

“Tại sao cha cậu muốn giết Katherine Marcus?” Sean hỏi.

“Cha tôi,” Brendan đồng dục “Không có giết ai cả.”

“Cậu rõ ràng là biết chuyện gì đó, Brendan. Nhưng cậu không muốn nói cho tôi biết. Thôi được, để xem máy phát hiện nói dối lúc này có rảnh không. Chúng tôi sẽ hỏi cậu thêm vài câu nữa.”

“Hãy để tôi gặp luật sư,” Brendan nói.

“Chờ chút. Hãy...”

“Hãy để tôi gặp luật sư. Ngay bây giờ,” Brendan nhắc lại.

Sean cố giữ cho giọng mình thật bình tĩnh. “Được thôi. Cậu có biết luật sư nào không?”

“Mẹ tôi biết. Hãy để tôi gọi điện cho bà ấy.”

“Brendan, nghe này...”

“Ngay bây giờ,” Brendan nói.

Sean thở dài rồi lấy điện thoại ra trước mặt cậu ta. “Nhớ quay số chín ở đầu.”

Luật sư của Brendan là một ông già người Ailen cổ lỗ sĩ nhưng cũng đủ chuyên nghiệp để hiểu rằng Sean không có quyền giam giữ thân chủ của mình chỉ vì thiếu bằng chứng ngoại phạm.

“Giam giữ lúc nào?” Sean hỏi.

“Anh nhốt thân chủ của tôi vào một buồng giam đấy thôi,” luật sư nói.

“Nhưng chúng tôi có khóa cửa hay nhốt nhếch gì đâu. Cậu ta muốn vào xem thử đấy chứ.”

Ông luật sư trừng về mặt vô cùng thất vọng trước hành vi đó của Sean rồi mang Brendan đi mất, không một lần ngoái lại. Sean giở hồ sơ vụ án ra đọc nhưng không thể nhập tâm. Anh đành gấp chúng lại, ngửa người ra trên ghế, nhắm mắt và nhìn thấy Lauren cùng đứa con trong mơ của anh hiện ra. Anh như ngửi thấy hương thơm của họ.

Anh mở ví lôi ra một mẫu giấy có ghi số điện thoại cầm tay của Lauren, đặt nó lên trên bàn, vuốt phẳng lại những nếp nhăn trên đó. Anh chưa bao giờ muốn có con. Ngoài việc được ưu tiên trong lúc xếp hàng lên máy bay thì chẳng thấy ích lợi gì khác. Chúng chiếm lĩnh cuộc đời chúng ta, vùi lấp nó trong mệt mỏi và kinh hoàng, thế nhưng mọi người lại coi đó giống như một ân điển của bề trên và nhắc tới bọn trẻ con với một giọng điệu tôn sùng giống như đối với Chúa trời. Nhắc tới chuyện đó, xin chớ quên rằng tất cả những thằng khốn cắt ngang đường giữa luồng xe, đi nghênh ngang trên phố, la hét trong các quán bar, bật nhạc âm ỉ, cướp giật, hãm hiếp, bán xe ăn trộm - tất cả đều là những đứa trẻ lúc trước lớn lên mà thành. Chẳng có gì màu nhiệm, chẳng có gì thiêng liêng hết cả.

Bên cạnh đó, anh cũng không dám chắc đó là con anh. Anh cũng chưa bao giờ làm xét nghiệm AND bởi vì sự tự tôn của anh không cho phép. Xét nghiệm để chứng minh mình đúng là cha của đứa bé? Còn có hành động nào mất tôn nghiêm hơn thế? Ôi xin lỗi, tôi cần trích ra một ít máu vì vợ tôi ngủ với thằng khác và mang bầu.

Chết tiệt. Thế nhưng anh vẫn nhớ cô. Thế nhưng anh vẫn yêu vợ mình. Và mơ được ôm lấy đứa con của mình. Thì sao chứ? Lauren đã phản bội anh, bỏ rơi anh và có con trong lúc rời đi và vẫn chưa bao giờ nói một lời xin lỗi. Đúng là cô ấy vẫn chưa hề mở miệng nói, Sean, em sai rồi, em xin lỗi đã làm anh đau lòng.

Và Sean cũng đã khiến cô ấy bị tổn thương? Có, chắc chắn là có. Khi mới phát hiện chuyện cô ngoại tình, anh suýt đã nữa giờ tay đánh cô nhưng vào phút cuối đã kìm lại được. Nhưng Lauren đã nhìn thấy ý định đó trên mặt anh. Và tất cả những lời thóa mạ mà anh ném vào mặt cô. Chúa ơi.

Thế nhưng cơn giận của anh, hành động đẩy cô ra xa của anh mới chính là ngòi nổ. Anh đã sai. Không phải là cô.

Là anh sai? Anh nghĩ đi nghĩ lại. Đúng là như thế.

Anh nhét tờ giấy ghi số điện thoại trở lại trong ví, nhắm mắt và chập chờn trôi vào giấc ngủ. Một lúc sau anh bị đánh thức bởi tiếng bước chân trong hành lang, mở mắt ra thấy Whitey đang đi vào trong phòng. Nhìn mắt Whitey, Sean biết ngay là ông vừa uống rượu trước khi ngủ thấy mùi rượu phả từ miệng ông. Whitey ngồi phịch xuống ghế, gác hai chân lên bàn, đá chiếc hộp đựng bằng chứng mà Connolly mang tới sáng nay dẹp sang một bên.

“Một ngày mệt mỏi.”

“Ông có tìm thấy cậu ta không?”

“Boyle á?” Whitey lắc đầu. “Không tìm thấy. Chủ nhà nói nghe tiếng hấn ta rời khỏi lúc ba giờ, chưa thấy quay lại. Vợ con cũng không có ở đó. Chúng tôi gọi tới chỗ làm. Hấn ta làm ca thứ Tư tới thứ Bảy nên họ cũng chẳng biết gì hơn.” Whitey ợ lên một tiếng rồi nói tiếp, “Sớm muộn gì thì hấn cũng sẽ xuất đầu lộ diện thôi.”

“Thế còn viên đạn thì sao?”

Tìm thấy một đầu đạn ở quán Last Drop. Vấn đề là nó găm vào một tấm biển sắt đằng sau chỗ nạn nhân bị bắn. Bên kỹ thuật nói họ có thể xác định nguồn gốc đầu đạn, cũng có thể không. Thế còn thằng bé Harris thì sao?”

“Luật sư tới đón nó đi rồi.”

“Vậy sao?”

Sean tới bên bàn của Whitey lục lại hộp bằng chứng trên bàn. “Không có dấu chân. Vân tay không trùng với ai trong dữ liệu. Súng được sử dụng lần cuối trong một vụ cướp cách đây mười tám năm. Chẳng có quái gì ra hồn.” Anh nói rồi vứt báo cáo đầu đạn vào lại trong hộp. “Nghị phạm duy nhất không có bằng chứng ngoại phạm lại là người tôi không nghi ngờ.”

“Về nhà nghỉ đi,” Whitey nói. “Thật đấy.”

“Được rồi, được rồi.” Sean nói và lôi chiếc băng cát xét của tổng đài 911 ra khỏi hộp.

“Gì thế?” Whitey hỏi.

“Băng nhạc mới nhất của Snoop Dogg.”

“Tưởng hấn ta tiêu rồi.”

“Đó là Tupac.”

“Chả còn theo kịp thời đại nữa.”

Sean cho băng vào máy cát xét ở góc bàn và ấn nút chạy.

“911, tổng đài cứu trợ khẩn cấp của ảnh sát. Xin hỏi quý vị gọi đến có việc gì?”

Whitey đang nghịch một cái chun, căng nó ra rồi búng lên quạt trần.

“Có cái xe ô tô này ở trong có máu và, à, cửa mở và, à...”

“Chiếc xe đó hiện đang ở đâu?”

“Ở khu Hạ. Gần công viên Pen. Cháu và bạn gái cháu phát hiện ra nó.”

“Có biết tên phố không?”

Whitey lấy tay che miệng ngáp rồi lại nghịch một cái chun khác. Sean đứng dậy vươn vai, duỗi người tự hỏi không biết trong tủ lạnh tối nay có gì ăn không.

“Phố Sydney. Ở trong xe có máu và cửa mở.”

“Tên cháu là gì, con trai?”

“Ông ấy muốn biết tên cô ta. Gọi tao là ‘con trai’.”

“Con tai? Ta hỏi tên của cháu. Tên cháu là gì?”

“Chúng cháu phải lượn đây. Chúc may mắn!”

Liên lạc bị cắt và rồi nhân viên trực tổng đài gọi điện sang bên điều động. Sean ngắt máy.

“Tôi vẫn nghĩ là nghe Tupac còn có chút nhạc điệu,” Whitey nói.

“Không phải Tupac mà là Snoop. Vừa nói với sếp xong.”

Whitey lại ngáp. “Về đi được chưa, chàng trai?”

Sean gạt đầu và lấy chiếc băng ra khỏi máy. Anh đặt nó lại vào trong vỏ rồi ném qua đầu Whitey vào trong hộp. Anh lôi khẩu Glock và bao đựng súng ra khỏi ngăn kéo trên cùng rồi gài nó vào thắt lưng.

“Cô ta,” anh nói.

“Gì cơ?” Whitey nhìn anh.

“Thằng bé trong băng. Nó nói, ‘tên cô ta.’ ‘Ông ấy muốn biết tên cô ta.’ Nó đang nói về cô gái nhà Marcus.”

“Đúng vậy,” Whitey nói. “Cậu phải nói là ‘nữ nạn nhân’ chứ không phải ‘cô ta’.”

“Nhưng thế quái nào mà nó lại biết được điều đó?”

“Ai cơ?”

“Thằng bé gọi điện ấy. Làm sao nó biết được máu ở trong xe là của một người phụ nữ?”

Whitey rút chân khỏi bàn và nhìn vào hộp băng chứng. Ông thò tay lôi cuộn băng ra ném nó sang cho Sean.

“Bật lại lần nữa đi,” Whitey nói.

26. Chương 26: Mất Tích Trong Không Trung

Dave và Val lái xe qua thành phố, qua dòng sông Kỳ Bí, tới một quán bar ở Chelsea có bia lạnh, giá rẻ, lại không có ai ngoài một vài người khách quen trông giống như đã làm việc cả đời ngoài bến cảng và bốn công nhân xây dựng đang tranh luận về một phụ nữ có tên Betty ngực to nhưng hơi xấu tính. Quán bar nằm ở dưới gầm cầu Tobin, lưng quay ra sông và có vẻ như đã ở đây từ rất nhiều năm. Mọi người đều biết Val và chào anh ta. Chủ quán là một gã tên Huey, trông giống một bộ xương di động, tóc đen kịt, da trắng nhợt. Hắn ta đồng thời kiêm luôn việc pha chế và mời bộ họ hai chiều bia miễn phí.

Dave và Val thọc bi-a một lúc rồi ngồi vào bàn với một vài bia lớn và hai ly whisky. Mấy ô cửa sổ nhỏ hình vuông đối diện với mặt phố đã chuyển từ màu vàng sang màu chàm, trời sập tối rất nhanh, khiến Dave không khỏi có chút hụt hẫng.

Khi đã quen mới thấy Val thật sự là một gã rất dễ chịu. Anh ta kể chuyện nhà tù và những vụ trộm không thành, tất cả đều vô cùng đáng sợ nhưng dưới giọng điệu của Val lại trở nên hài hước, vui nhộn. Dave bắt

đầu tự hỏi làm một người như Val sẽ có cảm giác như thế nào, lúc nào cũng tự tin, không mảy may sợ hãi nhưng người ngợm thì bé choắt lại.

“Hồi đó, có một lần, trong lúc Jimmy đang ngồi tù, chúng tôi tụ tập nhau lại, cố gắng duy trì bằng nhóm. Vì lúc đó chúng tôi vẫn chưa nghĩ ra lý do duy nhất khiến chúng tôi trở thành ăn trộm chính là vì có Jimmy chuẩn bị, lên kế hoạch sẵn cho. Chúng tôi chỉ có mỗi việc là lắng nghe và làm theo mệnh lệnh của cậu ấy là mọi chuyện đều xuôi chèo mát mái. Nhưng không có Jimmy, chúng tôi chỉ là một lũ đàn vô dụng. Một lần, chúng tôi tới đánh cướp một nhà sưu tầm tem, trời ông ta lại rồi tôi, anh trai tôi Nick và thằng cu Carson Leverett, ngu tới mức không biết tự buộc dây giày nếu không có người hướng dẫn, bắt thang máy đi xuống. Chúng tôi đều tỏ ra rất thoải mái vì tất cả đều mặc vest trắng hoàng trắng rất oách. Thế nhưng có một quý bà đi vào thang máy và hét ầm lên. Hét rõ to. Và chúng tôi thật không biết là chuyện gì đang xảy ra nữa. Trông chúng tôi ai nấy đều vô cùng lịch lãm đấy chứ? Tôi liền quay sang Nick và thấy anh ấy đang nhìn Carson Leverett vì thằng đầu đất đó vẫn còn đang đeo mặt nạ.” Val đập bàn cười văng lên. “Cậu có tin được không? Nó vẫn đeo cái mặt nạ Ronald Reagan mà người ta vẫn hay bán, miệng cười ngoác ra ấy? Nó vẫn quên chưa tháo ra.”

“Mà các anh cũng không ai để ý?”

“Không. Vấn đề là ở chỗ đó. Chúng tôi ra khỏi phòng là gỡ mặt nạ ra luôn, nghĩ rằng Carson hẳn cũng làm thế. Nhưng chuyện ngớ ngẩn như thế vẫn thường xuyên xảy ra. Chỉ vì lúc nào cũng vội vàng, đâm ra hấp tấp, chỉ muốn nhanh chóng thoát hiểm nên không chú ý tiểu tiết. Có hiện ra ngay trước mắt cũng chưa chắc đã nhìn thấy.” Anh lại mỉm cười và nhấp một ngụm whisky. “Đó chính là lý do để tiếc nuối Jimmy. Anh ấy tính toán tới từng chi tiết một. Giống như người ta vẫn nói một tiền vệ giỏi nhìn thấy hết cả sân chơi. Jimmy là người bao quát toàn bộ sân chơi. Anh ấy còn dự đoán được tất cả những nguy cơ tiềm năng. Anh chàng đó, thực sự là một thiên tài.”

“Nhưng anh ấy lại giải nghệ.”

“Hẳn rồi,” Val nói và châm một điếu thuốc. “Là vì Katie. Và sau đó là vì Annabeth. Giữa tôi và cậu, nói thật, tôi cũng không biết cậu ấy có thực sự hài lòng với sự lựa chọn đó hay không, nhưng cuộc sống là thế. Đôi khi con người ta phải lớn lên. Người vợ đầu của tôi cũng bảo thế, rằng vấn đề của tôi chính là tôi không thể trưởng thành. Tôi quá nghiện cuộc sống ban đêm. Ban ngày đối với tôi chỉ là lúc nghỉ ngơi.”

“Tôi cũng nghĩ là nó sẽ khác.” Dave nói.

“Gì cơ?”

“Là một người trưởng thành. Sẽ có cảm giác khác đúng không? Cảm giác lớn lên. Thành một người đàn ông.”

“Cậu không có cảm giác đó sao?”

Dave mỉm cười. “Có, đôi khi. Nhưng chỉ là thoáng qua, trong chớp mắt. Còn phần lớn thời gian tôi không cảm thấy có gì khác biệt lắm so với hồi mười tám tuổi. Tôi thường xuyên thức dậy và tự hỏi, ‘Mình có con ư? Mình có vợ ư? Sao lại thế được?’ ”

Dave có cảm giác như rượu bắt đầu khiến lưỡi anh lú lút, đầu óc trông tránh vì chưa ăn gì. Nhưng anh cảm thấy cần phải giải thích cho Val, để anh hiểu và hứng thú với anh. “Tôi luôn cho rằng một ngày nào đó cảm giác ấy sẽ trở thành thường trực. Một ngày nào đó anh thức dậy và có cảm giác rằng mình đã trưởng thành và nắm giữ mọi chuyện trong tay mình giống như các ông bố trong các xê ri phim truyền hình cũ.”

“Kiểu như Ward Cleaver trong Leave It to Beaver chứ gì?”

“Đúng thế. Hay thậm chí giống như các nhân vật cảnh sát trưởng kiểu James Arness ấy. Họ chính là những người đàn ông đích thực. Và trạng thái đó là thường trực.”

Val gật đầu, nhấp một ngụm bia. “Một người bạn tù có lần bảo tôi rằng, ‘Hạnh phúc chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc rồi biến mất cho tới lần tiếp theo. Có thể là nhiều năm sau. Nhưng nỗi buồn’ ” – Val nháy mắt – ” ‘nỗi buồn thì ở lại.’ ” Anh ta dụi tắt điếu thuốc. “Tôi rất thích anh chàng đó. Lúc nào cũng nói những câu rất hay ho. Tôi sẽ đi lấy một ly whisky nữa. Cậu thì sao?” Val đứng dậy.

Dave lắc đầu. “Ly này còn chưa uống hết.”

“Thôi nào, máu lên chút!” Val nói.

Dave nhìn khuôn mặt cười nhả nhở của Val và nói, “Thôi được, thì làm phát nữa.”

“Chơi thế mới được chút.” Val vỗ vai anh rồi tiến về phía quầy bar.

Dave quan sát anh ta đứng ở quầy bar tán gẫu với một cựu công nhân bến cảng trong lúc chờ lấy đồ uống. Dave cho rằng những người đó đều biết làm đàn ông là như thế nào. Làm đàn ông mà không may mắn gì, không phải băn khoăn về hành động của chính mình, không nao núng bởi thế giới xung quanh và những điều mà người khác chờ đợi ở họ.

Chính nỗi sợ hãi, anh nghĩ. Là vì anh luôn sợ hãi còn họ thì không. Nỗi sợ đã ăn sâu vào trong tiềm thức của anh từ khi anh còn rất nhỏ và vĩnh viễn nằm lại đó giống như một người bạn của Val định nghĩa về nỗi buồn. Sự sợ hãi đã tìm thấy một chỗ trong lòng Dave và không bao giờ rời đi nữa khiến anh lúc nào cũng sợ sẽ làm sai, sợ hỏng việc, sợ không được thông minh, sợ mình không phải là một người chồng tốt, một người cha tốt hay thậm chí chỉ là một người đàn ông tốt. Nỗi sợ hãi đã cố thủ quá lâu trong Dave tới mức anh không còn nhớ sống mà không sợ hãi là như thế nào.

Đèn pha của một chiếc xe hơi hắt lên cửa trước, ánh sáng trắng của nó rọi thẳng vào mặt Dave khiến anh chớp mắt lia lịa, chỉ kịp nhìn thấy bóng dáng một người đàn ông bước vào cửa. Người này thân hình rắn chắc, bên ngoài khoác một chiếc áo da. Trông hơi giống Jimmy nhưng lại to hơn, vai rộng hơn.

Nhưng đó đúng là Jimmy, Dave nhận ra hần khi cánh cửa đóng lại và mắt anh đã nhìn rõ hơn. Jimmy mặc áo khoác bằng da bên ngoài áo thun cao cổ màu sẫm và quần ka ki, gật đầu chào Dave rồi bước về phía Val ở quầy bar. Hắn thì thầm vào tai Val và Val quay lại nhìn Dave rồi nói gì đó với Jimmy.

Dave bắt đầu thấy chóng mặt. Hẳn là hậu quả của việc uống rượu mà không ăn gì. Nhưng cũng là vì thái độ của Jimmy, có cái gì đó trong cách hắn gật đầu chào Dave, mắt mũi hắn lạnh tanh nhưng lại biểu lộ một quyết tâm sắt đá. Và thế quái nào mà trông hắn lại to đùng ra như vậy, giống như sau một đêm tăng thêm năm, sáu ký. Và hắn tới Chelsea làm gì cơ chứ, vào đêm trước lễ viếng con gái?

Jimmy lại gần, ngồi vào chỗ Val trước mặt Dave. “Sao rồi?”

“Hơi say một tí,” Dave thừa nhận. “Cậu lên cân đấy à?”

Jimmy nở một nụ cười khó hiểu. “Không.”

“Trông to hẳn ra.”

Jimmy nhún vai.

“Cậu đến đây làm gì?” Dave hỏi.

“Tôi tới đây khá thường xuyên. Tôi và Val đã biết Huey từ nhiều năm. Từ xưa từ xưa. Sao câu không uống nốt đi?”

Dave cầm ly rượu lên. “Đầu tôi đã hơi ong ong rồi.”

“Có chuyện gì vậy?” Jimmy nói và lúc này Dave mới nhận ra Jimmy cũng đang cầm trên tay một ly whisky. Anh nâng nó lên và chạm vào ly của Dave. “Cho con cái của chúng ta,” Jimmy nói.

“Cho con của chúng ta,” Dave khó khăn lên tiếng, thực sự cảm thấy không còn chút lý trí nào, giống như anh vừa trượt ra khỏi hiện thực ban ngày, rơi vào đêm tối, vào trong một giấc mơ nơi tất cả các khuôn mặt đều trở nên quá gần nhưng giọng nói lại như vang lên từ dưới đáy giếng.

Dave uống cạn ly rượu, nhắm mắt vì độ cay của nó trong lúc Val bước tới và ngồi cạnh anh. Val quàng tay lên vai anh và uống chỗ ngụm bia trắng từ chiếc vại lớn. “Tôi vẫn luôn khoái chỗ này.”

“Đây là một quán bar rất dễ chịu,” Jimmy nói. “Chả có ai tới làm phiền.”

“Điều đó rất quan trọng,” Val nói. “Nếu như ở đời không có ai tới làm phiền chúng ta. Không có ai gây chuyện với chúng ta với người thân của chúng ta hay bạn bè của chúng ta. Đúng không, Dave?”

“Hắn rồi,” Dave nói.

“Anh chàng này rất vui nhộn. Cậu sẽ tha hồ mà vui vẻ,” Val nói.

“Vậy sao?”

“Đúng thế,” Val nói và siết chặt vai Dave. “Dave nhỉ!”

Celeste ngồi bên mép giường trong lúc Michael xem vô tuyến trong phòng khách sạn. Cô đặt máy điện thoại trên đùi, tay mân mê ống nghe.

Những giờ cuối cùng của buổi chiều ngồi với Michael trên chiếc ghế sắt gỉ bên cạnh bể bơi của khách sạn, cô bắt đầu cảm thấy mình là một người nhỏ mọn, trống rỗng như thể đang bị người ta nhìn xuống, một kẻ bị vứt bỏ, ngu ngốc và tệ hơn nữa là một kẻ phản bội.

Chính chồng mình. Cô đã phản bội chồng của cô.

Có thể Dave đã giết Katie. Có thể vậy. Nhưng cô nghĩ gì mà lại mang chuyện đó đi nói với chính Jimmy chứ không phải ai khác cơ chứ? Sao cô không chờ đợi thêm một thời gian, suy nghĩ cho kỹ càng? Sao cô không nghĩ tới các biện pháp khác? Vì cô sợ Dave ư?

Nhưng Dave mà cô nhìn thấy mấy hôm trước chỉ là Dave của một vài phút lầm lạc, một sản phẩm của sự căng thẳng đầu óc.

Có lẽ anh ấy không giết Katie. Có lẽ thế.

Vấn đề là ở chỗ cô thậm chí còn không cho anh cái quyền bị nghi ngờ cho tới khi mọi chuyện được sáng tỏ. Cô không chắc cô có thể tiếp tục sống cùng anh và đặt Michael vào tình thế nguy hiểm nhưng cô biết là mình nên báo cảnh sát thay vì tìm tới Jimmy Marcus.

Chẳng lẽ cô muốn gây tổn hại cho Dave? Cô kỳ vọng gì khi nhìn vào mắt Jimmy và nói ra những nghi ngờ của mình? Và rồi sao chứ? Nói với ai thì nói, sao cô lại đâm đầu đi nói với Jimmy cơ chứ?

Có rất nhiều câu trả lời khả dĩ cho câu hỏi này nhưng không có gì khiến cô hài lòng. Cô nhắc ống nghe lên và quay số nhà Jimmy. Cô vừa quay số vừa run rẩy, trong đầu không ngừng suy nghĩ, làm ơn có ai đó trả lời máy. Hãy trả lời máy. Làm ơn.

Nụ cười trên mặt Jimmy bắt đầu trượt đi, lồi ra, lõm vào, sang trái, sang phải, trời lên, tụt xuống và Dave cố tập trung nhìn lên quầy bar nhưng nó cũng đang trượt đi giống như đang ở trên một con thuyền khi biển động.

“Có nhớ lần chúng ta cùng mang Ray Harris tới đây không?” Val nói.

“Ôi. Ray thân mến!”

“Ray ấy mà,” Val nói và đập tay xuống bàn trước mặt Dave, “nó là một thằng vui tính đêch chịu được.”

“Đúng thế,” Jimmy nói khẽ, “Ray là một tay hài hước. Có thể khiến người ta cười nôn ruột.”

“Phần lớn mọi người gọi hắn là Just Ray,” Val nói trong khi Dave cố tập trung để hiểu xem họ đang nói chuyện quái quỷ gì. “Nhưng tôi gọi hắn là Ray Nhạc Chuông.”

Jimmy bẻ ngón tay răng rắc rồi chỉ vào Val. “Đúng thế. Vì đồng tiền xu của hắn ta.”

Val tựa vào Dave và nói vào tai anh. “Tay đó lúc nào cũng mang theo mười đô la tiền xu trong túi, bất kể ngày nào. Không ai biết tại sao. Giống như là hắn thích thế, phòng trừ lúc nào hứng lên là có thể gọi điện sang tận Libya hay những chỗ quái quỷ gì đó, tôi đoán thế. Ai mà biết được. Nhưng hắn đi khắp nơi hai tay đút túi với các đồng xu leng keng suốt cả ngày. Ý tôi là, hắn là một tay trộm, làm thế khiến người ta không thể không bình luận, ‘Có thằng nào ngu lại không nhận ra cậu chứ Ray?’ Nhưng đúng là trong lúc hành nghề thì hắn không mang tiền xu theo.” Val thở dài. “Đúng là một tay buồn cười.”

Val rút ta ra khỏi vai Dave và châm một điếu thuốc khác. Khói phả vào mặt Dave và anh có cảm giác chúng trườn lên má anh rồi chui vào trong tóc. Giữa làn khói thuốc anh thấy Jimmy đang quan sát anh với cái vẻ vừa lạnh lùng vừa dứt khoát đó và anh không thích ánh mắt của hắn, chúng có cái gì đó rất quen thuộc.

Đó là cái nhìn giống như của cảnh sát, anh chợt nhớ ra. Giống như cái nhìn của trung sĩ Powers. Như muốn xuyên thủng tâm trí Dave. Nụ cười trở lại trên khuôn mặt Jimmy, nhô lên hạ xuống giống như một con thuyền nhỏ và Dave có cảm giác như dạ dày anh cũng dập dềnh theo, chao đảo trong cơn sóng dữ.

Anh nuốt nước bọt nhiều lần và cố hít một hơi thật sâu.

“Cậu ổn chứ?” Val hỏi.

Dave giơ một tay lên. Nếu ai nấy đều cầm miệng lại thì có lẽ anh sẽ không sao. “Ừ.”

“Cậu có chắc không đấy?” Jimmy nói. “Trông cậu xanh lét.”

Cơn buồn nôn dâng trào và Dave cảm thấy khí quản của anh như thắt lại rồi lại phình ra, mồ hôi anh đổ giọt trên trán. “Ôi, chết tiệt.”

“Dave!”

“Tôi muốn ói,” anh nói và cơn buồn nôn lại bắt đầu dâng lên. “Nói thật lòng.”

“Được rồi, được rồi,” Val nói và nhanh chóng rời khỏi chỗ ngồi. “Hãy ra cửa sau. Huey không thích lau chùi thành toa lét đâu. Cậu hiểu rồi chứ?”

Dave nhanh chóng đứng lên rời khỏi bàn. Val túm lấy vai anh và xoay về phía cánh cửa ở cuối quán bar đằng sau bàn bi-a.

Dave bước về phía cửa, cố giữ cho bước chân không xiên vẹo, chân này đặt lên trước chân kia lần lượt từng bước một, nhưng cánh cửa phía trước trông vẫn hơi nghiêng ngả. Đó là một cánh cửa nhỏ, tối om làm bằng gỗ sồi sơn đen mà năm tháng đã để lại những vết sứt sẹo. Dave đột nhiên cảm thấy không khí trong quán bar như nóng lên. Một thứ không khí ẩm ướt, dày đặc thổi vào người anh khi anh lao đảo tiến về phía cánh cửa, chạm tay vào nắm đấm bằng đồng, sung sướng vì cảm giác lạnh lẽo mà nó mang lại lúc anh mở cửa ra.

Thứ đầu tiên mà anh nhìn thấy là cỏ dại. Rồi tới con sông. Anh loạng choạng bước ra ngoài, ngạc nhiên thấy trời đã tối sẫm lại từ lúc nào và như dập tắt lại nguyện vọng của anh, một ngọn đèn phía bên trên cánh cửa vụt sáng hắt lên con đường nhựa rạn nứt, nham nhở trước mặt anh. Anh có thể nghe thấy tiếng xe cộ ầm ĩ trên cầu và đột nhiên cảm thấy cơn buồn nôn dịu đi. Có lẽ anh sẽ không sao. Anh hít vào một hơi thật sâu không khí của ban đêm. Ở bên trái anh có một chồng gỗ mục và mấy chiếc bẫy tôm hùm gỉ hoét, thũng lổ như bị cá mập tấn công. Dave tự hỏi làm sao bẫy tôm hùm lại xuất hiện ở đây trên đất liền và cạnh một con sông rồi quyết định mình quá say không đủ sức tìm ra câu trả lời. Phía trên chồng gỗ mục là một hàng rào lưới sắt cũng hoen gỉ như đám bẫy tôm, cỏ dại mọc kín. Bên phải anh là một bãi lau sậy cao hơn đầu người mọc lẫn sang cả con đường rải sỏi nứt nẻ, sứt sẹo.

Dạ dày Dave lại cồn lên và cơn buồn nôn lần này dữ dội hơn bao giờ hết, xuyên rút khắp cơ thể anh. Anh loạng choạng tới bên mép nước, gục đầu xuống và nỗi sợ hãi cùng với bia và Sprite phun ra khỏi người anh, trút xuống dòng sông Kỳ Bí đen nhờn. Anh chỉ nôn ra toàn chất lỏng. Trong dạ dày anh chẳng còn gì khác. Anh thực sự không nhớ lần cuối cùng anh ăn là khi nào. Nhưng giây phút chúng ra khỏi miệng anh và rơi xuống nước, anh lập tức cảm thấy khá hơn. Anh cảm thấy hơi thở mát lạnh của buổi tối phả lên tóc. Một cơn gió nhẹ từ sông thổi vào. Anh vẫn quỳ ở đó và chờ đợi một cơn nôn ói mới dù không tin là nó sẽ xảy ra. Anh cảm giác như mình đã được gột sạch.

Anh nhìn lên cầu, mọi người đua nhau ra, vào thành phố trong một cơn hồi hải đầy kích động, có lẽ phần nào đó biết rằng về tới nhà cũng chẳng sung sướng gì hơn. Có tới phân nửa bọn họ lại lập tức lao ngược ra ngoài để đi chợ vì quên mua thứ gì đó, hay đi tới một quán bar, cửa hàng video hay tới một nhà hàng nơi họ sẽ lại phải đứng xếp hàng dài chờ đợi. Và để làm gì cơ chứ? Chúng ta phải xếp hàng để làm gì cơ chứ? Chúng ta mong đợi gì cơ chứ? Tại sao khi tới nơi rồi chúng ta lại không cảm thấy hạnh phúc như mình vẫn tưởng?

Dave để ý thấy ở bên phải anh có một chiếc thuyền gắn máy nhỏ. Nó được buộc vào một tấm ván phẳng nhỏ xíu và xập xệ tới mức khó mà có thể gọi nó là cầu tàu. Anh đoán chắc đó là chiếc thuyền của Huey và bật cười khi nghĩ tới hình ảnh người đàn ông gầy khô giống như xác chết đó bơi thuyền giữa dòng nước nhộn nhúa kia, mái tóc đen như quạ phát phơ trong gió.

Anh quay đầu nhìn chồng gỗ mục và bãi lau sậy. Thảo nào mọi người ra đây để nôn ọe. Đúng là một chỗ hoàn toàn cách biệt với bên ngoài. Trừ phi đứng ở phía bên kia sông và dùng ống nhòm thì mới nhìn thấy được. Mầu đất này bị bao bọc từ ba phía và tuyệt đối yên tĩnh, tiếng xe cộ di chuyển trên đầu chỉ giống như âm thanh văng vẳng từ xa vọng lại, bãi lau sậy đã chặn đứng mọi tiếng ồn, ngoại trừ tiếng kêu của đám hải âu và tiếng nước vỗ ì oạp. Nếu Huey thông minh ra, anh sẽ dọn sạch đám lau sậy này và dựng một cái cầu tàu để thu hút đám thanh niên thời thượng dọn tới Admiral Hill và biến Chelsea thành mục tiêu chính trang đô thị tiếp theo sau khi giải quyết xong khu vực East Bucky.

Dave nhở phì phì vài lần rồi lấy mu bàn tay chùi miệng. Anh đứng dậy và quyết định nói với Val và Jimmy là anh cần ăn chút gì đó trước khi tiếp tục uống rượu. Không cần ngon mà chỉ cần lấp đầy bụng. Nhưng khi anh quay lại đã thấy hai người bạn họ đứng cạnh cửa, Val phía bên trái, Jimmy phía bên phải, cánh cửa đóng chặt, trông họ rất buồn cười, giống như hai nhân viên vận chuyển đồ không biết là sẽ phải giao hàng trong một bãi lau sậy.

“Ái chà, các anh đến kiểm tra xem tôi có ngã không, có phải không?” Dave nói.

Jimmy rời khỏi bức tường và bước về phía anh, ngọn đèn trên cánh cửa vụt tắt. Jimmy trở thành một khối đen sẫm trong bóng tối, chậm rãi bước tới, ánh sáng trên cầu hắt lên gương mặt trắng toát của hắn khiến cho nó lúc ẩn lúc hiện.

“Để tôi kể cho cậu về Ray Harris,” Jimmy nói khê tới mức Dave phải nghecks cổ ra. “Ray Harris là một người bạn của tôi, Dave. Cậu ta thường tới thăm tôi lúc tôi ở trong tù. Cậu ta cũng thường xuyên để mắt tới Marita và Katie và mẹ tôi xem họ có thiếu thốn gì. Cậu ta làm tất cả những việc đó nên tôi đã nghĩ rằng cậu ta là bạn mình nhưng lý do thực sự là do cậu ta cảm thấy có lỗi. Cậu ta cảm thấy có lỗi vì không muốn bản thân bị đi tù nên đã bán đứng tôi với cảnh sát. Cậu ta thực sự ăn năn vì chuyện đó. Nhưng vài tháng sau khi cậu ta thường xuyên tới nhà tù thăm tôi đã xảy ra một việc kỳ lạ.” Jimmy lúc này đã tới cạnh Dave và dừng lại hẳn, nhìn thẳng vào mặt Dave, đầu hơi nghiêng lên. “Tôi phát hiện ra rằng tôi rất thích Ray. Ý tôi là, tôi thực sự thích thú kết bạn với cậu ta. Chúng tôi có thể nói về thể thao, về Chúa, về sách vở, vợ con, về thời sự, chính trị, hết thảy. Ray là một người như thế, cậu ta có thể nói về bất cứ chủ đề nào. Cậu ta quan tâm tới mọi thứ. Như thế thật hiếm. Rồi vợ tôi qua đời. Cậu biết không? Cô ấy chết và họ cử một lính gác tới buồng giam và bảo, ‘Xin lỗi phạm nhân, vợ anh vừa qua đời tối qua vào lúc tám giờ mười lăm. Cô ấy đã đi rồi.’ Nhưng vấn đề là, Dave, cậu có biết điều gì khiến tôi đau lòng nhất về cái chết của vợ mình không? Đó là cô ấy đã phải ra đi một cách đơn độc, hoàn toàn đơn độc. Tôi biết cậu đang nghĩ gì, ai trong chúng ta mà chả phải chết một mình. Đúng thế. Giai đoạn cuối cùng trước khi ra đi vĩnh viễn đúng là chúng ta chỉ có một mình. Nhưng vợ tôi bị bệnh ung thư da. Cô ấy đã mòn mỏi chết dần chết mòn trong sáu tháng cuộc đời. Mà tôi không thể có mặt bên cạnh cô ấy. Tôi đã có thể ở bên cạnh giúp đỡ cô ấy trong lúc hấp hối. Không phải lúc chết mà là lúc hấp hối. Nhưng tôi lại không có mặt ở đó. Ray, một người mà tôi yêu mến, đã tước đoạt của tôi và vợ tôi điều đó.”

Dave có thể nhìn thấy một dải sông xanh thẫm như mực được chiếu sáng bằng những ngọn đèn trên cầu phản chiếu trong mắt Jimmy lấp lánh. “Tại sao cậu lại kể cho tôi chuyện này hả Jimmy?”

Jimmy chỉ vào vai trái của Dave. “Tôi bắt Ray quỳ xuống ngay chính tại chỗ này và bắn cậu ta hai phát. Một phát vào ngực, một phát vào cổ họng.”

Val lúc này bắt đầu rời khỏi cánh cửa và tiến về phía bên trái Dave, điệu bộ thông thả, bãi lau sậy rì rào sau lưng anh ta. Cổ họng Dave nghẹn lại, cả người anh khô khốc.

Anh nói, “Jimmy này, tôi không biết...”

Jimmy tiếp tục nói, “Ray đã cầu xin tôi. Cậu ta nói rằng chúng tôi là bạn. Nói rằng cậu ta có một đứa con trai và có một người vợ. Rằng vợ cậu ta đang mang thai. Rằng cậu ta sẽ chuyển đi thật xa không bao giờ làm phiền tôi nữa. Cậu ta cầu xin tôi để cho một đường sống để được nhìn thấy đứa con sắp chào đời của mình. Cậu ta nói rằng cậu ta biết tôi rất rõ, cậu ta biết rằng tôi là một người tốt và tôi không muốn làm chuyện đó.” Jimmy ngẩng đầu nhìn lên trên cầu. “Tôi những muốn nói với cậu ta rằng tôi rất yêu vợ mình nhưng cô ấy đã chết và cậu ta phải chịu trách nhiệm về điều đó, bên cạnh đó, cậu đã phạm một nguyên tắc tối thiểu, nếu muốn sống lâu thì chớ có bán đứng bạn bè. Nhưng tôi đã không nói gì cả, Dave. Tôi đã bật khóc nức nở. Một cách thảm hại. Cậu ta nước mắt ngấn nước, nước mắt dài, tôi cũng vậy. Tôi gần như

không còn nhìn thấy cậu ta nữa.”

“Thế tại sao anh vẫn giết cậu ta?” Dave nói, giọng đầy tuyệt vọng.

“Khi tôi giết Ray, tôi cảm thấy, tôi cũng không biết nữa, giống như là tôi hoàn toàn không ở đó. Tôi cảm giác như Chúa đang ở trên cao nhìn xuống và chứng kiến cảnh tôi hạ gục cậu ta rồi đẩy xuống sông. Và Chúa chỉ lắc đầu. Không giận dữ, thật đấy. Người chỉ cảm thấy ghê tởm nhưng không ngạc nhiên chút nào giống như người ta nhìn thấy con cún cưng ỉa bậy lên thảm. Tôi đứng đó ngay phía sau chỗ cậu đang đứng bây giờ và nhìn Ray chìm xuống, cậu biết không? Đầu cậu ta chìm xuống sau cùng khiến tôi nhớ tôi hồi nhỏ vẫn thường nghĩ nếu chúng ta bơi xuống tận cùng một con nước, chúng ta sẽ đi xuyên qua đáy sông và thò đầu ra ngoài vũ trụ. Đó là cách tôi vẫn hình dung ra trái đất của chúng ta. Và tôi sẽ ở đó, đầu vươn ra ngoài địa cầu, vũ trụ và các vì sao và bầu trời đen sẫm ở xung quanh và rồi tôi sẽ tiếp tục rơi. Tôi sẽ rơi vào trong vũ trụ và bồng bềnh trôi xa, bồng bềnh suốt hàng triệu năm trong không gian lạnh lẽo đó. Khi Ray xuống dưới đó, trong đầu tôi lại nghĩ tới chuyện này. Rằng cậu ta sẽ tiếp tục chìm xuống cho tới khi cậu ta xuyên qua một cái lỗ trên địa cầu và rơi vô định suốt một triệu năm trong vũ trụ.”

Dave nói, “Tôi biết là trong đầu anh đang nghĩ gì, Jimmy, nhưng anh đã nhầm. Anh nghĩ tôi đã giết Katie phải không? Có đúng thế không?”

“Chớ nói gì, Dave,” Jimmy nói.

“Không, không, không.” Dave nhìn thấy một khẩu súng đột nhiên xuất hiện trên tay Val. “Tôi chẳng đáng gì tới cái chết của Katie cả.”

Họ sẽ giết mình, Dave chợt nhận ra. Chúa ơi, không thể nào. Đối đầu với cái chết người ta cần phải chuẩn bị từ trước. Ai lại chỉ ra khỏi quán bar để nôn, lúc quay lại thì phát hiện ra mình sắp tận số. Không thể nào. Mình còn phải về nhà. Mình còn phải giải thích rõ ràng với Celeste. Mình còn phải ăn một bữa đã.

Jimmy thò tay vào trong túi áo và rút ra một con dao Dave nhận thấy tay hắn hơi run khi kéo lưỡi dao ra. Mồi trên và cầm cũng vậy. Vẫn còn hy vọng. Đừng sợ tới gần người ra như vậy. Vẫn còn hy vọng.

“Cái đêm Katie bị sát hại, cậu về nhà, khắp người đầy máu, Dave. Cậu kể hai câu chuyện hoàn toàn khác nhau về vết thương trên tay mình và người ta nhìn thấy xe của cậu phía bên ngoài quán Last Drop vào thời điểm Katie rời khỏi đó. Cậu nói dối cảnh sát và nói dối tất cả mọi người.”

“Jimmy, nghe này. Xin hãy nhìn tôi.”

Jimmy vẫn nhìn xuống đất.

“Jimmy, đúng là người tôi có máu, đúng thế. Tôi đã đánh một người, Jimmy. Tôi đã ra tay rất nặng tay với hắn ta.”

“À, lại câu chuyện về tên cướp chứ gì?” Jimmy nói.

“Không. Hắn là một kẻ lạm dụng trẻ em. Hắn ta đang lạm dụng tình dục một đứa trẻ trong xe của mình. Hắn ta là một con ma và rỗng hút máu người, Jim. Hắn ta đầu độc đứa trẻ đó.”

“Vậy không phải là một tay ăn cướp. Mà là một gã, hiểu rồi, lạm dụng trẻ con. Tất nhiên rồi và Dave, cậu đã giết hắn?”

“Đúng vậy. Thật ra là tôi... tôi và Thăng Bé.”

Dave không biết tại sao anh lại nói vậy. Anh không bao giờ nên nhắc tới Thăng Bé. Không được nhắc tới nó. Vì mọi người sẽ không hiểu. Có lẽ là vì anh quá sợ. Có lẽ là vì anh muốn Jimmy nhìn thấu lòng dạ anh, và hiểu rằng, đúng là nó đang rối bời nhưng hãy nhìn tôi mà xem, Jimmy, hãy nhận ra rằng tôi không phải là kẻ đi giết người vô tội.

“Nên cậu và đứa bé bị lạm dụng...”

“Không phải,” Dave nói.

“Không phải cái gì? Cậu vừa nói cậu và thăng bé...”

“Không phải thế, không phải thế. Mà thôi quên chuyện đó đi. Đầu óc tôi lẫn lộn hết cả lên. Tôi muốn nói là...”

“Đừng nói lằng nhằng nữa,” Jimmy nói. “Cậu định bảo là cậu giết một gã lạm dụng trẻ con. Cậu nói thế với tôi nhưng lại không nói với vợ mình? Tôi vẫn nghĩ cô ấy phải là người đầu tiên được nghe cậu thú nhận. Nhất là tối hôm qua khi cô ấy bảo với cậu là cô ấy không tin vào câu chuyện cậu bị cướp thì sao cậu không nói thật với cô ấy? Phần lớn người ta sẽ không để ý đến một tên lạm dụng trẻ con bị chết, Dave. Vợ cậu cho rằng cậu đã giết con gái tôi. Và hành động của cậu khiến tôi tin rằng cậu thà để cô ấy nghĩ như vậy còn hơn là nghĩ rằng cậu giết một tên lạm dụng tình dục trẻ con. Cậu thử giải thích cho tôi xem sao, Dave.”

Dave những muốn nói tôi giết hắn bởi vì tôi sợ mình sẽ biến thành một kẻ như hắn. Nếu tôi ăn trái tim hắn thì tôi có thể thu phục và khắc chế linh hồn hắn. Nhưng tôi lại không thể nói ra điều đó. Tôi không thể tiết lộ sự thật đó. Tôi biết là hôm nay mình đã thề sẽ không còn bí mật nữa. Nhưng ít nhất tôi cũng có thể giữ bí mật duy nhất này – cho dù phải cần bao nhiêu lời nói dối, cho dù phải bưng bít.

“Nói đi, Dave. Chỉ cần giải thích với tôi tại sao. Tại sao cậu lại không thể nói ra sự thật với chính vợ mình?”

Nhưng Dave giỏi lắm cũng chỉ có thể nặn ra một câu là, “Tôi không biết.”

“Cậu không biết. Thôi được, vậy trong cái câu truyện cổ tích này, cậu và thằng bé – mà thằng bé lại chính là cậu khi còn nhỏ - cậu và nó tới và...”

“Chỉ mình tôi mà thôi,” Dave nói. “Tôi đã giết cái sinh vật không có khuôn mặt đó.”

“Cái sinh vật quái quỷ gì cơ?” Val nói.

“Cái gã đó. Cái tên lạm dụng trẻ em đó. Tôi đã giết hắn. Là tôi. Chỉ một mình tôi. Trong bãi đỗ xe của quán Last Drop.”

“Tôi không nghe thấy có người nào chết ở gần quán Last Drop,” Jimmy nói và quay sang Val.

“Sao cứ để tên khốn này giải thích thế hả, Jim? Mày định trêu người tao đấy hả?” Val nói.

“Không. Đó à sự thật.” Dave nói. “Tôi xin lấy con trai mình ra thề. Tôi nhét thi thể của hắn ta vào cốp xe của hắn. Nhưng tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với chiếc xe đó nhưng thề với Chúa là tôi đã giết hắn. Tôi muốn gặp vợ tôi, Jimmy. Tôi muốn sống cuộc đời của mình.” Dave ngược lên nhìn gầm cầu đen thẫm, nghe tiếng xe chạy qua, những ngọn đèn màu vàng nối tiếp nhau trở về nhà. “Jimmy, xin đừng tước đoạt đi của tôi điều đó.”

Jimmy nhìn vào mặt Dave và Dave nhìn thấy án tử hình của mình trên đó. Nó hiện trên nét mặt Jimmy như những con sói hung dữ. Dave những mong ước mình có đủ can đảm để đối mặt với điều đó. Nhưng anh không thể. Anh không thể đối mặt với cái chết. Vào giây phút này, anh đứng đây – hai chân trên vỉa hè, tim đập thình thịch, não bộ không ngừng gửi thông điệp tới các dây thần kinh, các cơ bắp và các bộ phận trong cơ thể, hai tuyến thượng thận đang mở rộng - bất cứ lúc nào một lưỡi dao cũng có thể xuyên thẳng vào ngực. Và cùng với nỗi đau đớn đó là một hiện thực phũ phàng, rằng cuộc đời anh - tầm nhìn của anh, xúc giác, khứu giác, vị giác, tiếng cười và những cơn làm tình của anh - tất cả đều chấm dứt. Anh không thể tỏ ra dũng cảm trước điều đó. Anh cần phải hạ mình van xin. Và anh sẽ làm. Anh sẽ làm bất cứ điều gì họ muốn để không bị giết.

“Tao nghĩ hai mươi lăm năm trước khi mày chui vào trong chiếc xe đó, Dave, một người khác đã thế vào chỗ của mày. Tao nghĩ đầu óc mày chắc bị chấp mạch hay có vấn đề gì đó,” Jimmy nói. “Nhưng con bé mới có mười chín tuổi. Mày biết không? Mới có mười chín tuổi và nó chưa bao giờ làm gì mày. Nó thậm chí còn quý mày. Thế mà mày lại nỡ giết nó? Tại sao? Tại vì đời mày không ra gì? Vì sắc đẹp khiến mày khó chịu? Hay bởi vì ta đã không chui vào chiếc xe ô tô đó? Tại sao? Chỉ cần mày nói cho tao biết là tại sao, Dave. Nói ra xem nào. Nói ra và tao sẽ để cho mày một con đường sống,” Jimmy nói.

“Ôi không,” Val nói. “Jimmy? Không được. Thôi đi nào. Cậu lại cảm thấy thương hại thằng khốn này ư? Nghe này...”

“Câm miệng, Val.” Jimmy chỉ thẳng về phía hắn ta. “Lúc đi tù, tôi để lại cho cậu một cái guồng máy hoạt động hiệu quả thế mà cậu làm tiêu ma hết cả. Tôi giao lại tất cả cho cậu nhưng cậu chả làm được bất cứ

việc gì ngoài sử dụng vũ lực và buôn bán thứ ma túy tai hại kia. Đừng có ở đây mà khuyên tôi này nọ, Val. Đừng có nghĩ tới chuyện đó.”

Val quay đi, đá đám lau sậy và lau bầu một mình.

“Nói xem, Dave. Nhớ đừng có lời chuyện xâm phạm trẻ em vợ vắn ra ở đây vì tối nay chúng ta không ở đây nói những chuyện tào lao. Biết chưa? Hãy nói thật. Nếu mày lừa tao lần nữa, tao sẽ phanh thây mày ra,” Jimmy nói.

Jimmy nghỉ một lúc lấy hơi. Hắn giơ cao con dao ra trước mặt Dave rồi hạ xuống, lách lưỡi dao và giữa quần và thắt lưng, ngay phía trên đùi phải. Tay kia của hắn xòe ra. “Dave, tao sẽ cho mày mạng sống của mày. Mày chỉ cần nói cho tao biết vì sao mày giết con bé. Mày sẽ đi tù. Hắn thế. Nhưng mày vẫn sống. Vẫn thở.”

Dave cảm kích tới suýt nữa thì hét lên tạ ơn Chúa. Anh những muốn ôm chầm lấy Jimmy. Ba mươi giây trước lòng anh đen tối, đầy tuyệt vọng. Anh đã sẵn sàng quỳ xuống van xin, Tôi chưa muốn chết. Tôi vẫn chưa sẵn sàng. Tôi chưa sẵn sàng rời đi. Tôi biết điều gì đang đón đợi mình ở phía bên kia. Nhưng chắc không phải là thiên đàng. Hay một nơi tươi sáng. Mà nó hẳn là một nơi tăm tối và lạnh lẽo, một đường hầm hun hút vô định. Giống như cái lỗ trong hành tinh, Jim. Và tôi không muốn một mình trong hư vô, qua vạn năm, qua hàng thế kỷ chỉ có mình trái tim cô đơn của tôi trôi nổi trong hư vô lạnh lẽo và hoàn toàn đơn độc.

Nhưng giờ anh đã có cơ hội sống sót. Chỉ cần nói dối. Chỉ cần anh liều mạng nói cho Jimmy những gì hắn muốn. Anh sẽ bị chửi rủa. Có thể bị đánh. Nhưng có thể giữ được mạng sống. Anh có thể nhìn thấy điều đó trong mắt Jimmy. Jimmy không nói dối. Những con chó sói đã biến mất, tất cả những gì còn lại trước mặt anh là một người đàn ông cầm dao đang chờ một kết luận cuối cùng, một người đàn ông bị đè nặng bởi những nghi vấn chưa có lời giải đáp, một người đàn ông đang thương tiếc cho đứa con gái mà anh ta sẽ không bao giờ được nhìn thấy nữa.

Anh sẽ về nhà với em, Celeste. Chúng ta sẽ gây dựng một cuộc sống tốt đẹp. Chúng ta sẽ làm được điều đó. Và rồi anh hứa, không còn bất cứ lời nói dối nào. Không còn bất cứ bí mật nào. Nhưng anh cần phải nói dối một lần cuối cùng này, lời nói dối nghiêm trọng nhất từ trước tới nay vì anh không thể tiết lộ sự thật phũ phàng nhất đời mình. Thà để Jimmy nghĩ rằng anh giết con gái hắn còn hơn là cho hắn biết lý do khiến anh giết tên lạm dụng tình dục kia. Đó là một lời nói dối có ích, Celeste. Nó giúp chúng ta giữ mạng sống của mình.

“Nói đi.” Jimmy lại giục.

Dave cố gắng bịa cho sát với thực tế nhất mà anh có thể. “Tôi gặp con bé ở quán McGills tối hôm đó và nó khiến tôi nhớ tới một giấc mơ cũ.”

“Mơ gì?” Jimmy nói, mặt co rúm lại, giọng khàn đi.

“Về tuổi trẻ,” Dave nói.

Jimmy cúi đầu xuống.

“Tôi không nhớ là mình từng có một thời trai trẻ,” Dave nói. “Và con bé chính là giấc mơ đó, thế là đột nhiên tôi trở nên kích động, tôi đoán là vậy.”

Thật đau đớn khi phải nói ra những lời này với Jimmy, xé nát tâm can hắn, nhưng Dave chỉ muốn được trở về nhà, tỉnh táo trở lại và nhìn thấy vợ con mình, và anh sẵn sàng đánh đổi nó lấy tất cả. Anh sẽ dàn xếp mọi chuyện. Và một năm nữa khi hung thủ thực sự bị bắt và buộc tội, Jimmy sẽ hiểu ra sự hy sinh của anh.

“Phần nào đó trong tôi,” anh nói, “mãi mãi không ra khỏi chiếc xe đó, Jim. Đúng như anh nói đấy. Một Dave khác đã trở về khu phố trong quần áo của Dave nhưng hắn ta không phải là Dave. Dave vẫn còn ở lại trong căn hầm đó. Cậu biết không?”

Jimmy gật đầu và khi ngẩng mặt lên, Dave nhìn thấy mắt cậu ta ướt và sáng, đầy trắc ẩn và thậm chí còn có cả yêu thương.

“Vậy là do giấc mơ?” Jimmy thì thào.

“Là do giấc mơ, đúng thế,” Dave nói và cảm thấy cơn ớn lạnh mà lời nói dối mang lại xuyên thấu bụng anh, lạnh tới mức anh tưởng rằng mình lại đang bị hành hạ bởi cơn đói sau khi đã nôn hết ruột gan ra dòng sông Kỳ Bí. Nhưng cơn ớn lạnh này hoàn toàn khác, không giống như bất kỳ cơn ớn lạnh nào anh từng biết. Lạnh tới tê buốt. Lạnh tới mức nóng cả người lên. Không. Không phải là lạnh, mà là nóng thì đúng hơn. Giờ trong bụng anh như có lửa đốt, lửa đang liếm xuống phía dưới và lên trên ngực khiến anh ngạt thở.

Qua khoeo mắt anh nhìn thấy Val đang nhảy căng lên và hét, “Đấy, đúng như tôi nói với cậu nhé!”

Anh nhìn vào mặt Jimmy. Môi mấp máy, vừa nhanh lại vừa chậm rãi bảo rằng, “Chúng ta chôn vùi tội lỗi của mình tại đây, Dave. Chúng ta gột sạch chúng.”

Dave ngồi xuống. Anh thấy máu chảy ra, rỏ xuống quần. Máu xối ra từ người anh và khi đặt tay lên bụng anh lập tức chạm phải một vết nứt dài vắt ngang bụng.

Dave thì thào: Cậu nói dối.

Jimmy cúi xuống. “Gì cơ?”

Cậu nói dối.

“Môi hần vẫn mấp máy?” Val nói. “Hần vẫn mấp máy môi.”

“Tôi không phải không có mắt, Val.”

Dave chợt sáng tỏ, sáng tỏ bởi một nhận thức kinh hoàng. Một thứ nhận thức đầy thống khổ mà lạnh lùng, tàn nhẫn rằng anh đang hấp hối.

Mình không còn có thể quay đầu lại được nữa. Không thể lừa gạt hay chạy trốn được nữa. Không thể van xin tha mạng hay núp sau những bí mật. Không thể chờ lệnh ân xá dựa trên sự cảm thông. Mà sự cảm thông của ai cơ chứ? Nào có ai thêm quan tâm. Trừ mình. Mình quan tâm. Mình rất chú trọng tới sự cảm thông. Chuyện này thật không công bằng. Mình sẽ không chịu nổi cảnh đơn độc trong cái đường hầm vô định ấy. Xin đừng để tôi đi tới nó. Xin hãy đánh thức tôi dậy. Tôi muốn thức dậy. Anh muốn có em ở bên cạnh, Celeste. Anh muốn chạm vào tay em. Anh chưa sẵn sàng chết.

Anh cố mở mắt ra để nhìn trong lúc Val đưa cho Jimmy thứ gì đó và Jimmy hạ nó xuống giữa trán Dave. Nó rất mát. Một vòng tròn dịu mát, êm ái, làm dịu đi ngọn lửa đang thiêu cháy cơ thể anh.

Chờ đã! Không. Không. Jimmy! Tôi biết đó là thứ gì. Tôi có thể nhìn thấy cò súng. Đừng, đừng, đừng làm thế. Hãy nhìn tôi. Xin hãy nhìn tôi. Đừng làm thế. Xin anh đấy. Nếu anh đưa tôi đến bệnh viện có lẽ vẫn còn kịp. Họ sẽ cứu tôi. Ôi Chúa ơi, Jimmy xin đừng làm thế, đừng dùng ngón tay ấy bóp cò, tôi đã nói dối, tôi đã nói dối, đừng tước đoạt đi của tôi mạng sống, xin cậu đấy, tôi chưa chuẩn bị để nhận một viên đạn vào đầu. Chẳng có ai lại chuẩn bị cho điều đó cả. Xin đừng làm thế.

Jimmy hạ thấp khẩu súng xuống.

Cảm ơn cậu, Dave nói. Cảm ơn cậu, cảm ơn.

Dave nằm ngửa ở đó và nhìn thấy những dòng ánh sáng di chuyển trên cầu, xuyên qua bóng đêm đen tối, lung linh. Cảm ơn cậu, Jimmy. Giờ tôi sẽ làm một người tốt. Cậu đã dạy cho tôi một bài học. Đúng thế. Và tôi sẽ nói với cậu ngay khi tôi có thể thở được. Tôi sẽ là một người cha tốt. Tôi sẽ là một người chồng tốt. Tôi hứa, tôi thề...

“Thế là xong,” Val nói.

Jimmy nhìn xuống thi thể của Dave, xuống vết thương cắt ngang bụng, lỗ đạn mà hần bắn xuyên trán. Hần hất giày của mình ra rồi cởi áo khoác. Sau đó hần cởi chiếc áo thun cao cổ và chiếc quần ka ki dính máu Dave. Tiếp đến là bộ đồ thể thao bằng vải ni lông mà hần mặc phía bên trong và vứt chúng xuống bên cạnh Dave. Hần nghe thấy Val đang đặt gạch và xích sắt vào trong thuyền của Huey rồi xuất hiện với cái túi rác lớn màu xanh. Phía dưới bộ đồ thể thao Jimmy mặc một chiếc áo phông và quần jean trong khi Val lấy từ trong túi rác ra một đôi giày và ném cho hần. Jimmy đi giày vào và kiểm tra áo phông và quần xem có dính vết máu nào không. Nhưng tất cả đều sạch sẽ. Ngay cả bộ đồ thể thao cũng gần như không vậy máu.

Hắn quỳ xuống bên cạnh Val và nhét quần áo của mình vào trong túi rác. Rồi hắn mang con dao và khẩu súng tới bên cầu tàu và ném ra giữa sông. Hắn có thể để chúng trong túi quần áo và vớt ra khỏi thuyền cùng với thi thể của Dave nhưng không hiểu sao hắn lại sốt ruột muốn tẩu tán chúng ngay lập tức, được thực hiện cái động tác vung tay ném khẩu súng ra giữa không trung, nhìn nó quay tròn, xoay xoay, rơi thẳng xuống rồi chìm ngấm giữa sóng nước chập chờn.

Hắn quỳ xuống cạnh mép nước. Bãi nôn của Dave đã bị sóng đánh đi từ lâu và Jimmy thò tay xuống dòng sông nhầy nhụa, ô nhiễm, rửa sạch máu của Dave. Hắn thì thoảng vẫn làm điều đó trong những giấc mơ của mình - gột rửa dưới dòng sông Kỳ Bí – và nhìn thấy cái đầu Just Ray Harris nổi lên quan sát hắn.

Cái đầu của Just Ray lúc nào cũng nhắc lại một câu. “Cậu không thể chạy nhanh hơn một đoàn tàu.”

Và Jimmy bối rối trả lời, “Không ai có thể chạy nhanh hơn tàu, Ray.”

Just Ray lúc này bắt đầu chìm xuống nước, mỉm cười bảo, “Nhất là cậu lại càng không thể.”

Mười ba năm vẫn một giấc mơ này, trong suốt mười ba năm đó đầu Ray nổi lên trên mặt nước và nhắc lại cùng một câu nói và Jimmy vẫn không tài nào cắt nghĩa nổi.

27. Chương 27: Yêu Ai?

Lúc Brendan về tới nhà thì mẹ cậu đã đi chơi Bingo. Bà viết lại cho cậu một lời nhắn: “Thịt gà ở trong tủ lạnh. Con không gặp chuyện gì là tốt rồi. Nhưng chú ý lại thành thói quen.”

Brendan kiểm tra phòng của cậu và Ray nhưng Ray cũng đã đi ra ngoài, cậu bèn lấy một chiếc ghế trong bếp đặt trước chạn. Cậu trèo lên ghế, chiếc ghế hơi nghiêng về bên trái nơi chân ghế bị mất một chiếc vít. Cậu nhìn lên tấm gỗ lát trần và thấy mấy dấu tay hơi nhòe in trên lớp bụi phủ và lớp không khí ngay trước mắt cậu bắt đầu biến thành những lớp nhỏ li ti màu sẫm xoay tròn. Cậu áp lòng bàn tay phải lên tấm gỗ và khẽ nâng nó lên. Sau đó cậu rút tay lại chùi vào quần rồi lại hít một hơi thật sâu.

Đôi khi có những câu trả lời mà chúng ta không muốn biết. Brendan chẳng bao giờ muốn gặp lại cha mình vì không muốn nhìn vào mặt ông và nhận thấy ông đã dễ dàng rời bỏ cậu như thế nào. Cũng như cậu không bao giờ hỏi Katie về những người bạn trai trước đó của cô, kể cả Bobby O'Donnell, vì cậu không muốn hình dung ra cảnh cô nằm trên thân thể của một người đàn ông khác và hôn hắn như cô vẫn làm với cậu.

Brendan hiểu rõ thế nào là sự thật. Trong phần lớn trường hợp, đó chính là việc đưa ra quyết định, hoặc thẳng thắn đối diện với sự thật hoặc giả vờ làm ngơ hay nói dối để được yên ổn. Người ta thường đánh giá quá thấp những lời nói dối hay thái độ giả vờ làm ngơ. Nhưng phần lớn những người mà Brendan quen biết đều không thể sống qua một ngày mà không nói dối hay giả vờ làm ngơ tới vài bận.

Và đó là sự thật mà cậu đang phải đối mặt. Như cậu đã đối mặt với nó lúc ngồi trong buồng giam. Sự thật đó xuyên vào người cậu giống như một viên đạn, nằm lại trong dạ dày và không chịu ra khỏi đó khiến cậu không thể trốn tránh cũng không thể làm ngơ. Giả vờ làm ngơ không được. Đối trá cũng chẳng xong.

“Chết tiệt,” Brendan lẩm bẩm rồi đẩy tấm lát gỗ sang một bên và thò tay vào trong bóng tối, những ngón tay của cậu chỉ sờ thấy bụi mặt gỗ chứ không thấy có khẩu súng nào. Cậu tiếp tục sờ soạn thêm một lúc nữa dù biết là khẩu súng đã không còn ở đó. Khẩu súng của cha cậu đã không còn ở chỗ của nó. Khẩu súng đã được đem ra bên ngoài và đã được sử dụng để giết Katie.

Cậu đẩy tấm ván gỗ trở lại chỗ cũ. Cậu lấy xẻng hót hết đám bụi trên mặt đất rồi đem ghế kê về chỗ cũ. Cậu cảm thấy mỗi hành động của cậu phải vô cùng chuẩn xác. Cậu cần phải thật bình tĩnh. Cậu rót cho mình một cốc nước cam rồi đặt nó lên bàn. Cậu ngồi xuống chiếc ghế có một chân khập khiễng và quay về phía cửa ra vào ở giữa căn hộ. Cậu nhấp một ngụm nước cam và chờ Ray xuất hiện.

“Nhìn xem này,” Sean nói và lôi bản báo cáo xét nghiệm dấu tay trong hộp đựng bằng chứng và mở nó ra trước mặt Whitey. “Đây là dấu tay rõ nhất lấy từ trên cánh cửa. Dấu tay rất nhỏ vì đó là dấu tay của một

đứa trẻ con.”

“Bà Prior cũng nghe thấy hai đứa trẻ chơi trên phố ngay trước khi Katie bị đâm xe. Chơi với gậy khúc côn cầu,” Whitey nói. “Bà ấy bảo nghe thấy Katie nói ‘Xin chào’. Có lẽ đó không phải là giọng của Katie. Giọng của một đứa trẻ con có thể nghe giống như giọng phụ nữ. Và không có dấu chân nào? Dĩ nhiên rồi. Vì bọn chúng thì có nặng bao nhiêu đâu, chừng năm mươi cân?”

“Cậu có nhận ra giọng của thằng bé gọi điện không?”

“Nghe rất giống giọng của Johnny O’Shea.”

Whitey gật đầu. “Còn thằng bé kia thì không nói gì cả.”

“Vì nó đêch nói được,” Sean nói.

“Ray à,” Brendan gọi gọi khi thấy hai thằng bé bước và nhà.

Ray gật đầu. Johnny O’Shea thì vẫy tay. Chúng bắt đầu đi về phía phòng ngủ.

“Lại đây một chút, Ray.”

Ray nhìn Johnny.

“Một tí thôi, Ray. Anh có chuyện muốn hỏi mày.”

Ray quay lại còn Johnny O’Shea thả chiếc túi thể thao xuống đất rồi ngồi lên mép giường của bà Harris. Ray đi vào bếp và giờ hai tay ra nhìn anh trai mình như muốn nói “Có chuyện gì?”

Brendan lấy chân ngoắc lên một chiếc ghế, lôi nó ra khỏi bàn và ra hiệu cho Ray ngồi xuống.

Ray ngẩng phắt đầu lên như thể đánh hơi được sự bất thường trong không khí, một thứ mùi mà thằng bé vốn không thích. Nó hết nhìn xuống chiếc ghế lại nhìn sang Brendan.

Ray ra hiệu, “Em đã làm sai chuyện gì?”

“Tự nói đi,” Brendan nói.

“Em chẳng làm gì sai cả.”

“Vậy thì hãy ngồi xuống.”

“Em không muốn.”

“Vì sao?”

Ray nhún vai.

Brendan hỏi, “Em ghét ai hả Ray?”

Ray nhìn Brendan như một kẻ mất trí.

“Nói xem nào, em ghét ai?” Brendan nhắc lại.

Ray ra hiệu ngắn gọn, “Không ai cả.”

Brendan gật đầu. “Được rồi. Thế em yêu quý ai?”

Ray lại trưng ra cái vẻ mặt ban nãy.

Brendan ngả người về phía trước, hai tay chống lên đầu gối và nhắc lại, “Em yêu quý ai?”

Ray nhìn xuống giày của mình rồi nhìn lên Brendan. Nó giờ tay lên và chỉ vào anh trai mình.

“Em yêu quý anh?”

Ray gật đầu vẻ bồn chồn.

“Mẹ thì sao?”

Ray lắc đầu.

“Em không yêu mẹ?”

Ray dùng tay ra hiệu. “Chả yêu mà cũng chả ghét.”

“Vậy anh là người duy nhất mà em yêu quý?”

Ray hất cằm lên, mặt nó cau lại. Tay nó vung lên ra hiệu, “Đúng. Giờ em đã đi được chưa?”

“Chưa,” Brendan nói. “Ngồi xuống đó.”

Ray nhìn xuống chiếc ghế, mặt nó đỏ lên vì tức tối. Nó nhìn sang Brendan, giơ ngón giữa lên tỏ ý coi thường rồi quay người rời khỏi bếp, Brendan thậm chí không kịp nhận biết là mình đã phi thân ra từ lúc nào cho tới khi tóm được tóc của Ray và nhấc thẳng bé lên khỏi mặt đất. Cậu lôi giật thẳng bé lại như đang kéo dây cót của một chiếc máy cắt cỏ gỉ cũ rồi thả tay ra và Ray bay vèo ra phía sau về phía bàn bếp. Cả người thẳng bé đập bốp vào tường rồi rơi xuống bàn và kéo sập mọi thứ xuống sàn với mình.

“Mày yêu quý anh ư?” Brendan nói, thậm chí không thèm nhìn xuống em trai mình. “Mày yêu quý anh nên giết bạn gái của anh có phải không Ray? Có phải không?”

Những lời đó khiến Johnny O’Shea chột dạ và đúng như Brendan dự đoán, Johnny nhặt lấy chiếc túi thể thao của mình và chuồn ra cửa. Nhưng Brendan đã đứng chắn trước mặt nó. Cậu tóm lấy cổ thẳng khôn đó rồi động nó lên cánh cửa.

“Em trai tao sẽ không bao giờ làm những chuyện như thế nếu không có mày xúi giục, O’Shea. Không bao giờ.”

Brendan co tay lại để chuẩn bị phóng ra một nắm đấm và Johnny gào lên, “Không, Bren. Đừng!”

Brendan thui vào mặt thẳng bé một cú mạnh tới mức nghe thấy cả tiếng mũi bị gãy. Cậu lại đấm cho nó phát nữa. Cho tới khi Johnny ngã xuống sàn, co quắp lại như một trái bóng và thổ máu ra sàn thì Brendan mới nói, “Tao sẽ quay trở lại. Tao sẽ quay trở lại và đánh cho mày chết đi thì thôi, đồ rác rưởi, cặn bã.”

Ray đang choạng vạng đứng trên hai chân của mình, đôi giày thể thao giẫm lên đấm bát đĩa bị vỡ lúc Brendan quay trở lại trong bếp và tát một cú trời giáng vào mặt thẳng bé khiến nó đập đầu vào bồn rửa. Cậu túm lấy áo em trai, Ray nhìn Brendan, những dòng nước mắt trào ra từ đôi mắt tràn ngập thù hận và khóe miệng rớm máu. Brendan ném thẳng bé xuống sàn, duỗi hai tay nó ra rồi quỳ chèn lên đó.

“Nói,” Brendan quát. “Tao biết mày có thể nói. Nói mau thẳng khôn hoặc tao thề có Chúa là tao sẽ giết mày, Ray. Nói!” Brendan hét lên và giở nắm đấm vào dưới tai của Ray. “Nói. Hãy nói tên của cô ấy ra! Nói đi! Nói ‘Katie’, Ray. Nói ‘Katie’!”

Mắt Ray trở nên đỏ đẫm, mặt mày và nó khạc máu ra khỏi miệng.

“Nói!” Brendan gào lên. “Tao sẽ giết mày nếu mày không làm theo!”

Cậu túm lấy mái tóc bên thái dương của em trai và lôi đầu nó lên, lắc mạnh từ bên này sang bên kia cho tới khi mắt Ray định thần trở lại. Brendan giữ chặt lấy đầu Ray và nhìn sâu vào trong đôi mắt xám của nó, nhìn thấy quá nhiều yêu thương cùng thù hận tới mức chỉ muốn bẻ gãy đầu thẳng bé mà ném ra ngoài cửa sổ.

Cậu nhấc lại lần nữa, “Nói,” nhưng giọng cậu lúc này đã trở nên khàn khàn, chỉ còn giống như một tiếng thì thào bị tắc nghẽn. “Nói.”

Rồi cậu nghe thấy một tiếng ho lớn liên ngoái đầu ra sau và thấy O’Shea đang đứng đó và khạc máu xuống sàn, trên tay là khẩu súng của cha cậu.

Sean và Whitey đang đi lên cầu thang thì nghe thấy tiếng huyền náo om sòm, ai đó la hét trong căn hộ và tiếng đấm đá không lẫn vào đâu được. Rồi nghe thấy tiếng một người đàn ông gào lên, “Tao sẽ giết mày!” khiến lập tức Sean đặt tay lên khẩu Glock của mình trong lúc chạm tay kia vào nắm đấm cửa.

Whitey bảo, “Gượm hẵng,” nhưng Sean đã xoay nắm đấm bước vào trong căn hộ và nhìn thấy một mũi súng chỉ cách ngực mình chưa đầy mười xăng ti mét.

“Giữ nguyên ở đó! Đừng có bóp cò, nhóc!”

Sean nhìn vào gương mặt máu me đầm đìa của Johnny O'Shea và chỉ thấy ở đó một nỗi sợ hãi tột cùng. Ngoài ra chẳng còn gì khác. Có lẽ trước đây cũng vậy. Thằng bé không bóp cò vì giận dữ mà là vì sợ hãi. Thằng bé sẽ kéo cò vì trong mắt nó Sean chỉ là một nhân vật trong game và khẩu súng chỉ là một cái cần điều khiển.

“Johnny, cháu nên chìa mũi súng xuống sàn.”

Sean có thể nghe thấy Whitey thở gấp phía bên kia cánh cửa.

“Johnny.”

Johnny O'Shea nói, “Hắn dám đâm cháu. Hai lần. Làm gãy cả mũi cháu.”

“Ai?”

“Brendan.”

Sean đang nhìn sang phía bên trái và thấy Brendan đang đứng trên cửa bếp, tay buông thõng xuống hai bên như đang đóng băng tại chỗ. Anh lập tức nhận ra rằng Johnny O'Shea đang chuẩn bị bắn Brendan lúc anh đẩy cửa bước vào. Anh nghe thấy hơi thở nòng và dứt quãng của Brendan. “Chúng tôi sẽ bắt cậu ta vì tội đó nếu cháu muốn.”

“Không muốn hắn ta bị bắt. Cháu muốn hắn phải chết.”

“Chết là một việc rất hệ trọng, Johnny. Người chết sẽ không bao giờ quay trở lại nữa, cháu biết không?”

“Cháu biết,” thằng bé nói. “Cháu biết thừa tất cả những chuyện đó. Chú sẽ sử dụng nó ư?” Mặt thằng bé đúng là một bãi chiến trường, máu trào ra từ chiếc mũi bị đâm gãy của nó và nhỏ tong tỏng xuống cằm.

“Cái gì cơ?” Sean nói.

Johnny O'Shea nhìn về phía bên cạnh hông cửa. Sean gật gật. “Khẩu súng đó. Đó là một khẩu Glock đúng không?”

“Đúng vậy, nó chính là một khẩu Glock.”

“Glock đúng là một khẩu súng oách. Cháu cũng muốn có một khẩu như thế. Chú sẽ sử dụng nó chứ?”

“Ngay bây giờ á?”

“Vâng. Chú sẽ chìa nó vào mặt cháu?”

Sean mỉm cười. “Không, Johnny.”

Johnny bảo, “Chú cười cái gì? Chĩa súng vào mặt cháu đi. Hai ta đấu súng xem sao. Sẽ rất hấp dẫn.”

Thằng bé nói rồi giương súng lên, tay căng ra ở tư thế sẵn sàng, mũi súng lúc này chỉ còn cách ngực Sean hai xăng ti mét.

Sean nói, “Tôi phải thừa nhận là cậu đã nhanh tay hơn tôi, chiến hữu. Cậu hiểu ý tôi muốn nói gì không?”

“Nhanh tay hơn, Ray,” Johnny kêu to. “Rút súng ra nhanh hơn cả một tên cớm, anh bạn. Chính là tớ đây. Hãy nhìn cho kỹ.”

Sean nói, “Đừng để chuyện này lộ ra ngoài nhé...”

“Chú cũng đã xem cái phim rồi đó hả? Một tay cớm đuổi theo xe gã da đen đó trên mái nhà. Tên mọi đen kia ném tay cớm đó xuống đất, Tên cớm chỉ không kịp kêu ‘A a a’ gì đó rồi rơi từ trên cao xuống. Tên mọi đen đó thật tàn nhẫn, chẳng cần biết tên cớm kia có vợ và con nhỏ ở nhà. Tên mọi đó đúng là hơi bị được.”

Sean từng chứng kiến một cảnh tượng tương tự. Khi đó anh còn là cảnh sát thường và được gửi tới để kiểm chế đám đông trước một vụ cướp nhà băng diễn biến xấu. Gã cướp cố thủ phía bên trong sau hai tiếng đồng hồ lại càng tỏ ra hiệu quả hơn, càng lúc càng trở nên tự tin với sức mạnh và tác dụng của khẩu súng trong tay mình. Sean quan sát hắn huyênh hoang khoác lác trên màn hình vô tuyến nối liền với hệ thống camera theo dõi của ngân hàng. Ban đầu, hắn có vẻ sợ hãi nhưng rồi không hề được cảm giác đó và bắt đầu say mê khẩu súng ở trong tay.

Trong giây lát, Sean như nhìn thấy Lauren đang ở trên gối, một tay tựa má nhìn anh. Anh nhìn thấy đứa con gái trong mơ của mình, nghĩ thấy con bé và nghĩ thật là tệ nếu phải chết mà không được gặp vợ và con gái.

Anh tập trung vào khuôn mặt vô cảm đằng trước và nói, “Cháu có nhìn thấy viên cảnh sát bên trái của cháu không hả Johnny? Người đang đứng trên ngưỡng cửa ấy?”

Johnny liếc nhanh sang bên trái. “Có.”

“Ông ấy không muốn bắn cháu đâu. Ông ấy không hề muốn thế.”

“Ông ta có muốn cũng chẳng sao,” Johnny nói, nhưng Sean thấy thẳng bé bắt đầu dao động, mắt nó liên tục nhấp nháy.

“Nhưng nếu cháu bắn chú thì ông ấy chẳng còn cách nào khác.”

“Cháu chẳng sợ chết.”

“Chú biết thế. Nhưng vấn đề là ở chỗ, ông ấy không bắn thẳng vào đầu cháu hay gì đó. Chúng tôi không giết trẻ con. Nhưng nếu ông ấy bắn cháu từ chỗ ông ấy đang đứng hiện giờ thì cháu biết viên đạn sẽ đi đâu không?”

Mắt Sean vẫn nhìn chăm chăm vào Johnny nhưng đầu anh chỉ nghĩ tới khẩu súng trong tay thẳng bé, muốn nhìn xuống xem cò súng ở chỗ nào và liệu thẳng bé có khả năng bóp cò hay không. Anh thầm nghĩ, mình không muốn bị bắn, lại càng không muốn bị bắn bởi một đứa trẻ. Anh không thể nghĩ ra tình huống nào tệ hơn thế. Anh nhận thấy Brendan, lúc này đang đứng bất động cách anh ba mét về bên trái đường như cũng đang có cùng một suy nghĩ.

Johnny liếm môi.

“Nó sẽ xuyên qua nách của cháu vào cột sống. Nó sẽ khiến cháu bị tê liệt. Cháu sẽ giống như những đứa trẻ trên những quảng cáo nghiên cứu y học của Quỹ Jimmy. Cháu biết là những đứa trẻ nào rồi đấy. Những đứa bé ngồi trên xe lăn bị liệt nửa người, đầu lủng lẳng trước ngực. Cháu sẽ trở thành một đứa đờ đẫn, mũi dài loằng ngoằng. Người ta sẽ phải cầm bát cho cháu ăn bằng ống hút cả đời.”

Johnny đã có quyết định. Giống như một tia sáng vừa lóe lên trong đầu óc tối tăm của nó và Sean cảm thấy bắt đầu cảm thấy sợ hãi vì biết rằng thẳng nhóc sẵn sàng kéo cò súng chỉ vì nghe thấy tiếng súng nổ.

“Mũi của tao,” Johnny nói và quay sang Brendan.

Sean nghe thấy chính mình thở hắt ra vì ngạc nhiên rồi nhìn khẩu súng quét qua khỏi người anh như xoay trên một bệ ngắm. Anh nhanh như chớp với tay ra khóa lấy nòng súng, cứ như ai đó đang điều khiển hai cánh tay của anh đúng lúc Whitey xông vào phòng và chìa khẩu Glock lên ngực thẳng bé. Thẳng nhóc phát ra một tiếng ú ớ - như gặp phải một ngạc nhiên không thú vị kiểu hộp mở quà Giáng sinh và tìm thấy một chiếc tất bẩn - và Sean nhanh nhẹn đẩy thẳng bé úp mặt vào tường và đoạt khẩu súng trên tay nó.

“Thẳng nhãi ranh,” Sean nói và nháy mắt với Whitey qua lớp mồ hôi chảy ròng ròng trên mắt anh.

Johnny bắt đầu khóc cái kiểu khóc của bọn trẻ con mười ba tuổi, giống như cả thế giới đang ngồi lên mặt nó.

Sean xoay thẳng bé lại, kéo hai tay nó ra sau lưng và nhìn Brendan cuối cùng cũng thở phào nhẹ nhõm nhưng môi và cánh tay vẫn còn run, phía sau cậu ta là Ray Harris đang đứng giữa căn bếp tan hoang như vừa trải qua một cơn đại hồng thủy.

Whitey bước tới phía sau Sean, đặt một tay lên vai anh. “Cậu không sao chứ?”

“Thẳng bé định bắn thật,” Sean nói và nhìn thấy cả người anh sùng mỗ hồi cho tới tận tất chân.

“Không, cháu không định bắn,” Johnny rên rỉ. “Cháu chỉ đùa thôi.”

“Câm miệng,” Whitey nói và gí sát vào mặt nó. “Chả ai thèm quan tâm tới những giọt nước mắt của mày ngoài mẹ mày ra, thẳng ôn con. Hãy nhớ lấy điều đó.”

Sean sập còng số tám lên tay Johnny O'Shea rồi túm áo nó lôi vào bếp và thả xuống một chiếc ghế.

Whitey nhìn Ray và bảo, “Ray, trông cậu cứ như là bị người ta ném từ trên xe tải xuống ấy.”

Ray nhìn sang anh trai mình.

Brendan đứng tựa vào lò nướng, cả người sụp xuống một cách thảm hại. Sean đoán một cơn gió nhẹ thổi qua cũng đủ làm cậu ta gục ngã.

“Chúng tôi đã biết chuyện,” Sean nói.

“Các ông biết gì cơ?” Brendan thì thào.

Sean nhìn thẳng bé đang sụt sịt trên ghế rồi nhìn thẳng bé cầm đang đứng kia nhìn họ như thể đang hy vọng họ mau mau rời đi để nó có thể quay lại tiếp tục chơi điện tử. Sean chắc rằng sau khi tìm được một phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu và một nhân viên bảo trợ xã hội và tiến hành thẩm vấn chúng thì chúng sẽ bảo chúng làm việc đó là bởi vì chúng đang ở trên phố lúc cô ấy lái xe tới, bởi vì có lẽ Ray chưa bao giờ thực sự thích cô ấy, bởi vì đó là một lý tưởng thú vị, bởi vì trước, chúng chưa từng giết ai bao giờ, bởi vì khi ngón tay đã chạm vào cò súng thì nhất định phải kéo cò nếu không sẽ bị ngứa suốt nhiều tuần.

“Các ông biết gì?” Brendan nhắc lại, giọng khàn lại và hơi nghẹn ngào.

Sean nhún vai. Anh những mong có được câu trả lời cho Brendan nhưng khi nhìn sang hai đứa trẻ kia anh lại không thể nghĩ ra lời nào để nói. Thực sự là không có lời nào để nói.

Jimmy mang một chai rượu tới phố Gannon. Ở cuối phố Gannon và đầu phố Heller Court có một ngôi nhà tình thương xã hội dành cho những người lớn tuổi, một tòa nhà hai tầng được xây dựng vào những năm 1960 bằng đá vôi và đá hoa cương. Jimmy ngồi đó trên những bậc thang màu trắng ở phía trước tòa nhà và nhìn xuống phố Gannon. Nghe nói những người già đã bị đuổi ra khỏi chỗ này vì khu Thượng bắt đầu trở nên đắt giá tới mức chủ nhân của tòa nhà đã quyết định bán nó cho một nhà thầu chuyên xây các khu căn hộ cao tầng cho các cặp vợ chồng trẻ. Khu thượng đã thực sự biến mất. Trước đây nó vẫn luôn là người anh em bảnh bao của khu Hạ nhưng hiện giờ trông nó thậm chí còn chẳng giống như một người trong họ. Chẳng mấy chốc họ có khi còn thảo ra luật lệ riêng, thay tên và gỡ nó ra khỏi bản đồ Buckingham.

Jimmy lấy từ túi áo khoác ra một chai bourbon nhỏ, nhấp một ngụm và nhìn về nơi họ thấy Dave Boyle lần cuối vào cái ngày cậu ta bị những gã đó bắt đi, đầu vẫn ngoái lại nhìn theo sau lớp cửa kính xe, chìm khuất trong bóng tối rồi nhạt dần theo khoảng cách.

Tôi vẫn mong là không phải cậu, Dave. Tôi thực sự mong là không phải cậu.

Hắn gở chai rượu lên để uống vì Katie. Con ơi, bố đã tóm được hắn. Bố đã trừng phạt hắn.

“Đang nói chuyện một mình ư?”

Jimmy ngẩng lên và thấy Sean đang chui ra khỏi xe, tay cầm một lon bia và hướng về chai rượu của Jimmy mỉm cười. “Lý do gì thế?”

“Một đêm vất vả,” Jimmy nói.

Sean gật đầu. “Tôi cũng vậy. Nhìn thấy một viên đạn khắc tên mình.”

Jimmy ngồi dịch sang một bên và Sean ngồi xuống bên cạnh hắn. “Sao mà cậu biết đến tìm tôi ở đây?”

“Vợ cậu nói có thể cậu đang ở đây.”

“Vợ tôi á?” Jimmy chưa bao giờ nói với Annabeth về những chuyến “vi hành” của hắn tới đây. Chúa ơi, cô ấy đúng là ba đầu sáu tay.

“Đúng vậy. Chúng tôi vừa đi bắt người.”

Jimmy uống một hơi dài, ngực đánh trống thành thịch. “Bắt người?”

“Đúng vậy. Đã bắt được bọn giết con gái anh. Đã tóm được chúng.”

“Bọn chúng?” Jimmy nói. “Không chỉ có một tên?”

Sean gật đầu. “Thật ra là hai đứa trẻ con mười ba tuổi. Ray, con trai thứ hai của Ray Harris và một thằng bé khác tên là Johnny O’Shea. Chúng đã tú tội nửa tiếng trước đây.”

Jimmy có cảm giác như bị một lưỡi dao thọc xuyên qua não từ tai này sang tai kia. Một con dao bồng giầy cắt ngang sọ hắn.

“Không nghi ngờ gì chứ?” Jimmy nói.

“Không còn nghi ngờ gì nữa,” Sean trả lời.

“Vì sao?”

“Vì sao chúng làm thế ấy hả? Chúng mày thậm chí cũng không rõ. Chúng đang nghịch một khẩu súng và nhìn thấy một chiếc xe đi tới. Một đứa liền nằm xuống giữa đường, chiếc xe cua vội, chết máy và O’Shea chạy tới bên cạnh với khẩu súng bảo rằng chỉ muốn dọa Katie một chút thôi. Thế nhưng khẩu súng cướp cò. Katie liền tấn công lại nó bằng cửa xe và lũ nhóc trở nên hết hoảng. Chúng đuổi theo con bé để nó không nói với mọi người là chúng có súng.”

“Thế còn việc con bé bị đánh?” Jimmy nói và nhấp thêm một ngụm rượu.

“Thằng nhóc Ray có một cây gậy khúc côn cầu. Nó sẽ không trả lời bất kì câu hỏi nào. Nó bị câm mà, cậu biết đấy. Chỉ ngồi đó. Nhưng O’Shea bảo chúng đánh Katie vì con bé khiến chúng tức giận vì cứ chạy trốn.” Sean khẽ nhún vai, như thể chính bản thân anh cũng ngạc nhiên trước việc Katie lại mất mạng vì một lý do ngớ ngẩn như thế. “Hai thằng ôn con đó,” anh nói tiếp, “sợ sẽ bị trừng phạt hay gì đó nên đã giết con bé.”

Jimmy đứng dậy. Hắn há miệng đớp vài ngụm không khí, duỗi chân duỗi cẳng rồi lại thấy mình từ khi nào ngồi trở lại chỗ cũ. Sean đặt một tay lên khuỷu tay hắn.

“Đừng căng thẳng quá Jimmy. Hãy hít vài hơi thật sâu.”

Jimmy nhìn thấy Dave ngồi trên mặt đất, tay đang sờ vào vết dao mà Jimmy rạch ngang bụng. Hắn nghe thấy tiếng cậu ta nói: Hãy nhìn tôi, Jimmy. Hãy nhìn tôi.

Và rồi Sean nói, “Tôi nhận được một cú điện thoại của Celeste Boyle. Cô ấy nói là Dave mất tích. Cô ấy bảo mấy hôm nay cô ấy gần như phát điên. Cô ấy nói là cậu, Jim, cậu có thể biết cậu đang ở đâu.”

Jimmy cổ lên tiếng. Hắn mở miệng ra nhưng thanh quản của hắn giống như nhét đầy bông gạc.

Sean nói. “Không ai biết Dave ở đâu. Và chúng tôi rất cần nói chuyện với cậu ta, một chuyện hết sức quan trọng, vì cậu ta có thể có thông tin về một người đàn ông bị giết chết bên ngoài quán Last Drop đêm hôm đó.”

“Một người đàn ông?” Jimmy cổ thót lên trước khi cổ họng lần nữa sít lại.

“Đúng vậy,” Sean nói giọng có gì đó cứng nhắc. “Một tên ấu dâm từng có ba tiền án. Một thằng khốn. Giả thiết của chúng tôi là có ai đó đã bắt quả tang hắn đang cùng với một đứa trẻ con nên cho hắn đi chầu Diêm vương. Chúng tôi muốn hỏi thêm Dave về chuyện đó. Cậu có biết cậu ta ở đâu không, Jim?”

Jimmy lắc đầu, vẫn không tài nào tập trung vào bất kỳ thứ gì khác ngoài biên độ tầm nhìn của mình lúc này, dường như một đường hầm đang hiện ra trước mặt hắn.

“Không ư?” Sean nói. “Celeste bảo cô ấy nói với cậu là Dave đã giết Katie. Và có vẻ như cậu cũng nghĩ thế. Cô ấy có cảm giác là vì chuyện này, cậu nhất định sẽ làm gì đó.”

Jimmy nhìn xuyên qua đường hầm tới một cái nắp cống.

“Và từ giờ mỗi tháng cậu sẽ gửi 500 đô cho Celeste phải không Jimmy?”

Jimmy ngược lên và cả hai người bọn họ cùng lúc đọc được câu trả lời trên mặt đối phương – Sean biết được Jimmy đã làm gì và Jimmy thì hiểu rằng Sean đã biết.

“Cậu đã làm chuyện táng tận đó, đúng không? Cậu đã giết cậu ấy.”

Jimmy đứng dậy, bám vào tay vịn cầu thang. “Không biết cậu đang nói gì.”

“Cậu đã giết cả hai người bọn họ - Ray Harris và Dave Boyle. Chúa ơi, Jimmy, tôi tới đây và nghĩ rằng làm gì mà có chuyện ngu ngốc đó nhưng tôi có thể nhìn thấy nó trên mặt cậu. Cậu là một tên khốn, điên rồ, biến thái, một tên thần kinh. Cậu đã làm chuyện đó. Cậu đã giết Dave. Cậu đã giết Dave Boyle. Bạn của chúng ta, Jimmy.”

Jimmy khịt mũi về khinh bỉ. “Bạn của chúng ta. Vâng, đúng, Anh chàng Tối Từ Khu Thượng, cậu ta đích thực là bạn tốt của cậu. Lúc nào cũng dính lấy nhau như hình với bóng.”

Sean bước lên đối mặt với Jimmy. “Cậu ấy là bạn thân của chúng ta, Jimmy. Nhớ không?”

Jimmy nhìn thẳng vào mắt Sean và tự hỏi có nên đâm cho anh ta một phát hay không.

“Lần cuối cùng tôi nhìn thấy Dave là ở nhà tôi tối hôm qua.” Jimmy nói rồi đẩy Sean sang bên cạnh và băng qua đường sang bên phố Gannon. “Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy cậu ấy.”

“Cậu là đồ dối trá.”

Jimmy quay lại, hai tay dang rộng ra nhìn Sean về thách thức. “Không tin thì cứ bắt tôi đi.”

“Tôi sẽ tìm ra bằng chứng,” Sean nói. “Cậu biết là tôi sẽ làm được.”

“Cậu tìm ra được cái con khỉ tườu,” Jimmy nói. “Cảm ơn đã bắt được thủ phạm giết hại con gái tôi, Sean. Thật đấy. Nhưng giá cậu có thể nhanh hơn một chút thì tốt.” Jimmy nhún vai rồi lại quay lưng lại với Sean, nhằm hướng phố Gannon đi tới.

Sean nhìn theo cho tới khi Jimmy biến mất trong bóng tối của một ngọn đèn đường đã bị cháy ngay đằng trước ngôi nhà cũ của Sean.

Cậu đã làm chuyện đó, Sean thầm nghĩ. Cậu thực sự đã gây ra chuyện đó, tên động vật máu lạnh nhẫn tâm kia. Và tệ nhất là cậu đã ra tay quá hoàn hảo, quá thông minh. Cậu sẽ không để lại cho chúng tôi bất kì dấu vết nào. Chắc chắn là không bởi vì cậu là người vô cùng coi trọng tiểu tiết, Jimmy. Cậu đúng là một tên khốn. “Cậu đã tước đoạt mạng sống của cậu ấy,” Sean nói to. “Đúng không Jimmy?”

Sean ném lon bia xuống vỉa hè rồi bước vào trong xe, gọi điện cho Lauren từ máy cầm tay của mình. Khi cô trả lời máy, anh nói, “Là anh, Sean.”

Tiếp đó chỉ là sự im lặng.

Giờ thì anh biết là vì anh chưa nói những lời mà cô muốn nghe, những lời mà anh trốn tránh hơn một năm nay. Anh có thể nói bất cứ điều gì, anh tự nhủ, bất cứ điều gì ngoại trừ những điều đó.

Nhưng giờ anh sẽ nói. Anh sẽ nói và nghĩ tới cảnh thằng bé kia chĩa súng vào ngực anh với vẻ vô cảm, nghĩ tới Dave đáng thương vào cái ngày mà Sean mời cậu ta đi uống bia, tới tia hi vọng tốt cùng lóe lên trên gương mặt Dave vì cậu ta chẳng bao giờ dám tin, thực sự tin rằng có ai đó muốn đi uống bia với mình. Anh sẽ nói vì tận trong xương tủy của mình anh cảm thấy anh cần phải nói, vì Lauren và cũng chính là vì anh.

Và anh nói, “anh xin lỗi.”

Và Lauren lên tiếng. “Về chuyện gì cơ?”

“Vì đã đổ hết trách nhiệm cho em.”

“Được rồi...”

“À...”

“À...”

“Em nói trước đi,” anh nói.

“Em...”

“Gì cơ?”

“Em...tệ thật, Sean, em cũng xin lỗi. Em không định...”

“Không sao,” anh nói. “Thật đấy.” Anh hít một hơi dài cái không khí bụi bặm, sức mùi mồ hôi trong chiếc xe cảnh sát. “Anh muốn gặp em. Anh muốn gặp con gái của anh.”

Và Lauren nói, “Sao anh biết được đó là con anh?”

“Con bé là của anh.”

“Nhưng xét nghiệm máu...”

“Con bé là của anh,” anh nói. “Anh không cần xét nghiệm máu. Em sẽ về nhà chứ Lauren? Em sẽ về chứ?”

Đâu đó trên con phố vắng anh nghe thấy tiếng máy phát điện chạy rì rầm.

“Nora,” cô nói.

“Gì cơ?”

“Đó là tên con gái anh, Sean.”

“Nora,” anh nói trước khi cổ họng anh nghẹn lại

Khi Jimmy về tới nhà, Annabeth đang đợi hắn trong bếp. Hắn ngồi xuống chiếc ghế ở phía bên kia bàn đối diện với cô. Cô cười với hắn cái nụ cười nhẹ nhàng, bí ẩn mà hắn vẫn luôn yêu mến, nụ cười như hiểu thấu lòng hắn, cho dù cho đến hết đời này hắn không mở miệng ra nữa thì cô vẫn biết hắn muốn nói gì. Jimmy cầm lấy tay vợ và dùng ngón tay cái vuốt ve dọc theo ngón tay của cô để tìm thấy sức mạnh của chính bản thân mình được phản chiếu trên nét mặt của vợ.

Chiếc máy theo dõi tiếng trẻ con khóc đặt trên bàn giữa hai người bọn họ. Họ bắt đầu sử dụng nó từ tháng trước khi Nadine bị ốm vì nhiễm khuẩn cầu khuẩn khá nặng. Khi nghe thấy con bé thở hồng hộc trong giấc ngủ Jimmy cứ tưởng như con mình sắp chết đuối, rồi hơ tới xé ruột xé gan khiến hắn bật dậy trên giường và ẵm con bé vội vàng lao tới phòng cấp cứu trên người chỉ mặc độc quần lót và áo phông. Con bé hồi phục rất nhanh anh Annabeth vẫn không muốn cất chiếc máy báo khóc vào tủ. Buổi tối cô ấy vẫn bật lên để theo dõi giấc ngủ của Nadine và Sara.

Hai đứa lúc này vẫn chưa ngủ. Jimmy có thể nghe thấy tiếng chúng thì thầm và cười khúc khích qua chiếc loa nhỏ và việc hình dung ra hai đứa nhỏ vui đùa trong khi hắn thì nghĩ tới những lỗi lầm của mình khiến Jimmy cảm thấy hải hùng.

Mình đã giết một người. Giết nhầm.

Nhận thức đó, nỗi hổ thẹn đó thiêu đốt tâm can hắn.

Mình đã giết Dave Boyle.

Thứ cảm xúc đó từng giọt, từng giọt thiêu đốt chảy xuống bụng hắn, khiến hắn quay cuồng.

Mình đã giết người. Mình đã giết một người đàn ông vô tội.

“Ôi, anh yêu,” Annabeth nói và sở soạn lên mặt hắn. “Ôi, cực cưng, có chuyện gì vậy? Là vì Katie ư? Cưng này, nhìn anh như sắp chết ấy.”

Cô đi vòng qua bàn tới chỗ hắn, ánh mắt mãnh liệt, một sự pha trộn giữa lo lắng và thương xót. Cô ngồi vào lòng Jimmy, hai tay ôm lấy khuôn mặt của hắn và bắt hắn nhìn vào mắt mình.

“Hãy nói cho em biết. Hãy nói cho em biết chuyện gì đã xảy ra.”

Jimmy những muốn trốn đi chỗ khác. Giây phút này tình yêu của cô khiến hắn đau lòng. Hắn muốn thoát ra khỏi bàn tay ấm áp của cô và tìm một nơi tăm tối, một cái hang sâu nơi tình yêu cũng như ánh sáng đều không thể tới được để hắn có thể cuộn tròn người lại và rên lên nỗi đau đớn và sự căm ghét đối với bản thân.

“Jimmy,” cô thì thầm. Cô hôn lên mí mắt hắn. “Jimmy, hãy nói với em. Xin anh.”

Cô đặt tay lên hai bên thái dương của hắn, lồng những ngón tay vào trong tóc, ôm lấy đầu hắn và hôn hắn. Lưỡi cô thọc sâu vào miệng hắn, thăm dò, tìm kiếm nguồn cơn nỗi đau cả hắn, hút lấy chúng và nếu cần

thiết có thể biến thành một lưỡi dao sắc để cắt bỏ đi những khối u dữ, lôi chúng ra khỏi người hắn. “Hãy nói cho em biết. Xin anh, Jimmy. Hãy nói cho em biết.”

Và hắn biết, khi soi mình vào tình yêu đó của cô, rằng hắn sẽ phải kể cho cô hết mọi chuyện hoặc là hắn sẽ mất tất cả. Hắn không chắc là cô có thể cứu giúp nhưng hắn tin là nếu không thành thực bày tỏ hết với cô lúc này thì hắn nhất định sẽ chết.

Thế nên hắn không kể hết với vợ.

Hắn kể với cô tất cả. Hắn kể với cô về Just Ray Harris, về nỗi u buồn đã neo trong lòng hắn từ khi mười một tuổi và kể với cô rằng thương yêu Katie chính là thành tựu đẹp đẽ duy nhất trong cuộc đời vô dụng của hắn, rằng cô bé Katie khi đó, đứa con gái ruột thịt mà xa lạ vừa cần tới hắn mà lại vừa nghi ngại hắn năm đó, chính là thử thách đáng sợ nhất mà hắn từng đối mặt và cũng là nghĩa vụ duy nhất mà hắn không bao giờ chạy trốn. Hắn nói với cô rằng yêu thương và che chở cho Katie là ngọn nguồn cuộc sống của hắn, không còn con bé, đời hắn trở nên vô nghĩa.

“Và vì vậy, anh đã giết Dave,” hắn nói và tự dưng cảm thấy căn bếp trở nên nhỏ bé và chật chội xung quanh hai người bọn họ.

“Anh giết cậu ta, ném xuống dòng sông Kỳ Bí và bây giờ anh phát hiện ra rằng đó không chỉ là một tội ác kinh khủng mà tệ hơn nữa là cậu ấy hoàn toàn vô tội.”

“Đó là những chuyện mà anh đã gây ra, Anna. Và anh không thể gỡ lại được. Anh nghĩ anh nên ngồi tù. Anh nên thú nhận đã giết Dave và quay trở lại nhà tù vì anh nghĩ rằng anh thuộc về nơi đó. Không, em yêu, anh đúng là thuộc về nơi đó. Anh thật không phù hợp sống ở bên ngoài. Anh là một người không thể tin cậy.”

Giọng hắn nghe giống như của một người khác. Quá khác so với giọng nói thường ngày khi biết Jimmy tự hỏi không biết Annabeth có nhìn thấy người lạ ở trước mặt mình, một bản sao giấy than của Jimmy, và một Jimmy biến mất trong không khí.

Nhưng nét mặt của cô vẫn khách quan, điềm tĩnh và trầm lặng tới mức có thể làm mẫu cho người ta vẽ tranh. Cầm hắt lên, mắt mở to nhưng không thể đọc được cô đang nghĩ gì.

Jimmy lại nghe thấy tiếng của hai đứa con gái trong máy báo khóc thì thầm nói chuyện với nhau như âm thanh của gió khẽ thổi qua kẽ lá.

Annabeth cúi xuống và bắt đầu cởi áo sơ mi của Jimmy, người hắn đỡ ra dưới những ngón tay khéo léo của cô. Cô cởi áo hắn ra và tụt xuống nửa vai rồi áp tai lên ngực hắn.

Jimmy nói, “Anh chỉ...”

Tay cô trượt dọc bên sườn hắn, vuốt ve lưng hắn rồi áp chặt hơn nữa mặt cô vào ngực hắn. Cô nhắm mắt lại, một nụ cười xinh nở trên môi.

Họ ngồi như thế một lúc. Tiếng thì thầm trên máy báo khóc đã được thay bằng tiếng thở đều của hai đứa trẻ con trong giấc ngủ.

Khi Annabeth rút cuộc rời khỏi ngực hắn, Jimmy vẫn có cái cảm giác má cô vẫn còn ở đó, vĩnh viễn để lại dấu vết trên ngực hắn. Cô trào khỏi người hắn và ngồi xuống sàn trước mặt hắn và nhìn hắn. Rồi cô ngó sang chiếc máy báo khóc và im lặng một lúc, lắng nghe hai đứa con gái đang ngủ say.

“Anh có biết em đã nói gì với các con khi cho chúng đi ngủ tối nay không?”

Jimmy lắc đầu.

Annabeth nói, “Em bảo với chúng là chúng cần phải đặc biệt ngoan ngoan với bố vì chúng ta yêu Katie nhiều như thế nào thì bố còn yêu Katie nhiều hơn thế nữa. Anh yêu con bé như vậy vì chính anh đã tạo ra nó và ôm ấp nó từ khi con bé còn nhỏ xíu và đôi khi tình yêu của anh dành cho con bé lớn tới mức tim anh giống như một quả bóng phồng lên quá cỡ, chỉ chực vỡ bung ra vì quá nhiều thương yêu.”

“Chúa ơi,” Jimmy nói.

“Em nói với các con là bố cũng yêu các con nhiều như vậy đó. Rằng ông ấy có bốn trái tim, tất cả đều là những quả bóng căng và nhứt nhối yêu thương. Với tình yêu đó các con sẽ không bao giờ phải lo lắng gì cả. Và Nadine nói, ‘Không bao giờ ư?’ ”

“Xin em.” Jimmy có cảm giác như đang bị nghiền nát dưới một bức tường đá. “Đừng nói nữa.”

Cô lắc đầu, nhìn hẩn bằng đôi mắt điềm tĩnh của mình. “Em nói với Nadine, ‘Đúng thế. Không bao giờ. Bởi vì bố là nhà vua, không phải là một hoàng tử. Nhà vua luôn biết làm gì là đúng, ngay cả đôi khi phải đưa ra những quyết định hết sức khó khăn. Bố các con là một vị vua và ông ấy sẽ...’ ”

“Anna...”

“ ‘... và ông ấy sẽ làm bất cứ điều gì cho những người mà ông ấy yêu mến. Ai mà chẳng phạm lỗi. Tất cả mọi người đều có lúc phạm lỗi. Nhưng những người đàn ông có bản lĩnh thì sẽ cố gắng sửa chữa. Đó mới là điều quan trọng. Đó mới chính là tình yêu đích thực. Đó là lý do tại sao mà bố của các con chính là một người đàn ông vĩ đại.’ ”

Jimmy cảm thấy hai mắt nhòe đi. “Không,” hẩn nói

“Celeste gọi điện tới,” Annabeth nói, những lời giống như mũi dao sắc.

“Đừng...”

“Cô ấy muốn biết anh ở đâu. Cô ấy bảo cô ấy có nói với anh về những nghi ngờ của mình về Dave.”

Jimmy lấy mu bàn tay gạt nước mắt và nhìn vợ mình như thể lần đầu tiên nhìn thấy cô.

“Cô ta nói với em vậy, Jimmy, và em nghĩ có kiểu vợ nào lại đi nói những điều như thế về chồng của mình? Sao lại có thể nhu nhược tới mức tin vào những chuyện trẻ con hoang đường như thế? Và tại sao cô ta lại kể với anh chứ? Hả Jim? Tại sao cô ta lại chạy tới chỗ anh?”

Jimmy có một suy đoán – hẩn vẫn luôn có một suy đoán về Celeste và cái cách cô ấy đôi khi nhìn hẩn – nhưng hẩn không nói gì.

Annabeth mỉm cười như thể đã đọc thấy câu trả lời trên mặt hẩn. “Em đáng lẽ phải gọi di động cho anh. Em đáng lẽ phải làm vậy. Sau khi cô ta nói cho em biết về những nghi ngờ của anh và lại nhìn thấy anh rời đi với Val, em có thể đoán ngay ra là em đang định làm gì, Jimmy. Em không đến nỗi ngốc.”

Cô ấy chả bao giờ ngốc cả.

“Nhưng em đã không gọi cho anh. Em đã không ngăn cản việc đó lại.”

Giọng của Jimmy như vỡ ra. “Tại sao không?”

Annabeth ngẩng đầu lên nhìn hẩn như thể câu trả lời đã hết sức rõ ràng. Cô đứng dậy nhìn hẩn với ánh mắt tràn đầy hiếu kỳ rồi đá giày ra khỏi chân. Cô tụt quần jean của mình xuống đùi rồi kéo nó xuống tới tận mắt cá chân. Cô kéo Jimmy ra khỏi ghế của hẩn. Cô áp sát vào người hẩn và bắt đầu hôn lên hai má ẩm ướt của hẩn.

“Bọn họ,” cô nói, “là những kẻ yếu đuối.”

“Bọn họ là ai?”

“Tất cả mọi người,” Cô nói. “Tất cả mọi người trừ hai chúng ta.”

Cô lôi tuột áo của Jimmy ra khỏi vai hẩn và Jimmy như nhìn thấy khuôn mặt của cô trong đêm hẹn hò đầu tiên bên dòng kênh Penitentiary. Cô hỏi hẩn liệu việc phạm pháp có ăn sâu vào máu của hẩn không và Jimmy đã thuyết phục cô là không vì hẩn cho rằng đó là câu trả lời mà cô muốn nghe. Chỉ tới giây phút này đây, mười hai năm rưỡi sau đó, hẩn mới hiểu ra rằng thứ cô muốn nghe từ miệng hẩn là sự thật. Cho dù câu trả lời của hẩn là gì thì cô cũng sẽ tìm cách thích ứng với nó. Cô ấy sẽ ủng hộ nó. Cô ấy sẽ gây dựng cuộc sống của họ trên cơ sở phù hợp với nó.

“Chúng ta sẽ không phải là những kẻ yếu đuối,” cô nói và Jimmy cảm thấy ham muốn xâm chiếm lấy hắn như thể đã tích tụ từ bấy nhiêu lâu. Nếu có thể ăn tươi nuốt sống cô ngay lúc này mà không làm cô đau đớn thì hắn sẽ ngay lập tức cắn ngập răng vào cổ cô và ngẫu nhiên các bộ phận trên cơ thể.

“Chúng ta sẽ không bao giờ là những kẻ yếu đuối,” Cô ngồi lên bàn bếp, hai chân đung đưa.

Jimmy nhìn vợ mình trong lúc bước chân ra khỏi chiếc quần jean trên sàn nhà và nghĩ rằng đây chỉ là một biện pháp nhất thời, chỉ tạm thời khiến hắn quên đi nỗi đau do việc sát hại Dave gây ra bằng cách rúc vào da thịt và sự can đảm của vợ mình. Nhưng chỉ là đêm nay thôi, không phải là cho ngày mai hay những ngày sắp tới. Nhưng đêm nay rõ ràng, đó chính là lối thoát của hắn. Không phải tất cả những phát hiện vĩ đại trên đời này đều bắt đầu từ những bước đơn giản hay sao?

Annabeth đặt tay lên hông hắn, móng tay cô bấm vào da thịt ở gần cột sống của hắn.

“Khi chúng ta làm xong, Jim?”

“Ừ?” Jimmy đang ngây ngật trong cơn say sưa với vợ mình.

“Nhớ đừng quên hôn chúc các con ngủ ngon.”

28. Chương 28: Chúng Tôi Sẽ Giữ Cho Cậu Một Chỗ

Sáng Chủ nhật, Jimmy thức dậy trong âm thanh văng vẳng của tiếng trống hội từ xa vọng lại.

Không phải là tiếng trống nhàn nhạt và tiếng chũm chọe chan chát của một ban nhạc đeo khuyên mũi trong hộp đêm ngọt ngào mà là tiếng trống nên bùm bùm, dồn dập, hùng hồn của một đoàn quân nhạc đang đóng ngay bên ngoài Buckingham. Rồi đột nhiên vang lên một tiếng kèn đồng yếu ớt, lạc nhịp. Thế nhưng đó cũng chỉ là một âm thanh xa xôi văng vẳng lại từ cách đó nhiều dặm nhà và gần như tắt ngấm ngay khi chạm đến tai hắn. Trong sự tĩnh lặng tiếp theo đó, hắn nằm im lắng nghe những tiếng động khẽ khàng của buổi sáng Chủ nhật muộn - một buổi sáng đầy nắng dựa vào vật nặng vàng sậm phía bên kia rèm cửa. Hắn nghe thấy tiếng gập gù của đám chim bồ câu đậu trên bậc cửa sổ và tiếng sữa khô khan của một con chó dưới phố. Hắn nghe thấy tiếng cửa xe ô tô mở ra, đóng vào và chờ đợi tiếng động cơ nổ máy nhưng mãi mà không thấy, và rồi hắn lại nghe thấy tiếng trống bùm bùm, ngày càng tự tin, mạnh mẽ hơn.

Hắn nhìn chiếc đồng hồ trên bàn ngủ, đã mười một giờ trưa. Lần cuối cùng hắn ngủ muộn như thế này là từ cách đây... hắn thực tình nhớ không ra. Có lẽ là từ nhiều năm trước. Dễ tới một thập kỷ cũng nên. Hắn nhớ lại những ngày mệt mỏi vừa qua, cái cảm giác quan tài của Katie nâng lên hạ xuống như một cái cầu thang máy trong người hắn. Và rồi hắn nhớ đêm hôm qua, tối lượt Just Ray Harris cùng Dave Boyle tới thăm trong lúc hắn ngồi uống rượu ở phòng khách, một tay cầm súng, nhìn theo hai người bọn họ vẫy chào hắn từ ghế sau một chiếc xe có mùi táo. Và rồi cái gáy của Katie xuất hiện giữa hai người kia trong khi chiếc xe tiếp tục lăn bánh xuống phố Gannon, Katie không một lần quay đầu nhìn lại, chỉ có Just Ray và Dave vẫy lấy vẫy để, miệng cười toét như hai thằng ngốc, và rồi Jimmy cảm thấy khẩu súng bắt đầu trở nên ngứa ngáy trong lòng bàn tay hắn. Hắn ngửi thấy mùi dầu khét và nghĩ đến việc nhét nòng súng vào trong miệng mình.

Lễ viếng Katie đúng là cơn ác mộng. Celeste xuất hiện đúng lúc khách khứa tới đông nhất vào lúc tám giờ tối và dùng nắm đấm của mình tấn công Jimmy, gọi hắn là tên sát nhân. “Anh còn xác của con bé!” Cô ta kêu gào. “Còn tôi thì còn lại gì của anh ấy? Anh ấy đâu, Jimmy, ở đâu?” Bruce Reed và mấy người con trai của ông kéo cô ra khỏi người Jimmy và lôi ra ngoài nhưng Celeste vẫn còn đủ thời gian hét toáng lên. “Sát nhân! Hắn là một kẻ sát nhân. Hắn đã giết chồng tôi! Tên sát nhân kia.”

Sát nhân.

Và rồi sau đó là lễ tang và lễ hạ huyệt, Jimmy đứng đó nhìn người ta đưa con gái hắn vào trong một cái hố rồi ném hàng đồng đất đá bắn thủ lên nắp quan tài và Katie vĩnh viễn biến khỏi cuộc đời hắn dưới ba tấn đất kia như thể nó chưa bao giờ tồn tại.

Cho tới đêm qua, tất cả những áp lực đó như đã ngấm vào tới tận xương tủy của hắn và ăn mòn chúng, cổ quan tài của Katie không ngừng nâng lên, hạ xuống nâng lên hạ xuống nên tới khi hắn cất súng vào ngăn kéo và ngã xuống giường thì hắn chỉ còn lại một cảm giác bất động, như thể cái chết đã nằm trong tủy sống và máu trong người hắn đã vón cục cả lại.

Ôi Chúa ơi, hắn nghĩ, mình chưa bao giờ mệt mỗi thể này. Quá mệt mỏi, quá buồn bã, quá vô dụng và quá đơn độc. Mình đã kiệt sức bởi chính những lỗi lầm của mình, bởi sự điên rồ và cái nỗi buồn cay đắng và chua xót ấy. Hủy hoại mình bằng chính những tội lỗi của mình. Ôi, Chúa ơi, hãy để con một mình và hãy để con chết để con không tiếp tục làm những việc sai trái nữa và sẽ không còn mệt mỏi, không còn phải mang những gánh nặng về trách nhiệm và tình yêu. Hãy phóng con khỏi tất cả những thứ đó vì con đã quá mệt mỏi vì phải một mình đương đầu với tất cả.

Annabeth đã cố gắng cảm nhận tội lỗi của hắn, những nỗi dằn vặt khủng khiếp của hắn nhưng cô không thể. Vì cô không phải người bóp cò súng.

Và giờ đây, hắn vừa ngủ tới tận mười một giờ. Ngủ suốt mười hai tiếng đồng hồ, say như chết vì hắn không hề biết Annabeth thức dậy khi nào.

Hắn đã đọc ở đâu đó rằng biểu hiện rõ nét của chứng trầm cảm nặng là mệt mỏi kéo dài và nhu cầu bức thiết được ngủ, nhưng khi hắn đã ngồi dậy trên giường, tiếng trống đập thành thịch, hòa lẫn với tiếng kèn đồng trong cùng một nhịp khiến hắn cảm thấy sảng khoái. Hắn có cảm giác trở lại thuở đôi mươi. Hắn cảm thấy vô cùng tỉnh táo như thể sẽ không bao giờ cần phải ngủ lại nữa. Là cuộc diễu hành, hắn chợt nhận ra. Tiếng trống và tiếng kèn và từ đội quân nhạc đang tổng duyệt lần cuối trước khi diễu hành trên đại lộ Buckingham vào buổi trưa. Hắn đứng dậy tới bên cửa sổ kéo rèm lên. Lý do khiến chiếc xe hơi lúc này mãi không nổ máy là vì người ta đã phong tỏa đại lộ Buckingham từ khu Hạ cho tới Rome Basin. Cả thấy ba mươi sáu dãy nhà. Hắn nhìn qua cửa sổ xuống đại lộ, mặt đường nhựa màu ghi xanh trông giống như một dải lụa óng ánh dưới mặt trời với một vẻ sạch sẽ chưa từng thấy. Những cột chắn đường màu xanh được đặt trên khắp các ngã rẽ vào đại lộ và trải dài dọc trên các lề đường, tới xa hút tầm mắt.

Mọi người bắt đầu ra khỏi nhà và giữ chỗ trên vỉa hè. Jimmy nhìn họ bày các thùng lạng đựng đồ uống, radio, và các giỏ đồ ăn xuống đường và vẫy tay chào Dan và Maureen Guden lúc này đang mở ghế gấp ra ngồi ở trước cửa tiệm giặt là Hennessey. Khi họ vẫy tay chào lại, tự dưng hắn thấy cảm động bởi sự quan tâm hiện lên trên gương mặt họ. Maureen chụm tay lên miệng gọi hắn. Jimmy mở cửa sổ, tì vào tấm màn che, hứng lấy ánh mặt trời buổi sáng, không khí rạo rức và cả thứ mùi vị còn sót lại của đám bụi xuân vờn trên rèm cửa.

“Có chuyện gì vậy, Maureen?”

“Tôi nói, cậu khỏe không, chàng trai?” Maureen nói to. “Cậu ổn chứ?”

“Vâng,” Jimmy đáp lại và ngạc nhiên khi nhận ra rằng hắn thực sự cảm thấy rất ổn. Hắn sẽ vẫn mang Katie như một trái tim thứ hai, một trái tim tan nát và giận giữ không bao giờ ngừng những nhịp đập điên cuồng của nó. Hắn chắc chắn về điều đó, hoàn toàn không có ảo tưởng khác. Đau thương sẽ là thường trực, là một phần cơ thể của hắn khó tách rời hơn cả tứ chi. Tuy nhiên vì một lý do nào đó mà trong giấc ngủ dài của mình hắn căn bản đã chấp nhận nó. Nó ở đó, giống như một phần cơ thể hắn và hắn có thể thỏa hiệp với nó. Với nhận định đó, hắn thực sự cảm thấy khá hơn nhiều so với hắn mong đợi. “Tôi...khỏe.” Hắn nói với Maureen và Dan. “Cũng không đến nỗi ấy. Ông bà biết đấy!”

Maureen gật đầu còn Dan lại hỏi, “Cậu có cần gì không. Jim?”

“Ý tôi là nếu cậu có cần bất cứ thứ gì, đừng ngại,” Maureen nói.

Và Jimmy cảm thấy trào dâng lên một niềm yêu mến và tự hào vô tận đối với họ cũng như đối với cả khu phố này. “Không, tôi rất ổn. Nhưng cảm ơn. Cảm ơn ông bà đã hỏi thăm. Điều đó rất có ý nghĩa với tôi,” hắn nói.

“Cậu sẽ xuống đường chứ?” Maureen hỏi.

“Chắc thế, vâng.” Trong lòng Jimmy lúc này vẫn đang do dự nhưng không hiểu tại sao lại buột miệng nói tiếp, “Lát nữa gặp lại ông bà ở dưới nhé!”

“Chúng tôi sẽ để dành cho cậu một chỗ,” Dan nói.

Họ vây Jimmy, Jimmy vây lại rồi rời khỏi cửa sổ, ngực vẫn tràn ngập thứ cảm giác pha trộn giữa yêu thương và tự hào. Những người đó là người của hắn. Và đây là khu phố của hắn. Nhà của hắn. Họ sẽ dành cho hắn một chỗ. Không còn nghi ngờ gì nữa. Vì hắn là Jimmy của Khu Hạ.

Đó là biệt hiệu mà những người hàng xóm lớn tuổi đặt cho hắn trước khi hắn ở tù Deer Island. Họ dẫn hắn tới những câu lạc bộ trên phố Prince ở North End và giới thiệu, “Carlo này, đây là người bạn mà tôi đã kể với cậu, Jimmy. Jimmy của Khu Hạ.”

Rồi Carlo hay Gino hay một người nào đó có thể kết thúc với chữ O sẽ tròn tròn mắt lên và nói, “Không đùa đấy chứ? Jimmy Khu Hạ. Rất vui được gặp cậu, Jimmy. Tội ngưỡng mộ danh tiếng của cậu đã lâu.”

Sau đó họ sẽ tiếp tục trêu đùa về tuổi của hắn – “Gì cơ, cậu mở cái kết sắt đầu tiên bằng kim băng cài tã của mình?” – nhưng Jimmy có thể thấy sự tôn trọng, nếu không nói là hơi e dè của những người từng trải này đối với sự hiện diện của hắn.

Hắn là Jimmy của Khu Hạ. Lập nên băng nhóm ở tuổi mười bảy. Mười bảy tuổi – ai có tin được không? Một gã hoàn toàn nghiêm túc. Không thể đùa được. Một kẻ biết giữ mồm giữ miệng, hiểu luật chơi và biết tôn trọng người khác. Một kẻ biết mang lại tiền tài lại cho bạn bè.

Trước kia hắn là Jimmy Khu Hạ, bây giờ hắn vẫn là Jimmy Khu Hạ, và những con người bắt đầu tụ tập dưới đường theo dõi cuộc diễu hành kia – tất cả bọn họ đều yêu mến hắn. Họ lo lắng cho hắn và muốn chia sẻ nỗi đau của hắn hết mức có thể. Và hắn đã làm gì để đền đáp lại sự thương yêu đó? Điều này khiến hắn suy nghĩ. Hắn thực sự có thể làm gì để đáp trả?

Gần đây nhất của khu phố này kể từ khi băng nhóm của Louie Jello bị cảnh sát liên bang và luật chống hoạt động băng đảng phạm tội làm cho tan rã là việc bảo kê khu phố đường như đã rơi vào tay, hùm, Bobby O'Donnel? Bobby O'Donnell và Roman Fallow. Hai tên buôn thuốc phiện hạng gà chuyển sang làm bảo kê và cho vay nặng lãi. Jimmy nghe đồn chúng đã đạt được một thỏa thuận ngầm với các băng đảng người Việt ở Rome Basin để cho lượng người Việt nhập cư vào đây tiếp tục gia tăng, rồi cùng nhau phân chia địa bàn và đã ăn mừng liên minh này bằng cách đốt thành tro tiệm hoa của Connie như một lời cảnh cáo đối với bất cứ ai không muốn trả tiền bảo kê cho chúng.

Đó không phải là một cách làm đúng. Mà thượng sách là phải tránh làm ăn ở nơi mình sinh sống hay chớ biến nơi mình sinh sống thành chỗ làm ăn. Nếu biết bảo vệ những người xung quanh, cho họ cuộc sống yên ổn thì đổi lại, để bày tỏ sự biết ơn, họ sẽ trông chừng cho anh và trở thành tai mắt của anh mỗi khi có rắc rối. Đôi khi sự biết ơn ấy xuất hiện dưới hình dạng một chiếc phong bì, một chiếc bánh gato hay một chiếc xe hơi, tùy tâm của họ, giống như một phần thưởng cho công sức của anh đã bỏ ra để bảo vệ cuộc sống yên lành của họ.

Đó chính là thượng sách để quản lý một khu dân cư. Ra tay nghĩa hiệp. Quyền lợi của người khác cũng chính là quyền lợi của mình. Không thể để Bobby O'Donnell và mấy tên học nghề da vàng mắt dẹt kia nghĩ rằng chúng có thể ngênh ngang tới đây muốn làm gì thì làm. Trừ khi chúng không muốn bị đuổi ra mà không còn hai chân để đi nữa.

Jimmy rời khỏi phòng ngủ và nhận ra trong nhà không có ai. Cánh cửa ở cuối hành lang mở rộng và hắn có thể nghe thấy giọng nói Annabeth vang lên từ căn hộ ở tầng trên và tiếng bàn chân nhỏ xíu của các con gái hắn chạy nhón nháo trên sàn gỗ đuổi theo con mèo của Val. Hắn đi vào buồng tắm, mở nước và chờ cho nước ấm rồi mới bước vào, ngửa mặt lên hứng lấy những tia nước dưới vòi hoa sen. Lý do duy nhất khiến O'Donnell và Farrow chưa bao giờ dám quấy rầy cửa hàng của Jimmy là vì chúng biết hắn có quan hệ chặt chẽ với anh em nhà Savage. Và giống như bất cứ ai biết suy nghĩ, O'Donnell rất e dè bọn họ. Và nếu như hắn và Roman sợ đám anh em nhà Savage thì suy ra chúng cũng sẽ sợ Jimmy.

Chúng sợ Jimmy. Jimmy của Khu Hạ. Bởi vì đúng như danh tiếng của hắn, Jimmy là một người rất có đầu óc. Và với anh em nhà Savage ở đằng sau chống lưng thì hắn sẽ có tất cả, sức mạnh, trí tuệ, chả còn sợ hãi bất cứ điều gì. Jimmy Marcus với anh em nhà Savage mà hợp lực với nhau thì họ có thể...

Sao chứ?

Khiến khu phố này an toàn như nó xứng đáng được vậy.

Và điều hành cả cái thành phố khốn kiếp này.

Biến nó thành của mình, làm chủ nó.

“Xin đừng, Jimmy. Chúa ơi. Tôi muốn gặp vợ tôi. Tôi muốn sống cuộc đời của mình. Jimmy? Xin đừng tước đoạt đi của tôi điều đó. Hãy nhìn tôi!”

Jimmy nhắm mắt lại và cảm thấy những tia nước nóng đang khoan vào sọ hắn. “Hãy nhìn tôi!”

Tôi đang nhìn cậu đây, Dave. Tôi đang nhìn cậu đây.

Jimmy nhìn khuôn mặt van nài của Dave, nước dãi túa ra chả khác gì đám nhớt dãi trên môi và cằm Just Ray Harris mười ba năm về trước.

“Hãy nhìn tôi!”

Tôi đang nhìn, Dave. Tôi đang nhìn đây. Cậu không nên chui ra khỏi chiếc xe đó. Cậu có biết không? Cậu nên đi hẩn. Cậu trở về đây, về khu phố này nhưng không còn nguyên vẹn. Cậu không bao giờ phù hợp với cuộc sống ở đây nữa, Dave, vì bọn chúng đã đầu độc cậu và chất độc đó chỉ chờ cơ hội phát tác.

“Tôi không giết con gái anh, Jimmy. Tôi không giết Katie. Tôi không có, tôi không có.”

Có lẽ cậu đã không làm chuyện đó, Dave. Giờ thì tôi đã biết. Mọi việc bắt đầu sáng tỏ, dường như cậu thực sự không liên quan gì tới chuyện đó cả. Nhưng vẫn có chút khả năng là cảnh sát đã bắt nhầm mấy thằng nhóc ấy, nhưng tôi phải thú nhận rằng, nhìn chung cuộc, có vẻ như cậu thực sự vô tội trong cái chết của Katie.

“Vậy thì sao?”

Nhưng cậu vẫn giết người, Dave. Cậu đã giết một người nào đó. Celeste đã đoán đúng về điều này. Với lại cậu cũng biết chuyện gì sẽ xảy ra với những đứa bé bị lạm dụng.

“Không, Jim. Hãy nói cho tôi xem nào?”

“Rồi chính chúng cũng sẽ biến thành những kẻ lạm dụng trẻ con. Chỉ là vấn đề sớm hay muộn. Chất độc vẫn nằm trong cơ thể cậu và nó cần phải phát tác. Tôi chỉ là muốn bảo vệ các nạn nhân tương lai đáng thương khỏi chất độc của cậu thôi, Dave. Có thể là bảo vệ chính con trai cậu.”

“Đừng có lôi con trai tôi vào chuyện này, hãy để cho nó được yên.”

Được thôi. Thế thì có lẽ là con cái của bạn bè cậu vậy. Nhưng Dave, sớm hay muộn thì cậu cũng sẽ bộc lộ thân phận thực sự của mình.

“Đó là cách cậu tự biện minh cho hành động giết người của mình ư, Jim?”

Một khi đã chui vào chiếc xe đó, Dave, cậu không bao giờ nên quay lại nữa. Đó chính là lý do của tôi đây. Cậu không thuộc về chỗ này. Cậu vẫn chưa hiểu sao? Đó chính là tính chất của một khu phố - là nơi những người giống nhau, gắn bó với nhau cùng sinh sống. Một kẻ khác tuyệt đối không được hoan nghênh.

Giọng Dave xuyên qua làn nước và âm vang trong đầu Jimmy. “Tôi hiện đang cư trú trong người cậu. Cậu không thể nào khiến tôi im lặng.”

Có chứ, Dave, tôi hoàn toàn có thể làm được điều đó.

Và Jimmy tắt vòi nước bước ra khỏi bồn tắm. Hắn lau khô người và hít thứ không khí đầy hơi nước đó vào hai lỗ mũi. Hắn thậm chí cảm thấy đầu óc mình thông suốt hơn lúc trước. Hắn chui đi đám hơi nước trên chiếc cửa sổ nhỏ trong góc buồng tắm và nhìn xuống con hẻm phía sau ngôi nhà. Trời hôm nay nắng và trong trẻo tới mức ngay cả con hẻm đó trông cũng sạch sẽ. Chúa ơi, đúng là một ngày đẹp trời. Một Chủ nhật tuyệt vời. Hoàn hảo cho cuộc điều hành. Hắn sẽ dẫn vợ con xuống phố, nắm tay nhau và ngắm những người đi điều hành, các đội lễ nhạc, xe rước và các quan chức đi thành từng đoàn dưới ánh mặt trời rực rỡ. Và họ sẽ ăn xúc xích, kẹo bông, hắn sẽ mua cho các con cờ và áo sơ mi với biểu tượng của Buckingham. Qua trình hồi phục của hắn sẽ bắt đầu giữa tiếng chũm chọe, tiếng trống, tiếng kèn và tiếng reo hò mừng

vui của khu phố. Mọi thứ sẽ được chữa lành, hân tin như vậy khi họ đứng đó trên vỉa hè ăn mừng ngày khu phố của họ ra đời. Và khi cái chết của Katie lại đè nặng lên họ vào những giờ tiếp theo của buổi tối, khi cơ thể họ bắt đầu có dấu hiệu suy sụp trước sức nặng của con bé thì họ ít nhất cũng đã có một buổi chiều thư giãn vui vẻ để một phần cân bằng nỗi đau. Đó sẽ là bước khởi đầu của sự phục hồi. Tất cả bọn họ sẽ đều nhận thức được rằng, ít nhất thì trong vài tiếng đồng hồ của buổi chiều này họ sẽ được nếm mùi vui vẻ, nếu không nói là sung sướng.

Hắn rời khỏi cửa sổ, vốc nước ấm lên mặt, bôi kem cạo râu lên má và cổ rồi khi bắt đầu cạo râu, hắn chợt vỡ ra một điều, hắn là một người xấu. Nhưng hắn không có cảm giác chần chừ, trong lòng nổ tung vì một phát hiện long trời lở đất. Chỉ là một ý nghĩ vừa lóe lên, một nhận thức mới giống như những ngón tay đang nhẹ nhàng tú lẩy ngực hắn.

Ừ thì mình là người xấu.

Hắn nhìn vào gương và chẳng cảm thấy gì ghê gớm. Hắn yêu các con mình, hắn yêu vợ. Và họ yêu hắn. Họ tìm thấy ở hắn một niềm tin vững chắc. Trên đời này rất ít người có được điều đó.

Hắn đã giết một người đàn ông vì một tội ác mà có lẽ anh ta không phạm phải, nhưng tệ hơn là hắn không cảm thấy ân hận gì lắm. Trước đó rất lâu rồi hắn cũng đã giết một người khác. Và hắn chôn hai người họ dưới đáy dòng sông Kỳ Bí. Hắn thực sự quý mến cả hai người đó, có lẽ với Ray nhỉnh hơn một chút nhưng đúng là hắn thích cả hai. Thế nhưng hắn vẫn giết họ. Vì nguyên tắc.

Hắn nhớ cái lần đứng trên một mỏm đá cạnh bờ sông nhìn gương mặt của Ray chuyển sang trắng bệch, sẽ xuống và chìm dưới làn nước mắt vẫn mở to, chết chóc. Vậy mà trong tất cả những năm sau đó hắn chẳng cảm thấy dằn vặt ghê gớm gì dù vẫn tự nhủ rằng mình đã gây ra tội lỗi. Nhưng cái mà hắn gọi là tội lỗi thực ra là nỗi sợ hãi bị rước lấy nghiệp chướng, rằng những việc hắn làm sẽ trở thành nghiệp chướng giáng xuống đầu người thân của hắn. Cái chết của Katie chính là hoàn thành nghiệp chướng đó – Ray tái sinh trong bụng vợ hắn rồi chui ra để giết Katie không vì nghiệp chướng thì là vì cái gì.

Còn Dave? Họ lồng xích sắt vào lỗ gạch rồi buộc chặt thi thể của Dave rồi khóa hai đầu lại. Sau đó họ nâng thi thể của Dave lên vừa đủ để quăng xuống sông và Jimmy có cảm giác như người chìm xuống đáy sông đó là cậu bé Dave hồi xưa chứ không phải Dave trưởng thành của ngày hôm nay. Chẳng ai biết chính xác được cậu sẽ rơi xuống chỗ nào. Chỉ biết là cậu nằm đó, dưới đáy dòng sông Kỳ Bí và nhìn lên. Hãy ở lại đó, Dave. Hãy ở lại đó.

Sự thật Jimmy chẳng bao giờ hối hận gì nhiều về những việc mà hắn đã làm. Đúng là hắn có nhờ một người quen ở New York gửi cho nhà Harris mỗi tháng năm trăm đô la trong suốt mười ba năm qua nhưng không phải là vì lòng tốt mà chỉ để cho họ tiếp tục nghĩ rằng Just Ray vẫn còn sống và không bao giờ nghĩ tới chuyện đi tìm hắn. Bây giờ, khi con trai Ray phải ngồi tù thì mặc xác, hắn sẽ không gửi tiền nữa. Dùng tiền đó vào việc nào khác có ích hơn.

Hắn quyết định sẽ dùng tiền đó cho khu phố. Sẽ dùng chúng để bảo vệ khu phố của mình. Khi nhìn mình trong gương, hắn một lần nữa xác định, khu phố này chính là của hắn. Từ giây phút này trở đi hắn sẽ là chủ nhân của khu phố này. Hắn đã sống lừa dối suốt mười ba năm qua, giả vờ suy nghĩ như một công nhân gương mẫu và bỏ phí không biết bao cơ hội làm ăn lớn. Họ sẽ xây dựng một sân vận động ở đây? Được thôi. Hãy nói về những công nhân mà chúng ta đại diện? Được thôi. Nhưng tốt hơn hết các anh nên để mắt tới đám máy móc của mình, lũ ngốc. Ghét nhất là xảy ra những chuyện hỏa hoạn với đám máy móc đó.

Hắn sẽ ngồi sẽ ngồi xuống với Val và Kevin thảo luận tương lai của mình. Thị trấn này đang chờ được khai quật. Và Bobby O'Donnell nữa. Tương lai của hắn sẽ không sáng sủa chút nào nếu hắn tiếp tục quanh quẩn ở East Bucky.

Hắn kết thúc việc cạo râu, nhìn lại mình một lần nữa trong gương. Hắn là người xấu? Thì cứ như thế đi. Hắn có thể sống với điều đó vì trong tim hắn có tình yêu và trong lòng hắn có niềm tin. Tương quan lực lượng hoá ra cũng khá cân bằng.

Hắn mặc quần áo. Trong lúc đi qua bếp hắn có cảm giác như người đàn ông mà hắn giả dạng suốt bằng ấy năm vừa trôi tụt xuống cống cùng với nước bẩn. Hắn nghe thấy tiếng mấy đứa con gái hắn ré lên cười, chắc là bị con mèo của Val liếm mặt và nghĩ, Chúa ơi, âm thanh đó mới tuyệt vời làm sao.

Trên phố, Sean và Lauren tìm thấy một chỗ trước quán cà phê Nate & Nancy. Nora đang ngủ trong xe đẩy và họ đặt con bé dưới bóng râm của mái hiên. Hai người đứng dựa lưng vào tường ăn kem ốc quế. Sean nhìn vợ mình và tự hỏi không biết hai người bọn họ có thể vượt qua cơn sóng gió này hay một năm dài chia cắt đã gây ra quá nhiều thương tổn, hủy hoại tình yêu của họ cùng tất cả những năm tháng tươi đẹp của cuộc hôn nhân trước kia. Lauren nắm lấy tay anh siết chặt và anh nhìn xuống con gái mình. Con bé trông thật đáng yêu, giống như một cô công chúa nhỏ, khiến lòng anh tràn ngập ấm áp.

Xuyên qua đám diễu hành dưới lòng đường, Sean thấy Jimmy và Annabeth Marcus cùng hai cô con gái nhỏ xinh xắn của họ ngồi vắt vẻo trên vai Val và Kevin Savage vậy ta chào đón từng chiếc xe rước và xe mui trần diễu qua.

Hai trăm mười sáu năm về trước người ta đã cho xây nhà tù đầu tiên trong vùng dọc theo bờ con kênh mang tên nó. Những cư dân đầu tiên của Buckingham là những người quản ngục cùng gia đình họ và vợ con của các phạm nhân đó. Đó không phải là một thỏa ước dễ dàng. Khi những người tù mãn hạn, họ thường đã quá mệt mỏi hay già yếu để chuyển đi chỗ khác và Buckingham nhanh chóng được biết đến như một nơi chứa chấp các thành phần bất hảo. Các quán rượu mọc lên nhan nhản dọc theo đại lộ chính, trên các con phố bẩn thỉu của nó trong khi gia đình những người quản ngục chiếm lĩnh những quả đồi và xây nhà mình trên khu Thượng để một lần nữa nhìn xuống những người mà họ quản thúc. Những năm 1800, việc chăn nuôi gia súc bùng nổ, những bãi rào chăn nuôi gia súc và lò mổ bùng nổ, những bãi rào chăn nuôi gia súc và lò mổ mọc lên như nấm xung quanh khu vực đường cao tốc hiện nay, một đường tàu chở hàng chạy song song trên phố Sydney và đám gia súc xuống tàu ở đây sẽ được dẫn vào trung tâm theo đúng lộ trình của đoàn diễu hành lúc này. Các thể hệ gia đình tù nhân và truyền nhân của những người làm việc trong các lò giết mổ súc vật ngày càng đẩy về khu Hạ về sát với đường tàu. Nhà tù đóng cửa sau một động thái cải cách từ lâu đã bị quên lãng và rồi cơn sốt chăn nuôi cũng chấm dứt nhưng những quán rượu vẫn không ngừng mọc lên. Làn sóng những người nhập cư gốc Ailen tràn vào, kế tiếp dòng người nhập cư gốc Ý nhưng với lực lượng đông đảo gấp đôi và tuyến đường sắt trên cao ra đời khiến mọi người đổ xô vào thành phố kiếm việc làm nhưng hết ngày lại quay về đây. Mọi người quay lại vì chính họ đã dựng lên cái làng này, biết rõ những mối nguy cũng như ưu điểm của nó và điều quan trọng nhất là ở đây không có gì khiến họ ngạc nhiên. Từ những vụ ăn dút, chém giết đẫm máu, hay những vụ ẩu đả trong quán bar, những trận khúc côn cầu trên phố hay những cuộc làm tình sáng thứ Bảy đều có logic riêng của nó. Một logic mà người ngoài không nhìn thấy được. Và chính vì vậy mà người lạ không được hoan nghênh ở đây.

Lauren dựa vào người anh, đầu cô chạm vào cằm anh và Sean cảm thấy mối hoài nghi trĩu nặng trong lòng anh nhưng đồng thời cả sự quyết tâm và khao khát xây dựng lại niềm tin. Cô nói, “Anh có sợ lắm không khi thằng bé đó chìa súng vào mặt anh?”

“Em muốn biết sự thật?”

“Vâng.”

“Xém chút nữa thì không còn điều khiển được bàng quang.”

Cô nhích mái đầu đang tựa vào cằm anh ra để nhìn anh. “Thật ư?”

“Ừ.”

“Lúc đó anh có nghĩ tới em không?”

“Anh có. Anh nghĩ tới hai mẹ con em.”

“Anh nghĩ gì?”

“Anh nghĩ tới quang cảnh này, tới ngày hôm nay.”

“Về cuộc diễu hành và mọi thứ?”

Anh gật đầu.

Cô hôn lên gáy anh. “Anh chỉ nói nhăng nói cuội, nhưng mà em vẫn thích khi nghe anh nói thế.”

“Anh không nói dối.” anh nói.

Cô nhìn xuống Nora. “Con bé có đôi mắt của anh.”

“Và cái mũi của em.”

Cô nhìn con gái họ và nói, “Em hi vọng chuyện của chúng ta sẽ đâu vào đó.”

“Anh cũng vậy,” anh nói và hôn cô.

Họ lại đứng dựa lưng vào tường, một dòng người không ngừng chuyển động dọc theo vỉa hè trước mặt họ và Celeste đột nhiên xuất hiện. Da cô tái mét, tóc lấm tấm gàu và không ngừng kéo các ngón tay như thể muốn lôi chúng ra khỏi các khớp xương.

Cô chớp mắt nhìn Sean và nói, “Chào anh, nhân viên Devine.”

Sean chìa tay ra vì trông Celeste có vẻ rất cần ai đó nói chuyện, nếu không thì sẽ tan biến mất. “Chào Celeste. Gọi tôi là Sean được mà.”

Cô bắt tay anh. Tay cô nhơm nhóp, những ngón tay nóng rực, và buông ra ngay khi tay họ chạm vào nhau.

Sean nói, “Đây là Lauren, vợ tôi.”

“Xin chào,” Lauren nói.

“Chào cô.”

Trong giây lát không ai trong ba người họ biết nói gì. Họ đứng đó, yên lặng, hơi lúng túng và rồi Celeste nhìn sang phía bên kia đường và Sean dõi theo ánh mắt của cô tới chỗ Jimmy đang đứng đó vòng tay ôm lấy Annabeth, hai người bọn họ trông rực rỡ tựa ánh nắng, vây quanh bởi bạn bè và người thân. Trông họ như sẽ không bao giờ để tuột khỏi tay bất cứ thứ gì nữa.

Celeste nói, “Hắn đã giết chồng tôi.”

Sean cảm thấy Lauren đang nhìn anh sững sờ.

“Tôi biết. Hiện giờ tôi chưa thể chứng minh được nhưng tôi biết là hắn.”

“Anh sẽ làm được chứ?”

“Làm gì cơ?”

“Chứng minh hắn là thủ phạm?” cô nói.

“Tôi sẽ cố gắng, Celeste. Tôi xin thề có Chúa.”

Celeste nhìn ra đại lộ và điên cuồng gãi đầu như thể đang tìm chấy. “Gần đây, đầu óc tôi gần như không biết thế nào là phải trái nữa.” Cô cười. “Nghe thật ngớ ngẩn đúng không? Nhưng tôi không thể. Thực sự là không thể phân biệt được nữa.”

Sean vươn tay nắm lấy cổ tay cô. Cô ngược lên nhìn anh, đôi mắt nâu của cô già hẳn đi và đầy vẻ điên dại. Cứ như cô đang nghĩ anh sẽ tát cô.

Anh nói. “Tôi có thể đưa cho cô tên của một bác sĩ, Celeste, một chuyên gia về những người bị mất thân nhân trong những tội ác nghiêm trọng.”

Cô gạt đầu mặc dù những lời của anh dường như chẳng đem lại chút an ủi nào. Cô vùng tay ra khỏi tay anh và lại tiếp tục kéo các ngón tay của mình. Cô để ý thấy Lauren đang quan sát mình liên tục nhìn xuống các ngón tay. Cô buông chúng ra rồi lại giơ lên, cuối cùng khoanh lại trước ngực rồi giấu hai bàn tay xuống dưới khuỷu, cứ như sợ chúng bay đi mất. Sean để ý thấy Lauren hơi do dự mỉm cười, một biểu hiện của sự đồng cảm với nỗi đau khổ của người khác và anh ngạc nhiên thấy Celeste cũng đáp lại bằng một nụ cười và sự biết ơn trong mắt.

Anh cảm thấy yêu vợ mình sâu đậm và có cảm giác trở nên nhỏ bé trước khả năng tương thân tương ái của cô đối với những người trong hoàn cảnh thiết thời. Cho tới lúc này anh tin rằng kẻ phá hoại cuộc hôn nhân của họ chính là anh với sự ích kỷ và cái tôi quá lớn của nghề nghiệp, sự khinh bỉ tích tụ của anh đối với lỗi lầm và khiếm khuyết của con người.

Anh vươn tay vuốt má Lauren và cử chỉ đó khiến Celeste ngại ngùng quay mặt đi.

Cô nhìn xuống đại lộ, xuống chiếc xe rước hình chiếc ghế tay bóng chày đang lướt qua, bám trên thành xe là những cầu thủ bóng chày nhỏ tuổi mặt mũi tươi rói, ra sức vẫy tay, sung sướng phát cuồng vì sự ngưỡng mộ của người xem.

Có gì đó ở cái xe rước hình ghế tay khiến Sean lạnh buốt sống lưng, giống như chiếc ghế khổng lồ không che chở cho lũ trẻ mà đang âm mưu nhốt chúng lại mà bọn nhóc vẫn tươi cười hớn hở không hề hay biết.

Trừ một thằng bé. Nó ngồi rúm lại một góc, đầu cúi xuống là lập tức Sean nhận ra: Đó là con trai của Dave.

“Michael!” Celeste vẫy thằng bé nhưng nó không hề nhìn lại. Mắt nó vẫn nhìn xuống dù mẹ liên tục gọi tên nó. “Michael, cưng ơi! Con trai yêu quý này, Michael!”

Chiếc xe rước tiếp tục trôi đi, Celeste tiếp tục gọi và con trai cô tiếp tục khước từ nhìn về phía mẹ mình. Sean có thể nhìn thấy một Dave trẻ hơn trên đôi vai thằng bé, ở cái cằm râu xuống và vẻ ngoài gần như thanh tú của nó.

“Michael!” Celeste vẫn gọi. Cô kéo các ngón tay của mình và bước hẳn xuống lòng đường.

Chiếc xe rước đã đi qua chỗ họ nhưng Celeste vẫn đi theo nó, di chuyển trong đám đông và không ngừng vẫy gọi con trai mình.

Anh cảm thấy Lauren đang vợ vắn vuốt tay anh và nhìn sang bên kia đường về phía Jimmy. Cho dù mắt cả đời, anh cũng sẽ bắt được hẳn. Cậu có nhìn thấy tôi không hả Jimmy? Nhìn sang đây lần nữa đi nào.

Và Jimmy khẽ quay ra và mỉm cười với Sean.

Sean giơ tay lên, ngón cái dựng lên, ngón trỏ chìa thẳng ra như hình khẩu súng rồi gập ngón cái xuống và bóp cò.

Jimmy toét miệng cười đáp lại.

“Người phụ nữ đó là ai?” Lauren hỏi.

Sean nhìn Celeste đang lóc cóc đi theo đám đông xem diễu hành, bóng dáng mỗi lúc một nhỏ đi, khi chiếc xe rước tiếp tục tiến về phía trước, tà áo bay phấp phới sau lưng.

“Một người vợ mất chồng,” Sean đáp.

Và anh nghĩ tới Dave Boyle, thậm chí mong giá như anh có thể mời cậu ấy cái ly bia mà anh đã hứa ngày thẩm vấn thứ hai. Giá như anh có thể đối xử tử tế hơn với Dave khi còn nhỏ, giá như cha không bỏ rơi cậu ấy còn mẹ thì không mắc bệnh thần kinh và biết bao nhiêu điều bất hạnh khác xảy ra với Dave. Đứng đó trên con đường diễu hành giữa từng bùng lễ hội với vợ và con mình, anh mong ước biết bao điều tốt đẹp cho Dave Boyle. Nhưng hơn tất cả, anh mong Dave bình an. Trên hết, anh hy vọng rằng Dave, cho dù cậu ấy đang ở đâu đi nữa thì cũng tìm được cho mình một chút bình an.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/dong-song-ky-bi>